

NHỮNG THÍ-DỤ và ẨM-DỤ

CỦA

CHÚA CHÚNG TA

do CAMPHELL MORGAN D.D.



NHỮNG THÍ-DỤ và ẮN-DỤ

CỦA

CHÚA CHÚNG TA

do CAMPHELL MORGAN D.D.



PHÒNG SÁCH TIN-LÀNH

Hộp thư 329, Saigon

XUẤT-BẢN 1967

Parables and Metaphores of our Lord

Vietnamese Edition

Copyright 2015 Voice Media

info@VM1.global

Web home: www.VM1.global

All rights reserved. No part of the publication may be reproduced, distributed or transmitted in any form or by any means, including photocopying, recording, or other electronic, or mechanical methods, without the prior written permission of the publisher, except in the case of brief quotations embodied in critical reviews and certain other noncommercial uses permitted by copyright law. For permission requests, email the publisher, addressed “Attention: Permission Coordinator,” at the address above.

This publication **may not be sold, and is for free distribution** only.

Lời nói đầu

Những bài thuyết-trình này được giảng cho Trường Kinh-Thánh Westminster, được ghi chép lại theo lối tốc-ký và in ra không sửa đổi nội-dung.

Phương-pháp ở đây là tuần-tự đi từ mỗi sách Tin-Lành, khảo-sát những thí-dụ và hình-ảnh thí-dụ trong đó, nhưng không khảo-sát lại những thí-dụ lập lại trong những sách Tin-Lành khác. Theo nguyên-tắc này thì Méc chỉ có một thí-dụ thôi.

G. C. M.

Nội-dung

PHẦN I

- 1 — Phương-pháp thí-dụ
- 2 — Những hình-ảnh thí-dụ trong Bài Giảng Trên Núi (1)
- 3 — Những hình-ảnh thí-dụ trong Bài Giảng Trên Núi (2)
- 4 — Những hình-ảnh thí-dụ trong Bài Giảng Trên Núi (3)
- 5 — Những hình-ảnh thí-dụ. Ma-thi-ơ IX và X
- 6 — Những hình-ảnh thí-dụ Ma-thi-ơ XI và XII
- 7 — Kế-hoạch tổng-quát Ma-thi-ơ XIII
- 8 — Người gieo giống Ma-thi-ơ 13 : 3-9, 18-23
- 9 — Cỏ lùng. Ma-thi-ơ 13 : 24-30, 36-43
- 10 — Hột cải. Ma-thi-ơ 13 : 31, 32
- 11 — Bọt có men Dậy lên Ma-thi-ơ 13 : 33
- 12 — Cửa báu chôn giấu. Ma-thi-ơ 13 : 44
- 13 — Ngọc trai. Ma-thi-ơ 13 : 45, 46
- 14 — Lưới thả Cá. Ma-thi-ơ 13 : 47 — 50
- 15 — Người Chủ nhà. Ma-thi-ơ 13 : 51, 52
- 16 — Những hình-ảnh thí-dụ. Ma-thi-ơ XV
- 17 — Những hình-ảnh thí-dụ. Ma-thi-ơ XVI
- 18 — Một Thí-dụ và những hình-ảnh thí-dụ. Ma-thi-ơ XVII và XVIII
- 19 — Những hình-ảnh thí-dụ. Ma-thi-ơ XIX : 12, 24
- 20 — Những Kẻ làm công trong Vườn nho. Ma-thi-ơ 20 : 1-16
- 21 — Lời rửa-sả cây vả. Ma-thi-ơ 21 : 18-22
- 22 — Hai Con Trai và các Nông-dân. Ma-thi-ơ 21 : 28-44
- 23 — Tiệc Cưới. Ma-thi-ơ 22: 1-14

- 24 — Những hình-ảnh thí-dụ. Ma-thi-ơ XXIII
- 25 — Những hình-ảnh thí-dụ. Ma-thi-ơ XXIV
- 26 — Mười Người Nữ Đồng-trình. Ma-thi-ơ 25 : 1-13
- 27 — Các Ta-lăng. Ma-thi-ơ 25 : 14-30
- 28 — Chiên và Dê, Ma-thi-ơ 25 : 31-46
- 29 — Sự Tăng-trưởng của Hột Giống. Mác 4 : 26-29

PHẦN II

- 30 — Hai Người Mắc nợ. Lu-ca 7 : 41-43
- 31 — Người Sa-ma-ri Nhơn-lành. Lu-ca 10 : 25-37
- 32 — Những hình-ảnh thí-dụ. Lu-ca. XI
- 33 — Người Nhà Giàu khờ-dại. Lu-ca 12 : 13-21
- 34 — Các đầy-tớ thức-canh. Lu-ca 12 : 41-48
- 35 — Cây vả cần-cối. Lu-ca 13 : 6-9
- 36 — Tiệc Yến lớn. Lu-ca 14 : 15-24
- 37 — Hai hình-ảnh thí-dụ. Lu-ca 14 : 25-35
- 38 — Thí-dụ và những Vật bị mất. Lu-ca 15 : 3-32
- 39 — Quân-gia Bất-trung. Lu-ca 16 : 1-13
- 40 — Người nhà Giàu và La-xa-rơ. Lu-ca 16 : 19-31
- 41 — Đầy-tớ Vô-ích. Lu-ca 17 : 5-10
- 42 — Quan-Án không công-bình. Lu-ca 18 : 1-8
- 43 — Người Pha-ri-si và kẻ Thâu-thuế. Lu-ca 8 : 9-14
- 44 — Những Nén bạc. Lu-ca 19 : 11-28
- 45 — Người Đá. Giảng 1 : 40-42
- 46 — Thiên-sứ và chiếc Thang. Giảng 1 : 47-51
- 47 — Đền-thờ của Thân-thể Ngài. Giảng 2 : 13-22
- 48 — Gió và Thánh-Linh. Giảng 3 : 8
- 49 — Con Rắn được Treo lên, Giảng 3 : 14

- 50 — Nước Hằng Sống. Giảng 4 : 1-15
- 51 — Đuốc của Lời tiên-trị. Giảng 5 : 35
- 52 — Bánh Sự Sống. Giảng 6 : 35-58
- 53 — Thịt và Huyết. Giảng 6 : 53-58
- 54 — Những con sông. Giảng 7 : 37-39
- 55 — Sự sáng. Giảng 8 : 12
- 56 — Cửa của Chiên. Giảng 10 : 1-9
- 57 — Người Chăn Hiên-lành. Giảng 10 : 11-18
- 58 — Sự Chết như Giấc Ngủ. Giảng 11 : 15, 23-26 a
- 59 — Một Hột lúa Mi. Giảng 12 : 20-26
- 60 — Sự Rửa Chơn. Giảng 13 : 1-11
- 61 — Nhà Cha và Nhiều Chỗ ở. Giảng 14 : 2-6
- 62 — Cây Nho. Giảng 15
- 63 — Một Người Đàn-bà Đau-đớn lúc sanh-đẻ.
Giảng 16 : 21, 22.



PHẦN I

I. PHƯƠNG-PHÁP THÍ-DỤ

Mác 4 : 1, 2a, 10-12, 21-25, 33, 34

VIỆC cần-thiết đầu-tiên của chúng ta là phải xem-xét phương-pháp ám-tỉ hoặc thí-dụ của Chúa chúng ta, vì có vài người đã giải-thích sai lý-do Ngài dùng phương-pháp này. Có hai sự kiện hiển-nhiên : thứ nhất, Chúa chúng ta đã dùng phương-pháp thí-dụ ; và thứ hai, ở một chặng riêng-biệt trong chức-vụ, Ngài lại sử-dụng một cách mới-mẽ hơn.

Đoạn thứ tư của Tin-Lành Mác mở đầu với câu là hôm ấy Chúa Jêsus đi ra khỏi nhà, bước vào một chiếc thuyền và "lấy thí-dụ dạy-dỗ họ nhiều điều." Câu ba mươi ba và ba mươi tư bảo : "Ấy bởi nhiều lời thí-dụ như cách ấy mà Ngài giảng đạo cho họ... và Ngài chẳng hề giảng cho chúng mà không dùng thí-dụ." Thế có nghĩa là Ngài luôn luôn dùng thí-dụ trong mọi lời Ngài nói với đoàn dân. Trong ba mươi bốn câu này, có hai phần nói về lý-do vì sao Ngài dùng phương-pháp thí-dụ. Phần thứ nhất từ câu mười đến câu mười hai. Tại đây Ngài trả lời câu hỏi và bảo cho môn-đồ biết lý-do Ngài dùng phương-pháp này. Phần thứ hai trong câu hai mươi một đến hai mươi lăm, giải-thích lại phương-pháp của Ngài.

Trong phần đầu Ngài không giải-thích trọn-vẹn, vì thế phải có phần hai bổ-túc. Trong đoạn giải-thích đầu-tiên, chúng ta gặp phải một khó-khăn mà sau này ta sẽ xác-định cùng xem-xét để từ đó rút ra vài kết-luận.

Lúc này trong cuộc đời chức-vụ của Chúa Jêsus, Ngài

đặc-biệt dùng lối thí-dụ để nói với đám đông. Trước đó, Ngài đã từng dùng những hình-ảnh tỉ-dụ để nói với người đàn bà Sa-ma-ri, khi đề cập đến nước hằng sống với các môn đồ, khi Ngài bảo họ rằng đồng lúa đã vàng sẵn cho mùa gặt ; tại Na-xa-rét, khi Ngài nói về người y-si với công tác chữa bệnh một lần nữa, Ngài lại nói với môn-đồ về việc đánh lưới người ; và trong Lời tuyên-bố của Ngài, về muối, ánh sáng và sự xây-cất. Nhưng thí-dụ trọn-vẹn đầu-tiên ấy là người gieo giống, được nêu ra đúng vào lúc này.

Trở lại con đường chức-vụ của Chúa chúng ta, có lúc chúng ta hẳn phải bắt gặp thái-độ chống-đối cương-quyết và tích cực đã làm cứng lòng người cách lạ thường. Trong nhà hội tại thành Ca-bê-na-um, người ta thách-đố Ngài, vì Ngài đã tuyên-bố có thể tha tội. Trong nhà Lê-vi, Ngài đối-diện với khiêu-khích vì đã cho phép môn-đồ bỏ lệ kiêng ăn, và vì Ngài giao-thiệp với tội-nhân. Trong ruộng lúa, Ngài bị chỉ-trích vì đã để cho môn-đồ bứt bông lúa mì vào ngày Sa-bát. Trong nhà hội, ngày Sa-bát tiếp theo, người ta cũng lại thách-đố và bàn kế giết Ngài. Một lần nữa, trong nhà tại thành Ca-bê-na-um, người ta buộc tội Ngài là đồng-lỏa với qui-sứ. Tất cả những điều này đã gây ảnh-hưởng trong tâm-trí dân-chúng. Trong đoạn ba, chúng ta thấy chép : "Ngài lấy mắt liếc họ, vừa giận vừa buồn vì lòng họ cứng-cỏi." Đó là tình-trạng tinh-thần của thời-đại, của lớp người cai-trị có ảnh-hưởng trên đám đông. Sự cứng lòng này có nghĩa là chai đá, mù-loà, cương-quyết không chịu nghe, cũng chẳng chịu vâng lời : hoặc nếu nghe thì chỉ nghe với thái-độ chỉ-trích và phá-hoại.

Đó là lúc Chúa Jêsus dùng lối tỉ-dụ nói với dân-chúng. Khi tấm lòng cứng-cỏi của họ khiến Ngài nổi giận, Ngài bắt đầu dùng thí-dụ dưới hình-thức rất rõ-ràng và rộng-rãi ; cơn giận Ngài chính là kết quả lòng nhờn-từ Ngài trước thái-độ của họ.

Khó-khăn ở đây là trong câu mười đến câu mười hai.

Người ta đã bàn-tán nhiều về điểm này và có những lối giải-thích khác nhau. Nghĩa đen của mấy câu này là Chúa Jê-sus dùng lối thí-dụ để dân-chúng không thể hiểu và không được tha - thứ. Đó là cảm-tưởng đầu tiên khi đọc khúc này.

Có hai cách giải-quyết khó-khẩn này. Cách thứ nhất là thừa nhận đây là một lẽ thật phải được chấp-nhận dù chưa hiểu gì cả. Vài giáo-sư và nhà bình-luận Kinh-Thánh cho rằng ở đây Chúa chúng ta dụng-ý dùng phương-pháp thí-dụ để người ta không thể nhìn thấy, hoặc hiểu-biết hay là được tha-thứ. Cách thứ hai để giải-quyết đoạn này là cho rằng lời nói này không đúng, Ngài không bao giờ nói thế, và vì vậy, đoạn này không đáng tin-cậy. Cách thứ hai này không thể tin được đối với kẻ nghĩ rằng lời ghi chép đúng với sự thật.

Nhưng khó-khẩn ở đây có phải vì nghi-ngờ những điều chép trong đoạn này hay vì cách giải-thích dài dòng hoặc giải-thích sai-lầm? Phải chăng vì lý-do phương-pháp thí-dụ mà con người không thể hiểu được và do đó, bị loại trừ khỏi sự thương-xót của Đức Chúa Trời sao? Nếu thế thì thật là phạm-thương và mâu-thuẫn với toàn thể mục-đích của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ, và của Christ trong thế-gian. Vậy, chúng ta phải nhìn vấn-đề này cách đặc-biệt hơn một chút.

Một điểm quan-trọng cần nhớ là lối kể chuyện của Mác rất súc-tích; của Lu-ca lại càng súc-tích hơn. Còn lối thuật của Ma-thi-ơ dài dòng hơn. Trong đoạn mười ba của sách Tin-Lành này, sau thí-dụ về người gieo giống, « Môn-đồ bèn đến gần Ngài mà hỏi rằng : Sao Thầy dùng thí-dụ mà phán cùng chúng vậy? » Và Ngài đáp : « Bởi vì đã ban cho các người được biết những điều mầu-nhiệm của Nước thiên-đàng, song về phần họ, thì không ban cho biết. Vì sẽ cho thêm kẻ nào đã có, thì họ sẽ được dư-dật; nhưng kẻ nào không có, thì lại cất luôn đều họ đã có nữa. Vậy nên Ta

phán thí-dụ cùng chúng ; vì họ xem mà không thấy, lắng tai mà không nghe, và không hiểu chi hết.» Nhận-xét kỹ sự thay đổi. «Xem mà không thấy», chứ chẳng phải họ không được phép xem.» «Lắng tai mà không nghe, và không hiểu chi hết.» Họ đang xem nhưng không thấy. Họ đang lắng tai nghe mà không hiểu gì. Vì thế, Ngài dùng thí-dụ nói với họ.

Lúc ấy Chúa chúng ta mới trưng-dẫn Ê-sai, và Ma-thi-ơ viết : «Vây, về họ, đã được ứng-nghiệm Lời tiên-tri của Ê-sai rằng : Các người sẽ lắng tai nghe, mà chẳng hiểu chi ; lấy mắt xem mà chẳng thấy chi.» Vì sao ?

«Vì lòng dân này đã cứng-cỏi, đã làm cho nặng tai và nhắm mắt mình lại ; e...» Cả Ma-thi-ơ lẫn Mác đều dùng chữ «e», tuy nhiên chữ này cần có một tương-quan nội-dung rộng-rãi hơn điều Mác đã trưng-dẫn—Chữ «e» là «e» về thái-độ họ, sự cứng lòng của họ, về thái-độ vô-tin ngoan-cố của họ. Ngài buồn-bã vì lòng cứng-cỏi của họ và đó là lý-do Ngài dùng lối thí-dụ. Họ đã làm lòng mình cứng lại cho đến khi họ trở nên ngu-dốt ; cho đến khi dù có mắt để nhìn họ vẫn bị mù-lòa. Đó là thái-độ của họ. Họ đã làm vậy kéo sợ rằng sẽ bị kéo lại gần Đức Chúa Trời, bị dừng lại và được tha-thứ. Họ không biết gì về cuối cùng đó, nhưng đó chính là tình-trạng của họ.

Nghĩ xa hơn một chút nữa. Theo Ma-thi-ơ, các môn-đồ đã hỏi lý-do dùng những thí-dụ này. Câu trả lời của Chúa ấy là vì có đã ban cho họ biết những sự mầu-nhiệm. Ngài bảo các môn-đồ rằng sự khác-biệt trong phương-pháp là kết-quả sự khác-biệt trong mỗi tương-quan. Đối với những môn-đồ biết vâng-phục, thuận-phục Ngài, thì những sự mầu-nhiệm được phơi-bày ra. Còn đối với người ở ngoài, là những kẻ không chịu thuận-phục, không chịu vâng lời, những kẻ khước-từ và cứng lòng, thì phương-pháp thí-dụ là điều cần-thiết.

Hãy tiếp tục xem từ câu hai mươi mốt đến hai mươi lăm trong sách Mác đoạn bốn này. Ngài dùng cái đèn để làm hình-ảnh thí-dụ. Đèn này không để dưới cái thùng vì sẽ tắt mắt, nhưng để trên chơn đèn. Vì thế, thí-dụ là một cái đèn, cái đèn chiếu sáng. Mục-đích nó không phải để che-giấu sự vật nhưng là mang sự vật bị che lấp ra ánh-sáng. Bởi thái-độ họ, những người này không thể tiếp-nhận những sự màu-nhiệm, những sự việc sâu-xa về Nước Đức Chúa Trời. Các môn-đồ Ngài có thể nhận những huyền-nhiệm này ; nhưng đối với người ngoài thì thí-dụ là một ngọn đèn. Chẳng có điều gì giấu kín mà không được tỏ ra. Chẳng có bí-ẩn nào lại không bị lộ ra. Ngài cho họ những hình-ảnh thí-dụ, hầu cho họ có thể dò-xét. Mục-đích của câu chuyện, của bức tranh là lôi-cuốn họ suy-nghĩ, để họ có thể tìm thấy con đường lên đến sự màu-nhiệm cao-xa hơn.

Vì thế điểm quan-trọng ở đây là câu-chuyện trong Mác cần phải được giải nghĩa bằng câu chuyện-đầy đủ hơn trong Ma-thi-ơ. Hãy lấy thí-dụ ba câu chuyện đặc-biệt bao-hàm một đại-đề, chép trong sách Lu-ca đoạn 15, về con chiên đi lạc, miếng bạc bị lạc mất và đứa con trai hoang-dàng. Thí-dụ này được đem nói với đám người đại-khờ, chống-đối Chúa Jê-sus. Trong câu chuyện đó chẳng có gì bí-ẩn về Nước Đức Chúa Trời, mà là trình-bày rất rõ-ràng. Có thể nào chúng ta giả-định rằng Chúa Jê-sus kể câu chuyện những vật bị lạc mất đã tìm lại được để ngăn-cấm những người này đến với Đức Chúa Trời, tìm gặp sự thương-xót chẳng ? Nếu họ đã nghe câu chuyện ấy, đã chú-tâm tìm hiểu ý-nghĩa sâu-xa của nó, thì họ đã tìm thấy được chiều cao, sâu, dài và rộng của lẽ màu-nhiệm về Nước Đức Chúa Trời rồi.

Nói cách khác, thí-dụ luôn luôn là cánh cửa mở vào huyền-nhiệm. Nếu con người muốn suy-gẫm về bức tranh

và tra hỏi, Ngài luôn luôn giải-đáp cho họ. Vì thế mục-đích những thí-dụ chỉ là để chứng-tỏ rằng Ngài muốn đến gần tâm-hồn nhân-loại.

Có một câu rất hay trong Châm-ngôn chép :

« Giấu kín việc nào, ấy là vinh-hiền của Đức Chúa Trời ;

Nhưng dò-xét đều nào, ấy là vinh-hiền của các vua. »

Đều này rất đúng trong thiên-nhiên. Đức Chúa Trời che-giấu điều cao-siêu bên sau những gì có tính-cách nghi-lễ để cho con người có thể dựa theo những điều đã được bày-tỏ mà tìm-tòi, tra-hỏi và tìm được đều bí-ẩn sâu thẳm. Sự vinh-hiền của Đức Chúa Trời ấy là giấu-kín một sự-việc, nhưng sự vinh-hiền của các vua ấy là khám-phá được chân-lý một vấn-đề. Tác-giả không chỉ ngụ-ý nói những vua trên đất này nhưng muốn nhấn mạnh đến bản-chất vương-giả, tức đặc-điểm của con người luôn luôn tìm-kiếm sự huyền-bí.

Lời của Môi-se nói từ xưa cũng chứa-đựng cùng một triết-lý : « Những sự bí-mật thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta ; song những sự bày-tỏ thuộc về chúng ta và con cháu chúng ta đời đời. » Những điều bí-ẩn được đặt tại đó để chúng ta có thể khám-phá chúng. Thiên-nhiên là một đại thí-dụ. Hãy nghĩ đến trái đất, đến sự khảo-cứu, đến những điều con người đã tìm ra. Tất cả đều nằm tại chỗ chúng từ buổi sáng-thế, nhưng lại bị giấu kín thế thôi.

Với lòng kính-cần, chúng ta có thể bảo chính Chúa và toàn-thể sự Hiện-thân của Ngài cũng là một thí-dụ. « Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời ; chỉ Con một ở trong lòng Cha, là Đấng đã giải-bày Cha cho chúng ta biết. » Đó là điều bí-mật kín-giấu, huyền-diệu về Bản-thể của Đức Chúa Trời. Chưa ai từng thấy Bản-thể ấy ; nhưng như

triết-gia xưa đã bảo trong câu chuyện với Gióp :

« Nếu ông dò-xét, há có thể hiểu biết được sự sâu-nhiệm của Đức Chúa Trời, và thấu rõ Đấng Toàn-năng sao ? »

Nhận-xét này hoàn-toàn đúng, tuy-nhiên Đức Chúa Trời đã bày-tỏ chính mình Ngài và nhất là qua Con Ngài. Bởi đó, Con trở nên hình-ảnh, thí-dụ giúp chúng ta tìm thấy chính Đức Chúa Trời, sau khi đã xem-xét và khám-phá.

Vậy thì Chúa chúng ta không chủ-tâm dùng thí-dụ để cấm con người nhìn thấy nhưng là để giúp họ xem thấy. Ngài không muốn cấm họ nghe, nhưng là đánh thức khả-năng nghe của họ. Ngài chẳng phân-cách họ khỏi sự tha-thứ và thương-xót của Đức Chúa Trời nhưng là kéo họ đến gần hơn. Với những hình-ảnh minh-chứng lạ-lùng và những thí-dụ rõ-ràng sau này; chúng ta sẽ thấy Ngài không có ý che-giấu nhưng là vén màn :

« Sự sáng vốn quá ư rực-rỡ,

Đối với nhãn-quang yếu-đuối của một tội-nhân. »

Nếu lẽ thật được tìm thấy trong câu chuyện thì qua câu chuyện ấy, con người có thể tìm thấy được chiều sâu lẫn vẻ huyền-diệu của lẽ màu-nhiệm.

xXx

2. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ TRONG BÀI GIẢNG TRÊN NÚI

Ma-thi-ơ V và VI (1)

HÌNH-ẢNH thí-dụ đầu-tiên được tìm thấy trong Tin-lành Ma-thi-ơ đoạn bốn, khi Chúa Jê-sus gọi các môn-đồ Ngài là « những tay đánh lưới người. » Ở đây, chúng ta tạm gác thí-dụ này sang một bên rồi sẽ nói đến trong đoạn sau, nơi hình-ảnh thí-dụ được dùng cách đặc-biệt hơn. Bài giảng Trên núi rực-rỡ nhờ những hình-ảnh thí-dụ rất là phong-phú. Muối, ánh-sáng, một thành trên núi, ngọn đèn, cái thùng, chơn đèn, nhà, Gehenna, kẻ nghịch, quan-án, thầy đội, nhà tù, ngôi, bệ-chơn, chơn phòng riêng, cửa, sâu mối, ten-rét, kẻ trộm, mắt, tối-tăm, chim, hoa huệ, lò, rác, cây đà, chó, ngọc trai, heo, ð bánh, đá, cá, rắn, cửa, đường đi, chiên, chó sói, trái, nho, bụi gai, trái vả, bụi tậ-lê, cây, lửa, đá, mưa sa, gió, cát. Có cả thảy bốn mươi chín hình-ảnh nhưng đó vẫn chưa phải là tất cả. Những hình-ảnh này đều rất quen-thuộc với mọi người.

Ở đây chúng ta sẽ xem-xét những hình-ảnh được xác-định rõ-ràng hơn là những hình-ảnh chỉ được tình-cờ nhắc đến. Hơn nữa, những hình-ảnh thí-dụ này đều thuộc trong địa-hạt luân-lý, đạo-đức. Bài Giảng Trên Núi là bộ luật tối-hậu của Nước Đức Chúa Trời ở trên đất này. Trong mỗi trường-hợp, chúng ta sẽ cố-gắng tìm chủ-đề mà Chúa chúng ta muốn đề-cập đến khi Ngài dùng một hình-ảnh thí-dụ đặc-biệt để soi sáng.

Trong hai đoạn đầu này, trước hết chúng ta sẽ xem hình-ảnh thí-dụ của muối và sự sáng ; tiếp theo, về sâu-mối, ten-rét và kẻ trộm ; sau hết, là thí-dụ của mắt.

Muối và ánh sáng. Chúa chúng ta đang nói về vấn-

dề gì và Ngài định chứng-minh điều gì ở đây ? Ngài muốn nói đến ảnh-hưởng mà mỗi công-dân của Nước Ngài cần phải có. Ngài bắt đầu nói về những chân hạnh-phúc kỳ-diệu rồi đưa ra vài luật-lệ và chứng-tỏ rằng trong Nước của Ngài, tánh-hạnh giữ địa-vị tối-cao. Ngài tiếp-tục cho ta thấy rằng những lý-do khiến tánh-hạnh được qui-chuộng như thế không thuộc vấn-đề giá-trị cá-nhân nhưng liên-quan đến vấn-đề ảnh-hưởng của tánh-hạnh. Những thí-dụ ở đây thật là kỳ-diệu, kỳ-diệu từ tính-cách chọn-lọc cho đến khả-năng soi sáng và tánh-cách quyết-định của chúng. Trong mỗi câu nói Ngài đều có thẩm-quyền, không phải thẩm-quyền của chủ-nghĩa độc-đoán nhưng là của lẽ thật cố-hữu, thiết-yếu và không sao chối-cãi được.

Ảnh-hưởng này gồm hai khía-cạnh, muối và ánh sáng. Giữa hai hình-ảnh này có điểm khác-biệt, tuy-nhiên vẫn hợp thành một ý-tưởng, « muối của đất » « ánh sáng của thế-gian. »

« Muối của đất. » Giá-trị của muối là gì ? Nó không sát-trùng nhưng tự nó là vô-trùng. Sát-trùng là một chất nghịch lại chất độc và có thể hàn-gắn vết thương. Vô-trùng là một chất tự nó không độc. Muối không bao giờ hàn-gắn sự hư-hoại, nhưng nó ngăn-ngừa sự hư-hoại. Nếu thịt đã bị hôi-thúi rồi thì muối không thể làm cho nó tươi trở lại được. Nhưng muối ở bên cạnh sẽ ngăn-ngừa một chất mà nếu không có muối sẽ bị hư-thúi. Nghĩa bóng ở đây ám-chỉ ảnh-hưởng của một phẩm-tính đạo-đức trên đất này, giữa những con người sống lẫn-lộn trong thế-giới vật-chất, để ngăn-ngừa sự bại-hoại, suy-đồi. Tâm-tánh ô-uế của một kẻ xấu-xa không thể trở lại trong-sạch nhờ có một người tốt làm việc bên cạnh trong cùng một công-sở ; nhưng những hành-động người tốt này không làm cũng như những lời nói người không hề nhắc đến sẽ giúp cậu bé

trong cùng sở làm một dịp-tiện để tránh hư-đốn, vì lúc đó tánh-hạnh của người tốt sẽ ngăn-cản ảnh-hưởng của kẻ xấu-xa kia. Muối có tính-chất vô-trùng.

Nhiệm-vụ của công-dân Nước Ngài là phải sống giữa tình-trạng tội-lỗi kinh-khiếp của nhân-loại và bởi cách sống phù-hợp với đạo-đức của Nước Đức Chúa Trời, họ có bồn-phận ngăn-ngừa ảnh-hưởng của tội-ác. Công việc hàng-gian thuộc về Chúa, chúng ta hãy cảm ơn Đức Chúa Trời. Dù tấm lòng có ô-uế và hư-hoại đến đâu, Ngài vẫn có thể tẩy sạch, biến nên trắng hơn tuyết. Những công-dân Nước Ngài phải sống như thể để những gì tốt-đẹp có thể gây ảnh-hưởng và ngăn-chặn quyền-lực của sự bại-hoại. Đây là ý Chúa chúng ta đã nhấn mạnh bằng một câu châm-biểu nhẹ-nhàng nhưng rõ-ràng và đanh-thép chẳng khác một tia chớp. « Nếu muối mất mặn thì sẽ lấy giống chi làm cho mặn lại được. » Tôi thích lối giải nghĩa của tiếng Tô-cách-Lan ở đây, dịch như sau : « Nếu muối mất vị mặn của nó... « Chữ « vị » rất hay, gọi ta nghĩ đến độ nồng của muối. Chúa Jê-sus bảo dân-sự Ngài phải gây ảnh-hưởng mạnh tương-tự giữa thế-gian này. Đó là trách-nhiệm của chúng ta, dù rằng có thể làm cho người ta khó chịu.

Nhưng lại nữa, phẩm-tính đạo-đức chẳng những chỉ như muối của đất mà còn : « Các người là sự sáng của thế-gian » nữa. Đó là một biểu-lộ tâm-linh mà mỗi công-dân Nước Ngài cần phải chiếu-tỏa cho người chung-quanh. Chúng ta là sự sáng của vũ-trụ, của mọi hiện-hữu có trật-tự, không phải chỉ là của đất, nhưng là của cả thế-giới này. Chúng ta nhớ có một lần khác Thầy chúng ta nói : « Ta là sự sáng của thế-gian. » Liên-kết câu trên với câu này, ám-chỉ chính Ngài, chúng ta hiểu được rằng khi chúng ta đầu-phục Ngài, làm công-dân Nước Ngài, vâng lời Ngài thì chính chúng ta cũng trở thành sự sáng của thế-gian.

Đặc-tính của ánh sáng không phải là để cho người ta nhìn ! Ánh sáng nhờ có khả-năng chói-sáng nên có thể phơi-bày mọi vật. Mặt trời ở trên cao kia, không phải để cho người ta nhìn những tia nắng của nó giúp chúng ta thấy những vật khác rõ-ràng hơn. « Các người là sự sáng của thế-gian. » Hãy để tia sáng các người chiếu-tỏa ra hầu cho người tôn-cao Cha các người. Ánh-sáng của tín-đồ Đấng Christ chiếu vào thế-gian soi rọi mọi trật-tự thế-gian để người ta có thể nhìn thấy lối đi chánh-đáng.

Liên-kết với ý-tưởng này, Chúa chúng ta còn dùng hai hình-ảnh khác : « Một cái thành trên núi » và « một cái đèn... trên chơn đèn. » Thành xây trên núi với mục-đích chiếu sáng những nơi xa. Không một tín-đồ Đấng Christ nào có thể thực-hiện lý-tưởng ấy một mình được. Công-việc đó đòi-hỏi tình thân-hữu, một tương-quan đoàn-thề. Nó đòi-hỏi toàn-thề Hội-Thánh. Mỗi chi-hội phải là một cái thành cất trên núi, chiếu sáng những dặm xa của cuộc đời.

Rồi từ hình-ảnh cái thành trên núi, Ngài nghĩ đến cái nhà và ở đó. Ngài đề-cập đến hình-ảnh chơn đèn, chiếu-rọi cả căn nhà và cùng mọi vật ở gần. Di-nhiên tâm-trí chúng ta sẽ trở về với câu của tác-giả thi-thiên trong Cựu-Uớc :

« Lời Chúa là ngọn đèn cho chơn tôi,

Ánh-sáng cho đường-lối tôi. »

Chúng ta đừng nên lẫn-lộn hai hình-ảnh này. Ánh-sáng từ một nơi cao chiếu xuống vạch-rõ con đường, lối đi. Ánh-sáng rọi đường đi, để chúng ta có thể tìm thấy con đường mình dọc theo lối đi có đèn chiếu sáng. Tác-giả thi-thiên bảo : Lời Chúa là một ngọn đèn. Mỗi tín-đồ nam-nữ đều phải hoàn-toàn một nhiệm-vụ song-đôi trên thế-gian này. Trong tương-quan đoàn-thề, trong mối dây

yêu-thương, thân-hữu, và phục-vụ, cả Hội-Thánh phải soi sáng những nơi xa ; rồi sau đến gia-đình, giữa bốn bức vách, cái đèn chúng ta cũng phải chiếu sáng trên mọi vật trong nhà. Ở đây Đấng Christ nói cái đèn không đặt dưới cái thùng nhưng là trên chơn đèn. Đã lâu, tôi có nghe Tán-sĩ Maclaren, nổi tiếng trong giới bình-giải Kinh-Thánh chú-thích như thế này : « Không ai thắp đèn rồi đặt nó dưới một cái thùng. Nếu vậy, sẽ ra sao ? Hoặc là cái thùng sẽ dập tắt ánh sáng, hoặc ánh sáng sẽ đốt cháy cái thùng ! » Chúng ta có thể ứng-dụng điều này. Đây chính là điều Chúa muốn dạy chúng ta.

Tiếp theo, Ngài dùng ba hình-ảnh khác là sâu-mối, ten-rét và kẻ trộm. Vấn-đề Ngài muốn minh-giải ở đây là sự trống-rỗng của một đời sống chú-trọng về thế-gian này. Ngài tỏ cho chúng ta thấy sống như thế là đại-dột. Ngài dạy cho công-dân Ngài thái-độ đáng phải có đối với những sự vật thiết-yếu và những điều cao hơn hết. Ngài trò-chuyện với họ về việc tích-trữ của-cải và diêm chút mĩa-mai tế-nhị khi nói về những của-cải thuộc về đất « bị » sâu-mối ten-rét làm hư và kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy. » Đây là những hình-ảnh Đông-phương. Thời đó, tài-sản của dân Đông-phương gồm những hàng vải tơ lụa hảo-hạng ; và thuộc kim-loại thì gồm tiền-bạc hay những vật quý có thể bị sét-rỉ. Tài-sản được chôn dưới đất và thường bị mất khi kẻ trộm đào lấy. Sâu-mối, ten-rét làm mọi vật thành vô giá-trị. Kẻ trộm đánh cắp, mọi vật tiêu-tan cả. Nên nhớ rằng kẻ trộm chỉ đánh cắp những vật có thể bị mối đục-khoét và ten-rét ăn mòn. Còn có những của-cải, tài-sản ở trên trời, « chẳng bị sâu-mối ten-rét làm hư, cũng chẳng có kẻ trộm đào ngạch khoét vách mà lấy. » Đó là những của-cải sâu-mối không thể nào đụng đến, ten-rét chẳng hề ăn mòn, kẻ trộm không thể khám-phá được. Ngó-ngàn, đại-dột thay cho những kẻ tưởng rằng giàu-sang

là có nhiều của-cải trên đất này. Nhanh-nhẹn, lặng-lẽ, những sứ-giải phá-hoại luôn luôn tấu-công của-cải ấy và lửa gặm nhấm của Thiên-nhiên cũng âm-thầm hủy-hoại và tiêu-hao kim-loại như vậy. Hiện nay chúng ta thường nghe nói đến kẻ trộm. Đề nhấn mạnh chữ này, hãy chú-ý cách Chúa chúng ta nhả-nbặt châm-biếm những kẻ thật ra trước mặt Đức Chúa Trời chẳng giàu-có tí nào nhưng lại kiêu-hãnh về của-cải mình thâu-lượm được.

Một lần nữa, Ngài dùng hình-ảnh con mắt làm thí-dụ. Đề-tài Ngài đang minh-giải là : Mỗi cuộc đời cần phải có một động-lực, một mục-dịch một tiêu-điểm một khát-vọng. Kết-luận, Ngài nói : « Các người không thể làm tôi Đức Chúa Trời lại làm Ma-môn nữa. » Ngài bảo, mắt là đèn của thân-thể, chớ không phải sự sáng của thân-thể. Hãy nghĩ đến mắt loài người và đến giá-trị của nó. Nếu không ở sự sáng thì mắt hoàn-toàn vô-dụng. Ánh-sáng không có trong chính con mắt, nhưng mắt là phương-tiện giải-nghĩa và áp-dụng ánh-sáng. Mắt giữ nhiệm-vụ điều-hành những chuyển-động của thân-thể. Thật kỳ-diệu cho những ai mất phước-hạnh về thị-giác, lại có những giác-quan khác nhạy-bén hơn. Nhưng những kẻ mù sẽ là người đầu-tiên nhận-nhận rằng luật Thiên-nhiên ấy là mắt là cái đèn chiếu ra ánh sáng và nhờ mắt mà mọi vật đều được phơi-bày vì có ánh sáng.

Tiếp theo, Ngài dùng hai danh-từ khoa-học vô-cùng chính-xác đề-đề-cập đến tình-trạng của mắt, mắt « đơn » (theo bản dịch Anh-ngữ : single) và mắt « xấu. » Cách so-sánh tương-phản ở đây đáng chú-ý là vì không hẳn là một tương-phản đúng nghĩa, so-sánh đơn với kép hoặc tốt với xấu.

Chữ « đơn » ở đây là *aplous*, có nghĩa là một lớp, không bị xếp. Nếu mắt người không có gì phức-tạp bên trong. Ai đã từng đến thăm một thầy thuốc chữa mắt chắc hẳn đã nghe ông ta nhắc đến tiếng loạn-thị rồi. Đây là một định-nghĩa đáng tin-cậy của tiếng này. « Loạn-thị là sự cấu-tạo thiếu-hụt của mắt khiến cho tia sáng không hội-tụ tại một điểm nơi võng-mạc. » Thế có nghĩa là có một lần xếp nào ở đó, một cái gì sai-trật phức-tạp. Mắt không đơn-thuần. Mắt đơn là tương-phản của mắt bị loạn-thị. Chúa Jêsus phán : Nếu mắt người đơn (sáng-sủa) không bị xếp, không có gì sai-trật, thì sao ? Mọi vật được thấy rõ-ràng, đúng với phối-cảnh, và cả thân-thể được soi sáng, tràn-ngập ánh-sáng. Mắt là đèn, và đèn chiếu qua mắt vào khắp thân-thể và không còn gì phức-tạp.

Rồi Ngài đưa ra hình-ảnh tương-phản. « Nếu mắt người xấu, » do chữ *poneros*, nghĩa là gây ảnh-hưởng xấu. Bây giờ, Ngài không đề-cập đến sự cấu-tạo của mắt, vì đã được nhắc đến ở phần trên rồi. Mắt đơn không bao giờ xấu, *poneros*. Ở đây, chữ này không chỉ ngụ-ý một sự nhìn bị thiên-lệch nhưng là cái nhìn xéo hẳn qua một bên. Mọi vật đều biến thành gấp đôi. Mắt như thế gây ảnh-hưởng xấu trên kẻ mang nó và trên kẻ khác nữa. Mắt điều-khiển thân-thể, và nếu mắt sai-lầm, thì tất cả ánh-sáng của Đức Chúa Trời không thể đụng đến kẻ đó được và người bị tối-tăm.

Mắt đơn (hay sáng-sủa) có nghĩa gì ? « Không ai được làm tôi hai chủ... Các người không thể làm tôi Đức Chúa Trời lẫn ma-môn. » Đây là bài học nhấn mạnh sự thiết-yếu của một đời sống hướng về một trung-tâm điểm,

đề có thể nhìn rõ mọi vật. Như thế, những hình-ảnh thí dụ trong Bài Giảng Trên Núi đều hướng về địa-hạt đạo-đức, liên-quan đến Nước và Vương-quyền của Đức Chúa Trời; và trách-nhiệm của những kẻ thuộc về nước ấy đối với đất và thế-gian này.

Một lần nữa chúng ta có thể thấy rằng...
M
cây...
xxx
đây...
đây...

Chim và hoa-huệ là hình-ảnh...
Thầy đang giảng...
không về những...
của-cái thật...
và kể thêm...
Nếu đây...
thứ...
Những...
thứ...
như...
số-quan...
Như vậy...
đây...
là...
chúng...
Không...
Tuy nhiên...
thứ...
trong...
loãng...
số...

đây...
là...
chúng...
Không...
Tuy nhiên...
thứ...
trong...
loãng...
số...

3. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ TRONG BÀI GÀNG TRÊN NÚI

Ma-thi-ơ VI về VIII (2)

MỘ T lần nữa, chúng ta có ba loại hình-ảnh; về ba đề-tài: thứ nhất là chim và hoa huệ; thứ hai, cái rác và cây đá, chó và heo; thứ ba, bánh và đá, cá và rắn, hay là bò-cạp. Chúa chúng ta dùng cả ba loại hình-ảnh này trong lời dạy đạo-đức của Ngài.

Chim và hoa-huệ là hình-ảnh rất quen-thuộc. Đề-tài Thầy đang minh-giải ở đây là gì? Đó là nỗi lo-lắng hư-không về những nhu-cầu đời này. Trong hình-ảnh trước về của-cải thật, kho-tàng của kẻ đại-dột đã bị sâu-mối, ten-rét và kẻ trộm đánh cắp. Ngài không tìm-kiếm những nhu-cầu. Nếu đầy-tớ Ngài không được phép chứa của-cải trên đất này thì vẫn còn có những nhu-cầu căn-bản khác cần họ lưu-ý đến.

Những nhu-cầu đó là gì? Ngài đã nêu ra như sau: thức ăn, thức uống, đồ mặc. Ở đây Ngài rút gọn tất cả vào nhu-cầu cuối cùng. Chữ đồ mặc bao gồm cả những gì ngoài áo-quần che thân. Theo Phao-lô viết cho Ti-mô-thê nói: « Như vậy, miễn là đủ ăn đủ mặc thì phải thỏa lòng ».

«Mặc đây không có nghĩa là áo khoác che thân, nhưng là áo khoác trên cá-tính của ta, trên nơi trú-ân và nhà cửa chúng ta. Chắc hẳn đó cũng là điều Chúa chúng ta nghĩ đến. Không cần có nhà cửa, chúng ta vẫn có thể thấu-trữ của-cải. Tuy nhiên, hãy nghĩ đến những ý-tưởng đơn-giản, thức ăn, thức uống và đồ mặc. Đó là những nhu-cầu của những kẻ sống trong nước Ngài cho đến ngày cuối-cùng. Ngài nhấn mạnh sự lo-lắng vô-ích về những nhu-cầu này qua một câu lập lại theo ba chiều: «Chớ lo-lắng». Có bản dịch là «Đừng suy-nghi» về đồ ăn, đồ mặc và áo quần, không được đúng nghĩa cho lắm.

Chúng ta phải suy-nghi đến, nhưng đừng lo-lắng. Đây là chữ quan-trọng, ám-chỉ sự lo-âu quá độ, vô-ích, nóng nảy, phiền nhiễu. Biết bao là dân-sự Ngài, vâng-phục Ngài, đối-diện với những vấn-đề thức-ăn, đồ mặc, áo quần, những đồ dùng cần-thiết cho đến lúc nổi lo-lắng phản-ứng lại họ khiến họ nôn-nóng, thao-thức bần-khoăn và xao-xuyến.

Lời dạy của Ngài gồm một hành-động ba chiều. Trước hết Ngài chứng-minh lo-lắng là điều vô-ích. Đức Chúa Trời đã biết rõ nhu-cầu chúng ta. "Cha các ngươi vốn biết các ngươi cần-dùng những điều đó rồi." Thứ hai lo-lắng là điều không xứng-đáng. Chúng ta phung-phi sức-lực tạo hứng-khởi cho đời sống chúng ta vào những đối-tượng không ra gì. Hãy hướng năng-lực chủ-yếu ấy về sự cảm-thức của cá-tính chúng ta vào hành-động ngay thật. Bởi tìm-kiếm Nước Đức Chúa Trời và sự Công-nghĩa của Ngài, chúng ta sẽ làm chủ được năng-lực mình và sử-dụng đúng cách. Cuối-cùng, với giọng châm-biếm nhẹ-nhàng. Ngài bảo rằng lo-lắng như thể chẳng những chỉ không xứng-đáng và không cần-thiết nhưng còn không có kết-quả nữa. Lo-âu chẳng đưa chúng ta tới đâu cả, lại cũng không đem lại cho ta vật gì. Với lo-nghi, chúng ta không thể làm cho đời chúng ta dài được thêm một gang tấc nào.

Có bản khác dịch chữ «đời» ở đây là «vóc người». Cả hai cách dịch đều có nghĩa. Lo nghi cho nhiều, con người cũng không thể làm cho mình sống lâu hơn hoặc cao hơn một gang tấc nào. Chúng ta có thể nhận-xét cách nói mỉa-mai hài-hước ở đây. Hãy nhớ lại bài học trước đây, trong đề-tài về những chân-hạnh-phúc. Ngài nói đến địa-vị tối-cao của tâm-tánh, tâm-tánh gây ảnh-hưởng như muối và ánh sáng, và kèm theo những luật-lệ nhất-định. Chúng ta vẫn còn sống trên thế-giới, cần phải có thức ăn, thức uống và đồ mặc, tức những nhu-cầu thiết-yếu. Thế nhưng chúng ta không được bần-khoăn lo-lắng về chúng.

Làm sao tránh lo-lắng ? Chúa Jêsus nhìn những vật tầm-thường trong đời sống hằng ngày, chim-chóc, hoa huệ, thứ huệ Huleh đặc-biệt của xứ Palestine, đủ loại từ màu đỏ tươi đến màu tím đậm trang-nhã, nội trong những thứ hoa rực-rỡ nhất, mọc giữa đồng nơi Ngài đang ngồi trò chuyện. Hãy nhìn chim làm tổ trên cây và bay lượn trên không kia. Chúng chẳng thông-minh gì để kiếm được thức ăn. Chúng chẳng có râu-gạt, chẳng trứ lúa vào vạ, thế nhưng vẫn được nuôi-nấng và chính Cha đã nuôi chúng.

Đây là những hình-ảnh thí-dụ tương-phần hơn là tương đồng. Nếu Cha chúng ta ở trên trời còn nuôi những loài mà Ngài chẳng ban cho khả-năng suy-nghi, hoạch-định, sắp-đặt, trứ-trữ như thế thì hẳn Ngài phải nuôi những kẻ Ngài đã tạo-dựng với khả-năng biết phòng-trữ, biết sắp-đặt và tính toán càng hơn nữa. Con người đã được tạo-dựng với tài-năng tinh-thần khiến người có thể làm những gì loài chim không làm được. Cha chúng ta nuôi-nấng loài chim dầu chúng thiếu những khả-năng ấy. Ngài cũng sẽ cung-cấp những của-cải căn-bản cho chúng ta. Con người sẽ sử-dụng những năng-khiếu, những sự cao-cả trong con người cùng tất cả khôn-ngoa của người vẫn không thể nuôi người, nếu Đức Chúa Trời không làm việc đó. Chúa chúng ta đưa thánh-giả Ngài trở về với ý-nghĩ sự hư-không của bản-khoản, lo-lắng, dạy họ biết rằng đối với loài thọ-tạo đã được đặc-ân biết sử-dụng những khả-năng như thế, Đức Chúa Trời luôn-luôn đầy-đủ cung-ứng nhu-cầu.

Rồi Ngài nhìn những bông hoa. Ngài phán: Hãy nhìn loài hoa kia. Đức Chúa Trời đã mặc cho chúng vẻ đẹp mà cả những hàng lụa sang-trọng của Sa-lô-môn cùng gấm-vóc rực-rỡ của người cũng không thể so-sánh vẻ đẹp lộng-lẫy mỹ-miêu của loài hoa này được. Có ai nghi rằng Chúa Jêsus muốn dùng thuật hùng-biện ở đây chăng ? Không, đây là một sự-khien khoa-học thuần-túy. Lúc nào có dịp, hãy lấy một mảnh

vải đẹp-đẽ nhất dùng may y-phục cho vua chúa, thứ hàng đắt giá nhất, thanh-lịch nhất mà con người có thể chế-tạo được. đem đặt dưới kính hiển-vi. Rồi cũng đặt bên cạnh một hoa hồng, hoa huệ hoặc bất-cứ hoa nào, một hoa cúc vừa há trong một đám cỏ tầm-thường nào chẳng hạn. Bạn sẽ thấy vải giống như vải bố, đường biên bị xơ ra. Nhưng hoa sẽ hiện ra dưới mắt bạn với đủ màu sắc rõ-ràng, diễm-lệ, kỳ-diệu hơn hết. Đức Chúa Trời đã trang-sức cho hoa huệ và Sa-lô-môn dầu có sang-trọng đến đâu cũng chẳng có áo-quần đẹp-đẽ như một trong những hoa này. Đối với chúng ta, Ngài đã ban cho khả-năng làm việc lẩn kéo chỉ. Như thế, chúng ta có thể tin chắc rằng Đức Chúa Trời, Đấng đã trang-sức cho hoa huệ cách ấy, sẽ cung-cấp áo quần cho chúng ta càng hơn nữa, Ngày nay, hoa còn mọc giữa đồng. Ngày mai chúng sẽ bị đốt tiêu-tan. Chúng ta sẽ còn lại đời đời, và Ngài đã cho chúng ta sức-lực để làm việc khó nhọc, lẩn kéo chỉ.

Trong những thí-dụ này Chúa không bảo chúng ta là đừng suy-nghi, vì Ngài không nói : Đừng suy-nghi. Chúng ta được tạo-dựng để suy-nghi, để thấu-trữ vào kho-tàng, để học cách làm việc khó-nhọc và kéo sợi. Hãy sử-dụng khả-năng này, biết rằng Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta, và Ngài sẽ cộng-tác với chúng ta trong công-việc thấu-trữ, làm lụng vất-vả và dệt-cửi. Bởi thế, chúng ta có lo-lắng cũng vô-ích, vì vấn-đề chính-yếu sáng-rực đẹp-đẽ là « Cha các người ở trên trời vốn biết các người cần-dùng những điều đó rồi. »

Loại thí-dụ thứ hai cũng xoay quanh một đề-tài. Cái rác và cây đà, loài chó và loài heo. Cách nối-kết ở đây tuy kỳ-lạ nhưng các hình-ảnh vẫn được dùng chung với nhau. Cái rác và cây đà được dùng trong một địa-hạt, chó và heo thuộc địa-hạt khác, tuy-nhiên cả hai đều giữ cùng một vai hành-động giống nhau trong đời sống. Đề-tài Chúa chúng ta đang minh-giải ở đây là những nguyên-tắc trong việc xét-

đoán kẻ khác. Chữ «đoán-xét» ở đây có nhiều ý-nghĩa và ứng-dụng. Trong tiếng Hi-lạp chữ này được dịch ra mười hay mười một cách khác nhau, mỗi cách diễn-tả một ý-tưởng căn-bản nhưng có những ứng-dụng khác nhau. Khi Chúa chúng ta nói : «Các người đừng đoán-xét ai, để mình khỏi bị đoán-xét» thì chữ đoán-xét ở đây có nghĩa là kết-án, và bị cấm. Tuy nhiên, óc phán-đoán vẫn cần-thiết và buộc phải có. Dùng cái rác và cây đà, Ngài tỏ cho chúng ta thấy rằng chúng ta có thể đoán-xét sai-lầm ; và Ngài cấm chúng ta điều đó. Dùng hình-ảnh chó và heo, Ngài muốn cho ta thấy cần phải biết phán-đoán và phán-đoán được đem ứng-dụng hơi có vẻ kinh-khủng. Đoán-xét theo nghĩa này, rất cần-thiết. Như Giảng đã nói trong một trường-hợp khác : Đừng xét-đoán theo bề ngoài, nhưng phải xét-đoán theo lẽ công-bình. Đó là một lời khuyên rõ-ràng cách sử-dụng khả-năng phân-biệt và phán-đoán. Đó là một phần bản-chất nhân-loại của chúng ta. Nhưng còn có một thái-độ phê-bình quá nghiêm-khắc khiến sự phán-đoán biến thành sự đoán-xét bất-công và kết-án, và đó là điều Ngài cấm. Trong trường-hợp này, Ngài dùng hình-ảnh kinh-dị về cái rác và cây đà. Cây đà vi-đại, còn cái rác quá bé nhỏ. Cây đà hàm-ý một khúc gỗ khồng-lồ. Cây đà trong mắt kỳ-quái vì hình-thể to lớn của nó ; còn cái rác, một mảnh dăm nhỏ bé của cây đà, không ai thấy được, dù vẫn làm con mắt đau xót. Một kẻ nhìn thấy cái rác trong mắt anh em mình, Chúa Jêsus không phủ-nhận anh ta nhìn thấy nó. Vâng anh ta thật có nhìn thấy cái rác. Như thế không được, cái không nên nằm trong mắt. Nhưng Đấng Christ muốn nói, có một cây đà trong mắt người đang nhìn cái rác của anh em mình. Cây đà không phải là một tội đê-tiện. Kẻ mắc tội lớn không bao giờ chỉ-trích người phạm tội nhỏ.

Như thế cây đà là gì ? Đó là óc chỉ-trích chực xoi-mói anh em mình, khiến chính mình mù-lòa trước mọi sự-kiện

hiền-nhiên. Tội-lỗi trong tâm-linh lúc nào cũng tệ-hại hơn tội-lỗi trong xác-thịt ; và không có tội nào xấu-xa, phá-hoại nguy-hiêm bằng óc đoán-xét chỉ-trích kẻ khác. Chúa Jê-sus phán, hãy ném cây đà ấy đi, quăng nó thật xa ; rồi mới có thể biết cách lấy cái rác khỏi mắt anh em mình. Óc chỉ-trích chỉ nhằm đến cái rác, chỉ đoán-xét anh em. Thái-độ đó là một cây đà khiến người đui-mù. Hãy cắt bỏ thái-độ ấy đi rồi đến với anh em trong tình-yêu, trong tâm-tình của Christ, và giúp anh em mình lấy cái rác khỏi mắt họ. Đừng đoán-xét với thái-độ chỉ-trích để kết-án ; vì chúng ta sẽ bị đoán-xét theo cách chúng ta đoán-xét kẻ khác, đó là mẫu-mực đoán-xét cho chúng ta.

Rồi bỗng dưng, Ngài nhấn mạnh sự cần-thiết của óc phán-đoán. «Đừng cho chó những đồ thánh, và đừng quăng hạt trai mình trước mắt heo». Đây là một câu nói rùng-rợn, một lời tuyên-bố kinh-khiếp. Nếu không có cây đà cản-trở nào khiến chúng ta không thể cắt cái rác thì cũng không nên có sự mù-lòa nào ngăn-cản chúng ta thấy tình-trạng suy-đời vô-vọng của kẻ khác. Chúng ta không được lấy vật quý cho chó, hoặc quăng hạt trai cho heo. Chắc hẳn Phi-e-ro đã nghe lời này nên cuối bức thơ, người đã nói đến những hạng người giống như chó, ăn lại thứ nó đã mửa ra, và heo dẫm mình trong vũng bùn. Có những hạng người như thế, và Đấng Christ bảo, chúng ta không có quyền cho họ của-cải, ngọc-trai của chúng ta.

Từ đó, chúng ta rút ra được một ứng-dụng quan-trọng ấy là Hội-Thánh cần phải gìn-giữ những vật thánh. Trong quá-khứ, đã có lần Hội-Thánh quăng của thánh cho chó và ném hạt trai cho heo khi chấp-nhận chính-quyền thế-gian vào trong hàng-ngũ của Hội-Thánh. Ngày nay Hội-Thánh cũng mắc phải lỗi-lầm ấy mỗi khi tôn-thương vật thánh của đức-tin Hội-Thánh.

Hình-ảnh cuối-cùng là bánh, đá ; cá, rắn. Đề-tài ở đây

là sự cầu-nguyện, cách ban cho của Đức Chúa Trời so với cách của loài người, ở mức độ cao hơn hết là cách cha mẹ cho con-cái. Ngài vừa bảo phải gột bỏ óc chi-trích nghiêm-khắc, nhưng lại nhấn mạnh tầm quan-trọng của khả-năng phán-đoán, ngăn chúng ta khỏi ném những vật thánh cho chó và heo. Sau đó Ngài phán ngay : «Hãy xin sẽ được ; hãy tìm sẽ gặp ; hãy gõ cửa sẽ mở cho». Lời này có một ứng-dụng tổng-quát rộng-rãi, tuy-nhiên hãy chú-ý vai trò của nó trong Bài Giảng Trên Núi đạo-đức này. Khi một người gặp khó-khăn trong việc đoán-xét và sợ không dám xét-xử, Ngài phán : Nhà đèn ở đằng kia, ánh sáng ở đằng kia. «Hãy xin, hãy tìm hãy gõ cửa». Đây là một Bài Giảng Trên Núi về đạo-đức. Đây là những luật-lệ của Nước Đức Chúa Trời và tại đây chúng ta phải cầu-nguyện. Có luật-lệ nào khác bảo cầu-nguyện là điều cần-thiết không ? Tôi tưởng không ; và đó là lý-do khiến nó bị phá-hủy. Ở đây, Chúa Jêsus giới-thiệu sự cầu-nguyện và cho ta thấy cách ban cho của Đức Chúa Trời. Ngài sẽ cho. Nếu xin, họ sẽ nhận được. Nếu tìm, họ sẽ thấy. Nếu gõ cửa, họ sẽ được mở cho.

Rồi Ngài nói tiếp : «Trong các ngươi có ai, vốn là xấu...?» Ứng-dụng trực-tiếp ở đây là Đức Chúa Trời vốn không xấu-xa, nhưng chúng ta xấu-xa. Xấu ở đây không chỉ có nghĩa là tội-lỗi, nhưng bao gồm những gì nhỏ-nhen, hẹp-hòi. Những gì xấu chúng ta có hẳn là những điều Đức Chúa Trời không có. Chúng ta, vốn là xấu, còn có khả-năng cho con mình vật tốt. Đến đây Chúa soi-tỏ vấn-đề. Có bao giờ Cha cho đá khi con mình xin bánh ; cho rắn khi con xin cá chăng ? Vậy thì Cha các ngươi là Đức Chúa Trời hẳn phải cho những kẻ xin Ngài nhiều vật tốt hơn thế nữa. Đức Chúa Trời ban cho điều tốt nhất, luôn luôn tốt nhất, cũng như cha mẹ thường cho. Ngài không bao giờ cho chúng ta đá, ngay cả chúng ta có xin đá chăng nữa. Ngài sẽ cho chúng ta bánh. Ngài không hề cho chúng ta rắn hay bò-cạp, dù chúng ta có ngu-

dại xin rần. Ngài luôn-luôn cho vật tốt. «Hãy xin, hãy tìm, hãy gõ cửa». Đó là trung-tâm chủ-động của mọi vấn-đề đạo-đức vì Đức Chúa Trời ngự ở trung-tâm. Bước vào trung-tâm này, chúng ta có thể tìm thấy bộ máy vô-hạn với những bánh xe luôn chuyển-động, quay tròn; nhưng tại tâm-điểm bánh xe có một trục, đó là trục của tấm lòng Cha chúng ta. Ồ, đừng lo-lắng gì cả. Hãy sử-dụng cách phán-xét hợp với những nguyên-tắc của Đức Chúa Trời, và nếu thấy khó-khăn, chúng ta hãy đến với nhà đèn kia, hỏi, tìm và gõ cửa.

xXx

4. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ TRONG BÀI GIẢNG TRÊN NÚI

Ma-thi-ơ VI và VII (3)

LÀ NỮA, chúng ta xem-xét những hình-ảnh Chúa dùng khi đề-cập ba đề-tài ; thứ nhất, hai cửa và hai lối đi ; thứ hai, lối muông-sói và lối chiên và những trái ; thứ ba, đá và cát.

Trong những lời ứng-dụng cuối cùng, hình như Chúa chúng ta đã dùng một bậc thang đưa đến một cực-diểm trong hình-ảnh minh-giải vấn-đề. Trong hình-ảnh thứ nhất về hai cửa và hai lối đi. Ngài nói chung về cuộc đời, và cuộc đời như một cuộc hành-hương. Tại đây, giáo-huấn đạo-đức đã chấm dứt, bây giờ Ngài muốn sang lãnh-vực ứng-dụng. Có hai cửa đưa chúng ta vào kinh-nghiệm sống. Ở đây, Ngài muốn đưa thính-giả trở về khởi-diểm, lúc bắt đầu cuộc đời. Đề-du-hành trên những lối đi này, con người phải đi qua các cửa này, cửa rộng hay là cửa hẹp. Cửa hẹp « dẫn đến sự sống. » Cửa rộng « dẫn đến sự hư-mất. » Trong những hình-ảnh này, chúng ta sẽ có một chương-trình hành-hương.

Có một lối sống dành cho người bước vào cửa rộng. Đó là một cửa để bước và có một con đường rộng-rãi trải dài trước mắt họ. Nhưng còn một cửa khác dẫn sang một con đường khác ; một cửa hẹp và một con đường hẹp.

Cửa rộng « dẫn tới sự hư mất, » chữ này thật sự và chỉ có nghĩa là một giới-hạn, chỗ giam-hãm, ngục-tù nhỏ-hẹp ; đến lúc mọi sự phải chấm dứt dưới lực chà-đạp áp-bức.

Mặt khác, là một cửa hẹp. Lúc bước qua đó, chúng ta bắt đầu đi trên một con đường hẹp, nhưng « dẫn đến sự sống » đầy-trọn. Có nhiều điều cần phải gạt ra ngoài nếu chúng ta đi qua cửa này. Đó là cửa hẹp và chật ; không phải sự rộng-rãi

của truy-lạc bê-tha mà chỉ có sự hẹp-hòi của luật-pháp. Nhưng hãy cứ tiếp-tục bước theo, chúng ta sẽ thấy nó mở rộng dần dần với viễn-ảnh rộng-rãi và vinh-quang mới-mẻ luôn cho đến cuối cùng, con đường đưa tới sự sống. Khi nói "sự sống", Chúa Jêsus không chỉ muốn nói hiện-hữu. Ngài chỉ muốn nói sự sống đời đời, sự sống thâm-sâu, sự sống cao-cả, sự sống rộng-rãi, sự sống đầy-tròn.

Ở đây trình-bày hai lối sống. Ai đã từng đọc Bài Giảng Trên Núi đều phải chạy trốn khi đứng trước ánh sáng khuôn-khở ghê-rợn của Ngài. Một người có thể tận-tụy suốt đời để sống theo luật-lệ đáng-sợ của thánh-khiết và đạt đến vinh-quang chói-lọi của một đời sống trong-sạch thánh-thiện ; nhưng người phải bắt đầu ngay từ cửa hẹp. Đó là cách minh-giải hai lối sống qua hình-ảnh cửa và đường đi, và phải giải nghĩa theo cách trên, không còn cách nào khác hơn.

Chúa chúng ta không bảo con đường xấu-xa là rộng-rãi, dễ-dàng và tự-nhiên, và sẽ đưa đến kết-cuộc tốt đẹp. "Hư mất" chính là chữ cuối-cùng. Ngài không bảo con đường hẹp có nghĩa là luôn luôn hẹp-hòi, bỏ mất những gì có giá-trị. Không, đó là con đường tìm-kiếm những gì đáng giá ; và cuối-cùng là sự sống với tất cả chiều rộng, chiều dài và vẻ đẹp của nó. Con đường hẹp và chật dẫn đến khoảng-khoát, đến sự sống. Con đường rộng và khoảng-khoát dẫn đến sự hẹp-hòi và đưa đến sự hư-mất.

Tương-tự như thế, Ngài bước sang hình-ảnh tiếp theo. Nếu trong hình-ảnh thứ nhất Ngài đưa thánh-giải trở lại điểm khởi đầu, cửa hẹp và rộng, và báo trước kết-cuộc, thì ở đây Ngài đặt họ đứng trước một trong những hiểm-họa nghiêm-trọng nhất đang đe-dọa họ. "Hãy coi chừng tiên-tri giả". Đề coi chừng, phải thử họ trước. Và đầu-dễ ở đây là sự thử-luyện các tiên-tri. Đề-tài đặc-biệt này có sự ứng-dụng tối-cao cho những kẻ được Đức Chúa Trời gọi vào chức-vụ tiên-tri, dầu rằng ứng-dụng đầu-tiên của Chúa không

phải dành riêng cho họ, nhưng cho những kẻ chờ-đợi chức-vụ cùng lời dạy-dỗ của họ.

Chúng ta hãy xem những tiên-tri giả được mô-tả ở đây. Họ đội lốt chiên mà đến nhưng bên trong là muông-sói hay cẩu-xé. Ở đây Chúa chúng ta đang đề-cập đến cuộc đời, chứ không phải đến những cái chúng ta gọi là chánh-thống hay là trái với chánh-thống. Những người này chẳng phải kẻ dạy tà-giáo. Họ có thể dạy một giáo-lý hoàn-toàn đúng nhưng nếu trong chính đời sống riêng, họ sai-lầm, thì hãy coi-chờng. Đây là chánh-đạo khoác lốt chiên phát-xuất từ kẻ suốt đời chỉ là muông-sói cẩu-xé. Theo gót những kẻ như thế thật là nguy-hiêm. Đến đây Ngài nói riêng với những người đã bước vào cửa hẹp trên con đường tiến tới và họ cần giáo-sư hướng-dẫn. Ngài cảnh-cáo họ trước phải coi-chờng kẻ mà họ sẽ đặt tin-tưởng và trung-thành sau này. Những tiên-tri phá-hoại cuộc đời nhiều người chính là những kẻ có thể mang lốt chiên mà lòng gian-ác, gây ảnh-hưởng phá-hoại.

Trong câu tiếp theo, những hình-ảnh Chúa Jê-sus đưa ra hình như lộn-xộn nhưng thật ra không như thế; chúng rất hòa-hợp nhau. «Các người nhờ những trái nó mà nhận-biết được». Câu này được nhắc lại hai lần và được Ngài nhấn mạnh bằng một câu hỏi xen vào giữa. «Nào có ai hái trái nho nơi bụi gai, hay là trái vả nơi bụi tật-lê? Vậy, hễ cây nào tốt thì sanh trái tốt; nhưng cây nào xấu thì sanh trái xấu. Cây tốt chẳng sanh được trái xấu, mà cây xấu cũng chẳng sanh được trái tốt. Hễ cây nào chẳng sanh trái tốt, thì phải đốn mà chụm đi.» Chú-ý lời tuyên-bố quả-quyết của Ngài: «Cây tốt chẳng sanh được trái xấu, mà cây xấu cũng chẳng sanh được trái tốt.» Tiên-tri có thể khác lốt chiên Có lẽ đó chỉ là vẻ bên ngoài, nhưng Ngài báo trước cho những kẻ đã qua cửa hẹp bước vào đại-lộ, hãy chú-ý lời họ sẽ nghe. Họ phải cẩn-thận kẻo bị những tiên-tri giả lừa gạt mà không hay.

Rồi Ngài báo trước thời cuối cùng. Ngài nhìn tới ngày khi mọi cuộc đời phải kết-liễu, được bày-tỏ ra và chịu phán-xét. Ngài đặt mình vào địa-vị Quan-tòa trong ngày đó. « Ngày đó, sẽ có nhiều người thưa cùng Ta rằng: Lạy Chúa, Lạy Chúa chúng tôi chẳng từng nhen Danh Chúa mà nói tiên-tri sao? » Họ đã nhen Danh Ngài làm nhiều việc phi-thường nhưng Ngài sẽ đáp lại rằng: « Ta chẳng biết các ngươi bao giờ. » Tình-trạng này chặn đứng chúng ta lại và đưa chúng ta đến, không phải bàn-luận, nhưng là dò-xét lòng mình. Tôi có thể nhen Danh Chúa nói tiên-tri. Tôi có thể nhen Danh Ngài đuổi quỷ, làm nhiều việc khác nữa; nhưng nếu tôi không biết Ngài, và Ngài không biết chính cá-nhân tôi, thì lời cuối-cùng phán cùng tôi sẽ là: « Ta chẳng biết ngươi bao giờ. »

Lời cuối-cùng là: « Kẻ làm theo ý muốn của Cha Ta. » Đó là sự thử-nghiệm chung-kết của mọi-sự. Trong câu này, Ngài báo trước giờ sẽ đến, khi Ngài sẽ đánh giá đời sống của những kẻ trình-diện trước mặt Ngài. Lúc ấy sẽ có những kẻ đã làm xong mọi việc nhưng thiếu một điều, ấy là ý-muốn của Đức Chúa Trời. Như Ngài đã nói trong một dịp khác: Ai là mẹ Ta, ai là anh em, chị em Ta? Ấy là kẻ làm theo ý-muốn Cha Ta ở trên trời. Như thế, Ngài cảnh-cáo chúng ta hãy coi-chừng những lãnh-ụ giả, tiên-tri giả; cần phải được thử-nghiệm qua những quả họ sanh ra.

Hình-ảnh cuối-cùng trong Bài Giảng Trên Núi có đặc-diểm là cũng phảng-phất cùng thái-độ oai-nghiêm. Ngài đưa ra hai hình-ảnh, đá và cát và để tài được minh-giải ở đây là tầm quan-trọng của nền-móng trong việc xây-dựng cuộc đời. Nó liên-quan tới toàn-thể Bài Giảng Trên núi, hết cả chương-trình luật-lệ của Nước Đức Chúa Trời và với mọi lời giáo-huấn ở trên. « Vậy, kẻ nào nghe lời Ta phán đây. » Ngài đã nói cho các môn-đồ này biết

Nhiều kẻ khác cũng đã được nghe Ngài. Bây giờ Ngài tuyên-bố rằng kẻ nào xây nền trên Lời Ngài tức là đang xây nền đá.

Hãy nghĩ kỹ về lời này. Mỗi người đều đang xây-dựng một cái gì. Người xây một chỗ để có thể vào và sống trong đó, để làm chỗ trú-ân, nơi an-nghỉ, mái nhà cho linh-hồn mình. Vật-liệu xây-cất có lẽ tốt và khi hai nhà được cất lên, người ta không thấy được điểm khác-biệt giữa chúng. Mọi sự dường như đều tốt-đẹp. Cả hai đều trông có vẻ đẹp-đẽ dưới nắng hè. Tuy-nhiên mặt trời mùa hạ không chiếu mãi mãi. Rồi phải có những ngày giông-tổ, cuồng-phong, mưa gào gió thét, những ngày bão-bùng. Hãy nhìn hai ngôi nhà, có gì đã xảy ra? Một trong hai, dưới sức mạnh của bão-tổ, đã đổ-nát và chủ nhà bị rơi vào cảnh không nhà. Còn cái kia vẫn đứng sừng-sững, chắc-chắn và vững-bền. Có gì khác nhau giữa hai nhà này. Ấy là cái Nền kẻ này xây trên cát; người kia xây trên đá.

Ý-tưởng diễn-tả ở đây đơn-sơ đến nỗi một em bé cũng có thể hiểu được. Đấng Christ muốn nói có hai loại nền chúng ta có thể xây-dựng. Nếu chúng ta muốn cất nơi trú-ngụ vững-chắc cho linh-hồn, thì hãy xét-kỹ nền-móng. Cần-thận chú-ý những lời trang-nghiêm ở đây. Kẻ nào nghe và làm theo, cất nhà mình trên đá. Kẻ nào nghe mà không làm theo, cất nhà mình trên cát. Đây không phải là một so-sánh giữa kẻ nghe và kẻ chưa bao giờ được nghe. Những kẻ đã nghe mà không làm theo, cứ tiếp-tục xây-cất, xao-lãng lời dạy-bào; khi giông-tổ kéo đến tàn-phá, công-trình xây-cất của họ bị sụp-đổ. Những kẻ nghe và làm theo, giữ lời dạy thì chẳng giông-tổ nào có thể tàn-phá nhà của kẻ đã xây nền trên lời dạy của Chúa Jê-sus. Và hình-ảnh xây nhà trên cát hay trên đá này khiến Bài Giảng Trên Núi của Ngài có tính-cách tối-hậu và uy-nghi.

Tất cả những hình-ảnh thí-dụ này đều có mục-đích nhấn mạnh bài học đạo-đức và minh-giải những tiêu-chuẩn trong Nước Đức Chúa Trời. Theo những thí-dụ này, sống trong thế-gian mà không gây ảnh-hưởng như muối và ánh-sáng thì trái với đạo-đức. Chúng ta không phải là tín-đồ đạo-đức nếu chúng ta sống không ảnh-hưởng trên kẻ khác. Sống một cuộc đời chỉ chú-trọng về đời này, đặt nặng lo-âu trên những của-cải bị sâu-mối ten-rét hủy-phá và kẻ trộm cướp-đoạt tức là trái với đạo-đức. Lời giáo-huấn này của Chúa Jêsus đang dò-xét chúng ta. Muốn sống một cuộc đời lương-chủ (làm tôi hai chủ) tức là trái với đạo-đức. Con mắt là đèn của thân-thể phải sáng-sủa. Lo-lắng về nhu-cầu cũng là trái với đạo-đức. Như thế, chúng ta đã sống trái với đạo-đức thật quá nhiều!

Trong thí-dụ về chim và hoa huệ, chúng ta thấy lo-lắng là một hình-thức trái đạo-đức. Đoán-xét sai, lo lấy cái rác trong mắt anh em trong khi cây đã nằm trong chính mắt mình; hay là ném vật quý cho chó và heo đều trái với đạo-đức. Xao-lãng cầu-nguyện cũng trái với đạo-đức. Cha chúng ta sẵn-sàng cho vật tốt hơn hết. Nếu chúng ta không xin, không tìm, không gõ, đời sống chúng ta cũng thiếu đạo-đức. Dĩ-nhiên, đi con đường sai, bước vào cửa rộng và đường khoảng-khoát cũng là trái với đạo-đức. Nghe tiên-tri giả, cất nhà cho linh-hồn trên cát khi đã biết rõ tảng đá của lời giáo-huấn Ngài cũng là khuyết-diểm đạo-đức. Tất cả những điều này đã minh-giải tỏ-tường các tiêu-chuẩn đạo-đức hệ-trọng của Chúa Jêsus.

5. HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Ma-thi-ơ IX và X

NHỮNG hình-ảnh trong hai đoạn này được trình-bày trong Sách Tin-Lành nói về đầy-tớ của Chúa và việc Ngài sai họ ra đi. Trong trách-nhiệm Ngài giao cho họ, chúng ta tìm thấy những hình-ảnh thí-dụ này : một đám cưới, vá áo và bầu rượu ; mùa gặt ; chiên và muông-sói, rắn và bọ-câu ; chim sẻ ; và grom. Bối cảnh ở đây không phải là bài học đạo-đức, nhưng là về công-việc lạ-lùng của Ngài giữa những người bị xã-hội bỏ rơi, và về mạng-linh, sự kêu-gọi cùng ủy-thác của Ngài dành cho một số người sẽ ra đi thực-hiện công-tác lớn-lao của Ngài.

Bức tranh thứ nhất là một tiệc cưới (9 : 15). Đề-tài Ngài muốn minh-giải ở đây là gì ? Nỗi vui-mừng của môn-đồ Ngài và lý-do nỗi vui-mừng đó. Ngài dùng hình-ảnh này để giải-thích thái-độ thiếu khâm-hạnh đối với cuộc đời của những kẻ sống chung quanh Ngài. Ở đây các môn-đồ của Giăng đến hỏi Ngài tại sao môn-đồ Ngài không kiêng-ăn như môn-đồ Giăng và người Pha-ri-si. Tôi tin rằng đây là một câu hỏi thành-thật. Họ đã từng quan-sát môn-đồ Chúa Jê-sus và để ý thấy những người này hoàn-toàn thiếu những hành-vi khâm-hạnh, mà họ nghĩ là vấn-đề thiết-yếu của tôn-giáo. Để trả lời, Chúa chúng ta dùng hình-ảnh một đám cưới, một hình-ảnh của Đấng-Phượng. Cuộc lễ kéo dài bảy ngày ăn uống, tiệc-tùng vui-vẻ.

Ứng-dụng ở đây rất đơn-sơ. Những bạn-hữu của chàng rề không bao giờ kiêng ăn, hay buồn-rầu suốt đám tiệc này. Trong lúc chàng rề còn ở đó, họ không kiêng-

án. Ứng-dụng trực-tiếp cho chính mình, Ngài bảo đó là lý-do môn-đồ Ngài vui-vẻ. Đám người này không thể hiểu lý-do tại sao, thì Ngài đã giải-thích cho họ — ấy là vì Chàng Rê đang còn ở với môn-đồ. Rồi Ngài nói cho họ biết rằng sau này Ngài sẽ lìa khỏi môn-đồ và lúc đó họ sẽ than-khóc. Ở đây Ngài dùng một động-từ đặc-biệt. Chàng Rê sẽ bị đem đi và cắt khỏi họ, một chữ chỉ về sự nâng cao. Ngài đang nhìn về giờ phút cuối-cùng lúc Ngài sẽ được cắt lên.

Phần đầu của thí-dụ này ứng-dụng cho chúng ta, nhưng phần sau thì không. Làm sao con-cái của nhà gái có thể than-khóc lúc Chàng Rê còn ở với họ được? Đề bày-tỏ lòng trung-thành, phải bãi-bỏ tất cả những gì thuộc về hành-vi khổ-hạnh. Sự vắng mặt của Chàng Rê là lý-do để than-khóc, nhưng Ngài không vắng-mặt và chẳng bao giờ vắng-mặt từ lúc Ngài chiến-thắng, sống lại, ngự về trời và sẽ trở lại trong quyền-năng Thánh-Linh để chiếm-ngự chỗ ở của Ngài cùng với dân-sự Ngài. Sau này, qua những lần trò-chuyện thân-mật với môn-đồ, Ngài bảo họ : « Các ngươi hiện ở trong cơn đau-đớn, nhưng ta sẽ lại thấy các ngươi, thì lòng các ngươi vui-mừng, và chẳng ai cướp lấy sự vui-mừng các ngươi được. » Ứng-dụng ở đây là nỗi vui-mừng hớn-hở không dứt của chúng ta là chứng-cớ thật của mối tương-giao chúng ta với Đấng Christ. Đó là điểm chính trong kinh-nghiệm tín-đồ Đấng Christ. Bước vào sự tương-giao với Christ, chúng ta ném biết được thế nào là vui-mừng luôn luôn và mãi mãi.

Cũng với ý đó và cũng nói với nhóm người đó, Ngài dùng hình-ảnh vá áo và bầu rượu để làm sáng-tỏ ý Ngài muốn nói. Ngài muốn minh-giải bản-chất của Nước Ngài. Nói tóm lại đây là điều Ngài muốn nói : Ngài không thể tổng-nhết những giáo-huấn mới-mẻ Ngài vừa dạy họ vào một khuôn-thức sùng-cũ. Ngài đã đến, không phải để vá

áo cũ, nhưng là may một áo mới. Vì thế cần phải có những phương-pháp mới; và đó là những phương-pháp họ không thể hiểu được, tức là sự vui-mừng thật, một minh-chứng của phương-pháp mới.

Nếu chúng ta vá một miếng vải mới lên tấm áo cũ, chỗ rách lại lớn hơn. Tấm áo không thể vá bằng cách đó được. Thí-dụ về bầu rượu soi sáng và nhấn mạnh cùng một lẽ thật. Cái mới đòi-hỏi cái mới. «Bầu da» là chữ dịch rất đúng, ý nói da dùng làm chai, bầu. Rượu lúc đã lên men xong, có thể đựng trong bất-cứ chai nào, dù mới hoặc cũ, mà không làm hại chai hoặc bầu da, và cũng không bị hư. Rượu, sắp sửa lên men, sẽ phá vỡ bất-cứ chai nào, dù mới dù cũ. Như thế, ta có thể hiểu, rượu chưa lên men phải đựng trong chai mới. Đựng trong lọ cũ, nó sẽ lên men và luôn luôn đưa đến sự đổ-vỡ.

Vậy, bài học ở đây là nếu ghép kế-hoạch của Ngài vào những khuôn-sáo xưa cũ thì sẽ hư-hỏng và sụp-đổ. Khi chúng ta nhận lấy lời tuyên-bố, dạy-dỗ, quyền-năng cùng công-việc của Chúa Jê-sus và cố ép chúng vào một hình-thức khác ngoài hình-thức của Ngài, tất cả sẽ bị hư-hỏng như rượu lên men vậy. Đối với những kẻ phản-đối sự vui-mừng của môn-đồ Ngài, Ngài đáp rằng nỗi vui-mừng đó không thể thiếu được khi Ngài còn ở với môn-đồ; và toàn-thê hệ-thống Ngài tạo-lập, chẳng phải là một cái gì ghép vào cái cũ nhưng là một điều hoàn-toàn mới.

Tiếp theo, chúng ta đến hình-ảnh đẹp-đẽ của mùa gặt (IX : 37, 38). Chú-ý đề-tài được minh-giải ở đây. Ngài dùng bức tranh này để nói với môn-đồ khi Ngài sửa-soạn, chỉ-định và giao trọng-trách cho họ. Điều này nói lên cái nhĩa riêng của Ngài đối với công-việc Ngài. Chính bản-chất hình-ảnh này đã rõ-ràng lắm rồi, không cần phải suy-nghĩ gì nhiều. Mùa gặt luôn luôn là kết-quả của hoạt-động,

là chiến-công của hoạt-động và cũng là một kêu-gọi làm việc. Còn gì tai-hại hơn một mùa không được gặt chẳng? Hễ nơi nào được Ngài ban cho đồng ruộng đầy lúa thì nơi đó cần có người đến gặt, mang lúa về.

Chúng ta có một bối-cảnh đáng chú-ý ở đây. Ma-thi-ơ bảo rằng Ngài đi khắp các thành các làng, dạy-dỗ, rao-giảng và chữa bệnh; và khi nhìn thấy đoàn dân, Ngài động lòng thương-xót, vì họ buồn-bã và bơ-vơ, như chiến không có người chăn. Vì sao Ngài thương-xót đoàn người này? Vì Ngài thấy họ khác với cái nhìn của mọi người. Ngài thấy đám đông như một đoàn người cùng-khốn, tan-lạc, không có người chăn, một đoàn chiến bị muông-sói quấy-rầy, cấu-xé; đang bất-tĩnh thương-tích, dầm máu, sắp chết. Đó là bức tranh của Chúa chúng ta về tình-trạng đoàn dân, mặc dầu họ tự xưng là theo tôn-giáo chánh-thống.

Với ý-niệm đó, Ngài nói về mùa gặt. Còn có hai hình-ảnh nào có vẻ tương-phản hơn nữa được sắp cạnh nhau như thế chẳng? Một bầy chiến mệt đuối, thương-tích, hấp-hối và mùa gặt. Đây là lẽ-thật sâu-thâm liên-quan đến chức-vụ Ngài. Nhu-cầu, cùng-khốn và tình-trạng bị bỏ rơi của nhân-loại tạo nên mùa gặt cho Ngài cũng như cho những kẻ làm công nhà Ngài. Nơi nào ngày đen-tối nhất, nơi nào nhu-cầu cấp-bách nhất, nơi nào chính-phủ loài người tệ-hại nhất, nơi đó chính là đồng lúa chín vàng sẵn chờ mùa gặt cho Christ của Đức Chúa Trời. Đó là lời Ngài phán với các môn-đồ trước khi giao-nhiệm-vụ cho họ. Ngài biết rõ tình-trạng cùng-khốn và ghê-sợ của nhân-loại, nhưng Ngài không bảo tình-trạng đó vô-vọng; mà là mùa gặt và mùa gặt dư-dật.

Trong thí-dụ tiếp theo, Ngài nói về chiến và muông-sói (X: 16). Một lần nữa, Ngài nói với môn-đồ: «Kìa,

Ta sai các người đi khác nào như chiên vào giữa bầy muông-sói.» Rồi sang một hình-ảnh khác: «Vậy, hãy khôn-khéo như rắn, đơn-sơ như chim bồ-câu.» Ở đây Ngài giải-thích công-việc đang chờ-đợi các môn-đồ. Cần phải đọc kỹ đoạn mười này. Trong nhiệm-mạng giao cho mười hai môn-đồ, Ngài nhìn thấy ba thời-kỳ: Những gì sẽ đến tức-khắc, tiếp theo là sau khi Ngài rời họ, và rồi sau đó nữa. Trong phần đầu này, chúng ta thấy những gì đang chờ-đợi họ. «Ta sai các người đi khác nào chiên vào giữa bầy muông-sói.» Muông-sói là những kẻ rình-mồi chực cướp sống người ta, gây nên mòn-mỏi, yếu-đuối làm thương-tích và hút máu. Chú-ý chữ «Vậy.» «Vậy, hãy khôn-khéo như rắn, đơn-sơ như chim bồ-câu.» Khôn như rắn. Chú-ý, đây là sự khôn-ngoan của rắn, không phải tài giết hại của nó. Đây nói đến sự vô-hại, ngây-thơ của chim bồ-câu, chứ không nói đến sự yếu-đuối của nó. Chúa chúng ta đã chọn chữ thật cần-thận để bày-tỏ ý Ngài muốn nói. Môn-đồ Ngài sẽ ra đi phục-vụ vì nhu-cầu của bầy chiên, và xông vào giữa muông-sói. Kẻ làm công cho Ngài chỉ được hiền-lành nếu họ khôn-ngoan, và chỉ khôn-ngoan khi họ hiền-lành. Bất cứ người nào ra đi làm việc cho Thầy mà thiếu khôn-ngoan thì không hiền-lành. Ai đi ra mà không hiền-lành, ôn-hòa thì cũng không khôn-ngoan. Đây là hai đức-tánh quan-trọng cần có để đi vào thế-gian chống-nghịch, đối-diện với muông-sói đã từng phá-hại bầy-chiên. Và cũng có lúc công-việc Ngài còn đòi hỏi chúng ta phải chiến-đấu với muông-sói cũng như phải chẵn chiên nữa.

Tiếp theo, Ngài dùng hình-ảnh đẹp-dẽ về chim sẻ (X : 29-31). Vẫn trò-chuyện với họ, Ngài chứng-minh sự săn-sóc âu-yếm của Đức Chúa Trời đối với sứ-giả Ngài. «Vi không có Cha các người (1) thì chẳng hề một con chim sẻ nào rơi

(1) Theo bản Anh-Ngữ

xuống đất." Đừng làm sai ý-nghĩa ở đây, và giải-thích là nếu Cha các người không biết ! Vì chim sẽ có lâm bệnh rồi chết giữa giá-tuyết mùa đông, hay nắng gắt mùa hạ và rơi xuống đất, và nhìn cánh nó run-rầy chúng ta bảo rằng nó đã chết, vâng, nó chết thật, nhưng có Đức Chúa Trời ở đó. Nó chết trong lòng Đức Chúa Trời. «Các người quý-trọng hơn nhiều con chim sẽ.» Trong lúc xông-pha chiến-đấu với muông-sói, sứ-giả Ngài có thể bị giết ; họ ra đi chẳng khác nào chiến giữa bầy muông-sói. Họ cần sự khôn-ngoan của rắn hòa-hợp với vẻ hiền-lành của chim bồ-câu. Tuy-nhiên, lúc họ ra đi, Cha là Đấng săn-sóc vẫn ở với họ. Ngài là Đấng ở bên cạnh chim sẽ sắp chết, sẽ theo-dõi họ, ngay cả lúc nhiệm-vụ đưa họ vào chỗ sự chết.

«Chớ tưởng rằng Ta đến để đem sự bình-an cho thế-gian ; Ta đến, không phải đem sự bình-an, mà là đem gươm-đáo» (X : 34). Ở đây Chúa muốn cắt-nghĩa hậu-quả của kế-hoạch và công-việc Ngài. Công-việc Ngài cũng như công-việc của môn-đồ, qua Ngài, sẽ phân-ly thế-gian này, nghĩa là sẽ ly-tán gia-đình. Gươm-đáo ở đây có nghĩa là công-việc Ngài sẽ gây mối bất-hòa ; tuy-nhiên đều quan-trọng nhất vẫn là phải trung-thành với Ngài về kế-hoạch của Ngài, phải hết lòng tận-tụy vì chức-vụ.

Chữ gươm-đáo Chúa chúng ta dùng ở đây rất hay. Dĩ-nhiên ý-nghĩa sau cùng của trọng-trách Ngài là sự bình-an. Tuy-nhiên ở đây Ngài đang nói đến tầm quan-trọng của ảnh-hưởng chức-vụ Ngài. «Ta đến không phải đem sự bình-an, mà là đem gươm-đáo.» Ngài có dùng lại hình-ảnh này một lần nữa khi nói trước về sự phán-xét sắp đến của Giê-ru-sa-lem (Lu-ca XXI : 24). Rồi cuối cùng, Ngài dùng lại một lần nữa, cách đặc-biệt hơn (Lu-ca XXII : 38). Khi môn-đồ Ngài nói : «Thưa Chúa, có hai thanh gươm đây.» Ngài phán rằng : «Ấy là đủ», rồi bỏ qua vấn-đề. Họ không hiểu Ngài muốn nhấn mạnh rằng đều Ngài đã nói ấy là họ sẽ ra đi làm

nhiệm-vụ, một nhiệm-vụ có tính-cách phân-rẽ, ly-tán. Bây giờ, khi họ nói : «Đây có hai thanh gươm,» Ngài không bảo họ hai cái là đủ, nhưng bỏ qua vấn-đề. Một lần nữa, trong Vườn, Phi - e-ro đã bị quở-trách nghiêm - khắc : Hãy nạp gươm người vào vỏ, cái gươm hữu-hình của người, vì hễ ai cầm gươm thì sẽ bị chết về gươm. Ngài đến đề đem gươm-dáo với ý-nghĩa đó, tức phân-tán gia-đình ; tuy-nhiên Ngài cũng đến đề tạo-lập gia-đình, và tụ-hợp họ lại. Nhưng vì lời dạy của Ngài sẽ trái nghịch với mọi xung-động của hồn nhân-loại, nên không thể tránh sự ly-tán được. Đó là tình-trạng tiếp-diễn từ trước đến nay. Tất cả kẻ làm công cho Ngài đều nhìn thấy gươm-dáo đang phân-ly và bắt đầu đặt trong nhiều phe-đảng khác nhau.

Tất cả những hình-ảnh này đã vận-hành trong địa-hạt nhu-cầu nhân-loại, trong quan-niệm của Ngài về ý-nghĩa thật của việc làm ; và trong lời Ngài kêu-gọi những kẻ theo Ngài, theo đúng mục-đích riêng của Ngài.

xXx

6. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ TRONG BÀI GIẢNG TRÊN NÚI

Ma-thi-ơ XI và XII

HAI đoạn này ghi lại những biến-cố xảy ra trong chức-vụ Chúa Jê-sus suốt thời-kỳ mười hai môn-đồ đi làm nhiệm-vụ đầu-tiên của họ. Đoạn mười một mở đầu : «Vả, Đức Chúa Jê-sus đã dạy các điều đó cho mười hai môn-đồ rồi, bèn lìa khỏi chỗ này đặng đi giảng-dạy trong các thành xứ đó»; tức là trong các thành của mười hai sứ-đồ. Trong khi họ được sai đi truyền-giáo ở một địa-hạt rộng-lớn hơn, thì Ngài đến các thành mười hai người này vừa lìa bỏ. Từ đoạn mười hai cho đến giữa đoạn mười sáu, là khoảng thời-gian Ngài tỏ thái-độ cương-quyết trước sự chống-đối tăng dần của giới cai-trị. Trong hai đoạn mười một và mười hai, chúng ta có sáu hình-ảnh thí-dụ : về cây sậy và người mặc áo tốt-đẹp; con trẻ chơi-đùa giữa chợ; con chiên té xuống hầm trong ngày Sa-bát; cây và trái của nó; Giô-na, một thí-dụ lịch-sử; và cuối cùng, thí-dụ kỳ-lạ về một căn nhà trống và quỷ bị đuổi.

Khởi bước vào vấn-đề đã được mô-tả và áp-dụng, chúng ta hãy lấy thí-dụ về cây sậy và người mặc áo đẹp. Dĩ-nhiên, Ngài muốn ám-chỉ sự cao-cả của người dọn đường cho Ngài, tức Giảng, và ám-chỉ bằng hình-ảnh tương-phản. Lúc ấy Giảng bị bỏ tù và nhờ môn-đệ mình đem thack-mắc hỏi Chúa Jê-sus. Câu hỏi chứng - tỏ nét minh-mẫn và sâu-sắc trong người và một phần nào tâm-trạng bối-rối khác thường của người.

«Thầy có phải là Đấng phải đến, hay là chúng tôi còn phải đợi đấng khác chăng?»

Chúa Jê-sus đã trả lời, một câu trả lời diệu-kỳ và khi

các sứ-giã đã đi về, Ngài dùng những thí-dụ này trước mặt đoàn dân, đó là hai hình-ảnh và một lời nói trực-tiếp về tiên-tri.

Hãy nhìn những hình-ảnh này. Trong số đám đông đang lắng nghe đó, chắc hẳn có người cảm-động khi nghe lời hỏi thăm của Giăng có lẽ tưởng Giăng nghi-ngờ. Ngay nay có người cũng tưởng như thế, và cho đó là kết-quả nổi chán-nản của Giăng lúc bị tù. Nhưng tôi không nghĩ như vậy. Câu hỏi của Ngài hàm-ý không hiểu được phương-pháp của Chúa Jêsus. Dù đám đông có thể nghĩ rằng Giăng, nhà đại-tiền-phong có nhiệm-vụ giới-thiệu chức-vụ Chúa Jêsus, lưỡng-lự, thối-lui, yếu-đuối, nhưng Đấng Christ, với bản-chất cao-cả, lạ-lùng và kỳ-diệu trong cách đối-xử với mọi người, đã cứu Giăng khỏi bị hiểu lầm. Ngài nói : Các người đã đi xem chi trong đồng-vặng ? Có phải xem cây gậy bị gió rung chằng ? Có lẽ lúc đó họ nghĩ Giăng đang lưỡng-lự, đang bị trôi-giạt trong cơn gió thổi qua cuộc đời ông ta. Cây sậy luôn luôn là 'tượng-trưng của yếu-đuối. Trong trũng Giô-đanh sậy vẫn là một hình-ảnh đẹp, thường mọc lên cao độ 7 thước nhưng lúc nào cũng mảnh-mai yếu-đuối và mỗi khi gió lướt qua trũng, đám sậy nghiêng-ngả vì đứng không vững. Chúa Jêsus phán : có phải đó là đều các người đi xem chằng ? Ngài không trả lời câu hỏi đó, cũng chẳng nói thêm điều gì.

Ngài lại phán : Có phải các người đi ra để xem người mặc áo vải mềm (theo bản dịch tiếng Anh) không ? Áo vải mềm là dấu-hiệu của sự thiếu sức. Viết thư cho người Cô-rinh-tô. Phao-lô đã dùng cùng một chữ mà ở đây dịch là "áo vải mềm" tức "yếu-đuối" và chắc hẳn đó là ý-nghĩa của nó. Có phải các người đi ra để xem người mặc áo vải mềm chằng ? Ở đây Chúa Jêsus dùng hai chữ Hi-lạp, trong có gồm những mẫu-tự hoàn-toàn giống nhau, chỉ khác về cách sắp thứ-tự. Cây sậy. *Kalamos* ; người mặc áo vải mềm,

malakos. Phải chăng họ đã đi xem một *Kalamos* hay một *malakos*; một cây sậy bị nghiêng-ngả theo từng cơn gió nhẹ hay một người yếu sức, một người mặc áo vải mềm? Với ý thứ hai, Ngài thêm một chữ đầy ý-nghĩa.

«Kìa, những người mặc áo vải mềm thì ở trong đền vua.» Giảng đang ở trong ngục của vua. Nếu là một người mặc áo vải mềm thì hẳn ông đã không bị giam trong ngục, mà là được ở trong cung rồi. Chú-ý nội-dung mĩa-mai ở trong câu này. Có phải các người đi xem một người dễ bị gió lay-động chăng? Có phải các người đi xem một người suốt đời chỉ biết bán danh-dự để hưởng lạc-thứ riêng chăng? Nhưng ai quen-thuộc với Giảng hẳn biết ông chẳng phải là một cây sậy, chẳng có những ưa-thích ẻo-lả yếu-đuối, sống bám-viu trong đền vua để thỏa-mãn ưa-thích riêng của mình. Giải-thích như thế hẳn đã đủ. Họ lại đi xem một tiên-tri, nhưng Giảng còn hơn là một tiên-tri. Như thế, với thái-độ cao-cả, Chúa chúng ta hết sức bênh-vực Giảng để ông khỏi bị hiểu lầm.

Từ đây, chúng ta tóm-tắt được hai đặc-điểm có thể loại một người ra khỏi chức-vụ tiên-tri, Đó là đặc-điểm gì? Sự yếu-đuối phải nhượng-bộ trước mỗi cơn gió, hay thái-độ dễ-dãi với chính mình khi lựa-chọn mặc áo vải mềm.

Khi bênh-vực Giảng, Ngài nói đến thể-hệ mà Ngài đang sống để thi-hành chức-vụ. Trong bức tranh về trẻ con chơi đùa giữa chợ, vấn-đề Ngài muốn minh-giải ấy là sự vô-lý của thời-đại. Đó là một bức tranh vừa giản-dị vừa đẹp-đẽ. Đây, Ngài đang ở giữa các thành của mười hai môn-đồ, trong lúc họ đang làm nhiệm-vụ giảng đạo; và đột-nhiên Ngài chứng-minh rằng sự giảng đạo của Ngài, cũng như của Giảng, kể mà Ngài vừa mới bênh-vực, là giảng cho một thời-đại đặc-biệt vô-lý. Tôi tưởng đây cũng là đặc-điểm của thời-đại chúng ta đang sống hiện nay.

Bức tranh đó là gì ? Trẻ con giả làm đám cưới và đám tang. Trẻ con chơi-đùa trên đường phố, giữa chợ, có lẽ vào lúc mặt trời lặn, khi chợ vừa tan, ngày đã tàn và trẻ con đã mệt-mỏi. Vài đứa muốn giả làm đám cưới, mấy đứa kia lại không chịu. Rồi chúng đổi ý, bảo nhau : Thôi bây giờ giả làm đám tang. Không, chúng không làm thế. Các người sẽ không than-tiếc khi nghe Giăng rên-rỉ và sẽ không nhảy-múa khi Tà thổi sáo. Giăng đã đến với sứ-điệp nghiêm-trang, khó-khăn, khổ-hạnh và thiết-yếu sâu-xa, kêu gọi người ta ăn-năn mà các người nói người bị quỉ ám và không chịu nghe người. Ta đã đến với tinh-thần nhân-loại đến nỗi mọi người bảo Ta là một Người tham ăn, một kẻ say rượu, một bạn của người thầu-thuế và tội-lỗi. Đó là một thời-đại không thương-tiếc khi Giăng than-khóc và không nhảy-múa khi Chúa Jêsus thổi sáo. Hay chúng ta có thể đổi ngược lại, bảo, Giăng không nhảy-múa khi người ta thổi sáo và Chúa Jêsus không than-tiếc khi họ kêu khóc. Đó là một thời-đại phi-lý. Cái giọng nghiêm-trọng, cứng rắn và khó chịu bị tố-cáo là lời của kẻ bị quỉ ám. Còn lời nói dịu-dàng, nhơn-từ và vui-vẻ của Chúa Jêsus đã bị khước-từ vì thiếu giọng khổ-hạnh. Còn Giăng thiếu bản-chất con người nên người ta cho là bị quỉ-ám. Chúa Jêsus có vẻ thiếu cái nhìn cứng-rắn và khắc-khổ về cuộc đời nên họ bảo nhau : Đấng thềm nghe Người, Người là một kẻ tham ăn và say rượu. Đấng Christ kết-thúc câu chuyện, nói : « Sự khôn-ngoan được xưng là phải, bởi những việc làm của nó ;» hoặc vài bản khác dịch là « được xưng là phải nhờ con-cái của nó. » Nguyên-tắc ở đây vẫn là một. Sự khôn-ngoan nhận biết rằng than-khóc phải có lý-do thật của nó và nhảy-múa đòi hỏi phải có nguồn cảm-hứng chân-chính, và sự khôn-ngoan ấy được chứng-minh bằng những phương-cách được trình-bày giữa mọi người.

Lại nữa, trong đoạn mười hai câu mười một và mười hai, chúng ta có thí-dụ một con chiên ngã xuống hố trong

ngày Sa-bát. Chúa chúng ta muốn minh-giải đề-tài nào ở đây ? Có thể rút ra nhiều ứng-dụng, nhưng ở đây Ngài đang nêu rõ sự đối-trá của truyền-thống-thuyết, thái-độ đối-trá của những kẻ theo chủ-nghĩa truyền-thống trong thời Ngài. Cùng trong đoạn này, câu hỏi được nêu lên khi Ngài đi ngang đồng lúa mì, và lúc này là khi Ngài chữa lành một người đau trong ngày Sa-bát, theo Lu-ca, câu chuyện này xảy ra trong một ngày Sa-bát khác, nhưng Ma-thi-ơ sắp hai sự-kiện gần nhau. Đó là ngày Sa-bát và thái-độ của những người nê-cô đối với ngày Sa-bát được nêu rõ trong câu hỏi về các môn-đồ, và vấn-đề Chúa Jê-sus phải làm gì trong ngày Sa-bát. Điều Ngài đã làm con người tàn-tật ở đây là nguồn-gốc của thí-dụ.

Chúng ta biết, Chúa thường chống-đối sự bó-buộc của thuyết truyền-thống vì nó che lấp luật-pháp của Đức Chúa Trời. Ngài nêu ra một khác-biệt thật rõ-ràng ở đây. Họ dạy những truyền-thống của con người thay cho điều-răn của Đức Chúa Trời và xao-lãng những vấn-đề của luật-pháp. Hãy trở về với thời-đại ấy. Người ta có luật-lệ của Đức Chúa Trời vì chính Môi-se đã trao cho họ, đó là luật-pháp được viết ra trong Kinh-thánh của họ. Họ đã thêm vào đó luật truyền miệng. Luật truyền khẩu gồm lời giải-thích luật viết của Đại Giáo-hội (Great Synagogue) gọi là Abhoth, có nghĩa là Tờ-tiên. Ý-kiến của các Tờ-tiên này tạo nên truyền-thống cho họ và cố-gắng giải-thích luật-lệ đương thời. Lại nữa, từ những truyền-thống mà họ gọi là Abhoth này, họ còn có một phần khác gọi là Toldoth, và Toldoth có nghĩa là con cháu. Đó là những qui-luật phát-xuất từ lời giải-thích của các Tờ-tiên, phải do từ chính luật-lệ trên. Kết-quả là truyền-thống chông-chất trên truyền-thống, trút lên con người những gánh nặng không thể chịu-đựng được.

Hãy lấy vấn-đề ngày Sa-bát làm ví-dụ. Luật-pháp bảo, ngày Sa-bát không được làm gì hết. Thế là Abhoth,

hay bậc Tô-tiên, theo đó bảo : Gặt và đập lúa đều là công-việc ; như vậy không được gặt và đập lúa trong ngày Sa-bát. Rồi đến thời Toldoth, họ nói : Bứt bông lúa mi bằng tay tức là gặt, và chà vỏ lúa tức là đập lúa. Đó là lý-do người Pha-ri-si chống-đối việc làm của các môn-đồ. Lời giải-thích phụ của họ về luật-pháp ấy là nếu môn-đồ bứt bông lúa rồi chà vỏ, tức là đã vi-phạm luật-pháp, đã gặt và đập lúa. Đó là một điều tự-nhiên và hoàn-toàn có thể xảy ra. Ngay cả ngày nay cũng có những người câu-nệ truyền-thống trong những vấn-đề ngu-dại và trong tôn-giáo ; tô-tiên nói một điều gì rất thành-thật, nhưng con cháu lại lợi-dụng thêm-thắt vào đó và kết-qua là đưa đến những luật-lệ trống-rỗng, vô-nghĩa, lố-bịch chủ-trị con người.

Những người Pha-ri-si này chỉ-trích Chúa Jê-sus và tự hỏi không biết Ngài sẽ làm gì đối với người tàn-tật này trong ngày Sa-bát ; và Ngài hỏi : Ai trong vòng các người có một con chiên, nếu đương ngày Sa-bát, bị té xuống hầm thì há không kéo nó lên sao ? Phần lớn trong họ, nếu thấy một con chiên bị té xuống hố trong ngày Sa-bát, hẳn sẽ không kéo nó lên đâu ; nhưng nếu con chiên đó của họ, họ sẽ kéo lên ngay ! Đây chính là vấn-đề. Ai trong các người, có một con chiên rơi xuống hố mà chẳng kéo nó lên trong ngày Sa-bát sao ? Con người có giá-trị hơn con chiên biết bao ! Người này thuộc về Đức Chúa Trời. Con chiên thuộc về các người. Các người có một luật-lệ để áp-dụng cho tài-sản của Đức Chúa Trời. Một con chiên, nếu là của các người, các người sẽ giải-cứu. Một người, nếu là một người của Đức Chúa Trời đang bị đau-khò, các người bảo rằng giải-cứu người tức là vi-phạm luật-lệ ngày Sa-bát. Ứng-dụng cuối-cùng ấy là Ngài chữa lành người tàn-tật hôm ấy. Vì là tài-sản của Đức Chúa Trời, người là thiêng-liêng, và được phục-hồi thánh-khiết khi Chúa Jê-sus chữa lành cho người. Chủ-nghĩa

truyền-thống chỉ là giả-dối.

Tiếp theo, từ câu ba mươi ba đến ba mươi lăm, chúng ta có thí-dụ Ngài đã dùng trong Bài Giảng Trên Núi về cây và trái. Đề-tài minh-giải ở đây là sự giả-dối của quân thù Ngài. Tại đây, chúng ta đang ở trong địa-hạt tranh-luật. Ngài đang cực-lực phản-đối thái-độ của phe đối-lập. Họ là những kẻ giả-dối. Họ gáo quả tốt cho một nguồn xấu. Họ bảo rằng vì Ngài là chúa quỉ nên mới đuôi được quỉ. Bởi chiến-thắng Sa-tan, Ngài bị kết án là đồng-lừa với Sa-tan. Cuối-cùng Đấng Christ phán cùng họ : Hãy thành-thật. Hãy đoán-xét Ta cách thành-thật, cũng như nói rằng, bởi kết-quả của ta.

Ngay sau đó Ngài áp-dụng thí-dụ và bảo, họ không thể nào thành-thật được, vì đó là ý-nghĩa của lời giải-thích : « Bay vốn là loài xấu, làm sao... ? » Ngài kêu-gọi họ suy-nghĩ thí-dụ về cây và trái mà ứng-dụng vào chính Ngài cùng việc làm của Ngài. Ngài kêu-gọi họ thử-nghiệm Ngài và khám-phá bí-quyết khả-năng của Ngài, qua những điều họ đang nhìn thấy, những điều Ngài đã làm, qua trái cây Ngài đã sản-xuất.

Một lần nữa, trong câu bốn mươi và bốn mươi mốt họ lại đòi xem một dấu-lạ từ trời. Chỉ cần suy-nghĩ về cách chữa bệnh của Ngài cũng đủ kinh-nghiệm rồi, thế nhưng bọn người này còn muốn xem dấu lạ từ trời nữa. Ngài đã dùng dấu lạ lịch-sử về Giô-na. Ngài muốn minh-giải vấn-đề gì ở đây ? Ngài chứng-tỏ cho họ thấy rằng dấu lạ không đủ giá-trị làm ủy-nhiệm trọng được ; nhưng giá-trị tối-hậu nằm trong dấu lạ mà họ không thể chạy chối được. Chú-ý ở đây Ngài từ-chối không cho họ một dấu lạ nào khác ngoài dấu lạ đã chép trong văn-chương của họ mà họ chỉ có thể đọc và giải-thích khi Ngài dùng nó để áp-dụng cho chính mình Ngài, Sẽ không cho dấu lạ nào khác ngoài dấu lạ về tiên-tri Giô-na. Trong khi nói với

họ, Ngài bày-tỏ lý-do bí-ẩn của việc đòi dấu lạ này. « Dông-dõi hung-ác gian-dâm, này xin một dấu lạ. » Hung-ác, *Poneros*, tức nguy-hại ; và gian-dâm, tức không có đức-tin, đánh dấu mối liên-hệ của họ đối với Đức Chúa Trời, thể-hiện qua những hình-ảnh trong Cựu-Uớc về sự đình-hôn giữa Đức Chúa Trời với dân-sự Ngài. Chúa Jê-sus bảo cho bậc cai-trị này biết rằng, trong lúc họ xin Ngài một dấu lạ, gọi Ngài bằng Thầy mà không vâng-giữ đều Ngài phán-dạy, lại đùa-cợt đòi xem dấu lạ đẹp mắt từ trời ; Ta biết ý-nghĩa câu hỏi của các người rồi. Các người hung-ác và gian-dâm. Các người gây ảnh-hưởng nguy-hiêm trên kẻ khác, vì các người không hòa-hợp với Đức Chúa Trời và bất-trung với Ngài. Các người sẽ không được một dấu lạ nào ngoài dấu lạ về tiên-tri Giô-na, vì như Giô-na đã ở trong bụng cá ba ngày ba đêm thề nào thì con người cũng sẽ nằm trong lòng đất ba ngày ba đêm thề ấy. Kinh-Thánh không chép đó là cá voi, nhưng là một « con cá lớn. » Một số người quá câu-nệ về đo-lường cố tìm xem một người có thể nằm trong bụng cá hay không, chẳng chịu đo-dò chiều sâu của Thần-tánh Đức Chúa Trời. Sách Giô-na chép « Đức Chúa Trời sắm sẵn một con cá lớn. » Giô-na là một dấu lạ đối với Ni-ni-ve. Nếu câu chuyện không thật thì dấu lạ ấy không có ý-nghĩa. Câu chuyện Giô-na đòi-hỏi tính-cách lịch-sử. Làm thế nào Giô-na trở thành một dấu lạ đối với Ni-ni-ve ? Đoàn thủy-thủ trên tàu đã miễn-cưỡng quăng người ra khỏi tàu. Dĩ-nhiên họ là những con người rất tốt. Họ không muốn làm thế, nhưng người đã nấn-nỉ họ. Đối với họ, người kẻ như đã chết rồi. Sau đó họ đến đất liền, và bắt gặp chính con người họ đã quăng xuống biển, đang đứng giăng. Dấu lạ kỳ-diệu, huyền-bí về một con người từ kẻ chết sống lại để giăng cho Ni-ni-ve, khiến Ni-ni-ve ăn-năn và cứu-thoát thành được một trăm năm. Chúa Jê-sus đem

những người này lùi lại giòng lịch-sử, và báo trước về tương-lai liên-quan đến chính Ngài.

Trước đây đã có lần, như Giăng có chép, họ xin Ngài một dấu lạ khi Ngài bắt đầu một chức-vụ. Câu trả lời của Ngài ấy là : « Hãy phá đền-thờ này và trong ba ngày, ta sẽ xây-dựng lại. » Cả hai ý cũng chỉ là một. Dấu lạ duy-nhất về bản-chất thiêng-liêng của chức-vụ Ngài, và của nhân-cách Ngài sẽ được bày-tỏ qua sự chết cùng sự sống lại của Ngài. Câu Ngài vừa nói mang ý-nghĩa lớn-lao. Lúc ấy có ai hiểu được ý-nghĩa câu nói hay không, chúng ta không được rõ ; nhưng giấy-tờ để lại cho chúng ta, cũng như cho mọi thời-đại, chứng-tỏ rằng đều đẹp mắt mà mấy người này xin, không được Ngài đáp lại ; và thật vậy, đó là một sự-kiện hiển-nhiên đến nỗi trong suốt chức, vụ của Ngài, mỗi lần Ngài thương-xót làm một phép lạ. Ngài luôn cấm người ta không được nhắc lại cho ai nghe.

Hình-ảnh cuối-cùng ở trong câu bốn mươi ba đến bốn mươi lăm. Điều cần lưu-ý ấy là mỗi hình-ảnh thí-dụ đều có một ứng-dụng cho thể-hệ đó, và cho riêng mỗi đời sống cá-nhân. Tuy-nhiên, Ngài lại không nói với thể-hệ đương-thời mà Ngài đã thi-hành chức-vụ nối-tiếp chức-vụ của Giăng. Toàn-thể chức-vụ của Giăng cũng như của Chúa Jêsus ấy là đã đui được nhiều quỉ. Đó là một chức-vụ tẩy sạch, thanh-lọc, trừ tà. Đó là điều Chúa chúng ta muốn minh-giải. Ngài lấy câu chuyện một ngôi nhà bỏ trống. Tất cả đều Ngài muốn nhấn mạnh qua hình-ảnh ngôi nhà này là địa-vị của nhà lúc quỉ trở lại nhìn ngôi nhà. « Quỉ thấy nhà không, quét sạch, và sửa-soạn tử-tế. » Vâng, đúng thế, nhưng nhà trống-rỗng. Ngài muốn ám-chỉ thể-hệ Ngài đang sống, một thể-hệ xấu-xa, đã được quét sạch và sửa-soạn tử-tế nhờ lời dạy-dỗ của kẻ đến trước Ngài và của chính Ngài, nhưng chưa có ai ở, còn bỏ trống. Ngài nhấn mạnh rằng nếu thể-hệ này hoặc bất-cứ một

thế-hệ nào khác bị bỏ trống như vậy, thì sẽ trở thành nhà ở của bảy quỷ. Điều minh-giải ở đây là mối nguy-hại của một căn nhà không người ở.

Ứng-dụng dành cho thế-hệ đó. Căn nhà được thoát khỏi quỷ trong ít lâu nhưng bị bỏ trống. Nó thiếu một chủ mới. Nó cần một chủ thay-thế cho chủ đã bị đuổi và ngôi nhà trống là dịp cho quỷ trở lại, mạnh hơn trước gấp bảy lần. Chúng ta phải lấy đó đem ứng-dụng cho chính mình, hay cho thời-đại chúng ta. Cải-cách mà thiếu tái-tạo thì vô-ích. Chúng ta có thể quét nhà, sửa-sang từ-tế, tạo ra một khung-cảnh mới-mẻ nhưng nếu không giao cho một chiếm-hữu mới, một Chúa mới, một Chủ mới thay cho quỷ cũ, thì nhiều quỷ sẽ trở lại với lực-lượng gấp bảy lần. Chỉ cải-cách không đem lại giá-trị, mà còn đưa đến tình-trạng hoang-vu tệ-hại hơn. Cách duy-nhất có thể hàn-gắn một con người hay một thời-đại ấy là cải-cách kèm theo sự tái-tạo và sự tiếp-đón Chúa cùng Chủ mới. Đó cũng là nhu-cầu của mỗi cá-nhân.

7. KẾ-HOẠCH TỔNG-QUÁT

Ma-thi-ơ XIII

ĐOẠN này gồm phần lời giải-thích của Chúa chúng ta về lý-do Ngài dùng phương-pháp ví-dụ, rất quan-trọng và thú-vị. Về phương-diện thời-gian, đoạn này đánh dấu một giai-đoạn trong chức-vụ Chúa chúng ta khi Ngài dùng cùng một phương-pháp thí-dụ nói chuyện với đám đông để nói chuyện với môn-đồ. Đoạn này gồm tám thí-dụ, đưa ra trong cùng một cơ-hội, nhưng không cùng một buổi nói chuyện, qua bằng-cớ trong câu năm mươi ba. Như thế, ở đây chúng ta sẽ khảo-sát tổng-quát để chuẩn-bị cho giai-đoạn phân-tích chi-tiết hơn.

Tại bờ biển, Chúa Jêsus đưa ra thí-dụ đầu-tiên, về người gieo giống, rồi giải-thích, theo lời yêu-cầu của môn-đồ và chắc hẳn có cả đoàn dân ở đó nữa. Sau lời giải-thích, Ngài đưa ra ba thí-dụ khác, cũng tại bờ biển, Ngài ngồi trên một chiếc thuyền trong lúc đoàn dân tụ-tập trên bờ. Đến câu ba mươi sáu, chúng ta thấy Ngài lìa đoàn dân và vào nhà. Việc đầu-tiên Ngài vào trong căn nhà này cũng là giải-thích một trong những thí-dụ vừa qua, theo lời yêu-cầu của môn-đồ, đó là thí-dụ công-cộng thứ hai. Rồi tại trong nhà này, Ngài đưa ra bốn thí-dụ nữa.

Khảo-sát tổng-quát. Qua những thí-dụ này, chúng ta tìm thấy Vua đã nhìn Nước Ngài theo như lịch-sử của nó trong thời-đại Ngài mới sáng-lập. Những thí-dụ, hình-ảnh, câu chuyện này nói lên quan-diểm của Ngài về Nước thiên-đàng, không phải trong ý-nghĩa vĩnh-cửu nhưng là trong lịch-sử của nó ở thời mà Ngài đã khởi đầu khi xuống thế-gian này.

Thí-dụ thứ nhất chỉ bày-tỏ bản-chất chức-vụ Ngài.

Đó là thí-dụ về người gieo giống. Thí-dụ thứ hai mở đầu với những chữ : «Nước Thiên-đàng được đồng-hóa với (1). Thí-dụ thứ nhất không có câu nào như thế, và Ngài cũng không bao giờ dùng lại câu đặc-biệt này trong suốt đoạn, nhưng dùng câu : «Nước Thiên-đàng giống như.» Câu mở đầu thí-dụ thứ hai, có thể dịch là : Nước Thiên-đàng đã trở nên như. Lời giới-thiệu này chứng-tỏ Chúa chúng ta đang nghĩ đến Nước thiên-đàng như một sự-khien vinh-cửu nhưng tình-trạng cũng như cách-thể xuất-hiện của nó đã thay-đổi. Nước Thiên-đàng đã trở nên giống như ; có nghĩa là sự hiện đến của Ngài đã mang lại một đổi-thay, và Ngài cho chúng ta thấy bản-chất sự thay đổi đó.

Năm thí-dụ kế-tiếp, hai thí-dụ giữa đám đông và ba thí-dụ trong nhà riêng, đều mở đầu : «Nước Thiên-đàng giống như.» Đây là đặc-điểm chung của sự thay-đổi và kết-quả của nó. Đây là những bức tranh của một thời-đại nhất-định. Giới-hạn được nêu ra trong hai câu ba mươi chín và bốn mươi chín, khi Chúa chúng ta nói về ngày cuối-cùng của thời-đại, không phải của thế-giới, dịch như vậy không đúng lắm. Khi người ta nói về lúc tận-cùng của thế-giới, họ thường ngụ-ý một cơn đại-biến, một sự tiêu-diệt, sự chết. Nhưng đó không phải là ý Chúa chúng ta muốn nói. Ngài nói về « kỳ chung-kết thời-đại.» Quan-điểm của Ngài là một khoảng thời-gian.

Ngài nói ở đây để soi sáng, không phải để che-khuất, nhưng là để minh-giải và quấy-rũ con người khám-phá huyền-nhiệm qua hình-ảnh tượng-trưng. Vì thế, những thí-dụ ở đây phải được khảo-sát trên trình-độ đơn-giản nhất. Năm lấy những hình-ảnh tượng-trưng, và làm chủ chúng,

(1) Theo bản dịch tiếng Anh : The Kingdom of heaven is likened unto.

tức là chúng ta đã với được cái gì cao-cả.

Tiêu-chuẩn thứ hai ấy là tầm ứng-dụng phải giới-hạn trong khoảng thời-gian được nhắc đến. Nếu không, chúng ta sẽ không hiểu được điều Chúa muốn dạy ở đây. Đó là những bức tranh của một thời-đại, bắt đầu từ lúc Ngài hiện đến lần thứ nhất và tận cùng với sự hiện đến lần thứ hai của Ngài là những hình-ảnh của thời-kỳ chúng ta đang sống ngày nay. Giới-hạn tầm ứng-dụng này sẽ giúp chúng ta tránh những lầm-lỗi đại-dột đương thời về công-việc của Hội-thánh và về tình-trạng của thế-giới.

Một lần nữa, trong lúc khảo-sát lời dạy tượng-trưng của Chúa Jê-sus, chúng ta thấy Ngài luôn luôn dùng những danh-từ thích-hợp với nghĩa tượng-trưng riêng của chúng. Ngài không bao giờ dùng lẫn-lộn. Tôi sẽ cả gan mà nói rằng cả Kinh-Thánh đều như thế. Ngôn-ngữ tượng-trưng của Kinh-Thánh luôn luôn tương-hợp với những nguyên-tắc căn-bản.

Qua những thí-dụ trong đoạn này, chúng ta thấy Nước Thiên-đàng được nhìn dưới khía-cạnh quá-trình diễn-tiến của nó trong thời-đại này, giữa loài người. Những thí-dụ nói giữa đoàn dân trình-bày Nước Thiên-đàng theo quan-điểm con người. Nhóm thí-dụ thứ hai, nói với các môn-đồ, cũng đề-cập cùng một thời-đại, nhưng Nước Thiên-đàng được nhìn theo khía-cạnh của Đấng Thiêng-liêng.

Trong bốn thí-dụ đầu, tức những thí-dụ trình-bày quan-điểm con người, Chúa chúng ta mô-tả hai lực-lượng đối-lập đang hoạt-động trong lịch-sử nhân-loại. Ngài không những chỉ nhắc đến hai lực-lượng, nhưng còn nói rõ là sẽ có cơn giao-tranh liên-tiếp và dai-dẳng giữa hai phe. Theo bốn thí-dụ đó, cuối-cùng kẻ ác có vẻ thắng, trên bình-diện thuộc về đất và theo quan-điểm loài người. Nên nhớ rằng Ngài đang nhìn bước diễn-tiến của Nước Thiên-đàng đúng

như mắt Ngài nhận thấy, và về ra cái nhìn của Đức Chúa Trời về thời-kỳ ấy.

Trong thí-dụ về người gieo giống và hạt giống, công việc của Vua được nêu rõ-ràng, ấy là rải-rác những người của lời Đức Chúa Trời ra khắp nơi để đem những kết-quả cho Nước Thiên-đàng. Con trai của Nước Thiên-đàng, tức những kẻ được Ngôi Lời hiện-thân ngự-trị, phải tan-lạc đó đây để kết-quả cho Nước Thiên-đàng; và những kết-quả chiến-thắng này có vẻ rất ít-oi vì có kẻ thù đang hoạt-động, phá-hoại hột giống nơi đất để ngăn-trở kết-quả của Nước Thiên-đàng.

Trong thí-dụ tiếp theo có hai cuộc gieo giống. Lần này, Người Gieo giống vẫn là Vua, gieo những con trai Nước Thiên-đàng trong ruộng Ngài. Đồng-thời kẻ thù cũng gieo những con trai của kẻ ác trong ruộng đó. Lúa mì và cỏ lùng, cỏ hoang của Phương-Đông mọc lên giống lúa mì đến nỗi những người chuyên-môn cũng khó phân-biệt hai thứ ngay lúc đầu được.

Trong thí-dụ thứ ba, Nước Thiên-đàng được ví như một cây cải, lớn cách bất-thường, tượng-trưng cho sự bành-trướng của những giá-trị sai-lầm thuộc về đất, sai hẳn với ý-định của Vua, sẽ xuất-hiện sau này.

Một lần nữa, Ngài nhắc đến men trong đồng bột, lời giới-thiệu về nguồn-gốc làm hư và ly-tán, gây tình-trạng suy-đổi và tê-liệt bên ngoài. Đó là bốn bức tranh của Chúa chúng ta về Nước Thiên-đàng, trình-bày cho đoàn dân; và quan-điểm này hòa-hợp với lịch-sử của một ngàn chín trăm năm, và với báo-chí sáng mai.

Khi khảo-sát loạt thí-dụ thứ hai, sau lúc Ngài đã vào nhà, chúng ta thấy Ngài nói chuyện ngay với những người vừa bao quanh Ngài, những người phải chịu trách-nhiệm về kế-hoạch Ngài trên thế-gian, và Ngài cho họ thấy Nước

Thiên-đàng theo quan-điểm dựa trên tiêu-chuẩn Thiên-thượng. Ở đây, tất cả bọn họ chỉ làm một công-việc, và trong mỗi trường-hợp, sự thành-công toàn-vẹn của công-việc đó vừa chấm-dứt thời-đại Ngài đang khởi-đầu, vừa tiến tới Nước Ngài đang mô-tả. Lúc ấy những gì thuộc về kẻ ác bình như đã chiến-thắng, liền bị tiêu-diệt ; và những gì thuộc về mục-dịch của Vua được thực-hiện trong vinh-quang.

Thí-dụ về cửa-báu trong đám ruộng, tức những gì có thể tiềm-ẩn trong đám ruộng. Đám ruộng là thế-gian. Một người đem tiền mua đám ruộng. Đó là thái-độ Thiên-thượng. Ngọc-châu trong ruộng, với những giá-trị tiềm-ẩn của nó, và giữa cửa-báu, nó là cửa-báu tuyệt-đỉnh ; và một người đã hi-sinh để chắc-chắn được chiếm-hữu kho-tàng đó. Đây cũng lại là cái nhìn Thiên-thượng. Ngọc-châu ở đây không phải là Christ nhưng là Hội-thánh Ngài. Nên nhớ rằng, người này, người lái buôn này, bán tất cả để chiếm-hữu cửa báu. Chúng ta có gì có giá-trị để bán ? Không có chi cả. Lại nữa, thí-dụ về tay kéo lưới. Ở đây không nói có một bàn tay nào quăng lưới. Lưới đang chao đi chao lại giữa dòng nước. Đó là hành-động của Đấng thiêng-liêng. Ngài đang thả lưới. Đó là phương-pháp của thời đó, và bao-gồm đủ mọi tình-trạng của con người, đủ mọi thứ cá ; nhưng có một sự phán-xét sau cùng, Chúa chúng ta cho biết kết-cuộc ấy sẽ thuộc về Thiên-thượng. Nó sẽ không thuộc trong tay con người, nhưng trong tay thiên-sứ. Thiên-sứ là những con gặt. Thiên-sứ đầy mọi thứ cá vào lưới. Tại Phi-líp thuộc Sê-sa-rê lần đầu-tiên khi Jêsus nói với môn-đồ về Thập-tự-giá, Hội-Thánh cùng sự đến của Ngài, Ngài bảo rằng, Con người sẽ đến trong đám mây với mọi thiên-sứ thánh. Thời-đại sẽ chấm-dứt một cách siêu-nhiên, khi mà thiên-sứ thật sự tham-dự trong công-việc loài người, dưới sự điều-khiển của Ngài.

Nói xong bảy thí-dụ, Ngài nhĩa nhóm người ít-oi

này rồi hỏi : Các người có hiểu mọi điều đó chăng ? Họ đáp : Có hiểu. Dĩ-nhiên họ hiểu đến mức-độ tin rằng Christ có thể nói thêm một thí-dụ nữa để tỏ cho biết trách-nhiệm của họ đối với những điều này vì họ là những thầy thông-giáo đã được học về Nước Thiên-đàng.

Ngày Chúa bắt đầu nói thí-dụ là một ngày lớn-lao : Bốn thí-dụ nói cho đoàn dân, và bốn nói cho kẻ thuộc về... Bốn thí-dụ đầu nói lên quá-trình diễn-tiến của Nước Thiên-đàng qua một thời-đại, trên bình-diện loài người. Ba thí-dụ nói về đà diễn-tiến của Nước theo quan-điểm Thiên-thượng, theo tiêu-chuẩn và mục-đích của Đấng Thiêng-liêng ; và thí-dụ cuối-cùng bày-tỏ trách-nhiệm của kẻ thuộc về Ngài trước quan-điểm như thế về Nước Thiên-đàng.

Nếu ai tưởng rằng cả thế-giới phải được biến-cải và thay-đổi, hiện-tại được thay-đổi ấy là kết-quả của việc họ làm, thì kẻ đó thật đã mù-lòa. Đấng Christ phản-đối niềm-tin đó và cả Lịch-sử cũng chống-đối. Những hoạt-động trong thế-giới ngày nay cũng nghịch lại một niềm-tin như thế. Khi chúng ta nhìn kế-hoạch này trong thời-đại dưới quan-điểm Thiên-thượng, tấm lòng chúng ta sẽ được an-nghỉ. Thí-dụ sau cùng ở đây nói lên tầm quan-trọng của chúng ta là những thầy thông-giáo đã được học về Nước Thiên-đàng. Chúng ta phải có quan-niệm của Thầy mình, nếu chúng ta muốn hầu việc Ngôi Nước này không chút buồn giận, nóng-nảy, và mất năng-lực trầm-tĩnh.

8. NGƯỜI GIEO GIỐNG

Ma-thi-ơ XIII : 3-9 và 18-23

Thí-dụ thứ nhất về Người Gieo giống là một trong hai thí-dụ chính Chúa đã tự giải-thích. Vì thế cả hai có giá-trị vô-cùng. Chúng ta không phải thắc-mắc gì về ý-nghĩa Chúa chúng ta muốn nói về đã có ghi lại lời Ngài giải-thích cho môn-đồ Ngài.

Trước hết, chúng ta hãy xem bức tranh Ngài trình-bày về người gieo giống ; sau đó, suy-nghĩ về lời giải-thích của Ngài cho đám đông và cuối-cùng, vạch ra bài học riêng cho chúng ta.

Bức tranh người gieo giống hoàn-toàn tự-nhiên nhưng màu-sắc đượm về Đông-phương hơn là Tây-phương. Đối với những ai được sanh-trưởng trong chốn nông-thôn quen-thuộc với hình-ảnh người gieo giống đi ra để gieo, thì bức tranh này có nhiều ý-nghĩa. Như thế, chúng ta sẽ hiểu rõ câu chuyện nếu luôn nhớ rằng đây là bức tranh của Đông-phương. Trong tác-phẩm *Land and the Book* của Thom son, Ông đã mô-tả người gieo giống của Đông-phương rất rõ-ràng như sau :

‘Kìa, một người gieo giống đi ra dặng gieo.’ Câu nói này cho ta thấy một nối-kết mật-thiết và đẹp-đẽ với nếp sống thực-tế. Những con người này thật sự đã ra đi từ thán-g sáu để đến nơi này. Câu nói ngụ-ý rằng người gieo giống, trong thời Cứu-Chúa chúng ta, sống trong một thôn-xóm, hay làng-mạc, như mọi nhà nông hiện vẫn sống ngày nay ; rằng người không gieo gần nhà mình, hay trong một khu vườn có rào hoặc tường ngăn, vì một khu ruộng như thế không cho ta biết đủ mọi nền-tảng của thí-dụ. Một chỗ đất như vậy sẽ không có đường, có gai, hoặc có

nơi đá-sỏi. Người phải đi ra ngoài đồng quê, nơi không có rào ngăn ; nơi có lối đi bằng ngang xứ đã khai-khân ; nơi gai-gốc mọc đầy ; nơi đá sỏi lôm-chôm có ít đất thịt và nơi đất màu-mỡ. Tại đây chúng ta có cả bốn thứ đất ở gần mình. Ngựa chúng ta đang thật sự dẫm những hạt giống rơi dọc đường, và chim họa-mi cùng chim sẻ tụ-tập mổ ăn. Người nầy dùng cuốc đào những nơi có đá gần ruộng cày ; và phần lớn những hạt giống rơi xuống đất sẽ héo đi, vì không đâm sâu xuống đất. Một số khác rơi vào giữa "bellan" (tức là bụi gai) và sẽ bị những bụi gai chằng-chịt nầy làm nghẹt ngòi. Nhưng một phần lớn, cuối-cùng rơi nhằm đất thật tốt, và sau bốn tháng, sẽ đem lại mùa-màng đủ loại. »

Trước hết hãy nhìn bức tranh cách tổng-quát với hình-ảnh Đông-phương ấy trong trí. Có bốn điểm làm chúng ta chú-ý trong câu chuyện Chúa Jê-sus kể ; thứ nhất, người gieo giống ; thứ hai, hạt giống ; thứ ba, đất ; và cuối-cùng kết-quả.

Sau đó chúng ta chú-ý lời giải-thích của Chúa về bức tranh nầy. Điểm đặc-biệt là tên người gieo giống không được nhắc đến ở đây. Ngài bắt đầu cách gãy-gọn : « Có người gieo giống đi ra đặng gieo. » Đó là một sự thật, nhưng theo lời dạy-dỗ, thì Ngài không nêu tên người gieo giống, và trong lời giải-thích cũng thế. Ngài không nói tên kẻ gieo giống là ai. Tuy-nhiên, đến câu ba mươi bảy, chúng ta biết người đó. Khi môn-đồ xin Ngài giải nghĩa thí-dụ về cỏ lùng, Ngài đáp : « Kẻ gieo giống tốt là Con người. » Điều nầy cũng áp-dụng tương-tợ cho thí-dụ về người gieo giống.

Điểm đặc-biệt thứ hai là giá-trị chính của bức tranh chính là mối tương-quan giữa hạt giống với đất. Đây là những nguyên-tắc nền-tảng cần ghi nhớ khi chúng ta đi vào chi-tiết những thí-dụ tuyệt-diệu nầy. Người gieo giống

không được nhắc đến nhưng chắc hẳn Chúa ám-chỉ về chính mình Ngài khi Ngài phán : « Kẻ gieo giống tốt là Con người. »

Lại nữa, cần nhớ là chỉ có một Người gieo giống và một thứ đất. Người Gieo giống là Con người. Đất là gì ? Ngài không gọi tên đất. Con đường cứng, gai-gốc, đá sỏi, không tạo nên đất trồng-trọt nhưng chính mặt đất tạo nên. Nếu chúng ta muốn biết đất này là gì, một lần nữa, chúng ta lần sang thí-dụ tiếp theo. Tiếp câu ba mươi bảy : « Kẻ gieo giống tốt là Con người, » Ngài nói « và ruộng là thế-gian. » Chúng ta hãy cần-thận ghi-nhớ điều đó.

Sự-kiện đáng lưu-ý tiếp theo là hạt giống có thể rơi vào nhiều hoàn-cảnh khác nhau và đất đáp-ứng hạt giống nhiều cách khác nhau. Lúc giải-thích thí-dụ, khi nhắc đến hạt giống, Ngài dùng chính con người để giải-thích. Những lời giải-thích này bắt đầu từ câu mười chín :

« Khi người nào nghe đạo Nước Thiên-đàng mà không hiểu, thì quỷ dữ đến cướp đều đã gieo trong lòng mình ; ấy là kẻ như hạt giống rơi ra dọc đường. » Câu 20 : « Người nào như hạt giống bị gieo nơi đất đá sỏi. » Câu 22 : « Kẻ nào như hạt giống bị gieo nơi bụi gai. » Câu 23 : « Kẻ nào như hạt giống gieo nơi đất tốt. »

Chúa chúng ta giải-thích về Nước Thiên-đàng cùng công-việc Ngài trong Ngôi Nước đó và nói về hạt giống. Ngài dùng đại-danh-từ giống đực để chỉ toàn-thể nhân-loại. Như thế, ở điểm này, hạt giống phải được nhìn theo ý-nghĩa đó. Có nhiều cách đáp-ứng của đất, và những cách đáp-ứng đó tùy-thuộc vị-trí của hạt giống được gieo xuống đất. Chúng ta sẽ thấy rõ điều đó sau này.

Trước hết, chúng ta xem : « Kẻ nào như hạt giống gieo ra dọc đường. » Chú-ý tầm nhãn mạnh ở đây. Số-phận người ấy ra sao ? Chim bay xuống và ăn. « Kẻ nào nghe Đạo Nước Thiên-đàng mà không hiểu, thì quí dữ đến cướp đều đã gieo trong lòng mình. » Chúng ta thấy một nhân-cách, và hơn nữa, một con người như một hạt giống, hạt giống của Nước Thiên-đàng, rơi ra dọc đường nhưng chim trời đã cướp mất những gì đã gieo trong lòng người, những gì đã khiến người là một hạt giống của Nước Thiên-đàng. Đối với hạng người ấy, đất không đáp-ứng, thờ-ơ. Hạt giống này rơi dọc đường. Nó không thể được tiếp-nhận, và điềm nhãn mạnh — kỳ-lạ như thế sự hai điều này lẫn-lộn nhau — không nói về đất tức một sự thích-hợp, nhưng nói về hạt giống. Nếu hạt giống mất sức sống vì bị chim ăn hết thì đất sẽ không nhận hạt giống ấy.

Lại nữa : « Kẻ nào bị gieo nơi đá sỏi. » Khi người này bị gieo ra, mặt trời « mọc » lên và hạt giống phải « héo. » Kẻ đó là ai ? Chú-ý điềm nhãn mạnh ; « Kẻ nghe Đạo liền vui-mừng chịu lấy, nhưng trong lòng không có rễ. » Người chỉ chịu-đựng một lúc thôi. « Khi vì Đạo mà gặp sự cực-khổ, sự bắt-bớ, thì liền vấp-phạm. » Vì thế người cũng chỉ là một hạt giống vô giá-trị trong cuộc gieo giống ở đời này, và đối với hạng người ấy, đất cũng tàn-bạo, cắn-cổ. Đó là những chỗ đá sỏi.

Tiếp theo : « Kẻ bị gieo giữa bụi gai. » Người này là ai ? Người là kẻ đã nghe Đạo nhưng để cho sự lo-lắng của thời-đại, và sự lừa-dối của giàu-sang làm nghẹt-ngòi Đạo, và như thế, người như một hạt giống vẫn có giá-trị đối với Nước Thiên-đàng mà lại không kết-quả. Gai-

gốc mọc lên làm nghệt-ngồi. Trong trường-hợp đó, đất trở nên phá-bại.

Một lần nữa : « Kẻ được gieo nơi đất tốt. » Người này là ai ? « Kẻ nghe Đạo và hiểu, » kẻ đem lại kết-quả. Đối với người ấy, đất là một chỗ đất tốt, đáp-ứng, kết-quả và xây-dựng.

Trong câu chuyện này, theo lời Chúa chúng ta giải-thích, hình như có một điểm khác lạ. Một số người có thể cho rằng có sự mâu-thuẫn giữa những lần nhắc đến sự dạy-dỗ trong câu chuyện và lối giải-thích. Thật ra, không có sự khác-biệt nào. Trong lời dạy-dỗ, sự nhấn mạnh là ở nơi đất. Trong Lời giải-thích, nhấn mạnh nghiêng về bản-chất của hạt giống rơi xuống đất. Hạt giống gieo ra, như chúng ta thấy, chính là con người, nam lẫn nữ. Nhưng đằng sau tự gieo đời sống nhân-loại trong thế-gian, theo ý-hướng Thiên-thượng, còn có một sự gieo giống khác, đó là gieo Lời trong lòng người. Trở về với câu chuyện của Lu-ca, chúng ta thấy rõ việc đầu-tiên ấy là gieo Lời (Đạo) trong lòng mỗi cá-nhân. Như thế, vốn là hạt giống của Nước Thiên-đàng, mỗi người được tung ra giữa thế-gian. Hạt giống sau cùng chính là Đạo. Thế-gian là ruộng, diềm chúng ta sẽ nói sau ; và sự cày-cấy ruộng là sự cày-cấy những con người mà Lời Đức Chúa Trời đã được trồng trong lòng. Những người sanh lợi nhờ lời đã trồng, trở nên hạt giống của Nước Thiên-đàng trong công-việc ở thế-gian.

Đất luôn luôn chỉ là một. Những hình-ảnh Chúa chúng ta dùng chỉ mô-tả sự đáp-ứng của đất. Đối với người nghe Đạo mà không hiểu, đất không thụ-cảm. Đối với người nghe và vui-mừng, nhưng không làm theo, đất

nên cần-cối. Đối với người nghe nhưng chỉ tạm-thời đáp-
trúng trong một lúc, đất trở nên phá-hại. Những người nghe
và hiểu đầy-đủ, đối với họ, đất trở nên dễ thụ-cảm, kết-
quả và xây-dựng. Trong thí-dụ thứ nhứt ở đây, chúng
ta có lời giải-thích về mối liên-hệ giữa công-việc của Chúa
với những nguyên-tắc của Nước Thiên-đàng.

xXx

9. CỎ LÙNG

Ma-thi-ơ XIII : 24-30, 36-43

Thí-dụ này phải liên-kết mật-thiết với thí-dụ về người gieo giống. Thí-dụ trên được nói giữa đám đông cũng như thí-dụ này và hai thí-dụ tiếp theo ; sau khi đó Chúa đi vào nhà. Ngài đã giải-thích thí-dụ về người Gieo giống cho đoàn dân. Tuy-nhiên, lúc còn một mình trong nhà, các môn-đồ đến cùng Ngài và xin Ngài giải-thích thí-dụ về cỏ lùng. Thí-dụ thứ hai này trong số các thí-dụ là thí-dụ cuối-cùng được chính Chúa giải-thích.

Chúng ta chú-ý ngay hình-thức câu hỏi của các môn-đồ. Họ xin Ngài giải-thích « thí-dụ về cỏ lùng trong ruộng. » Điều đó chứng-tỏ trong lúc lắng nghe, họ được cảm-động sâu-xa nhất về yếu-tố đó trong câu-chuyện Ngài kể. Họ không xin Ngài giải-thích thí-dụ về hai lần gieo giống, dù họ hẳn phải ngạc-nhiên trước câu chuyện đó. Dĩ-nhiên Chúa muốn nhấn mạnh về cỏ lùng, hay cỏ dại. Cỏ lùng là chữ được dùng trong câu chuyện và Chúa đã nói về cỏ lùng được người ta gieo.

Có ba điều phải làm ; trước hết, xem bức tranh Ngài mô-tả như một bức tranh với bối-cảnh Đông-phương ; sau đó, chú-ý đến lời giải-thích của Chúa ; cuối-cùng, rút ra bài học cho chính chúng ta.

Bức tranh mô-tả một cánh đồng có hai vụ gieo giống. Đó cũng là bức tranh nói về phương-cách đối-xử của người chủ ruộng trước hai vụ gieo này. Đây là bức tranh Đông-phương. Chú-ý cánh đồng là sở-hữu của người gieo giống tốt, chứ không phải của kẻ thù gieo cỏ lùng. Dù đám ruộng ở đây được dùng với nghĩa nào, thì chúng ta hiện

đang quan-sát một bức tranh Đông-phương của một đám ruộng thuộc quyền sở-hữu của một người. Đó là ruộng của riêng người ấy.

Có hai vụ gieo giống. Vụ gieo thứ nhất hoàn-toàn giản-dị và tự-nhiên, hợp-lý. Kẻ chủ ruộng gieo giống với viễn-ảnh một mùa gặt, sự mong-đợi mùa gặt của người là một đều tự-nhiên và hợp-lẽ. Đó là bức tranh của một cái gì tuần-tự hết năm này đến năm khác ; một người có đám ruộng ; và trong đám ruộng của mình, người tung hột giống, với ý-dịnh thu-gặt một vụ nhất-định. Đến đây là phần kinh-ngạc của câu chuyện Chúa Jê-sus kể. Một kẻ thù đến, kẻ thù của người và của mục-dịch kẻ làm chủ đám ruộng, của ý-dịnh thu gặt hoa-lợi trong tâm-trí người lúc đi ra gieo giống. Một kẻ thù gieo giống với ý-hướng rõ-rệt là phá-hoại mùa gặt. Chẳng cần phải cãi mới biết đây là một việc khác thường, trái lẽ, đê-tiện.

Người gieo gì ? Cỏ lùng, nghĩa là một thứ lúc mới mọc lên khỏi đất, ngay cả những nhà chuyên-môn cũng không thể phân-biệt với lúa mì được. Cỏ lùng được gieo, lúa mì cũng được gieo và bây giờ có mưa xuống, cả hai đều nứt mầm lớn lên, không ai nhận ra sự khác-biệt giữa hai thứ được. Cỏ lùng giống lúa mì, nhưng thật ra hoàn-toàn khác hẳn lúa mì. Bản-chất khác-biệt. Lúc mới mọc, cỏ lùng giống lúa mì nhưng càng lớn, sự khác-biệt càng biểu-lộ rõ-rệt hơn, cho đến lúc lớn hẳn thì không còn ai có thể lầm-lẫn hoặc không phân-biệt lúa mì với cỏ lùng nữa. Một kẻ thù bất-chước đem một thứ khác gieo vào ruộng đã gieo lúa mì. Di-nhiên kẻ thù đó có lỗi vì người không có quyền gì trên ruộng ấy cả. Người đầy mưu-kế xảo-quyệt, đến « lúc người ta đang ngủ. » Người là kẻ thù bị bản-tính hiềm-độc xúi-giục.

Thế rồi các đầy-tớ chủ ruộng đến báo cho biết những

gì đã xảy ra. Di-nhiên khi sự khác-biệt bắt đầu lộ ra rõ-ràng, họ mới khám-phá rằng những gì họ tưởng là lúa mì thì chỉ là lúa mì lẫn với cỏ lùng. Họ bối-rối đến thưa với chủ có kẻ đã gieo cỏ lùng vào ruộng lúa mì. Chủ đáp : « Ấy là một kẻ thù đã làm điều đó. » Bây giờ chúng ta làm sao, thưa chủ ? Chủ có muốn chúng tôi đi khắp ruộng lúa mì nhổ cỏ lùng lên không ? Không, cứ để chờ đến mùa gặt. Lúc ấy không ai còn lăm-lẫn giữa hai thứ nữa. Đừng nhờ cỏ lùng vì các người chưa biết rõ lắm, có thể nhổ lộn lúa mì mà tưởng mình nhổ cỏ lùng chẳng. Đến ngày tận-thể, đến mùa gặt, cỏ đồng ruộng sẽ được thanh-toán. Lúc ấy sẽ có sự phân-biệt theo bộ-dạng bên ngoài của mỗi thứ. Đó là câu chuyện.

Bây giờ, sau khi Chúa Jêsus đã kể hai thí-dụ khác tuy ngắn nhưng đầy ý-nghĩa, tất cả cùng vào nhà và môn-đồ thưa cùng Ngài : « Xin thầy giải lời ví-dụ về cỏ lùng trong ruộng cho chúng tôi. Ngài đáp rằng : Kẻ gieo giống tốt là Con người ; ruộng là thế-gian. »

Đề ý phần sau cùng : « Ruộng là thế-gian. » Bức tranh đòi hỏi chúng ta phải nhận-thức rằng ruộng là tài-sản của kẻ gieo giống tốt. Từ đó Chúa chúng ta muốn xác-định rõ-ràng rằng cả thế-gian thuộc về Ngài. Đây là một triết-lý cho mọi cuộc đời và mọi công-việc mà chúng ta cần ghi nhớ. Cách đây nhiều năm, tôi ở tại đảo Isle of Man và được nghe bài giảng của một mục-sư địa-phương tại một nhà thờ thuộc hội Wesley. Mục-sư này đã nói một câu giản-dị hết sức, đến nỗi đã gắn chặt vào ký-ức của tôi. Tôi chưa bao giờ có thể quên lời ấy được. Ông nói : « Ma-quị là một tên thực-dân. » Câu này làm cho tôi chú-ý. Ông Mục-sư này không đề cho hội-chúng mình thắc-mắc. Ông đã nếm biết cuộc sống tại Mỹ rồi và ông tiếp-tục nói : « Một tên thực-dân là một người đi chiếm xứ mà mình không được phép chiếm, và sử-dụng xứ đó để làm lợi

cho mình.» Những nhà thần-học có thể định nghĩa ma-qui cách nào hay hơn thế không? Đó là ý-nghĩa nằm đằng sau câu nói của Chúa Jêsus: « Ruộng là thế-gian.» Đó là tài-sản, không phải của kẻ gieo giống xấu, nhưng là tài-sản của Đấng, theo phương-diện này của Nước Thiên-đàng, đang gieo giống tốt khắp thế-gian. Trong câu chuyện về chức-vụ truyền-giáo được chép ở Mác, Chúa Jêsus có phán: «Hãy đi khắp thế-gian, giảng Tin-Lành cho mọi người.» Cùng một chữ «thế-gian» được dùng, ám-chỉ cả thế-giới này, thế-giới trong chính bản-chất của nó, trong cái luật sự sống của nó, những cư-dân của nó, «khắp thế-gian.» Khi Phao-lô viết thư cho người La-mã, ông nói: «Muôn vật đều than-thở và chịu khó-nhọc cho đến ngày nay» chờ-đợi «sự hiện ra của con-cái Đức Chúa Trời.» Khi viết câu phi-thường ấy chắc hẳn ông đang nghĩ đến thí-dụ này: thế-gian, đồng ruộng, sự than-thở, chờ-đợi sự hiện ra của các con trai Đức Chúa Trời. Dĩ-nhiên ông nói về lần đến thứ hai, và đó là giai-đoạn chung-kết. Nhưng áp-dụng vào ngày nay cũng đúng. Nhu-cầu của thế-giới đang than-thở, nức-nở và buồn-bã khắp nơi hôm nay ấy là sự bày-tỏ ra của các con-cái Đức Chúa Trời.

Chúng ta phải nhận biết lời tuyên-bố dựa theo ý-nghĩa đó của Chúa chúng ta. Ngài tự xưng là sở-hữu-chủ. «Đất và sự đầy-dẫy trong nó thuộc về Đức Giê-hô-va.» «Ruộng là thế-gian.» Chúa Jêsus nói: Hai cuộc gieo giống đang tiếp-diễn. Nhập đề vào thí-dụ này, Ngài nói: «Nước Thiên-đàng đã trở nên giống như...» Thật ra là «bị đồng-hóa với,» nhưng nghĩa đen là: Đã trở nên giống như. Ngài ám-chỉ một sự thay-đổi đã ảnh-hưởng trên sự việc thế-giới như là ảnh-hưởng của sự đến của Ngài. Ngài là ai? Ngài là người gieo giống, và vì Người gieo giống đó đang gieo, nên Nước Thiên-đàng trở nên như thế này. Người gieo giống đang gieo giống tốt trong ruộng mình. Ngài là «Con người.»

Giống Ngài đang gieo giữa thế-gian và giữa công-việc thế-gian là gì ? « Những con-cái Nước Thiên-đàng. » Nước Thiên-đàng là đề-mục từ đầu đến cuối, Nước của Đức Chúa Trời, Vương-quyền thuộc về Đức Chúa Trời. Cách đề thực-hiện nước ấy giữa một thế-giới vô-chủ và một dòng-giống hư-mất, bại-hoại, ấy là Ngài, với địa-vị Người Gieo giống đang tung hạt giống ra giữa thế-gian, trong hoàn-cảnh và trật-tự của nó cũng như trong tình-trạng hỗn-loạn và mất trật-tự của nó. Hạt giống là gì ? Hạt giống là con-cái Nước Thiên-đàng trong ruộng của Ngài.

Nhưng Ngài phán : Đồng thời, cũng có một cuộc gieo giống khác xảy ra. Ai là kẻ gieo giống ? Ở đây Chúa chúng ta dùng chữ chỉ về Sa-tan, *diabolo*, tức là kẻ nói xấu, kẻ nói dối. Ngài gọi tên nó như một kẻ nghịch lại mọi điều chân-thật, cao-cả và sang-trọng. Chúa Jê-sus nói : Hiện nó đang bặt gieo giống trong ruộng Ta. Giống gì ? « Con-cái gian-ác, » tức những người nam và nữ không dâng hiến cho Đức Chúa Trời nhưng cho sự xấu-xa ; những kẻ gian-ác được tung ra giữa thế-gian này. Nhưng sự gieo giống của nó có một đặc-điểm. Nó gieo giống mình giữa lúa mì, và hai tiền trí-từ được đặt cạnh nhau, nhấn mạnh lẫn nhau, *ana meson*, chứng-tỏ rằng ý-muốn gieo gần một thứ khác và giống thứ đó như thế là đề lừa-dối mọi người. Đó là điều kẻ thù đang làm.

Bây giờ chúng ta làm sao ? Nếu là con-cái và đầy-tớ của Vua và của Nước Thiên-đàng, chúng ta có muốn đi ra khỏi hết những hạt giống xấu ấy không ? Chúa Jê-sus nói : Cứ đề đó ; cứ đề yên lúa mì ; cứ đề yên cỏ lùng. Cho đến khi nào ? Cho đến mùa gặt, cho đến ngày tận-thế, đến giờ phút mà ý-nghĩa thâm-sâu thật của mỗi đời sống phải được biểu-lộ rõ ràng ra. Ngài đang hướng về một chung-kết, và Ngài phán : Mùa gặt sẽ là ngày tận-thế, khi mà sự khác-biệt sẽ trở nên hiển-nhiên, và khi, biết rằng giờ đầy-trọn đã đến, Ngài sẽ dùng môi-giới siêu-nhiên của Ngài để can-thiệp tình-hình thế-giới này.

Các thiên-sứ sẽ được tham-gia vào giữa những công-việc quốc-gia, và sẽ có hai vụ gặt. Các thiên-sứ sẽ lượm-lặt hết những gì làm tổn-hại, những gì sai-lầm khỏi Nước Ngài và quăng nó cho lửa tiêu-diệt. Thiên-sứ sẽ nhóm-hợp những kẻ là con-cái thật của Nước Thiên-đàng và những kẻ đã gieo giống có kết-quả trong thế-gian, và kẻ công-bình sẽ chiếu sáng trong vinh-hiền của Cha.

Tận-thế chưa đến. Hiện còn đang hoãn lại. Sẽ có lúc, vì lòng trung-thành của chúng ta đối với Chúa, và vì thiếu kiên-nhẫn, chúng ta kêu lên: Hỡi Chúa, còn bao lâu nữa? Chúng con há chẳng có thể thanh-toán những điều xấu-xa này và nhờ chúng lên sao? Tiếng Ngài vẫn còn đang văng-vẳng: Cứ đề yên. Đề cho cả hai cùng lớn lên cho đến mùa gặt.

Vấn-đề cũ-kỹ vẫn thường được đề-cập và tranh-luận trong các buổi hội-hop và đàm-thoại ấy là: Phải chăng thế-giới tốt đẹp hơn hay là tồi-tệ hơn? Chỉ có một lời giải-đáp, nếu thí-dụ này là thật. Thế-giới tốt đẹp hơn mỗi ngày và tồi-tệ hơn mỗi ngày. Có hai cuộc gieo, hai sự tăng-trưởng, hai sự phát-lộ. Sự xấu-xa ngày nay càng gây chết-chóc hơn, khả-ố hơn, đê-tiện hơn bất cứ thời-đại nào trong lịch-sử thế-gian. Sự tốt đẹp ngày nay được nhắc đến nhiều hơn, rõ-ràng hơn. Những dấu-hiệu tốt đẹp được phát-lộ ra khắp nơi nhiều hơn ngày trước. Cả hai đều tiến-triển, tiến-triển, tiến-triển và hiện-tại, mùa gặt đã gần đến rồi. Chúng ta không biết chắc khi nào.

Hãy đề ý lời dạy thật rõ-ràng trong thí-dụ này. Phương-pháp chính của kẻ thù trong thời-đại này là sự bắt chước. Thí-dụ này không nói đến những kẻ công-khai và om-sòm tuyên-bố sự chống-đối của họ. Tôi không có ý nói ma-qui không có liên-quan gì đến hạng người đó, nhưng đó không phải là phương-pháp của ma-qui. Đó không phải là-

phương-pháp xảo-trá nhất của nó. Đó không phải là phương-pháp gây-hại nhiều nhất trên thế-gian này. Đó là phương-pháp bắt-chước. Hãy trở về với sách Sứ-đồ. A-na-nia và Sa-phi-ra đều là phần-tử của Hội-Thánh hữu-hình và thuộc về hình-thức. Simon Magus cũng hoạt-động tích-cực trong Hội-Thánh. Xem câu chuyện ra sao, kết-cuộc chỉ là một. Điều Sứ-đồ phản-đối chẳng phải là sự nguy-hại của một thái-độ đối-lập rõ-rệt hay là lực-lượng chống-đối của thế-gian không có Đức Chúa Trời, nhưng chính là nguyên-tắc trên, rất giống Cơ-đốc-giáo, hay là cở lòng mà lúc đầu trông tương-tự như lúa mì. Điều đó đã tiếp-tục xảy ra suốt qua các thời-đại. Những yếu-tố bắt chước đã được tìm thấy, để cho Hội-Thánh biết vui-mừng trước một quyền-lực giả-tạo hoàn-toàn trái-nghịch với chính tư-chất và sự sống của Hội-Thánh, và lại còn nuôi một ảo-tưởng thánh-thiện sai-lầm, chỉ có kiêng-giữ những đều vụn-vật trong khi đó, trong thâm-tâm lại xao-lãng những vấn-đề quan-trọng hơn.

Ngày nay chúng ta nhìn thấy tình-trạng đó trong địa-hạt giáo-lý, sự đem áp-dụng vào tư-tưởng hiện-đại, nghĩa là hiện có một số người đang lợi-dụng cách phát-biểu của Cơ-đốc-giáo đã bị suy-đồi và mất hẳn những nền-tảng căn-bản — tức bắt chước. Đó là mối nguy-hại tối-trọng ngày nay; đó là vấn-đề thuộc về giáo-lý.

Chúng ta phải làm sao? Không làm gì cả. Cứ để yên, an-nghỉ và tin chắc rằng giờ phát-lộ thật-sự sẽ đến. Nếu chúng ta cố nhờ cở lòng, chúng ta sẽ nhờ lầm lúa mì, nhưng cứ để cho cả hai lớn lên, giống tốt cũng chẳng bị hại gì và sự chờ-đợi có nghĩa là tiếp-tục tiến tới sự phán-xét sau cùng của kẻ ác.

Lần đầu-tiên ở đây Chúa chúng ta nói đến ngày tận-thế. «Nước Thiên-đàng trở nên giống như...» Đờng ruộng mà Con người đang gieo sẽ có ngày được gặt, tức ngày Nước Đức

Chúa Trời được thực-hiện trọn- vẹn. Kẻ thù đang gieo cỏ lùng, tức đang bắt chước; mục-dịch là để ngăn-trở sự thực-hiện Nước Đức Chúa Trời. Nhưng sẽ có ngày chung-kết, giờ của mùa gặt, và rồi đến bình-minh của một thời-đại mới, khi mọi vật chướng tai gai mắt sẽ bị ném ra ngoài và lúc ấy kẻ công-bình sẽ chiếu sáng trong Nước Đức Chúa Trời.

Không một thí-dụ nào được giải-thích ngoài ý-hướng của Chúa chúng ta. Đối với vấn-đề đó, chúng ta có thể tự bảo rằng thí-dụ này có những ý tiềm-ẩn nhưng không rõ-ràng. Có nhiều điều khác cần nói về thời-đại đó mà thí-dụ không nhắc đến. Một người làm con của sự xấu-xa, và được trồng trong ruộng thế-gian này, tức cỏ lùng, có thể làm những việc mà không một cỏ lùng nào có thể làm trong lãnh-vực thiên-nhiên. Người ấy có thể được biến-đổi tâm-tính và trở nên con-cái Nước Thiên-đàng. Đó là nơi mà Tin-Lành bước vào. Tin-lành được hiểu ngầm ám-chỉ ở đây, và chúng ta cần nhớ điều đó. Một con người ngày hôm qua bị Sa-tan trồng vào giữa công-việc buôn-bán, giữa xã-hội, hay giữa chốn vui chơi đô-hội gây một ảnh-hưởng xấu, ngăn-trở Nước Đức Chúa Trời; nhưng cảm ơn Đức Chúa Trời, người có thể được biến-đổi, trở nên con-cái Nước Thiên-đàng và bắt đầu gây ảnh-hưởng tốt trên kẻ khác, cho đến ngày thành-lập Nước Đức Chúa Trời.

Như thế, công-việc của chúng ta là lớn lên, phát-triển và thực-hiện mục-dịch của Chúa trong chính đời sống chúng ta, và do đó, làm cho Nước Ngài chóng được thành-lập; và đừng bao giờ cố-gắng nhờ cỏ lùng.

10. HỘT CẢI

Ma-thi-ơ 13: 31, 32

ĐẤY là thí-dụ đầu tiên trong tám thí-dụ chép ở Ma-thi-ơ đoạn 13 mà Chúa không giải-thích. Thí-dụ về Người Gieo giống được giải-thích giữa đám đông, về gieo cỏ lùng, riêng tư giữa vòng môn-đồ.

Khi khảo-sát thí-dụ này, chúng ta phải tránh hai hiểm-họa trong cách giải-thích. Một là ảnh-hưởng của ý-kiến kẻ khác, hai là giải-thích sai về lịch-sử trong khi tìm-hiểu thí-dụ. Đối với thí-dụ này, hay bất cứ thí-dụ nào, chúng ta không được quyền có một thiên-kiến nào do ảnh-hưởng của những quan-niệm giải-thích đã được số đông đồng-ý. Tại đây tôi muốn đưa ra một nguyên-tắc học Kinh-Thánh. Một lời giải-thích dù có phổ-thông đến đâu, vẫn chưa hẳn là đúng. Nó có thể đúng, nhưng được nhiều người chấp-nhận, vẫn không bảo-đảm tính-cách chính-xác của nó. Đó là điểm không ai chối-cãi. Thái-độ chấp-nhận cách giải-thích thông-thường về Kinh-Thánh sẽ đưa chúng ta đến chỗ đóng đinh Chúa Jê-sus.

Sau nữa tìm hiểu lịch-sử theo quan-điểm khảo-sát và giải-thích những thí-dụ của Chúa Jê-sus theo những sự-kiện lịch-sử chúng ta đã biết, cũng là một điều nguy-hiêm. Đó cũng là một phương-pháp chúng ta phải tránh xa.

Có những nguyên-tắc giải-thích tổng-quát chúng ta cần phải theo đúng. Trước hết là sự hòa-hợp trong lời dạy-dỗ của Chúa Jê-sus qua những thí-dụ này. Bây giờ, trong lúc chỉ đề-ý những ví-dụ của Ma-thi-ơ đoạn mười ba này, chúng ta phải nhớ rằng giữa quan-niệm chung và lời dạy của Chúa Jê-sus, luôn luôn có một sự hòa-hợp toàn-vẹn.

Tiếp theo, chúng ta cũng cần nhớ cách dùng chữ rất thích-hợp của Chúa chúng ta. Ngài không bao giờ dùng một chữ để ám-chỉ hai nghĩa khác nhau. Lúc nào các chữ cũng được dùng thích-hợp với nghĩa duy-nhất của chúng.

Để áp-dụng những tiêu-chuẩn giải-thích này, quan-niệm thông-thường cho rằng qua thí-dụ đặc-biệt này Chúa chúng ta nói trước về sự thành-công lớn của Nước Thiên-đàng. Hầu hết mọi người luôn luôn nghĩ rằng thí-dụ về hột cải trở thành một cây lớn được Chúa dùng để chứng-tỏ kết-quả thành-công mỹ-mãn của Nước Thiên-đàng trong thời-đại này. Chúng ta chớ quên rằng tất cả các thí-dụ này đều liên-quan đến một thời-đại.

Tuy nhiên, quan-điểm trên đã bị lịch-sử bác-bỏ rõ-ràng. Hột cải có lớn lên nhưng không theo như ý muốn. Ngày nay chúng ta nói đến Nước Đức Chúa Trời, và các quốc-gia Cơ-đốc-giáo. Nhưng thật ra không có một quốc-gia Cơ-đốc-giáo nào. Có những quốc-gia tự xưng lập nền trên những nguyên-tắc Cơ-đốc-giáo, nhưng không có những quốc-gia Cơ-đốc. Chúng ta không phải là một quốc-gia Cơ-đốc. Những nguyên-tắc của một quốc-gia Cơ-đốc chưa được đem thử-nghiệm, kiểm-chứng và trình-bày cho thế-gian trong cuộc sống quốc-gia. Có trường-thành trong sự hiểu biết về Nước Thiên-đàng và cách áp-dụng những nguyên-tắc của Nước Thiên-đàng, nhưng chưa hề đi đến thành-công toàn- vẹn. Trái lại, thành-công đã bị phủ-nhận rất nhiều.

Một nguyên-tắc khác cần theo đúng ấy là sự hòa-hợp trong lời giáo-huấn. Qua những thí-dụ này, Chúa chúng ta đã báo trước rõ-ràng về những khó-khăn, giới-hạn, chống-đối và lẫn-lộn này. Không có một thí-dụ nào nói về ngày tận-thế là kết-quả của những công-việc trong thời-đại này. Ý-nghĩa cho rằng Tin-Lành phải được rao-giảng cho đến khi cả thế-giới được biến-cải, là một ý-nghĩ sai-lầm, nếu chúng ta tin Jê-sus và những lời Ngài đã nói. Không một điều nào

trong các thí-dụ ở đây khiến chúng ta nghĩ đến một kết-cuộc như thế.

Chúng ta hãy hồi-tưởng lại những hình-ảnh trong các thí-dụ mà chúng ta đã có dịp quan-sát: việc gieo giống và hột giống. Lời Đức Chúa Trời hiện-thân trong đời sống con người, con-cái Nước Thiên-đàng. Kẻ Gieo giống Gieo hột giống là Con người. Đất, ruộng nhận lấy hột giống là thế-gian. Chim-chóc tượng-trưng cho xấu-xa, tràn đến cướp lấy hột giống. Những hình-ảnh này rất hòa-hợp.

Bây giờ chúng ta hãy quan-sát thí-dụ này với thái-độ-cởi-mở, không thành-kiến. Chúng ta sẽ khảo-sát bức tranh và áp-dụng bài học.

Đức tranh Chúa Jêsus vẽ là một hột giống, hột giống nhỏ hơn hết mà mầm của nó mọc lớn lên đến khi thành một cây to. Thường thường hột cải không bao giờ trở thành cây to. Cải là một loại thảo-mộc, không phải là cây to lớn. Vì là một thân cây, nên nó được mô-tả như « một cây nhỏ làm quá sức mình. » Đó là một trường-hợp bất-thường. Mọi cố-gắng làm cho chữ cây thích-hợp với lối giải-thích thông-thường đều là những cách biện-hộ phóng-đại. tôi đã nhắc đến tác-phẩm *Land and the Book* của Tấn-sĩ Thomson, quyền sách vô-giá đối với mọi người nghiên-cứu Kinh-Thánh. Nhưng cả Tấn-sĩ Thomson cũng trốn-tránh vấn-đề, hoặc cố-gắng biện-minh điềm này. Viết tại xứ Palestine và theo sự nhận-xét riêng, ông chỉ bảo rằng cây cải ở đây chẳng phải là một cây lớn, và cũng không trở thành một cây lớn bao giờ. Rồi ông nói có lẽ trong thời Chúa chúng ta có một loại cải khác mọc cao như một cây. Tôi chỉ vừa trích lại tinh-thần của những điều ông nói. Nhiều người khác cũng kiếm cách minh-giải vấn-đề này. Tấn-sĩ Carr, trong tác-phẩm *Cambridge Bible* đã nói: « Cây cải không mọc cao lắm đâu, vì thế mấy chữ » trở nên cây-cối của Lu-ca dùng, đứng nên nhấn mạnh lắm. »

Tìm hiểu Kinh-Thánh theo lối đó sẽ không đi đến đâu.

Chúa chúng ta đã nói: « một cây lớn » và Ngài cũng nói đây là một hột cải đặc-biệt mọc lên lớn hơn mọi thứ rau khác, cùng loại với nó. Một tác-giả khác. Tấn-sĩ Royle cho rằng danh-từ này chỉ về giống Khardal hay là *Salvadora Persica*. Nhưng Tấn-sĩ Morrison bảo, không có bằng-cớ nào chứng-tỏ một trong hai loại cây này có mọc tại xứ này. Chấn hân Chúa chúng ta muốn dạy rằng thời-đại này sẽ có sự trưởng-thành bất-thường và kỳ-lạ của hột cải, đến nỗi nó trở thành cây-cối và làm chỗ ở cho chim trời. Chứ chỗ ở ngụ-ý một sự cư-ngụ, sống tại đó. Thí-dụ không có ý-định hay dạy về sự tiến-triển và thực-hiện Nước Thiên-đàng cho đến sau cùng trong thời-đại này. Có phát-triển nhưng là một sự phát-triển bất-thường.

Bây giờ hãy quay sang bức tranh Chúa Jêsus đã vẽ đề quan-sát cách phát-triển kỳ-lạ của nguyên-tắc và lý-tưởng Cơ-đốc-giáo, như Ngài đã dạy. Sự phát-triển tự-nhiên của nguyên-tắc ấy là gì ? Khiêm-nhường, nhu-mi, hầu việc. Đó là những đặc-điểm của tinh-thần Cơ-đốc-giáo thật, phát-xuất từ những con người được lời của Đức Chúa Trời nhập-thề, và những kẻ được tung ra giữa thời-đại như hột giống của Nước Thiên-đàng. Dấu-hiệu của Cơ-đốc-giáo thật luôn luôn là những con người giống Đấng đã phán rằng: « Ta có lòng nhu-mi khiêm-nhường; » giống Đấng đã phán: « Con người đã đến chẳng phải để người ta hầu việc mình nhưng để hầu-việc người ta và phó mạng sống làm giá chuộc nhiều người. »

Những dấu-hiệu bất-thường là gì ? Hoàn-toàn tương-phản với những gì tự-nhiên ; ngạo-mạn, kiêu-căng, thống-trị. Bất cứ nơi nào trong lịch-sử Cơ-đốc-giáo có xuất-hiện sự ngạo-mạn, kiêu-căng, sẵn tìm cách thống-trị và làm chủ, tức Cơ-đốc-giáo tại đó không phát-triển bình-thường mà là bất-thường và giả-tạo.

Vài năm trước, lúc còn ở đảo Isle of Man, tôi có nói chuyện với Sir Hall Caine. Ông này vừa hoàn-tất cuốn tiểu-thuyết *The Christian* (Người tin-đồ Đấng Christ) với John

Storm là vai chánh. Tôi cảm thấy băn-khoăn, liền hỏi ông : « Ông có ý bảo rằng John Storm là một loại Cơ-đốc-giáo bình-thường không ? Nhanh-nhẹn và khôn-khéo, ông đáp : « Tuyet-nhiên là không. Tôi chỉ có ý bảo rằng John Storm là loại tín-đồ đúng với thực-trạng hay là loại mà tín-đồ muốn trở thành ; và như thế, không phải là tín-đồ Đấng Christ. » Tiếp theo, Ông nói một câu rất hay mà tôi không bình-vực cũng không phản-đối : « Tôi có thể gói-ghém những công-việc và đạo-đức của Chúa Jêsus trong hai câu ngắn. » Tôi hỏi : « Hai câu gì đó ? » Ông đáp : « Kẻ nào lớn nhất trong Nước Thiên-đàng, hãy làm đầy-tớ cho mọi người. » « Và câu kia là gì ? » Các người chớ chừa cửa-cải ở dưới đất, là nơi có sâu-mối, ten-rét làm hư. » Ông tiếp : « Bây giờ, hãy lấy hai câu ấy thử-nghiệm nước Anh, thử-nghiệm đời sống chung của Hội-Thánh Đấng Christ, thì ông sẽ thấy người ta ít hiểu Cơ-đốc-giáo thực-tiến và sống động dường nào ! »

Tôi ghi lại câu chuyện và chấm dứt tại đó, nhưng chúng ta hãy nhìn lại lịch-sử. Vàng, Hội-Thánh đã lớn lên trong ngạo-mạn. Nó có thể-lực đến nỗi trở nên kiêu-căng và kiểm-cách thống-trị kẻ khác. Tất cả chỉ là kết-quả của sự tăng-trưởng không bình-thường mà là bất-thường. Càng nhìn vào dòng sử thời-đại, chúng ta càng thấy rõ sự thật. Tình-trạng này khởi đầu từ khi các môn-đồ đầu-tiên hỏi, khi Chúa Jêsus còn ở với họ : « Ai là kẻ lớn nhất trong Nước Thiên-đàng ? » Họ khao-khát được nổi bật, được địa-vị và thế-lực. Chúng ta đã rõ câu trả lời của Ngài rồi. Ngài đáp, chỉ những kẻ sẵn-sàng uống Chén Ngài, và chịu Báp-têm cùng với phép Báp-têm của Ngài mới là kẻ lớn trong Nước thiên-đàng. Hội-Thánh đầu-tiên đã cho chúng ta nhiều thí-dụ về điều đó. Phi-e-ơ, trong thư ông, đã khuyên họ đừng đê đầu di-sản của Đức Chúa Trời.

Thí-dụ tiêu-biểu nhất về sự tăng-trưởng bất-thường này xảy ra trong thời kết-ước của Cơ-đốc-giáo do Constan-

tine, hoàng-đế La-mã chủ-trương. Đó là ngày đen tối nhất đã xuất-hiện trong lịch-sử Hội-Thánh. Cách ông kết-ước Cơ-đốc-giáo là một hành-động chánh-trị khôn-ngoaan và xảo-trá, và ông đã vá-vítu phần lớn tà-giáo vào Cơ-đốc-giáo, đưa nó lên một địa-vị của thế-lực trần-tục; và trong giờ phút đó, cả Hội-Thánh đã chịu một ảnh-hưởng xấu mà chưa bao giờ hoàn-toàn thoát khỏi được. Đó là toàn-thể tội-lỗi và sai-lầm của chánh-trị Giáo-hoàng, nhưn danh Đấng Christ để được thống-trị, đòi thế-lực để cai-trị vua-chúa, đế-vương cùng cấp chỉ-huy và ra lệnh cho họ; một cây lớn, sum-sê cành lá. Tinh-thần đó cho đến ngày nay vẫn còn toan-tính dựa vào tồ-chức cao-siêu và thế-lực riêng được để khám-phá mục-đích Thiên-thượng. Điều đó không tốt. Đó là một sự tăng-trưởng bất-thường.

Tình-trạng này vẫn-tiếp-diễn và tiếp-diễn mãi. Christ đã bảo trước như thế, và kết-cuộc không ngờ chính là sự vi-đại giả-tạo của địa-vị và thế-lực bên ngoài, một cây lớn. Cây luôn luôn tượng-trưng cho sự cao-cả và thế-lực. Nê-bu-cát-nết-sa được ví như một cây. Pha-ra-ôn, với thế-lực người, cũng được so-sánh như một cây; và Nước Thiên-đàng đã trở nên giống như thế, một thế-lực lớn-lao nhuộm mùi trần-tục, một vương-chức đầy ngạo-mạn, sự hợm mình kiêu-căng, kiếm cách thống-trị hay làm bá-chủ mọi việc trên thế-gian này; và do đó đã trở nên chỗ trú-àn của những gì ô-uế. Đó là ý-nghĩa của thí-dụ và bài học của nó.

Một lần nữa, chúng ta cần nhớ rằng trong những thí-dụ này, Chúa chúng ta không đề-cập đến bản-chất thật của Nước Thiên-đàng. 'Nước Thiên-đàng giống như...' > Ngay cả trong những thí-dụ ở đây, Ngày cũng dùng những chữ với ý-nghĩa không thay đổi của chúng. Ngài đang nhìn sơ qua thời-đại, và nhìn ngày cuối cùng của thời-đại, tận-thế của nó, hai lần. Đó là thời-đại khởi đầu do sự đến lần thứ nhất của Ngài, sẽ bị hạn-chế và kết-liệu do sự đến lần thứ hai

của Ngài. Không một thí-dụ nào Ngài bày-tỏ bản-chất bên trong của Nước Thiên-đàng, trừ ra lúc mở đầu, khi Ngài cho ta thấy rằng những nguyên-tắc của Nước Thiên-đàng nằm trong lời Đức Chúa Trời, cũng như đã được cụ-thể hóa trong đời sống những tín-đồ Đấng Christ. Dĩ-nhiên, điềm này bao gồm mọi sự, nhưng chúng ta không tìm được một Lời giải-thích chi-tiết nào. Đạo-đức của Nước Thiên-đàng không thể tìm thấy từng chi-tiết ở đây. Tất cả nằm trong Bài-giảng Trên Núi.

Đây là điềm rất quan-trọng, vì Chúa chúng ta không bày-tỏ bản-chất của sự-trạng cuối cùng. Ngài có nhắc đến sự-trạng ấy hai lần cách rõ-ràng trong đoạn này; nhưng không mô-tả chi-tiết. Ngài vẽ đã tiến-triển của Nước Thiên-đàng trong một thời-đại của phương-pháp Thiên-thượng. Đây không phải là thời-đại duy-nhất. Sẽ có một chung cuộc; nhưng công-việc của Đức Chúa Trời sẽ không chấm dứt theo chung-cuộc ấy. Có nhiều phương-pháp khác của Đức Chúa Trời đã được báo trước trong Lời Đức Chúa Trời, tiếp theo ngày cuối-cùng của thời-đại này là những thời-đại khác, Nước của Con, và bên kia nước ấy, là giờ phút mà Phao-lô nói: « Cuối-cùng sẽ đến, là lúc Ngài sẽ giao nước lại cho Đức Chúa Trời... hầu cho Đức Chúa Trời » làm muôn sự trong muôn sự. Ai có thể nói cho biết có gì ở bờ bên kia? Phao-lô đã viết về cuộc diễn-hành của các thời-đại bằng những chữ gọi hình vô-cùng nên thơ: « các đời các kiếp. »

Đức Chúa Trời không chấm-dứt trong thời-đại này. Ngài còn chờ nhiều thời-đại nữa, dù chi-tiết chưa được tỏ ra nhưng sự-kiện đã được công-bố rồi.

Christ không hề nghi-ngờ về những gì xảy ra trong thời-đại này. Sẽ có cuộc gieo giống, gieo thật xa và thật rộng.

“Hãy gieo giống ngươi sớm mai,

và cũng đừng cầm tay ngươi lại buổi chiều.»

Christ đã nói "Hột giống sẽ được kẻ Gieo tung ra nhưng chỉ có một phần kết-quả. Sẽ có một cuộc gieo giống không mang kết-quả. Ngài không bị lừa-dối. Ngài không nói rằng hột giống được gieo xuống sẽ đem lại một mùa gặt hoàn-toàn. Ngài nhìn thấy một kẻ thù đang rải cỏ lùng giữa đám hột giống. Ngài thấy rằng thời-đại này phải tiếp-diễn với sự phát-triển của lúa mì lẫn cỏ lùng, cho đến ngày tận-thế. Vì thế, tại đây Ngài nhìn thấy sự tăng-trưởng của sự sống, nhưng tăng-trưởng bất-thường. Một rau cải biến-thành một cây lớn, và chim trời đến ở trên cành nó.

Thí-dụ này gây ảnh-hưởng gì trên chúng ta ? Nó kêu gọi chúng ta nhận-thức những sự-kiện của thời-đại chúng ta đang sống. Điều đó sẽ cứu chúng ta khỏi ảo-tưởng thường vẫn gây thất-vọng trong những tâm-hồn chân-thành. Chúng ta tưởng mọi sự đã xảy ra khác, và rằng những nguyên-tắc của Nước thiên-đàng được thắng. Chúng ta tưởng mọi sự sẽ như vậy vào cuối thế-kỷ mười chín và tiếp-tục trong thế-kỷ hai mươi, với một chút ngạo-mạn trong lòng. Thế rồi như một cơn sụp-đổ, chúng ta thấy lý-tưởng Nước Thiên-đàng bị các triết-gia của đời này từ-khước, và đất tẩm mình trong máu, bùn và chiến-tranh. Một lần nữa, với lòng kính-cần, tôi nói: Đấng Christ không hề có những ảo-tưởng như thế.

Cuối cùng nếu thí-dụ này sửa-đổi ý-tưởng của chúng về thời-đại này, và cho chúng ta biết bản-chất thật của nó, thì hẳn phải có tác-dụng trên đời sống cá-nhân và nếp sống Hội-Thánh chúng ta ngày nay. Chúng ta phải nhìn thấy rằng không có một diêm nào trong đời sống chúng ta tương-phần với bản-chất và tâm-tình của Chúa và Thầy chúng ta, và của Nước Đức Chúa Trời; không ngạo-mạn hay kiêu-căng, hay tìm-kiếm quyền-lực, trái ngược với tư-chất của Nước Đức Chúa Trời và với Tâm-tình Jê-sus-Christ. Những sai-lầm này sẽ tạo nên một sự cao-cả giả-tạo mà Ngài không

nhìn-nhận. Chắc hẳn vì cao-cả giả-tạo ấy mà chim-chóc ô-ước mới bay đến, trú-ngụ trong Hội-Thánh và trong đời sống chúng ta; và Nước Thiên-đàng bị phá hỏng và ngăn-trở. Chúng ta không được phép giúp cho sự phát-triển sai-lầm của một hạt cải, hạt nhỏ nhất trong các hạt giống, để trở nên một cây cao lớn. Chúng ta được kêu-gọi phải có đức-tin như hạt giống nhỏ nhất ấy, như Chúa Jêsus đã từng phán. Nếu chúng ta có đức-tin ấy, thì quyền-năng của đức-tin ấy tức là sự sống, sẽ giúp chúng ta rời núi, và mở đường cho Vua đến để bước vào Nước của Ngài.

x

x x

11. BỘT CÓ MEN DẬY LÊN

Ma-thi-ơ XIII : 33

DẬY là một thí-dụ được bàn-cãi khá nhiều. Một lần nữa Chúa không giải-thích thí-dụ này. Tuy-nhiên, trong trường-hợp này, nhất là đối với những người mới nghe lần đầu-tiên, chẳng cần phải giải-thích, vì họ nghe trên quan-điểm người Hê-bơ-ro, đã hiểu biết văn-phẩm Hê-bơ-ro và chủ-nghĩa tượng-trung trong văn người Hê-bơ-ro rồi. Chắc hẳn, họ hiểu được tất cả ẩn-ý trong thí-dụ.

Thế tại sao người ta lại bàn-cãi nhiều về lời dạy-dỗ thật của thí-dụ này ? Nếu không quả-quyết thì tôi cũng dám nghĩ rằng thời trung-cổ người ta đã giải-thích sai-lầm và các nhà giải nghĩa đã tìm cách gán thí-dụ này với điều mà họ cho là có liên-quan đến kế-hoạch của Nước Đức Chúa Trời trên thế-gian này.

Có hai lối giải-thích. Thứ nhất là men chỉ về một loại Nước Thiên-đàng. Khi Chúa chúng ta nói : « Nước Thiên-đàng giống như men, » vài người dừng suy-nghi tại đó. Nếu chấm dứt như thế, chúng ta hầu như đi tới kết-luận rằng hình-ảnh men được dùng ám-chỉ một cái gì tốt-đẹp, và vì thế, ý-nghĩa của thí-dụ ấy là Nước Thiên-đàng sẽ hoàn-toàn chiến-thắng trong thời-đại này. Đó là quan-điểm giải-thích thí-dụ hầu như đã được chấp-nhận cách phổ-quát.

Cách giải-thích thứ hai là không phải chỉ men là hình-ảnh Nước Thiên-đàng, nhưng là toàn-thê bức tranh, tức men được người đàn bà trộn trong ba đấu bột. Nếu đây là cách giải nghĩa đúng thì men là một loại xấu-xa ; một

nguyên-tắc, lúc hành-động sẽ gây hại cho Nước Thiên-đàng hơn là giúp-đỡ Nước ấy trong thời-đại này. Đó là hai quan-điểm khác nhau.

Dù quan-điểm thứ nhất phổ-thông hơn, chúng ta phải cẩn-thận đừng cho lối giải-thích phổ-thông là đúng. Tôi hoàn-toàn tin lối giải-thích thứ hai là đúng; trước nhất, vì lối thứ nhất mâu-thuẫn với cả lối dùng tượng-trưng của chất men trong Kinh-Thánh. Nếu trường-hợp này men chỉ về một điều tốt thì đó là trường-hợp duy-nhất trong Kinh-Thánh mà nhà luận-giải nào đó tuyên-bố. Lại nữa, lối giải-thích trên cũng tương-phản với lời dạy của tất cả những thí-dụ khác đã được khảo-sát từ trước đến giờ, mà trong mỗi thí-dụ, Chúa Jê-sus luôn đặt ra một giới-hạn cho thời-đại Ngài nhắc đến. Không một thí-dụ nào cho biết đủ mọi sự-kiện. Chúa chúng ta chỉ minh-giải sự thực-hiện của nguyên-tắc Nước Đức Chúa Trời trong thời-đại sẽ chấm-dứt khi Ngài đến, như Chính Ngài đã bày-tỏ.

Vì chúng ta đã thấy tất cả những thí-dụ khác đều nói về tình-trạng lẫn-lộn, mà nếu thí-dụ về men này lại được xem là một điều tốt, tất cả đều được dạy lên, thì chẳng có gì là lẫn-lộn. Như thế, sẽ mâu-thuẫn với giáo-huấn của các thí-dụ kia.

Lại nữa, tôi từ-chối quan-điểm trên là vì quan-điểm này đã bị lịch-sử của bao thế-kỷ đánh đổ; và cuối-cùng, bởi vì phương-pháp không hòa-hợp với phương-pháp của các thí-dụ khác. Trong mỗi thí-dụ của Chúa Jê-sus, chúng ta cần toàn-thê bức tranh để hiểu được lời dạy của Ngài.

Nếu chúng ta đọc thí-dụ này: « Nước Thiên-đàng giống như men, » và dừng tại đó, thì chúng ta đã vi-phạm một nguyên-tắc. Chúa Jê-sus không dừng tại đó. Ngài nói: « Nước Thiên-đàng giống như men mà người đờn-bà kia lấy trộn vào trong ba đấu bột, cho đến chừng nào bột dậy cả lên. » Nước Thiên-đàng không giống như men. Không

phải chỉ một mình chất men là hình-ảnh của Nước Thiên-đàng.

Đã sáng-tỏ về vấn-đề rồi, bây giờ chúng ta hãy khảo-sát thí-dụ, dùng phương-pháp thông-thường ấy là quan-sát bức-tranh và rút ra bài học.

Nhìn bức tranh, chúng ta phải cần-thận xem-xét ý-nghĩa tượng-trưng ở đây. Bức tranh có một yếu-tố chính và những yếu-tố ảnh-hưởng trên yếu-tố trung-tâm. Yếu-tố chính (trung-tâm) ở đây là gì ? Men chấng ? Không, ba dấu bột. Còn những yếu-tố ảnh-hưởng trên nó là gì ? Có hai yếu-tố, người đàn-bà và men.

« Ba dấu bột. » Khi nói như thế, Chúa Jêsus không dùng thứ ngôn-ngữ ngẫu-nhiên nhưng là một câu có ý-nghĩa và giá-trị rõ-ràng đối với kẻ nghe đến. Thường thường sẽ giúp ích rất nhiều nếu chúng ta tìm được lần xuất-hiện đầu-tiên của câu này trong Kinh-Thánh rồi từ đó suy-xét. Áp-dụng vào trường-hợp mấy chữ này, chúng ta thấy đã được dùng trong Sáng-thế Ký, trước thời Môi-se, trước khi luật-pháp được ban-hành. Mấy chữ này xuất-hiện trong Sáng-thế Ký đoạn mười tám, trong một bức tranh rất đẹp. Bức tranh được dùng với ý-nghĩa về gia-đình, tức một mảnh lều căng dưới bóng những cây sồi tại Nam-rê. Áp-ra-ham sống tại đó. Ông đã lia U-roc, xứ Canh-đê, và đã dựng trại dưới cây sồi, hay cây vân-hương, nếu dịch đúng nghĩa. Ông sống ở đó. Một ngày kia có ba người khách đến nhà ông và di-nhiên cả ba đều có vẻ khác người thường. Ông nhận biết Một trong ba vị là bậc tối-cao còn hai vị kia có vẻ khép-nép. Tôi tưởng lúc đầu Áp-ra-ham không biết Vị Khách tối-cao đó là Ai. Ông nhận biết người là một vị Khách Siêu-nhân và lập-tức, sửa-soạn tiếp-đón họ vào nhà. Tại đây chúng ta được biết Sa-ra lấy « ba dấu bột » soạn bữa ăn. Bột đó là gì ? Ấy là bữa ăn của mỗi thân-hữu, của sự tiếp-đãi ; một bữa ăn mà vị

Khách Siêu-nhiên, Đấng mà Áp-ra-ham khám-phá được ngay là Đức Chúa Trời mang hình-thể thiên-sứ và dùng ngôn-ngữ loài người để giao-tiếp với ông, phải dự phần, và Áp-ra-ham dọn bữa cho Ngài, « ba đầu bột. » Như thế, mấy chữ này xuất-hiện từ thời xưa, ám-chỉ sự sửa-soạn một bữa ăn.

Bây giờ hãy bước sang thời Môi-se, và xem những lời dạy về sự dâng của-lễ chay, một trong những của tế-lễ trong nghi-thức tôn-giáo. Rồi sau nữa, Ghê-dê-ôn, trong một dịp tiệp đáng ghi nhớ, đã đem dâng ba đầu bột cho Đức Chúa Trời. An-ne, trong lúc thờ-phượng, cũng đem dâng ba đầu bột. Bước sang lãnh-vực văn-chương tiên-tri, và Ê-xê-chi-ên, một lần kia, khi mô-tả giờ nghi-lễ và thờ-phượng, đã dùng câu này bảy lần để đánh dấu một sự-kiện, « ba đầu bột. »

Trở lại trong giây-phút với sách nghi-thức của người Hê-bơ-rơ, chúng ta thấy câu « ba phần mười một ê-pha » trở nên quen-thuộc, cũng cùng nghĩa với « ba đầu bột, » trong của lễ chay. Theo nghi-lễ của dân Hy-bá-lai, tế-lễ chay theo sau của-lễ thiêu. Của-lễ thiêu tượng-trưng sự hiến-dâng đời sống của dân-tộc này cho Đức Chúa Trời. Của-lễ chay theo sau, luôn luôn tượng-trưng sự hiến-dâng công-việc của dân-sự mà đời sống đã trao trọn cho Đức Chúa Trời. Của-lễ chay trước hết là kết-quả của sự trồng-trọt, sau là chế-tạo ; của sự sửa-soạn cẩn-thận, và như thế, của công-việc phục-vụ. Luôn luôn là ba đầu bột. Vậy điều mà đầu-tiên chúng ta nhìn thấy trong gia-đình vẫn mang ý-nghĩa đời đời lớn-lao về sự tương-giao giữa con người với Đức Chúa Trời. Như Áp-ra-ham đã trò-chuyện với Giê-hô-va, như Giê-hô-va đã được đại-diện qua sự Hiện-diện thiên-sứ, thì đều đã được cụ-thể-hóa trong nghi-thức thiêng-liêng của dân Hy-bá-lai bắt đầu từ đó chúng ta xem như một của dâng đánh dấu sự hiến trọn cho Đức

Chúa Trời, cũng đánh dấu mỗi tương-giao với Ngài nữa.

Hãy nhớ lại sự sáng-lập của-lễ chay, mỗi người đến thờ-phượng giữ lại một phần, còn một phần dâng cho Đức Chúa Trời. Do đó trong sự phân-chia ba dấu bột, có ngụ ý sự khoãn-dãi của linh-hồn đối với Đức Chúa Trời, và sự khoãn-dãi của Đức Chúa Trời đối với linh-hồn. Vì vậy, câu mà chúng ta có thể đọc rất dễ-dàng nhưng vẫn không bao giờ hiểu thật sự, thì những người này trong lúc ngồi nghe Chúa Jêsus, đã hiểu rõ hình-ảnh trong văn-chương họ như là một lối diễn-tả của cuộc đời. Khi Chúa chúng ta nói về ba dấu bột, di-nhiên tâm-trí họ sẽ quay về với của-lễ chay. Vấn-đề chính-yếu ở đây là Nước Thiên-đàng giống như men mà người đàn-bà kia đem trộn trong ba dấu bột, cho đến chừng bột dậy cả lên.

Trong bức tranh của Chúa Jêsus có hai điều, thứ nhất, mỗi thân-hữu với Đức Chúa Trời, sự tiếp-dãi giữa linh-hồn và Đức Chúa Trời ; và của tế-lễ cùng sự dâng-hiến cho Đức Chúa Trời. Trong phần văn-chương Khải-thị, và trong những bức thư tuyệt-diệu viết cho bảy Hội-Thánh, Đấng làm Đầu Hội-Thánh đang đứng ngoài cửa Hội-Thánh cuối-cùng. Ngài đã gõ cửa, xin được tiếp-nhận và Ngài phán : « Nếu ai nghe tiếng Ta, và mở cửa, Ta sẽ vào cùng người, ăn bữa tối với người và người với ta. » Ta sẽ bước vào, làm Khách của người và đồng-thời người sẽ làm khách của Ta. Đó là mối thông-công trọn- vẹn. Trong qui-luật tượng-trung của dân Hê-bơ-rơ, tất cả những điếm đó đều nằm đằng sau của-lễ chay.

Chúa Jêsus phán : « Nước Thiên-đàng giống như men mà người đàn-bà kia đem trộn trong ba dấu bột cho đến chừng bột dậy cả lên. » Một người đàn-bà và men. Người đàn-bà đại-diện cho thăm-quyền và cách xếp-đặt việc tiếp-dãi trong gia-đình. Sa-ra làm công-việc đó trong dịp đầu-tiên, khi Áp-ra-ham giao-thông với Giê-hô-va về vấn-đề vương-quyền của Ngài trên Sô-dôm ; và Sa-ra cũng đã dự

phần trong sự tương-giao đó. Chúng ta không dám chỉ-trích bà, nhưng bà đã thất-bại vì đã cười nhạo trước vài câu nói hôm ấy. Ôi, tốt hơn nên cười nhạo Đức Chúa Trời còn hơn không nói gì với Ngài; và Ngài sẽ kiên-nhẫn với chúng ta, nếu chúng ta mù-quáng cười-cợt. Tôi nghĩ chính mình đã từng làm như thế một cách hoàn-toàn đại-dột. Ở đây, người đàn-bà tiêu-biểu sự tương-giao và thăm-quyền ấy. Chúng ta gọi Hội-Thánh như một bà mẹ. Tờ-chức La-mã vi-đại luôn luôn nói về Hội-Thánh Mẹ. Tôi không phản-đối điều đó. Thăm-quyền trong địa-hạt tiếp-đãi và thông-công được biểu-hiệu trong hình-ảnh người đàn-bà.

Người đàn-bà làm gì? Nàng trộn men trong ba dấu bột. Men luôn luôn tượng-trưng cho cái gì làm thoái-hóa, suy-đồi, hư-hỏng. Bánh của Sa-ra làm không có men khi bà nhồi ba dấu bột. Men tuyệt-đối bị cấm trong cửa-lễ chay. Từ đó men bị loại-trừ. Đi từ những ý-kiến và biểu-tượng xưa đến Tân-ước, khi viết cho Hội-Thánh Cô-rinh-tô, một Hội-Thánh đã thật sự như bột dậy trong ý-nghĩa xấu của danh-từ, và đã mất quyền-năng trong lời làm chứng vì đã chứa-chấp những điều suy-bại này, Phao-lô đã nói:

« Anh em há chẳng biết rằng một chút men làm cho cả đồng bột dậy lên sao? Hãy làm cho mình sạch men cũ đi, hầu cho anh em trở nên bột nhồi mới không men, như anh em là bánh không men vậy. Vì Đấng Christ là con sinh lễ Vượt-qua của chúng ta, đã bị giết rồi; vậy thì chúng ta hãy giữ lễ, chớ dùng men cũ, chớ dùng men gian-ác độc-dữ, nhưng dùng bánh không men của sự thật-thà và của lễ-thật. »

Hoặc nữa, trong thư Ga-la-ti, Ông cũng nói cùng một vấn-đề. « Một chút men làm cho cả đồng bột dậy lên. »

Men luôn luôn làm tan-rã, phân-tán. Giải-thích thí-dụ của Chúa Jê-sus theo thói quen của thời đó, thì men, dù

được sử-dụng cách nào, cũng là một lực làm tan-rã, và cuối-cùng luôn luôn chia-rẽ, phá-hủy. Đó là bản-chất và thực-tế của nó. Men luôn luôn làm hư-hại.

Chúa Jêsus phán : « Nước Thiên-đàng giống như men, mà người đàn-bà kia đem trộn trong ba đấu bột cho đến khi bột dậy lên. » Nước Thiên-đàng bị đồng-hóa với một cái gì xảy ra khi có một vật khác được đưa vào làm ngăn-trở mỗi tương-giao trên bình-diện cao nhất, vì nó gây một ảnh-hưởng suy-đổi : Men phồng to và dậy lên. Kinh-Thánh là một nền văn-chương kỳ-diệu. Nhiều điều có thể xa nhau hàng vạn dặm lại tùy-thuộc lẫn nhau. Điều gì đã làm lắng tiếng than của linh-hồn tiên-tri Ha-ba-cúc, và cuối-cùng khiến ông hát bài ca lớn-lao, sau cơn bối-rối của ông ? Lời tuyên-bố của Đức Chúa Trời về nguyên-tắc đời sống. Khi nói về Si-ru, kẻ thù-nghịch, và những đội quân tràn tới đầy kiêu-căng mà Đức Chúa Trời đang sử-dụng dưới sự điều-khiển của Ngài, Chúa đã nói : « Này, lòng người kiêu-ngạo, » nghĩa là phồng lên ; không có sự ngay-thẳng trong nó ; song người công-bình thì sống bởi đức-tin. » Hãy xem bức tranh của sự xấu-xa, kiêu-căng và gian-lận ấy, tác-dụng như chất men cho đến khi dân của một nước trở nên phồng to, sưng lên. Chúa Jêsus bảo, điều đó sẽ xảy đến cho sự diễn-tiến của Nước Thiên-đàng trong thời-đại này, rằng sẽ có sự trộn men trong ba đấu bột, cho đến khi bột dậy lên.

Đã hiểu ý-nghĩa và tu từ-pháp trong thí-dụ này, bây giờ chúng ta hãy xem ba đấu bột là biểu-hiệu cho tiệc khoản-đãi cùng thông-công giữa Đức Chúa Trời và loài người. Nếu lời chứng về Nước Thiên-đàng giữa thế-gian cần phải mạnh-mẽ, thì nó cần phải đặt nền-tảng trên mỗi tương-giao liên-tục giữa dân Đức Chúa Trời với chính mình Ngài một cách bất-hủ. Không ai chối-cãi điều đó. Tất cả chúng ta đều đồng-ý. Mức độ sự tương-giao của chúng ta

với Đức Chúa Trời không được duy-trì trong sự bất-hủ và thoát khỏi cái quyền-lực có tính-cách làm tan-rã phá-hoại mỗi tương-giao ấy chính là mức-độ chúng ta thiếu làm chứng về Nước Thiên-đàng, hoặc có giá-trị trong thế-gian.

Trở lại một lần nữa với Áp-ra-ham và Lót. Nhìn sự khác-biệt giữa họ. Lót là một người tốt. Tân-ước cho chúng ta biết ông ta là « một người công-bình. » Nhưng trước hết ông căng trại hướng về Sô-đôm. Rồi ông đến ở tại Sô-đôm. Cuối-cùng ông bị đồng-hóa với Sô-đôm đến nỗi mất cả ảnh-hưởng riêng của mình. Lúc cơn khủng-hoảng đến, không có lấy năm người trong thành chịu ảnh-hưởng của ông để hướng về sự công-bình và Đức Chúa Trời. Áp-ra-ham đứng dưới những cây dẻ-bộp tương-giao với Đức Chúa Trời, và có thể gây ảnh-hưởng đến hầu như cứu được Sô-đôm. Cứ như thế, chúng ta đi từng thời-đại và thấy ảnh-hưởng dự-phần thực-hiện Nước Đức Chúa Trời.

Từ đó chúng ta học biết rằng lời làm chứng về Nước thiên-đàng sẽ bị suy-giảm theo với mức-độ mà Hội-Thánh, trong lối tở-chức, đã để cho những yếu-tố hủy-hoại xen vào và vì vậy, làm hỏng lời chứng của mình về Nước Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy lắng nghe Chính Chúa phán một lần kia : « Hãy coi chừng men của người Pha-ri-si và Sa-đu-sê. » Hay như Mác đã chép : « Hãy coi chừng men của người Pha-ri-si và Hê-rốt. Lu-ca : « Hãy coi chừng men của người Pha-ri-si là men giả-hình. » Hãy trở lại Phao-lô và nhớ thừa tiếp-vấn của thơ Cô-rinh-tô. Phao-lô đang bàn về vấn-đề thái-độ khoan-dung của Hội-Thánh đối với một kẻ loạn-luân, phạm tội vô-luân trong vòng họ. Hội-Thánh không thể đối-phó với một người như vậy. Phao-lô nói : Hãy làm cho mình sạch men. Hay trong chữ dùng ở Ga-la-ti, thừa tiếp-vấn cho chúng ta biết các giáo-sư xưng mình là người Do-thái, cố gán cho Cơ-đốc-giáo một nghi-thức vô-quyền và vô giá-trị ; và bởi đó đã buộc vào tín-đồ

một gánh nặng mà họ chẳng cần phải mang, tức men của chủ-nghĩa hợp-pháp trong Hội-Thánh. Hãy đọc kỹ mấy câu Kinh-Thánh ấy và suy-gẫm vấn-đề.

Chất men trộn lẫn đã làm yếu bớt lời chứng của Hội-thánh về Nước Đức Chúa Trời là gì ? Men giả-hình (đạo-đức giả), men duy-lý, xuất-hiện trong lời thách-mắc của người Sa-đu-sê về vấn-đề siêu-nhiên, vì họ không tin thiên-sứ, thần-linh, hoặc sự sống lại. Men duy-vật đã hiện-thân trong Hê-rốt, kẻ tìm-kiếm thế-lực và quyền cao dựa trên căn-bản vật-chất; « men của Hê-rốt. » Men dung-dưỡng xấu-xa, không thực-hành kỷ-luật cao để giữ cho Hội-thánh trong sạch và tinh-khiết; và men khủng-khiếp của hình-thức, bằng lòng với qui-điều và nghi-thức, thiếu hẳn quyền-năng. Chúa Jê-sus phán : Cả đồng bột sẽ dậy lên. Câu đó không có nghĩa là cả đồng bột sẽ trở thành men, nhưng là ảnh-hưởng của men trộn trong mấy đấu bột, chứng tỏ sự liên-kết, sẽ thấm vào cả toàn-thê.

Ở đây, trong bốn thí-dụ đầu-tiên của Chúa Jê-sus, Ngài nhìn ảnh-hưởng của Nước Thiên-đàng trong thời đó. Thứ nhất, hạt giống, chỉ về sự cung-cấp cơ-hội. Thứ hai, hạt giống tốt gieo trong ruộng thế-gian, có mục-đích tương-tự như hình-ảnh thứ nhất. Thứ ba, hạt cải tăng-trưởng cách dị-thường đến lúc trở thành một cây cao lớn. Cuối-cùng, đấu bột nói lên nguyên-lý phân-tán, xen vào giữa sự tương-giao của con người với Đức Chúa Trời. Hãy lấy bốn thí-dụ này và xem cách Ngài nhấn mạnh trong mỗi trường-hợp, sự thất-bại tương-đối trong thời-đại, sự thất-bại của hạt giống, chỉ một phần tư đem lại kết-quả còn ba phần kia được gieo ra nhưng không kết-quả. Bên cạnh công-việc gieo giống lúa mì của Con người trong ruộng mình, tức thế-gian, Ngài thấy một kẻ thù bắt chước gieo cỏ lùng. Sự phát-triển sai-lầm trở nên một cây lớn, bề ngoài có vẻ lộng-lẫy, làm nơi ở cho chim trời. Tiếp theo là sự suy-giảm của quyền-năng, xen vào giữa mỗi

trương-giao, và làm hồng sự làm chứng của con người về Nước Đức Chúa Trời.

Hãy dùng một câu trong bài học trước của chúng ta. Dù chúng ta có nghĩ thế nào về đà tiến-triển của công-việc trong thời-đại này, Christ vẫn không nuôi một ảo-tưởng nào. Ngài nhìn và thấy một cách chính-xác những gì đã xảy ra. Mọi việc xảy ra đều xảy ra theo đúng với lời bảo trước của Ngài. Có những khía-cạnh khác sẽ được bày-tỏ qua các thí-dụ kế-tiếp sau đây. Những thí-dụ chúng ta sẽ đề-cập đến đây chỉ được nói với môn-đồ. Tóm-tắt diêm chính của hai loạt thí-dụ chúng ta thấy, bốn thí-dụ thứ nhất được kể cho những con người của thị-giác, cho môn-đồ và đoàn dân ; bốn thí-dụ tiếp theo kể cho những con người của đức-tiêu, và cho môn-đồ thôi.

12. CỬA BẦU CHỖN-GIÁU

Ma-thi-ơ XIII : 44

TH Í-dụ trong câu này mở-đầu cho những thí-dụ chỉ được kể cho môn-đồ. Câu ba mươi sáu chép : « Đức Chúa Jê-sus cho chúng về, rồi vào nhà. » Và môn-đồ xin Ngài giải-thích thí-dụ về cỏ lùng. Ngài chiu ý họ và nói riêng với họ thêm bốn thí-dụ nữa.

Bốn thí-dụ này cũng đề-cập về Nước Thiên-đàng trong thời-đại này. Chúa chúng ta nhìn tổng-quát một thời-đại bắt đầu với sự đến cùng chức-vụ Ngài và sẽ chấm-dứt như Ngài đã báo trong hai thí-dụ, với ngày tận-thế. Như thế, những thí-dụ này có liên-quan với thời-đại chúng ta đang sống. Theo dự-tính của Đức Chúa Trời, những thời-đại khác sẽ đến sau.

Cần nhớ rằng qua bốn thí-dụ sẽ khảo-sát đây, quan-điem đã thay-đổi. Đã nói chuyện với những con người của thị-giác, bây giờ Chúa Jê-sus quay sang những con người của đức-tin. Điều này hẳn phải tạo nên một khác-biệt trong lối nhìn. Ngài đã nói với những con người của thị-giác, cho nên đã đề-cập đến những khía-cạnh của Nước Thiên-đàng có vẻ hiển-nhiên đối với họ và rõ-ràng như thời-đại đã phô-bày. Ngài đã báo trước sẽ có cuộc gieo giống với những kết-quả khác nhau, tùy theo phẩm-chất của hạt giống. Tiếp theo, Ngài bày-tỏ cho thấy trong thời-đại này, bên cạnh cuộc gieo giống tốt, sẽ có việc gieo cỏ lùng của kẻ thù, giả-mạo giống tốt. Ngài đã cho họ thấy trong thời-kỳ này, hạt cải sẽ phát-triển cách bất-thường trở nên

một cây lớn. Cuối-cùng, Ngài cũng cho biết ở thời-đại này, sẽ có một cuộc thoái-hóa trong Nước Thiên-đàng dưới hình-ảnh đầu bột dầy. Hãy nhìn lại từ thời Chúa phán ra lời này cho đến hiện-tại, chúng ta sẽ thấy những gì Ngài báo trước đều đã xảy ra đúng như vậy. Hột giống đã được gieo ra với nhiều kết-quả khác nhau. Kẻ thù đã gieo cỏ lùng, phá-rối cả phần-tử được lựa-chọn. Hội-Thánh đã bị nguyên-rũa bởi chứa-chấp quá nhiều tò-chức trong chính sự sống của nó, và lời chứng của nó đã bị thất-bại, khiến mối trung-giao của nó vô hiệu-quả, và lời làm chứng của nó giữa loài người cũng mất linh-nghiêm.

Bây giờ Chúa Jêsus nói chuyện với môn-đồ, với những con người của đức-tin kẻ đã tin-nhận Ngài, kẻ đi ra để sống theo nguyên-tắc của đức-tin, dù tất cả mọi sự đều có vẻ chống-ngịch lại họ. Ngài kể cho họ bốn thí-dụ có liên-quan đến thời-đại, nói lên ý-nghĩ cùng phương-pháp Thiên-thượng và mục-đích chứa-đựng trong đó. Những điều này không phải là dễ nhìn thấy được. Chúng tạo nên những bí-mật của Đức Chúa Trời, nhưng được tỏ ra cho những con người của đức-tin, mà khi biết và hiểu được, họ sẽ mạnh-mẽ, phấn-khởi và được trang-bị cho mọi công-tác. Đó là đặc-điểm của bốn thí-dụ chúng ta đang khảo-sát, và thí-dụ thứ nhất chúng ta sẽ nhìn sơ qua trong chương này.

Tóm-lược về bốn thí-dụ. Trong thí-dụ thứ nhất, Ngài tỏ cho thấy mục-đích của Đức Chúa Trời đối với cả thế-gian, « Ngài mua đám ruộng đó. » Trong thí-dụ thứ hai, bằng nhiều cách và qua cách hay nhất, Ngài cho thấy mối liên-quan giữa những gì đang được thực-hiện với các thời-đại và địa-hạt khác, trong khi viên ngọc-châu được mua lại. Thí-dụ thứ ba tuyên-bố phương-pháp của thời-đại theo dự-tính của Đức Chúa Trời, một cái lưới lớn tung ra biển, bắt đủ thứ cá. Thí-dụ cuối-cùng bày-tỏ trách-nhiệm của những kẻ là thầy thông-giáo trong Nước Thiên-đàng mới.

Bây giờ chúng ta xem thí-dụ đầu-tiên. Chúng ta cũng áp-dụng lễ-lối quan-sát bức tranh rồi tìm ra bài học.

Có những phần trong bức tranh này rất quen-thuộc với chúng ta. Chúa chúng ta đã dùng hai hình-ảnh trong các thí-dụ trước, mà Ngài đã giải nghĩa rồi. Vì thế chúng ta không còn thấy khó-khăn gì nữa. Trước hết, «ruộng,» «Nước Thiên-đàng giống như của-báu chôn trong một đám ruộng.» Chúng ta đã thấy: «ruộng là thế-gian.»

Lại nữa, một người mua đám ruộng. Chúng ta đã thấy người ấy là Con người, theo như các thí-dụ trước. Đây lại là một bức tranh của thế-gian và mối tương-quan Christ dành cho thế-gian. Hai sự-kiện này của bức tranh tổng-quát rất rõ-ràng, vì nhờ có những lời giải-thích trên.

Có hai ý mới được nêu lên ở đây: Của báu và giá mua. Chúng ta thấy người này khám-phá của báu trong ruộng, rồi đem bán mọi điều mình có để mua ruộng, và bảo-đảm của báu đó. Của báu nằm đó, nhưng bị chôn-giấu. Có kẻ tìm thấy, biết nó ở đó và nhận ra nó. Kẻ khác không biết có nó ở đó. Và, để chiếm-hữu của báu đó, người này bán tất cả những gì mình có để mua đám ruộng.

Lời xác-định ngắn-ngủi về nội-dung bức tranh ấy sẽ giúp chúng ta bắt đầu tra-cứu, vì nhờ đó chúng ta loại được hai điềm khỏi cần suy-nghi: đám ruộng và con Người; để tự-do bàn-cãi hai hình-ảnh mới trong tương-quan với hai hình-ảnh kia.

Của báu này có liên-quan gì đến cả thế-gian? «ruộng là thế-gian.» Ngài nhìn thấy của báu trong ruộng đó, Ngài đã khám-phá ra nó. Khi nhìn ra thế-gian, của báu mà Ngài thấy là gì? Dĩ-nhiên đó là Nước Đức Chúa Trời chôn giấu trong thế-gian, chánh-phủ Thiên-thượng, với những nguyên-tắc, trật-tự và vẻ đẹp tuyệt-hảo của nó. Điềm đáng chú-ý là của báu ấy được chôn trong ruộng. Ngài xem thế-giới là

vật được tạo nên để phô-bày vinh-quang của Đức Chúa Trời. Ngài thấy người đại-diện thế-giới chống-ngịch Đức Chúa Trời, và bởi đó, không đủ sức nhận-thức những khả-năng của vũ-trụ. Ngài thấy cả trái đất hoang-vu và trống-rỗng, vì vô tở-chức ; nhưng những tài-nguyên vẫn còn đó, và Ngài nhìn thấy trong thế-giới, đều vẫn được gọi là « sự rục-rở bị đóng kín. »

Tôi dùng chữ « thế-gian » với ý-nghĩa đầy trọn của nó như khi Chúa chúng ta dùng, theo như Mác, và bảo rằng chúng ta phải đi khắp thế-gian (vũ-trụ) khắp trật-tự vật-chất, tinh-thần và tâm-linh này ; cái trật-tự vũ-trụ đã bị lũng-đoạn và phá-hủy này. Nhưng Chúa chúng ta đã nhìn thấy những khả-năng trong thế-gian này ; và công-việc của Ngài trong cuộc đời là phơi-bày cách bất-ngờ những vẻ rục-rở, vinh-quang đã bị chôn-giấu từ lâu nay, và luôn luôn rao-truyền sự vinh-quang của Nước Đức Chúa Trời. Sự vinh-hiến của thế-gian được phơi-bày không ngọt như thế nào ? Qua bông hoa chẳng ? Vâng, Ngài nói, Đức Chúa Trời đã mặc áo cho chúng. Qua chim chóc chẳng ? Vâng, Đức Chúa Trời săn-sóc chúng, nuôi-dưỡng chúng và ở bên cạnh chúng khi chúng chết. Qua con trẻ chẳng ? Các thiên-sứ của chúng vẫn luôn luôn nhìn xem mặt Cha. Qua loài người chẳng ? Việc cao-cả nhất loài người có thể làm ấy là tìm-kiếm Nước Đức Chúa Trời. « Về rục-rở bị đóng kín. » Ngài nhìn thấy khắp nơi. Ngài nhìn và thấy của báu chôn-giấu trong một thế-giới sụp-đổ.

Ngài đã làm gì ? Ngài mua nó, và khi mua rồi, Ngài chôn giấu nó. Đây là điềm huyền-bí, điềm chúng ta phải đứng lại. Chúng ta thắc-mắc ý-nghĩa của nó. Nó bị chôn-giấu. Ngài đem nó ra ánh-sáng, rồi giấu nó. Trong cái trật-tự của vũ-trụ, chúng ta được một sự mặc-khải của cái cuối-cùng, chức-vụ thuộc về Nước trời của Chúa Jêsus trong khi còn ở thế-gian này ; không phải giới-hạn cuối-cùng của

chức-vụ, nhưng là điềm cuối-cùng của chức-vụ trong sứ-mạng của Ngài. Ngài đến để khám-phá và bày-tỏ nó ra. Đối với những con mắt có thể nhìn thấy về rục-rở bị đóng-kín này, Ngài khiến nó loè ra và bốc cháy cho chúng xem. Có những kẻ trông thấy và bao quanh nó. Nhưng nó bị từ-khước và Ngài từ-khước nước mà đã từng là kho chứa Nước Đức Chúa Trời theo ý-nghĩa nghiêm-trang được chép ở Ma-thi-ơ: «Nước Đức Chúa Trời sẽ bị cất khỏi các người và sẽ được giao cho một dân khác là dân sẽ có kết-quả của nước đó» Ngài tri-hoãn sự bày-tỏ đầy trọn cho đến thời-đại tương-lai khi Con người đến trong vinh-hiền cùng với các sứ thánh.

Rồi Ngài quay sang một công-việc lớn-lao hơn, mà nếu thiếu việc đó thì cả sự rục-rở chói-lọi giấu kín sẽ không bao giờ có thể cuối-cùng được nhận biết trọn- vẹn được. Tất cả ý-tưởng này được diễn-tả trong câu đơn-giản: «Người bán hết gia-tài mình, mua đám ruộng đó.» Tất cả nằm ở đây. Đó là sự mặc-khải trọn- vẹn phần sau cùng trong công-việc Chúa Jêsus giữa thế-gian, và cho thế-gian. Chú-ý phần đầu câu này: «Người vui-mừng trở về, bán hết gia-tài.» Chúng ta giải-thích đó là của báu bị đóng kín, vinh-quang bị chôn-giấu chưa được phát-lộ ra. Ngài mặc-khải nó trong giới-hạn, chừng độ, thế nhưng đám đông không nhìn thấy nó. Nó bị chôn-giấu, nhưng với lòng vui-mừng, Ngài sẽ tìm cách để cho người ta nhìn thấy ý-nghĩa sau cùng của cái luật vũ-trụ lớn-lao ấy trong Nước Đức Chúa Trời. «Lòng vui-mừng.»

Hãy lưu lại đây giấy lát. Điều gì Chúa đã làm, chúng ta cũng sẽ lần-lượt nhìn đến sau này. Nỗi vui-mừng của Chúa Jêsus là gì? Trong lời tiên-tri lớn-lao nói về Ngài trước lúc Ngài đến rất lâu và đã được hoàn-toàn ứng-nghiệm trong suốt câu chuyện của cuộc đời Ngài, có chép: «Này... trong bộ sách có chép về ta:

Hỡi Đức Chúa Trời tôi, tôi vui-mừng làm theo ý muốn Chúa.» «Tôi vui-mừng.» Nỗi vui-mừng của tâm-hồn Ngài ấy là ý muốn của Đức Chúa Trời. Ngài biết điều tốt-đẹp trong đó. Ngài biết nó có thể chấp-nhận được. Ngài biết nó là trọn- vẹn. Ngài biết rằng ở trong ý muốn Đức Chúa Trời đồng vắng sẽ trở bông hồng, và sa-mạc sẽ trở nên ao nước phì-nhiều, rạng-rỡ. Ngài biết, và nỗi vui-mừng tràn-ngập tâm-hồn Ngài là thái-độ chiêm-ngưỡng ý muốn của Đức Chúa Trời được thực-hiện trên thế-gian này. Đó là nỗi vui-mừng đặt trước mặt Ngài. Hãy trích thêm một câu nữa trong thơ Hê-bơ-rơ: «Đấng vì sự vui-mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy Thập-tự-giá, khinh điều si-nhục.» Sự vui-mừng đặt trước mặt Ngài là gì? Đức Chúa Trời tha-thứ chúng ta, chúng ta thường giải-thích điều đó quá hẹp-hòi. Đó có phải là nỗi vui-mừng được trở lại cùng Đức Chúa Trời, được yêu-mến và an-nghỉ và làm hòa với Đức Chúa Trời chăng? Nỗi vui-mừng đó là nỗi vui cuối-cùng tìm được sự chắc-chắn. Sự vui-vẻ của Đức Giê-hô-va là sức-lực của Ngài. Sự vui-vẻ của Đức Giê-hô-va là nỗi hân-hoan của ý muốn Ngài. Sự vui-vẻ của Đức Giê-hô-va là năng-lực bí-ẩn giúp Ngài chịu-đựng Thập-tự-giá

Trong thí-dụ, Ngài cho chúng ta biết điều Ngài đã làm: «Ngài bán hết những gì Ngài có» (theo bản Anh-ngữ). Chúng ta tìm đâu ra một lời bình-luận đầy-dủ về điều này? «Ngài tự làm cho mình trống-không,» bán hết những gì Ngài có. Im-lặng là lời bình-luận hay nhất khi suy-gẫm điều này. Hãy lấp đầy khoảng trống với suy-tư của chúng ta; «tất cả điều Ngài có» (hết gia-tài). Và chú-ý, đó là thái-độ Ngài đánh-giá của báu mà Ngài thấy chôn trong đám ruộng thế-gian. Nó bao-gồm mọi vật trong vũ-trụ, mọi vật trong cái thứ-tự thuộc về đất này, cả bản-chất sự sống, như thực-tại và như tương-lai; nhưng cao hơn hết là con người, và những khả-thể vô-hạn vinh-quang của con người,

trong đó Ngài nhìn thấy vẻ rục-rở kín-giấu này. Thái-độ đánh giá của Ngài, ai có thể đo-lường được? Hãy nghĩ đến tất cả điều Ngài có, và mọi điều "Ngài đã bán." Để làm gì? Để mua ruộng, thế-gian, cả công-cuộc sáng-tạo. Ngài mua-chuộc nó để nó có thể được dự-bị cho lúc thực-hiện trọn-vẹn mục-dịch tối-hậu của Ngài, và để cuối-cùng nó có thể được nhìn-nhận và đầy-dẫy vinh-quang của Đức Chúa Trời. Khắp đất đầy-dẫy sự vinh-quang Thiên-thượng. Tiên-tri nói, sẽ có một thời mọi xác-thịt sẽ cùng nhìn thấy nó. Để mục-dịch đó được thực-hiện, Ngài mua thế-gian.

Điều quan-trọng cần nhớ ấy là chữ "mua" ở đây không được giải-thích theo nghĩa thương-mại. Chữ "mua" có thể được dùng theo nhiều nghĩa khác mà không ám-chỉ sự đổi-chác thương-mại. Đã có nhiều cuộc tranh-luận giữa các nhà bình-giải về vấn-đề này. Và cũng chẳng thiếu những nhà bình-giải sùng-kính, lớn tuổi bảo rằng Ngài đã mua thế-giới trong tay Sa-tan. Chẳng bao giờ! Ngài không bao giờ nhìn-nhận quyền của Sa-tan trên thế-giới này. Đó là điều Sa-tan muốn Ngài làm, và nó dâng thế-gian cho Ngài với giá tương-đối rất rẻ, khi nó nói: Hãy thờ-lạy ta thì ta sẽ cho Ngươi hết thảy mọi sự. Nhưng Ngài không hề thừa nhận quyền Sa-tan trên một nơi nào. Ngài không mua thế-gian từ Sa-tan.

Cũng có những nhà bình-luận sùng đạo bảo rằng Ngài mua thế-gian từ Đức Chúa Trời. Nhưng như thế là tách-biệt Đức Chúa Trời ra, và Đức Chúa Trời không hề bị tách-biệt. Ngài là Đức Chúa Trời. Ngài là Đức Chúa Trời trong Đấng Christ làm cho thế-gian hòa lại với Ngài. Chính Đức Chúa Trời trong Đấng Christ là Đấng đã mua chuộc. Chữ này nhiều khi được dùng một cách khác. Một người bảo, ông ta sẽ bán mạng sống mình đắt giá. Điều đó không có nghĩa ông ta sẽ bán với một giá cả. Nhưng là ông ta sẽ chịu khổ để giữ mạng sống. Một người mẹ sẽ

trả giá sức khoẻ cho con mình bằng những đêm thức khuya dai-dẳng. Bà ta không trả tiền cho ai cả. Ngài mua ruộng, điều đó chỉ nhấn mạnh sự từ-bỏ tất cả với ý-nghĩa phong-phú hơn hết của nó.

Hãy lùi lại đằng sau bức tranh này, bức tranh được trình-bày cho môn-đồ. Bức tranh không giao cho những con người trên thế-gian. Đoàn dân ở ngoài không hiểu gì hơn là vài người ngày nay có thể hiểu được. Nó chỉ có thể được hiểu bởi những con người có đức-tin sống động, đức-tin vào cái không thấy, tin vào thực-tại của cái không thấy được, và thấy những sự việc trên quan-điểm đó. Con người của đức-tin trong thời-đại này sẽ nhận biết được tất cả những gì con người của thị-giác nhìn thấy, tất cả mọi vật đã được kể ra trong bốn thí-dụ đầu-tiên. Những con người của đức-tin thấy đủ mọi khía-cạnh của hoàn-cảnh như Chúa Jê-sus đã thấy, một cách rõ-ràng như những người đã nhìn thấy lúc Ngài nói những thí-dụ này. Chúa Jê-sus không bị lừa-dối. Ngài không bị ảo-tưởng nào. Ngài biết ảo-tưởng thường rơi vào Hội-Thánh tin-đồ Đấng Christ, và khiến những phần-tử thân mến, yêu-dấu ngày nay bị làm nô-lệ cho ý-nghĩ rằng chúng ta phải tiếp-tục giảng Tin-Lành cho đến khi cả thế-gian được biến-cải. Sẽ không bao giờ đến kết-cuộc đó. Ngài nhìn thấy rõ sự-kiện và một ngàn chín trăm năm đã làm chứng cho sự chính-xác trong cái nhìn của Ngài. Những con người của đức-tin có thể thấy điều mà những con người của thị-giác không thể thấy được; nhưng điều người của đức-tin nhìn thấy sẽ không bao giờ khiến người thất-vọng, vì người cũng biết thí-dụ này, và thí-dụ tiếp theo sau nữa.

Một lần nữa, thí-dụ này chẳng phải là cuối-cùng. Không có điều gì ở đây đề-cập đến các thời-đại tương-lai và phương-pháp của Đức Chúa Trời trong lịch-sử thế-gian. Nhưng thí-dụ này nói đầy-dủ để làm vững lòng, và làm mạnh-mẽ

cố-gắng của chúng ta trong công-việc.

Trước hết thí-dụ này cho thấy thái-độ Christ đánh giá khả-năng của thế-gian, của báu chôn giấu, nhưng vẫn là của báu. Vinh-quang của mọi vật trong chánh-phủ của Đức Chúa Trời, trong Nước Thiên-đàng, Nước của sự tề-trị của Đức Chúa Trời, Ngài nhìn thấy rõ, thấy khả-năng của nó. Nếu chúng ta không nhìn thấy khả-thê đó, thì có lạ gì nếu chúng ta nản lòng, tay chúng ta hạ xuống, và gối chúng ta yếu-đuối, và chằm-dứt cố-gắng. Ngài đã nhìn thấy khả-thê đó.

Nhưng Ngài còn thấy xa hơn, ấy là chỉ có một cách để chiếm-hữu của báu ấy, để cuối-cùng bày-tỏ trọn-ven và làm vinh-hiễn nó, và đó là cách từ-bỏ chính mình hoàn-toàn. « Người bán mọi điều Người có. » Ngài không giữ lại điều gì. Như một bạn thân đã nói với tôi vào một sáng Giáng-sanh kia, khi nói về tình-yêu của Đức Chúa Trời, ấy là chúng ta không phân-biệt giữa tình-yêu của Đức Chúa Trời với tình-yêu của Christ, và đó chỉ là để cứu nhân-loại. « Ngài bần-cùng hóa Thiên-đàng trong một lúc. » Đó có thể là cách nói hay nhất, nhưng chúng ta cần xem-xét kỹ, xem một phần sự thật chứa-đựng ở đây. Ngài bần-cùng hóa chính mình.

Tuy-nhiên, đằng sau điều đó há chẳng phải là một bảo-đảm hứng-cảm của nhiều vấn-phẩm sao ? « Ngài là Đấng dù giàu-có nhưng vì có chúng ta đã trở nên nghèo. » Đừng bao giờ quên rằng dù với giá nào, sự thật vẫn là :

« Không kẻ được chuộc nào biết được

Chúa đã phải lặn-lội qua sông sâu

Và đêm tối đến độ nào

Mới tìm được con chiên lạc mất. »

Giá trả vượt quá mọi sự tính-toán của chúng ta.

« Chẳng bởi bạc và vàng » — đó chỉ là óc vụ-lợi — « nhưng bởi huyết quý-báu của Christ, như huyết Chiên Con, không tỉ-vít. » Đó là sự màu-nhiệm của Thần-tánh trong cơn đau-đớn. Đừng nên quên, dù giá đã được trả, dù lớn-lao như thế, Ngài đã tìm-kiếm thế-gian. Ngài đã mua ruộng. Nó trở thành tài-sản của Ngài. Hiện nay nó là tài-sản của Ngài.

Thí-dụ không chấm-dứt cả câu chuyện. Nó không cho biết những quá-trình khác mà thế-gian sẽ đi qua, nhưng lại cho biết Bàn tay và đó là Bàn tay bị đâm của Jêsus. Ngài đã mua cả thế-gian và chính đó là một bảo-đảm cho mọi sự vinh-hiền đang bị chôn-giấu và đóng kín sẽ được nhận ra sau này.

Lòng người có thể thắc-mắc : Tại sao giấu nó đi ? Tại sao ngăn-trở nó ? Chử Tại sao cần-thiết cho một câu hỏi như thế về hành-động của Ngài chứng-tỏ việc đó cần-thiết, và việc đó hợp lẽ. Trở nên một cây sồi phải cần nhiều năm. Một cái thang có thể làm trong một ngày. Đường-lối của Đức Chúa Trời có vẻ chậm-chạp, nhưng Ngài đang sửa-soạn vụ gặt sau cùng của thế-gian. Mong rằng chúng ta sẽ nắm được khái-tượng của Ngài để có thể sẵn-sàng nhận lấy công-tác.

13. NGỌC TRAI

Ma-thi-ơ XIII : 45, 46

VAI hình-ảnh trong thí-dụ này đã được đề-cập đến, như hình-ảnh của-báu và của-báu được tìm-kiếm rồi mua chuộc, nhưng cũng có vài điều mới lạ. Nhân-vật ở đây là một người lái buôn, đang tìm mua một cái gì để làm cửa. Cửa báu Chúa chúng ta nhắc ở đây là một loại đặc-biệt — một viên ngọc-trai. Người lái buôn đang tìm ngọc-trai, và gặp được một viên ngọc cao giá. Những điếm mới ở đây là người lái buôn tìm mua một món đồ làm cửa, là viên ngọc-trai, và là một vật cao giá.

Đề-hiệu thí-dụ này, chúng ta cần phải khảo-sát kỹ-càng những hình-ảnh mới này, người lái buôn và viên ngọc. Điếm chính là viên ngọc. Trong lời giải-thích, chúng ta phải lột bỏ những ràng-buộc của các quan-diêm cổ-truyền thông-thường. Điều đó không có nghĩa rằng cái gì thông-thường là sai-lầm, hay cái gì thuộc cổ-truyền là sai-lầm. Tuy-nhiên cả hai trường-hợp có thể mắc vào khuyết-diểm đó.

Lỗi giải-thích chung về thí-dụ này ấy là Chúa chúng ta muốn dạy-bảo rằng Ngài là viên ngọc cao giá, và tội-nhân là kẻ tìm-kiếm, lãnh mua và chiếm-hữu Chúa của mình. Đó là cách giải-thích hoàn-toàn sai với sự thật trong lời dạy của thí-dụ này. Phải nói ngay từ đầu là, đây không phải là bức tranh của tội-nhân tìm-kiếm Christ. Nhưng chính là Christ tìm-kiếm Hội-Thánh Ngài. Đó là ý-niệm tổng-quát và có lẽ lúc đầu hơi khó tin.

Bây giờ chúng ta hãy bắt đầu với hình-ảnh viên ngọc. Điếm đáng chú-ý cần nhớ là người Hê-bơ-rơ không cho ngọc là quý. Họ không cho nó một giá-trị đặc-biệt nào.

Ngọc trai không bao giờ nhắc đến trong Cựu-Uớc. Vài loại đá khác được nhắc đến và gọi bằng tên rất hay « đá lửa, » nhưng còn ngọc-trai thì chẳng được nói đến. Trong sách Gióp, có một đoạn rất hay và kỳ-lạ trong đó tác-giả hỏi giá-cả của sự khôn-ngoan là gì, và nêu ra vài điều không thể mua khôn-ngoan được. Ông kể tên những đá quý, và nơi lẽ của bản Revised Version (bản nhuận-chánh trong Anh-ngữ) chúng ta thấy, khi Gióp nói đến « thủy-tinh, » những nhà nhuận-chánh xen vào chữ « hay ngọc trai » ở ngoài lẽ. Cả đến những phụ-chú ngoài lẽ (của Kinh-Thánh) cũng không được Đức Chúa Trời hà hơi vào. Danh-từ Hy-bá-lai dùng ở đây theo nghĩa bóng, có nghĩa là một vật đồng-đặc, và chữ « thủy-tinh » diễn-tả ý-nghĩa đó rõ hơn chữ « ngọc trai. » Như thế chữ ngọc-trai chẳng có nghĩa gì đối với người Hy-bá-lai, và không được ai nhắc đến.

Khi các môn-đồ Hy-bá-lai này nghe Chúa Jêsus kể thí-dụ, tôi tưởng họ kinh-ngạc mở mắt thật lớn. Một viên ngọc trai ! Một người lái buôn tìm ngọc trai ! Chẳng ai đặc-biệt đi tìm ngọc trai cả. Hơn nữa, Ngài còn nói ngọc trai « quý-giá. » Hãy cho rằng các dân-tộc khác, ngoại trừ Hy-bá-lai, vẫn nhìn-nhận giá-trị của ngọc trai, và đó là một đề-tài thích-thú đề nhắc đến. Người ta càng nhận-biết giá-trị của ngọc trai hơn. Những cuộc nghiên-cứu gần đây đã cho thấy, trong biểu-chương của Vua Chúa gồm có vàng chạm ngọc, người ta cũng tìm thấy có cả ngọc trai nữa. Tại Ni-ni-ve, ngọc trai có giá-trị rất cao, hơn cả ở các xứ khác.

Ngày nay ngọc trai được xem là thứ quý-báu nhất và có giá-trị thật. Như thế trong thí-dụ này về ngọc trai, trong lúc Vua bày-tỏ những điều bí-ẩn cho những con người của đức-tin, dù với mục-đích nào, Ngài nhắc đến một vật họ không cho là có giá-trị và còn gán cho nó một giá-trị phi-thường.

Những sự-kiện về ngọc trai thật là gì ? Nó là sản-phẩm

của một cơ-thể sống-động. Những loại đá quý khác dù là xa-phia, hay kim-cương, hồng-ngọc, ngọc-bích hay bất-cứ một thứ nào khác cũng không đặc-biệt như vậy.

Nó được chế-tạo thế nào ? Ngọc trai là kết-quả của một thương-tích trong một cơ-thể sống. Một hạt cát vào trong vỏ sò, gây thương-tích cho nó. Vật bị thương mới dùng xa-cừ phủ từng lớp một lên hạt cát ấy, cho đến khi viên ngọc trai được thành hình. Đó là lịch-sử của viên ngọc trai. Một cơ-thể đang sống, bị thương vì va-chạm với một hạt cát, hay một vật gì nhỏ-bé tương-tự, và cơ-thể sống ấy hàn-gắn vết thương bằng một viên ngọc-trai. Do đó có vật quý-báu này.

Lại nữa, đây là một vật vô giá, vô cùng đẹp-đẽ và đặc-biệt là một món trang-sức. Giá-trị thật trong ngọc trai không gì khác hơn là làm tăng vẻ đẹp, là thêm cho kẻ chiếm-hữu hay người đeo nó một cái gì. Chữ "ngọc trai" phát-xuất từ một danh-từ Sanskrit "tiếng phạn" có nghĩa là tinh-khiết. Những tên Margaret hay Margarita của đàn bà đều có ý-nghĩa đó. Ngày nay ngọc trai gọi trong trí ta sự trong sạch. Nếu thế thì ngọc trai là tượng-trưng của sự trong-sạch do thương-tích tạo-nên, chứa đựng trong nó chính vật làm cho nó trở nên đẹp, và là một biểu-tượng của tinh-khiết.

Chúa chúng ta không bao giờ dùng một hình-ảnh minh-giải thiếu sự hiểu biết đầy-trọn về chiều cao, sâu, dài, rộng của nó; và khi Ngài nói "một viên ngọc", Ngài đã biết ngọc-trai từ đâu đến và cách thành hình của ngọc trai như thế nào rồi. Ngài đã rõ giá-trị thật của nó. Đó là điểm nhấn mạnh đầu-tiên khiến chúng ta chú ý đến. Ở đây có một cái gì khác với bất cứ điều nào chúng ta đã quan-sát, không có gì mâu-thuẫn, nhưng có một cái gì khác biệt.

Và rồi, trong hình-ảnh người lái-buôn, chúng ta thấy một người đi tìm ngọc trai tốt. Không thể nghĩ rằng người

tìm ngọc trai chỉ tìm ngọc trai cho chính mình. Ngọc trai theo như giá-trị của nó lúc đó, đặc-biệt và nhất là chỉ dùng trang-điểm vua chúa. Người đi tìm nó là tìm để cung-cấp cho việc làm đẹp, tượng-trưng cho vinh-quang, cho một người khác với chính mình. Người lái buôn tìm ngọc-trai, không phải để tích-trữ hay chiếm-hữu, nhưng để cho một kẻ khác. Nếu người này có mua rồi bán đi, thì đó cũng không thuộc giới-hạn chúng ta. Chúa Jê-sus nói, người tìm mua ngọc trai quý và gặp được một viên vô giá. Đó là một chiến-thắng kỳ-diệu. Một viên ngọc trai có vẻ đẹp rực-rỡ, và để chiếm-hữu nó người đi bán tất cả điều mình có.

Quan-sát bức tranh xong, bây giờ chúng ta hãy tìm hiểu lời giải-thích. Tại đây có thể vài người sẽ có những ý-nghĩa và suy-tư mới. Chúng ta chẳng cần phải bàn-cãi nhân-vật ở đây là ai. Đó là Đấng trong những chỗ khác gọi là Con người, nhưng ở đây Ngài được nhìn qua hình-ảnh một người lái buôn.

Ngài đang làm gì? Ngài kiếm ngọc-trai và đã tìm được một viên. Tìm được có nghĩa là Ngài nhận-thức được, khám-phá được và chiếm-hữu. Chúa chúng ta bày-tỏ trọng-trách Ngài trên thế-gian này. Đây là một thí-dụ nhìn theo quan-điểm của viễn-ảnh và lời giải-thích từ trời. Không có gì ở đây mâu-thuẫn với điều chúng ta đã thấy về ứng-dụng nguyên-tắc nước Thiên-đàng đã minh-giải trong những thí-dụ khác. Chúng ta đang từ trời nhìn xuống và thấy người lái buôn này tìm-kiếm, thấy người tìm ra và thấy cách người chiếm-hữu điều Người vừa tìm ra. Đề ý Chúa chúng ta nói: « Khi đã tìm được một viên ngọc-trai quý-giá, người đi bán hết điều mình có » Đi đâu? Đi khỏi chỗ người đang ở. Chỗ đó ở đâu? Thiên-đàng. Điều đó không có nghĩa Ngài bỏ đất này và ra đi lãnh mua nó, nhưng là Ngài đến trên đất này. Thí-dụ này nhìn mọi sự vật từ tiêu-chuẩn thiên-thượng. Ngài đã nhìn thấy viên ngọc trai. Ngài biết nó và muốn

chiếm-hữu nó, và Ngài đi đến thế-gian, bán hết mọi điều Ngài có. Đó là bức tranh lãnh mua Hội-Thánh của Đức Chúa Trời, toàn-thể Hội-Thánh.

Nhiều câu hỏi được đặt ra, phân-biệt giữa Hội-Thánh và Nước Đức Chúa Trời. Có một sự phân-biệt rõ-ràng, và trong các thời-đại sau này, sẽ có nhiều kẻ được chuộc mà không phải là phần-tử của Hội-Thánh lớn, huyền-bí của Christ. Nhưng quan-điểm ở đây là quan-điểm của Hội-Thánh. Người đi và tìm được một viên ngọc trai. Với lòng cung-kính, chúng ta có thể nói, Ngài ra đi, và bởi hành-động của Ngài, đã tạo được viên ngọc trai. Viên ngọc dính vào Ngài, gây thương-tích cho Ngài, làm hại Ngài; và bởi hành-động Ngài, Ngài nhượng-bộ tất cả những gì ngược-đãi Ngài, làm hại Ngài, cho đến khi, nhờ sự biến-chất, nó trở thành chính viên ngọc vô cùng quý-giá mà Ngài đang tìm-kiểm. « Ngài bán tất cả điều mình có. »

Với lòng tôn-kính, hãy nhìn xem bức tranh về viên ngọc và quá trình cấu-tạo của nó, cách hành-động của một cơ-thể sống, phủ cái vật mình không thấy nhưng lại làm mình đau-đớn, bằng xa-cừ cho đến bây giờ viên ngọc được thành-hình. Khi Phi-e-rơ viết thư, ông nói : « Đến cùng Ngài là đá sống, bị người ta loại ra, song được chọn và qui trước mặt Đức Chúa Trời. » Sau đó, ông viết : « Vậy nên, cho anh em là kẻ đã tin, thì là đá quý. » Bản Authorised Version dịch là : « Cho anh em là kẻ tin, thì Ngài là quý-báu. » Đó là một tư-tưởng và lời nói đẹp-đẽ, một lẽ thật tuyệt-đối. Ngài há chẳng quý-giá đối với chúng ta sao ? Nhưng đó không phải là ý sứ-đồ muốn nói. Đó không phải là điều ông viết. « Cho anh em... là quý-báu. » Đá mà kẻ xây nhà đã loại bỏ, chính đá đó đã làm Đâu góc nhà và tất cả đều đó tạo nên sự đẹp lòng tốt-lành của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ : « Con Ta, trong Con ấy Ta rất đẹp lòng. » Những gì trong Christ là quý-báu đối với Đức Chúa Trời, thì được đề dành cho

chúng ta. "Cho anh em là kẻ tin, là quý-báu." Nhưng tôi là ai? Chúng ta là kẻ đã đóng đinh Ngài trên Thập-tự-giá, đã ngược-dãi Ngài, Đấng vinh-hiền, kẻ đã làm Ngài đau-đớn khổ-sở; nhưng với quyền-năng cùng ân-diễn huyền-bí vô-hạn, lớn hơn cả sự màu-nhiệm và diệu-kỳ của việc cấu-tạo viên ngọc trong vỏ sò, Ngài bao phủ chúng ta, và biến vật gây thương-tích thành một vật được ưa-thích, thành một viên ngọc quý-giá.

Vì thế, cả Hội-Thánh được xem như là vật quý-báu và kỳ-diệu nhất, là kết-quả của sứ-mạng của Con người. Nước Thiên-đàng là đây, nhưng cũng là một nhóm người họp lại và cuối-cùng thành-lập nên Hội-thánh Ngài.

Thí-dụ không cho chúng ta biết gì về mục-đích. Bức tranh mô-tả những gì xảy ra trong thời-đại này, tức sự tìm thấy và mua tận vật thiêng-liêng này. Tuy-nhiên, chúng ta có phép suy-lý được một cái gì hơn nữa. Mục-đích của việc mua này là gì? Nói một cách nôm-na và thương-mại, giá-trị của viên ngọc đó là gì mà đề chiếm-hữu, Người phải bán tất cả đểu mình có mới mua được? Chúng ta không thể trả lời đầy đủ bằng những danh-từ của thời-đại, hoặc bằng những lời-lẽ của kinh-nghiệm riêng tư và cá-nhân. Chúng ta không thể trả lời điều đó bằng lời lẽ của bất cứ một Hội-thánh ở trong thời-kỳ nào của thời-đại này. Chúng ta chỉ có thể trả lời đầy-đủ khi chúng ta được nhìn thấy sự vinh-quang sau cùng của Hội-thánh và chức năng cuối-cùng của nó.

Chúng ta chưa bao giờ được thấy Hội-thánh của Đức Chúa Trời. Những Hội-thánh, vâng, chúng ta có một quan-niệm về Hội-thánh phổ-thông, giáo-hội thánh-khiết. tổng-quát như chúng ta thường gọi; nhưng chúng ta chưa bao giờ được thấy nó. Thật là đáng tiếc khi những bậc lãnh-đạo, những người của Christ cãi-cọ nhau. Sẽ có ngày chúng ta thấy rằng sự cãi-cọ giữa chúng ta chỉ liên-quan đến cái

giàn cây dùng chỗ đứng để xây nhà nhưng đằng sau cái giàn cây ấy, Hội-thánh đang trở nên một cái đèn-thờ thánh trong Chúa. Nếu chúng ta tìm thấy lời giải-thích cuối cùng trong Tân-Uớc về giá-trị viên ngọc Ngai đã mua, về giá-trị của Hội-thánh đối với Đức Chúa Trời, chúng ta sẽ phải mở một thư quan-trọng, đó là thơ Ê-phê-sô. Trong thơ này, Phao-lô đạt đến chỗ rục-rỡ của hệ-thống thần-học của ông. Hệ-thống ấy bắt đầu từ thơ Rô-ma, với đề-tài duy-nhất là sự cứu-rỗi. Tiếp theo là sự huyền-bí của Hội-thánh, và ông giải-thích từng chặng một. Vinh-quang sau cùng được tìm thấy trong thơ sanh đôi Ê-phê-sô và Cô-lô-se. Thơ Cô-lô-se liên-quan đến sự vinh-hiền của Christ Ê-phê-sô nói về những vinh-quang của Hội-thánh vì là hiện-thân và là mặc-khải vinh-quang của Christ.

Hãy xem qua hai đoạn trong thơ Ê-phê-sô. Trong đoạn đầu, Phao-lô dùng một câu rất hay. Ông cầu-xin cho tín-đồ Ê-phê-sô và mọi kẻ khác được biết Ngai, được sự hiểu-biết đầy-tròn *epignostis*, « Những sự giàu-có về cơ-nghiệp, vinh-hiền Ngai cho các thánh-đồ là gì ? » Đó là một tư-tưởng táo-bạo, một điều kinh-khủng. Tất cả đường-lối suy-tưởng của chúng ta về đạo-thánh của chúng ta sẽ được nâng cao khỏi tính-cách tầm-thường hiện-đại và khỏi sự nhỏ-nhen của mọi hoạt-động chúng ta tại đây, dù đó có là sự thật đến đâu chăng nữa, khi chúng ta thấy Đức Chúa Trời chiếm được một cái gì trong Hội-thánh Ngai: khi thấy Chúa Jêsus đã bán tất cả điều Ngai có để mua viên ngọc hầu chiếu sáng rục-rỡ nơi lòng Cha, thì Đức Chúa Trời được giàu-có. Ngai không được giàu-có trong bản-thể vinh-hiền, nhưng nhờ tìm được một môi-giới để có thể mặc-khải bản-chất vinh-hiền ấy.

Tiếp-tục đọc thơ Ê-phê-sô đến đoạn năm : « Christ cũng yêu Hội-thánh và phó chính mình Ngai vì Hội-thánh, để khiến Hội nên thánh sau khi lấy nước rửa và dùng Đạo làm cho Hội tinh-sạch, đặng tỏ ra Hội-thánh đầy vinh-hiền,

không chỉ giống như vậy, nhưng thánh-sạch không chỗ trách được.» Hột cát quấy-rầy gây thương-tích được biến thành vẻ đẹp của một viên ngọc trai, và đó là vinh-dự của Đức Chúa Trời.

Trong thơ Ê-phê-sô có hai câu Phao-lô nói về công-việc sau cùng của Hội-thánh. Nó không thuộc về đất tí nào. Hội-thánh có công-việc tại đây và có trách-nhiệm trong thế-gian, mà chúng ta đang cố-gắng hoàn tất trong giới hạn của chúng ta. Nhưng ý-nghĩa tối-hậu của Hội-thánh không dành cho thời-gian, mà là cho cõi đời đời. Nó không được dành cho đất, nhưng cho trời, nơi mà cả đoàn người được chuộc sẽ hoàn-tất một sứ-mạng thiêng-liêng. Phao-lô đã cho chúng ta biết hai điều về sứ-mạng này. Trong những thời-đại tương-lai chúng ta sẽ dạy các thiêa-sứ; và ân-diên cùng vinh-quang, của Đức Chúa Trời sẽ được phát-lộ qua chúng ta. Công-việc của Hội-thánh là sẽ là kẻ mặc-khải ân-diên vô-hạn của Đức Chúa Trời cho mọi thời-đại, cho mọi trí khôn-ngoaan không bị sa-ngã, viên ngọc-trai quý-giá.

Công-việc của chúng ta tại đây là chờ đợi Nước thiên-đàng, là cầu-xin vì Nước ấy, là khờ-nhoc vì Nước ấy, là hi-vọng và trông-mong sự thực-hiện trọn-vẹn của Nước ấy nhưng đừng nên quên rằng bên kia khoảng lịch-sử giới-hạn của giải đất nhỏ bé vẫn còn hằng bao thời-đại, và trong những thời-đại ấy, Hội-thánh được chuộc của Đức Chúa Trời sẽ là viên ngọc đề ân-diên và vinh-quang của Ngài được bày tỏ qua nó.

x x

x

14. LƯỚI CÁ

Ma-thi-ơ XIII: 47-50

THÍ-DỤ về lưới cá là thí-dụ cuối cùng nói về sự tiến-hành của Nước thiên-đàng trong thời-đại này. Những thí-dụ có hệ-thống của Chúa chúng ta trong Ma-thi-ơ đoạn mười ba có liên-quan với một thời-đại đã khởi đầu với sự đến lần thứ nhất và chức-vụ của Ngài, và sẽ tận-cùng với sự đến thứ hai của Ngài. Sự can-thiệp của Đức Chúa Trời không chấm-dứt trong bất-cứ mọi thời-đại nào con người đang sống. Tuy-nhiên, những thí-dụ này, tất cả đều nói đến thời-đại hiện-tại, và minh-giải sự phát-triển của Nước thiên-đàng.

Thí-dụ đặc-biệt vẫn là một thí-dụ cho những con người của đức-tin. Thoát khỏi đám đông và công-chúng, Ngài kể thêm vài thí-dụ để minh-chứng cho những con người đức-tin này về sự phát-triển của Nước thiên-đàng; không theo tầm quan-sát hoặc hiểu-biết thuộc về đất, nhưng theo tiêu-chuẩn của mục-đích và ý-hướng thuộc về trời. Đó là thí-dụ về của báu trong đám ruộng, và về viên ngọc-trai. Đó là thí-dụ về lưới cá.

Lời giải-thích một phần của Chúa giúp chúng ta rất nhiều trong việc nghiên-cứu thí-dụ này. Đó là câu bắt-đầu với những chữ: "Đến ngày tận-thế cũng như vậy" (câu 49). Cần hiểu ngay rằng Chúa chúng ta chỉ giải nghĩa thí-dụ này một phần có liên-quan sự-kiện cuối-cùng trong bức tranh, không phải với việc quăng lưới hoặc chao lưới dưới nước; nhưng là với việc kéo lưới lên bờ. « Ngày tận-thế » là chìa khóa của điềm Chúa nhấn mạnh trong thí-dụ này.

Đây là điềm đầy ý-nghĩa và giúp chúng ta nhấn mạnh

đúng chỗ khi khảo-sát thí-dụ. Lưới và sự chao theo dòng nước chỉ là những hình-ảnh thí-dụ của sự-khien không được giải-thích tại đây và lúc này. Nhưng điều đã được giải-thích và do đó cũng là điều chúng ta phải lưu-ý, chính là lời Chúa mô-tả về những gì sẽ xảy đến trong hiện-tại, trong thời mà Ngài gọi là « ngày tận-thế. » Bởi thế, đây là thí-dụ bày-tỏ cách cao-siêu, phương-pháp hoàn-thành của thời-đại này, thời-đại mà Người Gieo giống gieo ra Lời Đức Chúa Trời.

Giá-trị chính ở đây là giá-trị của sự lựa-chọn sau cuộc kéo lưới và cuối-cùng của thời-đại. Biết rõ sự-khien đó, chúng ta sẽ tránh được những quan-niệm sai-lầm về lời dạy-bảo ở đây. « Nước Thiên-đàng giống như một tay lưới. » Bản Nhuận-chánh (Revised Version) dùng chữ « một cái lưới. » nhưng lời chú-giải cho biết nghĩa dịch sát với bản Hi-lạp, là « một lưới kéo. »

Cũng tại đây, những người chài lưới ngồi nghe Ngài đã hiểu trọn vẹn những gì Ngài nói. Đó là một phương-pháp đánh cá. Nó không liên-quan gì đến sự đánh-cá riêng của mỗi người. Như Ê-xê-chi-ên đã nói, ở đây không phải là bức tranh về những người chài-lưới đứng trên bờ sông từ Ên-ghe-đi cho tới Eneglaim. Đó là sự đánh cá riêng tư. Và đó chẳng phải ý-nghĩa trong trí Chúa chúng ta khi Ngài nói với môn-đồ: « Ta sẽ khiến các ngươi nên tay đánh lưới người; » và vào dịp khác: Các ngươi sẽ bắt được người sống. Đó là điềm đánh dấu đời sống cá-nhân. Nhưng đây là một vấn-đề khác.

Sự-khien ở đây giản-dị đến nỗi chúng ta chẳng cần phải suy-nghi lâu. Đó là bức tranh về một tấm lưới vi-đại được ném xuống biển, năm đó, và di-chuyển theo dòng nước bắt được nhiều thứ cá, đủ loại. Rồi chiều đến, hay thường thường vào buổi sáng sớm, các người chài lưới kéo lưới lên, trong đó gồm vô-số cá. Vài loại cá không dùng gì được. Nhưng các loại khác rất có giá-trị. Các ngư-phủ ngồi xuống trên bãi

biển, và công-việc đầu-tiên của họ là xếp loại và lượm-lặt kỹ-lưỡng, loại bỏ những con cá vô-dụng, không đáng kể, còn giữ lại một số tốt sau khi đã ném ra ngoài một số xấu không dùng được.

Chúa chúng ta nói: Nước Thiên-đàng giống như vậy trong ngày tận-thế. Nước Thiên-đàng giống như một tay lưới thả xuống biển; và đến ngày cuối-cùng của thời-đại, ngày tận-thế, cũng sẽ có cuộc kéo lưới và lựa-chọn như vậy.

Chắc hẳn cái lưới ở đây chỉ về ảnh-hưởng sâu-rộng của Nước Thiên-đàng trong thế-gian; và số cá ở trong lưới là những kẻ đã bước vào địa-hạt ảnh-hưởng của Nước Thiên-đàng. Nhiều nơi trên thế-gian vẫn còn có vô-số người chưa bao giờ bước vào địa-hạt này. Thí-dụ ở đây không áp-dụng cho số người ấy. Nơi nào lưới được tung ra và nơi nào con người bước vào vòng ảnh-hưởng của nó, tức nơi đó đã có lưới nằm trong biển, đó là biển mà Kinh-Thánh gọi là loài người hiếu-động, trôi-giạt. Một cái gì đã được ném vào đó. Ấy là sứ-điệp của Nước thiên-đàng, sự-kiện về Nước Thiên-đàng, khái-tượng về Nước Thiên-đàng, những lý-tượng về Nước Thiên-đàng bài học về nước Thiên-đàng. Hãy nhớ, ở đây Hội-thánh chỉ được nhìn dưới quan-điểm trách-nhiệm của nó. Đây không phải là vấn-đề tìm thấy một viên ngọc trai với nhiệm-vụ thiêng-liêng vinh-cửu, không phải thuộc thời-gian. Đó là đề-tài đã được nói ở phần trên rồi. Hội-Thánh trong thế-gian, bày-tỏ Nước Thiên-đàng trong chính nó, và là dụng cụ gây ảnh-hưởng Nước Thiên-đàng đó giữa thế-gian.

Hãy nghĩ đến « thời-đại » với ý nghĩa rộng-rãi hơn, và nghĩ rằng Hội-thánh đã có từ hơn 1900 năm nay. Nơi nào Hội-thánh xuất-hiện, nơi đó có huy-hoàng, rực-rỡ, thánh-khiết, sức mạnh, oai-nghi, nhơn-từ, đôn-hậu và mối tình ruột-thịt của Đức Chúa Trời. Đừng nên quên điều đó. Những

nơi như thế đều chịu ảnh-hưởng của Nước Thiên-đàng. Tất cả những hình-thức cải-cách trong nếp sống nhân-loại, trong địa-hạt chính-trị và kinh-tế đều là kết-quả ảnh-hưởng của nước này; và chính Hội-thánh của Đức Chúa Trời đã gieo-rắc ảnh-hưởng này. Vì thế, Hội-thánh là đây, nhưng nó không phải là hình-ảnh của Hội-thánh được rút ra. Nó là hình-ảnh của một cái gì khác. Không phải tất cả loài người là đây, nhưng chỉ những phần-tử đã chịu ảnh-hưởng Nước Thiên-đàng và chỉ những kẻ, bởi ảnh-hưởng đó, đã phần nào lọt vào bên trong lưới.

Tiếp theo, là bức tranh của chặng cuối-cùng vì đó chính là điểm quan-trọng; đó là kết-quả sau khi lưới được quăng xuống biển, nằm tại đó, bắt được cùng một lúc vô-số người—cá. Chúa Jêsus nói, khi lưới đã đầy, người ta kéo lên và lượm những cá tốt cho vào rổ, còn những cá xấu thì ném đi. Đến ngày tận-thế, cũng giống như vậy. « Các thiên-sứ sẽ đến và chia kẻ ác với người công-bình ra, ném những kẻ ác vào lò lửa; ở đó sẽ có khóc-lóc và nghiến răng. » Trong câu bốn mươi mốt, chúng ta có một bức tranh tương-tự về ngày tận-thế: « Con Người sẽ sai các thiên-sứ Ngài. » Đó là lời Chúa nói lúc này, Trong đoạn mười sáu, ghi lại dịp tiện đáng ghi nhớ tại thành Phi-líp thuộc Sê-sa-rê, Chúa chúng ta đã nói: « Con người sẽ ngự trong sự vinh-hiền của Cha mình mà giáng xuống các thiên-sứ, lúc đó, Ngài sẽ thưởng cho từng người, tùy việc họ làm. » Như thế, sẽ có cuộc lựa-chọn trong ngày cuối-cùng.

Hãy nhớ trong thí-dụ này, Chúa không nói đến việc loại người tốt ra khỏi thế-gian nhưng là loại người xấu. Toàn thể bức tranh chỉ về thế-gian này. Thiên-đàng không can dự gì ở đây. Nước cuối-cùng và vinh-cửu không được nhắc đến. Chúng ta đang đặc-biệt nhìn xem tình-trạng trên đất. Cả bức tranh chỉ về thế-gian và Nước Thiên-đàng cùng ảnh-hưởng của nó trên đất.

Việc gì xảy ra? Kẻ ác bị loại ra để họ không còn dự phần gì trong công-việc của loài người. Những lời Chúa nói thật là nghiêm-trọng. Chúng ta không được phép quên hoặc xao-lãng lời này cũng như câu Ngài đã từng phán với nhân-loại: «Hãy đến cùng Ta, Ta sẽ cho các người được an-nghi.» Trong Christ, luôn luôn có lời kêu-gọi êm-dịu vô-hạn, nhưng Ngài vẫn luôn nhớ vấn-đề cuối-cùng của tội-lỗi và tội-ác. Đặc-điểm của lời Ngài là vô-cùng trang-nghiêm. Sẽ có khóc-lóc, than-vãn và nghiêng rặng, hình-ảnh của đau-dớn hoặc giận-dữ, hoặc cả hai. Chống-ngịch không ngừng cho đến cùng, một sự phân cách giữa tốt và xấu, tất cả đều nằm trong mắc lưới của Nước Thiên-đàng, tất cả đều nằm trong mắc lưới và chịu ảnh-hưởng của Nước đó; tuy nhiên vẫn có một số hoàn-toàn vô-dụng, hoàn-toàn xấu; và đó là hình-ảnh của ngày tận-thế, kết-quả ảnh-hưởng của Nước Thiên-đàng trên thế-gian là một sự chia rẽ.

Cần nhớ, các thiên-sứ sẽ là những tác-nhân (kẻ hành-động.) Chúng ta đang sống trong một thời-đại kỳ-lạ. Kinh-khủng biết bao, ngay cả những kẻ có Đức Chúa Trời cũng đã trở thành người Sa-đu-sê trong quan-niệm về thiên-sứ, và cố tránh không muốn biết rằng đến ngày cuối-cùng, các thiên-sứ sẽ một lần nữa, can-thiệp vào công-việc loài người. Thuở xưa họ đã can-thiệp vào công-việc và lịch-sử loài người. Nhưng đây không phải là thời-đại của thiên-sứ mà là của Con và của Đức Thánh-Linh. Chúa Jêsus đã bảo rằng đến cuối-cùng thời-đại này Thiên-sứ sẽ thực sự và tích-cực can-thiệp vào công-việc loài người một lần nữa. Ngày nay các thiên-sứ hiện đang hầu việc nhưng ít người thấy và biết, tuy nhiên đó là sự thật chắc-chắn. Chúng ta có Kinh-Thánh và tin Kinh-Thánh. «Các thiên-sứ há chẳng phải đều là các thần thờ-phượng đã được sai xuống để giúp việc những người sẽ hưởng cơ-nghiệp cứu-rỗi hay sao? Đó là những thần lo về nghi-lễ, những thần thờ-phượng. Nhiệm-vụ của các thiên-sứ

là thờ-phượng trước Đấng Chí-Cao ; nhưng họ được sai xuống, nhiệm-vụ thờ-phượng trên trời đã chấm-dứt, để có thể giúp-đỡ, hầu-hạ, làm đầy-tớ cho những người sẽ hưởng cơ-nghiệp cứu-rỗi.

Chúng ta hãy trở về với Cựu-Uớc và khảo-sát Ê-sai đoạn sáu, lúc tiên-tri nhìn thấy vinh-quang của Đức Chúa Trời các ngạch cửa rung-động và đèn đầy những khói. Tiên-tri thấy các Sê-ra-phin che mặt trong lúc tung-hô sự thánh-khiết của Đức Chúa Trời. « Thánh thay, thánh thay, thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn-quân. » Những thần lo về lễ-chế.

« Ngài biến các sứ-thần.

Và những tội-tớ Ngài thành một ngọn lửa » và tại đó, họ thi-hành nhiệm-vụ cao-cả nhất ấy là thờ-phượng. Khi tiên-tri thấy mọi sự xảy ra, liền kêu lên : « Khốn-nạn cho tôi, xong đời tôi rồi ; vì tôi là người có môi dơ-dáy, ở giữa một dân có môi dơ-dáy ; bởi mắt tôi đã thấy Vua, tức là Đức Giê-hô-va vạn-quân. Bây giờ một Sê-ra-phin bay đến tôi, tay cầm than lửa mà đã dùng kiểm gấp nơi bàn thờ, để trên miệng ta, nói rằng : « Đây, cái này đã chạm đến môi ngươi ; lỗi ngươi được bỏ rồi ; tội ngươi được tha rồi. » Các thần lo về nghi-lễ, có nhiệm-vụ cao-cả là thờ-phượng Đức Chúa Trời ; nhưng nếu tình-cờ có một linh-hồn nào đó kêu-la đau-đớn vì cảm-biết tội-lỗi, các thần sẽ trở nên kẻ hầu việc (tội-tớ) Đức Chúa Trời.

Ngày xưa chúng ta thường hát : « Các thiên thần bay lượn quanh ngôi. » Bây giờ chúng ta không thường hát thế nữa, nhưng đó là sự thật. Không ai nhìn thấy họ. Họ không xuất-hiện đúng ở tầm quan-sát của chúng ta, nhưng Đấng Christ xác-định rõ-ràng trong câu nói tại thành Phi-líp thuộc Sê-sa-ra, và trong những thí-dụ này rằng đến ngày cuối cùng các thiên-sứ sẽ thật sự xen vào công-việc loài người để thực-hiện ý-muốn và mạng-lệnh Ngài. Đã có lần người ta trông thấy họ.

Rồi đây người ta sẽ lại thấy họ nữa. Có nhiều bức tranh tuyệt-diệu và kỳ-lạ về thiên-sứ, và vài bức được trình-bày qua nghệ-thuật với vẻ đẹp gợi-cảm. Có một bức tranh lớn, tựa đề là "Người bị khinh-dê và chán-bỏ" được triển-lãm tại Luân-đôn cách đây vài năm. Bức tranh thật tuyệt đẹp, dù nó hình vẽ Christ tôi chưa được vừa ý. Đám đông la-ó vây lấy Ngài tiêu-biểu cho tâm-tính con người, nhưng hình-ảnh tuyệt-diệu nhất đối với tôi ấy là cái bối-cảnh, hình-ảnh oai-nghi và đáng sợ của một thiên-sứ đang canh-giữ. Chúa Jêsus nói, đến ngày tận-thế, Con người sẽ sai các thiên-sứ xuống. Các thiên-sứ sẽ giải-quyết đám cá mắc trong lưới, sẽ phân loại và lựa-lọc chúng. Sự phân-biệt của thiên-sứ tức là những tiêu-chuẩn của thiên-đàng. Sự phân-rẽ hai thứ cá ám-chỉ quyền hành-động của Thiên-đàng, nhấn mạnh trên những tiêu-chuẩn, và đặt mọi vật ở đúng địa-vị của nó, trong ngày tận-thế.

Chúng ta thường không nhìn thấy điểm này. Ngay cả Hội-Thánh của Đức Chúa Trời nhiều khi cũng quá bận-rộn với những hoạt-động hiện-tại. Hành-động trong hiện-tại sẽ mất hết một nửa ý-nghĩa, quyền-năng và giá-trị nếu chúng ta không nhìn thấy được hình-ảnh của ngày cuối-cùng và kết-quả của nó.

Kết-quả ở đây là gì? Thí-dụ không cho chúng ta có thể trở lại câu nói đầy-đủ hơn của Vua chúng ta trước đây, từ câu bốn mươi một cho đến bốn mươi ba, ghi lại đúng hình-ảnh ngày tận-thế và có các thiên-sứ ở đó.

Trong thí-dụ này Chúa nói về số-phận của những vật nằm trong lưới. Trong thí-dụ trước, Ngài đi xa hơn, và nói về số-phận những kẻ khác, khi các thiên-sứ đã làm xong nhiệm-vụ phân-rẽ. Nhập cả hai làm một, đến ngày cuối-cùng sẽ có gì xảy ra khi thiên-sứ hành-động và can-thiệp? Trước hết, Nước Thiên-đàng sẽ được luyện-lọc hết những gì gây cho vấp-phạm, và tất cả những gì gây

bất-công — những hoạt-động cũng như những con người. Hãy nghĩ xem, sẽ có gì xảy ra hôm nay nếu thành-linh mọi công-việc của thế-giới này đều dừng lại vì, theo lệnh của Vua, các thiên-sứ hầu việc ngự xuống viếng thăm và bắt đầu thanh-toán những gì gây có vấp-ngã cho nhân-loại, ném tất cả những kẻ làm công cho tội-ác ra ngoài, định cho chúng một giới-hạn và đau-khổ, không phải giới-hạn của đau-khổ với tính-cách ăn-năn, nhưng là với tính-cách hối-hận mà nghiên-rằng là chứng-cớ sự hối-hận đó. Kẻ ngoan-cố làm ác đến ngày cuối-cùng sẽ bị các thiên-sứ hầu việc thanh-toán, tụ-hợp lại và ném ra ngoài.

Điều Chúa chúng ta không nói trong thí-dụ này nhưng có nói trong thí-dụ trước, ấy là : « Khi ấy những người công-bình sẽ chói-rạng như mặt trời trong nước của Cha mình. » Đây không phải chỉ là một hình-ảnh nên-thơ, mô-tả phước-hạnh dành cho kẻ công-bình. Ý-nghĩa nó còn sâu-xa hơn. Đó là bức tranh nói lên ảnh-hưởng của người công-bình khi mọi điều ác đã được tẩy-thanh, và người công-bình sẽ chiếu sáng trong Nước của Cha. Họ sẽ tạo cơ-hội làm điều thiện và dịp tiện tiếp-xúc những nước chưa bao giờ được nghe đến Tin-Lành.

Điều đó há chẳng khiến vài người kinh-ngạc sửng-sốt sao ? Chắc-chắn tất cả chương-trình này vẫn đang tiến-hành cho đến khi mọi nước đều được nghe đến Tin-Lành và thấy đều cúi xuống trước Đấng Christ. Đây có phải lẽ quan-diểm của chúng ta chẳng ? Nhưng mà không phải quan-diểm của Ngài. Không bao giờ Ngài dạy một điều như thế trong những thí-dụ này. Ngài không hề bảo rằng nhiệm-vụ của Hội-Thánh phải tiếp-tục cho đến khi mọi nước phải cúi xuống trước Ngài, hôn gậy Ngài và tôn-vương Ngài. Ngài biết rõ bản-tính con người và biết tất cả những điều thường phá-rối Hội-Thánh khiến con người đôi khi tưởng như mọi sự đều sụp đổ, thất-bại. Ngài biết

Nhưng đến ngày cuối-cùng của thời-đại này, mở đầu cho những thời-đại khác bên kia bờ lịch-sử trái đất, các thiên-sứ sẽ thu góp những điều gây rối-rạng này lại và người công-binh sẽ chiếu sáng như mặt trời, và nhờ đó, sẽ tạo cơ-hội cho nhiều nước khác được biết về Tin-Lành.

Thí-dụ này nói về một cái nhìn tới trước. Có vài điểm ít liên-quan đến chúng ta ngày nay vì lưới vẫn còn đang trôi-giạt và ảnh-hưởng nước Thiên-đàng chưa chấm dứt, lưới vẫn mỗi lúc một lan rộng ra trong lúc từng đoàn người vẫn được gọi là Giáo-sĩ đem Nước Thiên-đàng đến cho những dân-tộc trên khắp đất này. Chúng ta không can-dự gì đến việc kéo lưới và việc phân loại tốt xấu còn quá xa đối với chúng ta.

Tuy-nhiên trên những phương-diện khác, thí-dụ này là một nguồn sức-lực vì cho chúng ta biết chắc một giai-đoạn đang tiếp-diễn và sẽ chấm-dứt trong sự hiện đến của Ngài, và một sự phán-xét rõ-ràng, khi đó Vua là Chúa và Cứu-Chúa chúng ta, sẽ viếng thăm các công-việc trên đất này qua các đầy-tớ Ngài là thiên-sứ và đó là điều mang lại hy-vọng cho chúng ta khi chúng ta cảm thấy thất-vọng.

Trong khi ngược mắt lên một lúc, không phải cứ dùng mắt ở đó, vì chúng ta có một công-việc và tiếng kêu-gọi cấp-bách đang chờ-đợi, chúng ta nhìn lên và thấy một ngày kia khi bàn Tay bị đâm sẽ đương-nhiên cầm cây gậy và kêu gọi các đầy-tớ của Thiên-đàng bắt tay vào công-việc Ngài để phân-rẽ xấu-xa với công-binh, người thiện với ác.

15. NGƯỜI CHỦ NHÀ

Ma-thi-ơ 13 : 51, 52

TH Í-dụ này chấm dứt một loạt tám thí-dụ trong đoạn mười ba này. «Ngài dùng thí-dụ mà giảng nhiều điều cùng họ.» Rồi câu chuyện tiếp-diễn. Đến câu năm mươi ba : «Đức Chúa Jê-sus phán các lời thí-dụ ấy rồi, thì đi khỏi chỗ đó.» Đó là những giới-hạn ngày thí-dụ này trong lời dạy của Chúa Jê-sus. Ngài dùng thí-dụ dạy nhiều điều, và khi dạy xong, Ngài đi nơi khác.

Thí-dụ cuối-cùng này không liên-quan đến lịch-sử Nước Thiên-dàng trong thời-đại này, nhưng liên-quan với trách-nhiệm của các môn-đồ trong thời-kỳ đó. Thí-dụ thật ra rất ngắn, nhưng gọi lên trong tâm-trí nhiều điều có tính-cách tiết-lộ. Thí-dụ này theo sau một câu hỏi và một câu trả lời. Chúng ta phải nhớ câu hỏi và câu trả lời đó. Đó là câu Chúa chúng ta hỏi những người đã nghe Ngài nói và câu trả lời là phần của họ.

Sau khi nói bốn thí-dụ giữa đám đông và ba thí-dụ trong nhà riêng, cũng tại chỗ đó, Chúa Jê-sus hỏi các môn-đồ : « Các ngươi có hiểu mọi điều đó chăng ? » Họ đáp : « Dạ hiểu. » Tôi tin rằng họ rất thành-thật trong câu trả lời, nhưng tôi không nghĩ là họ hoàn-toàn hiểu. Nhiều sự-kiện đã chứng-tỏ họ chưa nắm được ý-nghĩa thật của mọi điều Ngài nói. Nhưng họ đã đi quá xa ; và dù chúng ta có thể nghĩ thế nào về trí hiểu-biết giới-hạn của họ, Chúa chúng ta cũng đã nhận họ đúng theo giá-trị của họ. Tức thì Ngài nói luôn thí-dụ này. Chữ « Vì có ấy » ở đây rất có ý-nghĩa, vì dựa vào câu hỏi và câu trả lời. Các ngươi có hiểu không ? Vâng, hiểu. « Vì có ấy, mọi thầy thông-giáo

đã học thông đạo về Nước Thiên-đàng,» nghĩa là kẻ đã nhận được lời giáo-huấn của Ngài và đã hiểu rõ mọi điều này, « thì giống như một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra. »

Bối-cảnh sơ-khởi của thí-dụ mặc-khải này cho chúng ta biết phương-pháp giải-thích của nó. Trước hết chú-ý đến sự đòi-hỏi đầu-tiên được nêu lên, và tiếp đến là lời dạy trong thí-dụ, trách-nhiệm đời đời của một số người. Nếu chúng ta đã hiểu những điều này, thì phải có điều gì xảy ra, sẽ có một hậu-quả, vì mỗi thầy thông-giáo được học biết về Nước Thiên-đàng; hay là được trở nên môn-đồ của Nước Thiên-đàng, đã từng được nghe lời dạy-dỗ, và đã được giáo-hóa, thì giống như một người chủ nhà.

« Các người có hiểu mọi điều đó chẳng ? » Chú-ý kỹ : « mọi điều đó. » Ngay trong cách hỏi của Chúa, chúng ta cũng biết được rằng những thí-dụ có cách tương-giải, rằng chúng ta sẽ không sẵn-sàng nhận những gì sau đó như trách-nhiệm chẳng hạn, nếu chúng ta chưa nắm được ý-nghĩa của những điều đó, về người gieo giống, về cỏ lùng và suốt bảy thí-dụ. Những điều đó hòa-lẫn với nhau, tùy-thuộc vào nhau, tất cả điều cần-thiết đề vén màn lẽ thật về Nước Thiên-đàng. Chúng ta có hiểu mọi điều đó chẳng ? Không phải chỉ một điều nhưng là mọi điều trong mối tương-quan giữa chúng với nhau.

Đó là câu hỏi mở đầu, và nếu chưa đối-diện với câu hỏi này mà tiếp-tục sang điềm khác thì vô-ích. Ngài buộc môn-đồ phải đối-diện câu hỏi đó, và họ đã thành-thật trả lời phần nào. Nhưng Chúa chúng ta nhấn mạnh chữ « hiểu. » Hiểu nghĩa là liên-kết mọi ý-tưởng, lãnh-hội được một điều gì. Câu hỏi chứng-tỏ sự hiểu-biết toàn-thê lời dạy là điều thiết-yếu để thực-hiện bôn-phận, dù đó là bôn-phận nào. « Các người có hiểu mọi điều đó chẳng ? » Với một câu đặc-biệt, vì Ngài muốn giải-thích ngay, Ngài nói : « Vì có ấy »

Vì có nào ? Vì có các người đã nghe những điều đó, và đã hiểu rõ, « vì có ấy mỗi thầy thông-giáo đã trở nên môn-đồ của Nước Thiên-dàng đều giống như một người. »

Ở đây có hai chữ đồng-nghĩa, một môn-đồ của Nước Thiên-dàng vì có đó là một thầy thông-giáo. Chúa chúng ta đã làm một điều đáng chú-ý ở đây, dù có thể lúc đầu chúng ta không thấy có gì đáng đề-ý hoặc đặc-biệt. Đó là cách dùng chữ « thông-giáo » ở đây. Từ lúc Ngài bắt đầu chức-vụ về sau, có một nhóm người gọi là thầy thông-giáo và là hạng người chống-nghịch Ngài : « Các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si. » Những người này là ai ? Khi báo trước về sự đau-đớn của Ngài tại thành Phi-líp Sê-sa-rê, Ngài báo phải đi lên thành Giê-ru-sa-lem và phải chịu đau-khổ nhiều trong tay các thầy tế-lễ, các trưởng-lão và thầy thông-giáo. Đây không phải chỉ là một lời nói hùng-biện, Ngài ám-chỉ ba hạng người có thật tại Giê-ru-sa-lem, và giữa dân Hê-bơ-rơ; các thầy tế-lễ, tức giai-cấp chỉ-huy tôn-giáo; các trưởng-lão, chỉ-huy dân-sự; và các thầy thông-giáo, chỉ-huy luân-lý. Cấp chỉ-huy luân-lý chống-đối Chúa suốt cuộc đời chức-vụ Ngài.

Lớp thầy thông-giáo xuất-hiện trong thời E-xơ-ra. Trong thời Môi-se không có thầy thông-giáo. Những thầy thông-giáo trong lịch-sử Cựu-Uớc là những sử-gia, và đặc-biệt là sử-gia quân-sự. Nhưng trong thời E-xơ-ra một giai-cấp thông-giáo mới xuất-hiện, và E-xơ-ra là một nhân-vật nổi bật trong lớp người đó. Ông làm một tòa giảng bằng gỗ, bước lên và đứng đó đọc bản luật-pháp rồi giải nghĩa. Như thế không có nghĩa là ông chỉ đọc đúng cách, rõ-ràng nhưng còn cắt nghĩa luật-pháp nữa. Dưới thời E-xơ-ra có một phong-trào đọc Kinh-thánh rất mạnh. Vì thế lớp thầy thông-giáo xuất-hiện. Họ là những người đọc luật-pháp và giải-thích; do đó, trở thành những nhà giải-nghĩa luân-lý.

Sau này càng ngày họ càng chú-ý đến văn-tự của bộ

luật và lập một hàng rào để bảo-vệ, Hàng rào này gồm những truyền-thuyết được dùng để giải-thích luật-pháp. Qua thời-gian, hàng rào này không những chỉ bãi-bỏ luật-pháp nhưng còn ngăn-cách con người với luật-pháp và con người hiểu lầm luật-pháp qua những cớ-tục, giáo-huấn cùng kẻ giải-thích, những con người suốt đời chỉ làm công-việc là giải nghĩa luật-pháp. Vì thế, trong thời Chúa Jê-sus, Ngài thường giận-dữ phản-đối những cớ-tục, những giáo-sư giả, những thầy thông-giáo, tức những nhà chánh-thức giải nghĩa luật-pháp.

Còn một điều tương-quan nữa. Vào một dịp nọ, Chúa chúng ta đã trích lại lời của họ, gọi họ là những kẻ giải-nghĩa luật-pháp. Ngài nói với họ ngồi chỗ Môi-se. Công-việc của họ là giải nghĩa luật-pháp Môi-se, và Chúa Jê-sus đã đóng ấn thâm-quyền Ngài trên ý-tưởng, không bao giờ trên con người, nhưng trên ý-tưởng. Tiếp theo, Ngài nói : Vì cớ ấy, vì cớ họ ngồi chỗ của Môi-se, nên bất-cứ điều gì họ nói ra, hãy làm theo, nhưng đừng làm theo điều họ làm. Như thế, Ngài đóng ấn trên thâm-quyền của chế-độ đó.

Sau khi đã dạy-dỗ những người của Ngài, tức môn-đồ Ngài, những con người đại-diện có nhiệm-vụ giải-thích Nước Thiên-đàng cho thế-gian và Ngài đã gọi họ bằng chính tên đó ; Đấng Christ chuyên-giao chức-vụ của những người đã thất-bại cho những người phải nối-nghiệp họ. Để hoàn-tất nhiệm-vụ, vì thế cần thấu hiểu lời Vua dạy về Nước Thiên-đàng trong thời-đại này.

Một lần nữa, chúng ta hãy trở lại với những thí-dụ ở đây. Theo lời Chúa Jê-sus, thời-đại này sẽ là thời-kỳ xung-đột từ đầu đến cuối, đặc-biệt nhất là thất-bại và suy-đồi của nhân-loại. Nhưng cũng là thời-đại Đức Chúa Trời thực-hiện mục-đích rõ-rệt cả trong lịch-sử thế-giới lẫn nhân-loại, và trong sự sáng-tạo một dụng-cụ cho các thời-

đại sắp đến. Chúa Jêsus hỏi: Các người có hiểu những điều đó, các người có nắm được lời dạy của Ta chăng? Nếu các người đã cảm biết thời-đại sẽ như thế nào thì các người phải ra đi với tính-cách những thầy thông-giáo.

Bây giờ chúng ta hãy xem thí-dụ này. Mỗi thầy thông-giáo như thế, đã là một môn-đồ của Nước Thiên-đàng nhờ lời dạy-dỗ của Christ, và đứng về phía Nước ấy, đều giống như một người chủ nhà.

Một chủ nhà là gì? Chúng ta không thể nghĩ đến một người chủ nhà ở Luân-đôn để giải-thích thí-dụ này. Chữ « chủ nhà » Chúa chúng ta dùng ở đây là một hình-ảnh Đông-phương. Nguyên gốc chữ này là *Oikodespotes*, nghĩa đen dịch là một người chuyên-chế trong gia-đình. Chúng ta không thích chữ chuyên-chế. Chúng ta không có lý-do không ưa chữ ấy trừ khi chế-độ chuyên-chế độc-ác. Như thế, chẳng những chúng ta có quyền ghét chữ đó đến cùng. Đó là một chữ chỉ về quyền-phép lớn tức là kẻ chuyên-chế trong nhà mình. Đó là bức tranh của người chần, người cha và là Vua, tất cả những danh-tính đó đều hòa-hợp trong một con người, một kẻ đứng đầu mọi việc. Để minh-giải và soi sáng, một ngày kia Chúa Jêsus nói với họ: « Hỡi bầy nhỏ, đừng sợ chi; vì Cha các người đã bằng lòng cho các người Nước Thiên-đàng. » Nhất là đối với người Tây-phương, câu này có vẻ như Chúa lầm-lẫn những ẩn-dụ của Ngài. Một nhà phê-bình văn-chương có thể bảo: Giáo-sư này lầm-lẫn. Mở đầu, Ngài nói về người chần và bầy chiên. Rồi Ngài quên đi và bảo đó là một người với gia-đình ông ta. Nhưng Ngài cũng lại quên nữa, và gọi đó là hình-ảnh một dân-tộc với vị Vua và Nước Thiên-đàng. Tuy-nhiên chúng ta biết rõ-ràng dù những hình-ảnh này trộn lẫn vào nhau nhưng vẫn không bị lầm-lẫn. Chúng bày-tỏ ba phương-diện của người đứng đầu một bộ-lạc hay một quốc-gia và dân-tộc. Danh-từ tộc trưởng trong tiếng Ả-rập ngày nay vừa là người

chấn của dân-tộc, người cha trong gia-đình và là Vua của quốc-gia; và tất cả nằm trong trách-nhiệm của một « chủ nhà. » Môn-đồ của Nước Thiên-đàng giống như một chủ nhà. Chữ « chủ nhà » được Chúa Jê-sus nhắc đi nhắc lại mười hoặc mười hai lần, và hầu như Ngài cũng dùng đề chỉ về chính Ngài. Đó là chữ ám-chỉ thâm-quyền. Các môn-đồ phải là thầy thông-giáo, tức những nhà giải nghĩa luật-lệ luân-lý đầy thâm-quyền.

Vậy, người chủ nhà làm gì ? Người đem kho tàng ra khỏi kho chứa. Có hai chữ chỉ về kho-tàng trong Tân-Uớc. Một chữ có nghĩa là được chôn-giấu lên, từng lớp một và được thấu-trữ. Còn chữ kia có nghĩa là tiêu-xài. Điểm khác-biệt giữa một người hà-tiện và một người phung-phí là người hà-tiện cho rằng đồng tiền vàng đẹp nên có thể tích-trữ; còn người phung-phí cho rằng vì đồng tiền tròn nên có thể lăn đi và thủ-tiêu ! Đó là hai ý-nghĩa của chữ chỉ về kho-tàng. Chúng ta tìm thấy cả hai trong Bài Giảng trên Núi. Ở đây, chữ này có nghĩa là tích-trữ. Người chủ nhà có một kho-tàng rất lớn. Người làm gì ? Người đem nó ra, và theo nguyên-văn Hi-lạp, bảo rằng : người rải ra cách phung-phí. Ở đây có nghĩa là rộng-rãi rời-rộng. Người tích-trữ nhưng lại đem ra, rồi rải-rác khắp chốn.

Tiếp theo là những chữ rất hay « những vật mới và cũ. » Đề ý Ngài không nói những vật mới và những vật cũ; nhưng cùng một thứ vừa mới vừa cũ. Những thầy thông-giáo này, những môn-đồ của Nước Thiên-đàng, những người đã nghe và chấp-nhận lời giải-thích của Ngài, và đã hiểu, phải đi ra, phải làm những chủ nhà, đem khỏi kho-tàng mình những vật mới và cũ.

Cả bức tranh chỉ về một người cai-trị đầy thâm-quyền, rời-rộng ban phát những gì cần-thiết cho nhu-cầu và

trật-tự trong gia-đình. Đó là hình-ảnh của những ai đã được học biết về Nước Thiên-đàng.

Môn-đồ của Chúa Jê-sus là những kẻ được xem như những người cai-trị thật của thời-đại, vì họ diễn-tả đúng Nước Thiên-đàng và đại-diện cho Ngài trong Nước ấy. Họ được lui tới kho đời đời và trong kho ấy có những vật mới và cũ. Hãy chú-ý đến bức tranh lạ-lùng của những môn-đồ Chúa Jê-sus trong thời đó. Chúng ta nhìn thấy thời-đại này, trên khía-cạnh con người, như những con người của thị-giác sẽ nhìn thấy. Nhưng chúng ta cũng nhìn trên khía-cạnh Đức Chúa Trời đúng theo mục-dích của Ngài, và thấy một áp-dụng xa rộng hơn cả trái đất hoặc thời-gian trải suốt hàng ba^o thời-đại. Đó là nước Đức Chúa Trời và vì thế, có kho chứa này, và các môn-đồ này, làm môn-đồ của Nước Thiên-đàng vì hiểu-biết lời dạy đó, cái nhìn đó, phải đi ra thực-hành thẩm-quyền đó của mình. Thầy thông-giáo là thẩm-quyền luân-lý. Và chúng ta phải trở nên như thế.

Đó là điều đã tiếp-diễn suốt một ngàn chín trăm năm nay. Hội-thánh đã thực-hiện được điều đó. Hội-thánh đã thực-hành thẩm-quyền đạo-đức trên lịch-sử thế-giới từ thời Chúa Jê-sus cho đến ngày nay. Tôi biết Hội-thánh có vẻ thất-bại như thế nào. Chúa chúng ta đã bảo trước sẽ có lúc thất-bại. Tuy nhiên, chúng ta phải nghĩ đến lịch-sử cách rộng rãi hơn. Mỗi tư-tưởng đạo-đức lớn-lao trong lối suy-nghĩ của thế-giới hiện nay đều đến với con người qua Hội-thánh của Đức Chúa Trời. Vâng dù thất-bại chông-chất trên thất-bại, thì đó vẫn là sự thật. Sự giải-phóng phụ-nữ, giải-phóng nô-lệ, giá-trị của con trẻ, nền-tảng của hôn-nhân, tất cả đều được đặt ra nhờ những thầy thông-giáo của Nước Thiên-đàng, những kẻ đã từng giải-thích luật-lệ đạo-đức của Nước ấy. Thẩm-quyền của họ là tối-hậu, không phải thẩm-quyền của vua chúa, của cấp thống-trị, của đế-vương, của tổng-thống và quốc-hội; nhưng là của những thầy thông-giáo đã thấu-hiểu Nước Thiên-đàng và trở

nên môn-đồ của Nước ấy.

Họ phải làm gì ? Họ phải "đem những vật mới và cũ" ra ngoài. Chúa Jêsus không nói họ phải đem những vật mới và những vật cũ ra. Đây không phải là hai loại. Đây là hai sự-khiến liên-quan đến một vật. Cả hai chỉ có cùng một thực-chất. Nguyên-tắc thì cũ nhưng áp-dụng thì mới. Gốc rễ là cũ. Còn bông hoa thì mới. Những vật cũ là những sự thật đời đời. Những vật mới là những ứng-dụng của những vật đời đời ấy đối với từng thời-kỳ của giòng thời-gian biến-dịch. « Những vật mới và cũ. » Cả hai đều cần cho sự tăng-trưởng. Nếu chúng ta phá-hủy cái cũ, thì sẽ không có cái mới. Nếu chúng ta thấy không có cái mới thì sẽ thấy rằng cuộc đời cũ đã chấm-dứt. Hãy lấy một thí-dụ trong Thiên-nhiên. Ra ngoài vườn mà xem. Nếu gốc cây kia chết thì sẽ không có hoa hoặc trái. Nếu cái cũ chết, cái mới sẽ không xuất-hiện. Hay là chúng ta hãy nhìn theo phương-diện ngược lại. Khi bước vào vườn mà không có hoa, trái, chúng ta biết là gốc cây đã chết. « những vật mới và cũ. » Do mối tương-quan giữa chúng là một thử-nghiệm đời đời. Cái mới mà tương-phản với cái cũ thì luôn luôn sai-lầm ; và cái cũ mà không có cái mới thì chết và vô-dụng. « Những vật mới và cũ. » Nhưng nếu chúng ta cố-gắng mở cửa của tương-lai bằng chìa-khóa khác hơn cái chìa móc nơi giầy lưng của vua, thì không thể được ; dầu vậy mà chìa khóa vẫn còn ở đó luôn. Đó là cái cũ. Còn cái cửa không khóa tức là cái mới. Vậy Hội-thánh được gọi đã trải qua cái thế-kỷ, và sẽ cứ như thế cho đến cuối các thời-đại. Bao giờ Hội-thánh sẽ dùng nguyên-tắc cũ mà ứng-dụng cách mới để đối-phó với những địa-vị mới.

Vì Nước Thiên-đàng cũ cho nên luôn luôn có những ứng-dụng mới, những phương-pháp mới, những đường-lối mới. Con người có thể thay đổi, nhưng Nước Thiên-đàng, Nước Đức Chúa Trời, luôn luôn đâm rễ trong bản-chất của Đức Chúa Trời, và luôn trở hoa tươi-thắm trong mỗi thế-hệ giữa

16. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Ma-thi-o 15

Trong đoạn mười mười lăm này chúng ta có một thí-dụ và một hình-ảnh thí-dụ. Thí-dụ ở trong câu mười một với lời giải-thích của Chúa từ câu mười bảy đến câu hai mươi. Liên-quan với một biến-cổ khác trong chức-vụ Ngài, chúng ta có một hình-ảnh thí-dụ trong câu hai mươi sáu.

Chúng ta cần hiểu đê-tài Ngài đang minh-giải khi nói lời thí-dụ này. Do đó, chúng ta phải tìm hiểu hoàn-cảnh Ngài dùng lời thí-dụ ở đây.

Đó là lúc một nhóm đại-diện từ Giê-ru-sa-lem đến gặp Ngài. Lúc ấy Ngài gần chấm-dứt chức-vụ. Năm thứ ba gay-cấn nhất của Ngài tại thành Phi-líp Sê-sa-rê được ghi lại trong đoạn kể tiếp. Như thế, đây là lúc gần chấm-dứt thời-kỳ chính của cuộc đời truyền-giáo giữa công-chúng, đầy thú-vị. Sự chống-đối của các cấp cai-trị về tôn-giáo, đạo-đức lẫn dân-sự đã phát-hiện ngay từ đầu cứ tăng lên mãi theo thời-gian. Và bây giờ họ gởi một nhóm đại-diện từ Giê-ru-sa-lem đến gặp Ngài với mục-đích rõ-ràng là để gài bẫy Ngài giải-thích vài điều họ chưa hiểu và đặc-biệt phản-đối với lời dạy của Ngài, và cuối-cùng chính lời dạy đó đã thể-hiện qua cách cư-xử của môn-đồ Ngài.

Cả tôn-giáo Hê-bơ-ơ thời bấy giờ chịu đau-khổ dưới ách của lời truyền-khẩu. Thật vậy, lời truyền-khẩu, đã lấn-lướt và dim luật-pháp của Đức Chúa Trời đến nỗi con người không biết gì về luật-pháp. Họ quá quen-thuộc với lời truyền-khẩu. Chúa chúng ta đã thường nói và hành-động nghịch với chủ-nghĩa tôn-thờ lời truyền-khẩu này. Và đây là chỗ điều đó tiết-lộ. Chúng ta

khó có thể nhận biết ý-nghĩa câu chuyện ở đây lúc đó. Cả hệ-thống tôn-giáo thời ấy phải gánh chịu ách nô-lệ đối với lời truyền-khẩu. Chúng ta đã nói nhiều về vấn-đề này trong đoạn trước. Đây là hai câu nói của các giáo-sư Do-thái thời bấy giờ. «Lời nói của người xưa quan-trọng hơn lời nói của các tiên-tri.» Hay là «Một số câu trong luật-pháp và tiên-tri có giá-trị, một số không có giá-trị. Còn tất cả những lời truyền-khẩu đều hệ-trọng.»

Chúng ta không thể xem-xét tỉ-mỉ những chi-tiết của các lời truyền-khẩu này, và trên mỗi phương-diện đều là cách hợp lẽ, theo lời truyền-khẩu, để giải-thích luật-pháp của Đức Chúa Trời. Hãy lấy trường-hợp này làm thí-dụ. Nhóm người ở đây từ Giê-ru-sa-lem đến gặp Chúa Jê-sus, và hỏi Ngài : Sao môn-đồ Ngài phạm lời truyền-khẩu của người xưa khi ăn bánh ? Họ thú-nhận là họ nghĩ đến lời truyền-khẩu của người xưa. Họ nhìn thấy môn-đồ Chúa Jê-sus phạm lời truyền-khẩu đó, không biết lời truyền-khẩu và không giữ đúng lời truyền-khẩu.

Các môn-đồ không rửa tay trước khi ăn. Không có lời truyền-khẩu nào buộc người ta phải rửa tay trước khi ăn để giữ tinh-sạch. Đây không phải là vấn-đề tinh-sạch nhưng là nghi-thức. Tất cả những lời khẩu-truyền đã bị mê-tín dị-đoan thẩm-nhập vào các giáo-sư Do-thái cho rằng Shibta, một thứ qui, đã ngồi trên tay người ta trong lúc họ ngủ cho nên cần giữ tục-lệ rửa tay để thức ăn khỏi bị ô-uế vì sự hiện-diện của qui đó trong lúc con người đang ngủ ? Chúng ta cảm thấy buồn cười trước ý-tưởng này như thật ra ngày nay vẫn có những kẻ làm nhiều điều điên-rồ in hệt như vậy.

Đây là giờ-phút và không-khí thích-hợp cho câu trả lời của Chúa Jê-sus. Ngài lấy chính lời truyền-khẩu của họ để bẻ họ. Họ buộc tội các môn-đồ phạm lời truyền-khẩu của tổ-tiên. Ngài đáp : «Còn các ngươi sao cũng vì có lời truyền-khẩu mình mà phạm điều-rợn của Đức Chúa Trời ? Tiếp theo Ngài

cho họ thấy một lời truyền-khẩu họ đã phạm. Đức Chúa Trời dạy : « Phải hiểu-kính cha mẹ người, lại, điều này : Ai mắng nhiếc cha mẹ thì phải chết. » Nhưng họ lại nói : « Ai nói cùng cha mẹ rằng : Những điều mà tôi có thể giúp cha mẹ, đã dâng cho Đức Chúa Trời rồi (hay theo bản dịch cũ gọi là « Corban. » Chữ bi-ần này có thể dùng nói về bất cứ những gì với ý-nghĩa là : « làm sai ! » Nhưng Chúa chúng ta phán lời nghiêm-trọng này : « Các người đã vì lời truyền-khẩu mình mà bỏ lời Đức Chúa Trời. » « Hỡi kẻ giả-hình. »

Trả lời cho nhóm đại-diện xong Ngài nói thí-dụ này với đoàn dân. Thí-dụ này đặc-biệt vì quá đơn-giản đến nỗi không ai có thể hiểu lầm được. Ngài đưa mọi người đến trước sự-kiện về sự cấu-tạo cơ-thể. Ngài cho họ thấy rằng cách cấu-tạo cơ-thể chỉ liên-quan với đồ ăn dùng cho cơ-thể và không liên-quan gì đến sự tinh-sạch hoặc ô-uế đạo-đức. Chú-ý kỹ câu này : « Chẳng phải điều chi vào miệng làm dơ-dáy người ! Rồi liên-kết ý đó với chữ trên, chữ Corban, những lời ra từ miệng, bắt nguồn từ ý-tưởng làm dơ dáy người, vì khi tư-tưởng xấu-xa thì lời nói cũng xấu-xa và việc làm cũng xấu-xa. Vậy do tấm lòng và đầu óc sai-lầm mà xác-thịt bị ô-uế, Đồ ăn của thể-xác có thể không có gì làm ô-uế cả. Không phải điều gì đi vào con người làm ô-uế người, nhưng chính là điều phát-xuất từ bản-chất sâu-xa của con người, từ chính lòng người, từ trí-óc và tâm-thần điều-khiển mọi hoạt-động của thể-xác, tức những ý-nghĩ đưa đến hành-động, mới làm ô-uế con người.

Lời dạy ở đây rất hệ-trọng. Xác-thịt tự nó không có gì xấu-xa. Nó không gây ô-uế. Phao-Lô, và các tác-giả khác của Tân-Uớc thường ám-chỉ xác-thịt như một đối-tượng ta phải coi chừng và tranh-chiến với nó, thật ra cũng hợp lý trên vài phương-diện. Nhưng còn thể-xác tự-nhiên do thừa-hưởng không có gì xấu-xa. Đó là một tà-giáo thuộc chủ-nghĩa Trực-quan đã rửa-sả Hội-thánh đầu-tiên vì bị Phao-Lô viết thư phản

đối. Không có gì tự-nhiên xấu-xa trong cơ-thể, cho nên những gì nuôi dưỡng cơ-thể cũng không làm ô-uế cơ-thể được. Nếu chúng ta ăn, thức ăn sẽ thêm sức chúng ta, vì xác-thịt tự-nhiên không có gì xấu xa nên cũng không bị ô-uế bởi vật nào.

Nhưng một người nuôi mãi những ý-tưởng xấu-xa trong lòng người, có thể biểu-lộ qua lời nói và lời nói hiện-tại sẽ bày-tỏ qua việc làm sau này và chính những việc làm đó làm ô-uế cơ-thể. Xác-thịt tự-nhiên không xấu-xa cơ-thể trở nên bần-thiêu, hư-hoại và là dụng-cụ của truy-lạc và chết-chóc. Nhưng đó không phải là kết-quả của đồ-ăn. Vì thế, tin rằng sự ô-uế là kết-quả của thức ăn là ngu dại. Sự kiêng-giữ qui-luật bên ngoài chẳng đủ quyền-năng đụng đến nguồn-suối bên trong của hành-động. Chúng ta có thể giữ đúng mọi luật-lệ, hứa-nguyện đủ-điều, có thể không ăn thức nọ, cứ uống thức kia, kiêng đi đến chỗ nọ nhưng những điều này không can-dự gì đến nếp sống tâm-linh ở bên trong.

Phao-lô đã cảnh-cáo một số người mà ông viết thư phản-đối việc thờ-phượng ý-chỉ khi ông nói đến vấn-đề làm tội cho luật-lệ tôn-giáo ; « Chớ lấy, chớ ném, chớ rờ. » Điềm kỳ-lạ là có nhiều người thường xem đây như một lời khuyên thích-đáng. Nhưng Phao-lô bảo đó là một lời khuyên sai-lầm. Tất cả những điều đó không có giá-trị gì đối với việc làm sạch xác-thịt. Và đó là điều Chúa muốn dạy ở đây.

Lời Chúa Jê-sus nói với Ni-cô-đem mang ý-nghĩa thật sâu xa. Riêng tôi, tôi thành-kính tìm thấy một ứng-dụng khác với ứng-dụng Ngài muốn nói. « Hễ chi sanh bởi xác-thịt là xác-thịt, hễ chi sanh bởi Thánh-Linh là thần. » Có một phân-biệt rõ-ràng ở đây. Hễ chi sanh bởi xác-thịt thì tự nhiên không phải là xấu-xa. Hễ chi sanh bởi thần-linh có thể trở nên xấu-xa và có-thể phản-ứng trên xác-thịt, trên cơ-thể con người.

Hãy đọc lại lời giải-thích của Ngài. « Vật gì vào miệng thì đi thẳng xuống bụng, rồi phải bỏ ra ngoài kín. » Vật đó

không thể làm ô-uế người. « Vì từ nơi lòng mà ra những ác-tưởng. » Tiếp theo Ngài đưa ra một danh-sách những điều làm ô-uế xác-thịt; nhưng « ăn mà không rửa tay chẳng làm dơ-dáy người. »

Thí-dụ được kể cho đoàn dân, trước mặt các cấp cai-trị cố-tinh dùng lời truyền-khẩu của mình để che-giấu điều-răn của Đức Chúa Trời và biến nó ra vô hiệu-quả. Thí-dụ này cũng luôn luôn cảnh-cáo thái-độ thêm thắt một cái gì khác vào luật-pháp của Đức Chúa Trời và xem đó là thẩm-quyền tối-hậu trong đời sống. Đó là một việc làm hết sức sai-lầm của những nhà thần-học La-mã. Những người La-mã bảo, chúng ta có thể đọc Kinh-Thánh, nhưng không được phép giải nghĩa. Chúng ta phải chấp-nhận lời giải-thích của giới có thẩm-quyền, tức Hội-Thánh. Đó là ý-kiến của người xưa. Chúng ta có luật-pháp của Đức Chúa Trời nhưng chỉ có lời truyền-khẩu mới giải-thích được; và bất cứ khi nào lời truyền-khẩu, hoặc là của một thầy tế-lễ (mục-sư), hoặc một tiên-tri, hoặc một giáo-sư dạy Kinh-thánh, được đặt ở địa-vị có thẩm-quyền trên đời sống, lúc ấy chúng ta đã vi-phạm nhu-cầu tâm-linh của mình và làm tổn-thương Lời của Đức Chúa Trời. Chỉ có thầy tế-lễ, tiên-tri hoặc giáo-sư có thể đưa người ta đến trong sự hiện-diện với Lời Đức Chúa Trời thì công-việc người mới có giá-trị. Còn mọi điều khác chỉ là lời truyền-khẩu, cuối-cùng chôn-giấu giá-trị lẽ-thật của Đức Chúa Trời.

Có một điểm nhỏ liên-quan đến hình-ảnh thí-dụ tiếp theo. Giữa câu chuyện sau đây với thí-dụ vừa rồi kể cho nhóm đại-diện hoặc đoàn dân, không có một liên-quan nào trừ một điểm ấy là sau đó, Chúa chúng ta « từ đó đi vào bờ-cối thành Ty-ơ và thành Si-đôn » (câu 21). Hành - động của Chúa đầy ý-nghĩa. Ngài băng qua ranh-giới giữa địa-phận phân-cách Do-Thái với dân Ngoại. Ty-ơ và Si-đôn nằm ngoài địa-phận Do-Thái. Decapolis cũng thế. Trước hết

Ngài đi lên Ty-rô và Si-đôn, rồi xuống Decapolis. Tại Ty-rô và Si-đôn, người đàn-bà này đến gặp Ngài bên ngoài địa-phận Do-thái, ngoài nghi-thức của giao-ước Do-thái. Tại đây và tại Decapolis Ngài sống giữa những kẻ không thuộc đức-tin của dân Do-thái, nhưng là giữa dân ngoại. Ngài đã xây khối dân Y-sơ-ra-ên, là dân-tộc trong phút chốc tỏ về chống-nghịch Ngài qua cấp cai-trị. Ngài đã bỏ đi, vào một nhà nọ và không muốn cho ai hay biết. Ngài đi tìm nơi yên-tĩnh.

Nhưng một câu thật kỳ-diệu như sáng rỡ hẳn lên « Ngài không thể ăn mình được. » Có lần chúng ta đã đọc thấy rằng Ngài đi ăn mình và người ta không tìm ra Ngài ngay cả lúc Ngài đứng giữa đám đông. Tại sao ở đây Ngài không thể ăn được? Vì có một người đàn-bà đứng ngoài cửa đang gặp khó-khăn. Ngài đã dùng một hình-ảnh thí-dụ kỳ-lạ nói với người đàn-bà ấy : « Không lẽ lấy bánh của con-cái quảng cho chó. » Đây không hẳn là một thí-dụ, nhưng chỉ là một hình-ảnh thí-dụ. Chúa Jê-sus đã băng qua ranh-giới đi vào địa-phận một nước ngoài. Ngài đang ở Ty-rô và Si-đôn, có nghĩa là vùng phụ-cận. Người đàn-bà từ đó chạy đến. Thái-độ Chúa Jê-sus đối với người đàn-bà là thái-độ của Đấng Mê-si đối với một người ngoài dân Do-thái.

Lần đầu-tiên bà này kêu, Ngài không trả lời. Trước hết Ngài bước đến gặp bà. Ngài không thể ăn mình, và ngay trong câu đầu-tiên đó, chúng ta thấy rõ trước những gì sẽ xảy ra tiếp theo. Lúc ấy Ngài vẫn giữ im-lặng dù bà ta la lên, và các môn-đồ yêu-cầu Ngài cho bà ta điều bà xin rồi bảo bà đi chỗ khác. Nhưng Ngài đáp : « Ta chịu sai đến đây, chỉ vì các con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên đó thôi. » Ngài là Đấng Mê-si của dân Y-sơ-ra-ên.

Cần chú ý kỹ ở đây, đến kết-cuộc câu chuyện, câu này đã được giải-thích rất hay; và trong cách dùng của nó ở phần sau của câu chuyện, Chúa đã chuyển từ địa-hạt xác-

thịt sang địa-hạt tâm-linh. Đọc những chữ « các con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên, » chúng ta nghĩ, như những người thời đó, đến lãnh-vực xác-thể. Ngài bảo Ngài được sai đến chỉ vì những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên. Người đàn bà gọi Ngài, không phải với danh-hiệu Mê-si của Hê-bơ-ro nhưng với danh-hiệu phổ-thông: « Lạy Chúa, xin thương-xót tôi cùng. » Ngài đáp một câu hơi kỳ-lạ: « Không nên lấy bánh của con-cái mà quăng cho chó con ăn. »

Chúa chúng ta đã dùng một chữ khác thường chỉ về loài chó. Dĩ-nhiên đây là chỗ duy-nhất trong Tân-Uớc chép về chó và là một chữ yếu-nghĩa, « chó con. » Đằng sau chữ này là cả bức tranh Đông-phương. Loài chó bị ghê-tởm thời đó là loài chó rừng, tham-lam, cướp-giặt, loài chó mà Phao-lô nghĩ đến khi ông viết: « Loài chó đều ở ngoài. » Trong những gia-đình Do-thái hồi đó, những con chó nhỏ, chó nuôi trong nhà, là bạn thân của trẻ con thường bu quanh bàn ăn. Chúa chúng ta không dùng chữ ám-chỉ loài chó sẵn mồi hung-dữ, cướp-giặt, ghê-tởm, nhưng ám-chỉ loài chó con khi Ngài nói: không nên lấy bánh của con-cái quăng cho chó con ăn.

Người đàn bà đáp: Lạy Chúa, thật như vậy, song mấy con chó con ăn những miếng bánh vụn. Dù chúng ta có nghĩ thế nào về câu trả lời đó, cũng hãy chú-ý đến lời Chúa Jê-sus phán: « Hỡi đàn-bà kia, người có đức-tin lớn. » Thật là một tiền-triển tuyệt-diệu. Khi dùng hình-ảnh này, Ngài làm cho hình-ảnh dụi bớt do cách dùng chữ chỉ về loài chó. Ngài được sai đến vì những con chiên lạc mất của nhà Y-sơ-ra-ên. Bánh không nên quăng cho chó con ăn. Nhưng khi người đàn bà nói: Chó con ăn những mảnh vụn, bà ta xưng-nhận đức-tin hoàn-toàn của mình. Đó là chiến-thắng của người đàn-bà. Một ông tổ của phái Thanh-giáo (Puritanism) đã bảo, trong chữ cuối-cùng, người đàn-bà biểu-lộ sự lanh trí toàn-hảo của một người đàn-bà Vàng, đó là sự lanh trí, nhưng là lanh trí được đức-tin gọi hứng, vì Chúa Jê-sus

cũng phán : « Hỡi đàn-bà, người có đức-tin lớn. »

Tuy nhiên, với hình-ảnh thí-dụ cuối cùng đó, Chúa chúng ta đã đạt đến điểm cao nhất trong một quá-trình từ lúc khởi đầu. Bên ngoài giao-ước, Ngài đã kiếm đức-tin và biết chắc đức-tin nằm trong lòng người đàn-bà này. Đó là lý-do Ngài đi ra gặp bà ta. Bà này không biết nhiều về Ngài, nhưng danh tiếng Ngài đã lan rộng ; nhưng nỗi đau-khờ bà vẫn còn đó và đức-tin đã nảy mầm. Ngài dùng phương-pháp biểu-lộ và khôn-ngoaan bảo : « Đức-tin lớn quá. » Đó là chiến-thắng của Chúa.

Hãy chú-ý điểm này. Ngài không đi ra ngoài nhiệm-vụ của Ngài. Bà này là một trong những con chiên lạc mất của Y-sơ-ra-ên. Bà chứng-tỏ mình là con-cái của Áp-ra-ham. Những ai thuộc dòng-dõi Áp-ra-ham về phần xác không phải đều là con cháu Áp-ra-ham, nhưng chỉ những thuộc về dòng-dõi Áp-ra-ham trên phương-diện đức-tin. Ở đây bằng-cớ ấy đã được chứng-tỏ qua câu trả lời có vẻ cứng-cỏi nhưng không tàn-nhẫn của Chúa Jêsus. Đó là dịp-tiện để xưng nhận đức-tin, và minh-chứng rằng người đàn-bà này đã chiếm được một địa-vị, không phải trong giao-ước về phần xác, nhưng là trong giao-ước của Đức Chúa Trời đối với dân Y-sơ-ra-ên của Ngài về phần tâm-lich và với những con-cái của đức-tin

17. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Ma-thi-ơ 16

Đ OẠN mười sáu không có thí-dụ nào, nhưng có năm hình-ảnh thí-dụ về tiên-đoán thời-tiết, về men mới; và ba hình-ảnh thí-dụ rất gần nhau về một đại-đề: đá, cửa và chìa khóa.

Trước hết hãy đề-cập đến việc tiên-đoán thời-tiết. Chúng ta tưởng mình đang sống trong thời-đại tân-tiến vì có thông-tin về khí-tượng. Nhưng trong thời Chúa chúng ta cũng đã có rồi. « Khi chiều tối đến, thì các người nói rằng: Sẽ tối trời vì trời đỏ; còn sớm mai, các người nói: Hôm nay sẽ có cơn dông, vì trời đỏ và mờ mờ. » Chúa Jêsus biết rõ về việc tiên-đoán thời-tiết và Ngài áp-dụng điều đó.

Chú-ý đến đề-tài Ngài muốn soi sáng và luận-giải khi dùng ngôn-ngữ đặc-biệt này. Người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đã đến hỏi xin Ngài một dấu-hiệu từ trời. Những dịp khác, họ đã xin một dấu lạ nhưng lần này họ xin một dấu đặc-biệt. Họ muốn một dấu lạ từ trời.

Vì quá quen thuộc với lời này nên có lẽ chúng ta không hiểu rõ ý-nghĩa sự liên-kết của họ trong câu này. Thời đó, hai đảng phái lớn trong Quốc-gia Do-thái cách-biệt hẳn nhau trên phương-diện triết-lý, thần-học, chính-trị và xã-hội. Họ không hề giao-thiệp với nhau và luôn luôn xung-đột nhau. « Những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê, đến » một cuộc liên-minh để thử Chúa Jêsus. Những người này đến « có ý thử Ngài, » nghĩa là thí-nghiệm Ngài, dấu lý với Ngài. Họ không có gì liên-quan với nhau. Lúc nào họ cũng sẵn-sàng tuốt gươm. Người Pha-ri-si là những kẻ

chuyện nghi-thức trong tôn-giáo, còn người Sa-đu-sê thuộc phe duy-lý. Người Pha-ri-si tin rằng La-mã không có quyền gì trên họ. Người Sa-đu-sê thuận-phục thăm-quyền La-mã và nhấn mạnh về điểm đó. Thế nhưng bây giờ cả hai liên-kết thành một lực-lượng để đặt Chúa Jê-sus vào tình-thế có thể làm sáng-tỏ sự thật Ngài là một kẻ lường-gạt, vấn-đề mà họ tranh-luận từ lâu nay. Đó là mục-dịch của họ. Họ xin một dấu lạ từ trời và chính lời yêu-cầu đó chứng-tỏ họ không muốn phủ-nhận những điều Ngài đã làm nhưng là để phi-báng.

Ma-thi-ơ đoạn mười hai cho chúng ta biết người Pha-ri-si không phủ-nhận việc Chúa đuổi quỷ; nhưng họ quả- quyết rằng Ngài làm được điều đó vì có Ngài thông-đồng với Sa-tan. Bây giờ họ đến xin một dấu lạ từ trời. Dấu lạ đã được bày-tỏ ra khắp nơi, nào là đuổi quỷ, nào là chữa bệnh. Dấu lạ mỗi lúc càng tăng lên. Ngài đi khắp đó đây làm việc thiện. Như Phi-e-rơ đã nói trong ngày Lễ Ngũ-tuần, Ngài là Người mà Đức Chúa Trời đã dùng làm quyền-phép, sự lạ và dấu lạ để làm chứng cho Người. Dấu lạ ở khắp nơi. Vâng, nhưng những người này bảo rằng tất cả những điều kỳ-diệu Ngài đã làm có thể liệt vào một mức-độ thấp-kém. Họ bảo rằng việc đuổi quỷ là kết-quả của việc thông-đồng với quỷ. Bây giờ họ đến xin một dấu lạ từ trời, tỏ ra rằng họ không tin và phủ-nhận thăm-quyền hoặc quyền-năng Thiên-thượng của Ngài ở phía sau những việc Ngài đã làm. Chắc hẳn họ xin một sự bày-tỏ đặc-biệt nào đó. Luồng sáng siêu-nhiên bỗng lóe ra trong đêm tối vẫn không thể thuyết-phục họ được; vì thế, họ đề-nghị một vài dấu-hiệu ở trên trời, ngay giữa ban ngày quang-đăng để họ có thể tin; một cái gì siêu-nhiên từ trời mà không nơi nào có được.

Bây giờ hãy chú-ý câu trả lời của Chúa chúng ta. « Khi chiều tối đến, thì các người nói... » Rồi tiếp theo :

“Sé...”. Chữ này không có trong bản Hy-lạp và chữ này không có trong câu kế-tiếp. Chữ viết xiên có nghĩa là chữ này do người dịch thêm vào cho đầy-đủ nghĩa. Bỏ chữ đó đi, câu này chỉ còn “Khi chiều tối đến, các người nói : Tốt trời... Còn sớm mai : Hôm nay trời đông.” Đó là một cái gì rất quen-thuộc với họ. Đấng Christ chỉ nhắc lại lời nói thường ngày của họ. Chắc hẳn họ vẫn nói thế luôn. Phải nhớ rằng thí-dụ này đặc-biệt mang màu sắc Palestine. Đó là hình-ảnh của bầu trời Palestine ; nhưng cũng hoàn-toàn đúng với bầu trời Tây-phương. Nhiều người sẽ nhớ lại câu nói của người xưa : “ Một buổi mai trời đỏ là lời cảnh-cáo cho người chăn ; một buổi tối trời đỏ là nguồn vui-thích cho người chăn.” Trong lúc vượt đại-dương mệnh-mông, chúng ta thường xem thử buổi sáng hoặc buổi chiều trời có đỏ không. Đó là một lối nói thông-thường Chúa Jêsus muốn dùng.

Và Ngài áp-dụng ngay. Ngài bảo cho họ biết, họ chỉ khôn-ngoaan đến một mức-độ nào đó và trong những giới-hạn nào thôi. Họ biết cách phân-biệt trời đỏ buổi sáng và buổi chiều. Hai điều ấy đầy ý-nghĩa. Lúc nhìn trời, họ chỉ khôn-ngoaan trong sự quan-sát ngoài mặt, nhưng không thể phân-biệt những dấu chỉ thì-giờ.

Cần-thận chú-ý điềm này. Ngài bẻ lại chính lời yêu-cầu của họ. Họ xin một dấu lạ. Dấu lạ dấy-dậy quanh họ. Họ đã quan-sát những hiện-tượng và đã kết-luận đúng về thời-tiết. Họ đã thành-công tiên-đoán đúng thời-tiết nhưng lại không thể nhìn thấy ý-nghĩa của sự vật chung-quanh họ, tức « dấu chỉ thì-giờ. »

Tiếp theo, Ngài cho họ biết lý-do tại sao. «Dòng-dõi hung-ác gian-dâm này xin một dấu lạ ; nhưng sẽ chẳng có dấu lạ chi khác ngoài dấu lạ của Đấng tiên-tri Giô-na. Rồi Ngài bỏ họ mà đi. Vì sao họ đi-mù ? Tại sao họ không hiểu được ? Tại sao họ không thể phân-biệt ý-nghĩa thật của sự vật chung-quanh họ ? Vì là dòng-dõi độc-ác, gian-dâm. Đây là những chữ

thật kinh-khủng. Họ độc-ác, *poneros*, gây ảnh-hưởng tai-hại vì xấu-xa ngự-trị tâm-lòng họ. Bản-chất đạo-đức đã bị bại-hoại vì sự xấu-xa trong bản-chất tâm-linh của họ, làm cho gầy yếu đi.

Sau đó, Ngài trở về với hình-ảnh hải-hùng trong Cựu-Uớc có lẽ rất quen-thuộc với họ nếu họ có Kinh-Thánh riêng, «dòng-dối gian-dâm.» Các tác-giả thời xưa thường nhắc đến hạng người này với hình-ảnh tương-quan về hôn-nhân. Giê-hô-va phán: «Ta đã cưới người cho ta.» Họ đã luôn luôn bị các tiên-tri kết-án tà-dâm, bất-trung trong tương-quan của họ đối với Đức Chúa Trời là Chồng, Chủ và bạn của họ. Chúa Jê-sus mô-tả cả thể-hệ ấy bằng một lời «hung ác gian dâm.» Đó là lý-do khiến họ đui-mù. Họ hung-ác vì gian-dâm. Họ bất-trung với Giao-tước với Đức Chúa Trời, và kết quả họ gây hại, lòng họ hung ác và ảnh-hưởng họ gây đau lòng. Vì thế họ mù lòa.

Nhìn thấy mọi dấu lạ, nhưng họ không biết phân biệt. Sẽ chỉ có một dấu lạ, một lần đủ cả, đó là dấu lạ về Giô-na. Vào dịp khác, Ngài nói rõ hơn: «Nhu Giô-na đã ở trong bụng cá ba ngày ba đêm thề nào; Con người cũng sẽ nằm trong lòng đất ba ngày ba đêm thề ấy.» Dấu lạ cuối-cùng và đầy trọn về thẩm quyền Ngài sẽ là sự chết và sống lại của Ngài, ngoài ra không có dấu lạ nào khác. Nói rồi Ngài xây lưng bỏ đi. Họ có khả-năng quan-sát hiện-tượng thiên-nhiên mà kết-luận đúng về thời-tiết; nhưng hoàn-toàn bất-lực không thể hiểu những điều tầm-thường về quyền-năng và oai-nghi của Ngài, đã từng bày-tỏ cho họ qua suốt cuộc đời chức vụ Ngài, Lý-do vì lòng bất-trung trong họ, kết-quả trong một tâm-tính gian-ác và gây nên tình-trạng mù-lòa tâm-linh.

Ở đây không cần nêu lên một ứng-dụng nào, có lẽ chỉ cần nhấn mạnh giá-trị đời đời của ứng dụng. Hãy xem thế-giới ngày nay với đà tiến-triển vượt-bực không ai chối-cãi được. Cả hệ-thống khí-tượng thật là kỳ-diệu, có thể cho biết

sắp có cơn bão tại nơi này hoặc nơi kia và đường chuyển-động của nó. Chúng ta có thể phân biệt dấu-hiệu thời-tiết nhưng có thể nào phân-biệt được dấu chỉ thi-giờ chẳng? Chúng ta có nắm được ý nghĩa những sự việc Chúa Jêsus, không phải đã làm, nhưng đang làm hiện nay chẳng? Nếu có, hãy nhớ có một đầu lạ lớn-lao không ai phủ-nhận được. Có thể kẻ tự xưng trí-thức lãng tránh nhưng nó vẫn là sự-kiện trung-tâm của lịch-sử, đó là sự chết và sự sống lại của Jêsus-Christ.

Bây giờ chúng ta hãy sang ví dụ thứ hai trong đoạn này, chép từ câu năm đến câu mười hai, về men. Chúng ta đã khảo-sát hình-ảnh này trong một thí-dụ trước đây. Hãy phân - tách hình - ảnh này đúng như cách Chúa Jêsus dùng. Đề tài Ngài luận-giải ở đây là về vấn-đề dạy-dỗ sai-lầm và ảnh-hưởng của nó trên đời sống con người. Người Pha-ri-si và Sa-đu-sê liên-kết nhau để cố-gắng đánh lừa Ngài. Giáo-huấn sai-lầm của người Pha-ri-si chính là thái-độ đối với lời truyền-khẩu. Do đó tội-lỗi biến thành một vấn-đề hoàn-toàn bên ngoài. Đây là lý-do Chúa chúng ta luôn luôn xung-đột với họ. Quan-niệm thiêng-liêng và đạo-đức của người Pha-ri-si lẫn Sa-đu-sê vốn nghịch hẳn với Chúa Jêsus. Lời dạy của người Sa-đu-sê tạo cho con người quyền và dịp tiện dự phần vào trong mọi hình-thức của nếp sống vật-chất. Mọi đường lối làm việc của họ đều đặt nền tảng trên quan-niệm duy-vật và duy-thực về cuộc đời. Người Pha-ri-si tự xưng tin vào thiên sứ. Thần-linh và sự sống lại, lại che-giấu những lẽ-thật căn-bản này về cuộc đời và tôn-giáo bằng những tập tục của họ, mà họ cho là giải-thích những lẽ-thật trên, nhưng thật ra lại ngăn-trở họ, làm cho họ nghệt thở và tước mất sức sống của họ. Bây giờ Chúa chúng ta đề-cập đến lời dạy của người Pha-ri-si và dùng hình-ảnh men ở đây.

Men có nghĩa là gì? Chúng ta hãy xem định nghĩa trong một sách khoa-học như sau: Đó là sự làm hư hỏng

có tính cách hóa-học một hợp chất hữu-cơ. » Di-nhiên khi đi xa Kinh-Thánh, chúng ta có ngôn-ngữ giản-dị hơn ! Một hợp-chất hữu-cơ tức là sự sống, là cơ-thể ; nhưng men là sự « làm hư hỏng » của cơ-thể hỗn-hợp ấy. Nói cách khác, men là chất hủy-phá, là sự lên men. Nó là một cái gì luôn luôn phá-hoại và cuối-cùng tiêu-diệt hoàn-toàn. Nó lặng-lẽ và xảo-quyệt, nhưng có sức tác-dụng kinh-khủng và lâu dài. Như Phao-lô đã nói : « Một chút men làm cho cả đồng bột dậy lên. » Trong thư Cô-rinh-tô, ông nói đến những giáo-sư giữ phong-tục Do-thái tìm cách gán triết-lý Pha-ri-si cho người tín-đồ Đấng Christ dưới biệt hiệu Do-thái-giáo, tức là đạo của người Pha-ri-si và ông gọi đó là men.

Chúa chúng ta cảnh-cáo môn-đồ về hiểm-họa của lời dạy đó. Tuy-nhiên, cũng đáng cho chúng-ta chú-ý lời Ngài cảnh-cáo : Hãy coi chừng men của người Pha-ri-si », dù môn-đồ không hiểu Ngài và đã bị ảnh-hưởng của thời-đại vật-chất hóa họ rồi, Ngài đang nói về việc họ quên mang theo bánh lên tàu. Khiến Ngài dụ-dàng, quả-trách họ : « Sao các ngươi chẳng hiểu rằng không phải về bánh mà ta muốn nói đâu ? » Những người này đến xin một dấu lạ đều mù-lòa cả. Các ngươi cũng mù-lòa sao ? Các ngươi có hiểu được không ? Rồi Ngài bảo cho họ biết điều Ngài muốn nói và họ hiểu rằng Ngài nói về men của người Pha-ri-si.

Giá-trị của thí-dụ đó đối với họ cũng như đối với chúng ta qua mọi thời-đại ấy là thí-dụ nhấn mạnh về mối nguy-hiểm của giáo-huấn sai-lầm dù là giáo-huấn đó mang danh tôn-giáo. Người Pha-ri-si tự xưng là những giáo-sư dạy đạo, Người Sa-đu-sê tự xưng là những giáo-sư tôn-giáo, dù triết-lý và thần-học của họ vốn tương-phản nhau. Nhưng họ tuyên-bố làm công-việc dạy đạo. Họ gán cho việc dạy đạo một quan-niệm, cái nhìn và hiểu biết sai-lầm, một chất men làm ly-tán hợp-chất hữu-cơ. Giáo-huấn sai-lầm là chất men phá-hoại đời đời. Không còn gì quan-trọng hơn là sự dạy-dỗ nhơn danh tôn-

giáo nhưn danh Cơ-đốc-giáo, ngay cả nhưn danh Đấng Christ phù-hợp với quan-điểm, quyền-năng và ý muốn Ngài. Còn những gì khác cũng chỉ làm lên men, phân-tán và hủy-hoại thôi.

Sau khi quở-trách những kẻ đi tìm dấu lạ và cho biết lý-do sự thất-bại của họ là vì họ mê-lòa bởi cơ gian-ác vì cơ bất trung với Đức Chúa Trời, Chúa Jê-sus cảnh-cáo môn-đồ về lời dạy của đám người này qua hình-ảnh chất men.

Bây giờ chúng ta đến những hình-ảnh cuối-cùng trong đoạn này—đá, cửa và chìa khóa. Nhiều người đã biết rõ đoạn này. Si-môn Phi-e-ơ vừa mới xưng-nhận, biểu-lộ, theo tôi tưởng, không những chỉ niềm xác-tín trong lòng ông, nhưng là của cả nhóm người ở đó đối với Chúa Jê-sus. «Ngài là Đấng Christ,» Đấng Mê-si, tức là địa-vị Ngài. Về bản-chất thì : «Ngài là Con Đức Chúa Trời hằng Sống.» Đáp lại lời xưng-nhận ấy, Chúa Jê-sus chúc phước lành cho người : «Hỡi Si-môn, con Giô-na, người có phước đó ; vì chẳng phải thịt và huyết tỏ cho người biết điều này đâu, bèn là Cha ta ở trên trời vậy. Còn Ta, Ta cũng bảo người...» Đừng nên quên chữ «cũng» ở đây. Nó rất có ý-nghĩa. Tại sao Chúa Jê-sus dùng chữ «cũng» ? Người đã tuyên-bố một lời rất quan-trọng về Ta. Bây giờ Ta có một điều muốn nói với người, một việc bí-mật mà Ta chưa bao giờ tỏ cho người trước đây. Ngài bắt đầu với chính cá-nhân Phi-e-ơ. «Người là Phi-e-ơ,» tức là *Petros*, một mảnh đá ; «và trên tảng đá này» — *Petra*, tức bản-chất đá ; — «Ta sẽ lập Hội-thánh Ta, các cửa Âm-phủ chẳng thủng được hội đó. Ta sẽ giao chìa-khóa Nước Thiên-đàng cho người.» Đá, cửa, chìa-khóa, ba hình-ảnh chiếu sáng rực-rỡ trong lời tuyên-bố trọng-đại.

«Đá này.» Ngài đang luận-giải vấn-đề gì ? Sự thật về Hội-thánh Ngài : «Ta sẽ lập Hội-thánh Ta,» khác với mọi điều đã xảy ra trước đây, ngay cả trong dự-định của Đức Chúa Trời. Dân-tộc Hy-bá-lai đã từng là Hội-thánh của

Đức Chúa Trời, là dân được kêu-gọi và biệt riêng cho Ngài, để hoàn-tất nhiệm-vụ, nhưng Hội-thánh đã thất-bại. Cấp thống-trị thuộc phe Pha-ri-si và Sa-đu-sê đã vô-tin đòi xin một dấu lạ từ trời trước đó ít lâu. Họ đã hoàn-toàn thất-bại.

Nhưng Đức Chúa Trời có thất-bại chẳng ? Tôi hi-vọng Ngài sẽ tha-thứ tôi vì đã nêu câu hỏi này. Đức Chúa Trời chẳng hề thất-bại. Mọi sự có thể hình như Đức Chúa Trời đang bị loại khỏi thế-giới này. Nhưng không. Ngài không bao giờ thất-bại. Nếu dự-định xưa kia Đức Chúa Trời đã tạo-lập, bị sụp-đổ và thất-bại, thì «Ta sẽ lập Hội-thánh Ta.» Đó là lời trọng-đại đầy thâm-quyền của Chúa Jêsus, tuyên-bố rằng Ngài sẽ thành-lập một cơ-sở để thực-hiện mục-dịch Thiêng-liêng và hoàn-tất cứu-cánh của Đức Chúa Trời. Trước hết Ngài dùng hình-ảnh của đá, Ngài sẽ lập trên đá đó.

Nên nhớ là Ngài đang nói chuyện với người Hy-bá-lai, với một nhóm người thuộc quốc-gia xưa cũ mà Ngài sẽ khai-trừ nay mai. Chắc họ hiểu hình-ảnh Ngài đang dùng —Đá. Chữ này được dùng thế nào trong văn-chương của dân Hy-bá-lai ? Trở về Cựu-Uớc và quan-sát những lần chữ đá được dùng với nghĩa bóng, có hơn bốn mươi lần như thế. «Đá, chỉ được dùng với nghĩa bóng trong Cựu-Uớc của Đức Chúa Trời. Một lần kia, trong Phục-truyền luật-lệ Ký, trong Bài-Ca Thiên-Nga (Swan Song), Môi-se đã dùng chữ này ám-chỉ những thần giả-tạo, đối-chiếu với thần chân-thật. «Hòn đá chúng nó chẳng phải như Hòn Đá chúng ta.» Qua Môi-se và các tiên-tri, đá luôn luôn được nhắc đến, dành riêng phải do ý-muốn của tác-giả nhưng bởi ý-chỉ của Đức Thánh-Linh để làm hình-bóng về chính Đức Chúa Trời, Thần-tánh trong chính thực-thể của Ngài.

Các trước-giả nhưng là ý-muốn của Thánh-Linh.

«Ngài là Đấng Christ, Con Đức Chúa Trời hằng sống.»
«Trên Đá này,» thực-thể là Thần, «Ta sẽ lập Hội-thánh Ta.»

Giáo-hội La-mã vẫn tin và dạy rằng đá đây là Phi-e-rơ. Nhưng Giáo-hội Tin-lành chúng ta gọi đá đây là lời tuyên-bố của Phi-e-rơ. Nếu là Phi-e-rơ thì đó thật là một nền-tảng đáng thương. Chỉ vài hôm sau, ông đã thê chưa bao giờ thấy Ngài. Đá là Đức Chúa Trời và Đấng Christ phán : « Ta sẽ lập Hội-thánh Ta » ; Ta sẽ nối kết lại linh-hồn con người với Đức Chúa Trời hằng sống và do đó, tạo-lập hội-thánh Ta.

Về hình-ảnh các cửa thì sao. Ngài đã đổi ngay cách dùng chữ, từ việc xây-cất Ngài đổi sang vấn-đề chiến-tranh. Các cửa âm-phủ sẽ không thắng. Các cửa ấy dùng làm gì ? Để canh giữ thành khỏi quân thù. Các cửa Âm-phủ sẽ không thắng. Câu này đã thường được hiểu như thê Chúa chúng ta nói : « Hội-thánh Ta được xây trên một thứ đá cứng đến nỗi Địa-ngục không thê nào chiến-thắng hội đó. Ồ, không bao giờ ; Ngài sẽ lập trên đá, và điều đó chứng-minh tính-chất không hề bị thương-tồn của hội đó. Nhưng ở đây Ngài nói : Địa-ngục sẽ không thê đứng nổi, chống-cự nổi sự tấn-công của Hội-thánh. Đây không phải là bức-tranh của Hội-thánh không thê bị tấn-công. Đây là bức tranh của Hội-thánh bị tấn-công nhưng không thê bị chinh-phục, đến nỗi chính các cửa Âm-phủ cũng không thắng nổi Hội-thánh. Với đôi mắt của một đại Tướng-lãnh, Chúa chúng ta nhìn thấy toàn-thê Hội-thánh và kẻ thù cuối cùng là sự chết ; và Hội-thánh vẫn đắc-thắng từ trước đến nay. Không, những kẻ thân yêu của chúng ta, họ không hề bị đánh-bại, đánh bại trong sự chết. Họ chiến-thắng trong giờ phút chết, thắng hơn mọi quyền-năng của Âm-phủ. Các cửa Âm-phủ không thê thắng họ được.

Một lần nữa, hình-ảnh thay đổi từ việc xây-cất qua chiến trận và đến ảnh-hưởng đạo-đức. « Ta sẽ giao chìa-khóa Nước Thiên-đàng cho ngươi. » Ở đây chúng ta lại cũng có thê giải-thích lối nói này theo từng thời-đại. Đây là hình-ảnh hoàn-toàn quen-thuộc. Lớp thầy thông-giáo từ lâu đã xem chìa-khóa

là dấu-hiệu địa-vị của họ, là những nhà giải-nghĩa luật-pháp đạo-đức. Vì thế Ngài dùng hình-ảnh này để chứng-tỏ rằng Hội-thánh chẳng những chỉ được lập trên đá, và bởi đó, không thể bị tổn-thương ; chẳng những chỉ là lực-lượng tấn-công mà lực-lượng Địa-ngục không thể thắng nổi ; nhưng Hội-thánh còn phải đứng giữa thế-gian này để thi hành luật-pháp, trên phương-diện tiêu-chuẩn đạo-đức, để bắt buộc, để tuyên-bố một cái gì cương-bách ; để mở cửa cho tự-do để rao-truyền một cái gì tình-nguyên. Như thế, qua những hình-ảnh về đá, cửa và chìa khóa, Chúa chúng ta đã bày-tỏ những lẽ-thật đời đời về Hội-thánh mà Ngài đang thành-lập.

xxx

18. MỘT THÍ-DỤ VÀ NHỮNG

HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Ma-thi-ơ 17 và 18

TRONG hai đoạn này chúng ta có hai hình-ảnh thí-dụ và một thí-dụ giới-hạn ; trước hết là thí-dụ về hột cải, tiếp theo là hình-ảnh thí-dụ về sự tìm chiên đi lạc. Cuối đoạn mười tám chúng ta có thí-dụ về hai kẻ mắc nợ.

Điều quan-trọng là chúng ta cần nhớ kỹ đề-tài mà Chúa muốn luận-giải ở đây khi Ngài dùng hoặc là hình-ảnh thí-dụ hoặc là một thí-dụ giới-hạn, để không những chỉ hiểu thí-dụ hay hình-ảnh thí-dụ nhưng còn định cho nó một giới-hạn hợp lẽ. Rất có thể chúng ta tách thí-dụ ra khỏi bối-cảnh và vị-trí của nó rồi giải-thích sai ý-nghĩa bao-hàm trong thí-dụ.

Vậy chúng ta đặt câu hỏi, khi Chúa dùng hình-ảnh hột-cải làm thí-dụ, Ngài muốn giải-thích điều gì ? Nguyên-nhân bài học này gắn liền với sự thất-bại của môn-đồ vào một dịp-tiện đặc-biệt đáng ghi nhớ. Hồi đó Chúa Jê-sus chọn ba người trong đám đệ-cùng đi với Ngài. Còn lại chín người, gặp phải một người kia đem con một của mình bị quỉ ám đến. Lúc mười hai người được sai đi, họ đã được ban cho quyền trừ quỉ và đã thực-hiện được. Thế nhưng, bây giờ, tại đây, họ chịu bó tay. Khi Chúa chúng ta từ trên núi trở về, người cha này thưa ngay với Ngài : ‘ Tôi đã đem nó cho môn-đồ Chúa, nhưng chưa không được. ’ Họ không thể làm gì được.

Khi Chúa đã đuổi quỉ và giao đứa trẻ lại cho cha nó, môn-đồ đến hỏi Ngài nguyên-do sự thất-bại của họ. Thật là

điều vui-mừng lớn nếu Hội-thánh Đấng Christ ngày nay, trong mọi hoạt-động, biết dừng lại hỏi Chúa về lý-do tình-trạng tương-đối thiếu quyền-năng của mình. Các môn-đồ đã làm điều đó, và trước hết Chúa đã trả lời trực-tiếp, sau đó, dùng thí-dụ này để làm sáng tỏ câu trả lời ấy. Ngài trả lời rất là đơn-sơ. « Ấy là tại các người ít đức-tin. » Một bản khác dịch đúng hơn: « Ấy là tại các người không tin. » Tôi thích câu này hơn vì không nhấn mạnh ở lượng nhưng là phẩm của đức-tin. Tiếp theo Ngài nói rõ hơn: « Vì Ta nói thật cùng các người, nếu các người có đức-tin bằng một hạt cải, sẽ khiến núi này rằng: Hãy dời đây qua đó, thì nó liền dời qua, và không có sự gì mà các người chẳng làm được. »

Chúa giải-thích ý-nghĩa câu trả lời của Ngài. Không tin chính là lý-do khiến họ thất-bại. Ngài lấy ví-dụ một hạt cải. Chũ dùng ở đây rất giản-dị, tầm thường. Chũ « hạt » luôn luôn ám-chỉ một vật chứa-đựng nguyên-tắc sự sống. Nếu đức-tin các người có bản-chất của hạt cải đó, thì mọi sự sẽ có kết-quả. Chúa đã dùng cùng một hình-ảnh này trong một thí-dụ trước đây ở đoạn mười ba. Ngài cho môn-đồ biết rằng sự thất-bại của họ là do phẩm-chất đức-tin, lòng vô-tin của họ.

Trong bản dịch này: « ấy là tại các người ít đức-tin, » chũ « ít » không ám-chỉ số-lượng. Một dịp khác, các môn-đồ xin: « Lạy Chúa, xin thêm đức-tin cho chúng tôi » họ không yêu-cầu một gia-tăng về số-lượng nhưng một thay đổi về phẩm-chất. Đức-tin dời núi được giống như một hạt giống chứa-đựng yếu-tố sự sống, tức là sự tăng-trưởng, hoạt-động. Trong thiên-nhiên, kết-quả sau cùng của nguyên-tắc sự sống trong một hạt giống được tạo-thành do sự chết. Một hạt lúa mì phải rơi xuống đất và chết đi. Như thế, nó mới đem lại nhiều kết-quả, và nếu nó chết, thì nguyên-tắc sự sống bắt đầu xuất-hiện qua sự chết.

Vậy, nguyên nhân sự thất-bại chúng ta là gì? Đức tin chúng ta thiếu kém, không vững-vàng. Đức tin thiếu nguyên-lý sự sống. Áp-dụng vào hoàn-cảnh lúc bấy giờ, chúng ta sẽ thấy họ thất-bại từ đâu. Câu chuyện này xảy ra ngay sau khi Phi-e-ro xưng danh Chúa tại thành Sê-sa-rê Phi-líp, và thái-độ Thập-tự-giá của ông. Nhưng ngày hôm qua, Chúa vừa nói về sự sống, sự sống của Hội-thánh và vinh-quang tương-lai của Hội-thánh. Di-nhiên tâm-hồn họ cảm thấy khoan-khoái và hớn-hở. Nhưng khi Ngài cho họ biết về sự chiến-thắng sau cùng, rằng Ngài phải chết thì đức-tin họ bị lay chuyển. Vì thiếu bản-chất sống nên đức-tin của họ không thể nắm lấy lời dạy của Ngài được. Họ không thể cắt nghĩa được, và vì vậy, họ bị tê-liệt trước sự hiện-diện của quỉ. Tại Sê-sa-rê họ đã mất tin-cậy, mất đức-tin. Đức-tin họ thiếu yếu-tố sự sống. Bây giờ họ thất-bại ngay trong nhiệm-vụ riêng mà Chúa đã giao-phó và họ đã làm được từ trước đến nay.

Theo-dõi sự ứng-dụng ở đây. Phẩm-chất của đức-tin là sự-sống, đức-tin như một hạt cải. Như thế có nghĩa là nếu chúng ta có đức-tin lớn, chúng ta có thể đi ra bảo với núi đồi rằng : Hãy dời đi và nhập vào biển. Một đức-tin sống không bao giờ làm một việc gì mà không biết chắc đó là ý muốn Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta đến với núi về chúng ta muốn nhìn thấy một cuộc đảo lộn trật-tự và xem núi dời xuống biển, thì chúng ta có thể nói và hát mãi về đức-tin bao lâu cũng được, nhưng núi vẫn cứ đứng sừng-sừng một chỗ. Nhưng nếu bất ngờ, theo ý muốn Đức Chúa Trời, chính ngọn núi thật cũng phải được di-chuyển và chúng ta biết chắc như vậy, thì không có gì ngăn-trở được. Đức-tin sống gắn chặt với ý muốn Đức Chúa Trời, phục-tùng ý muốn Ngài và không tìm cách tách rời khỏi ý muốn đó, sẽ trở thành một phần của động-lực thiên-thượng và không núi nào có thể nghịch lại được. Đó là đề-tài Ngài muốn giải-thích và là một thí-dụ sống động.

Bây giờ chúng ta sang đề-tài về con chiên đi lạc và sự tìm-kiếm chiên đó. Chúa chúng ta muốn chứng-minh điều gì ở đây? Ngài dùng hình-ảnh thí-dụ về một người đi tìm chiên lạc mất. Sau này, Ngài có dùng lại một lần nữa, khi nói về đồng tiền và đứa con trai lạc mất, được chép ở Lu-ca. Ở đây, chỉ nói về con chiên. Ngài minh-giải điều gì? Đề-tài những lời người ta có thể xúc-phạm đối với con trẻ. Ở đây Ngài giới-hạn lời dạy-dỗ nhưng không phải theo bề ngoài chủ-yếu.

Vấn-đề được đặt ra do câu hỏi của môn-đồ về sự cao-trọng thật. Chúa Jê-sus đã dắt một con trẻ, để giữa họ, chỉ về sự cao-trọng trong Nước Thiên-đàng; và khi dùng thí-dụ con chiên đi lạc, Ngài cho họ biết giá-trị của đứa trẻ. Hình-ảnh rất quen-thuộc không cần thêm-thắt gì nữa. Một người chần mất một con chiên và đi ra tìm-kiếm và gặp được.

Con chiên này chỉ về con trẻ. Thí-dụ khiến cho đoạn Kinh-thánh này đẹp hẳn lên và được gọi là đoạn sách hoàn-toàn của con trẻ. Thí-dụ bắt nguồn từ khao-khát được cao-trọng của môn-đồ. Chúa Jê-sus đã nhân thắc-mắc của họ mà nói về con trẻ, về ảnh-hưởng của con trẻ trên các môn-đồ, và tấm lòng khao-khát sự cao-trọng trong họ.

Trước hết Ngài cho họ biết con trẻ là hình-bóng về bản-chất của Nước Thiên-đàng. Nếu họ không từ bỏ tuổi trưởng-thành với những thành-kiến cùng kiêu-ngạo, để trở nên dễ nắn đơn-sơ và không chút kiêu-căng như con trẻ, thì họ không thể nào được vào Nước của Ngài.

Bài học thật là kỳ-diệu và lạ-lùng. Con trẻ là người giữ cửa, và chúng ta không thể vào Nước Thiên-đàng nếu không đi đường của đứa trẻ. Ngài cho họ thấy rõ ý đó, và nghiêm-trang khuyên họ đừng gây cớ cho con trẻ vấp ngã. Ngài truyền rằng chúng ta không được quyền khinh

con trẻ, và kết-luận rằng Cha chúng ta không muốn cho một đứa trẻ nào bị hư mất. Qua câu chuyện này chúng ta thấy Ngài đã bày-tỏ giá-trị của đứa trẻ trên những tiêu-chuẩn đời đời. Thiên-sứ, Con và Cha đều tận-lực lo-lắng cho chúng. Các thiên-sứ của chúng luôn luôn ngắm xem mặt Cha. Các thiên-sứ ấy luôn luôn có thể thay mặt trẻ con mà đến với Đức Chúa Trời. Con là người Chăn hiền-lành đi tìm-kiếm chúng, và Cha không muốn một đứa nào trong bọn chúng bị hư mất.

Đây là hình-ảnh tuyệt-diệu về Người Chăn, về tấm lòng Người Chăn và lòng thương-xót của người chăn đã bỏ cánh đồng với chín mươi chín con chiên đã được an-toàn ở lại, đi vào đồng-vắng và sa-mạc đem chiên lạc mất về chuồng. Áp-dụng bài học này của Kinh-thánh tức là loại bỏ được cái thuyết-lý xanh-xao (mất máu) hiện-đại cho rằng con trẻ không cần cứu-rỗi. Thuyết-lý đó quên lẽ-thật được chép trong Kinh-thánh và đã được minh-chứng qua kinh-nghiệm nhân-loại ấy là tất cả chúng ta đều đi lạc ngay từ trong lòng mẹ, rằng chúng ta sanh ra trong tội-lỗi và hoai-thai trong gian-ác. Người Chăn đi tìm từng con chiên một. «Đoạn Ngài đặt chính mặt-hiệu của Ngài trên mỗi con.» Đó là bức tranh tình yêu của Đức Chúa Trời, thể-hiện qua Con Ngài là người Chăn săn-sóc những con chiên bé nhỏ. Vài nhà bình-luận cho rằng những chiên nhỏ đây là những kẻ tin. Không bao giờ. Đứa trẻ đang đứng giữa các môn-đồ, đôi mắt và tấm lòng Chúa đang hướng về nó; Ngài thấy hầu như các môn-đồ bị ngăn-trở trong công-việc thiếu-nhi vì có ích-kỷ, kiêu-căng và khao-khát địa-vị. Ngài để đứa trẻ đứng trước mặt Ngài và bảo môn-đồ suy-nghi về đứa trẻ, qua hình-ảnh người chăn này.

Tiếp theo, chúng ta có thí-dụ về hai người mắc nợ. Qua câu chuyện này, Chúa muốn nói gì? Sự tha-thứ, chẳng phải sự tha-thứ của Đức Chúa Trời, dù đó vẫn là bối-cảnh được gọi lên nhưng là sự tha-thứ lẫn nhau. Thí-dụ này bắt nguồn từ câu hỏi của Phi-e-rơ, dù câu hỏi liên-quan đến một

vấn-đề khác Chúa đã nói trước đó. Một lần kia Phi-e-rơ cảm thấy lòng tràn-ngập rộng lượng, khoan-hồng. « Thưa Chúa, nếu anh em tôi phạm tội cùng tôi, thì sẽ tha cho họ mấy lần? Có phải đến bảy lần chẳng? » Chúng ta đã tha-thứ kẻ làm hại chúng ta được bao nhiêu lần? Ngày nay nếu chúng ta tha-thứ được ba lần thì tưởng mình đã đạt đến mức độ khoan-hồng cao nhất rồi. Chúng ta thường nghe nói: « Tôi tha anh một lần, hai lần nhưng đến lần thứ ba là đủ cả. » Phi-e-rơ đã nhân đôi và cộng thêm một vào mức độ khoan-hồng của chúng ta khi ông bảo tha-thứ bảy lần. Ôi, Phi-e-rơ nóng-nảy vụng-dại. Nhưng Chúa Jê-sus cười ông hơi chút chua cay, nhẹ-nhàng và trong sáng như tia chớp mùa hạ. Bảy lần sao? Giả-thứ 490 lần thì sao! « Ta không nói cùng người rằng đến bảy lần đâu, nhưng đến bảy mươi lần bảy. » Chúng ta phải sống thật lâu mới có dịp tha-thứ một người đến 490 lần, bảy mươi lần bảy.

Thí-dụ lạ-lùng này bao gồm một sự tương-phản về thái-độ và hành-động đối với nợ. Một người kia mắc nợ chủ vì gian-lận. Đây là một bức tranh hoàn-toàn Đông-phương. Người mắc nợ mười ngàn ta-làng. Chủ bảo người phải bán mình, vợ, con cùng mọi điều người có để trả nợ được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Người sắp mình xuống trước mặt chủ nài-xin lòng thương-xót của chủ và được chủ tha nợ, xóa sổ.

Sau đó người đi tìm gặp kẻ mắc nợ mình. Món nợ độ chừng một ngàn đồng Việt-Nam. Trước kia người mắc nợ chủ hai trăm triệu, còn người này chỉ mắc nợ người một ngàn. Người bảo: « Hãy trả nợ cho ta! » Kẻ nợ xin: Hãy giảm cho tôi, tôi sẽ trả cho anh; nhưng người không chịu, tóm cổ kẻ nợ bỏ tù. Các bạn người tự-nhiên có ý-thức về sự công-bình, nên cảm thấy cần phải kể lại cho chủ nghe trường-hợp này. Chủ mới gọi người lại và cuối cùng nổi giận

cùng người. Lòng thương-xót của chủ đã bị người khinh thường cho nên chủ giao người cho kẻ tra-tấn đến khi người trả xong nợ-nần. Có lẽ chúng ta sẽ nói, như vậy khó quá. Nhưng hãy nghe đây: «Nếu mỗi người trong các người không hết lòng tha lỗi cho anh em mình, thì Cha ta ở trên trời cũng sẽ xử với các người như vậy.»

Tôi sẽ tha-thứ anh em tôi bao nhiêu lần? Bảy lần phải không? Bảy mươi lần bảy, 490 lần! Đừng quên đều đó. Anh em người mắc nợ người không quá một ngàn đồng, còn người mắc nợ cả hai trăm triệu, không bao giờ trả lại được. Nhưng vì lòng thương-xót Đức Chúa Trời đã tha hết cho người; nhưng nếu người đi ra đòi anh em mình phải trả cho đến các bạc cuối cùng thì Đức Chúa Trời sẽ không tha-thứ người. Ngài sẽ nổi giận cùng người. Lòng thương-xót Ngài đã bị cử-chỉ không thương-xót của người làm thương-tích và người sẽ gánh lấy cơn giận của Ngài.

Chúng ta hãy chú-ý và thấy cả tấm lòng thương-xót của Đức Chúa Trời chiếu sáng phía sau câu chuyện này. Tha-thứ, chẳng phải vì kẻ nài xin xứng-đáng, không phải kẻ tội-nhân đáng được tha-thứ, nhưng vì cốt đề tạo trong lòng kẻ được tha một tâm-tình giống như Thần-linh của Đức Chúa Trời. Vì thế, trong ánh-sáng đó, chúng ta nhìn thấy được sự thất-bại hèn-hạ của người đầy-tớ. Tha-thứ? Chúng ta định tha-thứ ai? Chúng ta đã tha-thứ chưa? Mấy lần?

x X x

19. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Ma-thi-ơ 19: 12, 24

CÂU mười hai của đoạn này có một hình-ảnh thí-dụ rất đặc-biệt. Trước khi kể thí-dụ này, Chúa phán: « Chẳng phải mọi người đều có thể lãnh được lời này, chỉ người sẵn có ban cho như vậy mà thôi. » Rồi cuối câu mười hai, Ngài nói: « Người nào lãnh nổi lời ấy thì hãy lãnh lấy. » Hai câu này chứng-tỏ lời thí-dụ và đề-tài sẽ khó hiểu. Tuy nhiên, cũng cho ta thấy ý-định của Chúa chúng ta là nói với, không phải đám đông tổng-quát, nhưng là một nhóm người giới-hạn có thể hiểu được.

Phần cuối câu mười một nói: « Chẳng phải mọi người đều có thể lãnh được lời này, chỉ người sẵn có ban cho như vậy, » không ám-chỉ lời nói của Ngài, nhưng của các môn-đồ. Họ đã từng nói với Ngài: « Nếu phận người nam phải xử với vợ mình như vậy, thì thà không cưới vợ là hơn. » Trong khúc chót lời phán của Ngài đi đôi với điều môn-đồ đã nêu ra trước, áp-dụng điều Ngài đã nói: « Người nào lãnh nổi lời ấy thì hãy lãnh lấy. » Như thế, chúng ta thấy lời thí-dụ này của Chúa Jê-sus có vẻ khép kín, tách biệt, chứng-tỏ không cốt cho mọi người nhận lấy; và vì thế, ứng-dụng cũng có giới-hạn.

Với quan-điểm đó, chúng ta đặt câu hỏi, vấn-đề thảo-luận ở đây là gì? Chúa muốn minh-giải điều gì? Nói trắng ra, đó là vấn-đề sống độc-thân, tránh tương-quan về hôn-nhân. Vấn-đề đang thảo-luận bắt nguồn từ những sự việc xảy ra trước đó. Đó là vấn-đề ly-dị. Đề-hiệu lời dạy của Chúa chúng ta, rõ-ràng và thích-hợp cho mọi thời-đại, chúng ta cần phải nhớ lại hoàn-cảnh của xã-hội Do-thái thời bấy giờ và quan-niệm của họ về vấn-đề ly-dị.

Đây là vấn-đề được bàn-cãi sôi-nổi giữa hai phái thần-

học lớn trong Do-thái-giáo. Hillel, một giáo-sư nổi tiếng, qua đời hai mươi năm trước khi Chúa bắt-đầu chức-vụ, nhưng tư-tưởng người đã được phổ-biến sâu rộng và gây ảnh-hưởng lớn, trong lúc giải-thích ý-kiến của Môi-se trong Phục-truyền Luật-lệ Ký (24: 1) đã gán cho câu đó ý-nghĩa như sau: «Một người nam có thể hợp-pháp ly-dị vợ bất cứ vì lý-do nào khiến người ấy không thích vợ mình nữa.» Người bảo rằng, theo luật-pháp, nếu một người nam, sau khi cưới vợ, tìm thấy điểm nào thiếu-xót, có quyền viết giấy ly-dị vợ và cho vợ về lại với cha mẹ. Từ lúc Hillel qua đời đến bây giờ đã khá lâu rồi, thế nhưng ngày nay người ta vẫn thích nhắc lại điều đó! Mặt khác, phái thần-đạo Shammai cho rằng người ta chỉ có thể ly-dị nhau vì một lý-do, đó là không trinh-khiết.

Hai phái này cực-lực chống-đối nhau và khi họ đem vấn-đề đến hỏi Chúa Jê-sus, chính là lúc ý-kiến cùng sự tranh-luận đến độ sôi-nổi. Người Pha-ri-si đến « thử Ngài mà rằng: Không cứ vì có gì người ta có phép để vợ mình chăng?» Chúng ta thấy ngay được ẩn ý nằm phía sau câu hỏi này.

Cần-thận theo dõi câu trả lời của Chúa ở đây. Cả hai giáo-sư, Hillel và Shammai đều dùng Môi-se làm thuẫn giải-thích cho mình, nhưng với hai cách khác nhau. Khi họ đến cùng Chúa Jê-sus, Ngài phán: « Các ngươi há chưa đọc lời chép về Đấng Tạo-hóa, hồi ban đầu, dựng nên một người nam, một người nữ và có phán rằng: Vì có đó người nam sẽ lìa cha mẹ, mà dính-dính với vợ mình.» Chúng ta không cần khảo-sát kỹ câu này; nhưng chỉ biết rằng, họ đã đặt câu hỏi trong hoàn-cảnh tranh-luận sôi-nổi về thần-học thời bấy giờ. Từ Hillel và Shammai, vượt Môi-se, Ngài nổi lên vấn-đề với chính Đức Chúa Trời, trở về với mục-đích và ý-hướng Thiên-thượng đầu-tiên. Đó là phần thứ nhất trong câu trả lời của Ngài.

Tiếp theo, Ngài xác-định rõ-ràng chỉ có một cơ-đề ly-

dị và chỉ một mà thôi, đó là « gian-dâm. » Như thế, Ngài thật chấp-nhận quan-điểm của Shammai hơn là Hillel. Rồi Ngài tiếp-tục giải-thích. Lúc ấy môn-đồ tỏ ra đã chịu ảnh-hưởng Hillel trong lối suy-tưởng của họ. Ly-dị đối với họ trở nên tầm-thường, rẻ tiền và dễ-dàng quá ; ai chán vợ cũng có thể ly-dị được. Vì thế, họ thưa với Chúa : Nếu dựa trên tiêu-chuẩn đó thì đừng lấy vợ còn hơn. Lời này nói lên tình-trạng suy-đổi trong tư-tưởng của họ. Họ đã là người của Christ thế nhưng họ vẫn cần phải học và hiểu nhiều hơn.

Câu trả lời của Chúa rất đặc-biệt. Ngài công-nhận quan-điểm của họ có thể đúng. Ngài phán : « Chẳng phải mọi người đều có thể lãnh được lời này, chỉ người sẵn có ban cho như vậy mà thôi. » Nghĩa là Chúa muốn nói : Các người có thể đúng, theo như hoàn-cảnh hiện-tại, như ý-định Thiên-thượng từ lúc ban-đầu, và như luật nghiêm-khắc về trinh-khiết chỉ cho phép ly-dị vì tội gian-dâm. Cũng khó quả-quyết các người có đúng hay không, nhưng có thể đúng. Chẳng phải mọi người đều có thể nhận được điều đó, chỉ những người sẵn có ban cho như vậy mà thôi. Theo hoàn-cảnh thời đó, có thể có những người sống độc-thân. Christ không kết-án họ.

Rồi Ngài đưa ra hình-ảnh thí-dụ này. Đây là hình-ảnh hoàn-toàn Á-Đông và chúng ta phải hiểu theo lối Á-Đông. Chữ « hoạn » ở đây có nghĩa là người giữ phòng-ngủ. Điểm đặc-biệt là những người này phải là độc-thân và không thể kết-hôn được. Chúa nghĩ đến hoàn-cảnh đó và nói : Có người hoạn từ trong lòng mẹ. Có người hoạn vì tay người ta. Nhưng ngoài hai sự-kiện này, Ngài còn thấy một thật-sự khác. Đó là có những người sống độc-thân, tránh tương-quan vợ chồng vì có Nước Đức Chúa Trời. « Người nào lãnh nổi lời này thì hãy lãnh lấy. » Một số người bầm sanh đã không thể kết hôn được. Một số người được tạo-dựng thiếu điều-kiện để lấy vợ. Chúng ta không kể đến số người ấy.

Còn một số người muốn sống độc-thân vì có Nước Thiên-đàng. Chúa nói, không phải ai cũng chấp-nhận được địa-vị ấy. Vài người không thể nhận được ơn này, nhưng Ngài biết có người nhận được. Ngài phán : « Người nào lãnh nôi địa-vị đó thì hãy lãnh lấy. » Nói cách khác, Ngài dạy rõ-ràng rằng, có thể sống độc-thân vì quyền-lợi Nước Thiên-đàng, nhưng không bắt buộc. Không ai có thể buộc một người nam sống độc-thân vì có người phải hầu việc Nước Thiên-đàng ; nhưng nếu có ai thật lòng cương-quyết tách-biệt khỏi hôn-nhơn thì cứ để họ tự-do. Không có gì phải cấm- đoán, bắt-buộc hoặc ra lệnh cả. Mấy câu ngán-ngủ này, với lời rạo-dón của Chúa Jêsus, chứng-tỏ điều Ngài vừa nói không phải dễ chấp-nhận đối với mọi người, nhưng chỉ dành cho những ai có thể nhận. Như thế không có nghĩa ai nhận được thì cao-cả hơn người không nhận được ; nhưng có nghĩa là ai không lãnh nôi địa-vị ấy thì không được khinh-khi kẻ hiển-trọn đời mình sống độc-thân vì có Nước Đức Chúa Trời. Đây phải là vấn-đề lương-tâm và tương-quan riêng tư của những người lãnh nôi địa-vị này.

Chúng ta hãy nhìn mọi thể-hệ và nhìn quanh xem. Chúng ta vẫn thấy có những người lãnh được địa-vị này và đã phục-vụ Nước Đức Chúa Trời cách đặc-biệt vì họ có thể lãnh nôi địa-vị ấy. Theo phương diện sử-ký, tôi không biết có nên nêu lên trường-hợp Phao-lô không, vì trong tác-phẩm *Life of St. Paul* (Đời sống Phao-lô) tác-giả Farrar đưa ra một loạt lý-lẽ bảo Phao-lô có kết-hôn. Phao-lô đã nói : « Chúng tôi há chẳng có quyền dắt theo một người vợ sao ? » Thế nhưng sau đó, khi nói về những người sống độc-thân, ông lại đưa ý-kiến : « Tốt hơn, họ nên ở vậy như chính tôi thì hơn. » Chắc hẳn ông dùng đó làm thí-dụ về đời sống độc-thân. Nếu ai thích quan-niệm của người La-mã thì đừng nên quên rằng kẻ được gọi là đá nền-tảng của Hội-thánh chẳng phải là một người sống độc-thân. Điều này không làm

hồng quyền-năng Phao-lô hoặc Phi-e-rơ. Tuy nhiên, đó là nguyên-tắc lớn-lao đặt ra cho chúng ta.

Còn một nguyên-tắc căn-bản khác, ứng-dụng trong một phạm-vi rộng-rãi hơn. Nói tóm lại, thái-độ và hành-động của mỗi người phải là vấn-đề riêng-tư và cá-nhân giữa người ấy với Đức Chúa Trời. Do đó, ứng-dụng này rộng hơn đối với địa-hạt mà Chúa nêu ra khi dùng thí-dụ này.

Bây giờ chúng ta sang một tu-từ-pháp khác trong câu hai mươi bốn. «Lạc-đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu vào Nước Đức Chúa Trời.» Chúng ta phải đọc và hiểu xa hơn câu này. Chúa muốn nêu rõ ảnh-hưởng tai-hại của phú-quí giàu sang đối với cá-tính con người. Hãy xem câu trên đó: «Người giàu vào Nước Thiên-đàng là khó lắm.» Đây là vấn-đề đang được bàn-cãi. Các môn-đồ lấy làm ngạc-nhiên, hỏi: «Vậy thì ai được rồi?» Vấn-đề chỉ nhấn mạnh về ảnh-hưởng tai-hại của của-cải trên cá-tính con người, nhưng không phải là không tránh được và cũng chẳng có gì bắt buộc.

Vấn-đề được nêu ra sau khi người trẻ tuổi bỏ đi. Bây giờ Chúa nói: «Kẻ giàu vào Nước Đức Chúa Trời khó là dường nào.» Ngài không bảo, họ không thể vào được. Thật ra, sau này chúng ta sẽ thấy họ có thể vào được. Ngài không nói là không thể nhưng là khó-khẩn và cực-nhoc. Các môn-đồ sẽ thấy rõ điểm nhấn mạnh ở đây, nếu Chúa nói câu này ngay khi họ nhìn người trẻ tuổi rút lui, ngay khi người quay lưng trước đề-nghị của Christ, vì người «có của-cải nhiều-lắm» Người giàu vào Nước Thiên-đàng là khó lắm. Lời phê-bình này nhấn mạnh một cách tuyệt-đối, hầu như kinh-khủng về điều mà Ngài đã nhận-xét.

Nhưng còn một điểm nữa. Hãy suy nghĩ về thí-dụ này như đã chép ở đây. «Lạc-đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu vào Nước Đức Chúa Trời.» Di-nhiên, có

lẽ chúng ta sẽ bảo, như thế nghĩa là không thể được. Vàng, đứng trên một phương-diện, và đó là điều Chúa muốn dạy. Không cần phải bàn nhiều về chữ lạc-đà hoặc lỗ kim. Nhiều người đã cố-gắng cắt nghĩa câu này bằng cách giải-thích tránh đi; cho rằng nếu Chúa có dùng ngay những chữ trên thì Ngài thật cũng không có ý nói đúng như điều Ngài đã nói. Lord Nugent, trong tác-phẩm *Lands Classical and Sacred* bảo rằng lỗ kim ở đây ám-chỉ một cái cửa vòm thấp mà nếu con lạc-đà nào mang nhiều đồ trên lưng không thể nào đi qua được. Có lẽ đúng như vậy, rất có thể như vậy. Tuy nhiên, đối với tôi lời giải-thích đó kém tự-nhiên, có vẻ cưỡng-ép và không thỏa-mãn. Tôi tin Chúa muốn nói rõ-ràng như thế này: Nếu một con lạc-đà không thể chui qua lỗ kim thì một người giàu cũng không thể vào Nước Đức Chúa Trời được.

Tôi có người bạn bên Mỹ là một nhà khoa-học có biệt-tài, đã trình-bày một bài thuyết-trình xuất-sắc đầy tương-ựợng nhưng rất là khoa-học về vấn-đề này. Ông chứng-minh rằng một con lạc-đà có thể chui qua lỗ kim được. Ông lấy một con lạc-đà, mổ-xẻ, phân-tích và khử lần các yếu-tố cấu-tạo thành một chất lỏng rồi cho chất lỏng chảy thành từng tia qua lỗ kim. Tôi xin lỗi người bạn ở phương xa kia vì tôi phải viết ra cách trắng-trợn như thế! nhưng tôi không thể chấp-nhận lối giải-thích ấy được. Tuy-nhiên, có một vấn-đề vô-cùng quan-trọng ở đây. Chúa muốn nói rằng một người giàu bị việc làm của chính mình ngăn-trở không thể vào Nước Đức Chúa Trời được.

Bấy giờ các môn-đồ hỏi: «Vậy thì ai được cứu?», — nói lên một lối nhìn và thái-độ tâm-linh khác của họ. Chúng ta đã được biết một lần qua câu hỏi về vấn-đề ly-dị. Môn-đồ nghi gì khi họ hỏi câu trên? Người giàu không thể vào Nước Thiên-đàng vì họ tin rằng của-cải có thể giúp con người đến bất cứ nơi nào. Vậy nếu một người giàu không

thề vào thì không ai vào được. Chúng ta thấy các môn-đồ suy-nghi rất sai-lầm. Có lẽ họ đang mong được một người giàu-có nào đó gia-nhập đoàn-thề của họ. « Vậy thì ai được cứu ? » Cũng như một lần khác, họ đến cùng Chúa Jêsus, kinh-ngạc nói : Tất cả mọi người đang tìm Thầy. Họ luôn luôn nghi trên một trình-độ sai-lầm. Lúc ấy Ngài phải khở-nhọc đối với họ cũng như phải chịu-đựng để huấn-luyện chúng ta ngày nay. Chúng ta chậm-chạp, đại-dột và chậm tin quá. Đó là bối-cảnh của câu chuyện ở đây.

Bây giờ hãy chú-ý điềm quan-trọng Chúa muốn nói. Ngài « vừa ngó môn-đồ phán rằng : Điều đó loài người không thể làm được, song Đức Chúa Trời làm mọi việc đều được. » Mọi sự đều tùy-thuộc giới-từ được dùng ở đây. « Với loài người » (theo bản dịch Anh ngữ) *para*, nghĩa là về phía, cùng với. « Với Đức Chúa Trời, » *para*, về phía, cùng với, liên-quan với. « Với loài người, điều đó không thể được. » Với một con người giàu-có bị cửa-cải ngăn-trở, cai-quản, làm chủ, môn-đồ tưởng họ có quyền hưởng bất cứ một đặc-ân nào, nhưng Chúa Jêsus bảo, không thể như vậy được. Với con người nhưng không do con người. Nếu con người chỉ nhìn trên bình-diện loài người, nếu chỉ hành-động chung với người, nếu lối suy-tưởng bị quan-điềm loài người chủ-trị, nếu tranh-đấu và cộng-tác với những con người khác để được vào Nước Đức Chúa Trời, thì không bao giờ thành-công. Nhưng với Đức Chúa Trời, thì mọi sự đều có thể. Mọi sự đều có thể đối với con người nếu người không nhìn mình như một con người, hoặc nhìn những con người khác, nếu người tách-biệt khỏi tha-nhân và bước vào mối tương-giao chắc-thật với Đức Chúa Trời, nếu người bắt đầu phục-tùng Ngài và tiếp-tục sống trong tương-giao thân-mật với Ngài. Chẳng có gì « không thể » đối với con người ấy.

Tất cả câu chuyện khởi-đầu từ lúc chàng thanh-niên xuất-hiện, Chớ quên rằng Chúa đã nhìn người và tỏ về rất

triu-mến. Mác cho chúng ta biết: « Đức Chúa Jêsus ngó người mà yêu. » Đó là sau khi người xưng đã giữ mọi điều-răn của Bảng Đá thứ hai ngay từ lúc còn thơ-ấu. Người đến hỏi phải làm chi để hưởng sự sống đời đời. Con người có nhiều của-cái này. Chúa Jêsus bảo người: « Người biết các điều-răn » và liên-tiếp kể một loạt sáu điều-răn về tương-quan giữa người với người. Người *với người*. Chàng thanh-niên đáp: « Tôi giữ mọi điều đó từ khi còn nhỏ. » Đừng bảo rằng người nói dối. Không có đâu. Người nói thật đấy. Nhìn thẳng vào Chúa Jêsus người bảo người trong-sạch đối với luật-lệ, điều-răn về tương-quan với những người chung-quanh, « với con người. » Nhưng chàng ở bên ngoài Nước Thiên-đàng.

Christ phán: « Người còn thiếu một điều, hãy đi bán hết gia-tài mình, đem thí cho kẻ nghèo. » Đó là điếm đầu-tiên, sơ-khởi, « và hãy đến theo Ta. » Ai đang nói đây? Chính Đấng mà chàng thanh-niên đã gọi là « Thầy Nhơn-Lành; » và khi chàng gọi thế, Chúa Jêsus bảo: « Sao người gọi Ta là nhơn-lành? Chỉ có một Đấng nhơn-lành, là Đức Chúa Trời. » Chúng ta chỉ có thể hiểu một cách. Chúa Jêsus muốn nói, hoặc là, Ta không nhơn-lành, hoặc Ngài ngụ-ý, Ta là Đức Chúa Trời. Chúng ta không chấp-nhận quan-diểm cho là Ngài muốn nói, Ta không nhơn-lành. Thiếu một điều, đó là sự sống. Người thiếu một điều, theo Ta, theo Đấng đang đứng trước mặt người thế cho Đức Chúa Trời, rồi mọi sự đều được cả. Người có thể bước vào sự sống. Người có thể tìm thấy con đường vào Nước Đức Chúa Trời.

Trường-hợp ở đây là một người giàu-có. Ứng-dụng của Chúa Jêsus không giới-hạn cho người giàu-có, nhưng cho mọi người nghèo lẫn giàu. « Với loài người » nếu chúng ta

đề cho tư-tưởng và hành-động loài người làm chủ lối suy-nghi chúng ta trong khi đi tìm sự hợp-tác của con người ; nếu chúng ta chỉ cố-gắng với sức riêng trong giới-hạn bản-chất vô-năng của con người, thì chúng ta không thể tìm được con đường vào Nước Đức Chúa Trời. Nhưng nếu mặt khác, chúng ta « với Đức Chúa Trời, » mọi việc đều có thể được, dù là việc con lạc-đà chui qua lỗ kim đi nữa.

XXx

20. NHỮNG NGƯỜI LÀM CÔNG TRONG VƯỜN NHO

Ma-thi-ơ 20 : 1-16

MƯỜI sáu câu đầu đoạn này kể lại thí-dụ về những người làm công trong vườn nho. Chúng ta đặt câu hỏi : Khi dùng thí-dụ này, Chúa muốn làm sáng tỏ vấn-đề nào ? Chúng ta không thể tách thí-dụ ra khỏi trưng-quan của nó với những phần khác đề nghiên-cứu được.

Trước hết hãy xem giới-hạn của thí-dụ này. Câu cuối-cùng đoạn mười chín chép : « Song có nhiều kẻ ở đầu sẽ nên tốt, và nhiều kẻ ở rốt sẽ nên đầu. » Câu mười sáu đoạn hai mươi chép : « Đó, những kẻ tốt sẽ nên đầu, và kẻ đầu sẽ nên tốt là như vậy. » Câu thứ nhất là lời quả-quyết của Chúa Jê-sus, câu thứ hai giải-thích lời quả-quyết đó. Lời quả-quyết là : « Nhiều kẻ ở đầu sẽ nên tốt, và nhiều kẻ ở rốt sẽ nên đầu. » Thí-dụ đã được soi sáng và minh-chứng và cuối cùng, Chúa tóm-tắt : « Như vậy, trên phương-diện đó, 'kẻ đầu sẽ nên tốt và kẻ rốt sẽ nên đầu.' Đó là vị-trí giới-hạn của thí-dụ.

Chúng ta lùi lại một chút và đặt vấn-đề : Chúa Jê-sus tuyên-bố lời này vào dịp nào ? Điều gì khiến Ngài nói : « Nhiều kẻ ở đầu sẽ nên tốt và nhiều kẻ ở rốt sẽ nên đầu ? » Đây là câu trả lời cho thắc-mắc của Phi-e-rơ. Chúng ta rất biết ơn Phi-e-rơ cùng tất cả những câu hỏi ông đưa ra. Câu hai mươi bảy : Phi-e-rơ bèn thưa rằng : « Này, chúng tôi đã bỏ mọi sự mà theo Thầy ; vậy thì chúng tôi sẽ được chi ? » Chính vì câu hỏi đó mà Chúa tuyên-bố câu trên, và vì có lời tuyên-bố bắt nguồn từ câu hỏi đó, mà Chúa kể thí-dụ này.

Vì thế, chúng ta lại phải lùi lại một chút nữa, trở về với câu chuyện chàng thanh-niên mà Chúa Jê-sus đã bảo :

Hãy đi bán hết gia-tài, phân-phát cho kẻ nghèo... rồi hãy đến, theo Ta.» Chàng đã quay lưng, đi ra buồn-bã. Người có nhiều của-cải, giữ một đời sống trong-sạch, một tâm-tánh tốt-đẹp, đứng đối-diện Chúa Jê-sus, nghe lời đó và không làm chủ được của-cải mình. Chúa Jê-sus kêu-gọi người giao-phó chính mình cho Ngài, nhưng người bỏ đi. Người bám lấy của-cải; và Chúa Jê-sus cắt nghĩa điều đó như chúng ta đã thấy trong bài học trước : «Người giàu vào Nước Thiên-đàng là khó lắm... Lạc-đá chui qua lỗ kim còn dễ hơn một người giàu vào Nước Đức Chúa Trời.» Bấy giờ Phi-e-rơ : «*Này, chúng tôi đã bỏ mọi sự mà theo Thầy; vậy thì chúng tôi sẽ được chi?*» Sự từ-bỏ của chúng tôi có lợi gì? Cũng như ông hỏi rằng : Thưa Thầy, Thầy đã kêu-gọi chàng thanh-niên từ-bỏ nhiều như thế. Chàng đã quay lưng bỏ đi. «*Còn chúng tôi đã bỏ mọi sự, theo Thầy.*» Đề làm gì? Chúng tôi sẽ được lợi gì?

Chúa đã trả lời rất hay : «*Quả thật, Ta nói cùng các người đến kỳ muôn vật đổi mới, là khi con người sẽ ngự trên ngôi vinh-hiền của Ngài, thì các người là kẻ đã theo ta...*» Ngài đang nhìn về tương-lai và cho họ biết họ sẽ được gì trong Nước tương-lai sẽ được xây-dựng sau này. Họ sẽ được quyền làm quản-lý trong Nước ấy; và không những thế, nhưng *hết ai vì danh Ta mà bỏ anh em, chị em, cha mẹ, con-cái, đất ruộng, nhà cửa thì người ấy sẽ lãnh bội phần hơn và được hưởng sự sống đời đời.*» Đó là một câu trả lời tuyệt-diệu của Chúa Jê-sus. Họ sẽ được quyền-thế, tình bạn-hữu, sự sống đời đời, nhưng đừng quên nhiều kẻ ở đầu sẽ nên rớt và nhiều kẻ rớt sẽ nên đầu.»

Như thế, trước hết Chúa trả lời Phi-e-rơ và sau đó đưa ra lời cảnh-cáo. Thí-dụ soi sáng cho lời cảnh-cáo.

Vậy, đề-tài Ngài dẫn chứng ở đây là gì? Hầu việc và phần-thưởng của hầu việc. Bài học ở đây chỉ ứng-dụng cho môn-đồ Chúa Jê-sus về sự hầu việc.

Hình-ảnh ở đây là gì? Trước hết, một người có nhà chụ

một vườn nho. Đó là vườn nho của người, tài-sản của người. Nhớ kỹ là bức tranh về một người với vườn nho, tài-sản người ; và người thuê những kẻ làm công đến làm việc trong vườn nho. Điều rất hay ở đây là Chúa lấy thí-dụ một ngày, mười hai tiếng đồng hồ. « Một ngày há chẳng có mười hai giờ sao ? » Họ vẫn ở tại đó. Người chủ ra đi thật sớm vào lúc giờ thứ ba, thứ sáu, thứ chín và thứ mười một. Người chủ đi ra thuê những kẻ làm công từng chặng suốt trong ngày. Tất cả đều được Chủ gọi đi làm. Thí-dụ này không hề chép những kẻ làm công hỏi xin việc làm. Họ không tìm việc. Họ ở bên ngoài vườn nho ; nhưng chủ gọi họ vào, bảo họ làm việc ; và họ vào khi được chủ gọi. Nhiều người được gọi từ lúc sáng sớm. Họ vào vườn làm việc. Họ vào lúc giờ thứ ba, thứ sáu thứ chín và thứ mười một theo từng đợt chủ gọi. Đây là bức tranh Á-đông về người chủ, vườn nho và cách làm việc trong vườn nho. Chủ ra đi, kẻ làm công bước vào làm việc khi được gọi. Họ không xin đi làm. Họ đồng ý với giá cả. Đây là một cuộc mặc-cả. Một giao-kèo. Sau giờ thứ mười một, ngày làm việc chấm dứt và những kẻ được thuê sau cùng chỉ làm có một tiếng đồng hồ. Đã thoả-thuận giá-cả với kẻ làm giờ đầu, người chủ trả công theo giá đã định. Câu chuyện không bảo là người có định-giá với mấy kẻ đến sau, nhưng là trả công theo ý riêng. Chủ trả mỗi người một đơ-ni-ê, ngay cả người chỉ làm một giờ cuối-cùng cũng được một đơ-ni-ê.

Chúng ta có thể hiểu được lời lầm-bầm của kẻ làm công ở đây ; nhưng nếu chúng ta cũng lầm-bầm khi nghe câu chuyện ấy là vì, chúng ta chưa nắm được ý - nghĩa thật của thí-dụ, hay là của điều Chúa Jê-sus muốn dạy ở đây. Trước hết, người chủ xử kẻ đến sau cùng một cách với kẻ đến trước. Những kẻ đến trước "trông lãnh được nhiều hơn ; song họ cũng lãnh mỗi người một đơ-ni-ê." Chúng ta đồng ý là phải giữ đúng giá-cả, một bản giao-kèo luôn luôn thiêng-liêng. Nếu bạn đồng-

ý một do-ni-ê; nếu đó là công-lý thì bạn có quyền gì phản-đối lòng khoan-hồng của tôi? Há người này chẳng có quyền làm theo ý mình muốn sao? Đó là vấn-đề duy-nhất được đặt ra, về người chủ có được quyền làm điều mình muốn chẳng. Câu hỏi của Chúa Jê-sus ngầm bảo người chủ được quyền đối-xử như thế.

Tuy nhiên, thí-dụ này cũng cho biết quyền-hạn ấy còn tùy-thuộc ở một điểm khác. Vậy, chúng ta tìm xem bài học ở đây. Bài học này nằm trong giới-hạn thu hẹp của thượng hạ vấn. Ở đây không có vấn-đề cứu-rỗi. Cả câu chuyện nói về sự hầu việc. Hơn nữa, kẻ làm công ở đây chẳng phải là những tên lười-biếng đi lang-thang. Tất cả đều vào vườn nho khi được gọi; và điểm này được nhấn mạnh đặc-biệt trong trường-hợp những người được gọi sau cùng.

Các thí-dụ khác đề-cập đến những khía-cạnh khác về sự hầu việc. Có thí-dụ về những Nén bạc, về những Ta-lâng. Chúng ta thường lẫn-lộn những khía-cạnh này với nhau. Kẻ làm công, Nén bạc, Ta-lâng có liên-quan đến từng khía-cạnh khác nhau của sự hầu-việc. Trong thí-dụ về những Nén bạc, mỗi người nhận một nén, Chúa chúng ta muốn nói về cơ-hội chung của mỗi người đã nhận được. Trong thí-dụ về Ta-lâng, Ngài cho thấy những tài-năng khác nhau đã tạo nên trách-nhiệm ra sao. Còn ở đây Ngài muốn dạy gì? Tiền lương tùy thuộc thái-độ đáp-ứng trung-thành với cơ-hội.

Đó là nghĩa chính của thí-dụ. Kẻ vào vườn vào giờ thứ mười một trước đó chưa gặp dịp-tiện. Người chưa được gọi; nhưng khi được gọi thì đi ngay và được trả công theo tiêu-chuẩn là đã trung-thành làm việc trong một tiếng đồng hồ đó. Kẻ vào sớm hơn, đã làm việc và trung-

thành suốt ngày nóng-bức và nặng-nhọc. Vì thế, thí-dụ chứng-tỏ rằng tiền lương là giá thưởng cho lòng trung-thành đối với cơ-hội. Thí-dụ không có ý bảo rằng nếu một người gặp dịp tiện nhưng không nắm lấy, và phung-phí hết thì-giờ, rồi cũng được cùng một phần thưởng như kẻ đã chịu khó-nhọc làm việc suốt ngày. Chúa chúng ta chỉ nhấn mạnh một điểm thôi, đó là thái-độ trung-thành đối với dịp-tiện được ban cho.

Tôi không biết chúng ta đã nắm được ý đó chưa. Đức Chúa Trời đã cho bạn cơ-hội nào? Tôi không rõ. Tôi không chờ một câu trả lời nào, trừ ra câu trả lời với chính lòng bạn. Ngài đã cho D.L. Moody cơ-hội đến gặp một dân-tộc đang mong-đợi, gặp hai dân-tộc, và khi làm xong công-việc trong ngày, người đã lãnh được đơ-ni-ê của mình, vì người trung-thành với cơ-hội cách vẻ-vang. Giữa đồi núi nào đó có một thiếu-phụ nghèo-nàn phải chiến-đấu, cố-gắng sinh-sống nhưng lại có hai con và đã đem cả sự sống mình huấn-luyện nuôi-dưỡng chúng cho Đức Chúa Trời. Chúng ta không biết thiếu-phụ đó. Chúng ta không bao giờ nghe nói đến nàng, ngay cả trên những cột báo chí thuộc phạm-vi tôn-giáo đi nữa, nhưng nàng đã chết. Con nàng đã lớn lên; nàng đã về Nước Thiên-đàng. Nàng đã nhận được đơ-ni-ê! Đồng đơ-ni-ê chẳng ra gì. Chúa dùng đồng đơ-ni-ê, một món tiền trả công không đáng kể để nhấn mạnh sự giản-dị, tầm-thường của phần thưởng so với lòng trung-tín trong công-việc.

Vậy thì « Nhiều người được gọi, nhưng ít người được chọn. » Những người này được gọi, và theo lời thí-dụ, họ đều vào vườn làm việc và lãnh đơ-ni-ê của mỗi người. Christ nói : Vâng, có nhiều kẻ được gọi, nhưng họ không ra gì, không

hảo-hạng ; họ sẽ không được đơ-ni-ê của họ. Nhiều người được gọi, nhưng ít người hảo-hạng.»

Ngài có gọi chúng ta vào vườn nho không ? Nếu Ngài gọi chúng ta chỉ cần phải lo-lắng một điều. Ấy là phải lo làm công-việc Ngài giao và phần-thưởng chúng ta sẽ tùy-thuộc tấm lòng trung-thành của chúng ta đối với công-việc.

xXx

21. LỜI RỬA-SẢ CÂY VÀ

Ma-thi-ơ 21 : 18-22

B ẦY giờ chúng ta bước vào địa-hạt mới trong lời dạy-dỗ và chức-vụ Chúa Jê-sus suốt cuộc đời Ngài trên đất này. Câu chuyện về cây vả bị rửa-sả cùng những thí-dụ và hình-ảnh thí-dụ khác trong Ma-thi-ơ đã thuật trong những ngày cuối-cùng của Ngài trên thế-gian.

Đây là lúc Ngài vào Giê-ru-sa-lem lần cuối và chúng ta cần biết rằng lời dạy của Ngài thường có tính-cách lên án còn hành-động của Ngài có tính-cách ra lệnh. Lúc này Ngài không hay dạy-dỗ đám đông và đoàn dân theo Ngài nữa, nhưng Ngài hội-họp các môn-đồ lại và dặn-dò những lời cuối-cùng. Hành-động của Ngài bây giờ có tính-cách ra lệnh, những việc làm có thẩm-quyền trọn- vẹn và tuyệt-đối.

Cuộc vào thành Giê-ru-sa-lem về- vang của Chúa Jê-sus thật ra đã tiếp-diễn ba lần trong ba ngày khác nhau. Mặc kệ lại lần vào thứ nhất của Ngài. Đó là nhằm ngày Sa-bát, Ngài vào Đền-thờ, đưa mắt nhìn quanh, không nói gì. Ngài quay lưng rồi ra đi. Qua hôm sau, Chúa-Nhật, tức ngày thứ nhất trong tuần-lễ theo lịch Do-thái, Ngài trở lại, dẹp sạch Đền-thờ. Lần thứ nhất Ngài bước vào, những kẻ buôn-bán không có ở đó. Ấy là ngày Sa-bát. Ngày hôm sau, họ trở lại chỗ cũ, gặp lúc Chúa dẹp sạch Đền-thờ. Rồi qua ngày Thứ Hai, tức ngày thứ nhì trong tuần, Ngài đến lần nữa, và đó là ngày trọng-đại, và cảm-động đã làm xôn-xao dư-luận giữa cấp cai-trị. Chử trọng-đại ở đây được dùng cách thận-trọng và xác-định. Đó là một ngày trọng-đại trên vài phương-diện, không một biến-cổ nào trong suốt cuộc đời Chúa chúng ta có thể so-sánh với ngày hôm ấy. Đó là ngày, dù giữa sự chống nghịch của phe cai-trị các thầy tế-lễ cả, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, Ngài

vấn điềm-nhiên vào Đền-thờ, hội-họp đám người đó lại, buộc họ phải tự xét lấy tình-trạng và tự kết-án sự thất-bại của họ. Đó là tóm-tắt những sự-khien, chi-tiết về những điều chúng ta sẽ đề-cập đến trong những hình-ảnh thí-dụ sau đây. Trong những ngày đó Chúa rửa-sả cây và là điều chắc có tinh-cách thí-dụ và Ngài cũng đã giải-thích thí-dụ ấy. Chúng ta phải đọc cả đoạn, so-sánh với bối-cảnh mới có thể hiểu những điều tôi vừa nêu lên ở trên.

Mở đầu đoạn này, chúng ta thấy Chúa Jêsus lên thành Giê-ru-sa-lem về việc chánh-thức loại bỏ dân-tộc Hê-bơ-rơ; không phải họ loại bỏ Ngài, nhưng là Ngài loại bỏ họ. Nếu chúng ta nghiên-cứu kỹ câu chuyện vào thành ba lần này, chúng ta sẽ thấy mỗi lần Ngài vào với những thăm-quyền khác nhau. Ngài vào như vị Vua, nhà Tiên-tri, thầy Tế-lễ. Suốt câu chuyện, chúng ta thấy địa-vị oai-nghi, rực-rỡ và vinh-hiễn của Chúa Jêsus. Vàng, kẻ thù Ngài đang đứng đó trong bộ áo thụng, mang thẻ kinh, tất cả đều chống-đối Ngài; nhưng Ngài vẫn có vẻ oai-nghiêm đi giữa họ, giao-thiệp với họ cho đến khi bản án cuối-cùng được Ngài tuyên-bố cho toàn dân qua trung-gian cấp cai-trị: «Nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các ngươi, và cho một dân khác là dân sẽ có kết-quả của nước đó.» Như thế, dân-tộc này đã bị cất chức không được giữ vai trò giải-thích và bày-tỏ ý-nghĩa của Nước Đức Chúa Trời nữa. Họ đã bị loại trừ và Nước Đức Chúa Trời đã bị cất khỏi họ, vì họ không đem lại kết-quả. Nước Đức Chúa Trời đã bị cất khỏi họ và trao cho một dân-tộc sẽ mang lại kết-quả của Nước đó.

Sau cuộc vào thành ngày thứ nhất, dọn sạch Đền-thờ ngày thứ hai và đã nghỉ đêm tại Bê-tha-ni, Ngài trở lại Giê-ru-sa-lem và trên đường đi, Ngài đã triết-hạ cây vả.

Hành-động này khiến nhiều người thắc-mắc. Chúng ta

có thể thích-thú thấy người ta bối-rối. Người thường hình như hiểu rõ hơn là những nhà giải kinh — xem qua những bài bình-luận và tìm thấy thắc-mắc này là gì, cũng là một điều thích-thú. Chúng ta cần nhớ đây là phép lạ duy-nhất về sự phán-xét mà Chúa Jêsus thực-hiện. Có lẽ chúng ta sẽ hỏi : Còn về bầy heo bị chết khi chúng từ nơi cao nhào xuống biển thì sao ? Vâng, đúng thế, nhưng trong trường-hợp bầy heo, mục-dịch không phải là phán-xét nhưng là giải-cứu một người. Sự phán-xét đến cách ngẫu-nhiên. Nhưng đây là trường-hợp Chúa Jêsus, đang lúc đi ngang nơi đó, bày-tỏ quyền-năng tiêu-diệt thay vì cứu-rỗi; và đó là trường-hợp duy-nhất được ghi lại. Đây chắc-chắn là một hành-động tượng-trưng, nhất là nếu chúng ta đặt mình vào tâm-trạng các môn-đồ đang cùng đi với Ngài; và với lòng kính-cần, hòa mình trong tâm-trạng của Ngài — khi Ngài triệt-hạ cây vả, hành-động đó mang ý-nghĩa sâu-xa hơn là sự hủy-diệt một thân cây.

Chúng ta hãy quan-sát câu chuyện kỹ hơn một chút theo hai cách, thứ nhất, xét đến những thắc-mắc, sau đó, tìm giá-trị vinh-cửu của hành-động này, dựa trên lời Ngài giải-thích cho môn-đồ.

Có ba thắc-mắc được nêu lên. Trước hết, hành-động này bất công. Mắc cho chúng ta biết : « Bấy giờ không phải mùa vả. » Người ta vịn vào câu này và bảo đây không phải mùa vả, hủy-diệt cây vả vì nó không có trái là một hành-động bất-công.

Sau nữa, có người phản-đối, cho đây là một hành-động giận-dữ vì lúc ấy Ngài đói. Ngài đói mà cây vả không có trái; cho nên giận quá Ngài dùng quyền-năng đánh ngã cây vả và tiêu-hủy nó. Thật buồn cười có người cho việc làm này sai-lầm. Nhưng nếu họ không biết Chúa Jêsus, làm sao họ biết là sai-lầm được ! Chỉ ai đã biết lòng và tâm-trí Chúa Jêsus mới có lý-do phản-đối. Thế nhưng

vấn có phản-đối.

Phản-đối thứ ba là hành-động hủy-diệt cây vả này không hòa-hợp với những phương-cách Ngài đã thực-hiện trước đây.

Chúng ta không cần phải dừng lại lâu về vấn-đề chống-đối. Trước hết, hãy xét đến lời kết-án về sự bất-công. Chúng ta biết gì về những cây vả ở đây. Mùa vả ở Đông-phương thường là vào tháng sáu và tôi tưởng chẳng cần phải lý-luận, lời rủa-sả này xảy ra vào tháng tư; cho nên Mác bảo bảy giờ không phải mùa vả, không phải giữa mùa vả. Nhưng cũng có một số cây vả có trái chín trước mùa vả. Trong lời tiên-tri Ê-sai, ở đoạn hai mươi tám mô-tả sự hoang-vu sắp đến, tác-giả viết: « Mào triều-thiên kiều-ngạo của những bọm rượu Ép-ra-im sẽ bị giầy-dạp dưới chơn; cái hoa chóng tàn làm đồ trang-sức đẹp nhất dân ấy, đóng trại nơi trũng màu-mỡ, cũng sẽ giống như trái vả chín trước mùa hè: "Người ta thấy nó, vừa mới vào tay thì đã nứt." Đây là một lời ám-chỉ về một sự-kiện trong thiên-nhiên mà mọi người trong xứ đó đều quen-thuộc. Có vài cây vả, trái chín trước mùa hạ tức mùa vả; và cây nào như thế, thì không có lá vì cây vừa mới nứt mầm. Trái vả mọc trên thân và cành cây trước khi lá xuất-hiện.

Khi Chúa Jêsus đến gần cây vả này, Ngài chỉ thấy toàn lá. Đáng lẽ nó phải trụi lá. Nó phát-triển sai-lầm, chỉ có lá mà không có trái. Đây là một cây phát-triển trái lẽ. Lá nhiều chứng tỏ có trái, nhưng chẳng có trái nào cả. Cây này mọc bên đường lúc họ đi qua. Chúa Jêsus, lúc ấy đang đói, bước lại gần xem-xét. Lá đã mọc đầy trước mùa nhưng không có trái; bề ngoài có vẻ phát-triển nhưng thật không có kết-quả. Và lời phán của Chúa nhấn mạnh tình-trạng đó: « Mày chẳng khi nào sanh trái nữa; » và bởi thẩm-quyền của lời phán đó, cây vả liền khô-héo ngay. Như

thể đủ để giải-quyết vấn-đề bất-công. Cây vả bị rửa-sả và hủy-diệt chính vì nó không đem kết-quả.

Về quan-niệm cho rằng Ngài giận-dữ thì sao ? Trong suốt câu chuyện không hề có một dấu-hiệu gì về thù-oán cá-nhân. Chú-ý kỹ, đây là một vấn-đề đơn-giản nhưng rất quan-trọng. Môn-đồ không hề kinh-ngạc trước sở-phận cây vả. Họ chỉ kinh-ngạc vì tính-cách thịnh-linh, chớp-nhoáng. Chỉ điều đó làm họ sửng-sò mà thôi. Họ không đề-nghị hủy-phá cây vả ; nhưng khi lời Chúa vừa phán ra, lá nó liền héo-xào và cây khô ngay. Chính tốc-độ của sự-kiện khiến môn-đồ kinh-ngạc. Câu chuyện không hề nêu sự thù-oán của Chúa Jêsus nhưng có nhắc đến sự kinh-ngạc của môn-đồ. Cây vả là một khuyết-điểm, một thất-bại ; nhưng môn-đồ ngạc-nhiên về bản án chớp-nhoáng ấy.

Lại nữa, có người cho hành-động hủy-phá cây vả không hợp với cách-thức của Chúa Jêsus. Chúng ta hãy nghĩ lại trước khi nói câu này. Nhiều người nghĩ rằng Chúa phải là Chúa Jêsus nhu-mỉ và khiêm-nhường. Ngài nhu-mỉ thật, vì Ngài bảo thế. Ngài khiêm-nhường thật vì Ngài vẫn tự xưng như vậy. Nhưng Ngài còn hơn thế nhiều. Ngài oai-nghi, một vẻ oai-nghi khiến chúng ta khiếp-sợ khi càng lại gần Ngài, và cơn giận Ngài kinh-khiếp khi bùng cháy thành những hàng chữ có thể đốt cháy chúng ta suốt hai ngàn năm nay khi chúng ta đọc đến. Chúng ta còn nhớ khi Ngài đọc những lời này về chính mình Ngài, tại nhà hội ở Na-xa-rét : « Thần của Chúa ngự-trị trên ta... » Chúng ta tất cả đều chú-ý chỗ Ngài dùng câu. Ngài kết-thúc với những chữ « để đồn ra năm lành của Chúa. » Rồi Ngài xếp sách lại, ngồi xuống. Câu tiếp theo là gì ? « Ngày báo-thù của Đức Chúa Trời chúng ta. » Đó là toàn-thề lời tiên-tri về Ngài. Thần của Chúa ngự trên Ngài để rao-truyền năm lành của Chúa và ngày báo-thù của Đức Chúa Trời chúng ta. Ngày báo-thù ấy chưa đến. Nó sẽ đến.

Một số trong chúng ta dường như nhìn thấy mây đang cuốn trời. Ngày báo-thù đang đến. Nhưng trong phương-cách của Đấng Christ, không những chỉ có năm lành của Chúa mà còn có ngày báo-thù nữa.

Lấy một thí-dụ khác trong Ma-thi-ơ, có lời chép về Ngài : « Người sẽ chẳng bẻ cây gậy đã gãy, chẳng tắt ngọn đèn gần tàn » và chúng ta thường lấy câu đó để minh-chứng cách thức dịu-dàng của Ngài. Chúng ta không được phép làm như vậy. Hãy trích cho đầy-đủ câu trên.

« Người sẽ chẳng bẻ cây gậy đã gãy, chẳng tắt ngọn đèn gần tàn, cho đến chừng nào người khiến sự công-bình được thẳng. » Năm lành của Đức Chúa Trời là ngày ân-diên của Ngài. Còn ngày báo-thù là ngày Ngài sẽ bẻ cây gậy đã gãy và tắt ngọn đèn gần tàn. Đừng nghĩ sai về cách-thức của Chúa Jêsus khi Ngài rửa-sả cây vả, trong một lúc nào đó môn-đồ nghĩ đó là một hành-động báo-thù của Chúa Jêsus trong địa-hạt vật-chất.

Hành-động đó có nghĩa gì ? Chúng ta cần xem cả đoạn và trước hết, để ý đến hoàn-cảnh của Ngài ở đây. Buổi sáng, Ngài trở lại thành và « Ngài đói. » Làm sao chúng ta cắt nghĩa sự-kiện này ? Ngài đã ở Bê-tha-ni, không hẳn là ở ngay trong thành Bê-tha-ni, nhưng trong vùng phụ-cận. Suốt tuần-lễ cuối-cùng của cuộc đời Ngài, Chúa chúng ta không bao giờ ngủ tại Giê-ru-sa-lem. Ngài liên-tiếp lên đó mấy ngày liền, nhưng đến đêm Ngài rời thành đi riêng một mình. Ma-thê, Ma-ri và La-xa-rô ở Bê-tha-ni, và chúng ta khó có thể tin rằng Ngài chịu đói rời khỏi gia-đình hiếu-khách ấy.

Tuy-nhiên tôi nghĩ là Ngài đói về thể-xác và đó là dấu-hiệu sự đói-khát sâu-xa hơn đang chiếm-hữu Ngài, tức là đói khát làm theo ý muốn Đức Chúa Trời, đói-khát cứu-chuộc nhân-loại vâng, chúng ta hãy nói quả-quyết, đó là ước-

vọng, đói-khát về thập-tự của Ngài. Ngài biết rõ thất-bại của dân-tộc và lý-do họ thất-bại. Ngài biết bây giờ họ có vẻ như một cây vả tốt tươi — dùng theo một trong những hình-ảnh tượng-trưng chỉ về dân-tộc đó — nhưng Ngài cũng biết rằng trên thân cây cành lá sum-suê đó, không có một quả nào. Ngài đói, đói về những điều của Đức Chúa Trời, đói-khát được hoàn-tất mục-dích của Đức Chúa Trời. Đói khát về thể-xác có thật đấy, nhưng trong Bản-thể hiệp một toàn-vẹn của Ngài, sự đói khát về thể-xác là tượng-trưng thiêng-liêng của đói khát tâm-linh.

Ngài gặp cây vả, thấy nó thiếu-sót không tượng-tượng được nên Ngài rửa-sả và hủy-diệt nó. Ngài làm một việc kỳ-lạ — kỳ-lạ sao? Vâng, thật là kỳ-lạ. Tôi trở lại một lần nữa tới Ê-sai đoạn hai mươi tám câu hai mươi mốt. Tiên-tri vẫn đang nói về những án-phạt, bảo rằng : « Vì Đức Giê-hô-va sẽ dấy lên ở núi Phê-ra-xim, Ngài nổi giận như tại trũng Ga-ba-ôn ; dựng làm việc Ngài, là việc khác thường, và làm công Ngài, là công lạ-lùng. » Cái gì? Đoán-phạt, tiêu-diệt, công-việc khác thường của Đức Chúa Trời. Đó là một cái gì lạ thường đối với khát-vọng và tấm lòng của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời không muốn một tội-nhân nào chết mất. Nhưng điều đó vẫn không tha chết cho linh-hồn nào thất-bại. « Hành-động khác thường của Ngài. » Chúa Jê-sus đang lên thành Giê-ru-sa-lem trong cuộc hành-trình cuối-cùng của Ngài, rồi gặp một cây giả-tạo, dấu-hiệu của dân-tộc ; và Ngài hành-động cách khác thường. Ngài đang tiếp-tục đoán-xét toàn thể quốc-gia như chúng ta sẽ thấy rõ hơn trong hai thí-dụ sau.

Hãy xem lại và nhớ rằng khi Ngài làm xong hành-động đó thì môn-đồ hỏi Ngài : « Có sao trong giây-phút mà cây vả liền khô đi vậy? » Lưu-ý, không phải : Tại sao Thầy làm thế? Nhưng mà : Điều gì đã đưa kết-quả đến nhanh như thế?

Chúa không trả lời câu hỏi đó. Ngài không cho họ biết Ngài làm thế nào, nhưng cho họ biết tại sao Ngài làm và Ngài bày-tỏ nguyên-tắc đã được chứng-minh qua hành-động phá-hoại này :

« Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, nếu các ngươi có đức-tin và không nghi-ngờ chi hết, thì chẳng những các ngươi làm được điều đã làm cho cây vả mà thôi, song dầu các ngươi biểu hòn núi này rằng : Hãy cất mình lên và quảng xuống biển, điều đó cũng sẽ làm được. Trong khi cầu-nguyện, các ngươi lấy đức-tin xin việc gì bất-kỳ, thấy đều được cả. »

Chúng ta thắc-mắc : Câu này có liên-quan gì đến vấn-đề trên ? Nó cho ta biết lý-do sự thất-bại của dân-tộc. Bây giờ Ngài đã đi xa cây vả. Cây vẫn đứng đó, héo xài, khô cứng, điều-tàn ; vì khoác một bộ dạng giả-tạo phần lại bản-chất thực trong nó. Cây vẫn còn đó, và trong khi các môn-đồ thắc-mắc về quyền-năng khiến sự phá-hoại đến chớp-nhoáng như thế, Chúa Jêsus đem họ vào trung-tâm vấn-đề Ngài đang đối-diện. Vấn-đề ấy là gì ? Tại sao dân-tộc này thất-bại ? Vì thiếu đức-tin nơi Đức Chúa Trời — Ngài dùng những lời đơn-sơ nhưng cao-siêu cho họ biết rằng nếu họ có đức-tin và không nghi-ngờ, thì không phải chỉ cây vả khô nhưng một ngọn núi trước mặt họ, đang ngăn-cản sự tiến-triển, cũng có thể bị dời xuống biển ngay : « Trong khi cầu-nguyện, các ngươi lấy đức-tin xin việc gì bất-kỳ thấy đều được cả. »

Rồi Ngài cho biết nguyên-tắc. Thiếu đức-tin, dân-tộc bị tiêu-diệt, dù về bên ngoài như đang sống. Có đức-tin, dù mọi sự dường như chống-ngịch, chúng có thể biến thành quyền-năng. Sự rửa-sả và hủy-diệt cây vả là một hành-động thí-dụ và tượng-trưng đã được Chúa giải-thích cho chúng ta.

Khi suy-gẫm về câu chuyện này, chúng ta cảm-xúc trước sự hiệp-nhất tuyệt-đối giữa Đấng Christ với Đức Chúa Trời; và chúng ta thấy chức-vụ thương-xót của Ngài hòa-lẫn với chức-vụ phán-xét. Nhưng nhờ sự thương-xót, sự đoán-xét ấy mới được thực-hiện công-bình hơn hết. Quyền-năng mà kẻ theo Ngài cần có để loại trừ những chướng-ngại đang nằm trên con đường Đức Chúa Trời thực-hiện Nước của Ngài, ấy là đức-tin. Những con người của đức-tin cộng-tác với Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời hành-động qua những con người của đức-tin.

XXx

22. HAI NGƯỜI CON TRAI VÀ BỌN

TRỒNG NHỒ

Ma-thi-ơ 21 : 28-44

CH ỨNG ta thấy thí-dụ phép lạ về cây vả bị rửa-sả có tính-cách buộc tội và lên án. Đoạn này chép hai thí-dụ kể trong ngày Chúa Jêsus vào thành Giê-ru-sa-lem lần thứ ba. Ngài đã vào thành như một vị Vua, đã đưa mắt nhìn quanh mọi vật, rồi quay lưng bỏ đi. Ngài đã vào thành như thầy tế-lễ và dọn sạch Đền-thờ, trong khoảng thời-gian rất ngắn đã trả nó về với địa-vị đúng theo chương-trình của Đức Chúa Trời. Lần này, Ngài đến như là Đại Tiên-tri, theo sứ-diệp của Đức Chúa Trời, và là sứ-diệp có tính-cách pháp-luật. Đó là mục-đích Ngài đến.

Đây là những điềm cần được nhấn mạnh, vì chúng ta phải tránh lối suy-nghĩ sai đối với những sự-khiến sau cùng trong cuộc đời của Chúa chúng ta. Chúng ta có thể, và có lẽ là điều dĩ-nhiên, nghĩ rằng Ngài bị quân thù bao vây, tóm-tắt và giết chết. Quan-điểm đó hoàn-toàn sai-lầm. Trong lịch-sử nhân-loại, không hề có ai ít bị kẻ thù bao vây hơn Chúa Jêsus.

Câu chuyện này mở đầu trong đoạn này đặc-biệt chứng-minh điều đó. Trong mọi nền văn-chương, không có một đoạn nào có tính-cách bi-đát hơn đoạn này. Đứng trên quan-điểm của các thiên-sứ quan-sát và từ cái nhìn của Thiên-đàng, chúng ta nhìn thấy một điều kỳ-lạ hơn hết. Chúng ta thấy Ngài đi lên thành, hội-hợp các người cai-trị đã hoàn-toàn thất-bại trong chương-trình của Đức Chúa Trời; và buộc họ tự-xét lối cư-xử và tự kết án cân-xứng với kết-quả họ vừa tìm thấy. Để thực-hiện điều đó, Ngài kể cho họ

vài câu chuyện và hỏi ý-kiến họ về những câu chuyện ấy.

Trước hết Ngài mở đầu : « Các người nghĩ làm sao ? » Rồi Ngài kể một câu chuyện, hỏi ý-kiến họ và họ đã phát-biểu ý-kiến rất đúng. Ngài lại kể một câu chuyện khác, lại hỏi ý-kiến họ, và họ cũng phát-biểu hoàn-toàn đúng. Như thế, với bàn tay một người chủ, và với lối dùng thí-dụ đơn-sơ, Ngài đã đụng đến những gì sâu-thẳm nhất trong nếp sống mấy người này, và họ đã tự nhận có tội, đã chọn lấy án-phạt mà không hay biết mình đang làm gì cho đến khi Ngài kể trong câu chuyện. Lúc ấy họ mới biết là Ngài nói về họ.

Ở đây có hai thí-dụ, một về hai người con trai và một về bọn trẻ nhỏ. Cả hai thí-dụ này luận về đề-tài gì ? Câu được chép trước hai thí-dụ này, như sau : « Đức Chúa Jê-sus vào Đền-thờ rồi, đương giảng đạo, có các thầy tế-lễ cả và các trưởng-lão trong dân đến mà hỏi rằng : Bởi quyền-phép nào mà thầy làm những sự này, và ai đã cho Thầy quyền-phép ấy ? »

Đó là câu thách-đố của những kẻ cai-trị dân-chúng. Sự chống-đối của họ tăng dần, nó khởi đầu từ lúc Ngài bắt tay vào chức-vụ và mỗi ngày một mãnh-liệt hơn và do vài sự việc xảy ra ngày hôm trước. Ngài dọn sạch Đền-thờ, đuổi kẻ buôn-bán, can-thiệp vào những quyền-lợi do cấp cai-trị dành cho họ ; và hôm nay họ đến gặp Ngài. Đây không phải là một câu hỏi tình-cờ do một người trong bọn nêu lên. Câu hỏi này được chính-thức đặt ra từ trước. Họ hỏi Ngài hai câu. Đó là hai câu nào ? « Bởi quyền-phép nào mà Thầy làm những sự này ? » và « ai đã cho Thầy quyền-phép ấy ? » Theo sát nghĩa từng chữ, câu hỏi thứ nhất là : Thầy làm những sự này với thẩm-quyền nào ? và câu thứ hai : Ai cho Thầy thẩm-quyền ấy ? Đây là một thách-thức trực-tiếp của giới thẩm-quyền hỏi về thẩm-quyền của Chúa Jê-sus.

Tuy không bàn-luận về vấn-đề này, chúng ta cũng cần

tìm hiểu bối-cảnh để xem vấn-đề đưa đến đâu. Lúc ấy Chúa hỏi lại họ một câu: « Ta cũng sẽ hỏi các ngươi một điều. » Họ hỏi Ngài hai câu. « Ta cũng sẽ hỏi các ngươi một điều, nếu trả lời được, thì Ta cũng sẽ nói cho các ngươi bởi quyền-phép nào mà Ta đã làm những việc đó. Phép Báp-têm của Giăng bởi đâu? bởi trên trời hay là bởi người ta. »

Hãy xem câu hỏi này. Họ hỏi Ngài về thẩm-quyền. Ngài kéo họ về với chức-vụ đầy quyền-năng kia, với những ảnh-hưởng quá quen-thuộc với họ, chức-vụ của Giăng. Cũng như Ngài, họ biết rằng chức-vụ Giăng đạt đến điểm cao nhất về việc báo trước sự đến của Đấng Mê-si. Từng đoàn dân đông đã nghe người, đã nghe Giăng nói khi người chỉ vì chính Jê-sus này, bảo rằng: « Kia, Chiên Con của Đức Chúa Trời. » Bây giờ, Chúa Jê-sus hỏi: chức-vụ giảng đạo và phép báp-têm của Giăng có bởi quyền-phép từ trời hay không? Hay là do loài người?

Họ bị đặt vào tình-trạng khó xử. Nếu họ nói: Bởi trên trời thì câu họ hỏi Chúa Jê-sus đã được giải-đáp. Nếu Giăng rao-giảng đúng khi bảo Ngài là Đấng Mê-si thì thẩm-quyền của Chúa Jê-sus phải từ trời đến, vậy còn hỏi về thẩm-quyền Ngài làm gì? Hãy chú-ý lời bàn của họ ở đây. Họ không thấy ý-nghĩa bao-hàm trong câu hỏi. Họ bắt đầu bàn-luận với nhau: Nếu chúng ta đáp rằng: Bởi trên trời, thì Ngài sẽ nói với ta: Vậy sao không tin lời Ta. Còn nếu đáp rằng: Bởi người ta thì chúng ta sợ thiên-hạ, vì thiên-hạ đều cho Giăng là Đấng tiên-tri. Họ lý-luận sai. Họ không nắm được điểm chính của câu hỏi. Họ chỉ lo-lắng làm sao cho hợp với ý-kiến quần chúng. Nếu họ chấp-nhận thẩm-quyền của Giăng đến từ trời thì Chúa Jê-sus sẽ hỏi họ tại sao không tin Ngài. Chúng ta thấy được sự tranh-luận của họ ở đây. Họ không tin và biết trước Ngài sẽ hỏi họ vì sao không tin. Tuy nhiên, nếu họ muốn nói đều mình muốn nói, tức là thẩm-quyền Ngài do loài người mà đến, thì cả đoàn dân sẽ chống-đối họ.

Vì thế, chúng ta thấy họ dừng lại giữa hai điểm tùy cơ và tùy tiện này; và bất cứ khi nào con người dừng lại tại đó, mà không ăn-năn, thì số-phận đen tối và nguy-hại sẽ đổ trên người.

Sau đó Chúa kể cho họ hai thí-dụ, mỗi thí-dụ phỏng theo bài ca của Ê-sai trong đoạn năm: « Ta sẽ hát cho bạn rất yêu-dấu ta một bài ca của bạn yêu-dấu ta về việc vườn nho người. Bạn rất yêu-dấu ta có một vườn nho ở trên gò đất tốt. » Mọi người đều biết bài ca này của Ê-sai. Họ rất quen-thuộc với lời ca đó và Chúa Jê-sus đã kể hai thí-dụ dựa trên bài hát xưa này với lối kể chuyện rất đặc-biệt.

Chúng ta hãy xem thí-dụ thứ nhất. Câu chuyện kể lại hai người con trai, sau đó Ngài hỏi ý-kiến họ về câu chuyện. Nếu suy-nghĩ kỹ, chúng ta sẽ thấy chuyện này lên án cách-thức làm việc của họ. Còn thí-dụ thứ hai, về những kẻ trồng nho, lên án những động-lực của họ.

Hình-ảnh được dùng ở đây là hai người con trai được lệnh đi làm trong vườn nho. Một người nói: Tôi không muốn đi, nhưng sau đó ăn-năn rồi đi. Người kia nói: « Thưa ông, tôi đi » (theo bản Anh-ngữ) Thật ra trong bản Hi-lạp, không có chữ « đi. » Thiếu chữ này, câu nói có vẻ lạ tai nhưng thật ra đó là một cách nhấn mạnh chữ « tôi. » « Thưa ông, tôi, » bức tranh vẽ ra hai người con trai đứng trước mặt chủ vườn nho; chủ nói với người này: Hãy ra làm vườn nho ta, và người đáp: Tôi không muốn đi; với người kia chủ cũng yêu-cầu như thế và người đáp: Thưa ông, tôi. » Người này trưng-phản với người trả lời không muốn đi. Đó là quyết-định của người. Chắc-chắn tôi sẽ đi ông ạ. « Thưa ông, tôi. »

Chúng ta đã rõ kết-cuộc ra sao. Người nói: « Tôi không muốn đi » đã ăn-năn và chữ ăn-năn ở đây có nghĩa sâu xa hơn một sự đổi ý. Nó có nghĩa buồn-rầu. Người này cảm thấy hối-hận. Người suy-nghĩ kỹ vấn-đề, đi ra, làm công-việc

minh. Còn người kia đã cương-quyết, muốn hành-động tương-phản với anh em mình, nhưng lại không đi. Chúa Jêsus nói, đó là câu chuyện. Ai là con trai thật của người cha này ? Ai đã làm theo ý-muốn cha ? Họ đáp, người thứ nhất. Vâng, họ biết, họ đồng ý ; và họ hoàn-toàn có lý.

Tiếp đó Chúa nêu ra một ứng-dụng đặc-biệt. Ngài đưa họ trở về với Giăng. Trước đó, Ngài đã hỏi họ về phép báp-têm và chức-vụ của Giăng cùng thẩm-quyền của người. Ta đã hỏi các người, chức-vụ của Giăng do từ trời hay bởi người ta, và các người đã trả lời là không biết. Khám phá cuối cùng của họ ấy là : « Chúng tôi không biết. » Chúng ta hãy nhìn lại và xem một mặt là kẻ thu-thuế, tội-nhân, dám đồng-phản-ngịch ; và mặt khác là chính kẻ cai-trị này, tự xưng trung-thành với Đức Chúa Trời. Hai người con trai — những kẻ thu-thuế, phường điếm-đi cùng kẻ phản-ngịch nói : Chúng tôi không muốn đi ; chúng tôi không đầu-phục Đức Chúa Trời. Bọn cai-trị nói : *Chúng tôi sẽ đầu-phục Đức Chúa Trời.* Chúng ta còn nhớ lời cầu-nguyện trong Đền-thờ : Lay Đức Chúa Trời tôi cảm ơn Ngài vì tôi không như những người khác, hay như người thu thuế này !

Chúa Jêsus nói : Qua lời giảng dạy của Giăng, kẻ thu thuế và phường điếm-đi đã ăn-năn ; họ tin. Còn các người là kẻ cai-trị không tin, nhưng lại từ-chối những dấu-hiệu của kẻ thu thuế và phường điếm-đi là những kẻ đã tin và làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Những kẻ bị bỏ rơi, kẻ thu thuế, phường điếm-đi, kẻ chống nghịch này trước kia vốn coi rẻ Đức Chúa Trời, bảo rằng không muốn vâng lời Ngài nhưng đã ăn-năn và vâng-phục. Còn các người là kẻ mặc áo thụng, đọc kinh xưng tội, thề-nguyện trung-thành nhưng lại không làm theo ý muốn Đức Chúa Trời. Như thế, Chúa

buộc họ phải kết-án chính họ.

Chúng ta biết, đây vẫn là sự thật muôn đời. Kẻ thù thuê, say sưa, điếm-đi, truy-lạc biết ăn-năn trở lại cùng Đức Chúa Trời làm con trai Đức Chúa Trời, con-cái Ngài, dụng-cụ trong tay Ngài. Còn những kẻ xưng Danh, mang dấu-hiệu nhưng bất tuân và chống-nghịch trong mọi vấn-đề sâu-xa của đời sống, đều không phải là con-cái Đức Chúa Trời, chẳng phải là con trai của Ngài.

Nhưng Ngài chưa chấm dứt tại đây. Đã kết-án cách-thức sống của họ xong, bây giờ Ngài đề-cập đến những đồng-lực của họ, và một lần nữa, hình-ảnh ở đây cũng rất quen-thuộc. Một người chủ nhà trồng một vườn nho. Chú-ý những chữ dùng ở đây, Ngài vẫn trích lời của Ê-sai. Người chủ « rào chung quanh, ở trong đào một cái hầm ép rượu, và cất một cái tháp. » Đó cách tốt đẹp nhất của người chủ đề xử-dụng trái sẽ hái trong vườn nho ; và những kẻ trồng nho là đám người có trách-nhiệm phải trồng-tĩa cây nho và vườn nho để có đủ trái đáp-ứng chính đòi-hỏi của người chủ. Đó là trách-nhiệm của họ.

Ngài phán, nhưng đến mùa hái trái, chủ sai đầy-tớ, nô-lệ cùng sứ-giả đến hái trái thì bọn trồng nho này ném đá họ và giết họ. Rồi chủ sai những người khác ra theo, kết cuộc cũng như trước. Cuối-cùng — và lời từ miệng của chính mình Chúa Jêsus này há chẳng đầy quyền-năng mạnh-mẽ, vi-đại sao ? — Cuối cùng người sai chính con trai mình vào vườn, « Nhưng khi bọn trồng nho thấy con đó, thì nói với nhau rằng : Người này là kẻ kế-tự đây ; hê ! hãy giết nó đi và chiếm lấy phần gia-tài nó. Họ bèn bắt con ấy, quăng ra ngoài vườn nho, và giết đi. » Đó là câu chuyện.

Vậy khi người chủ vườn nho đến, thì sẽ xử với bọn

làm vườn ấy thế nào ? » Một lần nữa, câu chuyện gây phản-ứng mạnh-mẽ trong họ, khiến họ quên mỗi chống-ngịch với Chúa Jêsus. Họ nhìn thấy lẽ thật và hăng-hái trả lời ngay : « Người chủ sẽ diệt đồ hung-ác ấy cách khỗ-sở, và cho bọn trồng nho khác vườn ấy, là kẻ sẽ nộp hoa-lợi lúc đến mùa. » Chính họ đã tự kết-án lấy. Chính họ cai-trị dân-chúng qua hàng thế-kỷ đã kế-tiếp nhau không chịu giao lại trái trong vườn nho, cho nên không thể nào tránh bản án được.

Đề tìm lời giải-thích tiêm-àn trong câu-chuyện này, chúng ta hãy trở lại với Ê-sai, Vườn nho ở đây thay vì kết-quả nho thật lại sanh nho hoang và tác-giả giải-thích bài ca như sau : « Vả, vườn nho của Đức Giê-hô-va vạn quân, ấy là nhà Y-sơ-ra-ên, và những người của Giu-đa tức là cây mà Ngài ưa-thích. Ngài trông họ được công-chính, mà này, có sự bạo-ngược ; trông được công-bình mà này, có tiếng kêu-la. »

Trong Cựu-ước, Ê-sai cho chúng ta biết loại trái mà Đức Chúa Trời chờ đợi dân-tộc Ngài kết-quả. Họ phải mang công-lý và công-bình cho thế-gian này, thế nhưng họ lại gây áp-bức và tiếng kêu la của kẻ bị áp-bức. Đó là việc làm của đám người đang nghe câu chuyện ở đây ; và chế-độ cai-trị dân-sự sai-lầm của họ đã lên đến cực-điểm trong trường-hợp họ đối-xử với Con Đức Chúa Trời. Ngài biết trước việc họ sắp làm. Họ sẽ ném Ngài ra ngoài và giết Ngài.

Khi họ đã tự đoán-xét và kết-án chính mình xong, Ngài mới lên án họ. Bản án này chép trong câu bốn mươi ba. Trước hết Ngài trích một câu Kinh-thánh nói về hòn Đá bị loại trở nên Đá góc nhà. Ngài tuyên-bố bản-án trực-xuất hoàn-toàn và tuyệt-đối toàn thể dân Hy-bá-lai : « Bởi

vậy, Ta phán cùng các người, nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các người, và cho một dân khác là dân sẽ có kết-quả của nước đó. Kẻ nào rơi trên hòn đá ấy sẽ bị giập-nát ; còn kẻ nào bị đá ấy rớt nhằm thì sẽ tan-tành như bụi.» Đó là bản án.

Điều rất hay ở đây là Ngài buộc họ tự đoán-xét và tự tạo bản án cho họ. Những kẻ không coi sóc vườn nho của Chúa về kết-quả như ý Đức Chúa Trời mong muốn, những kẻ đã nói : Tôi đi rồi lại không đi, những kẻ ném đá các tiên-tri cùng những người được sai đến với họ, và hiện nay lại đang sửa-soạn ném Con trai Đức Chúa Trời ra ngoài và giết đi — chỉ có một cách trừng-trị ấy là họ sẽ bị hủy-diệt đau-đớn và vườn nho sẽ được lấy lại giao cho người khác. Quyết-định này đã được Chúa lập lại khi Ngài tuyên-bổ bản án ghê-rợn sẽ trục-xuất họ.

Những thí-dụ này và mấy thí-dụ sau, bày-tỏ thẩm-quyền của Vua. Thẩm-quyền này đã được minh-chứng qua một loạt từ sự hoàn-tất chức-vụ Ngài, sự mặc-khải lẽ thật, sự nhận-biết quyền Thiên-thượng, cho đến sự lập lại một trật-tự đã mất của Ngài. Đó là mục-đích Ngài hiện-diện ở thế-gian này. Đối với những kẻ không tin thì không có một lý-luận nào thuyết-phục họ được. Nếu họ không sẵn sàng thành-thật đối-diện với sự thật bằng phép báp-têm của Giăng do từ trời và do đó lời chứng của người về Jêsus đã minh-chứng được thẩm-quyền của Chúa Jêsus, thì không còn nói gì với họ được nữa. Đối với những kẻ không thành-thật, thì không thể dùng lý-luận, và những ai từ-chối những chứng-cớ giản-dị, hiển-nhiên và rõ-ràng đến thế, sẽ bị khai-trừ.

Khi những kẻ cai-trị khám-phá ý-định của Chúa Jêsus qua những câu chuyện này, họ giận Ngài đến cực-độ. Vì thế chúng ta thấy đặc-ân xưa kia trở nên vô-ích khi tách

rời khỏi trách-nhiệm hiện tại của kẻ được hưởng. Lời dạy mới-mẻ của Vua ở đây đưa chúng ta trở về với mục-dịch ý-định nguyên-thủy và Ngài cũng cho ta thấy sự thất-bại khi-của số người cai-trị dân, rồi tuyên-bố rằng sẽ có một dân khác không thất-bại như họ, nhưng sẽ đem lại công-lý và công-nghĩa mà Đức Chúa Trời hằng mong tìm thấy trong vườn nho Ngài.

xXx

23. TIỆC CƯỚI

Ma-thi-ơ 22 : 1-14

CÓ một liên-hệ mật - thiết giữa câu bốn mươi ba của đoạn trước với thí-dụ này. Câu đó chép : « Nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các người và cho một dân khác là dân sẽ có kết-quả của nước đó. » Đoạn này mở đầu : « Đức Chúa Jê-sus đáp và lại phán ví-dụ cùng chúng nữa, rằng : Nước Thiên-đàng giống như một vua kia làm tiệc cưới. » Mỗi liên-hệ giữa hai câu này giúp chúng ta thấy rõ ý nghĩa điều Ngài muốn nói và khám-phá được ứng-dụng sâu-xa, có lẽ sâu-xa hơn chúng ta vẫn thường nghĩ.

Đoạn này mở đầu hơi khác thường. Câu đầu chép : « Đức Chúa Jê-sus đáp » (theo bản Anh-ngữ) Đáp gì ? Có ai hỏi Ngài câu nào đâu. Thế nhưng Ma-thi-ơ chép : « Chúa Jê-sus đáp. » Một lần nữa, chúng ta lùi lại xem mấy câu cuối của đoạn trước. Câu bốn mươi bốn chép : « kẻ nào rơi trên hòn đá ấy sẽ bị giập nát, còn kẻ nào bị đá ấy rớt nhằm thì sẽ tan-tành như bụi. » Các thầy tế-lễ cả và người Pha-ri-si nghe những lời ví-dụ đó thì biết Ngài nói về mình. Họ bèn tìm cách để bắt Ngài, song sợ thiên-hạ vì thiên-hạ tôn Ngài là Đấng tiên-tri. Và Chúa Jê-sus đáp, nghĩa là, Ngài đáp lại thái-độ của họ, đáp câu hỏi trong trí họ, mà lúc này đã là một niềm xác-tin, có lẽ mới thành-hình bất-ngờ trong họ.

Chúa đã nói hai thí-dụ về mấy người con trai và về vườn nho ; họ đã cho biết ý-kiến về hai câu chuyện đó và đồng thời đã tự xét-đoán và lên án chính mình. Bỗng-nhiên họ sực tỉnh nhận biết việc mình đang làm, tức-giận quá và muốn giết Ngài. Và Chúa đáp lại. Đó là kết-quả sự suy-nghĩ của họ. Đó là lời giải-đáp cho thái-độ của kẻ thù Ngài, của những

kể cai-trị mà lúc này Ngài đến Giê-ru-sa-lem để kết-án.

Đây là những ngày cuối-cùng của Chúa trên đất và những thí-dụ này đều hướng về điểm đó. Đây là ngày thứ ba, Ngài vào Đền-thờ như một Tiên-tri lớn của Đức Chúa Trời, một vị Vua, và là Tiên-tri oai-nghi sống giữa dân-chúng. Hai thí-dụ chúng ta vừa đề-cập ở trên, nói về trách-nhiệm. Ở đây Ngài kể một thí-dụ nói về đặc-ân. Trong hai thí-dụ trước, nhân-vật chính là bọn lao-công và vườn nho là bối-cảnh. Bây giờ nhân-vật sẽ là những khách được mời và bối-cảnh là một tiệc cưới. Trong hai thí-dụ trước, có hai điều-răn buộc con người phải giữ. Trong thí-dụ này con người được mời gọi đến nhận một sự tiếp-đãi nồng-hậu. Như thế, dù những thí-dụ này có liên-quan với nhau, nhưng vẫn có sự khác-biệt ở điểm đó.

Vì đã dùng thí-dụ nói về vấn-đề trách-nhiệm của những kẻ cai-trị và do đó, của cả dân-tộc, nên bây giờ Ngài muốn nói thí-dụ, cũng với bọn người đã nghe lúc nãy, về thái-độ từ-khước lời mời mà Ngài đã gặp trong cuộc đời chức-vụ của Ngài. Đi xa hơn nữa, chúng ta sẽ thấy được cách cấu-tạo mười bốn câu này khi đọc qua một lượt. Thí-dụ Ngài kể ở đây rất đặc-biệt, có tính cách dự-đoán. Ngài nhìn qua một lượt chức-vụ của Ngài, chức-vụ mà các đầy-tớ Ngài phải tiếp-tục đến ngày tận-thế. Nếu nghiên-cứu kỹ thí-dụ này, chúng ta sẽ thấy rõ điều đó. Trong thí-dụ này có ba lời mời. Tiệc cưới là bối-cảnh mọi người được mời vào dự và có ba lời mời khác nhau.

Lời mời thứ nhất được ghi trong câu hai và ba. Lời mời được công-bố như kẻ được mời không đến. Trong lời mời thứ hai (câu bốn đến bảy,) tiếng kêu-gọi được nhắc lại nhưng bị chống-đối lạnh-nhạt. Lời mời thứ ba, bắt đầu từ: «Đoạn, vua phán cùng đầy-tớ mình», cho đến hết thí-dụ. Qua thí-dụ này, Chúa ám-chỉ ba biến-cố xảy ra do chức-vụ của Ngài.

Lời mời thứ nhất chỉ về chức-vụ Ngài. Lời mời thứ hai ám chỉ chức-vụ Ngài sẽ được các đầy-tớ Ngài tiếp-tục và sẽ chấm-dứt khi thành bị lên án và đờ-nát, một lời dự-ngôn về thế-hệ sau, lúc Giê-ru-sa-lem đã bị hủy-phá. Lời mời thứ ba chỉ về khoảng thời-gian từ lúc hủy-phá Giê-ru-sa-lem cho đến ngày tận-thế mà chúng ta hiện đang sống.

Nếu áp-dụng thí-dụ theo từng chi-tiết thì phần thứ nhất không có ứng-dụng gì cho chúng ta hiện nay, trừ khi chúng ta nhìn lại và học hỏi qua những gì đã xảy ra trong quá-khứ. Phần thứ hai cũng không cho chúng ta một bài học thực-tế nào trừ khi chúng ta xem xét lại những gì đã qua. Nhưng chúng ta hiện đang sống trong thời-kỳ thứ ba và trách-nhiệm chúng ta được bày-tỏ trong phần này của thí-dụ. Lần mời thứ nhất là lời kêu-gọi đã được công-bố trong chức-vụ của Chúa Jêsus. Lần mời thứ hai là lời kêu-gọi được các đầy-tớ Ngài nhắc lại từ lúc Ngài chết cho đến khi thành bị hủy-phá. Lần thứ ba bắt đầu từ khi Chúa không sai người đến những khách đã được giấy mời, nhưng đi ra khắp các ngã đường để mời được tất cả mọi người. Đó là bối-cảnh của thí-dụ này và với ý-nghĩa đó, thí-dụ này hiển-nhiên có tính cách dự-ngôn.

Hãy nhìn một lượt ba giai-đoạn. « Nước Thiên-đàng giống như một ông vua kia làm tiệc cưới cho con mình. » Tiệc cưới là một tu-từ pháp và ở đây Chúa chúng ta dùng một hình-ảnh Đông phương. Chúng ta không cần đi vào chi-tiết. Chúng ta không để ý đến chi-tiết làm gì, chỉ cần nhớ, đây là hình-ảnh mượn của quan-niệm trong Cựu-ước về tương-quan giữa Đức Chúa Trời với loài người. Hình-ảnh tượng-trưng trong Cựu-ước thường có vẻ kỳ-lạ và tuyệt-đẹp. Ô-sê, trong khi rao-truyền lời Đức Chúa Trời cho dân-sự đã nói : « Ta sẽ cưới người cho Ta đời đời. » Bây giờ Chúa cũng lấy hình-ảnh tượng-trưng về việc cưới-gả và hôn-nhơn để luận về Nước Thiên-đàng.

Trên phương-diện nào hình-ảnh đó có thể dùng minh-giải

về Nước Thiên-đàng ? Trong mấy thí-dụ trước chúng ta đã thấy những người này không làm tròn trách-nhiệm họ và sau này họ sẽ bị đoán-xét. Đến đây, Chúa chuyển từ trách-nhiệm sang đặc-ân. Nước Thiên-đàng mà Ngài đến để rao-truyền, để được rao-truyền. và Ngài vẫn tiếp-tục rao-truyền, được Ngài đồng-hóa với một tiệc cưới, tức một cái gì có bản-chất vui-vẻ, hân-hoan. Nước Thiên-đàng cũng giống như vậy.

Sách Tin-lành Ma-thi-ơ đặc-biệt là Tin-lành về vua. Jê-sus được mô-tả như vị Vua. Lần đầu-tiên khi Ngài bước vào chức-vụ, Ngài tuyên-bố những luật-lệ về nước Thiên-đàng trong Bài giảng trên Núi. Sau đó Ngài trình-bày những ân-huệ của Ngài và của Nước Đức Chúa Trời ban cho dân-chúng qua những phép lạ Ngài đã làm (8-9 : 35). Trong những đoạn này, chúng ta thấy Ngài xuất-hiện trong một địa-hạt bị lãng-quên nơi con người, về vật-chất, tinh-thần lẫn đạo-đức; chữa lành bệnh-tật đuổi quỷ tha-thứ linh-hồn bệnh-hoạn vì tội-lỗi. Trước hết, là những luật-lệ về Nước Thiên-đàng, sau là ân-huệ của Nước đó. Trên phương-diện đó, chúng ta thấy Ngài luôn luôn nhấn mạnh lời tuyên-bố về Vương-quyền của Đức Chúa Trời. Nhờ được diễm đó, chúng ta hãy tưởng-tượng một nhóm người hoàn-toàn và tuyệt-đối chấp-nhận những luật-lệ và chia xẻ những ân-huệ của quyền-năng của Nước Thiên-đàng, và chính họ cũng vâng phục những đòi hỏi của Vua, tìm-kiếm Nước Đức Chúa Trời trước hết. Hãy tưởng-tượng đoàn người ấy, chúng ta sẽ được gì? Cách giải-đáp hay nhất là để cho Phao-lô lên tiếng : «Nước Đức Chúa Trời chẳng phải ăn uống.» Vậy là gì ? «Công-bình, vui-mừng và bình-an.» Đó là kết quả của Vương-quyền của Đức Chúa Trời khi được mọi người nhìn-nhận và phục-tùng. Nước Đức Chúa Trời chẳng phải là một nơi trang-nghiêm u-âm và ghê-sợ. Nhưng còn hơn thế nữa. Đó là nơi trước hết là công-bình, sau là vui-mừng và bình-an. Như tiệc cưới, Nước

ấy tràn ngập vui-vẻ và lời ca. Tất cả những đặc-ân Ngài dành cho con người đều ở trong nước Thiên-đàng. Ngài đã bày-tỏ Nước ấy, kêu gọi con người bước vào. Vua sai đầy-tớ đi gọi người ta đến dự tiệc với con mình.

Rồi sao nữa ? Họ không đến. Tại đây Chúa cho ta biết thái-độ đáp ứng của dân này. Dĩ nhiên mỗi cá-nhân đều đáp-túng lời mời. Có những kẻ đã nghe đã thấy vui-vẻ cùng phước-hạnh; công-bình vui-mừng và bình-an của Nước Thiên-đàng và đã chạy theo tùy theo sự hiểu biết của họ; nhóm môn-đồ ít-oi đó, và nhóm đông hơn một chút như ta đã thấy trên phòng cao sau đó, rồi đến năm trăm anh em đã được gặp Chúa tại Ga-li-lê. Đó là số dân còn sót lại. Nhưng Ngài đang nói về toàn-thê dân-tộc với những kẻ cai-trị, với quan-điền và thái-độ đáp ứng chung của quốc gia qua những kẻ cai-trị dân đang nghe Ngài ở đây. Họ không muốn đến. Vì thế, trên phương-diện loài người, Chúa bảo rằng chức-vụ Ngài đã thất-bại. Chính Ngài, con, đã đến để đem mọi người vào dự tiệc cưới, đám cưới giữa loài người với Đức Chúa Trời để đem lại công-bình, vui-mừng và bình-an ; nhưng họ đã từ-chối, « họ không muốn đến. »

« Đoạn » Chữ này có một sức mạnh kinh-khủng. Theo-dõi từng giai-đoạn lịch-sử ; chúng ta đã biết họ đối-xử với con Đức Chúa Trời như thế nào rồi. Trong thí-dụ trước chúng ta thấy rõ điều đó. « Người này là kẻ kẻ-tự đây, hãy giết nó đi và chiếm lấy phần gia-tài nó. » Ngài biết mình đang đi trên con đường đến cõi chết. Chính con Đức Chúa Trời đã bị ném ra ngoài, bị ném cho đến chết. Nhưng trên quan-điền Đức Chúa Trời, đó chẳng phải là thất-bại. Thất-bại là tại chỗ quốc-gia không chịu nhận lời mời đến hưởng sự vui-vẻ, bình-an và mừng-rỡ của Nước Đức Chúa Trời.

Dù bị từ-khước, Ngài lại sai đầy-tớ ra đi một lần nữa. Thời-đại sứ-đồ bắt đầu, các nhà truyền-đạo đi

khắp nơi như Mác đã nói. Chúng ta đều biết rõ câu chuyện. Họ vẫn đi đến những kẻ được mời, đến những người đã từ-chối Ngài; kẻ cả bọn cai-trị đã loại-trừ Ngài, tức số người được hưởng đặc-ân, đã được mời trước; và nói : "Này, ta đã sửa-soạn tiệc rồi; bò và thú béo đã giết xong, mọi việc đã sẵn cả, hãy đến mà dự tiệc cưới." Đây là lần mời thứ hai. Sau khi lần mời thứ nhất đã thất-bại. Chúng ta thấy họ ra đi và cũng làm một công-việc như lần trước. Đề ý câu nói rất giản-dị nhưng siêu-cao của họ. Họ phải nói gì ? "Mọi việc đã sẵn cả," "Đã giết," ở đây là một lối nói, ám-chỉ Đức Chúa Trời đã làm xong mọi sự để đem lại cho con người vui-mừng bình-an và thỏa-thích trong sứ-diệp về Nước Thiên-đàng. Ngài đã làm xong mọi sự. Lúc những người này ra đi, Thập-tự-giá đã hoàn-tất, và nhờ ân-diễn Ngài sự ghen-ghét trong con người đã biến thành công-nghĩa, vui-mừng và bình-an, « bây giờ mọi việc đã sẵn cả. »

Hãy trở lại một lần nữa với những khách đã được mời. Trở lại với cả những người đã không đến trong những ngày chức-vụ của Ta, như Chúa đã phán. Hãy cho họ một dịp tiện nữa. Hãy đến với những kẻ đã được mời. Nói cho họ biết mọi việc đã sẵn-sàng, mọi sự đã được sửa soạn để tạo vui-mừng hạnh-phúc, hoan-hỉ, ca hát trong nước Thiên-đàng của ta ; và hãy bảo họ đến.

Thái-độ đáp ứng ra sao ? Một lần nữa, chúng ta cần trở lại trung-tâm, là nơi Chúa hành chức-vụ. Chúa nói trước, lời mời sẽ bị mọi người làm ngơ. "Họ không đếm-xia đến, cứ việc đi đường mình. Đề ý và diễn-tiến ở đây : "kẻ này đi ra ruộng, kẻ kia đi buôn-bán"; và cuối-cùng, quyết-liệt chống-nghịch. Tiếp theo, các sứ-giả bị hành-hạ đánh-đập và ném ra ngoài. Tất cả sự-kiện này xảy ra đầu thời-đại sứ-đồ. Chúa Jê-sus cho biết rõ-ràng kết-quả của lời mời thứ hai bị khước-từ.

Đoạn, « Vua nổi giận, bèn sai quân lính diệt những kẻ

giết người đó và đốt-phá thành của họ." Biển-cổ này xảy ra sau đó một thế-hệ. Như Đức Chúa Trời Toàn-năng trong quá-khứ đã buộc Si-ru thực-hiện bản án phạt dân-sự Ngài như thế nào, thì Ngài chắc cũng sẽ buộc quân-đội La-mã, dưới thời Titus, càn-quét thành vì đã một lần nữa khước-từ lời kêu-gọi; thứ nhất là lời kêu-gọi thật sự của Chúa Jê-sus thứ hai là lời kêu-gọi của Chúa Jê-sus được Thánh-Linh bày-tỏ qua các sứ-giả của Ngài. Vua đang đứng đó, nói chuyện với đám người cai-trị và thấy rõ những gì sắp xảy ra.

Rồi sao nữa ? « Đoạn Vua phán cùng đầy-tớ mình rằng : Tiệc cưới đã dọn xong rồi ; song những người được mời không xứng dự tiệc đó ; » vì họ đui-mù, không thấy ; họ xấu-xa và ích-kỷ, mỗi người đi theo đường riêng mình, ngược đãi các sứ-giả của Vua vì không nhìn thấy ý-nghĩa của lời mời.

Bây giờ phải làm sao ? «VẬY, các người hãy đi khắp các ngã tư — theo bản tiếng Anh là những ngã, xa-lộ hay đại-lộ Chúa dùng chữ này trong khung-cảnh thế-giới La-mã ngày xưa, vốn nổi tiếng về xa-lộ. Có lẽ đế- quốc La-mã không có một công-trình nào đáng kể hơn là việc đặt ra những xa-lộ. Tại Anh-quốc, những xa-lộ ấy đến nay vẫn còn. Từ La-mã, những xa-lộ bủa giăng khắp nơi, và từ những đội quân La-mã cho đến những thương-gia Hi-lạp đều đi lại trên các đường này. Xa-lộ La-mã chính là trung-gian giao-thông lớn-lao của thế-giới. Vì thế, hãy đi khắp các ngã xa-lộ. Hãy vượt biên-giới những gì chỉ có tính-cách địa-lý. Những kẻ được mời, được đặc-ân vì do quốc-tịch, và được sống nơi Ta thi-hành chức-vụ, tất cả đều không xứng-đáng. Thành chúng nó sẽ bị hủy-phá. Sẽ bị lửa đốt. Tiếp theo, lời mời sẽ mở rộng hơn. Hãy đi khắp các ngã xa-lộ, càng nhiều càng hay, mời người ta đến dự tiệc cưới, khi những kẻ được mời tỏ thái-độ

không xứng-dáng, thì lời mời dự tiệc, lời kêu-gọi đến hưởng ân-huệ của Nước Đức Chúa Trời, sẽ được dành cho tất cả mọi người. Hãy đi khắp các ngã xa-lộ, các ngã rẽ của nó. Hãy đứng chỗ nào đám đông sẽ tràn tới và tụ-hợp, rồi đi vào những ngã đường kêu mọi người đến hưởng Nước Thiên-đàng lớn-lao này.

Hơn nữa Ngài còn nói : « Đầy-tớ đi khắp các đường cái, nhóm lại hết thảy những người họ gặp, bắt luận dữ lành, đến nỗi trong phòng đầy những người dự tiệc. » Như thế không có nghĩa là Nước Thiên-đàng sẽ không lưu-ý đến vấn-đề đạo-đức. Nhưng nếu những kẻ trên đường cái hay đại-lộ không có phẩm-hạnh, không có đạo-đức, nếu họ xấu-xa, hãy gọi họ vào. Nếu họ là những người tốt, theo tiêu-chuẩn của thế-gian, chân-thật theo lương-tâm họ, thì cũng gọi họ vào, cả người tốt lẫn người xấu. Các đầy-tớ nhóm hết thảy họ lại, làm khách của Vua, cho tất cả đều hưởng đặc-ân của Nước Đức Chúa Trời.

Chữ quan-trọng Chúa Jêsus dùng ở cuối câu chứng-tỏ trong Nước Thiên-đàng vẫn có sự phân-biệt đạo-đức, dù ở đây có nhắc đến chữ « dữ. » Chúng ta phải dùng câu tiếp sau đây để giải-thích điềm này. « Vua vào xem khách dự tiệc, » tức vào khám-xét, « chợt thấy một người không mặc áo lễ, thì phán cùng người rằng : Hỡi bạn, sao ngươi vào đây mà không mặc áo lễ ? » Một người đã vào dự tiệc nhưng thiếu dấu-hiệu thật của thân-tộc. Người đã vi-phạm trật-tự của Nước Thiên-đàng. Theo ngôn-ngữ hiện-đại, người này được gọi là một tên « chuẩn cửa. » Danh-từ này rất gọi hình. Vâng, người này đã lọt vào trong, nhưng chính việc thiếu áo lễ chứng-tỏ người cầu-thả, lãnh-đạm hoặc phản-đối kẻ khác. Người không thuộc đoàn-thề đó. Người không có áo lễ.

Ma-thi-ơ nói : Vua, « thấy một người không mặc áo lễ. » Rồi Vua nói : « Bạn ơi, sao bạn vào đây mà không mặc áo lễ ? »

Chữ « *không* » được nhắc lại hai lần, nhưng không phải cùng một chữ. Chữ đầu-tiên là *Ou* nói lên một sự kiện : người này không mặc áo lễ. Nhưng khi Vua hỏi lý-do, Chúa Jêsus dùng một chữ hơi khác với chữ trước thế cho chữ « không » đó là chữ *Me*, ám-chỉ không những người này thiếu áo lễ, nhưng là cố tình làm-như thế, định-tâm, quyết chí, có ý hướng không mặc áo lễ ; khi người bước vào không mặc áo lễ, và lúc trò chuyện với người, Vua nói : Chẳng những người không mặc áo lễ, nhưng là người không muốn mặc. Sự « *không* » mặc của người là ý cương-quyết *không*. Người quyết-định « *không* » mặc. Sự hiện-diện của người ở đây nói lên thái-độ phản-đối trịch-thượng luật-lệ đã đặt sẵn, mà tiệc cưới này là tượng-trưng cho luật-lệ đó. « Người đó làm thình » ; không nói gì hết.

Câu tiếp theo thật kinh-khủng : «Hãy quăng nó ra ngoài nơi tối-tăm » ; nơi sẽ có buồn-thảm và phản-loạn; « nơi sẽ có khóc-lóc và nghiêng rặng. » Đây là sự mặc-khải của Ngài Đó là tiếp-diễn của tội-lỗi. « Hãy quăng nó ra ngoài nơi tối-tăm. »

Nước Đức Chúa Trời cũng có trách-nhiệm riêng của nó. Những trách-nhiệm đó rơi trên chúng ta là kẻ tự xưng thuộc về Nước đó. Vườn nho và hai người con trai cho chúng ta thấy trách-nhiệm của chúng ta. Bức tranh này cho chúng ta thấy mọi vẻ đẹp của Nước Thiên-đàng, do Chúa Jêsus-Christ chúng ta trình-bày.

Chúng ta tự hỏi : Làm sao điều này là một ứng-dụng về trách-nhiệm của chúng ta được ? Kết-quả của Nước Đức Chúa Trời là Nước Thiên-đàng, tôi không muốn mất thì-giờ bàn-cãi sự khác-biệt giữa hai danh-từ này. Thật ra không có gì khác-biệt, chỉ có một điều là Nước Thiên-đàng như Ma-thi-ơ thường dùng hơn hết và theo Chúa Jêsus dùng—nói lên kết-quả. Nước Thiên-đàng là sự thực-hiện Vương-quyền của Đức Chúa Trời. Chúng ta đang cầu-xin cho Nước Ngài được đến ở đất như Trời. Khi lời cầu-xin được nhậm, tức chúng ta có Nước

Thiên-đàng. Mức-độ lời cầu-xin ấy được nhậm trong đời sống chúng ta, trong đoàn-thể những tâm-hồn trung-thành với Ngài chính là Vương-quyền của Đức Chúa Trời. Nước Thiên-đàng không chỉ một bờ-cõi, nhưng đánh dấu thâm-quyền và sự hành-động thâm-quyền; Nước của Đức Chúa Trời được mọi người tìm - kiếm, vâng-phục và thực-hiện. Nhìn rộng ra, chúng ta thấy kết-quả là Nước Thiên-đàng. Chúng ta có nhận-biết điều đó không ?

Điểm này hướng chúng ta sang một vấn-đề khác. Chúng ta đã thật sự đầu-phục nước Đức Chúa Trời đến mực-độ nào ? Nếu đã đầu-phục, chúng ta hẳn đã biết thế nào là sống trong Nước Thiên-đàng : nền-tảng là sự công-nghĩa, kết-quả là vui-mừng và hậu-quả là bình-an trong tâm-hồn. Đó là tiệc cưới. Chuông luôn luôn đổ hồi và điệu nhạc luôn vang dậy.

Nhưng cần phải có áo lễ. Mọi người đều được mời đến dự tiệc, nhưng phải có áo lễ. Chúa đã kết-thúc thí-dụ này với một câu thật hay và lạ tai : « Nhiều kẻ được gọi, mà ít người được chọn. » Cách đây rất lâu, Moody đã nói thí-dụ này tại một buổi nhóm ở Luân-đôn. Bên cạnh ông, trên tòa giảng, có một trong những nhà đại học-giả của Giáo-hội, một nhà thần-học, một người có thế-lực, khi Moody nói đến điểm này trong thí-dụ: « Nhiều kẻ được gọi mà ít người được chọn », rồi ông dừng lại, hỏi : « Hãy nghĩ xem, được chọn ở đây có nghĩa gì ? Rồi ông quay sang Tấn-Si L. nhà học-giả, nói : « Tôi muốn sửa câu này như sau : Nhiều kẻ được gọi mà ít người thượng hạng. » Tấn-Si L. nói : « Ông hoàntoàn có lý, ông Moody ạ, đó là tất cả ý-nghĩa của câu ấy. » Được một thâm-quyền như thế rất hay. Chúa Jêsus không nói : Ta kêu-gọi mọi người rồi lựa chọn một số, những kẻ được chọn tức những kẻ chấp-nhận lời kêu-gọi. Còn những kẻ không chấp-nhận sẽ quay về với đường-lối và công-việc riêng của họ. Những kẻ

vâng-phục và làm trọn trách-nhiệm trong vườn nho, chấp-nhận lời mời, sẽ vào làm khách trong bữa tiệc của gia-đình Đức Chúa Trời, dự bữa tiệc Ngài đã dọn sẵn trong Nước rộng lớn của Ngài. Nhiều kẻ được gọi mà ít người được chọn, thượng-hạ theo nghĩa trên.

Đó là viễn-tượng lớn-lao bao-trùm hàng thế-kỷ nay. Chúa chúng ta nhìn Nước Thiên-đàng không những chỉ như một vườn nho phải được khai-khẩn, nhưng còn là một bữa tiệc, một lễ cưới vui-mừng và bình-an.

xxx

24. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Ma-thi-ơ 23

ĐIỀM quan-trọng là chúng ta phải có cái nhìn bao-quát về đà diễn-tiến của đoạn này, vì đó là bối-cảnh của các thí-dụ Chúa chúng ta dùng trong câu chuyện ở đây. Chúng ta bỗng nhớ lại ngay không-khí nghiêm-trọng của khung-cảnh ấy. Đoạn này tường-thuật những giờ phút cuối-cùng của Chúa Jê-sus tại Đền-thờ. Sau câu chuyện này, Ngài từ-giã Đền-thờ và không hề trở lại. Câu chuyện của Ngài đã khai-trừ dân Hy-bá-lai, không phải khỏi sự cứu-rỗi hoặc khỏi cơ-hội có thể được cứu, nhưng khỏi chức-vụ Đức Chúa Trời đã giao cho họ ấy là làm dụng-cụ để rao-truyền và bày-tỏ Nước Đức Chúa Trời giữa loài người. Lời tối-hậu, đầy thâm-quyền và thiêng-liêng ấy đã được nói cho toàn dân qua những kẻ cai-trị : «Nước Đức Chúa Trời sẽ cất khỏi các ngươi và cho một dân khác là dân sẽ có kết-quả của nước đó.»

Đoạn hai mươi ba này là một câu chuyện liên-tục và có ba phần rõ-rệt. Phần thứ nhất nói cho đoàn dân và môn-đồ. Chú-ý những lời mở đầu đoạn này. Lúc ấy Ngài vẫn còn ở trong khuôn-viên Đền-thờ. Đám đông vây lấy Ngài. Gần Ngài hơn hết là các môn-đồ và trong mười hai câu đầu Ngài nói chuyện với môn-đồ cùng đoàn dân. Khi đọc, chúng ta sẽ thấy ngay những lời nào dành cho đoàn dân và lời nào đặc-biệt cho môn-đồ Ngài.

Bắt đầu từ câu mười ba, cũng tại chỗ đó, môn-đồ cùng đoàn dân vẫn còn đứng đó và kể cả giới cai-trị mà Ngài đã nói chuyện trong đoạn trước cũng có mặt tại đó ; Ngài quay sang nói thẳng với giới cai-trị, những con người nắm quyền-thế. Phần này khởi đầu từ câu mười ba và chấm-dứt ở câu ba mươi sáu.

Phần thứ ba là những lời dốc-đồ của tấm lòng Ngài, dành cho thành Giê-ru-sa-lem, khi Ngài nhìn thành. Những kẻ cai-trị đại-diện cho thành đang đứng đó. Lại có cả đoàn dân thành Giê-ru-sa-lem tụ-hợp trong Đền thờ và chắc hẳn còn nhiều người khác nữa. Chính Giê-ru-sa-lem cũng đang sừng-sững ở đó, vây quanh lấy Đền-thờ và Ngài ngồi đó nói chuyện với thành như bà mẹ của một dân-tộc. Đó là câu ba mươi bảy đến ba mươi chín.

Trong tất cả những lời nói của Chúa Jêsus được ghi lại, chưa có lời nào đáng sợ bằng câu chuyện Ngài nói với những kẻ cai-trị hôm ấy. Điềm đặc-biệt ở đây là Ngài nguyên-rủa bọn cai-trị, các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si tám lần với chữ « khốn » cho các người. Thật có ý nghĩa, khi bắt đầu chức-vụ giảng-dạy và nêu tiêu-chuẩn đạo-đức trong Bài giảng trên Núi, Ngài đã đề-cập đến một Phước-hạnh trên tám phương-diện. Bây giờ, đặc-biệt trước mặt bọn cai-trị đã từng chống-ngịch Ngài ngay từ đầu và mỗi ngày càng chống-ngịch hơn, Ngài cũng nguyên-rủa họ trên tám phương-diện. Nếu đem so-sánh tám Phước lành với tám Lời Nguyên-rủa này, chúng ta có thể thấy chúng đối-đáp nhau thật là hay.

Trong câu chuyện này Ngài có dùng vài thí-dụ. Trong hai phần đầu, Ngài dùng sáu hình-ảnh thí-dụ và khi nói Giê-ru-sa-lem, dốc-đồ tấm lòng Ngài ra, Ngài dùng một hình-ảnh. Tất cả những thí-dụ này đều có tính-cách lên án, nêu ra trong cùng một ngày, cùng một nơi trong cùng một câu chuyện. Và cuối-cùng là một hình-ảnh thí-dụ phơi-bày tấm lòng của Ngài.

Dù ngắn-ngủi nhưng mỗi thí-dụ vô cùng linh-động và chẳng khác nào những tia chớp sáng-loáng, sắc-bén chiếu-rọi vào những vấn-đề Ngài muốn nói, dù đó là lời kết-án hoặc là lời tâm-sự của Ngài.

Lấy thí-dụ câu ngán-ngủi sau đây : «Bọn ấy buộc những gánh nặng khó chịu» (câu 4). Hình-ảnh rất tầm-thường nhưng vô cùng linh-động. «Kẻ mù dẫn đường» (câu 16). Đây cũng là một thí-dụ, nhưng hình-ảnh hơi vô-lý, dù rất linh-động. «Con ruồi» và «con lạc-dà» (câu 24). Hình-ảnh hơi buồn cười và vì thế, trở nên linh-động. «Chén», «mâm» (câu 24). Hình-ảnh ghê-tởm và nhờ đó, linh-động. «Mồ-mả tô trắng» (câu 27). Hình-ảnh kinh-khiếp và rất sống-động. «Loại rắn», «dòng-dối rắn lục» (câu 33) : khủng-khiếp và linh-động. Cuối-cùng «gà mái» và «các con» (câu 37) là hình-ảnh giản-dị nên linh-động. Qua những câu trên, chúng ta thấy rõ được ý-nghĩa Ngài muốn nói trong mỗi hình-ảnh thí-dụ.

Bây giờ, hãy xem câu đầu-tiên. «Bọn ấy buộc những gánh nặng khó chịu.» Đây là hình-ảnh thường ngày của thời con vật phải chở quá nặng, thời mà ngựa hoặc lừa chở nặng đến nỗi không thể nào đi được nữa. Nó ngã-quỵ dưới gánh nặng. Chúa Jê-sus nói với bọn cai-trị, đó chính là việc họ đang làm, chắt quá nhiều gánh nặng trên lưng con vật, lạm-dụng quyền-thế buộc người ta mang những gánh nặng mà họ không thể nào mang nổi.

Chúa Jê-sus nêu lên một điều rất hay ở đây. Ngài nói : Những người này, tức thầy thông-giáo và Pha-ri-si, ngồi trên ngai của Môi-se. Chữ «ngôi» ở đây chỉ về thẩm-quyền. Đó là chữ *cathedra*. Ngày nay chúng ta thường bảo, con người nói *ex cathedra* ; có nghĩa là ngoài ngai (hay địa-vị) có thẩm-quyền. Chúa Jê-sus nói họ ngồi trên ngai của Môi-se. Ngài thật sự bảo, họ đã tự ngồi vào chỗ của Môi-se. Đó là sức mạnh của danh-từ Hi-lạp. Cả hàng-ngũ thông-giáo đã nổi dậy, cách không sai pháp-luật ; chính Chúa đã phê-chuẩn tổ-chức ấy. Nhưng lúc đầu, đó không phải là ý-định Thiên-thượng. Họ tự đặt mình lên ngai của Môi-se, nghĩa là họ ngồi đó để giải-thích luật pháp như khi xưa Môi-se đã ban luật-pháp cho dân-sự. «Vậy» nhấn mạnh chữ « vậy » ở đây, « hãy làm và giữ theo mọi điều

họ đã bảo các người.³ Nhưng họ đã bảo nhiều điều mà không ai có thể làm được; họ đã buộc những gánh nặng mà không ai mang nổi. Họ đã thêm vào luật-pháp hàng bao nhiêu tập-tục, chà-đạp linh-hồn con người và khiến con người xây bỏ luật-pháp lẫn Đức Chúa Trời.

Có phải Thầy chúng ta muốn nói rằng hễ thấy họ ngồi trên ngai của Môi-se thì dân-chúng phải làm theo mọi điều kẻ cai-trị dạy bảo chẳng ? không ; nếu họ nói đúng theo luật-pháp thì mới nghe lời họ. Nhưng Ngài bảo với kẻ cai-trị rằng, cả cái hệ-thống tập-tục của họ chông-chất trên luật-pháp của Đức Chúa Trời, con người mang không nổi. «Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình.» Tại sao ? Họ buộc những gánh nặng trên vai người ta mà chính mình không mang và không giúp người ta mang. Ngài không có ý nói họ không giúp người ta mang nhưng là chính họ không muốn mang.

Từ điềm đó, Ngài tiếp-tục cho môn-đồ thấy điều họ phải làm. Trong đoạn mười ba, Ngài đã cử môn-đồ Ngài làm thầy thông-giáo mới, tức những người giải-thích luật-pháp. «Mọi thầy thông-giáo đã học thông đạo về nước Thiên-dàng, thì giống như một người chủ nhà kia, đem những vật mới và cũ ở trong kho mình ra.» Họ là những thầy thông-giáo. Môn-đồ là những thầy thông-giáo mới của Ngài. Ngài vừa tố-cáo các thầy thông-giáo trên đã buộc gánh nặng trên vai người ta, đã trở nên những kẻ phân - công tàn-ác ngay cả việc tuyên-bố luật - pháp. Bây giờ chúng ta hãy xem Ngài nói gì với môn-đồ. Các người đừng chịu người ta gọi mình bằng Thầy. Cũng đừng để người nào gọi mình là Cha. Cũng đừng chịu ai gọi mình là Chủ. Tất cả những chữ này ám-chỉ chức-vụ của họ và nói lên giá-trị lời giảng-dạy của họ. Môn-đồ là tôi-tớ. Ngài sai họ ra đi với một

nhiệm-vụ lớn lao ; đó là hầu việc, không phải buộc gánh nặng khó chịu cho mọi người, nhưng là giúp mọi người cất gánh nặng và giải-thoát khỏi gánh nặng.

Ngài nói tiếp trong câu mười sáu : « Khốn cho các người, là kẻ mù dẫn đường. » Một lần nữa trong câu hai mươi bốn : « Hỡi kẻ mù dẫn đường. » Đó là một hình-ảnh thí - dụ, nhờ vô - lý cho nên linh - động. Một người mù dẫn đường cho một đám người mù. Kẻ dẫn đường cần biết rõ, cần quen thuộc đường-sá để dẫn kẻ khác, lại chính là một người mù. Người không thấy đường gì cả. Điều Chúa chúng ta muốn chứng-minh ở đây là những người này đã giải-thích luật-pháp, nghi-lễ, làm đảo-lộn cả trật tự, tỏ ra chính họ không nhìn thấy gì hết. Họ làm cho vàng có giá-trị hơn Đền-thờ. Họ làm cho của-lễ dâng đáng giá hơn bàn thờ, quên rằng chính Đền-thờ đã làm cho vàng nên thánh và bàn thờ, đã biến của-lễ nên thiêng-liêng. « Hỡi những kẻ mù dẫn đường ! » Họ không thể nhìn thấy chính mình. Khả-năng thiêng-liêng của họ để thăm-định mọi giá-trị đã mai-một cả, thế nhưng họ vẫn đứng đó, dạy dỗ người ta vì họ không nhìn thấy gì, cho nên lời dạy của họ hoàn-toàn sai-lầm.

Và Ngài tiếp : « Hỡi kẻ mù dẫn đường, các người lọc con ruồi nhỏ mà nuốt con lạc-đà. » Một ý-nghị thật buồn cười. Đây là hình-ảnh một người cầm một ly rượu. Người sắp uống rượu nhưng nhìn thấy một con ruồi trong ly, hết sức gạn ra ; rồi nhìn thấy một con lạc-đà, nhưng cứ nuốt vào. Ngài cố ý nêu hình-ảnh thật tức cười để nêu đúng việc làm của bọn người này. « Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình ! » Đây là bức tranh mâu-thuẩn hiển nhiên hơn hết. Đề ý, Chúa không nói nộp một phần mười bạc hà, hồi hương và rau cần là sai-lầm. Thật ra Ngài cần bảo họ cần phải làm thế. Nhưng vấn-đề là, trong khi họ gạn con ruồi khỏi ly rượu, họ lại xao-lãng giá-trị căn-bản, và nuốt con lạc đà. « Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si là kẻ giả-hình ! »

Bây giờ chúng ta đến thí-dụ chén và mâm. Đây là bức tranh ghê-rợn nhưng sống động. Chắc hẳn không còn gì đáng sợ hơn một cái chén ở trong dơ mà ở ngoài sạch. Nhưng Chúa chúng ta cũng dùng hình-ảnh rất khéo-léo. Bức tranh thật khó chịu. Những người này lo-lắng cho bên ngoài sạch-sẽ nhưng không quan-tâm đến bên trong. Phản-ứng thông-thường của mọi người khi đọc đến đây là cảm thấy bất-mãn, nhưng đó chính là việc làm của bọn người này. Họ nóng-nảy giữ bộ-diện bên ngoài và đó là lừa-dối vì bên trong họ đầy-dẫy đồi-bại xấu-xa. Tôi không dừng lại để tìm ứng-dụng ở đây. Tôi nhường cho Thánh-Linh làm việc đó. Những thái-độ trên luôn luôn là hiểm-họa đối với chúng ta ở mọi thời-dại.

Tiếp theo là hình-ảnh của 'mồ-mả tô trắng', một hình-ảnh đặc-biệt Đông-phương, một nghĩa-địa chôn xác chết và quét vôi màu trắng. Bức tranh thật ghê-sợ và linh-dộng. Tại xứ Đông-phương đó, nếu một người vừa được chôn xong mà nếu ai cứ đi ngang qua nơi đó thì sẽ bị nguy-hiêm. Không phải vì màu vôi trắng và sạch-sẽ bên ngoài mà chúng ta bị ảnh-hưởng nguy-hiêm kinh-khiếp đó. Bọn cai-trị, các thầy thông-giáo và người Pha-ri-si là những mộ tô trắng. Họ đang thực-hành một sự giả-tạo có tính-cách hăm-dọa kẻ khác. Họ lưu-tâm đến bộ-dạng bên ngoài để che-dấu tình-trạng sa-đọa bên trong. Mọi người trong lúc cứ tiếp-tục băng qua con đường của họ đều bị lôi-cuốn, đã không khó chịu vì bộ-dạng trắng-toát bên ngoài nhưng còn nuốt luôn những vi-trùng chết người của bệnh suy-bại và sai-lầm. 'Những mồ-mả tô trắng !'

Một lần nữa : «Khốn cho các người, thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, là kẻ giả-hình !... hơi loài rắn, dòng-dối rắn lục kia,» con-cái của rắn lục. Đây là bức tranh ghê-sợ. Rắn,

nòi-giống, dòng-dõi, con cháu của rắn lục ; mắt sắc, nọc độc. Chúa Jêsus nói : Đó là địa-hạt của các người là kẻ giả-hình, địa-hạt gây tai-hại thâm-khốc cho con người. Rồi Ngài đưa ra những lý-do. Với cách đó, suốt câu chuyện ở trong hành-lang Đền-thờ, chúng ta nghe được những lời nguyên-rũa kinh-khiếp của Ngài và nhờ những thí-dụ chúng ta được biết lý-do cũng như sự thật về thái-độ của những con người Ngài đang nói ở đây.

Bây giờ chúng ta đến thí-dụ cuối cùng. « Như gà mái túc con mình lại ấp trong cánh, » hình-ảnh giản-dị nhưng vô cùng sống-động. Đó là một trong những bức tranh-đẹp đẽ nhất của tình mẫu-tử. Chúng ta không cần dừng lại tại đây lâu. Chúng ta đã có hằng bao chứng-cớ về thân-phận người mẹ trong đời sống các làng-mạc, thôn-xóm và đồng ruộng rồi. Chúng ta đã được thấy con gà mái khi nghe tiếng kêu lanh-lảnh của một con diều hâu, liền vội-vàng túc các con lại dưới cánh nó. Chúng ta chẳng cần phải đi vào chi-tiết vấn-đề này. Đây là cả một bức tranh kỳ-diệu. Chúa Jêsus thốt ra lời này khi Ngài nói với Giê-ru-sa-lem, trung-tâm lớn-lao và là người mẹ của sức sống dân-tộc, vì chịu ảnh-hưởng của kẻ giả-hình là thầy thông-giáo và người Pha-ri-si, đã thả con đi rải-rác và đưa chúng vào mọi nguy-hiềm chết-chóc. « Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, » cách gà mái đó đối-xử với con nó, ta cũng sẽ đem đối-xử với người. « Bao nhiêu lần Ta muốn nhóm họp các con người như gà mái túc con mình lại ấp trong cánh. » Cả bức tranh khiến chúng ta xúc-động trước Tình Mẫu-tử của Đức Chúa Trời. Tôi không nói Tình Phụ-tử. Đó là lẽ thật trọng-đại, nhưng lẽ thật kia cũng đã được Kinh-thánh bày tỏ cách sống-động. « Ta sẽ yên-ủi các người như mẹ yên-ủi các con. » Đó là lời của Đức Chúa Trời. Chúa Jêsus dùng hình-ảnh Tình mẫu-tử lớn-lao đó qua cách biểu-

lộ đơn-giản hơn hết, bức tranh của gà mái với các con, và Ngài nói : Đó là điều Ta muốn, đó là lý-do Ta đến, đó là điều ta sẵn-sàng làm.

Chữ «khốn» được lập lại tám lần. Cần phải lập lại như thế vì sự lựa-chọn và trình-bày sai-lầm của con người nhưng điều đó không phải theo lòng Ngài muốn. Ngài muốn tự-hợp lại như gà mái túc con dưới cánh.

Như thế, với những câu cuối-cùng thốt ra trong đèn-thờ, sau khi nguyên-rủa bọn cai-trị đã phình-gạt dân-chúng, Ngài phơi-bày tấm lòng của Ngài. Tuy nhiên đó là lời khai-mào bản án tối-hậu của Ngài tuyên-độc : « Nhà các ngươi sẽ bỏ hoang. » Ngài đã từng ở trong Nhà ấy. Nếu chúng ta xem chữ đó có tính-cách địa-phương như chính ý-nghĩa của nó, để ám-chỉ xa rộng hơn, ám-chỉ toàn thể triều-đại và kế-hoạch. Nhà đó Ngài đã vào nhiều lần rồi. Bây giờ Ngài bước ra khỏi Nhà đó và phán : « Nhà các ngươi sẽ bỏ hoang. » Trong cuộc đời chức-vụ, Ngài đã gọi Nhà đó là Đền thờ, Nhà Cha Ta. » Ngài cũng đã gọi Nhà đó là « Nhà Ta. » Bây giờ Ngài gọi là « Nhà các ngươi » và nó sẽ bị hoang-vu.

Tuy đó là một bản án thì cũng chỉ là bản án áp-chót, và chính lời nói cuối-cùng mới là câu : « vì Ta bảo, các ngươi sẽ không thấy Ta nữa, cho đến lúc các ngươi sẽ nói rằng : Phước cho Đấng nhơn danh Chúa mà đến. » Như thế, ngang qua hình-ảnh hoang-vu buồn-thảm vẫn còn lóe ra một tia sáng báo trước ngày phục-hồi, khi mà mọi người sẽ nói : « Phước cho Đấng nhơn danh Chúa mà đến. »

Điểm chính ở đây là lời Ngài mô-tả bọn cai-trị. Chữ chia khóa « kẻ giả-hình » được lập lại sáu lần, có lẽ bảy lần. Qua lời nguyên-rủa thái-độ giả-hình, chúng ta được thấy rõ lòng đam-mê công-nghĩa ở trong Ngài và lòng xót-thương kẻ

xấu-xa hơn hết chiếm trọn tâm hồn Ngài. Lòng đam-mê công-nghĩa không hề phá-hủy lòng thương-xót ; nhưng lòng thương-xót cũng không bao giờ làm mất đam-mê công-nghĩa ở trong Ngài.

xXx

25. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Ma-thi-ơ 24

QUA những hình-ảnh tượng-trung và những thí-dụ chúng ta sẽ đề-cập đến trong sách Tin-lành này, một lần nữa, chúng ta sẽ thấy mình ở trong một bầu không-khí khác. Những thí-dụ trong ba đoạn trước thuộc lãnh-vực đoán-xét và lên án. Trong đoạn hai mươi bốn này, Chúa đã đi khỏi Đền-thờ và thành Giê-ru-sa-lem, không trở lại cho đến khi Ngài bị điệu về làm một Tù-nhân.

Lúc ra khỏi Đền-thờ. Tôi không hiểu vì sao họ làm thế, vì chắc hẳn Ngài đã biết những nhà này rồi. Hãy xem câu trả lời tức khắc của Ngài : « Các ngươi có thấy mọi điều đó chẳng ? » Ngay trước đó, trước khi rời Đền-thờ, Ngài tuyên-bố : « Nhà các ngươi sẽ bỏ hoang. » Lúc ra khỏi Đền-thờ, môn-đồ nói : Thưa Chúa, để chúng tôi chỉ cho Ngài xem những tòa nhà này. Họ không thể tưởng-tượng được nhà này sẽ có lúc bị bỏ hoang ; thế nhưng chỉ trong một thế-hệ sau, điều đó đã thành sự thật. Bây giờ Ngài nói : « Các ngươi có thấy mọi điều đó chẳng ? » Hãy nhìn kỹ những điều đó vì chúng không còn. « Đây sẽ không còn một hòn đá nào chông trên một hòn đá khác mà không bị đổ xuống. » Hãy nhớ kỹ Đền thờ lúc bấy giờ, chưa có một chương-trình nào nguy-nga tráng-lệ bằng. Đền thờ của Sa-lô-môn đã rực-rỡ, nhưng Đền thờ của Hê-rốt, về tiêu-chuẩn tráng-lệ, vẫn vượt hẳn về huy-hoàng sang-trọng của Đền thờ Sa-lô-môn. Đó là một kỳ-quan, và Ngài bảo : « Sẽ không còn một hòn đá nào chông trên một hòn đá khác mà không bị đổ xuống. »

Rồi từ thành họ đi xuống. Trong tưởng-tượng, hãy

theo-dõi họ vượt khe Kedron, lên sườn đồi Olive. Lên tới nơi, Ngài ngồi xuống và môn-đồ đến hỏi riêng Ngài : «Xin Chúa phán cho chúng tôi biết lúc nào những sự đó sẽ xảy ra ? và có điềm gì chỉ về sự Chúa đến và sự chung-kết đời này. Tôi quả-quyết đời chữ «tận-thế» và dùng chữ phụ-chú bên lề là «chung-kết đời này.» Đó là đúng nghĩa : Môn-đồ không hỏi về tận-thế, theo phương-diện phá-hủy tổ-chức vật-chất như cho đến nay một số người vẫn trông-tượng. Không, vấn-đề ở đây là chung-kết đời này ?» Câu hỏi của họ chia làm ba phần : thứ nhất : Lúc nào những sự đó sẽ xảy ra ? Thứ hai : Có điềm gì chỉ về sự Chúa đến ? Thứ ba : có điềm gì về Ngài tận-thế ?

Cả ba câu hỏi đều hoàn-toàn tự-nhiên. Tôi không nghĩ là họ muốn hỏi ba câu, nhưng chỉ một thôi. Họ đã nghe Ngài nói về những việc sẽ xảy ra, lúc nào ? Điềm thú-vị ấy là qua bao thời-dại, con người luôn luôn đặt câu hỏi vô-ích : khi nào ? Những môn-đồ đã bắt đầu câu hỏi đó. Họ hỏi : khi nào ? rồi họ liên-kết những lời Ngài đã báo trước với dấu-hiệu sự đến của Ngài, sự tái-lâm, sự hiện-diện lần thứ hai của Ngài trên thế-gian này. Họ cảm biết lời tiên-đoán của Ngài về ngày chung-kết đời này cũng ám-chỉ sự chấm-dứt, kết-liếu mọi sự và họ tin rằng điều đó sẽ xảy ra khi Ngài trở lại ; nhưng điều họ muốn biết ấy là : khi nào ? Đó là một câu hỏi giản-dị, tự-nhiên.

Chúa đã trả lời cho họ. Bây giờ tôi chỉ đề-cập đến phần đầu câu trả lời của Ngài. Họ vừa hỏi xong, Ngài đáp : «Hãy giữ kẻo có kẻ đổ-dành các người.» Chúng ta chỉ cần chú-ý hai điều. Họ hỏi : khi nào ? và không hiểu mình đang nói về điều gì. Họ tưởng họ hiểu. Họ vẫn nuôi một quan-niệm vật-chất về Nước Thiên-dàng sẽ được thành-lập sau này, rằng thế-lực La-mã sẽ bị tiêu-diệt và Đấng Mê-si sẽ trị vì Nước đó. Họ không có một cái nhìn đứng-dẫn về tương-lai. Tôi không chỉ-trích họ. Nhưng chúng ta đang

tìm xem cách nhìn sự vật của họ. Họ tin rằng Chúa sẽ thực-hiện những điều đó. Họ muốn biết chính họ và cả thế-giới sẽ phải chờ bao lâu nữa. Để trả lời, Chúa Jêsus nói : Hãy coi chừng kẻo các ngươi bị đổ-dành, vì có nhiều người sẽ đến, tự xưng là Christ.

Sau đó Chúa trả lời câu hỏi của họ. Câu trả lời này kéo dài cho đến hết đoạn và sang cả đoạn sau nữa. Câu trả lời đầy-đủ có một không hai ấy chứng-tỏ vấn-đề các môn-đồ hỏi Ngài rất là quan-trọng, dù họ đã có cái nhìn sai-lầm, Ngài cho họ thấy, sẽ có một ngày cáo-chung, một ngày những hiện-tượng ấy sẽ liên-quan với sự đến của Ngài. Tại đó, trên sườn đồi Olive, Ngài ngồi như một Giáo-sư, giữa nhóm người bối-rối lo-âu ấy, nói cho họ biết sơ qua về những thế-kỷ tương-lai. Trong lời tiên-tri này, Ngài đưa ra những dự-ngôn rõ-ràng, được ứng-nghiệm hằng bao thế-kỷ.

Dù vấn-đề của chúng ta không phải là bàn-luận về lời tiên tri nhưng nếu không biết qua về bối-cảnh của những thi dụ ở đây thì rất khó cho việc học-hỏi. Nếu nghiên-cứu kỹ, chúng ta sẽ thấy Ngài chia câu hỏi của các môn-đồ làm ba phần, rồi cho biết ngày giờ « các sự đó » sẽ đến, nghĩa là không gần lắm ; tiếp theo là « điểm chỉ về sự đến của Ngài » ; và cuối cùng Ngài nói rõ đặc-điểm của « ngày chung kết đời này. » Câu chuyện trên đồi Olive này hoàn toàn thuộc địa-hạ tiên-tri. Ngài đang nhìn về những sự việc sau cuộc ra đi của Ngài. Ngài biết Ngài sắp rời khỏi Giê-ru-sa-lem để chịu chết Ngài biết Ngài sẽ sống lại ; và Ngài không hề bối-rối trước những biến-cố đó. Ngài không suy-nghi gì về tương-lai. Ngài nêu rõ những thứ-tự những biến-cố sẽ xảy ra sau khi Ngài lên Thập-tự và ngự về trời cho đến hiện tại và xa hơn nữa.

Có ai thi-thầm hỏi : « Lúc nào sẽ là ngày cuối-cùng » chẳng ? Tôi xin giới-thiệu cho người đó câu trả lời của Đấng Christ nói với môn-đồ Ngài và cầu-xin rằng chúng ta có thể

nhìn những sự việc của Đức Chúa Trời theo quan-điểm riêng của Ngài, nghĩa là không bao giờ định ngày giờ như-t định cho những sự việc đó. Những biến-cổ cũng như đã tiếp-diễn của nó đã được nêu rõ, ngày chung-kết cũng đã được tiết-lộ; nhưng ngày giờ từ đầu đến cuối không hề được nhắc đến.

Những thí-dụ ở đây có liên-quan với thời-kỳ đó, và nhất là với ngày chung-kết đời này. Trong đoạn hai mươi bốn này chúng ta có năm thí-dụ. Thí-dụ thứ nhất, về sấm chớp. Thí-dụ thứ hai, về xác chết bị chim ó vây quanh. Thí-dụ thứ ba về cây vả. Thí-dụ thứ tư về một chủ nhà và kẻ trộm; và thí-dụ cuối-cùng về cách người chủ đối-xử với đầy-tớ. Bây giờ chúng ta hãy nhìn lần-lượt xem qua từng thí-dụ theo lối giải-thích thông-thường.

Câu 27 : « Vì như chớp phát ra từ phương đông, nháng đến phương tây, thì sự Con người đến cũng sẽ thế ấy. » Chúa báo trước rõ-ràng về sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem. Những gì Ngài nói về Đền thờ đều gói trọn trong câu : « Khi các ngươi sẽ thấy sự góm-ghiếc tàn-nát lập ra trong nơi thánh, mà Đấng tiên-tri Đa-ni-ên đã nói. » Lời này đã được ứng-nghiệm khi đội quân La-mã xông vào Đền thờ. Lúc ấy sự góm-ghiếc tàn-nát chiếm-ngự cả nơi thánh. Thấy chúng ta đang nghĩ đến sự sụp-đổ của Giê-ru-sa-lem sẽ đến trong vòng một thế-hệ sau. Ngài đã báo trước rồi và bây giờ muốn bảo cho môn-đồ biết rằng sự sụp-đổ của Giê-ru-sa-lem, giặc-giã cùng tiếng đồn về giặc trước biến-cổ đó, và sự « góm-ghiếc tàn-nát chiếm-ngự nơi thánh » thật sự vẫn chưa phải là dấu-hiệu sự đến của Ngài. Ngài thấy trước mọi sự, nhưng đều đó không có nghĩa là ngày trở lại của Ngài rất gần; và tại đây, Ngài dùng hình-ảnh của sấm-chớp.

Hình-ảnh này quá đơn-giản nên không cần giải-thích. Chớp loé ra từ khung trời này cho đến khung trời kia. Đó là một sự-kiện hiển-nhiên, rõ-ràng, và Ngài nhấn mạnh điểm này, ám-chỉ sự đến của Ngài cũng rõ-ràng và hiển-nhiên như chớp hiện ra trên trời từ phương đông đến phương tây. Sự đến của

Ngài cũng sẽ là một sự-kiện phổ-thông. Chúng ta chớ nên quên là hình-ảnh này được dùng để nói rõ ràng sự sụp-đổ của Giê-ru-sa-lem cùng những rối-loạn sẽ xảy ra cho thế-hệ tiếp theo, vẫn chưa phải là dấu-hiệu sự đến của Ngài. Một số người tưởng Ngài đã đến cùng một lúc với thành Giê-ru-sa-lem bị sụp-đổ và như thế, việc này đã qua rồi. Nhưng không có gì rõ-ràng hơn là dấu-hiệu sự đến của Ngài. Đến giờ phút ấy, cả thế-giới sẽ nhìn thấy rõ-ràng. Dĩ-nhiên, hình ảnh Ngài dùng ở đây xảy ra trong một bán-cầu. Nếu chúng ta quan-sát lần chớp, chúng ta chỉ thấy nó trong một bán-cầu thôi. Nó đi từ đông sang tây và từ đó, theo sự quan-sát của chúng ta, nó tiếp-tục đi. Hình-ảnh này cho ta biết khi Ngài đến thì mọi người đều biết không cần ai phải chứng-minh.

Tiếp ngay sau thí-dụ này, chúng ta thấy câu : « Nơi nào có xác chết, thì những chim ó sẽ nhóm tại đó. » Ngài vừa nói về sấm chớp xong, lại chuyển ngay : « Nơi nào có xác chết, thì những chim ó sẽ nhóm tại đó. » Ý Ngài muốn nói gì ? Ngài muốn chứng-minh điều gì ? Thí-dụ này cũng thuộc cùng một địa-hạt như thí-dụ trước, nhưng ở đây có một ứng-dụng về phán-xét. Sự hiện-diện đến của Con người sẽ hiển-nhiên như chớp loé ngang trời, nhưng như thế có nghĩa gì ? Ngài đang nói về sự phán-xét sẽ giáng xuống trong tương-lai.

Ý-nghĩa giản-dị hơn hết của câu này ấy là : kên-kên, loài chim ăn xác chết, loài quạ, khi đã khám-phá được xác chết, sẽ tụ-tập lại rúc-ria đến tận cùng. Ngài muốn nói về tình-trạng chết-chóc khi Ngài đến sau này.

Chúng ta có thật tin điều đó không ? Chúa chúng ta đã nói rõ : « Khi Con người đến, há sẽ tìm thấy đức-tin trên đất này sao ? » Những lời giải-thích nào bảo rằng Nước Thiên-đàng sẽ hoàn-toàn thắng khi Ngài đến, đều không thuộc về Kinh-thánh. Mọi công-việc rồi đây sẽ đi đến một tình-trạng kinh-khủng, và dù một vài chi-tiết có thể khiến chúng ta lo-ngại đến đâu, nếu chúng ta đọc kỹ sách Khải-huyền, chúng ta sẽ thấy có đôi tình-trạng ghê-sợ và thái-độ phạm-thương

đáng kinh ngạc-trở ã tiến-triển của những gì là tốt đẹp, cho đến ngày phán-xét. Thế-giới với kết-quả sự lựa-chọn và khôn-ngoa của nó chỉ bị xem là đã chết; và chim ó tiêu-biểu cho sự phán-xét sau cùng. Nơi nào có xác chết, nơi đó chim ó sẽ tụ-tập lại.

Chúng ta hãy sang câu ba mươi hai, thí-dụ về cây vả. Sự hiện đến của Con người sẽ như chớp-nhoáng; sự phán-xét sẽ đến khi chim ó vây quanh xác chết, xác chết của một thế-giới đã từ-chối Đức Chúa Trời; thế nhưng hãy tìm lấy một bài học qua thí-dụ về cây vả. Điềm thú-vị ở đây là Lu-ca, khi ghi lại thí-dụ này có thêm mấy chữ mà Ma-thi-ơ không ghi, đó là lời Chúa Jêsus phán : *Hãy xem cây vả và các cây khác.* Vì thế, đừng quá nhấn mạnh về cây vả, dù đó là tượng-trưng cho dân-tộc và Quốc-gia. Đừng tưởng Chúa chỉ nói về dân Do-thái, nhưng về *« các cây khác. »* Ngài muốn lấy một thí-dụ giản-dị trong Thiên-nhiên. Đó là gì ? Ấy là có những dấu-hiệu trong Thiên-nhiên giúp chúng ta biết mùa hạ sắp đến. Chúng ta chẳng cần phải xem cây vả. Chúng ta có thể lấy thí-dụ cây nắc-nẻ chẳng hạn. Một số trong chúng ta đã thấy cây này trở hoa. Đó là lời tiên-tri những gì sẽ xảy đến. Chúng ta thấy cây đâm chồi thì biết mùa hạ sắp tới.

Bây giờ, hãy chú-ý điều Chúa nói. Chớp, chim ó, xác chết; nhưng như một thứ-tự đưa đến kết-quả, mùa hè. *« Bây giờ là mùa đông u-tối; »* nhưng rồi mùa hạ sẽ tới; và ở đây, qua những hình ảnh thật giản-dị nhưng đẹp-đẽ, Ngài nhắc lại sự Hiện Đến lần thứ hai của Ngài và cho biết sẽ có những dấu hiệu báo trước, những dấu-hiệu bày-tỏ sự hiện ra vinh-hiến của Ngài, và những phán-xét nghiêm-khắc, hủy-diệt xác chết, và dấu-hiệu của mùa hạ. Nhờ những dấu-hiệu đó, chúng ta biết mùa hạ đã gần rồi.

Tiếp đến câu bốn mươi ba. *« Hãy biết rõ, nếu người chủ nhà đã hay canh nào kẻ trộm sẽ đến, thì tỉnh-thức, không để cho đào ngạch nhà mình. Vậy thì các ngươi cũng hãy chực cho*

sẵn, vì Con người sẽ đến trong giờ các người không ngờ.» Chúa trở lại với ý-tưởng cuối cùng về ngày chung-kết. Phần này của câu chuyện phần lớn có liên-quan với vấn đề trách-nhiệm của dân-sự Ngài. Chúng ta sẽ đi vào chi-tiết vấn-đề này trong những thí-dụ sau. Vấn-đề Ngài muốn nói ở đây là sự tỉnh-thức, đề-phòng, canh chừng; và Ngài lấy thí-dụ rất tầm thường về một người chủ nhà kia. Người có một ngôi nhà và kẻ trộm có thể đào ngạch—đó là chữ Ngài dùng—mà vào, Nếu chủ biết trước giờ kẻ trộm sẽ đến thì người tìm cách đề-phòng. Vậy hãy thức-canh vì các người không biết lúc nào Con người sẽ đến.

Đây là một thí-dụ tương-phản, tương-phản giữa Chúa và kẻ trộm. Ý chính ở đây là nếu một người biết lúc nào kẻ trộm đến thì người ấy sẽ canh chừng. Chúng ta phải canh chừng vì chúng ta không biết, và vì không biết nên chúng ta cần phải càng tỉnh-thức hơn.

Thí-dụ cuối cùng cũng tương-tợ thí-dụ vừa rồi. «Ai là đầy-tớ trung-tín và khoa-ngoan, mà người chủ đặt cai-trị nhà mình» (theo bản tiếng Anh). Đây là nhiệm-vụ những kẻ canh chừng. Chúng ta khó có thể đặt những thí-dụ này vào đúng chỗ với ý chính của câu chuyện. Bây giờ chúng ta đang chờ đợi ngày chung kết đời này. Chúng ta không biết lúc nào ngày ấy đến. Nhưng sẽ có những dấu-hiệu báo trước ngày ấy gần rồi và đó là những điềm về sự phán-xét, mở đường cho sự vinh-hiến sắp được bày-tỏ. Vì không biết rõ ngày giờ của biến-cố lớn-lao ấy nên chúng ta phải thức-canh, đề-phòng và siêng-năng, nói tóm là sẵn-sàng.

Chúng ta phải sẵn-sàng như thế nào? Chúa đã dùng hình-ảnh một gia-đình vắng chủ. Các đầy-tớ ở nhà, phải chịu trách-nhiệm về mọi việc trong nhà và thí-dụ này cho chúng ta thấy trách-nhiệm của những kẻ canh chừng. Họ có trách-nhiệm gì? «Phước cho đầy-tớ đó, khi chủ đến thấy làm như vậy,» tức là thấy thức-canh. Thức-canh thế nào? Cho mỗi người trong nhà «đồ ăn đúng giờ.» Quả thật Ta nói cùng các người

chủ sẽ đặt kẻ ấy coi sóc cả gia-tài mình. Nếu, trái lại, là một đầy-tớ xấu, nó nghĩ thầm rằng : Chủ ta đến chậm, bèn đánh kẻ cùng làm việc với mình, và ăn uống với phường say rượu thì Chủ nó sẽ đến trong ngày nó không ngờ và giờ nó không biết. Chủ nó sẽ đánh xé xương và định phần nó đồng với kẻ giả-hình. Đó là nơi sẽ có khóc lóc và nghiêng răng ! »

Đây là một viễn-tượng oai-nghiêm đáng sợ. Ngài chung kết đời này có những sự việc kinh-hãi như thế và kẻ ác sẽ bị phán-xét. Ngài phải thức-canh, đề-phòng, phải sẵn-sàng. Thí-dụ này cũng cho thấy đây là một cách thử-nghiệm về sự cảnh-giác đối với Cứu-Chúa vắng mặt, và sự chờ-đợi Ngài tái-lâm là tác-phong thích-hợp trong gia-đình Ngài. Hội-thánh của Ngài qua các thời-đại chính là điều Ngài muốn nói đến qua thí-dụ này. Chúng ta phải duy-trì mối tương-quan chung của đoàn thể và nếu trong gia-đình có ai tự xưng là đầy-tớ của Chủ đang vắng mặt mà không cư-xử phải lẽ với anh em mình thì chúng ta có thể trở về với Tân-ước và nhất là thơ Giảng đề tìm hiểu nguyên-nhân lỗi cư-xử ấy. Đối với những kẻ trước hết, không cư-xử phải lẽ với nhau trong gia-đình Đức Chúa Trời và sau nữa, sống một cuộc đời phóng-túng trên đất này, họ không thể nào thức-canh chờ đợi ngày Chúa đến được. Chúng ta phải tỉnh-thức, tương-giao và có lối cư-xử thành-thật với nhau trong gia-đình của Ngài cho đến lúc Ngài trở lại.

Nếu Ngài đến, mà không thấy chúng ta như thế, thì chúng ta hãy đọc những lời kinh-khủng này : « Con người sẽ đến trong giờ các người không ngờ » và « đánh xé xương », quảng nó ra ngoài, « định phần nó đồng với kẻ giả-hình, » nơi đó sẽ có sầu-khổ, phản-loạn không ngừng, nói cách khác, « có khóc-lóc và nghiêng-răng. »

Trong số các thí-dụ chúng ta đã đề-cập đến, có lẽ chưa có thí-dụ nào cần đưa vào thượng hạ văn như những thí-dụ ở đoạn này. Trước hết là Chúa chú-ý đến khái-tượng của

Đấng Christ và cách Ngài giải nghĩa trong khi trả lời câu hỏi của các môn-đồ, Ngài giải nghĩa cho họ và bảo : Hãy giữ, kéo có kẻ đổ-dành các ngươi. Đừng tưởng rằng ngày tái-lâm gần đến thế, hoặc ngày chung-kết mọi sự nhanh chóng như các ngươi tưởng. Nhiều người sẽ xuất-hiện, tức những Christ giả và mạo-nhận là mình đến để làm ứng-nghiệm mọi sự. Đừng tin họ. Đừng theo họ đi vào đồng vắng. Hãy thức canh và chờ đợi, nhớ rằng dầu không biết giờ đích-xác nhưng chúng ta đã biết rõ-ràng Chúa sẽ đến và đang sống trong quyền-năng của biến-cổ ấy bằng cách giữ mối tương-giao chặt-chẽ với nhau trong gia-đình Đức Chúa Trời và như thế, Ngày của Ngài sẽ mau đến.

26. MƯỜI NỮ ĐỒNG-TRINH

Ma-thi-ơ 25 : 1-13

Đoạn hai mươi bốn và hai mươi lăm tóm-tắt toàn thể lời dạy của Chúa chúng ta nhân dịp Ngài tiên-đoán về sự tàn-phá của Đền thờ, khiến các môn-đồ thắc-mắc đặt câu hỏi. Câu chuyện liên-tục này, Chúa Jê-sus không nói với đám đông hỗn-tạp mà nói riêng với môn-đồ Ngài.

Chúng ta không thể tách rời thí-dụ này, hoặc thí-dụ tiếp theo ra khỏi toàn thể câu chuyện Ở đây Chúa muốn giải-bày những lẽ thật quan-trọng qua câu chuyện có tính-cách báo-trước này, được kể cho môn-đồ trên núi Ô-li-ve.

Chữ đầu-tiên của đoạn này rất quan-trọng : “ khi ấy. ” Câu chuyện Ngài nói không bị gián-đoạn. Những gì Ngài nói trong thí-dụ này tiếp ngay những gì Ngài đã nói trước đây về người chủ nhà, với đầy-tớ khôn-ngoan và trung-tín cùng những đầy-tớ dại-dột và bất trung trong gia-đình. Chấm dứt thí-dụ ấy, Ngài nói những đầy-tớ bất trung và dại-dột ấy đã bị định phần với kẻ giả hình, “ sẽ có khóc-lóc và nghiến-răng. ” “ Khi ấy, Nước Thiên-đàng sẽ giống như mười người nữ đồng-trinh. ” Ngài nói về lúc ấy, tức thời-gian đã được nhắc đến trong đoạn trước và trong những hình-ảnh thí-dụ về người chủ nhà cùng các đầy-tớ khi chủ trở về. “ Khi ấy, Nước Thiên-đàng sẽ giống như thế này ? Không phải hôm nay. Thí-dụ về mười người nữ đồng-trinh thường được dùng như một sự-điệp truyền-giáo. Chúng ta có thể rút ra vài giá-trị về truyền-giáo trong thí-dụ này, nhưng thật ra Chúa không có ý ám-chỉ thời-kỳ này, nhưng là lúc chung-kết của thời-kỳ này, tức lúc Ngài đến.

Câu chuyện của Ngài bao gồm hình-ảnh thí-dụ về người chủ với các đầy-tớ, thí-dụ về mười người nữ đồng trinh và thí-dụ tiếp liền sau đó, không hề bị gián-đoạn. Ở câu mười bốn, chúng ta có chữ « Và. » Cả ba thí-dụ nối tiếp nhau, đều nói về ngày chung-kết đời này dành riêng cho những kẻ thuộc về Ngài, không phải cho thế-giới bên ngoài. Trong mỗi thí-dụ đều nói người chủ đi vắng rồi trở về và đây chính là sự trở về mà các thí-dụ đề-cập đến. Những thí-dụ này bày-tỏ vài khía cạnh trong trách-nhiệm của những kẻ thuộc về Ngài khi Chủ đi vắng, dưới ánh sáng của những điều sẽ được tiết-lộ trong ngày Chúa trở lại. Trước hết là thí-dụ về người chủ nhà, chủ đi vắng và giao việc nhà cho các đầy-tớ; tiếp theo là thí-dụ chủ như một chàng rể đi vắng, một số người ở nhà chờ đợi và cuối cùng là thí-dụ một người chủ đi vắng giao ta-lâng cho đầy-tớ và thái-độ đáp-ứng của họ.

Ba thí-dụ này nói lên ba khía-cạnh của trách-nhiệm, hòa hợp và liên-kết với nhau khi được bày-tỏ ra. Thí-dụ thứ nhất nói về trách-nhiệm chung trong gia-đình của Ngài, liên-quan đến cách cư-xử với nhau. Đó là thí-dụ nói về Hội-Thánh. Thí-dụ thứ hai về mười người nữ đồng-trinh, vẫn nói đến trách-nhiệm, nhưng là trách-nhiệm của từng đời sống cá-nhân. Trong thí-dụ tiếp theo, về các ta-lâng, chúng ta sẽ thấy nói đến trách-nhiệm của Hội-Thánh đối với những vấn-đề thuộc về Nước của Ngài, về vương-quốc của Chúa Jêsus và cách làm lợi cho Ngài trong lúc vắng mặt. Trước hết, cách chúng ta đối-xử với nhau trong đoàn-thề, trách-nhiệm hỗ-tương thí-dụ về người chủ nhà. Tiếp theo, trách-nhiệm cá-nhân, thái-độ chúng ta phải có trong lúc Chúa vắng mặt và sự mong-đợi Ngài trở lại thí-dụ về người nữ đồng trinh. Sau cùng, trách-nhiệm đối với đế-quốc, khi Ngài đã giao cho chúng ta một số công việc nào đó, chúng ta phải chịu trách-nhiệm—thí-dụ về các ta-lâng.

« Khi ấy, » tức khi Chúa sẽ đến phân-xử dân-sự Ngài về

trách-nhiệm chung của họ, như đã chép ở cuối đoạn trước «khi ấy, Nước Thiên-đàng sẽ giống như mười người nữ đồng-trình kia.» Chúa muốn giải-bày vấn-đề gì ở đây? Ngài đang nhìn về ngày chung-kết đời này, do sự đến của Chàng-Rề. Thí-dụ này là hình-ảnh cô dâu và chú rề. Ngài nêu rõ mối tương-quan giữa ngày chung-kết đời này với những kẻ có bđn-phận sửa-soạn cho ngày ấy. Điều nhấn mạnh không phải là ở công-việc. Những biểu-hiệu cũng không phải là tượng-trưng cho công-việc, nhưng là cho đời sống. Mọi điều đều đưa về một mạng-lịnh tối-hậu : «Hãy tỉnh-thức.» Ngài đã cho chúng ta biết trách-nhiệm đối với nhau ấy là chúng ta phải là một đoàn-thể đặt yêu-thương làm chủ. Đến đây, đi sâu hơn vào ứng-dụng cá-nhân; Ngài kể thí-dụ này.

Hình-ảnh rất giản-dị và mang màu-sắc Đông-phương. Đây là một khung-cảnh thông-thường ở các xứ Đông-phương. Ai nghe Ngài kể cũng có thể hiểu được. Hơn nữa, chúng ta không được phép đi quá xa ở đây. Câu chuyện này không hề nói đến cô dâu. Điều đó có thể khiến chúng ta dừng lại suy-nghĩ. Điều thú-vị là biết bao người đã cố-gắng đi tìm cô dâu trong thí-dụ này và bảo rằng những nữ đồng-trình khôn-ngoan là cô dâu. Có lẽ ý-kiến đó cũng có một phần đúng. Nhưng hình ảnh ở đây không phải cô dâu mà là chú rề. Học-giả Trench và nhiều người khác cho rằng cả câu chuyện nói về sự trở về của chàng rề và cô dâu. Tuy nhiên, theo ý-kiến chung, đây là hình-ảnh chàng rề đến đón nàng dâu và chắc-chắn ý-kiến này hợp với những câu Kinh-thánh khác. Trên quan-điểm đó, chúng ta có thể bảo năm người nữ đồng-trình khôn-ngoan tiêu-biểu cho cô dâu thật của Đấng Christ. Ở đây, chúng ta có bức tranh những kẻ mong đợi chàng rề đến.

Chúng ta không cần đi vào chi-tiết của bức tranh Đông-phương này, vì nó giản-dị và quen thuộc quá. Chàng rề đi vắng, và điều quan-trọng không phải là Chàng rề sẽ đến đón người nhà hoặc sẽ đến cùng với cô dâu. Có nhiều người đang

mong đợi chàng. Các nữ đồng trinh tiêu-biểu cho lớp người này. Tất cả đều có đèn và đến một lượt lúc nào đó, mọi người đều sửa-soạn đèn mình. Bức tranh này trình-bày đèn của họ vào lúc đó, có đủ dầu và tìm cần được săn-sóc không ngừng. Đó là tất cả hình-ảnh được vẽ ra.

Trong lúc chờ đợi, "các nàng thảy đều buồn ngủ và ngủ gục," nhưng không phải là vì họ chèn-mãng. Đó là luật tự nhiên và hợp-lý. Họ chờ đợi. Đêm khuya. Họ cứ chờ chàng về mà không biết lúc nào chàng về đến; rồi tự-nhiên và hợp-lý, họ buồn ngủ và tất cả cùng ngủ.

Bỗng có tiếng kêu cho biết biển-cổ họ mong đợi đã đến. «Kìa, chàng về đến! hãy đi ra rước người.» Rồi chúng ta thấy có năm người trong họ đã nghe tiếng kêu, tỉnh dậy, sửa-soạn đèn mình, vạy tìm lên cho sáng nhưng dầu đã cạn hết. Năm người kia cũng làm thế, nhưng vì còn nhiều dầu nên đèn họ chiếu sáng trong đêm tối. Lúc ấy, mấy người thiếu dầu mới quay sang mấy người có dầu, nói: «Xin bớt dầu của các chị cho chúng tôi, vì đèn chúng tôi gần tắt.» Không họ không thể làm điều đó được. Có người đã chỉ-trích ở điếm này. Cách đây ít lâu, một nhà truyền-đạo bảo rằng mấy người nữ đồng-trinh khôn thật là ích-kỷ khi không chịu chia dầu cho bạn. Nhưng họ hoàn-toàn có lý. Vì nếu họ chia dầu thì đèn họ cũng sẽ tắt. Trong trường-hợp những ngọn đuốc đang cháy thì dầu là của riêng, không thể nào chia-xẻ được. Mấy nàng đồng-trinh lại phải đi mua dầu; nhưng đã quá muộn. Những người sẵn-sàng từ trước, đã bước vào nhà và đóng cửa lại.

Bức tranh này nói gì? Hãy nhớ rằng điều chúng ta đã thấy rồi, cũng cần được nhấn mạnh hơn. Đây là bức tranh của ngày cuối cùng, cho biết một khía cạnh của lẽ thật, tức là giờ Chủ đi vắng trở về. Chủ đi vắng đã trở về và mọi người đến tính sổ công việc của mình. Đó là hình-ảnh trong thí-dụ tiếp theo; nhưng ở đây, cũng là hình-ảnh Chủ đi vắng về nhà và

sự trở về đó sẽ làm sáng-tỏ sự thật về những kẻ giả sử thuộc về Ngài trong suốt thời-gian Ngài đi vắng. Đây là hình-ảnh của Hội-Thánh. Tuy nhiên tôi muốn nói khác một chút và đổi là : hình-ảnh của những tín-đồ Cơ-đốc-giáo nói chung. Chúng ta cần phân-biệt rõ-ràng Hội-Thánh của Đức Chúa Trời với những tín-đồ Cơ-đốc giáo nói chung Hội-Thánh của Đức Chúa Trời gồm những kẻ có dầu và đèn luôn luôn cháy, sẵn-sàng khi Chúa đến. Còn đoàn-thề tín-đồ Cơ-đốc thì rộng lớn hơn. Đây là bức tranh ngày cuối-cùng với cả đoàn-thề tín-đồ Cơ-đốc. Chú-ý kỹ những điều chúng ta đã thấy trong bức tranh này. Có nhiều điểm tương-đồng đặc-biệt giữa năm người khôn-ngoaan và năm người dại. Cả hai hạng người đều : « Đi rước chàng rề. » Nhưng mấy người dại thì : « không đem dầu theo. » Đây là một sự cầu-thả hiển-nhiên. Những người khôn, trái lại « đem dầu theo. » Thái-độ của họ rất thực-tế.

Tuy-nhiên, còn một điểm khác biệt kinh-khủng hơn. Một số không có dầu. Mấy người kia có dầu và quyết-định đáng sợ cuối-cùng là gì ? Đối với những kẻ cầm đèn, những kẻ có lòng mong đợi nhưng chỉ sẵn-sóc bề ngoài, chỉ chú-trọng đến hình-thức tương-quan bên ngoài với Chàng Rề vắng mặt. Chúa Jêsus phán : « Ta không biết các ngươi. » Còn những kẻ có dầu bước vào tiệc cưới — một bức tranh về sự chọn lọc những tín-đồ cơ-đốc trong ngày chung-kết đời này khi tự xưng là tín-đồ với tất cả tượng-trưng và nghi-lễ của nó, nhưng sẽ vì thiếu dầu, thiếu sự sáng và quyền-năng thì đều hóa nên vô-dụng ; khi mà nếu có những điều nói trên, thì nó sẽ biến thành ám-hiệu và giấy thông-hành để dự tiệc cưới.

Một điểm qui-tự trong lời cuối cùng của Chúa Jêsus ở câu mười ba : « Vậy, hãy tỉnh-thức, vì các ngươi không biết ngày cũng không biết giờ. » Làm gì ? « Tỉnh-thức nghĩa là gì ? Có phải là luôn luôn nói về sự trở lại của Chàng Rề và xác-nhận rằng Ngài sẽ trở lại không ? Không, mười người nữ

đã nghi thế. Như vậy thì tình-thức là gì? Chúng ta phải có thứ dầu huyền-bí giữ cho đèn chúng ta luôn cháy sáng.

Khi bắt đầu giải nghĩa thí-dụ chúng ta cũng gặp nhiều ý-kiến khác nhau. Một tiên-nhân lớn là Origen cho rằng dầu chỉ về những việc lành. Theo ý tôi, đã là sự thất-bại đó trong cách giải nghĩa. Martin Luther chủ-trương rằng đó là đức-tin, đức-tin sống động. Nhưng Grotius há chẳng có lý khi bảo dầu là tượng-trưng cho Thánh-Linh sao? Tôi đồng ý như thế. Suốt Cựu-uớc, dầu luôn luôn là biểu-hiệu của Thánh-Linh. Dù là dầu trong đèn đốt ở nơi Thánh hay là trong tượng-trưng chủ nghĩa như Xa-cha-ri; hoặc trong tất cả những nghi-thức xức dầu ngày xưa, luôn luôn dầu vẫn tiêu-biểu cho Thánh-Linh và quyền-năng. Chắc-chắn Chúa chúng ta dùng thí-dụ này để nhấn mạnh ý đó và với mục-đích đó.

Chữ quan-trọng ở đây là: « Tình-thức. » Tình-thức nghĩa là có dầu tiếp-ứng. Trong sự tiếp-ứng của Thánh-Linh, Đức Chúa Trời trong một đời sống đầu-phục Thánh-Linh và để cho Thánh-Linh làm chủ, luôn luôn có dầu để chiếu ra ánh sáng. Vâng, Origen và Luther có một phần đúng theo ý nghĩa sau này, vì nơi nào có dầu thì nơi đó có Thánh-Linh của Đức Chúa Trời, có đức-tin sống động; và nơi nào có đức-tin sống thì nơi đó có việc làm sống. Nhưng điểm cần-thiết vẫn là dầu đốt cháy.

« Kia Chàng Rề đến!, Khi nào? Lúc chúng ta hỏi « Khi nào » thì sự nguy-hiềm sẽ vây lấy chúng ta. « Các người không biết ngày, cũng không biết giờ. » Có thể là trước lúc ngày nay chấm dứt, Ngài sẽ đặt bàn tay dấu đinh của Ngài trên mọi quyền-lực hung-hăng của thế-giới này và tiêu-diệt chúng. Ngài sẽ đến để làm điều đó. Có thể là một ngàn năm nữa, nhưng một ngàn năm chỉ là con số đo-lường của loài người, không ở trong chương-trình của Đức Chúa Trời. Chúng ta không biết giờ nào,

Vậy, chúng ta phải làm gì ? Phải xem thử đèn chúng ta có cháy không, chúng ta có đủ dầu tiếp-ứng không, vì thiếu dầu, đèn chúng ta sẽ không cháy và không chiếu sáng. Như thế, thí-dụ về mười người nữ đồng-trình đặt giữa một bức họa gồm ba thí-dụ, cho chúng ta thấy rõ, không phải những trách-nhiệm hổ-tương, không phải trách-nhiệm đối với anh em tôi; không phải trách-nhiệm đối với công-việc của Chúa ở thế-gian; nhưng là trách-nhiệm chúng ta, trách-nhiệm của tôi về chính mình tôi, về đời sống riêng của tôi. Thật là vô-ích nếu tôi chạy đến anh và xin dầu của anh. Bạn không thể làm thế được. Đây là vấn-đề cá-nhân và riêng biệt. Mỗi đời sống cá-nhân phải được đầy-dẫy Thánh-Linh của Đức Chúa Trời để chiếu ra ánh sáng và giữ ngọn lửa luôn cháy. Nhưng đến cuối-cùng sẽ có sự phân-biệt, Hội-Thánh và Chàng-Rề sẽ được mọi người thấy rõ, trong khi những kẻ cầm đèn, có thái-độ mong đợi chỉ trong đầu-ốc mà không thật có thái-độ đáp-ứng thì Ngài sẽ bảo : " Ta không biết các ngươi. "

xx

27. CÁC TA-LÂNG

Ma-thi-ơ 25 : 14-30

THí-dụ về các ta-lâng là cảnh cuối-cùng trong bức họa gồm ba thí-dụ nói về trách-nhiệm của những kẻ thuộc về Ngài trong thời-kỳ từ lúc Giê-ru-sa-lem bị sụp đổ cho tới khi Ngài đến lần thứ hai. Chúng ta đã đề-cập đến thí-dụ về người chủ nhà và các nữ đồng-trình. Tuy nhiên, có một điểm chung ấy là tất cả những ai xây-dựng nên Nước Đức Chúa Trời đều ở dưới quyền kiểm-soát tối-cao của Ngài. Thí-dụ thứ nhất nói về gia-đình, tức Hội-Thánh trong nhà riêng. Đó là một đoàn-thê và mỗi phần-tử có trách-nhiệm săn-sóc, yêu-thương nhau, không được hiềm-khích, cãi-cọ và cấu-xé nhau. Thí-dụ tiếp theo về các nữ đồng-trình, nói lên trách-nhiệm cá-nhân, không phải chỉ có hình-thức bên ngoài mà phải có sự sống thật. Thí-dụ này không phải là một bài học chỉ dạy chúng ta mong đợi Chúa trở lại, nhưng là phải có dầu, hầu cho đèn cứ cháy luôn.

Bây giờ chúng ta đến thí-dụ nói về những trách-nhiệm trong khung-cảnh rộng-rãi hơn hết, trách-nhiệm đế-quốc của Hội-Thánh. Điều này cho chúng ta biết ngay vấn-đề Chúa muốn bàn đến khi dùng thí-dụ về các ta-lâng. Chữ « đế-quốc » ở đây được dùng với chú-ý, dù trên vài khía cạnh tôi không thích, vì chữ này đã bị lịch-sử gán cho nhiều ý nghĩa xấu, Chữ này xuất-hiện trong lịch-sử La-mã từ khi một người lấy thế-lực quân-sự nắm quyền cách tuyệt-đối và trở nên hoàng-đế của cả đế-quốc La-mã. Những gì thuộc về đế-quốc có nghĩa là dùng quyền chuyên-chế cai-trị một dân-tộc. Tuy nhiên, nếu dùng đúng với ý nghĩa của nó, chữ này có thể

được áp-dụng hợp-lý trong trường-hợp ở đây. Chúa Jê-sus là Hoàng-đế duy nhất ; không phải Sê-sa, cũng chẳng phải các vua thuộc thời-gian, nhưng chỉ một mình Chúa Jê-sus. Chữ này bao-hàm ý-nghĩa một Vua và một Nước ; và ý-nghĩa trong thí-dụ mà Chúa đang giải-thí-h, lẽ thật mà Ngài đang nhấn mạnh ấy là thái-độ tiếp-tục làm lợi cho Vua của mỗi người dân trong Nước ấy; suốt thời-gian Ngài vắng mặt trên phương-diện thân-xác.

Trong ý-nghĩa quyền-năng Thuộc-Linh Ngài không vắng mặt. Chúng ta biết thế nào là đồng đi và trò chuyện với Ngài và nghe Ngài nói với chúng ta rồi. Chúng ta đã biết sự hiện diện thật của Chúa hằng sống. Tuy nhiên, trong dòng lịch-sử thì đây là lúc Ngài vắng mặt. Ngài đã ở trên thế-gian trong một thể-hệ ngăn-ngủ hơn ba mươi ba năm, khoảng thời-gian quan-trọng của lịch-sử nhân-loại mà mọi sự điều hướng đến và từ đó, những gì có giá-trị đã tiến-triển, đang tiến-triển và sẽ tiến-triển. Nhưng Ngài sẽ trở lại Không ai đã tin Tân-trước lại phủ nhận điều đó. Lời tuyên-bố rất rõ ấy là Đấng đã đến sẽ trở lại thế-gian này. Qua suốt lời tiên-tri trên đồi Ô-li-ve này, Chúa đang như thế-gian và Hội-Thánh Ngài trên quan-diêm hiện-hữu của chúng, khi Ngài vắng mặt trên phương-diện thân-xác, để đi vào một xứ xa và sau một thời-gian khá lâu, sẽ trở lại.

Chúng ta chớ nên lẫn-lộn thí-dụ này với thí-dụ về những Nén bạc trong Tin-Lành Lu-ca. Điều nhấn mạnh trong hai thí-dụ hoàn toàn khác nhau. Hình-ảnh dùng ở đây là gì? Đặc-điểm của hình-ảnh này vốn là vô cùng giản-dị. Câu mười bốn mở đầu : « Và, Nước Thiên-đàng sẽ giống như một người kia, khi đi Cưng xa » Trong bản tiếng Anh (Revised Version), những chữ « Nước Thiên-đàng, và « khi » được in xiên có nghĩa là trong bản Hi-lạp không có những chữ ấy, nhưng các dịch-giả đã thêm vào cho câu văn trôi chảy. Tạm bỏ những chữ ấy ra, chúng ta có : « Và, như một người kia

đi đường xa, gọi các đầy-tớ.» Như thế, thí-dụ này sẽ được nối kết chặt-chẽ với những gì đi trước nó. Chúa không dùng ở khoảng giữa các thí-dụ. Chúng ta hãy nhìn lại thí-dụ về mấy người nữ đồng-trình và toàn thể liên-hệ cùng giá-trị trong lời cuối cùng của Chúa Jê-sus ở câu mười ba: «Vây, hãy tỉnh-thức, vì các người không biết ngày cũng không biết giờ. Vây, như một người kia đi đường xa gọi các đầy-tớ mà giao của-cải mình.» Ở đây Ngài minh-chứng sự cần-thiết của tỉnh-thức nhưng trên một khía cạnh khác. Ngài dùng hình-ảnh rất giản-dị; Ngài nói: «một người kia.» Chúng ta có lý bảo đây là một vị vua. Đây là một bức tranh về một người kia có xứ riêng dưới quyền điều-khiển của mình. Người là Chúa, chủ và vua của xứ đó. Trong xứ, người có nhiều đầy-tớ. Chữ Ngài dùng suốt câu chuyện này có nghĩa là nô-lệ. Phao-lô thường ám-chỉ chính-mình là *doulos*, nô-lệ của Jê-sus Christ, nghĩa là tài-sản hoàn-toàn thuộc về Chúa của ông, cả sức-lực đời sống của ông thuộc về Ngài, bản-thân ông thuộc quyền sử-dụng của Chúa. Đó là hình-ảnh được dùng ở đây.

Hơn nữa, người này còn có của-cải. Tất cả thuộc về người. Đây không phải là tài-sản tích-trữ nhưng là một cái gì phải đem chia, đem bán. Đây là một hình-ảnh về thương-mãi của một vị vua, người làm chủ một xứ có nhiều đầy-tớ và có của-cải, tài-sản trong xứ. Bức tranh ở đây mô-tả người đang đi xa, để người nhà mình ở lại, những người đầy-tớ mà người đã chia các ta-lâng theo khả-năng của họ và để họ ở nhà làm lợi cho người, tiếp-tục công-việc trong khi người vắng mặt, trình-bày tài-sản người cho những kẻ ở lại trong xứ và giao của-cải người cho kẻ khác sử-dụng. Đó là bức tranh đơn-giản Chúa muốn dùng. Sau một thời-gian khá lâu, người trở về và tính sổ với những đầy-tớ có trách-nhiệm ở nhà, và tại đây, chúng ta có ba hình-ảnh: một người, năm; một người, hai; và một người một ta-lâng.

Nhìn lại bức tranh một lần nữa. Bài học ở đây là gì?

Ấy là trong lúc đi vắng, Chúa đã giao của-cải cho các đầy-tớ Ngài. Ngài gọi họ là đầy-tớ riêng của Ngài. Hãy chú-ý diềm nhấn mạnh trên thẩm-quyền và tài-sản ở đây: « Các đầy-tớ mình », và Người « giao của-cải mình. » Ấn ý trong việc giao này hoàn-toàn rõ-ràng. Của-cải được để lại để có thể dùng làm giàu thêm và đem vinh-hiền cho Chủ vắng mặt của họ. Người có của-cải. Các đầy-tớ có trách-nhiệm sử-dụng để làm giàu cho người. Đây là những hình-ảnh rất sống-động theo phương-diện tương-quan và gợi ý. Của-cải, Chúa vắng mặt của chúng ta và của-cải Ngài. Chúng ta phải bán gì trên thế-gian này ? Đừng cãi nhau về chữ « của-cải. » Chúng ta có thể bảo, những món quà của Đức Chúa Trời không có giá-cả. Nhưng hình-ảnh ở đây rất hay. Vị sứ-đồ đã dùng cùng một hình-ảnh này trong một khúc sách quan-trọng, bảo chúng ta đừng chuộc lại thi-giờ đã mất nhưng hãy mua tất cả mọi dịp-tiện ; và chính chữ « mua » đó nói lên hình-ảnh một thị-trường với những kẻ buôn-bán ngồi bên đồng hàng của họ, chờ dịp-tiện và bắt lấy mọi cơ-hội để bán. Đó là ý chính trong thí-dụ này.

Của-cải ở đây là gì ? Là toàn thể mọi sự-kiện về chức-vụ của Chúa Jêsus trên thế-gian này, tức là Tin-lành ; và đó không phải chỉ là sự-kiện lịch-sử nhưng là sự-kiện đầy quyền-năng sống thật về cách Đức Chúa Trời bày-tỏ cho loài người qua hình-ảnh Đấng Christ, sự-kiện về một chức-vụ nói lên nhân-tính trong Chúa Jêsus, về sự lên Thập-tự, sự mang tội-tử thế-gian, về quyền-năng chiến-thắng sự chết bởi sự sống lại của Ngài, về sự thắng-thiên và được ân-tứ để ban cho kẻ phản-nghịch, hiện nay là Chúa đang sống, đang chờ-đợi bước vào và làm chủ linh-hồn con người, để biến-đổi và tái-tạo con người theo hình-ảnh Ngài. Đó là của-cải ! Hàng-hóa lớn-lao của Hội-thánh Đức Chúa Trời có liên-quan với những gì thuộc về chính Ngài, không liên-quan với những gì của riêng Hội-thánh, với những chương-trình, tổ-chức của

Hội-thánh, nhưng là với tài-sản của Chúa Jêsus đã được Ngài mua-chuộc bằng một giá vô-biên và bây giờ đem cống-hiến cho con người, cho cả nhân-loại. Trong lúc đi xa, Ngài bỏ của-cải, tài-sản này lại cho các đầy-tớ Ngài.

Từ đó chúng ta liên-tưởng vẫn tất mà kỹ-lưỡng đến chữ « ta-lâng » trong thí-dụ này. Ngài giao người này năm ta-lâng, cho kẻ khác hai ta-lâng và kẻ khác nữa một ta-lâng. « Ta-lâng » nghĩa là gì ? Ý-nghĩa thông-dụng là khả-năng. Chúng ta bảo : Ông này có tài hoặc bà kia có tài ; để ngầm bảo họ có một khả-năng, thiên-tư nào đó. Nhưng chữ ta-lâng ở đây không có nghĩa đó. Đây không phải là vấn-đề chúng ta có đủ nhân-cách để dạy đời điều gì hay không. Chữ này có ý-nghĩa hoàn-toàn khác hẳn. Nguyên gốc nó là *talantos*, dịch sang tiếng Anh là « talent » và tiếng Việt là « ta-lâng, » là một danh-từ chỉ số-lượng chứ không nói về phẩm-chất. Đó là danh-từ về số-lượng, tiêu-biểu cho tài-sản của chính Chúa mà thôi. Năm ta-lâng thuộc về Ngài, là một phần tài-sản của Ngài, hai và một ta-lâng cũng thế. Những ta-lâng này không phải của các đầy-tớ. Đây không phải là vấn-đề dân Ngài xứng-đáng nhận ta-lâng nhưng là do sự giàu-có của ân-điền Ngài ban cho nhân-loại cách dư-dật.

Người này được năm ta-lâng, người kia hai và người nọ một. Tại sao người được năm, người được hai, lại có người chỉ được một ? Tại sao phân-chia như thế ? Kinh-thánh cho chúng ta biết : « Tùy theo tài mỗi người. » Bây giờ chúng ta đi đến vấn-đề tài-năng. Ta-lâng được giao cho tùy khả-năng. Có một nguyên-tắc rất lớn bao trùm ở đây. Sự phân-chia này không có nghĩa là người được năm ta-lâng có nhiều dịp-tiện hơn người nhận hai ; hay là người nhận hai có dịp-tiện hơn người nhận một. Trách-nhiệm của mỗi người đối với tài-sản của Vua tùy thuộc khả-năng sử-dụng của từng người một. Đức Chúa Trời sẽ cho một người, Christ sẽ giao, vua sẽ giao cho một người nào đó nhiều ta-lâng vì người

có khả-năng sử-dụng số tài-sản đã giao cho người. Đó có nghĩa là : Ngài sẽ không bao giờ kêu-gọi một người đi giảng đạo nếu người đó không có khả-năng giảng-dạy. Tôi sợ rằng chúng ta thường làm như thế. Nhưng Ngài không bao giờ. Phía sau câu nói ngăn-ngủi kỳ-diệu "tùy theo tài-sản mỗi người" ấy, chúng ta thấy cả một sự thích-ứng tự-nhiên, khả-năng của một con người như một cách sửa-soạn để đón nhận một món quà siêu-nhiên, và sự thật luôn luôn như vậy. Nếu một thương-gia có khả-năng đó, người sẽ nhận lấy trách-nhiệm hợp với khả-năng mình, và khả-năng thiên-bẩm, một thiên-tự đã được một cái gì siêu-nhiên báp-têm và ủy-quyền cho. Đừng lầm rằng năm, hai và một là những dấu-hiệu về sự cách-biệt giữa người tài giỏi với người tầm thường. Không hề như vậy. Mỗi người đều phải tường-trình việc mình làm.

Hãy xem những thư-tín của Phao-lô, khi bàn về những ân-tứ, ông nói : Người thì được ơn này, kẻ thì được ơn khác ; và trong khi liệt-kê những ân-tứ, ông nói : « Có kẻ được ơn cứu-giúp, » không phải là tài nói tiếng lạ, hoặc giảng đạo, hoặc dạy-dỗ, hoặc một cơn thật sự nào, mà là « cứu-giúp. » Tạ ơn Đức Chúa Trời về những kẻ có ơn cứu-giúp trong Hội-thánh tín-đồ Đấng Christ. Nhưng đó là tùy theo khả-năng ; và không ai chỉ-trích người thứ ba vì có chỉ nhận được một ta-lâng. Đó là khả-năng của người. Nguyên-tắc quan-trọng ở đây là cách phân-chia của-cải cho các đấng-tớ. Đề mỗi người có thể làm xong trách-nhiệm trong việc thực-hiện chương-trình của chủ khi ông ta đi vắng, chủ đã giao cho từng người theo ý mình muốn, kẻ năm, người hai, kẻ một ta-lâng ; theo khả-năng kẻ sử-dụng năm hoặc hai hoặc một ta-lâng. Tùy theo khả-năng khác nhau ; thiên-nhiên tự thích-hợp với siêu-nhiên.

Tiếp theo, Chúa cho chúng ta biết những người này đã sử-dụng của-cải này ra sao. Kẻ được năm, đã làm lợi thêm

năm, tức lợi một trăm phần trăm. Kẻ được hai, đã làm lợi thêm hai. Bao nhiêu phần trăm? Năm mươi phần trăm chăng? Không, một trăm phần trăm. Người thứ hai cũng giống người thứ nhất. Kẻ được một đã đánh giá-trị chủ rất sai-lầm để biện-hộ cho thái-độ không chịu làm việc của mình. Người đem ta-lâng giấu trong một khăn vải rồi chôn xuống đất, và bảo, người làm thế là vì chủ mình khó tánh và bất công, gặt chỗ mình không gieo. Không chịu làm việc! Người đã nhận một ta-lâng. Nếu người dùng nó làm lợi thêm thì ta-lâng ấy đã sanh được một ta-lâng nữa và giá-trị người sẽ được đặt ngang hàng với kẻ có hai hoặc năm ta-lâng. Người sẽ làm lợi một trăm phần trăm. Nhưng người đã chẳng sử-dụng tài-sản của chủ. Ta-lâng người nhận chẳng mang lại gì cho chủ.

Kết-quả hoàn-toàn giản-dị và rõ-ràng. Chú-ý cần-thận hai câu này. Câu 21: « Chủ nói với người rằng: Hỡi đầy-tớ ngay lành trung-tín, được lắm; người đã trung-tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập người coi-sóc nhiều: Hãy đến hưởng sự vui-mừng của Chúa người.» Câu 23: « Chủ nói với người rằng: Hỡi đầy-tớ ngay-lành trung-tín, được lắm; người đã trung-tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập người coi-sóc nhiều: hãy đến hưởng sự vui-mừng của Chúa người.» Hai câu này giống nhau in hệt, không sai một chữ. Điều đó chứng-tỏ những lời Chúa nói về người năm ta-lâng và người hai ta-lâng hoàn-toàn như nhau. Cả hai đều được thừa-nhận như nhau: « Được lắm.» « Được lắm.» Những chủ của tôi ơi! Chúa Jê-sus sẽ không bao giờ nói « Được lắm» với ai nếu người đó không trung-tín làm xong nhiệm-vụ mình.

Tiếp theo hãy chú ý: « hãy đến hưởng sự vui-mừng của Chúa người.» Hãy chia vui với Ta vì người đã sử-dụng tài-sản của Ta trong thế-gian, tài-sản mà Ta đã giao cho người. Vì thế, nếu Ngài cho chúng ta hai ta-lâng, thì đừng đại-dột mong được năm, hoặc nếu Ngài cho một, thì đừng mong được hai. Chúng ta đã có một ta-lâng chưa? Ngài có giao cho

chúng ta một ta-lãng không ? Chúng ta có nhận được một phần tài-sản nào của Chủ và chịu trách-nhiệm đặc-biệt đối-với kẻ khác, một, hai hoặc năm không ? Hãy nhớ chúng ta phải sử-dụng triệt-đề của-cải Ngài giao cho chúng ta coi-sóc. Cả câu chuyện dạy chúng ta rằng vấn-đề tối-hậu không phải là mức-độ quan-trọng của dịp-tiện nhưng là lòng trung-tín, trung-thành đối với dịp-tiện gặp được.

Chúng ta không cần phải dừng lại với người một ta-lãng, dù đây là một câu chuyện bi-thảm. Người đối với chủ mình và chủ đã lập lại lời đối-trá ấy để bác-bẻ. Ai có thể đọc câu này mà không cảm thấy phảng-phất một ý mỉa-mai, châm-biếm ? ‘Hỡi đầy-tớ dử và biếng-nhác.’ Tiếp theo là lời bác-bẻ. Có phải người biết rằng Ta gặt trong chỗ mình không gieo và lượm-lặt trong chỗ mình không rải ra chẳng ? Người đánh giá Ta như thế phải không ? Được, nếu người nghĩ vậy, thì hẳn người đã giao bạc Ta cho kẻ buôn bạc và ít ra, khi trở về, Ta cũng lấy được tiền lời. Đó là một câu nói quả-quyết và vì thế, có vẻ cách-mạng.

Tất cả đều là đầy-tớ của chủ và có thể người được năm ta-lãng hay là hai ta-lãng rồi cứ đi chôn nó cũng như người chỉ có một. Người này đem ta-lãng đi chôn không phải vì có một ta-lãng. Người chôn nó vì trong tâm-trí, người nghĩ sai về chủ mình. Rồi cuối cùng, người nói dối và lấy đó làm cơ biện-hộ chính mình ; nhưng chủ nói : Hãy lấy ta-lãng của người này mà cho kẻ có mười ta-lãng, và hãy quăng nó ra ngoài chỗ tối-tăm, chỗ tối-tăm ngoài vòng đoàn-thề những kẻ chịu trách-nhiệm làm việc cho Nước Đức Chúa Trời.

Chúng ta cần phải liên-kết ba thí-dụ trên với nhau. Cả ba chúng ta biết trách-nhiệm ba chiều của Hội-thánh. Trước hết, trách-nhiệm chung, cách cư-xử phải lễ giữ những phần-tử trong Hội-thánh, không được hiềm-độc và có ác-ý với nhau ; hay có thể dùng hình-ảnh — cắn-xé nhau. Tiếp theo là trách-nhiệm cá-nhân, chúng ta không chỉ mang danh-hiệu,

chỉ là một cây đuốc, một tim đèn dễ bị lu-mờ khi bị đóng bụi, nhưng phải hơn thế. Chúng ta phải có dầu giữ cho đèn luôn cháy sáng: Cuối-cùng, là trách-nhiệm đối với đê-quốc, trách-nhiệm chúng ta đối với tài-sản của Chúa, đối với kế-hoạch của Christ trên thế-gian này. Trong mỗi trường-hợp, trách-nhiệm chúng ta đều tương-quan giữa chúng ta với Ngài. Trung-thành với Ngài, cả gia-dinh sẽ luôn luôn hòa-thuận. Chờ-đợi Ngài, đèn sẽ luôn luôn cháy. Làm việc cho Ngài, Nước Ngài sẽ mau đến và danh Ngài được vinh-hiền.

xx

28. CHIÊN VÀ DÊ

Ma-thi-ơ 25 : 31-46

TRONG những thí-dụ về chiên và dê, chúng ta sẽ chú-ý đặc-biệt những điều Chúa muốn chứng-minh qua các hình-ảnh này. Mấy thí-dụ này thuộc về phần thứ ba và là cuối-cùng trong lời tiên-tri Ngài nói trên đỉnh Ô-li-ve. Để giải-thích cho đúng, chúng ta trước hết, phải nhớ mối liên-hệ giữa các phần và với cả sứ-điệp của sách Tin-lành chép sứ-điệp đó. Thứ hai, chúng ta không được thêm bất cứ một điều gì vào hình-ảnh thí-dụ của Ngài nếu sự thật nó không có trong hình ảnh ấy. Chúng ta rất dễ mắc phải lỗi-lầm này, nhất là đối với câu chuyện và thí-dụ ở đây. Nếu chúng ta cần-thận như nói trên thì mới tự do đề nắm vững được cách dễ-dàng và theo-dõi được đà diễn-tiến mô-tả cách linh-động trong câu chuyện.

Hình-ảnh thí-dụ về chiên và dê ở đây chỉ về tánh-cách cuối-cùng. Cuối-cùng những gì ? Vấn-đề sẽ được giải-đáp khi chúng ta quan-sát kỹ-càng. Hãy xem mối liên-hệ giữa phần này (25 : 31-46) với toàn thể lời tiên-tri trên đồi Ô-li-ve. Để trả lời đám môn-đồ đang thắc-mắc, trước hết Ngài nhìn về thời-đại sắp tới và nói tiên-tri đặc-biệt về dân Hê-bơ-ơ, nhất là sự tàn-phá thành Giê-ru-sa-lem, đã được ứng-nghiệm sau lời Ngài nói hơn một thế-hệ. Phần thứ hai (24 : 45—25:30) Chúa đề-cập đặc-biệt về trách-nhiệm của Hội-Thánh Ngài giữa lần đến thứ nhất và thứ hai. Chúng ta đã thấy những trách-nhiệm ấy, trách-nhiệm chung riêng và đối với đế-quốc. Bây-giờ, trong phần cuối của lời tiên-tri, Ngài nói về các dân-tộc. Đây không đề-cập đến người Hy-bá-lai theo phương-diện dân-tộc. Nước đó đã bị Ngài loại ra ngoài chương-trình của Đức Chúa Trời. Bây giờ nó không còn là dân-tộc thiêng-liêng, tức Hội-Thánh đã được Ngài chia trách-nhiệm ngày

trước nữa. Hiện nay nó là dân-tộc của thế-giới. Trong phần cuối này, Ngài nói về ngày cuối-cùng và những điều sẽ xảy đến trong những nước trên thế-gian này.

Trong mỗi phần của lời tiên-tri, lúc nào Ngài cũng nghi đến lần đến thứ hai của Ngài. Thật sự này được Chúa lập đi lập lại. Phần thứ nhất chấm dứt với lời khuyên : « Vậy thì các ngươi cũng hãy chực cho sẵn, vì Con người sẽ đến trong giờ các ngươi không ngờ .» Phần thứ hai, suốt ba bức tranh đều nói về sự trở lại của Chủ. Chủ gia-đình đến để dò-xét về trách-nhiệm chung nhà ; chàng rề đến để gặp những kẻ mong-đợi chàng ; và chủ tài-sản đến để tính sổ với những kẻ đã nhận các ta-lâng.

Phần cuối ở đây bắt đầu nhắc lại đoạn kết của hai phần trên : « khi Con người ngự trong sự vinh-hiền mình .» Tại đây. Ngài dùng sự đến lần thứ hai làm khởi-điểm và đưa ra ngay những sự-kiện liên-quan với lần đến đó. Ngài cho biết ảnh-hưởng của lần đến thứ hai trên các vấn-đề quốc-gia trong thế-gian này.

Hãy theo-dõi sách Ma-thi-ơ, nhà chép sử tài-ba của Vua, đã bắt đầu tường-thuật câu chuyện theo luật diễn-tiến và đến đây, đưa chúng ta tới điểm hồi-hộp nhất. Đây là Tin-lành của Nước thiên-đàng. Quang-cảnh đầu-tiên giới-thiệu vị Vua. Từ đó, tác-giả mô-tả công-cuộc truyền-giáo của Vua. Nào là lời rao-truyền về đạo-đức, tức bài giảng trên núi của Ngài ; nào là sự bày-tỏ những ân-huệ của Nước Thiên-đàng qua cách Ngài chữa lành những bệnh-tật thể-xác, đạo-đức cũng như tinh-thần của đám người cùng khốn ; và cuối-cùng, thái-độ chống-đối quyết-liệt của Ngài đối với kẻ thù. Đây là lúc Ngài sẽ bị từ-khước hoàn-toàn nhưng cũng là lúc Ngài đi đến chiến-thắng sau cùng. Đó là chiến-thắng được mô-tả trong phần cuối của lời tiên-tri trên đồi Ô-li-ve này. Trong sách Ma-thi-ơ, chiến-thắng sau cùng này không xảy ra ở trời, nhưng là ở đất. Điều đó không có nghĩa là

những sự việc sau cùng không thuộc về trời và không thuộc về những thời-đại sắp đến. Chắc-chắn tất cả đều thuộc về hai lãnh-vực đó, nhưng đó không phải là vấn-đề ở đây và cũng không phải là đề-tài trong câu chuyện này.

Những luật-lệ về Nước Thiên-đàng trong bài giảng trên núi chỉ áp-dụng cho những điều-kiện thuộc về đất, không phải thuộc về trời. Những luật đó không thích-hợp với nước trời, với hoàn-cảnh của cuộc đời sau. Tất cả đều áp-dụng cho đời sống hiện-tại. Khi chúng ta nhìn thấy Vua lấy quyền-năng, thương-xót và oai-nghi đi lại giữa đám người cùng khổn, điều đó không có nghĩa là tất cả quyền-năng thuộc Vương-quyền của Giê-hô-va trong địa-hạt Thiên-đàng đã được trình-bày ra hết tại đó. Không, đây chỉ là quyền-năng Ngài trên lãnh-vực thuộc về đất. Vì thế, Ngài luôn nhấn mạnh lời tuyên-bố về Ngài, những lẽ thật của Ngài đối với thế-gian. Lời cầu-nguyện mà chúng ta gọi là bài « cầu-nguyện chung » đề - cập đến hai lãnh-vực. Lãnh-vực thứ nhất liên-quan đến mối tương - quan giữa người với Đức Chúa Trời, và lãnh - vực thứ hai, về nhu - cầu của con người trên đất cùng mối tương-quan chung giữa loài người trên thế-gian này. Ngài dạy môn-đồ Ngài cầu-nguyện : «Lạy Cha chúng tôi ở trên trời, danh Cha được tôn Thánh, Nước Cha được đến, ý Cha được nên, ở đất như trời.» Niềm khao-khát của lời cầu-nguyện đó không phải là xin cho con người một ngày kia sẽ tìm được đường về trời nhưng là xin Đức Chúa Trời chiến-thắng trái đất hầu cho trái đất này thuộc về Nước Đức Chúa Trời. Ở đây đề-cập đến trái đất.

Trong Tin-Lành của Ma-thi-ơ ở đây (26-28), chúng ta thấy có sứ-mạng và lời ủy-thác tối-hậu. Hãy nghe lời phán của Vua : «Hết thảy quyền-phép ở trên trời và dưới đất đều đã giao cho Ta ; vậy hãy đi khiến muôn dân làm môn-đồ Ta (theo bản dịch chính-xác). Khiến ai làm môn-đồ ? Muôn dân. Khi họ đã chịu ảnh-hưởng và phục-tùng, hãy « nhưn danh Đức Cha, Đức Con và Đức Thánh-Linh mà làm phép báp-

têm cho họ.» Nhưng đó là « muôn dân. » Nghĩa là thuộc địa-hạt trái đất này. Đừng tưởng điều này làm mất vẻ cao-cả và vinh-hiền. Nó không can-dự vào ý-nghĩa rộng-rãi của chức-vụ Đấng Christ, vì nó bao gồm những thời-đại sắp đến, hay nói theo cách Phao-lô : «trải các đời các kiếp.» Bạn đã từng ngồi xuống tính con số ấy chưa ? Điều lưu-tâm đầu-tiên của Vua chúng ta là thiết-lập trên thế-gian này một trật-tự hòa-hợp với trật-tự trên trời.

Đây là điều quan-trọng hơn hết chúng ta cần biết về những biến-cổ được nhắc đến trong lời tiên-tri này. Có vài điều chúng ta cần loại ra. Đây không phải là bức tranh của Tòa Đại-Hình, không phải của Tòa lớn và trắng. Hình-ảnh đó đã được mô-tả trong Khải-huyền : « Bấy giờ tôi thấy một tòa lớn và trắng cùng Đấng đương ngồi ở trên ; trước mặt Ngài trời đất đều trốn hết. » Rồi kẻ chết được sống lại và đứng trước mặt Ngài. Tại đây không nói gì về Tòa lớn và trắng đó. Con người được chép ở đây, chẳng phải là Quan-án tối-hậu như là Vua đang cầm-quyền. Ở đây trời đất không trốn chạy. Ở đây chỉ nói đến mặt đất này thôi. Cũng chẳng nói đến sự sống lại của kẻ chết. Còn những dân-tộc đề-cập đến cũng là những dân-tộc đang sống. Suốt lời tiên-tri trên đồi Ô-li-ve này, Chúa chúng ta chỉ nhìn về ngày chung-kết đời này, và ở phần này, Ngài cho biết số-phận của các dân-tộc trong ngày ấy.

Vậy sẽ có những gì xảy ra ? Trước hết, chúng ta thấy Con người ngồi trên Ngai vinh-hiền, và đó là ngai vua. Ngài là Vua, và đó là ngai vua. Ngài là vua. « Vua sẽ phán; » Ngài tự gọi chính là Vua, khi Ngài đến với các thiên-sứ, trong ngày chung-kết đời này. Ngài sẽ đến. Khi đến, Ngài sẽ ngồi trên ngai vinh-hiền của Ngài. Hãy dùng trí tưởng-tượng thánh mà theo-dõi quang-cảnh ở đây và vẽ nên bức tranh. Ngài được mô-tả với hình-ảnh đang cầm đầu chính-phủ thế-gian này cách công-khai. Với cách đó, Ngài loại tất cả

những kẻ cai-trị. Không một kẻ cai-trị nào được nhắc đến ở đây. Chẳng có vua, tòng-thống, hoặc kẻ độc-tài nào; chỉ một mình Ngài đang thâu-nhóm mọi dân-tộc. Đây không phải là vấn-đề có một đoàn người gồm có cả nam lẫn nữ. Nhưng là một đại-hội của mọi dân-tộc và Ngài đang điều-khiển công-việc của nước trên đất này. Đây là bức tranh về giai-đoạn khởi-dầu của chánh-thê mới trong công-việc trên đất. Đây không phải là Ngôi lớn và trắng, cũng chẳng phải là Tòa-án của Christ mà mọi kẻ tin phải ứng-hầu. Nhưng Phao-lô đã nói, tất cả chúng ta phải ứng-hầu trước tòa-án của Đấng Christ Khi chúng ta ra trước cái nhìn này lửa, thì tất cả những gì không xứng-đáng sẽ bị thiêu-hủy và lửa sẽ đánh bóng mọi vật thánh-khiết cho đẹp-đẽ hơn. Đây là hình-ảnh Vua lên ngôi, đặt tay dấu đĩnh Ngài trên công-việc thế-gian và đưa về một chung-kết trong khi Ngài tiếp-tục thành-lập nước Đức Chúa Trời trên thế-gian này.

Điềm chính ở đây là gì ? Con người ngồi trên ngôi của mình. Bây giờ chúng ta cần phải trở lại từ đầu. Danh-hiệu « Con người » là tên gọi Ngài rất quen-thuộc khi Ngài còn mang xác-thịt. Đây là điềm thứ nhất chúng ta nhìn thấy; Con người được đặt trên ngôi; cầm-quyền. Tiếp theo, mọi dân-tộc nhóm quanh Ngài, một lần nữa, không có nghĩa là tất cả mọi người trên thế-giới đều tụ họp tại một chỗ, tuy có việc đó cũng không có gì khó-khăn. Thí-dụ tất cả dân-số của thế-giới có thể đứng chung trên một đảo Wight đó chẳng hạn. Đó chỉ là một sự nhắc sơ qua. Khi chúng ta nói đến Hội Quốc-Liên, không có nghĩa là tất cả mọi quốc-gia đều tụ-hợp tại Genève. Hình-ảnh Vua ở đây đang kêu-gọi mọi dân-tộc họp lại, có thể chỉ những đại-diện của mỗi nước. Dù ở đây không nhấn mạnh điềm đó nhưng chúng ta cần lưu-ý. Muốn dân đang ở đó, nhóm chung với nhau. Mọi khác biệt đều được san bằng. Những truyền-thống quốc-gia phân-biệt dân-tộc chúng ta cũng bị xóa bỏ. Dù là những hình-thức chính-phủ nào và dù chúng ta có được thay-đổi đến đâu, thì khi Con người ngồi

trên Ngôi vinh-hiền của Ngài thì chúng sẽ có mặt tại đó và bị Ngài tố-cáo chính hình-ảnh tụ-hợp này nói lên thâm-quyền của Ngài.

Chúng ta hãy đi sâu vào hình-ảnh thí-dụ này. Nếu cuộc hội-hợp này hủy-bỏ mọi ngăn-cách xưa thì lại mở ra một sự chia-rẽ mới. Các dân-tộc không bị đối-đãi trên tiêu-chuẩn chủng-tộc, địa-vị chính-trị, nghề-nghiệp, thành-công, thất-bại hoặc tai-ương nữa. Nhưng họ sẽ bị chia thành chiên và dê, phân-rẽ các dân-tộc và là một cách chia-rẽ mới. Trước mặt vua, những ranh-giới xưa giữa quốc-gia không còn nữa; mà chỉ có chiên và dê ở bên hữu và tả của Ngài.

Chú-ý đặc-biệt những câu và lời phán quả-quyết tiếp theo. Đối với những kẻ ở bên hữu, vua phán : Hãy đến nhận lấy Nước Thiên-đàng. Đây chưa phải là Thiên-đàng thật; đây chỉ là một trật-tự mới trên đất; khi chúng ta cầu-nguyện : «Nước Đức Chúa Trời được đến ở đất như trời,» thì lời cầu-xin đó được đáp-ứng theo địa-hạt trên đất này. Hãy nhận lấy Nước, không phải Thiên-đàng, nhưng là trật-tự thuộc về đất.

Nhưng trên tiêu-chuẩn nào mới được nhận ? Đây, câu nói đầy ý-nghĩa của Ngài : «Ta đói...Ta khát...Ta là khách lạ... Ta đau ốm...Ta bị tù.» Đám người đứng bên phải kinh-ngạc thừa : Chúng ta thấy những cảnh ấy khi nào ? Hãy cẩn-thận đọc câu trả lời của Ngài. Đối với những kẻ đứng bên trái cũng như bên phải, Ngài trả lời cùng một câu, nhưng có điểm tương-phản. Họ cứ hỏi Ngài : «Khi nào ?.. Khi nào ?... « Quả thật Ta nói cùng các ngươi, hễ các ngươi đã làm việc đó » hay là « không làm việc đó » «cho một người trong những người rất hèn-mọn này của anh em Ta, ấy là đã làm cho chính mình Ta vậy » hay là « ấy là đã không làm cho chính mình Ta vậy. » Thật là một câu trả lời tuyệt-diệu.

Nhưng, chúng ta hãy tìm hiểu ý-nghĩa của nó. Vài người cho rằng Ngài muốn nói về dân Do-thái. Đây là một quan-điểm

kỳ-lạ. Hãy trở lại phần đầu sách Tin-lành này xem (12: 46). « Khi Ngài còn phán cùng dân-chúng, thì mẹ và anh em Ngài đến đứng ngoài muốn nói cùng Ngài » khi Ngài còn phán, « Nhưng Ngài đáp cùng kẻ đã báo cho Ngài rằng : Ai là mẹ Ta ? và ai là anh em Ta ? rồi Ngài giơ tay chỉ các môn-đồ mình, phán rằng : « Này là mẹ Ta cùng anh em Ta ! Vì hễ ai làm theo ý muốn Cha Ta ở trên trời, thì người đó là anh em, chị em Ta, cùng Mẹ Ta vậy. » Chúng ta không thể đem cái khung-cảnh vô cùng uy-nghi này giam-hãm trong cái ý-tưởng đại-dột bảo rằng Ngài gọi dân Do-thái là « anh em Ta. » Ai là « anh em Ta » ? Ngài đã cho chúng ta biết ai rồi. Ấy là những người Do-thái tức là Hy-bá-lai làm theo ý muốn của Cha Ta nhưng Ngài cũng ám-chỉ cả dân ngoại-bang nữa. Ngài đứng trên quan-điểm trách-nhiệm của chúng ta mà nói về cả một thế-hệ; Ngài thấy họ ra đi, các anh em thuộc-linh của Ngài, bà con thân-tộc, mẹ, anh em, chị em của Ngài; vô số người đang mang sức mạnh, niềm an-ủi và cứu-giúp của Ngài theo mỗi cách; và cuối-cùng Ngài nói với các dân : Họ đến tức là Ta đến và Ta đến trong đau-đớn. Ta đã đến trong thời-đại này qua các anh em Ta, và nếu các người không tiếp-nhận họ, tức là các người không tiếp-nhận Ta; và như thế, các người tỏ ra không xứng-đáng được nhận vào Nước Đức Chúa Trời mới được thành-lập. Xây sang những kẻ đứng bên tả, Ngài cũng nói giống như thế nhưng trên phương-diện ngược lại. Do đó, Ngài cho biết rằng các dân-tộc sẽ được thừa-hưởng Nước Đức Chúa Trời trên đất này hay không là tùy thái-độ họ đối với Đấng Christ, vì Ngài đã tự bày-tỏ chính mình với họ qua dân-sự Ngài suốt cả thời-đại.

Hãy suy-nghĩ kỹ điều này. Đây là cách xét-đoán các dân-tộc. Đây chính là câu hỏi của Phi-lát được lập lại trên quan-điểm một quốc-gia. Phi-lát nói : ta phải xử Jêsus như thế nào ? Đây là câu hỏi của các dân. Họ đang làm gì đối với Jêsus ? Họ phải xử thế nào đối với sứ-diệp của Ngài ? Họ đang có

thái-độ nào đối với các sứ-giả của Ngài ? Họ đang làm gì trước những sức-lực thiêng-liêng và những năng-lực đạo-đức đã được Ngài phóng-thích, và hiện đang hành-động trong thời hiện-tại, qua dân-sự Ngài ? Theo tiêu-chuẩn đó, Ngài sẽ xét-xử họ. Điều đáng sợ trong cuộc phân chia ấy là người công-bình sẽ bước vào sự sống trường-cửu; còn kẻ gian-ác sẽ rơi vào hồ lửa đời đời. Đây là một sự phân-rẽ theo quốc-gia.

Chúng ta phải dừng ở đây vì đó là chỗ Ngài chấm dứt. Chúng ta có thể đi xa hơn và tìm ý-nghĩa của nó. Đây là điểm khởi đầu của Nước Đức Chúa Trời trong lịch-sử nhân-loại. Đây không phải là điểm chung-kết. Điểm chung-kết sẽ không bao giờ đến cho tới khi sự-kiện trên xảy ra. Ngài sẽ là người ra lệnh. Nếu ngày nay có người hỏi tôi : Anh có thật tin điều đó sẽ xảy ra không ? Tôi sẽ đáp : Chắc-chắn sẽ xảy ra. Nếu tôi không tin thì tôi sẽ nản lòng và mất hết hi-vọng. Tôi tin chắc điều đó sẽ đến. Khi nào ? Đừng, bạn ơi, bạn đừng nên hỏi như vậy, vì Ngài đã nói rõ với chúng ta — Ngài đã nói với môn-đồ trong tiên-tri này. Chúng ta không được biết «khi nào.»

Phần này của lời tiên-tri mô-tả tổng-quát và cũng là nguyên-tắc căn-bản, về cách Vua sẽ tự mình — nói theo chữ Ngài dùng trong các thí-dụ đầu-tiên — «thâu mọi gương xấu và những kẻ làm ác khỏi Nước Ngài; và do đó, sửa-soạn cho một kỳ-nguyên mới, trong đó, một lần nữa, trích câu của Ngài, «những người công-bình sẽ chói-rạng như mặt trời trong Nước của Cha mình.»

Bức tranh này chiếu rọi lại phần trước và cho chúng ta thấy rõ hơn một phần trách-nhiệm của chúng ta. Trong gia-đình, chúng ta phải vâng-phục Chủ đang đi vắng mặt và yêu-mến lẫn nhau. Đối với bản-thân, chúng ta phải giữ cho đèn cháy luôn để chờ-đợi Ngày Chủ trở lại. Là những đại-diện của Ngài trên thế-gian, chúng ta phải tiếp-tục việc giao-dịch

của Ngài với những ta-lãng Ngài đã giao cho chúng ta. Hay nói tắt một lời, phải làm chứng cho Ngài, và tạo dịp-tiện cho muôn dân tham-dự công-việc cho Hội-thánh tín-đồ Đấng Christ, và như thế, sẽ sửa-soạn ngày phân-rẽ cuối-cùng khi Con người sẽ đến trong vinh-hiền của Ngài.

x X x

29. SỰ TẶNG-TRƯỜNG CỦA HỘT GIỒNG

Mác 4 : 26-29

ĐIỀM đáng chú-ý là chỉ có Mác ghi lại thí-dụ này và vì thế, sách Tin-lành này có vẻ đặc-biệt. Tác-giả cũng có ghi nhiều thí-dụ khác và có vài hình-ảnh thí-dụ trùng với Tin-lành Ma-thi-ơ.

Chúng ta có thể ngạc-nhiên và suy-nghi một ít về điềm này, nhưng đừng nên đi quá xa. Tại sao chỉ một mình Mác chép thí-dụ này ? Tôi không biết, nhưng mỗi người cứ tự hỏi, nhất là vì giá-trị độc-đáo của sách Mác, một giá-trị không thể tìm thấy trong một thí-dụ nào khác của Chúa Jê-sus, liên-quan đến Nước Thiên-đàng. Nó bao-gồm lời dạy của các thí-dụ khác và vì thế, điềm đặc-biệt là Mác đã ghi lại. Có lẽ thí-dụ này đã đặc-biệt in sâu vào lòng Mác vì có cá-tính riêng của ông. Mác có cá-tính rất hay. Phao-lô và Ba-na-ba đã bất đồng ý-kiến với nhau về Mác, cãi nhau quyết-liệt đến nỗi phải phân rẽ nhau. Phao-lô có thể có lý khi bảo rằng Mác là người hay do-dự, và có cá-tính yếu-ớt khi trở về Băm-phi-ly. Theo ý tôi, nếu Phao-lô có lý, thì tôi vẫn có cảm tình với Ba-na-ba. Ông đã giữ Mác ở lại và cho Mác một dịp-tiện khác để công-tác. Đây là thái-độ tốt hơn. Có lẽ vì thế mà thí-dụ này đã in sâu trong Mác và trở về với ông trong những năm sau, thí-dụ kỳ-diệu ấy đã nói lên đức-tánh kiên-nhẫn cần-thiết, trước hết là thân cây, sau là bông và sau nữa là hột.

Chúng ta không biết tại sao chỉ có Mác ghi lại thí-dụ này ; và hơn nữa, cũng không có dấu-hiệu rõ-ràng cho biết Ngài nói thí-dụ này lúc nào. Chắc hẳn Ngài nói trong ngày đầu-tiên mở đầu câu chuyện thí-dụ trên. Câu ba mươi chép : « Ngài lại phán rằng : Chúng ta sánh Nước Đức Chúa Trời với chi ? hay lấy

thí-dụ nào mà tỏ ra ? Nước ấy giống như một hạt cải. » Ở đây Mác ghi lại một trong những thí-dụ Chúa Jê-sus nói trong ngày trọng-đại ấy và đã được Ma-thi-ơ ghi lại đầy đủ trong đoạn mười ba. Mác có nói : « Ấy bởi nhiều lời thí-dụ như cách ấy mà Ngài giảng đạo cho họ, tùy theo sức họ nghe được Ngài chẳng hề giảng cho chúng mà không dùng thí-dụ; nhưng khi ở riêng, Ngài cắt nghĩa hết cho môn-đồ mình. » Vì vậy; có thể là thí-dụ này được kể cùng ngày hôm ấy. Cũng có thể thí-dụ này được kể trong ngày đầu-tiên của loạt thí-dụ trên, giữa những thí-dụ liên-hệ mật-thiết với nó, có thể lắm là sau thí-dụ về người gieo giống đi ra gieo, và trước thí-dụ về lúa mì với cỏ lùng nói về hai cuộc gieo khác nhau, rồi đưa đến thí-dụ về hạt cải mà chính Mác cũng có ghi lại. Chúng ta không thể nói gì thêm nữa, chỉ dừng lại, quan-sát điềm trong-đồng giữa những ý-tưởng căn-bản trong các thí-dụ này. Mỗi thí-dụ đều cho biết hạt giống chứa đựng những tài-nguyên nhưng cần phải được gieo xuống đất. Mỗi thí-dụ đều nói đến sự trưởng-thành, phát-triển, hậu-quả của việc gieo, và trong mỗi thí-dụ đều có mùa gặt, kết-quả của sự phát-triển, hậu-quả của việc gieo.

Vấn-đề chính trong thí-dụ ngăn-ngủi này là sự tăng-trưởng. Việc gieo đã được nhìn nhận rồi. Mọi người cũng đã biết về mùa gặt rồi, nhưng bài học ở đây nhắm vào giai-đoạn giữa lúc gieo với lúc gặt. Nếu chúng ta nhớ tất cả những thí-dụ trên, và nhớ cách Chúa đã vi Nước Đức Chúa Trời qua những danh-từ tuy có thay đổi nhưng tương-tự nhau, chúng ta có thể đi vào thí-dụ này. Vẫn theo phương-pháp từ trước, bây giờ chúng ta hãy quan-sát hình-ảnh Chúa dùng ở đây.

Đây là một hình - ảnh hoàn - toàn tự nhiên và vì có đó nó cũng cần-thiết. Một người gieo giống. Đề ý Chúa nói điều này. « Nước Đức Chúa Trời cũng như ; » « như một người vãi giống xuống đất. » Rồi khi đã gieo xong, người trở về với cuộc sống thường ngày. Hành-

động này chẳng có gì đáng trách. Điều đó « như một người vùi giống xuống đất rồi ngủ và dậy— hai khoảng thời-gian, « đêm và ngày. » Đêm đi ngủ ngày thức dậy, nghĩa là hoạt-động. Người này làm gì trong bức tranh ở đây ? Người gieo giống, rồi trở lại với cuộc sống thường ngày. Tối người ngủ, sáng thức dậy, hoàn-toàn hợp lý. Và người cứ tiếp-tục hoạt-động.

Trong khi đó, vật người đã gieo cũng tiếp-tục công-việc nó, không cần sự giúp-đỡ của người. « Giống cứ này chồi mọc lên, mà người không biết thế nào. » Nhớ kỹ điều này vì lát nữa chúng ta sẽ trở lại. Có việc gì xảy ra ? « Đất tự sanh ra hoa-lợi. » Người này không làm gì cả. Người không làm gì được. Nhưng người đã làm một việc. Người đã vùi giống ra nhưng rồi không thể làm gì hơn. Người đi ngủ, và tiếp-tục cuộc sống hằng ngày ; nhưng trong thời-gian đó, khi người không thể làm gì hơn, thì một công-việc vẫn tiếp-tục. Hạt giống đâm chồi và lớn lên ; người không biết nó lớn cách nào và nó « kết-quả. » « Đất tự sanh hoa-lợi. »

Bây giờ người phải làm gì ? Hãy xem đây. « Ban đầu là cây. » Chúng ta đều đã thấy cây ngoài đồng ; rồi nó cứ lớn lên cho đến khi trở hoa và tiếp-tục đến lúc chúng ta thấy bông « kết thành hạt, » chín và trưởng thành. Suốt thời-gian này, người gieo giống chẳng đá động gì đến vật mình đã gieo cả. Người đã làm xong bổn-phận. Người đã gieo giống. Người đi ngủ, thức dậy, tối rồi lại sáng, nhưng dù người không điều-khiển thì hoạt-động trong vật người gieo vẫn không chấm dứt. Kết-quả việc làm của người là hạt giống đâm chồi, lớn lên, phát-triển, và lặng-lẽ nứt lên đầu-tiên là cành cây, sau là bông và rồi không kết thành hạt. Có những luật và lực nhất-định trong hạt giống và trong đất. Nguyên-tắc của sự sống nằm trong hạt giống. Mỗi hạt giống đều chứa-đựng nguyên-tắc ấy. Có những lực về sự sống trong lòng đất, và những lực này ở trong đất, công-tác với những lực về sự sống trong hạt giống,

tạo ra một kết-quả, và tạo trong lặng-lẽ , rồi bỗng nhiên chúng ta thấy « ban đầu là cây, kể đến bông, » và tăng-trưởng trọn vẹn.

Hãy nhìn cách tổng-quát, rồi sẽ thấy sự cộng-tác kỳ-diệu giữa con người và thiên-nhiên. Thiên-nhiên không thể gieo và không thể gặt. Con người không thể làm cho lớn lên. Hình-ảnh này là ý chính của thí-dụ. Nó tự đưa ra một bài học. Sức mạnh phi-thường của thí-dụ này bắt lấy chúng ta. Trong thí-dụ thứ nhất, người gieo giống đi ra gieo. Dù Đấng gieo giống duy-nhất chính là Chúa, thì Ngài vẫn không phải là người Gieo giống ở đây, vì hình-ảnh cho ta thấy người này không biết sự tăng-trưởng như thế nào. Người không thể ngăn hột giống lớn lên, và không thể làm gì được. Nhưng Chúa thì không như thế. Còn chúng ta và mỗi người được gọi đến cộng-tác với Ngài cũng đều giống như người gieo giống ở đây. Chúng ta biết hột giống là gì rồi. Đó là hình-ảnh trong những thí-dụ trước. Hột giống là lời Đức Chúa Trời.

Hình-ảnh ở đây thật kỳ-diệu. Một người đi ra gieo và khi gieo xong, chẳng biết làm gì hơn. Người phải đợi, nhưng có một hoạt-động vẫn tiếp-diễn. Việc gieo của người đã đưa đến một kết-quả. Hột giống người gieo đã rơi xuống đất và đất tự sanh ra hoa-lợi. Sanh hoa-lợi bằng cách nào? Chưa phải là cánh đồng chín vàng ngay; nhưng mà « ban đầu là cây, » đây là một bức tranh kỳ-diệu, một cánh đồng, lúc thân cây đầu-tiên xuất-hiện, tia sáng xanh của thân cây trải dài từ đầu này sang đầu kia như một tấm thảm màu ngọc-bích. Hãy theo-dõi, bỗng nhiên chúng ta lại thấy hoa trở trên mỗi đầu cành. Chờ một tí nữa, thấy hột đã chín. Rồi người ấy trở lại và làm một việc. Người cho vào lưới hái. Vậy thì, đất không thể đem lại mùa gặt nếu hột giống không được gieo xuống; và con người không thể tạo nên mùa gặt nếu không gieo giống; nhưng đã gieo thì người phải đợi, và kiên-nhẫn chờ những luật Thiên-nhiên hành-động để đưa đến giai-đoạn nứt mầm.

tăng-trưởng, phát-triển và cuối cùng là mùa gặt.

Đây là thí-dụ kỳ-diệu so với những thí-dụ khác. Chúng ta không thể hiểu đúng ý nghĩa của nó nếu không liên-kết với những thí-dụ khác, như là thí-dụ đầu-tiên, về người gieo giống đi ra gieo. Trong những thí-dụ về Nước Đức Chúa Trời được chép ở Ma-thi-ơ, hạt giống gieo ra chỉ về lời Đức Chúa Trời hiện-thân trong đời sống con người. Khi Lu-ca kể lại thí-dụ đó, và như tôi tin trong một chỗ khác, ông nói rõ ràng rằng hạt giống là lời Đức Chúa Trời. Nhưng dù đó là Lời Đức Chúa Trời thật sự hay là lời hiện thân trong loài người, tức những người nam và nữ, con trai cùng con gái của Nước Thiên-dàng, thì nguyên-tắc quan-trọng vẫn là Lời của Đức Chúa Trời. Đừng quên rằng « Nước của Đức Chúa Trời là như vậy. » Ở đây chúng ta thấy những kẻ thuộc về Ngài thực-hiện cùng một công việc rải giống ra. « Nước Đức Chúa Trời giống như vậy. » Đó là cách Nước đó khởi đầu và luôn luôn khởi đầu như vậy.

Với ý-nghĩa đó, chúng ta tìm được một ứng-dụng rõ-ràng, vì Ngài biết rõ *cách* thế nào. Người gieo giống ở đây không hiểu, nhưng điều quan-trọng trong thí-dụ này là Chúa muốn dạy về Nước Đức Chúa Trời, và về chính mình Ngài là người gieo giống, cũng như về Lời của Đức Chúa Trời, nguyên-tắc của sự sống đưa đến một hoạt-động thật và phải mang lại kết-quả.

Bởi đó trước hết thí-dụ này dạy về sự cần-thiết của việc gieo giống. Điều này đã được nhắc đến trên những phương-diện khác khi chúng ta quan-sát hình-ảnh ở đây. Cần phải gieo giống. Đất sẽ không thể tự nó tạo nên mùa gặt được. Mùa gặt gì ? Nước Đức Chúa Trời, quyền cai-trị của Ngài, ngôi trị-vi của Ngài, sự chiến-thắng của Ngài trên mọi việc của loài người. Để đem lại mùa gặt đó hạt giống phải được gieo xuống. Đó là bài học thứ nhất. Người rải hạt giống xuống đất. Đất không thể tự nó sanh mùa gặt được.

Tiếp theo, ít ra đối với tôi, đây cũng vẫn là tác-dụng

thật của thí-dự này, đó là cần có sự kiên-nhẫn vì trên thực-tế chúng ta luôn thất-bại ở diềm này. Chúng ta có thể lấy nguyên-tắc sự sống là Lời Đức Chúa Trời rồi gieo ra. Đó là bổn-phận chúng ta, chúng ta có thể thực-hiện bằng cách giảng, hoặc dạy hoặc sống, vì sống cũng hiệu-nghiệm. Chúng ta chỉ có thể gieo giống, thế là hết. Phao-lô có thể trồng, A-bô-lô tưới, nhưng Đức Chúa Trời, Đấng làm cho lớn lên. Chúng ta cần nhớ điều đó. Như thế không có nghĩa là con người không có gì để làm. Điều đó chỉ nhấn mạnh ở diềm con người phải nghỉ và đồng thời phải học-tập kiên-nhẫn. Con người có thể phụ giúp hoặc ngăn-trở. Phụ giúp bằng cách cày bừa đất-đai sửa-soạn cho việc gieo giống, Chúng ta có thể phụ giúp hằng ngàn cách. Tất cả chỉ là sửa-soạn cho một việc, việc rải hạt giống. Chúng ta cũng có thể ngăn-trở. Trong lúc ngu-dại con người có thể đâm lên thân cây mới mọc, và nghiền nát trước khi nó phát-triển. Tất cả đều có thể xảy ra. Sự can-thiệp có thể gây phá-hoại, nhưng con người không thể tạo nên mùa gặt. Ngay cả trong việc gieo lời Đức Chúa Trời, con người cũng không thể sản-xuất một vụ gặt được. Trên một phương-diện, chính việc gieo của người là cách sửa-soạn cho mùa gặt, nhưng đó chỉ vén màn cho chúng ta thấy cần phải đứng yên và kiên-nhẫn chờ đợi. Chính sự công-tác của những lực về sự sống bên ngoài con người, đem lại mùa gặt.

Chúng ta hãy thực-tế ở diềm này. Chúng ta há chẳng muốn thấy kết-quả nhanh-chóng và tức-khắc trong việc gieo của chúng ta sao? Chúng ta đã học được bí-quyết của người làm ruộng kiên-nhẫn chờ-đợi "sản-vật quý-báu dưới đất," lời tuyên-bố trong một bức thơ nói về Đức Chúa Trời, chưa? Tất cả chúng ta đều bị nguy là có thể làm như cách một vài người đã làm hồi còn bé, lúc có được một mảnh đất nhỏ trong vườn. Chúng ta đào nó lên và sửa-soạn đất kỹ-lưỡng; chúng ta trồng hạt giống xuống rồi trong một

hai tuần lại nhô lên xem nó mọc tới đâu ! Chúng ta thích đào những gì đã trồng thay vì bằng lòng an-nghỉ sau khi đã gieo giống và để cho quyền-năng của Đức Chúa Trời đem lại mùa gặt.

Thế nhưng cũng có thời-kỳ gặt. Khi mùa gặt đến, khi bằng-có việc gieo giống đã được thể-hiện qua sự phát-triển của cây, hoa và kết hạt, cuối-cùng đến mùa gặt. với ý-nghĩa đó, chúng ta có thể đem thí-dụ này áp-dụng cho người Gieo giống, là Chúa chúng ta, dù ngay từ đầu, thí-dụ này dành cho những kẻ làm việc cho Ngài. Ngài kiên-nhẫn, và chờ-đợi sản-vật quý dưới đất, Ngài thật là kiên-nhẫn. Nhưng mùa gặt sẽ tới. Ngài sẽ đặt lưới hái vào ruộng.

Tôi chú-ý đến ứng-dụng của thí-dụ đối với chúng ta nhiều hơn và trước hết là đối với công-việc của chúng ta. Chúng ta mong muốn mùa gặt Chúa Jê-sus phán : «Đồng lúa đã vàng sẵn cho mùa gặt.» Đồng lúa nào ? Đồng lúa mà kẻ khác đã gieo trước chúng ta. Có thể chúng ta sẽ không bao giờ được dịp gặt những gì chúng ta đã gieo, hoặc tình-cờ chúng ta có thể gặp. Nhưng đồng lúa đã chín vàng nhờ công gieo của những người đi trước chúng ta, bằng ngàn vạn cách ; và trong khi có thể chúng ta luôn luôn gieo, cũng có thể chúng ta luôn luôn đưa lưới hái ra gặt. Nhưng những gì chúng ta gặt không phải là kết-quả tức thì. Chúng cũng phải được gieo và lớn lên qua những giai-đoạn thân, hoa và cuối-cùng mới đến lúc gặt. Khi nhìn ra ngoài, Chúa Jê-sus thấy mùa gặt khắp nơi : «Mùa gặt thì thật trũng, nhưng con gặt thì ít.» «Hãy tra lưới hái vào,» đó là lời phán của Ngài vào hai dịp đáng ghi nhớ ; và đối với ngày nay cũng vậy, bất cứ nơi nào.

Chúng ta có liên-quan gì với toàn thể đã diễn-tiến trong công-việc của Nước Đức Chúa Trời ? Trước hết là hoạt-động, gieo giống. Chúng ta hãy cẩn-thận tin chắc mình đang gieo giống tốt, và chỉ hạt giống có thể kết-quả cho

Nước Đức Chúa Trời trong thế-gian này, hột giống của lời Đức Chúa Trời. Tôi không thích nói sự tin quả-quyết về sự thật đó đã lỗi thời rồi ; nhưng đây là điều đã suy-giảm dần trong vòng thế-hệ trước hay nhiều hơn nữa. Dù tôi có nghĩ thế nào cũng không quan-hệ. Tuy-nhiên, chắc-chắn Ngài kêu chúng ta vào một công-việc trọng-đại, sự đầy-dủ cao-siêu của Lời Đức Chúa Trời : Chúng ta hãy xem thử mình có gieo giống tốt trong đời sống và lời dạy-dỗ chẳng.

Tiếp theo là gì ? Cảm biết mình bất-lực trong việc làm cho hột giống nứt mầm. Không, chúng ta không thể làm việc đó. Chúng ta rải nó ra, rồi đứng qua một bên. Nhắc lại lời Kinh-thánh một lần nữa. Phao-lô có thể trồng. Phao-lô phải trồng, và A-bô-lô có thể tham-dự bằng cách tưới. Tôi đi xa hơn một chút và bảo, Phao-lô phải làm việc đó. Nhưng có một biến-chuyển mà Phao-lô không thể dự phần và A-bô-lô không thể giúp được. Đó là công-việc của Đức Chúa Trời ; và điều quan-trọng là phải học kiên-nhẫn đối với Đức Chúa Trời.

Kết-luận, chúng ta có thể áp-dụng vào đời sống cá-nhân. Đừng mất kiên-nhẫn về đời sống của bạn. Tôi biết nói thế là nguy-hiềm vì có một số người rất cầu-thả về vấn-đề ấy. Mặt khác, tôi đã gặp lắm người thiếu kiên-nhẫn với chính mình trong khi Đức Chúa Trời lại kiên-nhẫn đối với họ. Đừng quên, trước hết phải có thân cây và nếu thân cây xuất-hiện tức là có sự sống ; và nếu có sự sống thì sẽ có tăng-trưởng và phát-triển. Đừng nóng-nảy. Đừng nhổ thân cây lên xem thử nó ra sao. Cứ để yên. Rồi cây sẽ trở hoa và điều đó nói lên một diễn-tiến trong nó, chờ thêm ít lâu nữa, hoa sẽ kết thành hột. Không, chẳng phải trong nháy mắt, trong phút chốc mà công-việc lớn-rao của Nước Đức Chúa Trời được hoàn tất trong linh-hồn nhân-loại. Vâng, bắt chọt, ngay lúc nó bắt đầu, khi hột giống lời xuống đất. Chúng ta hãy nhìn-nhận rằng điều khiến cho nó

tăng-trưởng và phát-triển chính là hành-động của Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy chắc-chắn là mình không ngăn-trở hạt giống nhưng phục-tùng những lực sự sống trong chúng ta nhờ đức-tin nơi Lời Đức Chúa Trời hằng sống. Chúng ta hãy chờ cây kết hạt và vụ gặt thật trũng.

PHẦN II

30. HAI NGƯỜI MẮC NỢ

Lu-ca 7 : 41-43.

DẶC BIỆT sách Lu-ca có rất nhiều thí-dụ và hình-ảnh thí-dụ. Tất cả vào khoảng mười tám cái.

Đề-hiêu vấn-đề Chúa muốn bàn-luận khi dùng thí-dụ về hai người mắc nợ ở đây, chúng ta phải biết rõ bối-cảnh của nó Mọi người đều quen-thuộc câu chuyện này. Có ba nhân-vật : Si-môn, người mời Chúa Jêsus về nhà ăn bữa; người đàn bà, kẻ mà Si-môn bảo là đã làm ô-uế nhà ông ta; và Chúa Jêsus.

Trước hết chúng ta hãy chú-ý đến Si-môn và xem thứ ông ta đang suy-nghi gì trong lòng. Chúng ta hiểu nguyên-nhân ý-nghi gì của người và qua thí-dụ này, Chúa cho chúng ta thấy lý-do vì sao những điều mắt thấy khiến cho Si-môn lo nghi. Người không thật lòng mời Chúa Jêsus đến ăn, vì khi tiếp Chúa, người gạt bỏ tất cả những phép lịch-sự thông thường của một gia-đình Đông phương. Người không đem nước rửa chân Ngài, không xức dầu đầu Ngài, không chào hỏi Ngài bằng chiếc hôn; tất cả đều là phép lịch-sự thông-thường của Đông-phương. Người chỉ mời Ngài vào và khi Chúa đã vào, thì ngồi xuống ăn.

Nhưng Si-môn thấy một việc khác thường. Lu-ca rất tế-nhị dùng chữ « một người đàn bà...một người xấu nết ». Chữ này đồng nghĩa với một gái điếm. Si-môn thấy một gái giang-hồ thỉnh linh bước vào cửa nhà mình. Chúng ta chẳng cần phải nói rõ là trước đó, nàng chưa bao giờ bước vào nơi đây. Không ai như Si-môn, lạnh-lùng và vô-tư, đạo-đức, ngay thẳng và tự-phụ, lại phải sợ hạng đàn bà ấy đến gần mình! Si-môn thấy nàng bước vào đi vòng quanh bàn, quì sau lưng Chúa Jêsus, đổ nước mắt

trên chân Ngài, rồi lấy tóc lau cho Ngài, lại hôn chân Ngài và đổ dầu quí xức cho, Si-môn nhìn thấy điều đó và lo-nghi.

Vậy, Si-môn thấy gì ? Người thấy một người đàn bà biểu-lộ và bày-tỏ qua hành-động, lòng yêu-mến và tôn-sùng hết sức của nàng đối với Chúa Jê-sus, rồi người liên-kết những gì người thấy với điều người đã biết về bà này. Người biết rõ bà này là ai và cả câu chuyện của bà ta; và khi người thấy một người đàn bà có tánh như thế bước vào nhà mình, tỏ lòng yêu-mến, tôn-sùng lớn-lao với Chúa Jê-sus, thì người liền đánh giá hành-động đó qua những gì người biết về bà này.

Chúa Jê-sus nhận tất cả cử-chỉ yêu-mến và tôn-sùng đó. Ngài cho phép người đàn bà làm theo ý muốn. Ngài không cấm nàng. Si-môn nghĩ, nếu là một tiên-tri, hẳn Ngài đã biết người đàn bà này thuộc hạng người nào rồi. Đó là quan-điểm của Si-môn. Chúa Jê-sus nhận điều đó. Si-môn liên-kết điều người thấy với điều người biết về người đàn bà. Chúa Jê-sus nhận tất cả lòng yêu-mến và sùng-kính đó vì Ngài nối-kết những cử-chỉ đó với điều Ngài đã biết về người đàn bà. Cả câu chuyện cho chúng ta thấy Si-môn biết gì và Chúa Jê-sus biết gì. Chúa liền hỏi Si-môn, xem thử người có thật sự biết bà này không. Đề ý hai câu ngắn ở đây. Si-môn nói : « Nếu người này là đấng tiên-tri, chắc biết người đàn-bà rờ đến mình đó là ai. » Tức thì Chúa Jê-sus phán cùng người : « Hỡi Si-môn, người thấy đàn bà này không ? » Rồi Ngài tiếp-tục nói về người đàn bà này cho Si-môn nghe, bằng cách so-sánh nàng với người và Ngài đặt hai hình-ảnh :— nói cách trắng-trợn—Si-môn, với tất cả đạo-đức người vẫn tự-phụ, thật thô-kịch chẳng khác nào vãi bố, bên cạnh người đàn bà thanh-nhã tọt tằm vãi lụa mịn-màng. Đó là bối-cảnh của câu chuyện.

Chúa Jê-sus muốn nói gì khi dùng thí-dụ này ? Ngài muốn chứng-tỏ người đàn bà này là một người đàn bà đã được sạch tội, được tha-thứ. Lúc ấy Ngài không tuyên-bố tha tội nhưng

xem đó là một việc đã xong rồi. Chữ « đã được tha » ở đây nhấn mạnh điểm đó. Ngài muốn Si-môn biết một điều, vì tôi tin là Ngài muốn đụng đến linh-hồn Si-môn. Từ đó chúng ta đi sâu vào thí-dụ và sẽ thấy sự sạch tội là nguồn hứng-cảm của lòng sùng-kính và của vẻ đẹp. Đó là tóm-lược về bối-cảnh của thí-dụ và của vấn-đề thí-dụ muốn làm sáng-tỏ.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào thí-dụ với câu chuyện Chúa kể. Chúa Jê-sus nói: « Một chủ nợ kia, » tức một người cho mượn tiền. Thời đó đã có chủ nợ và hiện vẫn còn. « Một chủ nợ kia có hai người mắc nợ : một người mắc năm trăm đơ-ni-ê, một người mắc năm chục. Vì hai người đều không có chi mà trả, nên chủ nợ tha cả hai. Trong hai người đó, ai yêu chủ nợ hơn ? Si-môn thưa rằng : Tôi tưởng là người »— cách nói của người ở đây có vẻ ngạo-mạn «Tôi tưởng là người mà chủ nợ đã tha nhiều hơn.» Chúa phán : « Người đoán phải lắm.»

Bây giờ hãy quan-sát hình-ảnh Chúa dùng ở đây. Đây là một bức tranh hoàn-toàn có tính-cách thương-mãi; tiền, người mắc nợ, chủ nợ; và trong mỗi trường-hợp, kết-luận vẫn là món nợ kết-quả của sự túng-ngặt. Chủ nợ đã cho một người mượn năm chục đơ-ni-ê, và người kia, năm trăm. Chênh-lệch giữa năm chục và năm trăm là điểm rất quan-trọng. Có hai món nợ và mực-độ khác nhau của nó do khoảng chênh-lệch giữa năm mươi và năm trăm. Đây là một bức tranh thương-mãi, hoàn-toàn quen-thuộc, rất thường xảy ra trong xứ đó, và vẫn đương xảy ra. Cùng một chủ cho hai người mượn tiền trong một hoàn-cảnh túng-thiếu như nhau và cả hai đều lâm vào tình-trạng không có gì để trả. Cả hai đều bị phá sản; mắc nợ mà không thể trả được.

Tiếp theo Chúa đã đưa vào thí-dụ một sự-kiện thật phi-thường hầu như bất thường. Đó là gì ? Chủ nợ tha cả hai. Đừng quên điểm đó vì chính tại đây, ánh sáng thiên-thượng đã chiếu vào và vinh-quang của ân-điền Đức Chúa Trời đang

vội vào. Hãy giữ lại hình-ảnh này một phút, nghĩ đến món nợ được hủy-bỏ trong cả hai trường-hợp, nắm chực được xi-xóa, nắm trăm cũng chẳng kể nữa ! Đó là hành-động hoàn-toàn do hảo-tâm của chủ nợ, chỉ vì kẻ mắc nợ bị phá sản. Tôi tưởng Si-môn phải ngạc-nhiên lắm khi nghe câu chuyện đến điểm này. Chủ nợ xóa bỏ món nợ cho kẻ mắc nợ, là một điều vô cùng bất thường; và dựa vào đó, Ngài hỏi : Trong hai người đó, ai yêu chủ nợ hơn ? Chủ nợ không dùng quyền xử thường-lệ giữa kẻ mắc nợ và chủ nợ. Người hủy-bỏ các món nợ.

Si-môn đã nói gì ? Điều người nói rất là hiền-nhiên. Tôi tưởng khi nói câu này, người có vẻ hơi ngạo-mạn : « Tôi tưởng là người mà chủ nợ đã tha nhiều hơn. » Lanh-lẹ và danh-thếp Chúa Jê-sus đáp : « Người đoán phải lắm. » Món nợ càng lớn, kẻ được tha càng biết ơn chủ nợ. Chúng ta được nhìn thấy vẻ đẹp vô hạn lấp-lánh trong thí-dụ kỳ-diệu này. Tôi thấy trong chính thí-dụ ở đây, trong tâm-tình của Chúa chúng ta, một lời châm-biếm Si-môn hết sức nhẹ-nhàng. Tôi nghĩ rằng Ngài chấp-nhận cho phép Si-môn đánh giá mình là kẻ có tội ở mức-độ năm chục, còn người đàn bà ở mức-độ năm trăm. Ngài nhận những hình-ảnh nói lên sự suy-nghĩ của Si-môn. Si-môn là một người Pha-ri-si và vì thế là một người Do-thái chánh-thống. Si-môn hẳn đã nhận mình là một tội-nhân nhưng cảm ơn Đức Chúa Trời vì không phải là người tội-lỗi như đàn bà kia. Câu chuyện tiếp-diễn thật kỳ-diệu. Chúa nói Ngài chịu chấp-nhận lỗi đánh giá của Si-môn. Người là tội-nhân mắc nợ năm chục, còn người đàn bà, năm trăm. Món nợ của nàng gấp mười lần món nợ của người. Dựa theo cách đánh giá đó, Ngài đồng ý với Si-môn; nhưng thật ra, không bao giờ có những mức-độ như thế trong vấn-đề tội-lỗi. Tội-lỗi là chống-ngịch, là không giống Đức Chúa Trời, hoặc là dưới hình-thức giả-hình như Si-môn hay là dưới hình-thức một người đàn bà sa-ngã như người đã bước vào nhà này. Yếu-tính của tội-lỗi là nghịch với luật-pháp và ý muốn của Đức Chúa

Trời, và đi ngược lại trái tim của Đức Chúa Trời. Đó là tội-lỗi và không bao giờ có những mức-độ khác nhau trong vấn-đề phạm tội. Hoặc nếu chúng ta chấp-nhận là có nhiều mức-độ đi nữa thì qua câu chuyện, chúng ta thấy tội-lỗi của Si-môn lớn hơn của người đàn bà vì đừng quên rằng tội-lỗi của ý-nghĩ luôn luôn tàn-khốc hơn tội-lỗi của thân-xác. Những tội-lỗi của tư-tưởng như kiêu-ngạo, tự-mãn, giết chết sự sống con người hơn là những tội-lỗi của xác-thịt. Đó là thí-dụ Chúa Jê-sus đã dùng.

Thí-dụ này còn dạy chúng ta điều gì theo phương-diện âm-chỉ. Tôi xin bắt đầu từ trung-tâm-điểm. Trước hết, trước sự hiện-diện của Đức Chúa Trời, mọi người đều ở trong tình-trạng phá sản. Tất cả chúng ta đều là kẻ mắc nợ Ngài, nhưng không có gì để trả, chẳng ai trong chúng ta có thể trả. Chúng ta thường hát :

« Bàn tay trắng chẳng bạc vàng chi. »

Tại sao không ? Chúng ta không có gì để đem đến. Chúng ta chẳng có gì để trả món nợ đã mắc nơi Đức Chúa Trời, hậu-quả của một luật-lệ đã bị vi-phạm, và của tội-lỗi trong đời sống chúng ta, hoặc trong ý-nghĩ, hoặc trong xác-thịt. Thí-dụ rất minh-bạch này đưa chúng ta đối-diện với sự-kiện là án-phạt đạo-đức của mỗi chúng ta ấy là chúng ta không có gì để trả, chẳng có món tiền nào xứng với món nợ của chúng ta.

Nếu đó là lẽ thật căn-bản, chúng ta từ đó có thể suy ra một điều lạ-lùng khác nữa. Sự tha-thứ dành cho tất cả mọi người. Người chủ nợ tha cả hai. Phía sau hành-động đó, chúng ta không thể nói gì nhiều nhưng chúng ta phải ghi nhớ. Tôi không biết chủ nợ này là ai, nhưng ngay cả thí-dụ của Chúa Jê-sus, cũng như mọi thí-dụ khác, không thể nói lên lẽ thật sau cùng được. Người tha cả hai. Mel Trotter đã nói một câu rất hay : « Tất cả chúng ta đều được chuộc, nhưng không phải tất cả đều được cứu, » một phân-biệt quan-

trọng. Khi Chúa Jêsus chết, Ngài không chết cho một mình tôi, nhưng cho cả thế-giới, và Thập-tự-giá đã mua chuộc cho thế-giới, để Đức Chúa Trời có thể tha-thứ được. « Chủ nợ tha cả hai. » Chủ nợ này mất không hơn 550 đơ-ni-ê, vào khoảng trên 11.000 đồng Việt-Nam ; nhưng để đáp-ứng nhu-cầu trong tình-trạng phá sản trầm-trọng của nhân-loại. Đức Chúa Trời đã cho luôn con độc - sanh của Ngài. Thí-dụ không nói điếm đó, nhưng bao-hàm ý đó. « Chủ nợ tha cả hai » tha cho tôi, cho anh, qua một hành-động của Đức Chúa Trời; đòi hỏi Ngài một giá rất đắt, tất cả ân-diên của Ngài. Chúng ta không có quyền gì đòi hỏi ở Đức Chúa Trời. Điều duy-nhất chúng ta có thể xin Ngài ấy là tấm lòng; sự yêu-thương ân-diên của Ngài ; và ngay cả tấm lòng, sự yêu-thương cùng ân-diên ấy, cũng không thể nào hành-động, nếu phải hy-sinh sự thánh-khiết. Đó là chỗ Thập-tự giá bước vào. Thập-tự giá là phương-tiện giúp cho Đức Chúa Trời tha-thứ, cho không cả hai, tội-nhân năm chục cũng như năm trăm, không kể tội-phạm ở mức-độ nào.

Tiếp theo, chúng ta hãy nhìn sơ qua bài trực-tiếp ở đây. Ngài dạy rằng sự sạch tội tâm-linh gây cảm-hứng cho lòng sùng-kính; rằng tình-yêu không phải chỉ là một cảm-xúc nhất thời của con người. Đây là lòng tôn-sùng chân-thành, phát-xuất từ sự sạch tội tâm-linh. Chẳng ai nếm biết yêu Jêsus mà chưa biết gì về quyền-năng tẩy sạch tội-lỗi của Ngài. Điều đặc-biệt trong câu chuyện này là danh-từ dùng chỉ về tình yêu ở đây mang ý-nghĩa cao hơn hết, *agapao*, yêu khôn-goan, có ý-thức, hết lòng. Người đàn bà này yêu rất nhiều ; và tình yêu của nàng khởi nguồn từ chỗ vô số tội-lỗi của mình đã được tha. Một trái tim sạch tội trở thành một trái tim yêu-thương. Sự sạch tội tâm-linh giải-thoát con người khỏi gánh nặng xiềng-xích. Nó phục-hồi tri-giác tâm-linh và

có đủ quyền-năng khiến người đàn bà từ-bỏ tánh cũ hoặc thành-kiến xưa. Không một điều gì khác có thể buộc nàng vào nhà người này, nhưng nàng đã bước vào. Lu-ca cần-thận cho chúng ta biết rằng khi nàng nghe Chúa Jêsus có ở trong nhà, thì nàng bước vào. Nàng chà-đạp trên tất cả những thành-kiến khi bước vào vì nàng đã được sạch tội tâm-linh, nàng đã thoát khỏi ách sợ-hãi. Nàng cần đề ý gì đến dị-nghị của Si-môn ? Nàng biết rõ tương-quan giữa Chúa nàng và chính mình là đủ rồi.

Tôi nhìn lại người đàn bà, và qua suốt câu chuyện, trong ánh sáng của thí-dụ này, tôi học biết rằng lòng sùng-kính ấy, phát-xuất từ sự sạch tội tâm-linh, là bí-quyết phục-hồi về đẹp. Đើm Chúa muốn cho Si-môn biết, ấy là cử-chỉ của người đàn bà rất đẹp. Giọt lệ, chiếc hôn, dầu cam-tòng của nàng, tất cả đều đẹp ; và lại do một người đàn bà bị Si-môn cho là bần-thiêu, hư-đốn, nhục-nhã, vô giá-trị, mang đến. Trước đây nàng như thế, cho đến khi Jêsus gặp nàng. Nhưng từ đó, tất cả những nét duyên-dáng, dễ thương của người nữ đã trở hoa đẹp-dẽ và biểu-lộ vô cùng thanh-nhã. Người đàn bà ấy thuộc dòng-dõi quý-tộc vì được sanh lại ; và chỉ những người nam và nữ thuộc dòng-dõi quý-tộc là những kẻ được sanh từ trời, được sạch tội tâm-linh, được thoát khỏi ách truyền-thống và sợ-hãi, và hoa ân-diễn cùng vẻ đẹp này được biểu-lộ qua khát-vọng phục-vụ của người đàn bà này, trong khi những giọt lệ, chiếc hôn cùng dầu cam-tòng là những tượng-trưng thánh cho tấm lòng sùng-kính của một người đàn bà đã được Chúa Jêsus hơn danh Đức Chúa Trời tha-thứ và giải-thoát khỏi tội-lỗi. Câu cuối-cùng Ngài nói với người đàn bà là : « Hãy đi cho bình-an. » Đó là cách chúng ta dịch, nhưng thật sự là : « hãy bước vào cõi bình-an. » Còn một tương-lai trước mặt nàng. Có thể nàng chẳng bao giờ giao-thiếp với Si-môn cùng đồng-bọn của người nữa. Có thể lắm nàng đã bị một số nhà đạo-đức không hề biết gì về ân-diễn của

Đức Chúa Trời khinh-bỉ. Nhưng có quan-hệ gì ? Kinh-thánh chẳng bao giờ nêu tên một người đàn bà thuộc hạng này. Trong vẻ đẹp huy-hoàng, những tên tuổi được giấu đi; nhưng nhân-cách con người được nhắc đến. Hai người mắc nợ, cả hai đều được tha, nhưng kẻ ý-thức được giá-trị của món quà bày-tỏ lòng sùng-kính và vì thế, đi trong bình-an.

xXx

31. NGƯỜI SA-MA-RI NHƠN-LÀNH

Lu-ca 10 : 25-37

CHỨNG ta thường gọi đây là thí-dụ về người Sa-ma-ri nhơn-lành. Chúng ta không thể hoàn-toàn gạt bỏ tất cả những chi-tiết khác chung-quanh vấn-đề này ; vì phương-pháp chúng ta vẫn là trước hết, tìm xem đề-tài Chúa muốn dùng thí-dụ hoặc hình-ảnh thí-dụ để minh-chứng ; tiếp theo là quan-sát bức tranh và cuối-cùng là thấu-luộm những gì học được.

Chúng ta đã gọi đây là một thí-dụ. Nhưng tôi còn nghi-ngờ về điểm này. Chúa chúng ta không thật sự bảo như vậy. Có lẽ là Ngài nhắc lại một sự-kiện, một câu chuyện thật nào đó. Di-nhiên những cảnh-tượng như thế này vẫn thường xảy ra trên con đường từ Giê-ri-cô đến Giê-ru-sa-lem, vì đường đó có nhiều cướp. Vậy khi kể câu chuyện ấy, hoặc là chuyện thật hay chỉ dùng làm thí-dụ, Chúa Jê-sus muốn nói gì ? Ngài bày-tỏ hai điều : thứ nhất, tương-quan giữa luật-pháp với nếp sống ; và thứ hai trách-nhiệm của luật-pháp đặt ra.

Trên phương-diện truyện-tích, đây là một câu chuyện hay. Theo quan-điểm của một tác-giả một bản thánh-ca nọ thì đây là tiêu-biểu về công-việc của Chúa chúng ta và bức tranh thật vô cùng đẹp-đẽ. Việc gì đã xảy ra và tại sao Chúa Jê-sus kể câu chuyện này ?

Chúa Jê-sus dùng thí-dụ để trả lời hai câu hỏi của một người nọ. Câu hỏi thứ nhất là : « Tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời ? » Ngài trả lời bằng một câu khẳng-định. Rồi nhà luật-sư hỏi tiếp câu thứ hai : « Ai là người lân-

cận tôi?» Câu chuyện này là lời giải-đáp cho câu hỏi ấy. Luật-sư là người chuyên giải-thích luật-pháp. Người thuộc giai-cấp luật-gia hay là thông-giáo. Hai danh-từ này đồng nghĩa. Nghề-nghiệp của cả đời người là chứng-tỏ tương-quan giữa luật-pháp với nếp sống. Thời đó, nếu gặp một nan-đề, người ta phải hỏi ý-kiểm một thầy thông-giáo hay luật-sư để tìm xem luật-pháp nói thế nào về vấn-đề cư-xử ở đời. Chính luật-sư này đã đến gặp Chúa Jêsus. Người nói: *Hãy cho tôi một luật-lệ có thể biến cuộc sống này trở nên trọn- vẹn hơn, trở nên đời sống trường-cửu. Sự sống trường-cửu không chỉ có nghĩa là sống lâu; nhưng là sống trọn- vẹn. Sự sống đời đời gồm cả chiều cao, sâu, rộng và dài; có lẽ dịch là sự sống của các đời các kiếp thì đúng hơn. Và đó là ý-nghĩa được dùng ở đây. Người này hỏi Chúa Jêsus về một luật-pháp: «Tôi phải làm gì?» Khi chúng ta hỏi một người, chúng ta phải làm gì, hoặc hỏi một giáo-sư, chúng ta phải làm gì, tức là chúng ta xin người đó nêu lên một luật-lệ, một mạng-lệnh, một lời chỉ-giáo. Đó là lãnh-vực câu chuyện đề-cập đến.*

Người này muốn tìm một luật-lệ thay đời cuộc đời để được sống đầy trọn hơn. Điều mong-ước của người chỉ là sự sống đầy trọn. Tôi tưởng người này rất thành-thật. Đây không phải là lần đầu-tiên Chúa Jêsus đối-diện với câu hỏi này. Đó là thắc-mắc lớn lao mà thỉnh-thoảng con người vẫn đặt ra dưới hình-thức này hoặc hình-thức khác. Sự sống, hãy cho tôi sự sống. Hãy cho tôi một luật-lệ có thể định- đoạt sự sống để nó được trọn- vẹn và hoàn-toàn. «Tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời?»

Hãy chú-ý cách thầy chúng ta trả lời ở đây. Ngài nhìn người và phán: «Trong luật-pháp có chép điều gì? Người đọc gì trong đó?» Đây là một câu hỏi chuyên-môn của những thầy thông-giáo, giáo-sư và luật-sư. Nếu muốn hỏi ý-kiến của nhau về một vấn-đề hoặc

một tình-trạng nào, họ thường hỏi nhau : ‘ Anh đọc gì trong đó ? ’ Chúa Jêsus nói : Người hỏi Ta một luật-lệ định-đoạt sự sống. Trong luật-pháp chép gì ? Người đọc những gì ? Ngài ném người này trở lại với chính mình và với những gì người đã biết, những gì người đã quen-thuộc. Ngài khiến người nhớ lại những gì người đã biết quá rõ, và thật người đã biết tất cả vì người đã trả lời rất đúng, câu trả lời duy-nhất câu trả lời hoàn-toàn. Chúa Jêsus bảo với người như thế. Ngài phán : ‘ Người đáp phải lắm; hãy làm điều đó thì được sống. ’ Đó là luật-lệ định-đoạt sự sống. Chúa Jêsus bảo thế.

Tiếp theo, chúng ta bước sang phần đưa chúng ta vào câu chuyện. Đây là một câu hỏi về trách-nhiệm do luật-pháp đặt ra. Ông luật-sư này hỏi câu thứ hai : ‘ Ai là người lân-cận tôi ? ’ Điềm đặc-biệt hơn hết, là người chỉ đề ý đến phần này của câu hỏi. Người nói gì ? ‘ Người phải hết lòng, hết linh-hồn, hết sức, hết trí mà kính-mến Chúa là Đức Chúa Trời người, và yêu người lân-cận như mình. ’ Chúa Jêsus phán : ‘ Đúng lắm; hãy làm theo, thì người được sống. Người đáp : ‘ Ai là người lân-cận tôi ? ’ Người không hỏi gì về điều-răn thứ nhất, chỉ hỏi điều-răn thứ nhì. Một lần nữa tôi nhìn thấy được điềm khôn-ngoan đặc-biệt trong luật-sư này. Người không thắc-mắc Đức Chúa Trời là ai; nhưng người tìm được một dịp để lần trốn một vấn-đề khó-khăn bằng cách tìm xem ai là người lân-cận. Cần nhớ : là luật-sư này thuộc thành-phần cai-trị và giáo-sư chủ-trương rằng dân ngoại-bang không phải là người lân-cận của họ. Chúng ta không cần chứng-minh dài dòng ở đây, nhưng trong văn-phẩm của họ có nói rõ là họ không bao giờ kể một người ngoại-bang là lân-cận. Tình láng-giềng chỉ giới-hạn trong dân-tộc có giao-ước. Đó là lời dạy rõ-ràng và họ đã thuộc lòng. Phải chăng trong thâm-tâm người còn nghi-ngờ có điều gì sai-lầm ? ‘ Ai là người lân-cận tôi ? ’ Lu-ca cho chúng ta biết rất rõ, người nói thế để xưng mình là công-bình. Xưng mình công-bình với ai ? Với đám đông đang vây quanh chăng ? Tôi không tin như thế. Với ai ? Với lương-tâm người. Người

đang tìm cách thoái-thác. Sau đó Chúa liền kể câu chuyện này và đó là bối-cảnh quan-trọng của câu chuyện.

Bây giờ chúng ta hãy xem câu chuyện ở đây có ba điểm cần đặc-biệt chú-ý. Song song với lời Chúa kể, bức tranh hiện ra trước mắt chúng ta. Chúng ta thấy một con đường có du-khách qua lại và có vài sự-khien xảy ra. Câu chuyện thật giản-dị, trẻ con vẫn hiểu được. Nếu chúng ta nói một điều gì trẻ con hiểu được thì điều đó cũng có giá-trị đối với triết-gia !

Hãy nhìn qua bức tranh một lượt và chớ quên đây là lúc Chúa muốn cho người này thấy trách-nhiệm được đặt ra khi có một luật-lệ định-đoạt sự sống để cho sự sống được đầy trọn. Ngài đang nói về trách-nhiệm. Hãy quan-sát con đường. Lu-ca rất cẩn-thận khi bảo con đường này « từ thành Giê-ru-sa-lem đến thành Giê-ri-cô, » rất đúng với địa-lý. Con đường đó đi xuống thật. Ranh-giới được ghi ở đó, Giê-ru-sa-lem và Giê-ri-cô. Giê-ru-sa-lem, thành-phố của lịch-sử và tôn-giáo, trung-tâm lớn-lao của đặc-quyền. Giê-ri-cô, với vị-trí đẹp-đẽ, một thành-phố của xứ dừa, nhưng là một thành-phố đã bị Đức Chúa Trời rửa-sả qua bao thế-kỷ. Sách Giô-suê cho chúng ta biết rõ điều này. Điềm lạ là lúc đó Giê-ri-cô đã trở thành một thành-phố của thầy tế-lễ dùng làm nơi cư-ngụ cho các thầy tế-lễ khi chưa làm xong nhiệm-vụ tại Giê-ru-sa-lem. Con đường nối hai thành-phố này là một đèo lồm-chồm những đá và nguy-hiêm, là một đường mòn thường có bọn cướp lui tới. Cũng chính trên con đường này vào năm 1820, một người Anh là Sir Frederic Henniker đã bị con cháu của bọn cướp gây thương-tích cho người trong câu chuyện này, trước hết tiền-bạc và giết chết. Con đường ghe-rợn như thế, nhưng các thầy tế-lễ và người Lê-vi vẫn thường lên xuống. Tôi nghi có lẽ nhờ một điều mê-tín nào đó của họ mà bọn cướp không tấn-công hạng người này, nhưng cứ để cho họ thường-xuyên đi lại trên đường đó.

Tại đây chúng ta đi vào chi-tiết câu chuyện. Một con đường dài độ mười lăm đến hai mươi dặm, nối thành-phố

được hưởng đặc-ân với thành-phố thương-mại, nguy-hiêm đối với du-khách nhưng kẻ tu-hành lại năng lui tới. Tôi giới-thiệu điều này với mọi kẻ làm việc trong xã-hội. Con đường chẳng có gì là nguy-hiêm. Họ đã làm gì? Họ chẳng làm gì cả. Có lẽ đã có lần họ thử trừ-khử bọn cướp này nhưng bị thất-bại; thử đuổi chúng khỏi sào-huyệt nhưng chẳng thành-công. Đó là con đường Chúa Jê-sus mô-tả. Nó rất quen-thuộc và có lẽ du-khách run-rẩy đi trên đường đó, trừ ra các thầy tế-lễ và người Lê-vi, có lẽ vì mê-tín nên họ được bọn cướp để cho tự-do đi lại.

Bây giờ chúng ta hãy đề-cập đến du-khách. Trước hết, đây là một người vô-danh từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-cô. Chúng ta không biết gì khác hơn về người. Phải chăng người đã lên Giê-ru-sa-lem thờ-phượng, tội cũng không rõ. Đúng hơn, có lẽ người lên đó lo công-việc làm ăn. Chắc-chắn là người có mang theo một số của-cải mà bọn cướp biết rõ. Người trên đường đó đi xuống.

Còn gì nữa? Bọn cướp, những con người tàn-bạo, ích-ký, không kẻ gì đến lòng nhân-đạo miễn là đạt được mục-dích. Chúng cũng đi trên đường đó.

Còn một du-khách nữa đang đi xuống đó là ai? Một thầy tế-lễ. Ở đây không cho biết người đi đâu, từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-cô hay từ Giê-ri-cô lên Giê-ru-sa-lem. Tình cờ, nghĩa là ngẫu-nhiên, người đi ngang qua chỗ người kia nằm. Một thầy tế-lễ, hoặc trên đường về nhà sau khi đã làm xong nhiệm-vụ lễ-nghi tron g đèn Đức Chúa Trời hoặc lên Giê-ru-sa-lem để giữ nghi-thức trong đèn Đức Chúa Trời.

Nhưng lại có một người khác nữa đi trên đường, đó là một người Lê-vi, chúng ta có thể nói, một thầy tế-lễ phó, một người hầu việc trong đèn-thờ, nhưng không có nhiệm-vụ trực-tiếp như thầy tế-lễ. Người cũng ở trong cùng một

hoàn-cảnh. Người đang đi trên đường để làm, hoặc đã làm xong, nhiệm-vụ tôn-giáo. Hai đại-diện tôn-giáo đã qua trên đường đó.

Còn người thứ ba này là ai ? Một người Sa-ma-ri vô-danh, thuộc một dân-tộc khác. Tôi không biết người đi đâu và làm gì trên đường đó. Tôi thắc-mắc nhiều điều mà chính mình không giải-đáp được. Người đi trên đường. Có thể là người băng qua đó để sang một đường khác đi về nơi Gerizim để thờ-phượng. Cũng có thể là người từ Gerizim trở về, sau khi thờ-phượng xong. Đó là một người Sa-ma-ri vô-danh. Kẻ bị cướp là một người Hy-bá-lai. Thầy tế-lễ là người Lê-vi cũng là người Hy-bá-lai. Còn bọn cướp, chúng ta không biết thuộc chủng-tộc nào, có thể là người Ả-rập. Nhưng người Sa-ma-ri này không hề giao-thiệp với người Do-thái. Chúng ta biết rằng người Do-thái không bao giờ giao-thiệp với người Sa-ma-ri, và ngược lại, người Sa-ma-ri cũng chẳng có liên-lạc gì với người Do-thái. Một người đi trên đường, bọn cướp ần-núp, một thầy tế-lễ, một người Lê-vi, một người Sa-ma-ri vô-danh, tất cả cùng đi trên đường đó.

Chúng ta không cần dùng lâu với những sự-kiện ; sự tấn-công của bọn cướp, nhân-vật bị bao-vây, trước tiền-bạc, quần áo, và để khỏi chạy theo, chúng đánh người đến khi tưởng người không sống được nữa. Thầy tế-lễ tinh-cờ đi ngang qua. Trong câu chuyện không có chữ nào tương-đương với chữ "tinh-cờ" nhưng chữ "gặp" ở đây cũng diễn-tả ý-nghĩa tinh-cờ, một sự ngẫu-nhiên. Người đi đường đó, thấy vậy, nhưng không dừng lại, bỏ đi thẳng. Kẻ đang nằm bị thương là một người Do-thái. Nhưng điều đó không quan-hệ. Những nghi-thức tôn-giáo của thầy tế-lễ quá quan-trọng, hoặc giả, sau khi đã thi-hành xong, người sợ có thể bị ô-uế nếu dừng lại ; và vì không thể làm gì được nên người bỏ đi luôn.

Người Lê-vi, lòng-dạ còn chai đá hơn thầy tế-lễ, đến nhìn người bị thương, xem-xét kỹ-lưỡng rồi cũng bỏ đi. Kẻ lâm-nạn vẫn nằm đó, nửa sống nửa chết, máu-me đầy người, thương-tích, tàn-tật, bị cướp-bóc, cô-đơn.

Sau đó người Sa-ma-ri này đến, xúc-cảm trước cảnh-tượng ngay. Người động lòng trắc-ân. Nhưng người là một người Sa-ma-ri và kẻ nằm đó là một người Do-thái. Có liên-quan gì đến người ? Kẻ lâm-nạn đang quần-quai đau-đớn. Người có thể bảo rằng người không giao-thiệp với dân Do-thái. Nhưng điều đó cũng tùy thuộc hoàn-cảnh. Đây là kẻ đang đau-khổ. Người chạy lại, cúi xuống, đổ dầu và rượu vào vết thương, phượng thuốc kỳ-diệu của thời đó và xức đó, buộc thương-tích cho người, đỡ người dậy và đặt lên lưng con vật mình đang sử-dụng. Tôi không rõ nhà quán cách đó bao xa, nhưng người phải đi bộ, để nhường yên ngựa cho kẻ xấu số. Người đem nạn-nhân vào quán, giao cho chủ quán một số tiền đủ để săn-sóc nạn-nhân trong vài hôm tại nhà quán đó ; và hơn nữa, còn làm giấy thiếu nợ cho chủ quán nếu chi-tiêu tốn-kém hơn : «Nếu tốn hơn nữa, khi tôi trở về sẽ trả.» Rồi người tiếp-tục. Chúng ta không bao giờ gặp lại người, nhưng Chúa Jê-sus nói với viên luật-sư : Người hỏi Ta : Ai là người lân-cận tôi ? Thật ra người muốn hỏi những luật-lệ về tình-yêu đối với Đức Chúa Trời và con người mà người vừa kể ra đó đã tạo cho người trách-nhiệm gì. Vậy hãy cho Ta biết, trong ba người đó, người tưởng ai là lân-cận với kẻ xấu số kia ? Tôi không muốn xử bất-công với luật-sư này, nhưng tôi thấy hình như câu trả lời của ông ta luôn luôn điếm một tí ngạo-mạn, dù đó là câu trả lời rất đúng. Người không nói : Người Sa-ma-ri. Chắc-chắn người chẳng bao giờ nhắc đến tên đó. Người trả lời rất đúng ; và nhanh như chớp, Chúa Jê-sus đáp ngay : «Hãy đi, làm theo như vậy.»

Đây là cả một bức tranh, một thí-dụ phi-thường đường

nào. Nó dạy chúng ta điều gì ? Trước hết, mục-đích của luật-pháp luôn luôn là để điều-hành cuộc sống. Luật-lệ của con người cũng thế, dù có sai-lầm đi nữa. Riêng với luật-lệ Thiên-thượng, thì đó là diễm-tuyệt-đời. Nếu Đức Chúa Trời đã ban luật-pháp cho loài người, ấy là để cho con người nếm biết sự sống, một sự sống trường-cửu trong vẻ rực-rỡ và trọn-vẹn của nó. Mục-đích của luật-pháp là chữa lành và duy-trì sức-lực. Trong Cựu-uớc có một tên của Giê-hô-va là Giê-hô-va Ropheka. Các nhà giải kinh bảo chữ đó có nghĩa là Giê-hô-va Đấng chữa lành. Thật ra, chữ đó có nghĩa là Giê-hô-va Đấng duy-trì sức-lực, và duy-trì sức-lực không phải là chữa lành nhưng là giữ sức khỏe để không bao giờ bị đau ốm. Khi chúng ta đọc trong Khải-huyền nói về những lá cây dùng chữa lành các dân-tộc, thật ra có ý muốn nói giữ sức khỏe cho họ, giữ họ khỏi bệnh-tật. Đó là mục-đích của luật-pháp. Nhưng giả-thứ chúng ta bị đau ốm, thương-tích và đánh đập thì mục-đích của luật-pháp là để chữa lành. Đó là nhiệm-vụ của luật-pháp.

Câu chuyện này còn nói gì về những kẻ vi-phạm luật-pháp - thứ nhất là bọn cướp tấn-công, thứ hai nhưng quan-trọng, ấy là những kẻ làm nghề tôn-giáo, lãnh-đạm với nạn-nhân ? Chẳng phải bọn côn-đồ, cướp đường kia nặng tội hơn ; nhưng chính là thầy tế-lễ và người Lê-vi đã bỏ mặc nạn-nhân với thương-tích và quẫn-quại trong cơn hấp-hối, không săn-sóc người. Đó là hành-động vi-phạm luật-pháp. Ngày nay cũng thế. Tất cả kẻ cướp dù với cách nào, cướp lấy tài-sản của con người, lột trần con người, bỏ nửa sống nửa chết, đánh cho thương-tích đều là kẻ vi-phạm luật-pháp. Nếu chúng ta đi lướt qua một người nam hoặc nữ bị thương-tích, tàn-tật làm hư-hoại bản-chất con người, thì chúng ta cũng là kẻ vi-phạm luật-pháp. Đó là lời dạy của Chúa chúng ta.

Sau hết, Ngài dạy chúng ta thế nào là giữ luật-pháp.

Nguồn cảm-hứng giúp con người giữ luật-pháp ấy là lòng thương-xót. "Người động lòng thương-xót." Đó là điểm đầu-tiên về người Sa-ma-ri này. Việc làm của người khởi-nguồn từ lòng thương-xót. Hãy đọc một lượt hết Tân-ước và để ý chữ "thương-xót." Chữ này luôn luôn được dùng nói về Chúa Jêsus hoặc được chính Chúa dùng và không hề chỉ dùng về một người nào khác, trừ trường-hợp ở đây. Lòng thương-xót là nguồn cảm-hứng giúp con người giữ luật-pháp.

Một hành-động do hứng-khởi đó là gì ? Đó là thái-độ phục-vụ tự ý. Đó là việc băng-bó vết thương, xức dầu và rượu, đỡ nạn-nhân lên lưng con vật đang sử-dụng, hay là lo-lắng thức ăn cho người. Đó là những trách-nhiệm do luật-pháp đặt ra. Chúng ta có thể ghép tất cả vào trong hai chữ YÊU-THƯƠNG. Tuy giản-dị nhưng không phải là dễ-dàng !

xXx

32. NHỮNG HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Lu-ca 11

TRONG đoạn này, chúng ta cần đề ý đến ba hình-ảnh thí-dụ. Dù khác nhau, nhưng cả ba đều nói về một đề-tài. Hình-ảnh thứ nhất, về người bạn giữa đêm khuya ; hình-ảnh thứ hai, về cha đối với con ; trong khi hình-ảnh thứ ba, về một người mạnh-mẽ đứng trước kẻ mạnh hơn mình, và trong vài khía-cạnh, biệt-lập hẳn với hai hình-ảnh trên. Tuy-nhiên, nghiên-cứu cần-thận, chúng ta vẫn thấy có một tương-quan mật-thiết giữa ba hình-ảnh này.

Thí-dụ về người bạn trong đêm khuya đặc-biệt chỉ được chép trong Lu-ca. Thí-dụ về cha đối với con cũng được chép trong Ma-thi-ơ, và dù đã đề-cập đến rồi, chúng ta cũng cần phải xem lại vì ý-tưởng ở đây được liên-kết với thí-dụ về người bạn giữa đêm khuya. Thí-dụ về người mạnh-mẽ với kẻ mạnh hơn cũng đã chép ở Ma-thi-ơ nhưng chúng ta chưa đề-cập đến vì Lu-ca kể lại đầy-đủ hơn.

Chúng ta hãy bàn chung đến hai thí-dụ đầu-tiên, về người bạn giữa đêm và cha đối với con. Chúa chúng ta muốn nói về vấn-đề gì ở đây ? Câu trả lời có thể thu-gọn trong một chữ—Cầu-nguyện—Lu-ca đã mở đầu đoạn này như sau : «Có một ngày, Đức Chúa Jêsus cầu-nguyện ở nơi kia. Khi cầu-nguyện xong, một môn-đồ thưa Ngài rằng : Lạy Chúa, xin dạy chúng tôi cầu-nguyện, cũng như Giăng đã dạy môn-đồ mình.» Theo lời yêu-cầu Chúa mới đề-cập đến vấn-đề này và dùng hai thí-dụ để giải-thích rõ ý Ngài muốn nói.

Tại sao mấy người này xin Chúa dạy họ cầu-nguyện ? Cần lưu-ý ở điểm là họ không xin dạy họ cách cầu-nguyện. Đây là điểm khá đặc-biệt. Nhiều người thường cho rằng các môn-đồ ở đây xin Chúa dạy họ cách cầu-nguyện. Nhưng môn-đồ này không xin điều đó. Người nói : «Lạy

Chúa, xin dạy chúng tôi cầu-nguyện.» Người đã biết cách cầu-nguyện rồi. Trong Bài Giảng Trên Núi, Chúa đã dạy vài điều đặc-biệt về sự cầu-nguyện. Chắc-chắn môn-đồ này đã được nghe và biết cách cầu-nguyện từ lâu. Ở đây, người muốn biết, không phải cách-thức, nhưng là bí-quyết của sự cầu-nguyện; đó là hai điểm hoàn-toàn khác nhau. Có nhiều người biết cách cầu-nguyện nhưng chẳng bao giờ cầu-nguyện. Tôi không thể bảo là họ lắng nghe Ngài cầu-nguyện được. Chúng ta không có cách nào để biết là lúc ấy Ngài cầu-nguyện lớn tiếng hay im-lặng. Họ đang bao quanh Ngài, Họ chạy đến trong lúc Ngài đang cầu-nguyện tại một nơi kia. Chắc hẳn là Ngài cầu-nguyện một mình. Một mình không hẳn có nghĩa là họ không ở bên cạnh Ngài, vì thật sự họ đã ở bên Ngài, thế nhưng Ngài cầu-nguyện một mình. Trong một chỗ khác, trước đó, Lu-ca cũng bảo là lúc cầu-nguyện, Ngài cầu-nguyện một mình, nhưng môn-đồ vẫn ở bên cạnh Ngài. Chúng ta có thể đổi chữ «một mình» và sửa là : cách-biệt, tuy-nhiên môn-đồ vẫn ở với Ngài.

Người ta quả-quyết, và chính tôi cũng đồng-ý, rằng Chúa Jêsus không bao giờ cầu-nguyện với môn-đồ như thế Ngài ngang hàng với họ. Ngài luôn luôn cầu-nguyện một mình. Chúng ta nên nhớ rằng danh-từ dùng chỉ về sự cầu-nguyện của Ngài không hề giống danh-từ chỉ về lời cầu-nguyện của họ. Đó là danh-từ nói lên mối tương-giao và tình thân-thiết. Ngài không bao giờ cầu-nguyện như một kẻ ăn xin với bàn tay trắng. Các môn-đồ quan-sát Ngài cầu-nguyện, và khi Ngài cầu-nguyện xong, một người trong bọn, chắc hẳn ngạc-nhiên trước điều mắt thấy, và có lẽ tai nghe, liền xin Ngài : «Lạy Chúa, xin dạy chúng tôi cầu-nguyện.» Rồi chợt nghĩ đến Giảng, người tiếp : cũng như Giảng đã dạy môn-đồ mình. » Ở đây ngầm chứa một sự tương-phản. Giảng đã dạy môn-đồ ông ta cầu-nguyện. Thật ông đã tận-tụy trong đời sống cầu-nguyện và đã bỏ thì-giờ trong chức-vụ đầu-tiên, hệ-trọng để dạy môn-đồ mình cầu-

nguyện. Thế nhưng, các môn-đồ này đã nhìn thấy một cái gì khác biệt trong Chúa Jê-sus. Họ không bằng lòng với những điều học hỏi ở Giảng. "Lạy Chúa, xin dạy chúng tôi cầu-nguyện."

Trước lời yêu-cầu, lòng khao-khát tìm-hiểu ấy, Chúa Jê-sus trả lời hai cách. Trước hết, Ngài cho họ một bài cầu-nguyện mẫu mà tất cả chúng ta đều quen-thuộc, một mẫu rút ngắn nhưng đầy-đủ trên mọi phương-diện khác. Sau đó Ngài dùng thí-dụ về người bạn giữa đêm khuya, và người cha với đứa con.

Trước hết là bài cầu-nguyện mẫu. Ngài nói : " Khi các người cầu-nguyện, hãy nói : Lạy Cha. " Tất cả bao gồm trong đó. Chúng ta phải nhớ kỹ điều này khi bàn đến thí-dụ về người cha đối với đứa con. " Khi các người cầu-nguyện, hãy nói : " Lạy Cha. "

Dạy xong bài cầu-nguyện mẫu, Ngài kể hai thí-dụ. Thí-dụ thứ nhất thuộc trong phạm-vi tình bằng-hữu nhân-loại. Đề ý chữ «bạn» được lập lại ở đây. Câu chuyện nói về tình bạn. Một người bạn yêu-cầu một người bạn, vì có một người bạn. Một người đến vào lúc nửa đêm — ta nên công-nhận ngay là cái giờ giấc rất phiền - phức — và người bạn này không có gì đãi người. Anh ta nhớ đến một người bạn khác ở gần nhà mình, liền chạy sang, nhờ giúp cho người bạn mới đến này. Giờ giấc phiền-phức có thể là lý do khước-từ của người đã vào giường nghỉ-ngoi với con-cái. Chúng ta hãy xem người này từ-chối thế nào. Người phản-đối vì bị quấy rầy. Nhớ kỹ điều đó. Vì thế, trên tiêu-chuẩn bạn-bè, người này từ-chối. Cửa đã khóa, chính người đã vào giường và không muốn bị quấy rầy. Đó là câu chuyện.

Nhưng dĩ-nhiên, người đến xin ở bánh vắn định tâm xin cho được. Người cứ tiếp-tục quấy rầy. Chúa Jê-sus nói : Dầu người ấy không chịu dậy vì là bạn mình, nhưng vì có người kia làm rộn, sẽ dậy và cho người kia. Đó là ý Ngài

muốn nói. Chữ « làm rộn » ở đây rất hay. Trong bản Tân-ước Hi-Lạp, đây là chỗ duy-nhất dùng chữ này. Làm rộn có nghĩa là thái độ vô liêm-sĩ, tro-trẽn. Đó là nghĩa chính của danh từ. Nguồn gốc La-tinh là *importunas*, có nghĩa hay quấy rầy, làm phiền. Vì có người này cứ quấy-nhiều nên người kia dù vì là bạn không muốn dậy, nhưng cuối cùng phải dậy vì thái độ vô liêm-sĩ của người. Đề làm gì ? Đề chấm dứt sự quấy rầy. Người chỉ trao ð bánh ðe đuổi người kia đi, ðe khỏi bị quấy rầy thêm. Người vì là bạn, không chịu dậy, nhưng ðã phải dậy lấy ð bánh trao cho người kia ðe ðem về cho bạn ðang chờ ở nhà. Đó là thí-dụ Chúa chúng ta vừa kể.

Tiếp theo, Ngài dùng thí-dụ thứ hai. « Trong các người có ai làm cha, khi con mình xin bánh mà cho đá chẳng ? hay là xin cá mà cho rắn thay vì cá chẳng ? Hay là xin trứng mà cho bò-cạp chẳng ? » Một người cha và ðứa con. Trước hết hãy ðề ý ðến tu-từ-pháp ở ðây. Cha không bao giờ lừa-gạt con. Chúa chúng ta nhìn-nhận một ðặc-điểm trường-cửu trong bản-chất nhân-loại ; ðù bản-chất ðó ðã sa-ngã và suy bại. Đó là bản-năng sẵn-sóc của cha ðối với con. Có thể cũng có những người cha không lo-lắng cho con-cái. Tôi công-nhận ðiều ðó. Nhưng xét trên quan-điểm chung, sự-kiện trên là một ðiều hoàn-toàn hiên-nhiên. Dù suy bại, con người vẫn không ðánh mất ðược tấm lòng của cha ðối với con. Đó là bức tranh ở ðây. Chúa Jêsus cho ðiểm ðó là ðĩ-nhiên và chỉ ðặt một câu hỏi. Chúng ta có thể nào tưởng-tượng một ðứa con xin bánh mà cha lại cho ðá, hoặc xin cá lại cho rắn, hay là xin trứng mà cho bò cạp chẳng ? Chúng ta không cần phải thay ðổi những hình-ảnh này vì chúng rất quen-thuộc : bánh, cá, trứng, những ðiều mà trẻ con ðòi hỏi và thường xin cha mẹ. Chúa chúng ta nhắc ðến những món quen thuộc ấy và một ðiểm Ngài nhấn mạnh với môn-ðồ ấy là cha không bao giờ lừa-gạt con.

Những thí-dụ này có liên-quan gì đến sự cầu-nguyện ? Thí-dụ thứ nhất là một hình-ảnh về tương-phản. Các nhà giải kinh và mục-sư thường bảo đây là thí-dụ dạy về sự khần-thiết trong vấn-đề cầu-nguyện. Thật ra không phải như thế. Thí-dụ này dạy rằng khi đến với Đức Chúa Trời, chúng ta chẳng cần phải đập cửa quấy rầy. Đức Chúa Trời không mê ngủ, không phải là một người ham ngủ chẳng muốn trở dậy và từ-chối lời yêu-cầu ; và cuối-cùng chỉ trở dậy để đuid người yêu-cầu vì muốn tránh phiền-hà. Đó không phải là hình-ảnh của Đức Chúa Trời. Nhưng Chúa Jêsus muốn nói ngược lại. Câu chuyện tiếp-tục : « Vì có người kia làm rộn, người ấy sẽ dậy và cho người đủ sự cần-dùng. Ta lại nói cùng các người : Hãy xin, sẽ ban cho ; hãy tìm, sẽ gặp ; hãy gõ cửa, sẽ mở cho. » Chúng ta không cần phải gõ mãi. Cửa đã mở. « Xin dạy chúng tôi cầu-nguyện. » « Khi các người cầu-nguyện, hãy nói : Lạy cha. » Hãy nhớ rằng « Cha » ở đây bao-hàm tình bạn, và nhớ rằng Cha các người không giống như người trong câu chuyện, ngang hàng bạn-hữu với người đến xin cứu-giúp. Đức Chúa Trời hoàn-toàn khác hẳn. Ngài không cần chúng ta quấy rầy.

Lại nữa, « Trong các người có ai làm cha. » Các người, là cha, và « Cha các người. » Hai hình-ảnh hòa-hợp, soi sáng lẫn nhau. Đức Chúa Trời thấu hiểu nhu-cầu, và ngay khi linh-hồn hỏi xin Ngài, liền được đáp-ứng. Chẳng cần phải van xin, nài nỉ, chờ đợi nơi cửa Thiên-đàng, như người đến lúc đêm khuya trong câu chuyện. Tôi không tin rằng chúng ta cần phải thuyết-phục Đức Chúa Trời làm một điều gì cho chúng ta, hoặc phải van xin mãi. Có lẽ chúng ta sẽ bảo : Chúng ta đã cầu-xin mà Ngài chẳng cho gì cả. Thật ra chúng ta nên nói : Chúng ta đã xin điều mình không cần nên Cha chúng ta không ban cho. Với lòng kính-cần, chúng ta hãy xem thương-hạ vấn của câu này. Giả-sử con không xin bánh mà xin đá, liệu cha có lấy đá cho nó không ? Chắc hẳn là

không! Giả-sử nó xin rần, người cha có cho không? Tôi nghĩ là không. Giả-sử nó không xin trứng mà xin bò-cạp. Người cha sẽ bảo: không, không thể được. Chúng ta chẳng cần năn-nỉ mãi. Đức Chúa Trời biết rồi và sự ban cho của Ngài luôn dựa trên tình Cha con, trên tình yêu của Ngài. Chẳng cần phải quấy nhiễu xin mãi theo như nghĩa của chữ làm rộn ở đây. Đây là chỗ duy-nhất trong Tân-uớc dùng chữ này và đã được dịch đúng nghĩa. Chúng ta không cần phải quấy-nhiều đối với Đức Chúa Trời.

Tiếp theo là câu chuyện giữa cha với con nổi lên bản-tánh của Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể tin chắc, nếu xin, chúng ta nhận được. Chú-ý điểm tương-phản ở đây, Trong thí-dụ thứ nhất, nhân-vật không cho bạn mình. Người không thích phiền phức, nhưng cuối-cùng phải lấy bánh cho để khỏi bị quấy-rầy thêm. Chúa Jêsus nói, các người khác Đức Chúa Trời. Khi các người xin, vừa nói: «Lạy Cha,» các người liền nhận được; tìm, các người gặp; gõ cửa, chẳng cần phải đập mãi, vì cửa đã mở rồi. Một vi-nhân Hy-bá-lai xưa đã nói về Đức Chúa Trời: «Ngài sẵn-sàng tha-thứ,» và Ngài luôn-luôn sẵn-sàng chờ đợi. Chớ quên điểm mà tôi vừa minh-chứng, khi đảo ngược các hình-ảnh trên. Khi tôi đến với Ngài, xin đá thay vì bánh, hoặc rần thay vì cá, hoặc bò-cạp thay vì trứng, hay là chúng ta xin một điều gì; vì Ngài biết chúng ta không cần đến, sau này chúng ta mới biết là mình xin đá, Ngài cho bánh; xin rần, được cá; và xin bò-cạp, được trứng.

Tại đây, Lu-ca ghi lại một điểm đã xảy ra rồi, nhưng chắc hẳn ông muốn lập lại vì có giá-trị ứng-dụng về vấn-đề liên quan đến Đức Thánh-Linh. Ngài sẽ ban cho những món quà tốt hơn hết. Ma-thi-ơ chép rằng Ngài bảo «các vật tốt.» Lu-ca lại dùng chữ «Đức Thánh-Linh,» món quà cao quý nhất, tốt nhất, lớn-lao nhất mà nhân-loại đang cần cho sự tái-tạo và cho cả cuộc sống toàn-diện.

Sau đó, Lu-ca lùi lại kể câu chuyện một ngày kia có kẻ buộc tội Chúa Jê-sus đồng-lừa với quỷ Bê-ên-xê-bun. Họ nhìn nhận quyền siêu-nhiên của Ngài, nhưng gán ghép nguồn gốc cho quỷ. Chính vì thế Chúa Jê-sus đã nói với họ rất nghiêm-khắc, trang-trọng; nhưng Ngài đã bác-bỏ lý-luận của họ. Ngài tuyên-bố những gì Ngài đã làm đều do ngón tay của Đức Chúa Trời. Giữa hai điểm này không có gì mâu-thuẫn. Các chữ dùng ở đây đồng nghĩa với nhau. Chúa Jê-sus nói, những hành-động của Ngài không thực-hiện dưới quyền-năng của quỷ nơi thể-hệ này, nhưng là trong quyền-năng của Thánh-Linh. Và Ngài đã dùng một thí-dụ rất hay. Một người lực-lượng đầy-đủ khí-giói canh-giữ cửa nhà mình và của-cải được an-toàn. Đó là Sa-tan. Sa-tan võ-trang cầu-thận, canh giữ địa-phận của nó, chúng ta không thể xen vào của-cải của nó. Nhưng có một Kẻ Mạnh hơn nó sẽ đến, đó là Con Đức Chúa Trời, tức là chính Chúa; Ngài sẽ chiến-thắng nó, tước hết khí-giói và chia của-cải nó ra. Đó là thí-dụ Ngài muốn nói.

Xây qua những kẻ hiểm-độc chỉ-trích Ngài, Chúa phán: « Phàm ai không theo Ta thì nghịch cùng Ta, ai không thân hiệp với Ta thì tan-lạc. » Nói cách khác, tại đây Chúa chúng ta tự xưng là Kẻ Mạnh hơn người võ trang mạnh-mẽ, và Ngài là Chủ của người mạnh mẽ kia. Như các bạn yêu-dấu của chúng ta trong Cứu-Thể. Quân-thường hát rằng: « Jê-sus mạnh hơn Sa-tan và tội-lỗi, Sa-tan phải cúi đầu trước Chúa Jê-sus. Do đó tôi đắc-thắng cả bề ngoài lẫn bề trong, vì Jê-sus đang cứu tôi hiện giờ. »

Đó là tất cả chân-lý, là lời tuyên-bố của Ngài, rằng Ngài mạnh hơn mọi lực-lượng của kẻ ác. Câu Chúa dùng ở đây rất đặc-biệt. Ngài tước hết mọi khí-giói của nó, binh-giáp của nó. Danh-từ Hi-Lạp được dùng ở đây chỉ xuất-hiện trong một chỗ khác của Tân-ước, trong thư Phao-lô viết cho người Ê-phê-sô: « Hãy mang lấy mọi khí-giói của Đức Chúa Trời. » Chúng ta dùng đoạn đó giảng-dạy, và làm vậy là đúng chứng

tỏ mình phải trang-bị thế nào. Chúng ta phải cùng một thứ khí-giới, nhưng chớ nên quên, đó là binh-giáp của Đức Chúa Trời. Đó là thứ khí-giới đã, đang và sẽ khiến Ngài đứng vững trước mọi tấn-công. Kẻ Mạnh hơn người mạnh-mẽ đã đến đánh người mạnh-mẽ và tước hết khí-giới, vì khí-giới của Ngài mạnh hơn. Ngài tuyên-bố có quyền trên mọi lực-lượng gian-ác và mạnh hơn tất cả bọn chúng. Đoạn sách Ê-phê-sô (câu 6-11) rất đáng nghiên-cứu cẩn-thận; khí-giới Đức Chúa Trời mang có thể chiến-thắng mọi lực-lượng của kẻ ác.

Vậy, trong bài học này nói về Thánh-Linh, Chúa chúng ta chứng-tỏ rằng Ngài chiến-thắng là nhờ Thánh-Linh và Ngài cũng bảo môn-đồ rằng Cha Ngài sẽ ban Thánh-Linh cho những ai xin Ngài, hầu cho chúng ta vượt xa hơn kẻ chiến-thắng, được đầy dẫy quyền-năng của Thánh-Linh không phải chỉ lúc đầu, nhưng liên-tục mãi mãi không ngừng.

33. NGƯỜI NHÀ GIÀU NGU-ĐẠI

Lu-ca 12 : 13-21.

ĐÂY là một thí-dụ riêng biệt trong Lu-ca, và cũng như nhiều thí-dụ đặc-biệt khác được ông ghi lại, câu chuyện quen-thuộc này gây được một ấn-tượng sâu-xa. Thí-dụ vô cùng rõ-ràng và tuyệt-diệu chỗ phơi-bày được ý-nghĩa sự sống. Chúng ta phải khảo-sát cả hai nhân-vật là bối-cảnh cho câu chuyện này vì cả hai có liên-quan đến thí-dụ Chúa chúng ta kể ở đây. Chúng ta cũng cần nhớ điểm hệ-trọng ấy là câu chuyện có liên-quan với vấn-đề sự sống.

Ngay trước khi kể thí-dụ, Chúa chúng ta nói chuyện với một người và hỏi : « Ai đặt Ta làm Quan Xử-kiện hay là Người Chia của cho các người ? » Và Lu-ca tiếp : « Đoạn, Ngài phán cùng chúng, » không phải với người nói chuyện với Ngài, nhưng với « chúng. » Như thế có nghĩa gì ? Với ai ? Có thể trả lời là với môn-đồ, và có lẽ không sai, vì chắc-chắn môn-đồ cũng đã nghe Ngài nói chuyện. Cũng có thể là Ngài nói với đám đông đang vây quanh Ngài lúc ấy vì thật có như vậy. Mở đầu đoạn này chúng ta thấy : « Khi ấy, dân-chúng nhóm lại kể hàng ngàn người, đến nỗi giày-đạp nhau, Đức Chúa Jêsus mới trước hết phán cùng môn-đồ rằng : Hãy giữ mình về men của người Pha-ri-si. » Như thế, cả đám đông đang vây quanh Ngài và môn-đồ cũng có ở đó, và Ngài đang truyền dạy rõ-ràng về thái-độ chống-đối Ngài đang tăng lần, và Ngài biết trước, chính họ cũng sẽ bị chống-đối trong tương-lai vì là đại-diện và môn-đệ của Ngài. Ngài khuyên môn-đồ đừng sợ sự chống-đối của kẻ chỉ giết được thể-xác rồi sau không thể làm gì hơn. Đề ý đến toàn-thể lời dạy của Ngài, chúng ta thấy Ngài nói đến

sự chăm-sóc của Đức Chúa Trời đối với chim sẻ và dựa vào đó, kết-luận về sự chăm-sóc của Ngài đối với họ.

Trong khi Ngài dạy điều đó, một người đã ngắt lời Ngài. Ngài dừng lại trả lời người đó rồi tiếp: «Ngài phán cùng chúng.» Chắc-chắn môn-đồ và di-nhiên cả đám đông cũng nghe lời Ngài phán, nhưng tôi tin chữ «họ» ở đây đặc-biệt ám-chỉ người nói chuyện với Ngài và người anh mị chính người đã nhắc đến. «Hãy giữ cẩn-thận, chớ tham-lam; vì sự sống của người ta không phải cốt của-cái mình dư-dật đâu.» Đó là chủ-đề, sự sống. Mục-dích để minh-giải vấn-đề sự sống, và ứng-dụng cho trường-hợp Ngài đang nói chuyện, cho môn-đồ Ngài, cho cả đám đông đang nghe Ngài kể thí-dụ.

Người này xin Chúa can-thiệp chia của cho chính mình và anh mình. Chúng ta không biết rõ ý-nghĩa tiềm-ẩn sau lời yêu-cầu ấy theo như luật-pháp và phong-tục thời đó; nhưng chắc hẳn là người này đã lấn quyền-lợi người kia và đó là vấn-đề. Về việc chia gia-tài, chúng ta không nên nghĩ rằng người này hoàn-toàn sai-lầm. Trong khi nói chuyện với môn-đồ, Chúa Jê-sus đang nói về sự chăm-sóc kỳ-diệu của Đức Chúa Trời đối với chim sẻ và con-cái Ngài, đột-nhiên người này ngắt lời Ngài. Hiên-nhiên đó là một thái-độ ngắt lời người khác, khá thô-lỗ. Chắc-chắn người chả suy-nghĩ gì về lời Chúa Jê-sus đang nói. Không có một liên-quan nào giữa lời yêu-cầu của người với lời dạy của Chúa Jê-sus lúc này; thật ra, vấn-đề của người hoàn-toàn khác-biệt. Nếu người lắng nghe Ngài nói và chấp-nhận, có lẽ người đã không ngắt lời như thế. Lời yêu-cầu của người nói lên thái-độ giận-dữ, căm-tức một cái sai quấy, và có lẽ trên bình-diện con người, có sai quấy thật. Dầu sao, người đã kêu nài Chúa Jê-sus bảo anh người chia gia-tài cho người.

Lời từ-chối của Chúa rất sâu-sắc và đặt dưới hình-thức một câu hỏi, nói rõ rằng Ngài đến thế-gian không phải để xét-xử và chia gia-tài, một công-việc hoàn-toàn thuộc về thế-gian, và con người, trên phương-diện vật-chất. Hướng về đám đông đang chờ đợi, Ngài tuyên-bố một câu hệ-trọng : « Sự sống của người ta không phải cốt tại của-cải mình dư-dật đâu » rồi Ngài kể thí-dụ. Ngài giải-thích ý-nghĩa cuộc đời chân-thực, cho đám người phần lớn chỉ nghĩ về sự sống qua những danh-từ chỉ về vật-chất, về đời này, như đã thể hiện rõ-ràng qua lời yêu-cầu trên. Họ nghĩ qua những danh-từ chỉ về sự vật, của-cải. Hãy nhớ kỹ chữ Ngài dùng của-cải. » Sự sống chúng ta bị của-cải chi-phối khá nhiều. Của-cải gì ? Chỉ là của-cải thể thôi. Phân nửa nỗi lo-lắng trong cuộc đời ấy chúng ta nghĩ rằng còn có nhiều của-cải chúng ta mong-ước nhưng chưa sở-hữu được. Chúa Jê-sus nói, không, đó không phải là sự sống. Sự sống con người không cốt tại, không gắn liền, không được tạo thành hoàn-toàn do của-cải, dù cho của-cải thật nhiều đi nữa.

Đến đây, chúng ta đi ngay vào thí-dụ. Thật là giản-dị. Hãy xem hình-ảnh Chúa Jê-sus đưa ra ở đây. « Một người kia. » Điềm đầu tiên khiến chúng ta chú-ý ấy là trên phương-diện vật-chất, người này rất may-mắn. Người giàu-có, thành công nhờ siêng-năng cần-mẫn. Không có điềm nào chứng-tỏ người lường-gạt. Không một chi-tiết nào bảo là người làm giàu nhờ mưu-mô gạt-gẫm. Ta luôn luôn có thể mong đợi tiền bạc sẽ đem lợi đến. Người lanh-lợi khôn-ngoan và hơn nữa, hay suy-nghi, tính-toán. Chúa Jê-sus phác-họa bức tranh của người và bảo : « Người bèn tự nghĩ. » Trước cảnh kho-tàng ngày càng phồn-thịnh, hoa-lợi ngày càng phong-phú, tiền của cứ chồng chất lên mãi, người bỏ thi-giờ ngồi lại suy-nghi. Và lại người cũng rất khôn-ngoan. Chúng ta nghe

người nói gì ? « Hoa lợi, kho-tàng, sản-vật, cửa-cải, linh-hồn của ta ơi. » Người liệt-kê tất cả và kèm theo tiếng chủ-hữu đại danh-tự « của ta. » « Sự sống của người ta không phải cốt tại cửa-cải mình dư-dật. » « Hoa-lợi của ta kho-tàng của ta sản-vật của ta cửa-cải của ta trông-mong, » và di-nhiên điều đáng kinh-hãi và đặc-biệt nhất ấy là « linh-hồn của ta. »

Hãy nhìn người lại một lần nữa. Trên tiêu-chuẩn thô-bi thông-thường thì người này chỉ có gì thô-bi. Người suy-nghĩ điều gì ? Mục-dích, cứu-cánh của người là gì ? « Linh-hồn ta, Linh-hồn ta ơi, người có nhiều cửa-cải, » tài-sản vật-chất. Có cửa-cải sẽ đưa đến kết-quả nào ? Cả một thảm-trạng. « Hãy ăn, uống và vui-vẻ. » Đó là điềm thô-bi nhất có thể nói về cuộc đời ; cửa-cải tài-sản của linh-hồn, với mục-dích giúp con người ăn, uống và vui-vẻ. Ai có thể đọc câu chuyện này mà không cảm thấy cuộc đời đáng ghê sợ như thực-trạng của vô-số nếp sống ngày nay. Đây là bức tranh của một người hoàn-toàn ưa khoái-lạc đang tưởng-tượng linh-hồn mình sẽ no-béo trong cửa-cải, và mục-tiêu cuộc đời là ăn, uống và vui-vẻ.

Tuy nhiên, chúng ta hãy quan-sát lại. Người hiện đang bán-khoản, và những thỏa-mãn trông-mong ấy hoãn lại đến ngày mai. Ngày mai, người sẽ nói với linh-hồn mình : Hãy ăn, uống và vui-vẻ. Người sai-lầm ở điềm nào ? Mãi đến đây, người chưa nói gì về Đức Chúa Trời. « Hoa-lợi của ta. » Đến từ đâu ? « Kho-tàng của ta. » Do đâu người có ? « Sản-vật của ta. » Phát-xuất từ đâu ? « Cửa-cải của ta, » phải, tất cả tài-sản của ta, và « linh-hồn ta. » Phía sau những hoa-lợi, sản-vật, cửa-cải và phía sau linh-hồn là Đức Chúa Trời. Đó là khuyết-diềm của người. Người không nhận-xét Đức Chúa Trời ; người không biết Ngài.

Tiếp theo là tấm thảm-kịch của câu chuyện, bùng-nổ như một tiếng sấm. « Song Đức Chúa Trời phán cùng người. » « Hỡi kẻ đại, » dù người giàu-có, cần-mẫn, thành-công và lanh-lợi; vì người tưởng mình có thể được thỏa-mãn nhờ của-cải; « Chính đêm nay linh-hồn người sẽ bị đòi lại. » Nhưng đó là « linh-hồn của tôi. » Không, chẳng phải của người; và vì thế, cả hoa-lợi lẫn kho-tàng, của-cải đều không thuộc về người. Nếu người không sở-hữu linh-hồn mình, người cũng chẳng nắm giữ được một trong những sản-vật mà người đang tìm-kiếm để thỏa-mãn linh-hồn mình. Người không sở-hữu linh-hồn người. Đêm nay Đức Chúa Trời sẽ đòi lại « vậy những của-cải người đã sắm sẵn sẽ thuộc về ai? » Chúng ta có thể nhìn thấy người ấy ra đi trong đêm đó. Tay người không còn nắm giữ được của-cải nữa. Người không thể đi xem người ta thâu hoa-lợi vào kho. Người đã qua đời, nhưng tất cả mọi vật vẫn nằm đó, và đó thật là một điều mỉa-mai. « Chúng sẽ thuộc về ai? » Tại sao người chứa của-cải để cho kẻ khác giành-giữt khi người chết? Tấm thảm-kịch ấy hiện đang diễn ra! Câu chuyện thật đầy ý-nghĩa.

Chúng ta không cần phải nói nhiều. Ở đây Chúa chúng ta đang bàn về sự sống. Sự sống con người không cốt tại hoa-lợi, kho-tàng, sản-vật và của-cải. Có thể có của-cải dư-dật, nhưng nó không có sự sống; họ không kéo dài được cuộc đời. Sự sống con người không cốt tại mọi điều đó. Họ có thể sở-hữu, tăng-cường và thâu trữ chúng; nhưng đó chẳng phải là sự sống. Ở đây Chúa chúng ta dùng một chữ chỉ về sự sống. Người này nói về linh-hồn của mình. Đó là hai chữ khác nhau. Chữ của người này dùng chỉ về nhân-cách, và đó là chữ *psuche*, tức linh-hồn. Đó chỉ nói về tinh-thần. Phao-lô cũng nói về nhân-cách nhưng là một phân-tích

đầy đủ : « Toàn-thể tâm-thần (pneuma), linh-hồn (psyche) và thân-thể (soma) anh em. » Đó là huyền-nhiệm ba chiều về nhân-cách con người. Người này không nhắc đến tâm-thần nhưng đến linh-hồn là phương-diện trí-óc của mình. Đó là một bình-diện diệu-kỳ nhờ đó chúng ta thăm-định mọi sự vật thuộc hoạt-động tinh-thần. « Linh-hồn tôi, » tâm-trí tôi ; người tưởng đó là sự sống thực. Nhưng không phải. Tâm-linh luôn luôn là tri-giác của tinh-thần. Trong một bức thư, Phao-lô đã viết về « con người thiên-nhiên. » Chúng ta có thể dịch là « người tâm-linh ; vì đó là danh-từ Phao-lô dùng, tức con người chỉ sống trên phương-diện tinh-thần. Người tâm-linh có thể bị xác-thịt làm chủ và trở nên xác-thịt ; hoặc có thể để cho tinh-thần làm chủ và trở nên thiêng-liêng.

Khi nói đến sự sống con người, Chúa không dùng một chữ nào của người này đã dùng. Ngài dùng chữ *zoe* rất quen-thuộc ; tức là danh-từ giản-dị chỉ về sự sống, bất cứ sự sống nào, sự sống của loài bươm, hoặc của thú-vật, của thiên-sứ, của thiên-sứ trưởng, hay là sự sống của con người và sự sống của chính Đức Chúa Trời. Trong văn-chương Hi-lạp, có một chữ khác chỉ về sự sống, chữ *bios*, ám-chỉ một sinh-hoạt cao hơn ; còn *zoe* chỉ về phần của sinh-vật và thấp hơn. Ngày nay chúng ta vẫn phân-biệt như thế. Chúng ta nói về sinh-vật học, ám-chỉ hình-thức cao hơn ; và động-vật học, và đi vào Sở-Thú để nghiên-cứu. Tuy nhiên, cần chú-ý kỹ ở đây. Danh-từ Đấng Christ dùng, chỉ về sự sống, sự sống thật, không phải chỉ phần tâm-thần, linh-hồn và thân-thể ; nhưng là tất cả nguyên lý đã cấu-tạo khác biệt giữa sự chết và sự sống. Mỗi chữ « sự sống đời đời, » trong Tân-Uớc đều mang ý-nghĩa đó. Điềm kỳ-diệu ấy là Cơ-đốc-giáo đã dùng một chữ trong văn-chương Hi-lạp, xưa nay ý-nghĩa đã bị hạ thấp, để ám-chỉ một cái gì cao-qui, đó là sự sống. Đó

cũng là điều Chúa chúng ta muốn nói : « Sự sống người ta. » Người này đang nói đến bản-thể tâm-linh của mình, tức tri-giác tinh-thần. Nhưng sự sống vượt hẳn địa-hạt ấy. Thực thể nồng-cốt đó không thể nuôi-dưỡng bằng của-cải. « Sự sống người ta chẳng cốt tại của-cải dư-dật. » Zoe vượt hẳn *psuche*. Đó chỉ là phần tinh-thần và tâm-linh, và hễ ai sống trên bình-diện đó, dù có dày công trau-giồi, dù có học rộng uyên-thâm đến nỗi xứng-đáng với danh-hiệu bác-học siêu-phàm trong địa-hạt trí-thức, nhưng nếu người loại bỏ Đức Chúa Trời, không giao-tiếp với Ngài trong những hoa-lợi, kho-tàng, sắc-vật và mọi vật khác, người chỉ sống với mức thấp kém và không thật sống đúng như ý-nghĩa của chữ Ngài dùng ; vì « sự sống người ta chẳng cốt tại của-cải dư-dật. »

Như thế, sự sống là gì ? Sống là chịu dưới quyền kiểm-soát của Đức Chúa Trời và cuộc đời trên đất phải do Đức Chúa Trời chỉ định. Đức Chúa Trời sẽ phá vỡ một nơi nào đó. « Nhưng Đức Chúa Trời ! » Dù phải bước vào sự sống đầy-trộn, hoặc phải đi vào khoảng hư-vô tối-tăm, Đức Chúa Trời vẫn luôn luôn hiện-diện. Có thể không ai biết đến Ngài, và thật là một tấm thảm-kịch hãi-hùng khi Ngài can-thiệp như Ngài đã can-thiệp trên sự sống của người này. Hãy nhớ luôn rằng tài-sản không bao giờ đầy-đủ. Tất cả mọi vật chúng ta nắm giữ đều là vay mượn hơn là sở-hữu. Và tờ khế-ước chỉ có giá-trị cho đến khi Đức Chúa Trời nói : « Linh-hồn người bị đòi lại. » Sự-kiện tối-cao trong đời sống ấy là Đức Chúa Trời, và thảm-trạng bi-đát hơn hết chính là lúc Ngài can-thiệp trên linh-hồn của kẻ không nghĩ đến Ngài, với một chữ « song » và tuyên-bố : « Linh-hồn người bị đòi lại. »

Thí-dụ này cũng ứng-dụng cho hai anh em trong câu-chuyện trên. Cả hai đều ích-ký, một người bám chặt của

cải và giữ mãi, còn người kia tham-lam và muốn đoạt riêng cho mình. Vì thế, Chúa chúng ta cảnh-cáo họ về tội tham-lam, và sau khi kể thí-dụ, Ngài phán : «Giống như người này,» hễ ai thâu-trữ của cho mình mà không giàu-có nơi Đức Chúa Trời thì cũng như vậy.»

xXx

34. ĐẦY-TỚ THỨC-CANH

Lu-ca 12 : 41-48

ĐẦY là một đoạn hơi khó giải-thích. Dù nó không hoàn-toàn tối-nghĩa, nhưng chúng ta cần đặc-biệt lưu-ý một vài chi-tiết để thấy rõ giá-trị thật của cả đoạn.

Chỉ có Lu-ca chép đầy-đủ thí-dụ này. Có nhiều thí-dụ khác cũng đề-cập cùng một vấn-đề. Trong Ma-thi-ơ đoạn hai mươi bốn và hai mươi lăm, chúng ta đã nhắc qua ba thí-dụ, một về đoàn-thề, nói đến tương-quan nội-bộ trong Nước của Christ ; một về cá-nhân, bàn đến sự chuẩn-bị đèn dầu ; và một về đế-quốc, nhắc đến những tài-năng giao cho mỗi con-cái Ngài. Khi khảo-sát thí-dụ thứ nhất trong Ma-thi-ơ, chúng ta chưa giải-thích đầy-đủ vì bài học ở Lu-ca đầy-đủ hơn ở Ma-thi-ơ. Ma-thi-ơ đã ghi vắn-tắt thí-dụ này khi Chúa nói trong lời tiên-tri ở núi Ô-li-ve. Còn Lu-ca kể lại khi Chúa dùng thí-dụ này lúc mới bắt đầu chức-vụ Ngài.

Thí-dụ này có một giá-trị đặc-biệt. Chúa chúng ta muốn nói gì ? Hãy chú-ý phần mở đầu của thí-dụ : «Phi-e-rơ bèn thưa Ngài rằng : Lạy Chúa, thí-dụ này Chúa phán cho chúng tôi, hay là cũng cho mọi người ? Thí-dụ nào ? Chắc-chắn không phải thí-dụ chúng ta đang bàn ở đây, vì lúc ấy Ngài chưa kể. Ngay trước câu hỏi ấy, Chúa Jê-sus đã kể một thí-dụ và Phi-e-rơ muốn hỏi về ứng-dụng của thí-dụ ấy, về vấn-đề trung-thành với Chủ đi vắng. Mathew Henry đã từng bảo : «Tôi cảm-tạ Đức Chúa Trời vì có Phi-e-rơ. Người luôn luôn đặt câu hỏi.» Và những câu hỏi của người thường đem lại những lời giải-đáp kỳ-diệu. Đây là một câu hỏi hoàn-toàn hợp-lý : «Thí-dụ này Chúa phán cho chúng tôi, hay

là cũng cho mọi người? Đó cũng là thắc-mắc khi chúng ta suy-nghi thí-dụ ấy. Và thí-dụ chúng ta đang nghiên-cứu đây là lời giải đáp cho câu hỏi về lòng trung-thành đối với Chủ đi vắng. Chữ "chúng tôi" chỉ về mười hai sứ-đồ được chọn, đại-diện cho những kẻ kể-nghiệp trong giòng lịch-sử.

Lời dạy của thí-dụ chỉ giới-hạn cho số người ấy hay ứng-dụng cho tất cả môn-đồ, chúng ta cũng không rõ. Phi-e-rơ thật sự muốn biết lời dạy của Chúa nhằm mục-đích đặt trách-nhiệm trên các sứ-đồ và những kẻ sẽ được kêu-gọi sau này để nắm thềm-quyền thiêng-liêng trong Hội-thánh của Đức Chúa Trời, hay là được áp-dụng cho toàn thể Hội-thánh. Đó là bối-cảnh của thí-dụ.

Chúng ta hãy đề ý cách Chúa trả lời. Ngài trả lời bằng cách đặt một câu hỏi mà trên một phương-diện, chẳng trả lời gì cả. Phi-e-rơ hỏi: Thí-dụ này phán cho ai? Cho chúng tôi hay cho tất cả? Chúa Jê-sus đáp: "Ai là người quản-gia ngay-thật khôn-ngoan, chủ nhà đặt coi cả người nhà mình?" Vấn-đề được nêu ra để giải-đáp. Có phải điều Ngài sẽ nói đây ứng-dụng cho một nhóm người đặc-biệt, được gọi vào chức-vụ riêng biệt, hay là ứng-dụng cho tất cả? Chúa chúng ta khai-triển vấn-đề để giải-đáp. Thật ra Ngài muốn nói: Những gì Ta đã nói, ứng-dụng cho mọi quản-gia ngay thật và trung-thành, dù với ý-nghĩa đặc-biệt có được gọi vào chức-vụ hay không. Tôi nghĩ là đến cuối-cùng, giá-trị thật của thí-dụ là như thế, nhưng cũng ứng-dụng cho tất cả mọi người.

Bức tranh Chúa vẽ ra ở đây là một gia-đình, và chúng ta phải hiểu theo phong-tục Đông-phương. Gia-đình gồm có một người chủ, đứng đầu, cao hơn tất cả mọi người trong nhà, một người chuyên-chế với ý-nghĩa tốt, ám-chỉ quyền-hành trọn- vẹn, tuyệt-đối của người. Trong nhà có đặt một chức quản-gia, tức những người dưới quyền chủ và đại-



diện cho chủ. Họ là quản-gia tài-sản của chủ. Một quản-gia không những chỉ coi-sóc tài-sản, nhưng còn có trách-nhiệm sắp đặt, quản-trị trong gia-đình. Ngay trong xã-hội Đông-phương, địa-vị quản-gia thường giao cho nô-lệ. Trong câu chuyện này, danh-từ chỉ về đầy-tớ là chữ *doulos*, nghĩa là nô-lệ. Những ai đại-diện cho người cai-trị, cho chủ, phải hoàn-toàn chịu lệ-thuộc và vâng phục trọn-vẹn.

Trong gia đình này, trách-nhiệm của những quản-gia, tức những tên nô-lệ, là coi sóc sinh-hoạt củ- mọi người trong nhà và lo việc ăn uống cho họ. Qua lời dạy của Chúa Jêsus, chúng ta thấy hình-ảnh này ứng-dụng cho tất cả mọi người trong gia-đình. Mỗi tên nô-lệ, trên một phương-diện, là quản gia tài-sản của chủ, mỗi tên nô-lệ chịu trách-nhiệm điều-hành công-việc nhà theo ý muốn của chủ và phát lương-thực cho nhau. Tuy-nhiên cũng có những người giữ nhiệm-vụ đặc-biệt cai-trị và có thẩm-quyền trên mọi công-việc. Đó là ý-nghĩa của bức tranh.

Chức-vụ quản gia bao-hàm những điểm nào? Giản-dị nhất ấy là hoặc trung-thành, hoặc bất-trung; tức những quản-gia trung-thành và những quản-gia bất-trung. Những lý-do bất-trung của quản-gia cũng được nêu ra ở đây. Chủ đi vắng, không có ở nhà. Có lẽ một số triền-hạn ngày về của chủ, bảo : «Chủ về trễ;» và vì thế không cần-thận chờ đợi, cư-xử với nhau không phải lễ. Họ «đánh đập đầy-tớ trai và gái,» bạc-đãi chúng, và ăn uống say sưa. Đó là bất-trung. Chúa chúng ta dạy rằng, đến lúc đó, chủ trở về, sẽ xử bọn quản-gia này. Chủ cũng sẽ xét-xử những kẻ trung-thành và cho họ quyền-hành cai-quản mọi việc khác; đồng-hóa hoàn-toàn chính mình với họ trong việc cai-trị. Còn những kẻ bất-trung sẽ bị lên án. Chủ sẽ xé da nó. Đó là theo bản dịch cũ. Bản Nhuận-chánh có thay đổi chút ít. Án-phạt sẽ rất rõ-ràng có tính-cách biết phân-biệt. Kẻ nào đã biết mà cố-tình không vâng-phục ý muốn của chủ, sẽ bị đánh đòn nhiều;

còn ai không vâng-phục vì không biết ý chủ, cũng có lỗi và đáng bị phạt, sẽ bị đôn ít.

Nếu hiểu câu chuyện theo nghĩa giản-dị hơn hết, chúng ta có thể thấy rõ bài học ở đây là gì. Trên một phương-diện, thí-dụ này ứng dụng cho tất cả mọi người trong gia-đình. Một từ-ngữ rất đầy ý-nghĩa là «Gia-đình của Đức Chúa Trời,» tức Hội-Thánh hằng sống. Mỗi phần-tử trong Hội-Thánh phải chịu trách-nhiệm về kẻ khác. Thái-độ mà ngàn đời Hội-thánh sẽ không bao giờ chấp-nhận ấy là thái-độ của người đầu-tiên đã thốt ra câu : «Tôi là người giữ em tôi sao ?» Chúng ta cần nhớ điều đó. Tuy-nhiên, những chữ «Tôi là người giữ em tôi sao ?» vẫn nói lên thái-độ, mối nguy-cơ, sự lựa-chọn một thái-độ nào đó. Trong Hội-Thánh, tín-đồ Đấng Christ không thể như vậy được. Nếu thế thì đó là những quản-gia bất-trung. Chúng ta chịu trách-nhiệm lẫn nhau trong đại gia-đình của Đức Chúa Trời.

Thật ra, theo Tân-ước, qua Thánh-Linh, Đức Chúa Trời cũng có kêu-gọi và biệt riêng trong Hội-Thánh một số người đặc-biệt giữ việc coi-sóc. Đó là ý-nghĩa của chữ *Giám-mục*. Trong Tân-ước, chữ giám-mục và trưởng-lão đồng nghĩa với nhau. Cả hai đều chỉ những người trông-nom, coi-sóc. Đó là điểm tác-giả thư-tin muốn nói : «Hãy nhớ những người dắt-dẫn anh em.» Những người này là ai ? Những kẻ «đã truyền đạo Đức Chúa Trời cho anh em.» Những bậc thang về chức-vụ người tín-đồ được nêu ra rõ-ràng trong Tân-ước. Chúng ta đã làm đảo lộn thứ tự quá nhiều, tuy-nhiên, giá-trị thật của những kẻ được gọi «đề tỉnh thức vì linh-hồn» của «nhà Đức Chúa Trời.» Dù ứng-dụng của thí-dụ này, dĩ-nhiên là cho tất cả, nhưng tôi tin rằng ứng-dụng đặc-biệt vẫn là cho những kẻ ngày nay được gọi vào chức-vụ mục-sư. Chúng ta lầm-lẫn nếu nghĩ rằng mục-sư là đầy-tớ của người ta. Chúng ta là đầy-tớ của Đức Chúa Trời và «đầy-tớ của anh em vì có Ngài,» vì quyền-lợi Ngài. Tân-ước dùng nhiều chữ giám-mục, giáo-sư, mục-sư ; tất cả cùng ám-

chỉ địa-vị về trách-nhiệm trong Hội-Thánh của Đức Chúa Trời đối với Hội-Thánh ấy.

Ý-nghĩa chính quan-trọng ở đây là tình thân-hữu trong gia-đình khi Chúa chúng ta vắng mặt, mỗi thông-công của Hội-Thánh Cơ-đốc. Chúa chúng ta dùng hình-ảnh phân-phát ấy để chứng-tỏ mỗi thân-hữu ứng-dụng trên tất cả những người giữ địa-hạt nô-lệ, hay là quản-gia; dù là đặc-biệt hay tổng-quát, và nhất là những kẻ được gọi. Công-vụ các sứ-đồ đoạn hai mươi kể lại câu chuyện rất hay về việc Phao-lô nhóm-hợp các trưởng-lão trong Hội-Thánh Ê-phê-sô và nói chuyện với họ. Chúng ta hãy trích vài câu nói của ông. « Anh em hãy giữ lấy mình và luôn cả bầy mà Đức Thánh-Linh đã lập anh em làm kẻ coi-sóc để chặn Hội-Thánh của Đức Chúa Trời mà Ngài đã mua bằng chính huyết mình. » Phao-lô đã nói như thế với các trưởng-lão tại Ê-phê-sô và đó là ý-nghĩa của trách-nhiệm.

Trong thư Phi-e-rơ chúng ta cũng bắt gặp cùng một ý-tưởng (I Phi-e-rơ 5 : 1). « Tôi gửi lời khuyên-nhủ này cho các bậc trưởng-lão » — quản-gia — « trong anh em, tôi đây cũng là trưởng-lão như họ, là người chứng-kiến sự đau-dớn của Đấng Christ, và cũng có phần về sự vinh-hiền sẽ hiện ra. » Ông khuyên họ làm gì ? « Hãy chặn bầy của Đức Chúa Trời đã giao-phó cho anh em, làm việc đó chẳng phải bởi ép tình, bèn là bởi vui lòng, chẳng phải vì lợi do-bần, bèn là hết lòng mà làm. » Lưu-ý điềm này : « Chẳng phải quản-trị phần trách-nhiệm chia cho anh em, song để làm gương tốt cho cả bầy. » « Khi Đấng Christ làm đầu các kẻ chặn hiện ra, anh em sẽ được mãi triệu-thiên vinh-hiền, chẳng hề tàn-héo. »

Hai câu trích-dẫn trên chứng-tỏ lời dạy của Chúa Jê-sus được ứng-dụng đặc-biệt và trực-tiếp. Mỗi anh em trong chức-vụ mục-sư, mỗi giáo-sư Trường Chúa-Nhật và những ai đang sửa-soạn cho công-việc thánh, qua những lời này của

Chúa Jêsus, tất cả chúng ta đều có trách-nhiệm chẵn bầy của Đức Chúa Trời.

Có lẽ chúng ta sẽ bảo : Chắc-chắn chuyện này không đúng sự thật, làm gì trong gia-đình lại có những người đánh-đập tôi trai tớ gái, ăn-uống say-sưa quá-độ như vậy. Câu chuyện hơi lạ thật. Nhưng chúng ta hãy nhìn kỹ lại lịch-sử Hội-Thánh Cơ-đốc-giáo. Từng hồi từng lúc, trong Hội-Thánh, giữa vòng những người đáng lẽ là quản-gia và kẻ chẵn bầy đã thật sự xảy ra tình-trạng đó ; thái-độ đánh-đập, đánh-đập đến chết lẫn nhau, và mạo-xưng là vì có Đấng Christ. Một trong những diêm làm cho tôi hi-vọng và vui-mừng ấy là ngày nay thăm-trạng ấy bớt đi rất nhiều so với thời tôi còn trẻ. Tôi vẫn còn nhớ thái-độ cay-đắng cực-độ giữa vòng những phần-tử trong gia-đình Đức Chúa Trời và cách họ chỉ-trích, hành-hạ lẫn nhau. Ngày nay thăm-trạng ấy vẫn còn. Có thể lắm, dù thuộc về đoàn-thề này nhưng người ta vẫn cư-xử với nhau hoàn-toàn ngược lại tinh-thần và bản-chất của Cơ-đốc-giáo. Các bạn hãy nghiên-cứu lịch-sử Hội-Thánh để hiểu rõ vấn-đề tôi vừa nhắc-đến.

Vậy, bổn-phận chúng ta là gì ? Phao-lô nói : Hãy tỉnh thức và chẵn bầy của Đức Chúa Trời, Phi-e-rơ nhấn mạnh diêm đó. Trong Hội-Thánh Cơ-đốc cần phải có thái-độ chăm-sóc hổ-tương, giúp-đỡ lẫn nhau, làm-đầy-tớ nhau vì có người nô-lệ khác. Đặc-biệt trong Hội-Thánh chúng ta phải như vậy. Đối với cả dân-tộc trên phương-diện triết-lý, cũng như nói riêng trong Hội-Thánh, chúng ta phải thực-hành nguyên-tắc : « Chẳng có người nào vì chính mình mà sống. » Cũng có lời chép : mỗi người sống vì Chúa, tuy nhiên cũng là sống cho đồng-bạn của mình. Khi đã làm xong nhiệm-vụ, chúng ta nhận-được phước-hạnh ; nhưng nếu thất-bại, chúng ta phải chịu trừng-phạt.

‘Lạy Chúa, thí-dụ này Chúa phán cho ai ? Cho chúng tôi hay là cũng cho mọi người ?’ Cho cả hai, cho tất cả, cho bất cứ người nào là phần-tử của gia-đình, tôi-mọi của Đức Chúa Trời cũng như quản-gia đang phục-vụ lẫn nhau trong công-việc của Nước Đức Chúa Trời.

xxx

35. CÂY VÀ KHÔNG SANH TRÁI

Lu-ca 13: 6-9

THÍ-DỤ về cây và không sanh trái cũng chỉ đặc-biệt được chép trong Lu-ca và rất quen-thuộc với chúng ta. Một lần nữa, chúng ta cần khám-phá vấn-đề Chúa muốn nói ở đây. Cây vả và vườn nho là hai hình-ảnh đặc-biệt dân-tộc vào thời ấy. Có thể chúng ta rất quen-thuộc với bài ca về vườn nho trong tiên-tri Ê-sai đoạn năm mà không ngờ rằng thí-dụ này về mặt phương-pháp liên-quan rất mật-thiết với bài ca ấy. Di-nhiên là những ý-nghĩa trong bài ca của Ê-sai phát-xuất từ Chúa chúng ta và trên vài phương-diện, thí-dụ của Ngài là một sửa đổi bài-ca của Ê-sai.

Thí-dụ này có thể ứng-dụng cho quốc-gia Y-sơ-ra-ên, và cách Đức Chúa Trời đối-xử với dân-sự Ngài. Nếu không phủ-nhận ứng-dụng ấy, tức nhiên chúng ta chấp-nhận ý-nghĩa tiềm-àn ở đây; nếu chỉ bao nhiêu đó, chúng ta sẽ không thật sự hiểu Chúa muốn nói gì. Vì thế, chúng ta cần lưu-ý đến vị-trí hay bối-cảnh của thí-dụ.

Tim hiểu như thế, chúng ta sẽ thấy ngay rằng ứng-dụng ở đây có tính-cách cá-nhân hơn là dân-tộc. Di-nhiên, ứng-dụng cần được hiểu rộng-rãi hơn, tuy nhiên, thực-thề dân-tộc phải được đo-lường bằng những cá-nhân, và sức mạnh quốc-gia phải được cân-nhắc theo mỗi đơn-vị cá-biệt cũng như trên thực, cả một dây xích cũng chắc-chắn như từng khoen bé nhỏ mỏng-mạnh trong toàn-thề đó và cả hai điều chắc-chắn như nhau; hay, mỗi thành-lũy cũng chỉ kiên-cố bằng cánh cửa bỏ ngỏ hơn hết của thành và cả hai đều kiên-cố như nhau, một quốc-gia cũng chỉ mạnh như một cá-nhân. Nếu cá-nhân yếu, sức sống của dân-tộc cũng yếu. Vì

thể, có một tương-quan rất gần giữa ứng-dụng dân-tộc và cá-nhân.

Dầu sao, chúng ta vẫn muốn biết vì sao Chúa dùng thí-dụ này trong hoàn-cảnh đó ; và cũng đề ý đến những yếu-tố liên-quan với thí-dụ. Đề tìm lời giải-đáp ; chúng ta hãy lùi lại đoạn mười hai. Hai đoạn này đi đôi với nhau qua một thuật-sự liên-tục. Ngay đầu đoạn mười ba. Lu-ca thận-trọng cho chúng ta biết rằng những gì Chúa Jê-sus sắp nói đều xảy ra cùng một lúc. Trong đoạn mười hai, câu năm mươi bốn, chúng ta thấy Chúa Jê-sus nói chuyện với đoàn dân. Đề kết-luận Ngài trách dân chúng vì họ không biết phân-biệt các thời-kỳ họ đang sống. Ngài thấy rõ khả-năng tinh-thần của họ. Ngài nói, họ khôn-ngoaan về thời-tiết, nhưng hoàn-toàn ngu-dốt về những vấn-đề tâm-linh. « Hỡi kẻ giả-hình, các ngươi biết phân-biệt khí sắc của trời đất ; vậy sao không biết phân-biệt thời này ? » Ngài tố-cáo họ bất-lực về vấn-đề tâm-linh và hiểu-lầm cuộc đời.

Tiếp theo đoạn mười ba mở đầu : « cũng lúc ấy » có mấy người đến thuật cho Ngài về việc Phi-lát đã làm. Người đã trộn huyết của mấy người Ga-li-lê với của lễ họ đã dâng. Người Ga-li-lê là một dân nóng-nảy, thường gặp những rắc-rối chánh-trị và chắc hẳn lúc này họ đang ở tình-trạng đó. Có lẽ đó là lúc họ đang giữ một lễ tôn-giáo. Họ dâng của-lễ và Phi-lát đã sai một đội quân trừng-trị đến giết họ và lấy huyết trộn-lộn với của lễ họ dâng. Có mấy người đến thuật lại tin-tức với Chúa Jê-sus. Khi nào ? Ngay « lúc ấy, » khi Ngài quở-trách vì họ đã ngu-dốt và bất-lực trong việc phân-biệt thời kỳ.

Tại sao họ kể câu chuyện vào lúc ấy ? Hãy chú-ý câu trả lời của Ngài. Ngài phán : « Các ngươi tưởng mấy người đó vì chịu khổ-nạn đường ấy, có tội-lỗi trọng hơn mọi người Ga-li-lê khác sao ? » Có phải họ nghĩ như thế không ?

Có phải đó là cách họ nhìn cuộc đời chăng? Có phải họ giải-thích sự-kiện theo quan-điểm như vậy không? Phải chăng họ cho rằng mấy người Ga-li-lê đó có tội nhiều hơn mọi người khác vì chịu-đau đớn như thế sao? Họ có nghĩ rằng một án phạt chớp-nhoáng là chứng-cớ của tội-trọng không? « Ta nói cùng các ngươi không phải. » Họ đã lầm-lẫn. Họ hiểu sai cuộc đời; « song nếu các ngươi chẳng ăn-năn, thì hết thầy sẽ bị hư mất như vậy. » Thế có nghĩa là Phi-lát cũng sẽ giết tất cả sao? Họ xem những người bị giết như thế bị hư mất. Nhưng đó không phải là ý-nghĩa sâu-xa nhất của chữ hư mất. Họ bị Phi-lát giết, nhưng họ cũng có thể bị hư mất mà không cần phải bị Phi-lát giết, và tương-lai của họ sẽ như thế nếu họ không ăn năn tội.

Từ Ga-li-lê, Ngài suy-nghĩ về Giu-đê và nói tiếp: « Hay là mười tám người bị tháp Si-lô-ê ngã xuống đè chết kia, các ngươi tưởng họ có tội-lỗi trọng hơn mọi kẻ khác ở thành Giê-ru-sa-lem? Ta nói cùng các ngươi, không phải; nhưng nếu các ngươi chẳng ăn-năn, thì hết thầy cũng sẽ bị hư mất như vậy. » Đó là bối-cảnh của thí-dụ.

Ngài đã quở-trách đám đông vì họ không biết gì về thời kỳ họ đang sống; còn họ, vì muốn tỏ cho Ngài biết là họ không ngu-dại như Ngài tưởng, đã trả lời; Chúng tôi hiểu mọi việc. Chúng tôi biết vì Phi-lát giết mấy người Ga-li-lê nên án-phạt thê-thảm này giáng trên họ chứng-tỏ họ phạm tội trọng hơn mọi người khác. Chúa chúng ta liền kê một thí-dụ để sửa chữa quan-niệm sai-lầm của họ về cuộc đời; và bày-tỏ một lần đủ cả, lẽ thật về đời người, dù là cá-nhân hoặc dân-tộc. Về ứng-dụng cá-nhân, Ngài đưa thí-dụ để minh-chứng lẽ thật về đời người, phản-đối quan-niệm mê-tín ngu-xuẩn của họ đã thể-hiện qua câu chuyện họ thuật lại về Phi-lát và mấy người Ga-li-lê.

Cho đến ngày nay, người ta vẫn còn có khuynh-hướng cho rằng một tai-ương nào đó, là hình-phạt của Đức Chúa Trời giáng trên con người vì tội ác tà-đình của họ. Chúng ta không được quyền nói như thế. Người ta bảo con động đất tại San Francisco (Cựu Kim-sơn) và hỏa-hoạn tiếp theo đó, là hình-phạt của Đức Chúa Trời đối với thành-phố ấy. Sự thật không hề như vậy. Đức Chúa Trời không xử con người theo cách đó ngày hôm nay. Đó không phải phương - pháp của Ngài. Trong thí - dụ này, chúng ta tìm thấy lẽ thật về cuộc đời và dù chúng ta có thể không bao giờ bị Phi-lát giết hoặc bị nhà đê chết trong cơn động đất, chúng ta vẫn có thể bị hư mất nếu không ăn-năn.

Hãy quan-sát kỹ thí-dụ ở đây. Thật là một sự mặc-khải phi-thường vừa vắn-tắt vừa rõ-ràng. Đó là một câu chuyện giản-dị và rất là con người. Chúng ta thấy bức tranh nào? Trước hết là một người chủ với những quyền-lợi của ông ta. "Người kia có một cây vả." Cây thuộc về người, và được trồng trong vườn nho của người. Từ mảnh đất, khuôn-khở tài-sản đó, người có thể thu lượm đủ thứ hoa-lợi. Qua bức tranh, chúng ta thấy một điều. Chủ có ba thứ quyền-lợi.

Trước hết là quyền tuyệt-đối của người đối với tài-sản riêng. Đó là đất của người, vườn nho của người, cây vả của người. Tất cả đều thuộc về người.

Tiếp theo, bắt nguồn từ quyền tuyệt-đối chúng ta thấy quyền trông-đợi có tính-cách luân-lý của người. Tại sao người dành cho cây vả một chỗ trong vườn nho? Vì người mong có trái vả. Khi đã trồng một cây vả trong vườn, ai cũng mong có trái. Chúng ta có thể thay đổi hình-ảnh: nếu một người trồng cây táo trong vườn, mục-dịch của người là gì? Trái táo. Như thế thái-độ luân-lý chờ-đợi hoàn-toàn hợp-lý.

Tuy nhiên, còn một quyền thứ ba nữa, đó là quyền trừng-phạt của người chủ, có thể đốn cây nào không sanh

quả. Đây là điều người chủ nói với người trồng nho, người săn-sóc vườn ông ta. Đã ba năm nay ta đến hái trái nơi cây vả này mà không thấy. Quyền mong-đợi của ta đã bị cản-trở, giày-đạp dù ta đã kiên-nhẫn suốt ba năm. Hãy đốn nó đi. Ai có thể cãi lại quyền của chủ? Người có quyền làm như vậy vì chẳng những cây không kết-quả mà còn choán đất. Đây là hai diêm cần được nêu ra. Một cây khác, nếu choán chỗ đất ấy, sẽ kết-quả và vì có cây vả hút hết màu-mỡ mà không sanh trái, nên làm hư-hại đất. Đó là những quyền-hạn của người chủ. Chúng ta không cần nêu ứng-dụng ở đây.

Trong thí-dụ, chúng ta thấy có sự can-thiệp khoan-hồng, độ-lượng nhưng rất công-bình của một người trung-gian. Người yêu-cầu gì? Một cơ-hội để khuyến-khích cây cần-cối kia phải hành-động như thế nào để sanh trái. « Xin để lại năm này nữa, tôi sẽ đào đất chung quanh, » khuấy-động nó; « rồi đổ phân vào » làm cho nó tốt hơn. Đó là lời yêu-cầu của người can-thiệp. Thế đã xong chưa? Chưa, « Có lẽ về sau nó sẽ ra trái. » Đó là điều chủ mong-đợi từ lâu nay. Nếu tôi có thể làm cho nó có trái, thì thôi; còn nếu không, người làm vườn sẽ không cãi gì với chủ vườn nữa. « Bằng không, chủ sẽ đốn. »

Khi nhìn cây vả, chúng ta thấy gì? Mọi sự đều tùy thuộc quyền luân-lý mong-đợi của người chủ có được thỏa-mãn hay không. Nếu cây sanh trái, nó sẽ được đứng nguyên chỗ cũ; và vì hợp ý muốn của chủ nên chủ hài lòng. Nếu cây không sanh quả, dù người làm vườn có yêu-cầu và làm gì đi nữa, cũng chỉ có một giải-pháp. Một cây không trái không được phép đứng choán đất.

Tại đây, chân-lý về cuộc đời đã được phơi bày rõ-ràng, hoặc trên phương-diện cá-nhân hay là quốc-gia điều ấy không quan-hệ. Diêm thứ nhất, ấy là quyền-hạn của Đức Chúa Trời. Người ta có chán tai nghe nhắc lại điều

này không? Tôi cảm tạ Đức Chúa Trời vì thấy điều này được nhấn mạnh một lần nữa, ngày nay. Ngoài quyền-hạn của Đức Chúa Trời, con người chẳng có quyền gì hết. Quyền duy-nhứt của con người ấy là chịu hình-phạt! Nhưng đó chưa phải là hết. Chúng ta không có quyền mong-ước một điều gì, trừ ra lòng thương-xót và ân-diễn của Đức Chúa Trời. Quyền-hạn của Đức Chúa Trời là quyền tuyệt-đối của sở-hữu chủ. Chúng ta được Ngài tạo-dựng. Không có một năng-lực nào trong nhân-cách chúng ta không do Đức Chúa Trời tạo dựng. Mỗi yếu-tố trong nhân-cách đều là kết-quả của quyền sáng-tạo thiêng-liêng, và chúng ta thuộc về vườn nho Ngài. Thế-giới này thuộc về Ngài. Chúng ta đã sống trên đất qua bao nhiêu năm. Chúng ta thở không-khí của Ngài. Chúng ta hưởng ánh mặt trời của Ngài. Chúng ta đã được luật-lệ Ngài bảo-vệ. Sống trên thế-gian này, chúng ta là vật thọ-tạo của Ngài, tài-sản của Ngài và bởi đó, một tài-nguyên trong nhân-cách chúng ta đều phát-xuất từ chính Ngài.

Như thế, Ngài có quyền luân-lý mong-đợi không? Ngài mong-đợi gì? Người chủ mong-đợi gì nơi cây vả? Trái vả. Đức Chúa Trời đang mong-đợi gì nơi con người? Ngài mong-đợi gì trong chính tôi? Một con người. Ngài tìm kiếm gì trong chính bạn? Một người nam, một người nữ, một thanh-niên, một thiếu-nhi. Khi Ngài phán: « Chúng ta hãy làm nên loài người, » Ngài mong-đợi con người nhận-thức được ý-nghĩa cuộc sống theo như ý-định sáng-tạo của Ngài. Tôi xin phép dùng một thí-dụ soi sáng mà tôi vẫn thường dùng. Khi còn là một Thiếu-niên trong Trường Chúa-Nhật, chúng tôi thường hát:

« Tôi muốn trở thành một thiên-sứ,
 Và cùng đứng bên các thiên-sứ.
 Trên đầu tôi đội kim-miền
 Và trong tay tôi một chiếc đàn cầm. »

Thật dạy trẻ con hát như thế là đại. Cám ơn Chúa, tôi không phải là thiên-sứ. Đức Chúa Trời không bao giờ muốn chúng ta làm thiên-sứ. Đức Chúa Trời không muốn là thiên-sứ khi Ngài tạo-dựng con người. Người muốn có những con người. Có người bảo, tôi nói thế là hạ thấp tiêu-chuẩn con người. Không, chẳng phải như vậy. Con người là gì? Chúng ta chỉ có một lời giải-đáp. Chúa Jêsus đã mặc-khải về con người. Đó chính là hình-ảnh Đức Chúa Trời mong muốn khi Ngài vào vườn tìm trái nơi bạn, nơi tôi; sự trở nên giống như Jêsus. Tôi còn nhớ một bài hát hồi còn bé mà cho đến bây giờ tôi vẫn còn hát :

« Tôi muốn trở nên giống như Jêsus,
Nhu-mi, khiêm-nhường, yêu-thương, nhơn-từ. »

Đó là điều Đức Chúa Trời mong muốn. Người ta tìm trái và trên cây vả. Đức Chúa Trời tìm bản-chất con người trong nhân-loại và Ngài có quyền luân-lý mong đợi điều đó.

Nếu chúng ta thất-bại, ai sẽ dám can ngăn Ngài đón chúng ta. Đó là quyền cố-hữu trong ý-nghĩa con người. Ai không nhận biết lý-tưởng thiêng-liêng ấy, người đó đang choán đất. Thưa bạn, có thể một người nào đó nếu được sống nơi bạn đang sống, sẽ gây được ảnh-hưởng tốt-đẹp, đem lại lợi-ích cho nhân-loại; còn bạn lại chiếm chỗ ấy, tức là bạn đang choán đất. Bạn lấy tài-nguyên của Đức Chúa Trời đem bán cho những mục-đích hèn-hạ. Vì cơ bạn không thực-hiện đúng ý-nghĩa cuộc đời bạn, Ngài há chẳng có quyền bảo : « Hãy đón nó đi, » sao ?

Di-nhiên Chúa cao cả, Đáng đang kể thí-dụ này cũng là người biện-hộ cho chúng ta. Hãy nhớ kỹ điểm hệ-trọng này. Căn-bản lời yêu-cầu của người biện-hộ không phải là lòng thương-hại. Nếu chúng ta chỉ bảo đó là lòng thương-hại tức là chúng ta không hiểu câu chuyện. Đây không phải là trường-hợp của người tiêu-phu không đón cây sồi vì tàn lá nó đẹp. Nếu không có trái vả, nếu không có trái táo, nếu

không có nhân-tính, Christ sẽ không can-thiệp, hay là xin Đức Chúa Trời dung-thứ chúng ta hoặc biện-hộ thất-bại cho chúng ta. Không, Ngài có quyền đào bới, bón phân, khuấy-động và làm cho sức sống được phong-phú hơn, khi Ngài tiếp-xúc với cây và không kết-quả và khiến nó sanh trái.

Nhưng nếu đã làm hết sức Ngài mà vẫn chưa thấy quả, lúc ấy Ngài sẽ đứng về phe người chủ, quyết-định số-phận :
 ‘ Chủ sẽ đốn nó đi. ’

Như thế, thử-nghiệm của sự sống là gì ? Sự sanh trái, theo như dự-định thiêng-liêng. Không, Đức Chúa Trời không hề tấn-công đột-ngột con người bằng một tai-trương nào để chứng-tỏ họ là những tội-nhân khủng-khiếp. Ngài mong-đợi những trái. Thật kỳ-diệu biết bao bởi ân-diễn vô đối, Ngài đã tự giới-thiệu mình là người làm trong vườn nho. Ngài đang chờ đợi sẵn-sàng làm cho cây khô-héo hơn hết được sống trở lại, làm cho một cuộc đời cần-cối được nở hoa rực-rỡ và kết-quả.

Về phần chúng ta, phải từ-bỏ mọi ý-nghĩa sai-lầm về cuộc đời cùng những ước-định của nó ; hãy tìm ý-muốn của Đức Chúa Trời và mục-đích cho cuộc đời trong hiện-tại và tương-lai vô cùng tận, qua thí-dụ về cây và không sanh trái Ngài kể ở đây.

xXx

36. TIỆC YÊN LỚN

Lu-ca 14 : 15-24

THÍ-dụ được kể trong nhà một quan cai-trị. Lu-ca đã ghi lại một phần rất đặc-biệt (14-17: 10) kê khai những biến-cổ xảy ra trong một chiều Chủ-nhật của Chúa chúng ta. Tôi nghĩ đó là ngày Chủ-nhật cuối-cùng của chức-vụ Ngài mà tác-giả ghi lại. Thí-dụ này được kể chiều hôm ấy.

Chúa chúng ta được mời dùng bữa tại nhà một người kể cả trong vòng người Pha-ri-si, và tại đó « họ dòm-hành Ngài. » Có lẽ đây là một bữa tiệc tiếp-tân chiều ngày Sa-bát. Một dấu-hiệu suy-đổi của dân Hy-bá-lai thời đó là họ lạm-dụng ngày Sa-bát để mở những cuộc tiếp-tân có tính-cách xã-hội. Đó cũng là dấu-hiệu suy-đổi rất thường-xuyên của Hội-thánh Cơ-đốc giáo ngày nay. Chúa chúng ta đã vào nhà đó. Chúng ta cũng có thể đến những cuộc hội-hop như thế nếu chúng ta làm được những gì Ngài đã làm lúc ấy. Khách và Chủ đều có mặt, và điểm hiển-nhiên ấy là Chúa Jê-sus đã được tiếp-đãi cách hiềm-ác khi Ngài bước vào nhà ; vì có một người đang ở đó mà chắc-chắn không một ai thềm hỏi tới, chỉ trừ một lý-do bí-ẩn—đó là một người bị bệnh thũng. Lu-ca cho chúng ta biết là họ quan-sát Chúa Jê-sus để xem Ngài cư-xử thế nào với người ấy. Ngài đã chữa lành và cho người về nhà.

Sau đó, trong lúc nhà đông đủ khách và giữa cuộc tiếp-tân, Chúa Jê-sus đã làm một khác thường nhất từ xưa tới nay. Trước hết Ngài chỉ-trích bọn khách vì thiếu tư-cách và quở-trách chủ nhà vì đã mời khách trên nguyên-tắc sai-lầm.

Trong lúc nói chuyện với họ, Ngài kể lại một tiệc cưới, một bữa ăn trưa và tối. Câu chuyện nhấn mạnh về phương-diện tiếp-đãi. Lúc ấy Ngài được mời vào nhà vì một lý-do

hiềm-độc ; và tất cả khách đều ngồi quanh các bàn ba góc, mỗi bàn có một chỗ ngồi cao nhất. Ở đây chúng ta thấy Chúa Jêsus đề ý đến cách họ chọn chỗ ngồi cao nhất. Chữ "thấy" ở đây không có nghĩa là nhìn thấy, nhưng mà quan-sát. Họ dòm-hành Ngài, nhưng Ngài cũng quan-sát họ ; và điềm chính ở đây vẫn là vấn-đề tiếp-đãi.

Chỉ-trích khách và chủ, Ngài đưa ra hai nguyên-tắc về trật-tự xã hội. Trước hết Ngài cho họ biết thái-độ tự xem mình không ra gì mới là bí-quyết thật để được tôn-trọng. Những kẻ tìm-kiếm địa-vị bị loại trừ; những kẻ muốn chỗ ngồi quan-trọng bị xua đuổi. Chỉ những người không tìm-kiếm mới được ngồi cao trong nếp sống xã-hội. Tự xem mình không ra gì là bí-quyết để được tôn-trọng.

Quay sang chủ nhà, Ngài cũng cho người biết thái-độ xem mình không ra gì là bí-quyết tiếp-đãi khách. Trong câu chuyện, có một chữ được lập lại hai lần : «*E* rằng trong những khách mời có ai tôn-trọng hơn người.» Đó là điềm nguy hiểm. Ngài phán cùng người chủ : «*Đ*ừng mời bạn hữu, anh em, bà con và láng giềng giàu, «*e* rằng họ cũng mời lại mà trả cho người chẵn.» Nhưng đó là lý do chung vì sao chúng ta mời người ta dự tiệc. Chúng tôi mong ước họ cũng mời lại chúng ta. Christ nói : Nếu người ta cư-xử theo tiêu-chuẩn đó, họ đã cắt đứt ý nghĩa cao đẹp của việc tiếp-đãi.

Ngay lúc đó, một người dự tiệc nói : «*Ph*ước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong Nước Đức Chúa Trời.» Câu này được giải-thích theo nhiều quan-điểm khác nhau. Một số người cho đó là một câu mỉa-mai. Riêng tôi, tôi tin chắc đó là một lời thán-phục chân-thành. Vài người trong bàn tiệc nghe Ngài nói, hiểu thấu những điều Ngài đã làm, những việc tầm thường hơn hết, tuy nhiên có tánh-cách thăm-dò hơn hết ; một thứ tự sống hoàn toàn khác hẳn với lối sống mọi người quen-thuộc ; một trật-tự xã-hội hoàn toàn mới mẻ, trong đó ngôi danh-dự chỉ dành cho kẻ đáng được danh-dự, một trật-

tự sống trong đó tiêu-chuẩn tiếp-đãi là sự xem mình hoàn-toàn không ra gì, và không bao giờ tìm-kiếm cho chính mình. Tôi tưởng có kẻ đã nhận thấy rõ điều đó và la lên: «Phước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong Nước Đức Chúa Trời.» Đó là một nhận-xét rất khôn-goan. Người ấy đã nhìn thấy trật-tự Ngài nêu ra là trật-tự Vương quyền của Đức Chúa Trời và của Nước Đức Chúa Trời. Người đó đã thấy vẻ đẹp của lý-tưởng, của một trật-tự xã-hội theo đúng những tiêu-chuẩn vừa nêu lên.

Bây giờ chúng ta đề cập đến thí-dụ. «Nhưng Ngài đáp cùng người.» Thí-dụ này là câu trả lời cho nhận-xét trên và trở thành một thí-dụ soi sáng với tánh-cách thăm dò rất sâu-sắc. Chúa chúng ta kể câu chuyện hợp với hoàn-cảnh Ngài lúc đó, ấy là sự tiếp-đãi. Tại đây, đông đủ mặt quan-khách, thiếu tư-cách; và một người chủ chẳng hiểu gì về sự tiếp khách. Đó là một dịp tiện gặp-gỡ có tính-cách xã-hội, một bữa tiệc. Nhân đó, Chúa chúng ta phán: Đề Ta kể cho người một câu chuyện. Câu chuyện này giải-đáp cho câu nói của người.

Hình-ảnh ở đây là gì? Một người chủ dọn một bữa ăn tối và mời khách đến dự. Tất cả khách đều từ-chối, vì nhiều lý-do. Chắc-chắn Chúa chúng ta cũng có hài hước qua những lý-do từ-chối ở đây. Chủ nhà giận-dữ, sai đầy-tớ đi mời những khách mới, người nghèo, người tàn-tật, người mù, người què. Cần nhớ đây là những hạng người Ngài khuyên chủ nhà nên mời khi dọn tiệc. Đầy-tớ về trình lại: Điều chủ dạy, đã làm rồi, mà hãy còn thừa chỗ. Cuối-cùng chủ bảo: «Hãy ép mời vào cho đầy nhà ta. Vì ta nói cùng các người, trong những kẻ đã mời trước, không có ai được nếm bữa tiệc của ta đâu.»

Tạm gạt vấn-đề ứng-dụng sang một bên, chỉ suy-nghi đến câu chuyện, chúng ta thấy câu chuyện có vẻ khác thường và chính đó là ý định của Chúa. Kinh-nghiệm thông-thường sẽ phản-đối, không thể nào chấp-nhận có một người chủ

nào đãi tiệc mời khách đến mà tất cả đều từ-chối. Thực-tế có trường-hợp nào như vậy không? Chúng ta thấy ngay là câu chuyện ngụ ý công-nhận thái-độ chống-đối của những người được mời đối với chủ tiệc. Họ lần lượt đưa lý-do từ-chối. Đó chỉ là những cớ để bào-chữa, thế nhưng họ cố tạo nên. Họ từ-chối lời mời. Họ sẽ không đến. Tại sao không? Chỉ có một lời giải-đáp, ấy là vì họ không thích người chủ. Không ai có thể bàn-tán gì được nữa. Thái-độ hờ-hững bắt nguồn từ một cái gì sâu xa hơn là sự bỏ trống bàn tiệc. Kẻ gửi thiệp mời bị đối diện trước một sự chống-đối.

Chúa Jêsus kể câu chuyện kỳ lạ này trong lúc có người thật lòng thán-phục lý-tưởng của Nước Đức Chúa Trời. Ngài không phủ-nhận phước-hạnh trong Nước Đức Chúa Trời theo như người này đã nhận-xét. Trong Bài Giảng Trên Núi, chữ then chốt mà Ngài nhấn mạnh ấy là chữ «Phước», tức hạnh-phúc, thịnh-vượng theo nguyên nghĩa Hi-lạp. Đó là mục-đích, ý-nghĩa Nước Đức Chúa Trời, đầy phước-hạnh. Tại đây, qua hai hình-ảnh về xã-hội có người đã nhìn thấy được trật-tự mới, liền nói: Đó là bí quyết của hạnh-phúc; phước cho kẻ được sống trong khung-cảnh ấy. Chúa chúng ta không phủ-nhận điều đó, Ngài làm gì? Ngài phơi-bày tấm lòng con người và phán với họ: Phải, con người thán phục lý-tưởng, nhưng họ không chịu vào được Nước đó; dù thán-phục, họ vẫn không chịu vào. Ca tụng lý-tưởng là một việc. Chấp-nhận, đầu-phục và vâng giữ những luật-lệ của lý-tưởng hoàn-toàn là một việc khác. Ngài đang giảng về chính Nước Đức Chúa Trời. Đó là gánh nặng lớn-lao nhất từ lúc khởi đầu chức-vụ Ngài cũng như đã từng là gánh nặng của Giảng Báp-tít, kẻ đến trước Ngài.

Hãy xem câu chuyện như một sự mặc-khải, trong bầu không-khí Đông-phương. «Cố người kia dọn tiệc.» Bản chất của Nước Đức Chúa Trời là một món quà, tặng cho loài

người, một lời mời bước vào trật-tự sống thật, như một quà tặng. Hãy nhớ kỹ câu chuyện rất giản-dị. Trong tâm-trí Chúa chúng ta, Đức Chúa Trời chính là Chủ tiệc và Ngài cung-cấp tiệc yến của Nước Ngài như một món quà của tình yêu và ân-diên. Đó là một quà-tặng của ân-diên.

Quyền vào cửa như thế nào? Mỗi người dự-tiệc có quyền gì? Không gì hơn là lời mời của chủ tiệc. Tất cả chỉ là ân-huệ, không ai ở đó có quyền gì, và những tên chuồn lên đến dự tiệc đều bị đuổi ra. Dù lời mời có vẻ tạo một quyền-lợi hoàn-toàn để bước vào Nước Đức Chúa Trời, nhưng cuối-cùng chủ phải nói: Trong những kẻ đã mời trước, không có ai được nếm bữa tiệc của ta đâu. Tại sao không? Vì họ từ chối. Thái-độ thoái thác của chính họ là có khiến họ bị loại trừ.

Chúa chúng ta đưa ra thí-dụ bào chữa rất là linh-động, và đó không phải là những lý-do. Thật ra họ không có lý-do nào hết. « Họ đồng tình xin kiêu hết. » « Xin cho tôi kiêu có nghĩa là: Xin bạn cho tôi được nghỉ. Người thứ nhất nói gì? Ông ta mua đất, cửa-cái, tài-sản rất nhiều. Chúng ta nói rằng tất cả mấy người này, trên phương diện lương-tri, là kẻ nói dối hoặc ngu-xuẩn, người nào cũng vậy. Hãy tưởng-tượng một người mua đất rồi lại đi xem đất. Chính người đã bảo thế. Người phải đi xem cửa-cái, tức bất động-sản.

Người kế tiếp nói: Tôi có mua năm đôi bò, phải đi xem thử. Bạn hãy tưởng-tượng: Tôi nghe nói rằng chúng ta không được xem tướng một con ngựa của người khác tặng. Trái lại ta thường làm như thế trước khi mua con vật. Người này bảo ông ta đã mua bò và bây giờ phải đi xem bò.

Rồi đến người cuối-cùng. Người cảm thấy vấn-đề đã hoàn-toàn quyết-định rồi. « Tôi mới cưới vợ, vậy tôi không đi được. »

Chúng ta thấy gì ở đây? Cửa-cái, hay là tài-sản; thương-

mại, hay là cần-lao; tình-cảm hay là tình-thương của con người; đó là ba điều ngăn-trở hằng ngàn người không thể vào Nước Đức Chúa Trời ngày nay. Câu chuyện Chúa Jê-sus kể rất giản-dị, có thể lắm đã được đan vào lịch-sử của xứ đó; và chính Ngài biết rõ như thế. Ngài nói: Tất cả đều xin kiêu. Tại sao? Người đã bảo rằng phải đi xem đất, không thành-thật. Kể bảo phải đi thử bò đã mua rồi, là dối-trá. Người nói vừa mới cưới vợ là một kẻ ngu-xuân. Tại sao không đem vợ đi theo? Chỉ có một lý-do chung, sâu-xa trong mỗi trường-hợp. Nước Đức Chúa Trời là một bữa đại tiệc.

«Hãy đến, mọi sự đã sẵn rồi»;

và quyền vào cửa chỉ là lời mời của Ngài, không cần tiền-bạc, chẳng đòi giá cả. Nếu chúng ta bị loại trừ, ấy là vì có chúng ta tự ý khước-từ, không vì một lý-do nào khác; và nếu chúng ta từ-chối, thì vì lý-do gì? Hãy lùi lại đằng sau những lời bào chữa, dù đó là lòng ham-mê của-cải hay là say-sưa buồn bán hoặc là bị tình-cảm làm chủ, chúng ta sẽ thấy còn một lý-do khác tiềm ẩn trong mỗi trường-hợp. Lý-do chính khiến người ta từ-chối bước vào Nước Đức Chúa Trời ấy là thái độ chống-đối Ngài. Lý trí xác thật thù nghịch với Đức Chúa Trời. Lý-trí xác-thật là lý-trí bị nhục-dục, xác-thật, vật-chất làm chủ. Thật kỳ-lạ, một vật có vẻ nhỏ bé lại có thể che khuất những gì có giá-trị lớn hơn. Một người có thể đặt một đồng tiền vàng ở nước Anh trước mắt để rồi không còn nhìn thấy được mặt trời hay là cả thế giới; và khi con người đã đặt những điều khác giữa họ với Đức Chúa Trời, kết quả sẽ là họ chống-nghịch Đức Chúa Trời, vì họ không biết Ngài, hay là không hiểu Ngài.

«Phước cho kẻ sẽ được ăn bánh trong nước Đức Chúa Trời» Ai mà lại không nói được một câu như thế. Ai mà không thần-phục lý-tưởng do Chúa chúng ta vẽ ra về Nước Đức Chúa Trời, một nước của sự công-nghĩa, bình-an và vui-mừng? Ai lại chẳng chấp-nhận điều đó? Nếu chúng ta chấp-nhận chúng ta

đã bước vào chưa ? Chúng ta đã ở trong Nước ấy chưa ? Đó là điều Chúa Jêsus muốn nói. Chúng ta thần-phục lý-tưởng, nhưng câu chuyện ở đây cho chúng ta thấy con người đang hành-động như thế nào.

Di-nhiên câu chuyện được ứng-dụng cho cả quốc-gia, nhấn mạnh ở điểm qua hàng bao thế-kỷ, những kẻ được đặc ân mời trước đã từ-chối Ngài, cho nên Ngài mở rộng cửa cho kẻ nghèo, người tàn-tật, dui-mù và què-quặt; và bắt buộc hoặc nài-ép mọi người khắp nơi phải đến dự. Nhưng giá-trị lớn-lao nhất của câu chuyện là : Tôi đang ở đâu ? Tôi có ở trong Nước của Đức Chúa Trời không ? Nếu không, lý-do vì sao ? Khi còn lại một mình bạn, mọi người đều vắng mặt, bạn hãy khám-phá lý-do tiềm-ẩn đằng sau cơ bảo-chữa của bạn.

xXx

37. HAI HÌNH-ẢNH THÍ-DỤ

Lu-ca 14 : 25-35

ĐOẠN này ghi lại hai hình ảnh thí-dụ. Chúng ta cũng cần phải xác-định văn-tất trường-hợp ở đây. Câu hai mươi lăm chép : « Có đoàn dân đông đi cùng với Ngài. » Chúa chúng ta đã rời khỏi nhà người Pha-ri-si, nơi vừa xảy ra nhiều việc lạ-lùng và không-khí cũng không thích-hợp với Ngài. Thái-độ chống nghịch của người chủ được bày-tỏ qua sự hiện-diện của người mắc bệnh thủng. Cách cư-xử của khách đến dự hoàn-toàn sai-lầm và nguyên-tắc tiếp-dãi của chủ cũng lầm-lẫn như Chúa Jê-sus đã minh-chứng. Rồi để trả lời cho nhận-xét của một người khách, Chúa Jê-sus kể một thí-dụ về tiệc yến lớn, với mục-đích nêu rõ thái-độ miễn-cư-ơng của lòng người. Dù thần-phục lý-tưởng, con người vẫn không sẵn-sàng đầu-phục những điều-kiện. Đó là tất cả những sự việc xảy ra trong nhà người Pha-ri-si.

Ra khỏi nhà, Chúa chúng ta liền dùng hai hình-ảnh thí-dụ. Ngài đã rời nơi đó và bắt đầu đi nơi này nơi kia. Khi Ngài còn ở trong nhà, cả đoàn dân đông đứng ở ngoài, đợi Ngài. Đây là những tháng cuối trong cuộc đời chức-vụ của Ngài và lúc ấy hễ Ngài đi đâu, dân-chúng cũng theo Ngài từ thành này qua thành kia, làng này đến làng nọ, sốt-sắng, nóng-nảy, thích-thú, say mê nghe Ngài nói, quan-sát việc Ngài làm và muốn gần bên Ngài. Nhiều khi, có lẽ số đông, họ cảm thấy muốn được liên-kết với Ngài, ghi tên làm môn-đồ Ngài. Tất cả đang chờ đợi Ngài và « có đoàn dân đông cùng đi với Ngài. » Lúc Ngài bước ra khỏi nhà, đám người chờ đợi này trở nên hăng-hái, rồi Ngài đi đâu, họ liền theo đó, Và đó là ý-nghĩa câu kể tiếp : « Ngài xây lại cùng họ mà phán. » Đây là lúc

Ngài có dịp nói về điều-kiện làm môn-đồ. Những lời Ngài nói chẳng khác nào một trận cuồng-phong thổi qua đoàn dân và chắc hẳn đã sàng-sảy họ. Vâng, Chúa Jêsus rất quyến-rũ, nhưng trong chức-vụ Ngài, vẫn còn một khía-cạnh khác như vậy. Ngài đang sàng sảy và trong khi chiếm-hữu được đoàn dân họ ưa-thích Ngài và chạy theo Ngài cũng như ngày nay bao nhiêu người vẫn dằng theo Ngài ; rồi Ngài quay lại, không những chỉ lúc này, nhưng luôn luôn, Ngài nói những điều chẳng khác nào một cơn gió của Đức Chúa Trời thổi trên toàn dân, tĩa sũa những kẻ muốn theo làm môn-đồ Ngài. Ngài nói với họ điều-kiện của chữ môn-đồ.

Có một câu được Chúa Jêsus lập lại ba lần trong đoạn này. «Không được làm môn-đồ Ta» (câu 26). «Không được làm môn-đồ Ta» (câu 27). «Không được làm môn-đồ Ta» (câu 33). Ngài cho họ biết có những kẻ, dù ưa-thích Ngài đến đâu, cũng chỉ giống người ngồi trong nhà lúc nãy, thán-phục lý-tưởng của Ngài, nhưng không thể làm môn-đồ Ngài. Họ là ai ? Tôi không thể nào đọc những chữ này mà không run-sợ, tự hỏi mình có phải là môn-đồ của Ngài không. Nếu ai theo Ngài mà không đặt tấm lòng trung-thành với Ngài cao hơn tất cả tình yêu cao-thượng nhất, đẹp-đẽ nhất của đời này, thì không thể theo Ngài được. Đó là một lời tuyên-bố trọng-đại. Ngài phán nếu không được như vậy, không thể làm môn-đồ Ngài. Để giải-thích ý-nghĩa câu ấy, Ngài tiếp : «Và chính sự sống mình nữa.» Chẳng những chỉ tình thương thuộc về đời này, những tình-cảm cao cả, nhưng còn tình yêu bản thân, yêu mạng sống mình. Rồi Ngài giải-thích : «Còn ai không vác thập-tự giá mình — nghĩa là không yêu bản thân mình — mà theo Ta, cũng không được làm môn-đồ Ta.» Cuối-cùng, để tóm-tắt, Ngài nói : Nếu ai trong các ngươi không «bởi mọi sự mình có, thì không được làm môn-đồ Ta.»

Đoạn, có một việc xảy ra. Chúng ta chỉ có thể hiểu đoạn này nếu biết nhìn đoàn dân qua trí tưởng-tượng. Chúng ta chẳng cần phải bay sang xứ Pha-lê-tin nơi Ngài ở lúc đó, hoặc phải lùi lại một ngàn chín trăm năm mới thấy được đoàn dân. Cứ tưởng-tượng một nhóm người ngày nay tụ-họp trong một buổi giảng Tin-Lành, thích nghe về Jêsus, chạy theo Ngài và có cảm-trởng muốn liên-kết với Ngài đến một mức nào đó. Tưởng-tượng như một mục-sư, như là phát-ngôn nhân của Thầy chúng ta, tuyên-bố điều-kiện làm môn-đồ và nhìn xuống đoàn dân. Chắc hẳn lúc đó họ chăm chú nghe hơn lúc nào hết ; nhưng nếu có người biết sáng-suốt dò-xét, sẽ bắt gặp tia nhìn bối-rối, hầu như áy-náy và sau hết, là tia nhìn phản-kháng như ngụ ý bảo : điều-kiện đó quá khắt-khe ; có thể hiểu theo cách dễ-dàng hơn không ? Chúng ta có thể nào làm môn-đồ Ngài, nghe Ngài nói, thán-phục Ngài, vui mừng trong quyền năng của Ngài mà không cần theo đúng những điều-kiện nghiêm-khắc ấy chẳng ? Lòng người ngày nay cũng giống như ngày xưa. Và chắc hẳn Chúa Jêsus sẽ trả lời không chút e dè đúng như cách Ngài trả lời cho đoàn dân Ngày xưa. Đó là bối-cảnh của những hình ảnh thí-dụ ở đây.

Vậy, Ngài muốn minh-chứng vấn đề gì ? Không đợi ai hỏi, Ngài đưa ngay lý-do giải-thích những điều-kiện khắt-khe ở trên. Mọi người nam cũng như nữ nhìn thẳng vào mặt Ngài, thắc-mắc : Tại sao khắt-khe đến thế ? Ngài đưa ra hai hình-ảnh thí dụ để cho họ biết lý-do.

Chúng ta hãy xem mấy bức tranh ở đây. Ngài nói: « Trong các người có ai là người muốn xây một cái tháp, mà trước không ngồi tính phí-tồn cho biết mình có đủ của để làm xong việc cùng chẳng sao ? E khi đã xây nên rồi, không làm xong được, thì mọi người thấy liền chê cười và rằng : Người này khởi-công xây mà không thể làm xong được. » Đây là bức tranh thứ hai : « Hay là có vua nào đi đánh trận cùng vua khác mà trước không ngồi bàn luận xem mình đem đi một muôn lính

có thể địch nổi vua kia đem hai muôn cùng chẳng sao? Bằng chẳng nổi, khi vua kia còn ở xa, sai sứ đi xin hòa.»

Ý Ngài muốn nói gì? Ấy là Ngài phải tính giá-cả, và đó là lý-do khiến những điều-kiện của Ngài khắt-khe, trong tất cả những việc Ngài làm. «N như vậy». Hãy chú ý mấy chữ «không được làm» ở đây được lập lại đến ba lần. Đằng sau chữ «không được làm» ấy là những chỉ-thị dạy con người phải chắt-dứt thái-độ mặc cả và phải tính kỹ giá phải trả; phải coi thường tình yêu, tham-vọng cùng của cải riêng tư. Dầu với giá nào, họ cũng phải đến. Tuy nhiên Ngài cũng cho ta thấy chính Ngài cũng phải tính giá cả.

Tiếp theo, chúng ta hãy xem hai hình ảnh sau đây. Trước hết, xây-cất, hình ảnh của xây-dựng. Xây cất là sự biểu-hiệu của xây dựng. Nhưng hình ảnh thứ hai Ngài dùng lại là chiến-tranh, và chiến-tranh là phá hoại. Xây cất là một công-tác xây dựng; chiến-tranh là một công-tác phá-hoại. Ngài phán: Nếu một người muốn thực-hiện một công-tác xây dựng, xây một cái tháp, trước hết phải ngồi tính giá-cả. Nếu không, mục-đích xây-cất sẽ không thực-hiện được và người sẽ không thể nào hoàn tất được công-việc và bị thiên-hạ chê cười. Một số công-trình xây cất chỉ là hành động diễn-rò của người nào đó. Người đã khởi công, nhưng không hoàn-tất công-việc và không thực-hiện được mục-đích. Đó là hình-ảnh thứ nhất.

Lại có một ông vua đi đánh trận, trước khi đi, nếu khôn-ngoan—khôn-ngoan về chính-trị— ông sẽ xem thử mỗi binh-lính của mình có mạnh gấp đôi mỗi tên của đối-phương không. Đó là một công-thức toán học diễn-tả cùng một ý-tưởng như câu: «xem mình đem đi một muôn lính có thể địch nổi vua kia đem hai muôn» chẳng. Mỗi tên lính của vua cần phải mạnh tương-đương với hai tên lính của địch. Đó là tiêu chuẩn định giá-trị của Chúa chúng ta. Tiếp theo là một chữ rất mỉa-mai, nếu vua không tính-toán trước, nếu binh lính vua không mạnh như vậy, chắc-chắn vua phải sai sứ đến gặp lực-lượng đối-

phương, xin hòa — đầu hàng !

Xây cất. Nếu không tính giá cả, sẽ thất-bại và bị nhạo cười. Đánh trận. Nếu không đề thì giờ xem xét giá-trị binh-lính, sẽ bị bại trận ; và phải xin địch làm hòa. Đó là hai thí-dụ. Trước đó Chúa chúng ta vừa mới đưa ra những điều-kiện khắt khe của kẻ muốn làm môn-đồ Ngài, và một số người muốn phản-đối. Vì thế Ngài nói tiếp : Các người ngạc-nhiên về những lời nghiêm-khắc của ta. Ta sẽ giải-thích vì sao Ta phải khắt-khe như thế. Rồi Ngài dùng hai thí-dụ, khuyên họ nghĩ kỹ về vấn-đề. Ngài muốn nói gì ? Ấy là Ngài đến thế-gian để xây-cất. Có ai sắp cất nhà mà không tính phí-tồn xem thử mình có thực-hiện được mục-đích chẳng hay sao ? Đó là việc Ngài đang làm. Đó là lý-do tại sao những điều-kiện của Ngài khắt-khe, Ngài kêu-gọi lương-tri của họ, kinh-nghiệm riêng của họ và thông-minh của họ. Họ không phải là chiến-sĩ cũng chẳng phải là vua nhưng họ biết về chiến-tranh. Vua nào mà không ngồi tính-toán trước giá-trị phàm-lượng của quân lính mình ?

Ngụ ý ở đây là gì ? Chúa chúng ta nói rõ mục-đích của Ngài ở thế-gian. Ngài đến để xây-cất và chiến-đấu. Tại thành Sê-sa-rê Phi-líp, qua một bên ngôn-ngữ khác, Ngài cũng diễn-tả cùng một ý-tưởng khi nói chuyện với Phi-e-ro và mấy người khác. «Ta sẽ lập Hội-thánh Ta trên đá này» — xây-cất. Rồi gì nữa ? «Các cửa Âm-phủ chẳng thắng được hội đó» — chiến-đấu. Mục-đích tối-hậu của sự hiện-diện của Ngài là xây-dựng ; nhưng trên con đường hoàn-tất sự nghiệp mà lòng Ngài hướng đến, cần phải trả giá và đắ-thắng nhiều chiến-trận. Ngài bảo với môn-đồ rằng Ngài sẽ xây-cất. Ngài nói với họ là Ngài sẽ đưa chiến trận đến thành-công vẻ-vang và các cửa Âm-phủ không thắng được. Chiến-thắng Ngài đang cầm chắc. Mục-đích tất-nhiên là sẽ đạt đến. Ngài sẽ xây-cất. Ở đây Ngài dùng cùng một hình-

ảnh nhưng ứng-dụng hơi khác.

Ngài vừa cho họ biết mục-đích và lý-do sự khắt-khe ấy là vì tính-chất cao-cả của công-việc Ngài; và đề hoàn-tất việc xây-cất cũng như thắng trận, Ngài phải dùng đến những tài-nguyên và những con người đáng tin-cậy tuyệt-đối. Ngài cho họ thấy việc theo Ngài không phải chỉ là một điều lợi cá-nhân. Mỗi lợi cá-nhân chỉ là phụ-thuộc, và trước Thập-tự giá của Ngài, mỗi lợi đó tiêu-biểu hầu như không có gì quan-trọng. Thật kinh-khủng biết bao, chúng ta thường biến sự cứu-rỗi thành một loại bảo-hiêm hỏa-hoạn, một lối giúp chúng ta thoát lửa địa-ngục ! Theo Jê-sus đòi hỏi hơn thế nhiều và đó là những điều-kiện Ngài vừa trình-bày cho các môn-đồ. Theo Ngài tức là phó-thác chính mình cho công-việc Ngài; đứng bên cạnh Ngài trong chiến-trận, cho đến khi việc xây-cất được thành-tựu và chiến-trận dành phần thắng.

Tôi xin phép dùng một thí-dụ ở đây. Khi Charles Haddon Spurgeon thi-hành chức-vụ lớn-lao và xây cất trường Pastors' College, ông bắt đầu viết một tạp-chí lấy tên là Thanh Gươm và Lưỡi Bay (The Sword and the Trowel). Khi xây cất vách thành Giê-ru-sa-lem, Nê-hê-mi bảo các công-nhân cầm cả gươm lẫn bay để đánh kẻ thù nào muốn ngăn-trở việc xây-cất. Spurgeon biết rõ chính sự-kiện nhỏ bé ấy trong lịch-sử xưa của dân Hy-bá-lai là tượng-trưng cho hành-động của Đức Chúa Trời qua dân Do-Thái và cho chức-vụ của Jê-sus-Christ. Chúa Jê-sus đến để xây-dựng; và Ngài cũng đến để chiến đấu. Ngài đã ra khỏi nhà người Pha-ri-si và cả một đoàn dân đông kéo vây quanh để nghe Ngài, Ngài vừa đứng dậy đi, họ liền nổi đuôi theo Ngài. Ngài quay lưng, dừng họ lại và hỏi : Các người theo ta làm gì ? Có phải các người theo ta chẳng ? Ta đến thế-

gian này để chiến-đấu. Các người sẽ không ích-lợi gì cho Ta nếu các người không đạt đến phẩm-chất Ta đang cần, Ta không cần những đồ-dễ theo Ta vì lợi riêng. Ta cần những kẻ ký-thác cho Ta và cho công việc Ta. Đó là ý-nghĩa của thí-dụ. Chính Ngài mới là người phải tính giá cả, không phải họ.

Qua mấy thí-dụ và cách đưa ra những điều-kiện khắt-khe Chúa chúng ta nhấn mạnh tầm quan-trọng của phẩm-chất. Phẩm-chất luôn luôn vẫn là điều đáng kể trong Hội-thánh của Đức Chúa Trời và giữa vòng môn-dồ Ngài, không phải lượng. Chúng ta thường say-mê về lượng một cách bất-khiết. Chúng ta bảo : Hội-thánh có đông người đến nhóm ; đó là dấu hiệu thành-công. Hoàn-toàn sai. Có thể một ngôi nhà thờ nhỏ dưới thung-lũng hay trên sườn đồi, mãi tít trên Cao-nguyên hay tận dưới đồng Cà-mau, có hai ba người họp lại mà có ích cho Đức Chúa Trời hơn là cả một hội-chúng đông-đảo chỉ tụ-họp vì một cơ-tích không cao-đẹp. Chỉ phẩm mới đáng kể, và Ngài cần phẩm, những người nam và nữ cầm gươm có thể chông viên đá này trên viên đá kia trong tòa nhà oai-nghi, những người nam và nữ bằng lòng đứng trước mọi chống-đối.

« Con Trời xông ra chiến đấu oai-linh,

Hầu đoạt vương-mã hiển-vinh.

Kìa huyết thấm tươi trên cây cờ hồng,

Ai người theo Ngài xung-phong ? »

Chúng ta hãy qui xuống tự hỏi xem chúng ta có phải là hạng người Ngài đáng tin-cậy không.

Sau khi Ngài nói xong, đoàn dân vẫn đang còn nghe

Ngài, Ngài bèn kết-thức với một lời thách-thức làm chấn-
 động cả dân-chúng, làm nổi bật tầm quan-trọng của vấn-
 đề Ngài vừa nêu lên : « Ai có tai mà nghe, hãy nghe. »
 Mấy chữ này đưa chúng ta đến đoạn mười lăm và đến bài
 học tiếp theo.

XXx

Trong mấy ngày và đêm qua, tôi đã cố gắng để viết
 khi C đã chấp nhận. Tôi đã nghĩ đến những điều mà
 chỉ. Phần-chi tiết trong vấn đề hiện tại là trong
 thành của Đức Chúa Trời. Tôi đã cố gắng để
 không phải là một người khác. Tôi đã cố gắng để
 các bài-không. Tôi đã cố gắng để
 đến nhóm : đó là điều mà tôi đã cố gắng để
 để một ngày nào đó. Tôi đã cố gắng để
 dù mãi mãi. Tôi đã cố gắng để
 để bài hát người học tại C. Tôi đã cố gắng để
 học và là một bài-chương khác. Tôi đã cố gắng để
 có-tiền không bao giờ. Tôi đã cố gắng để
 cần phẩm. Nhưng người khác. Tôi đã cố gắng để
 chúng tôi là những người khác. Tôi đã cố gắng để
 những người khác và là những người khác.

Chúng ta hãy
 phải là những người khác. Tôi đã cố gắng để
 là những người khác. Tôi đã cố gắng để
 Chúng ta hãy
 phải là những người khác. Tôi đã cố gắng để
 là những người khác. Tôi đã cố gắng để

38. THÍ-DỤ VỀ NHỮNG VẬT BỊ MẮT

Lu-ca 15 : 3-32

TRONG đoạn này Lu-ca ghi lại một trong những thí-dụ nổi tiếng nhất của Chúa chúng ta. Một đoạn trong thí-dụ này, phần thường được gọi là thí-dụ về người con trai hoang-dàng, đã gây ấn-tượng sâu-xa trong tâm-thức nhân-loại hơn bất cứ một thí-dụ nào của Chúa Jê-sus. Ở đây chúng ta không bàn về chi-tiết của thí-dụ nhưng chỉ đi tìm giá-trị thật, tìm hiểu trước hết Chúa chúng ta muốn nói gì ; sau đó, xem xét những hình ảnh Ngài dùng ; và cuối cùng, tóm lược lời dạy của Ngài trong hoàn cảnh đặc-biệt này.

Đây là một thí-dụ gồm ba bức tranh. Lu-ca đã nói ngay từ đầu : « Ngài bèn phán cho họ lời thí-dụ này. » Có những chặng nghỉ giữa các bức tranh nhưng chính thí-dụ không bị đứt quãng. Trước hết, Chúa chúng ta muốn mình giải vấn-đề gì. Quay về với hoàn-cảnh lịch-sử, chúng ta biết thí-dụ này được kể lúc gần chấm-dứt ngày Sa-bát đáng ghi nhớ ấy và chỉ Lu-ca chép lại đầy-đủ hơn cả. Chúa Jê-sus đã nói thí-dụ về bữa tiệc lớn, trong nhà người Pha-ri-si. Ngài đã dùng hai hình-ảnh thí-dụ về xây-cát và chiến-đấu, giải-thích lý-do những điều-kiện khắt-khe của địa-vị làm môn-đồ ; và cuối đoạn trước, Ngài phán : « Ai có tai mà nghe, hãy nghe. » Đi ngay vào câu chuyện, Lu-ca kể : « Hết thầy các người thu thuế và các người có tội đến gần Đức Chúa Jê-sus lắng nghe Ngài giảng. » Ngài đã đưa ra những điều-kiện nghiêm-khắc, qua hình ảnh xây-cát và chiến-tranh, nói rõ là Ngài cần những kẻ đứng về phía Ngài trong giai-đoạn xây-cát cho đến khi công việc

được hoàn-thành ; trong chiến trận cho đến khi phần thắng nằm trong tay ; và rồi những kẻ thu thuế và những kẻ có tội đến gần Ngài ; lại gần hơn để nghe Ngài giảng.

Nhưng không phải có một mình họ giữa đám đông này. » Các người Pha-ri-si và các thầy thông-giáo lầm-bầm mà nói rằng : « Người này tiếp những kẻ tội-lỗi và cùng ăn với họ. » Ngài để cho họ đến gần. Ngài không đứng riêng ra, Ngài còn ngồi xuống ăn chung với họ. Các thầy thông-giáo là những người được chỉ-định giáo-sư làm luân-lý và kẻ giải-thích luật-pháp ; còn người Pha-ri-si là những kẻ theo chủ nghĩa tôn-thờ nghi-thức và siêu-nhiên trong địa-hạt tôn-giáo. Cả hai hạng người này chỉ-trích Ngài. Đám đông, bị cấp cai-trị khinh-bĩ, kéo lại gần Ngài và Ngài tiếp-nhận họ. Bọn Pha-ri-si và thông-giáo đứng riêng ra, chỉ-trích, kết án. Do đó, chắc hẳn chúng ta khám-phá được vấn-đề Chúa muốn nói ở đây. Trước hết, Ngài giải-thích ý-nghĩa và lý-do Ngài tiếp-nhận tội-nhân. Đó là điềm người Pha-ri-si và thông-giáo phản-đối. Ngài tiếp-nhận họ, chứ dùng ở đây có nghĩa rất mạnh. Ngài tiếp-nhận họ làm bạn thân và ngồi xuống, tương-giao thân-mật và ăn với họ. Ngài muốn tỏ cho bọn chỉ-trích này biết tại sao Ngài tiếp-nhận tội-nhân và ăn chung với họ. Ngài muốn giải-thích những hành-động họ đang chỉ-trích. Dĩ-nhiên vấn-đề Ngài muốn minh-giải ở đây không phải là phương-pháp của chức-vụ Ngài ; nhưng là thái-độ và hành-động của Đức Chúa Trời đối với những con người bị bỏ rơi. Nhớ kỹ điềm đó, chúng ta có thể đi theo Ngài, nghe Ngài nói, nhìn những bức tranh Ngài dùng và thấu-luộm lời dạy-dỗ của Ngài.

Ở đây có bốn bức-tranh : ba và thêm một. Trước hết, Chúa Jêsus vẽ bức tranh người chẵn với con chiên đi lạc. Mở đầu, Ngài kêu-gọi họ như thói quen Ngài vẫn thường làm. « Trong các người ai là người. » Ngài kể chuyện một người chẵn có một trăm con chiên, một con

trong bầy, không biết vì lý-do gì, đã đi lạc. Ngai phán, bất cứ một người chặn thật nào, khi đã mất một con chiên, cũng bỏ cả chín mươi chín con, để đi vào rừng vắng tìm lại con chiên kia. Đây không phải là lần đầu tiên Ngai dùng hình ảnh người chặn. Tuy nhiên đây là phần đầu của thí-dụ.

Tiếp theo, một người đàn-bà với một đồng bạc bị mất. Về ý-tưởng của bức-tranh, có nhiều ý-kiến khác nhau. Có ý-kiến cho rằng người đàn-bà này đánh mất một đồng bạc thông-dụng đương-thời. Bà có mười đồng, và đánh mất một đồng. Nếu thế thì câu chuyện chẳng mất-mát gì. Tuy nhiên tôi nghĩ, phải có một cái gì sâu-xa hơn. Đàn-bà thời đó thường bịt một dải băng trên trán, làm bằng những đồng tiền, có-lẽ, thật ra chẳng có giá-trị gì nhưng nó có mang dấu hiệu của chính-quyền. Tại đây, các học-giả cũng lại bắt đồng ý-kiến về ý-nghĩa của dải đồng tiền đeo nơi trán của phụ-nữ thời xưa. Một số cho rằng đó là dấu hiệu đình-hôn ; kẻ khác lại cho đó là dấu hiệu liên lạc hôn-nhân. Dù có giá-trị nhỏ hoặc lớn trên phương-diện tiền-bạc, nó vẫn vô-giá đối với người đàn-bà mang nó. Lý-do là bà đã tận-tâm tìm kiếm, quét nhà kỹ-lưỡng cho đến khi tìm được. Tôi không thể tưởng-tượng được một người đàn-bà phải quét nhà, thật lâu để tìm cho ra một đồng bạc ! Nhưng tôi có thể tưởng-tượng được cảnh nàng chú tâm tìm kiếm một vật, đối với nàng, là cả một vẻ đẹp, một món trang-sức. một nhắc-nhở kỷ-niệm ! Tuy nhiên, đó là bức-tranh. Một trong mười đồng bị mất. Người đàn-bà đã đánh mất một vật để hoàn-thiện tính-cách tượng-trưng trong món trang-sức của nàng

Bức-tranh thứ ba rất quen thuộc và đẹp-đẽ với hình-ảnh người cha mất đứa con trai. Nhưng còn một bức-tranh khác nữa. Trong phần cuối của thí-dụ này. Đó là bức-tranh về một người con khác thường, bên ngoài có vẻ ngay-thẳng và trung-thành, nhưng không chút hiểu biết hoặc

thông-cảm tấm lòng của người cha ; và vì thế, đã khinh-bĩ em mình. Thật, có người như thế, cũng như luôn luôn có như thế. Đó là bốn hình ảnh hòa-hợp.

Ý-nghĩa chung là gì ? Chúa chúng ta muốn dạy gì ? Trước hết, trong khi nghe Ngài kể chuyện, nhớ rằng đám đông đang bao quanh Ngài, và bọn thù-thuế lẫn tội-nhân đang hằng-hái tiến tới, nhận biết thất-bại và tội-lỗi mình, tuy nhiên vẫn nóng lòng muốn nghe Ngài dù lời Ngài có khắt-khe ; trong khi nghe Ngài nói, chúng ta nhận được quan-diêm của Ngài đối với nhân-loại. Ngài thấy nhân-loại đang lạc mất. Dù là con chiên, hay đồng-bạc, hoặc đứa con dưới mắt Ngài, cả ba đều lạc mất.

Bây giờ chúng ta hãy đề ý đến ba phần đầu. Đây là thí-dụ về nhân-loại lạc mất rõ-rệt đường nào ? Trước hết, một con chiên đi lạc. Chiên là một thứ dại-dột hơn hết. Nó đi bất cứ nơi nào có chỗ trống. Nó không chịu dừng lại suy-nghĩ. Nó không thề suy-nghĩ. Nhìn thấy một bờ-rào có lỗ trống là nó chui qua ngay, rồi đi, đi mãi cho đến khi nào lạc vào rừng núi và không biết đường về. Có vô số người in hệt như thế ; lạc mất vì quá dại-dột.

Còn đồng-bạc thì sao ? Không thề trách nó vì đã bị mất. Có điều gì mất vì sự lo-dăng của kẻ khác. Cần nhớ kỹ ở đây, mất tại trong nhà, thế nhưng vẫn mất. Có vô số người trong Hội-thánh chúng ta ngày nay bị lạc mất ngay trong nhà vì sự vô ý của kẻ khác. Họ vẫn còn quanh-quần đầu đây, nhưng không còn mãi-lực nữa, và không đóng góp gì hữu-hiệu cho sự-nghiệp vi-đại. Họ bị lạc mất vì sự bất-cần của người khác.

Đến bức-tranh về người con trai thứ nhất, chúng ta có một câu chuyện khác hẳn. Đây không là vi dại-dột. Cũng chẳng phải là một sự lạc mất vì sự bất-cần của kẻ khác. Đây là tự-kieu do sự cố-ý. Đây là đứa con trai lạc

mất, tiêu-biểu cho những kẻ lạc-loại vì chống-ngịch lại mọi kỷ-luật và trật-tự, làm tưởng rằng cách xa Đức Chúa Trời và Đấng Christ, xa Hội-thánh sẽ được tự-do, độc-lập; và có thể biểu-lộ nhân-cách thật của mình. Họ đi thật xa, xa hẳn Đức Chúa Trời, xa Đấng Christ, xa Hội-thánh, xa kỷ-luật và bảo : Chúng ta hãy ăn, uống và vui-vẻ ; rồi họ đi mãi và lạc mất ! Mỗi câu trong bức-tranh này có một sức mạnh phi thường. Chàng trai này đi phương xa tiêu hết của-cải cha chia cho. Chàng tiêu xài tất cả những gì cha đã cho. Nhân-loại cách xa Đức Chúa Trời đang tiêu xài hết những sức-lực Đức Chúa Trời đã tạo dựng trong họ và giao phó cho họ. Mỗi người làm tội với tay, chân, mắt hoặc tâm-trí của mình, ấy là phạm tội với sức-lực mà Đức Chúa Trời đã ban cho để đem phước lành cho người và khiến người thành-công. Nhân-loại đang bán rẻ những quà tặng của mình, lãng phí của-cải của họ : họ đang lạc mất !

Và đây là một câu có vẻ mỉa-mai sâu-sắc của Chúa chúng ta : « Khi đã xài hết của rồi, trong xứ xảy có cơn đói lớn. » Câu này không nhất thiết có nghĩa là một cơn đói thật sự. Có thể là nếu một người tiêu xài hết tiền của tại Luân-Đôn, tức là người ấy gặp cơn đói tại Luân-Đôn ! Người ta có thể lạc loài giữa cảnh sung-túc, nhưng vẫn bị đói. Lúc ấy người ta gia-nhập làm công-dân của xứ. Người chưa vội về nhà ; không, người không về ! Người sẽ đối-diện thực-tại. Và « họ sai chàng ra đồng chăn heo. » Chúng ta không thể hiểu thắm-thía ý-nghĩa của câu này vì chúng ta không phải là dân Do - thái. Chủ giao cho chàng một việc làm hèn - hạ, tồi - tàn và nhục - nhã hơn hết. « Chàng muốn lấy vỏ đậu của heo ăn và ăn cho no, nhưng chẳng ai cho. » Tôi chưa bao giờ có thể đọc câu này mà không nghĩ rằng Cho đến lúc ấy, tất cả bản-chất qui-phái vẫn chưa lìa khỏi chàng. Tôi biết có những người, nếu không ai cho, họ sẽ tự ý lấy ăn. Chàng này không phải thế. Chàng

đau khổ chịu đựng đói-khát.

Nhưng «chàng đã tỉnh-ngộ,» Thật là giờ phút trọng-đại khi con người biết tỉnh-ngộ khi của-cải không còn, bạn bè xa lánh, hi-vọng tìm miếng ăn cũng tan như mây khói. Chỉ còn hai tay trắng. Chàng mới tỉnh-ngộ, và đó là lúc lý-trí hoạt-động trở lại. Chàng bắt đầu suy-nghi. Chàng đã lạc mất. Đó là quan-điểm của Đấng Christ. Chàng lạc mất vì sự tự ý lựa-chọn và kiêu-ngạo !

Thế nhưng còn một bức tranh khác. Người con trai kia đang ở ngoài đồng làm việc, lưu-tâm đến công-việc đồng-áng và rất hãnh-diện về công-việc của mình. Chàng nghe tiếng đờn ca nhảy múa, mới hỏi thăm và được một tên đầy tớ cho biết. Em cậu đã trở về. Em tôi sao ! Chúng ta đề ý điếm này : Chúa Jêsu không bao giờ bảo người này là anh. Ngài bảo chàng kia là em của người này, nhưng Ngài không hề bảo người là anh của chàng trẻ tuổi kia. Đây là một điếm không quan-trọng nhưng đáng chú-ý. Chàng trai (anh) bị lạc mất. Chàng không biết cha mình. Chàng không hiểu lòng cha mình. Chàng lạc trong đồng ruộng cha mình ; phục-tùng, con người vẫn có thể bị lạc trong bần-phận cũng như bất cứ ở nơi nào. Con chiên lạc mất—một con vật dại-dột. Đồng bạc bị mất, vô-tội, mất vì bất-cần của kẻ khác. Con trai lạc mất, một con người phản-loạn. Con trai lạc mất, quá chú tâm và bần-phận đến nỗi thiếu tương-giao với Cha, với Đức Chúa Trời. Quan-điểm về con người—lạc mất!

Điếm nào được nhấn mạnh ở đây ? Chính chữ «mất» trong mỗi trường-hợp chớ không phải tình-trạng của vật bị mất. Điếm nhấn mạnh là lòng đau đớn của kẻ có vật bị mất. Người chần đau khổ hơn con chiên đi lạc. Người đàn bà đau đớn vì đồng bạc bị mất. Chính người cha là kẻ nếm trải chiều sâu của nỗi đau thương khi con trai ở phương xa. Chính người cha là kẻ khổ sở vì có một đứa con không hiểu mình. Mất, của cải tiêu-tan, giá-trị mua sắm của đồng

tiền, hay ý-nghĩa của nó trên quan-diểm trật-tự và thăm-mý không còn nữa. Tình yêu bị tổn-thương sâu-xa vì kẻ đi lạc, và vì lòng tự-mãn hẹp-hòi của kẻ thương hại chính mình.

Nếu đó là quan-diểm của Chúa đối với nhân-loại, thì Ngài có liên-quan gì với Đức Chúa Trời ? Tất cả mấy câu chuyện trùng hợp và trà-trộn với nhau. Những tia của U-rim và Thu-mim chiếu tỏa màu sắc rực-rỡ qua những câu chuyện này. Trước hết Ngài cho biết Đức Chúa Trời luôn nghĩ đến kẻ thuộc về Ngài, không bao giờ quên. Người chăn kia không quên con chiên nọ, dù người có cả chín mươi chín con khác. Đức Chúa Trời cũng chẳng bao giờ như vậy. Người đàn bà nọ không quên đồng bạc, dù đã vô ý làm mất. Và người cha cũng chẳng quên con mình. Những câu sau đây vô cùng đẹp đẽ. «Khi còn ở đàng xa, cha nó thấy... chạy ra.» Một ông già chạy có gì là mất giá-trị không ? Hoàn-toàn là không. Tại sao ông ta không đứng yên chờ đợi để giữ phẩm-giá của mình ? Ông không thể đứng yên được. Tôi quả-quyết rằng không có phẩm-giá gì cao cả hơn là thái-độ của người cha chạy ra để gặp con trai mình. Đó là Đức Chúa Trời.

Nhưng di-nhiên còn hơn thế nữa. Đó là hình-ảnh của Đức Chúa Trời hành động để tìm lại những gì đã mất ; hành-trình của người chăn. Còn gì mô-tả đầy đủ hơn bài hát của chúng ta :

«Tuyệt nhiên không ai đo dò cạn sâu
Sông, suối Chúa từng vượt đâu.
Hoặc đêm âm-u tâm Chúa chẳng yên,
Nôn-nả cố tìm gặp chiên.»

Đó là hình-ảnh Đức Chúa Trời. Ý nghĩa câu chuyện tìm kiếm trong nhà ấy là Đức Chúa Trời tìm kiếm qua Thần-Linh Ngài. Người đàn bà là dụng cụ, nhưng động-

lực tìm-kiếm đến từ Thiên-thượng. Chúng ta cũng thấy hình-ảnh Đức Chúa Trời trong người Cha tiếp rước đứa con trai. Điềm kỳ-diệu ở đây ấy là khi người con trở về, chàng mới biết rằng những gì chàng bỏ nhà ra đi để tìm kiếm nơi phương xa, chàng không tìm gặp. Chàng đi phương xa để sống vui thỏa. Xét theo thời-dại mà chúng ta đương sống, chúng ta đoán là chàng mong có áo quần đẹp và châu ngọc. Khi chàng trở về, người cha gọi lấy áo tốt nhất mặc cho chàng, rồi đeo nhẫn và mang giày cho. Chàng được tất cả khi chàng về nhà. Chàng mất tất cả khi ở phương xa. Chàng mong có thức ăn đủ món nhưng phải rơi vào tình cảnh không một ai cho chàng một mảnh vỏ đậu. Nhưng khi chàng trở về, người ta làm thịt bò con mập. Chàng đi phương xa để được tự-do, thoát trói buộc, nhưng rồi mới tỉnh-ngộ. Khi trở về nhà, chàng được sung-sướng, tươi-vui và hồi-phục.

Tiếp theo, chúng ta đề-cập đến người con-trai kia ở ngoài đồng. Chúng ta đã cố gắng biết bao để giải-thích về chàng. Có những giải-thích khác biệt nào? Không có một giải-thích nào là tối-hậu cả. Có người cho rằng người con trai này tiêu-biểu cho người Do-thái, còn người con trai kia, tiêu-biểu cho dân ngoại. Đối với tôi, như thế hơi xa để. Tôi tin chắc là Ngài muốn nói thí-dụ về bọn người đang chỉ-trích Ngài, mấy thầy thông-giáo và Pha-ri-si. Nhưng dù chúng ta có nói thế nào về người con cả, ở đây người cha không hề nói điều gì phật lòng người. « Con ơi, con ở cùng cha luôn, hết thầy của cha là của con. » Người cha bước ra nài-nỉ con vào nhà. Người cũng chú-ý đến đứa con này như đứa con đã bỏ nhà ra đi. Thái-độ người nói với con là một lời kêu-gọi dịu-dàng, êm-ái. Đó là hình-ảnh của Đức Chúa Trời mà Ngài muốn trình-bày cho đám người đang nghe Ngài giảng.

Chúng ta hãy nhìn lại bọn người Pha-ri-si và thông-giáo. Thí-dụ này có nghĩa gì, hay là Ngài muốn dạy họ điều gì ?

Tôi không biết chắc có ai hiểu Ngài không. Bất-cứ một hình-thức tôn-giáo nào tỏ ra khinh-bĩ những con người bị bỏ rơi đều là một hình-thức phi tôn-giáo. Khinh-bĩ đám đông bần-thiêu ấy là phạm tội phản tôn-giáo nặng hơn hết. Thái-độ như thế chứng-tỏ không biết Đức Chúa Trời, và do đó, không biết thẩm-định giá-trị thật của con người.

Còn mấy người thâu-thuế, tội-nhân và đám đông đang nghe Ngài thì sao. Đối với họ, thí-dụ này là một sứ-diệp hy vọng, một mặc-khải của tình-yêu, một lời kêu gọi đến đức tin. Một thí-dụ độc đáo, rực-rỡ vinh-quang của ân-diễn Đức Chúa Trời : tố-cáo tất cả những tôn-giáo chỉ chú trọng bản phận, đạo đức mà vẫn lạnh-lùng, lãnh-đạm ! Thật là một thí-dụ kỳ-diệu, khuyên nài tội-nhân, kẻ thất-bại, người lạc loài trở về gia-đình và đáp-ứng tấm lòng của người cha !

39. QUẢN-GIA BẮT NGHĨA

Lu-ca 16 : 1-13

CÁC nhà luận-giải Kinh-thánh thường ngần-ngại trước thí-dụ này vì tính cách khác thường của nó. Nếu đọc phớt qua, có thể chúng ta tưởng đây là một thí-dụ Chúa dùng để dung xá một hành-động gian-trá. Nhưng đọc kỹ câu chuyện, chúng ta không thể chấp nhận ý-tưởng đó được. Vậy trước hết chúng ta sẽ xem xét vấn-đề Chúa chúng ta muốn nói : tiếp theo, hình-ảnh Ngài dùng trong câu chuyện; và từ đó; rút ra bài học muốn đời cho nhân-loại.

Dùng thí-dụ này, Chúa chúng ta muốn bàn về vấn-đề gì ? Đây là một câu hỏi quan-trọng đối với người chỉ đọc phớt qua đoạn này. Để biết rõ vấn-đề Ngài muốn nói, một lần nữa, chúng ta phải trở về với bối-cảnh của câu chuyện. Lúc này vẫn còn là buổi chiều ngày Sa-bát cuối cùng chép trong Lu-ca (14-17 : 10). Trước hết, nên nhớ rằng đây là những lời phán với môn-đồ, tuy không phải chỉ riêng một mình họ. Đó là ý của câu mở đầu : « Đức Chúa Jêsus lại phán cùng môn-đồ. » Ngài đã nói thí-dụ về những vật lặt vặt đặc biệt với bọn thông-giáo và Pha-ri-si ưa chỉ trích, nhưng cũng nói chung cho cả đám thâu thuế và tội-nhân nghe nữa. Đến đây, câu chuyện kể tiếp : « Ngài lại phán cùng môn-đồ. » Đây là điểm đầu tiên cần lưu ý. Chữ « lại » rất có ý-nghĩa, vì ngụ ý rằng Ngài không bỏ rơi bọn thông giáo, Pha-ri-si và đám đông đang nghe : nhưng Ngài chỉ nói đặc biệt với những người thân với Ngài, các môn-đồ của Ngài, dầu mấy người kia cũng có thể nghe được.

Xem qua câu mười bốn, chúng ta thấy : « Người Pha-ri-si là kẻ ham tiền-tài, nghe mọi điều đó. » Họ lắng nghe « và chê cười Ngài. » Lúc ấy Ngài nói chuyện với môn-đồ

ngay sau thí-dụ gồm ba bức tranh ở trên để trả lời cho thái-độ chỉ-trích của người Pha-ri-si và thầy thông-giáo về cách Ngài cư-xử với tội-nhân. Tại sao họ nhạo cười Ngài sau khi nghe thí-dụ về người quản-gia bất-nghĩa — và ứng-dụng của thí-dụ? Chúng ta được biết lý-do: « Họ là những kẻ ham tiền-tài. » Nguyên-nhân ẩn núp đằng sau mọi chỉ-trích của bọn cai-trị ấy là: « ham tiền-tài. » Không phải tiền bạc, nhưng là lòng tham tiền. Kinh-thánh không bao giờ bảo tiền bạc là cội rễ mọi điều ác, nhưng chính lòng tham tiền. « Sự tham tiền bạc là cội rễ mọi điều ác » là một câu nói thật sâu sắc. Ngài đang nói đặc biệt với môn-đồ, nhưng cũng với bọn người ham tiền đang ở đó nữa. Đó là động-lực thái-độ chỉ-trích của họ, thái-độ phân-cách với đám đông bản-thù và tội-lỗi. Họ là « những kẻ ham tiền-tài. » Ngài nói về tiền bạc và mở đầu bằng một câu chuyện.

Vì thế, chúng ta thấy vấn-đề được nhấn mạnh về phương diện động-lực, cách dùng tiền bạc tức những của-cải vật-chất. Chúa chúng ta có biết bao điều để dạy bảo về cuộc đời rộng lớn hơn, về thế-giới bên kia, và về những lẽ thật tâm-linh, thế nhưng ở đây Ngài chỉ đặc biệt nói về vấn-đề tiền bạc; trò chuyện với môn-đồ Ngài, nhưng trước sự hiện-diện của những kẻ chỉ đam mê tiền bạc, giàu sang, của-cải. Đó là lý do Ngài kể câu chuyện này và đem ứng-dụng cho họ.

Câu chuyện thật kỳ lạ. Chúng ta hãy quan-sát kỹ. Chuyện chép về hai tên gian-trá. Hai à? Vâng. Họ là ai? Người quản gia lừa gạt chủ và người chủ dung nạp tội-lỗi. Chính người chủ là một tên gian-trá không kém người quản-gia. Ai dung nạp tội lỗi của kẻ khác, cũng là bạn của kẻ gian-trá, dù kẻ gian-trá đó là đầy-tớ, và chủ lại khen-ngợi hành-động sai của nó. Chúng ta phải thận-trọng khi đọc câu chuyện. Nhiều người lúng-túng khi đọc câu thứ tám: « Chủ bèn khen quản-gia bất nghĩa ấy. » « Chủ » ở đây tức là chủ của tên quản-gia

chớ không phải là « Chúa. » Chúa chúng ta không khen-ngợi tên đó. Ngài không khen hành-động đó. Tuy nhiên, chủ khen tên này cũng là một điều đáng ngạc-nhiên.

Chúng ta thấy gì ở đây ? Trước hết, sự khôn khéo. Lúc đầu, khi thấy mình bị lộ tày, tên quản-gia lo-lắng. Nó tự hỏi : « Ta sẽ làm gì ? » Đó là một lời than, một khám phá bất ngờ : « Ta sẽ làm gì đây ?. » « Ta biết điều ta sẽ làm. Nó đang gặp khó-khăn. Nó đã lừa đảo chủ, nhưng khi lộ tày, nó nhìn thẳng vào thực tại. Nó đã mất công ăn việc làm. « Làm ruộng thì ta không có sức làm nổi. » Thiếu sức ở đây chắc hẳn là thái-độ chán ghét làm việc. Đó là chuyện thường. « Đi ăn mày thì hờ người. » Hoàn-toàn kiêu-ngạo. Rồi đột nhiên, — ta biết điều ta sẽ làm. Ta sẽ lường gạt ông ấy thêm một chút nữa để người nào được lợi sẽ phải nhận ta khi chủ đuổi ta ra. Và người bắt đầu thi-hành ý định : « Người mắc nợ chủ ta bao nhiêu ? Một trăm thùng dầu. Hãy cầm lấy tờ khế... Viết mau : Năm chục. » « Còn người, mắc nợ bao nhiêu ? Một trăm học lúa mì. Hãy cầm lấy tờ khế và viết tám chục. » Tôi thường thắc-mắc tại sao lần trước người giám năm mươi phần trăm, còn lần sau chỉ hai mươi phần trăm. Chắc hẳn người biết rõ hoàn-cảnh của họ, người này khá giả hơn người kia. Thật là khôn khéo. Chủ khen ngợi khôn-ngoaan của người, đúng ra, tài xảo-trá của người. Sử-dụng khôn-ngoaan, được khen ngợi ! Câu chuyện không bảo là chủ đã phục chức lại cho người. Chủ chỉ nhìn việc làm trong quá-khứ của người. Người khôn-ngoaan lắm.

Nhưng Chúa Jêsus cho chúng ta biết vì sao chủ khen-ngợi người. Chú-ý chữ « Vì » giữa câu tám. Chủ khen quản-gia bất trung vì người khôn-ngoaan, xảo-trá, Tại sao người làm thế ? « Vì con đời này trong việc thông-công với người đồng đời mình thì khôn-khéo hơn con sáng-láng. » Không có chữ nào tán đồng hành-động của quản-gia hoặc của chủ, nhưng có một nhận xét cho biết rằng, trên tiêu-chuẩn đời

này, đối với thời đại hiện-tại, các con của thời-đại khôn-khéo hơn các con của sự sáng. Hành-động của quản-gia và thái-độ thân phục của chủ là những hành-động chịu ảnh-hưởng của tư-tưởng bị hạn-chế bởi thời-đại họ đang sống và của các thể-hệ đương thời. Đó là những con người hoàn-toàn vị-kỷ; một quản-gia ích-kỷ với một người chủ ích-kỷ, cả hai đều tham tiền vì cùng nhìn sự vật trên quan-điểm của thời-đại, bị giới hạn trong thể-hệ của mình. Các con của sự sáng là những kẻ có lối nhìn không bị giới-hạn bởi thời cuộc, bởi những tính toán của thể-hệ họ đang sống. Các con của sự sáng là những kẻ nhìn xa thấy rộng.

Thế nhưng Chúa Jêsus phán — và đây là điểm mĩa-mai đối với người đương thời, cùng một thể-hệ, thì các con đời này khôn-khéo hơn các con sáng-láng. Đề ý điểm trong-phản cổ ý ở đây của Chúa chúng ta. Kia là những đứa con của thời-đại, của thể-hệ, với cái nhìn giới-hạn, một thứ người giàu có với tên quản-gia. Họ chẳng nhìn thấy gì trước ngày chào đời, và họ không nhìn thấy rõ lắm nhưng biết là có thật; họ cũng không nhìn thấy gì bên kia cuộc đời và cũng chẳng lưu-tâm đến bao nhiêu. Họ sống trong mọi thời-đại, một thể-hệ. Đó là giới-hạn.

Các con sáng-láng là những kẻ thấy xa hơn. Họ thấy xa hơn thực-tại. Phi-e-rơ, khi mô-tả một hạng người trong một bức thư đã viết: « Chỉ thấy những gì ở gần. » Đó là lời kết-án nghiêm-trọng. Tôi khuyên độc-giả hãy suy-tưởng về một câu trong Cựu-ước: « Con mắt kẻ ngu muội ở nơi địa-cực. » Có người bảo, câu này có nghĩa là kẻ ngu dại là người thay vì chú tâm đến những vật ở gần, lại để ý đến những sự việc nơi địa cực. Nhưng đó chẳng phải là ý-nghĩa. Người ngu dại vì có không nhìn thấy gì bên kia đầu cùng trái đất. Người bị giới-hạn trong vật-chất. Người hành-động như thể trái đất là tất cả, thể-hệ của người là mọi sự, và thời đại người đang sống là điều duy nhất đáng lưu tâm. Các con sáng láng

thấy xa hơn. Họ thấy trái đất, họ thấy gần; nhưng họ bước đi trong sự sáng. Sự sáng đang chiếu trên mọi người, Đấng đã phán: « Ta là sự sáng của thế-gian; người nào theo Ta chẳng đi trong nơi tối-tăm. » Họ thấy gần, nhưng luôn luôn nhìn xa hơn. Họ lấy kích thước của vịnh - cứu để sống ngày hôm nay, lấy giá - trị của Thượng - đế làm tiêu - chuẩn cho cuộc sống trên đất, lấy thời-gian bất - diệt của mọi thời-đại làm tiêu - chuẩn cho thế - hệ hiện-tại « thế-hệ của các đời các kiếp. » Các con sáng-láng ! Một câu gọi hình dáng quý.

Nếu đó là điểm tương-phản, Chúa chúng ta muốn nói gì ? Trong lúc đề ý đến bọn Pha-ri-si ưa chỉ-trích và tham tiền, Ngài cũng nhớ tới đám môn-đồ bên cạnh và muốn nói vài lời khiển-trách. Ngài quở-trách họ vì họ thiếu trí nhạy hiểu về những sự việc cao-cả. Hãy nhìn tên gian-xảo này. Nhìn tài khôn khéo sắp xếp công-việc của nó. Nhưng Chúa Jêsus nói — và Ngài nói với sự hiểu biết vô hạn theo tiêu-chuẩn đời này, trong giới - hạn của thời-đại và thế-hệ họ bị ràng buộc như thế; nhưng họ vẫn xảo-quyệt, vẫn lanh trí hơn các con sáng-láng là những kẻ phải sống theo tiêu-chuẩn của vịnh-cứu đặt vào hoàn-cảnh sống của thời-đại.

Chúng ta không thể chấm dứt ở đây vì những gì Ngài nói tiếp đều có liên-quan chặt-chẽ. Sau đó, Ngài dạy họ cách sử-dụng tiền bạc. Trước hết đề ý kỹ bản-chất của ma-môn. Chữ ma-môn ở đây có nghĩa là giàu sang vật-chất. Chúng ta có lý-do bảo đó là tiền bạc vì tiền bạc là biểu-hiệu của giàu sang. Ngài phán cùng họ : Hãy dùng ma-môn, hay tiền bạc, của bất-nghĩa mà kết bạn. Câu này cần được hiểu đúng nghĩa của nó. Ngài gọi là ma-môn là cửa-cải của người nhà giàu, món vật mà tên gian lận đã buôn gian để kiếm lợi, tức là « của bất nghĩa ».

« Của bất nghĩa » là gì ? Chữ *bất nghĩa* ở đây ngụ ý gì ? Không phải là gian-ác, nhưng là không gian-ác ; chẳng phải là tốt nhưng là không tốt. Nói cách khác, của bất-nghĩa không

phải đạo-đức cũng không vô đạo-đức có tính cách không thuộc phạm-vi luân-lý. Ma-môn hay là tiền bạc là một dụng-cụ, một tay sai của điều thiện cũng như điều ác. Mọi sự tùy thuộc cách tiền bạc được sử-dụng, và cách chúng ta sử-dụng tiền bạc tùy-thuộc đường lối suy tưởng sâu xa của chúng ta. Không gì biểu lộ lối suy tưởng của con người rõ-ràng hơn là cách người sử dụng tiền bạc. Chúa chúng ta cần nói một điều. Hãy dùng tiền mà kết bạn. Ngài không bao giờ bảo người ta kết bạn với tiền của nhưng là dùng tiền của mà kết bạn. Vì thế, hãy lấy tiền mà làm phương-tiện để kết bạn. Bạn hữu à ? Vâng. Có người bảo : Tôi có một số tiền, nhưng tôi muốn giữ riêng cho tôi. Người có thật sử-dụng riêng cho chính mình không ? Đấng Christ dạy : Đừng sử-dụng tiền cách đó. Hãy dùng tiền kết bạn. Vậy hãy lấy của cải kết bạn cho nhiều.

Sau đó, Ngài đi xa hơn, vượt khỏi thời-đại và thế-hệ hiện-tại. «Đề khi của ấy» — tức tiền bạc mà con người đã sử-dụng — «hết đi, họ» tức những bạn hữu kết thân nhờ tiền bạc — «tiếp các người vào nhà đời đời.» Ngài đang đứng bên kia bờ giới-hạn của thời-đại và thế-hệ. Ngài đang nhìn khoảng không bao la của cuộc đời bên kia thế-giới, và Ngài nói rõ : Hãy dùng tiền kết bạn để họ sẽ tiếp đón chúng ta ở bờ bên kia giới hạn ngăn cách đời này với trường-cửu. Hãy dùng của bất nghĩa kết bạn vì của ấy sẽ hư mất. Đó là chuyện dĩ-nhiên chúng ta có thể sử-dụng tiền nhưng nó vẫn còn đó, nhưng khi chúng ta đã sử-dụng, thì hoặc chúng ta được, hoặc người khác được. Chúng ta là kẻ sử-dụng tiền và kẻ khác là kẻ được tiền, đều sẽ chết trên trái đất này ; và rồi, như Chúa Jêsus đã nói trong một thí dụ về người nhà giàu đại-dột : « Những của cải sẽ thuộc về ai ? » Khi nghĩ đến bản liệt-kê những lời di-chức và di vật của chúng ta, tôi muốn chép ngay câu nói của Chúa Jêsus vào đó. Con người chết, để lại một trăm ngàn, hai chục ngàn, năm ngàn, chín chục ngàn ! « Bỏ hết đi ! » Họ đã dùng tiền làm gì khi còn sống ? Họ có dùng

kết bạn để được bạn đón tiếp nơi bờ bên kia không? Chúng ta đã làm gì với cửa cái, những phương-tiện chúng ta có, để sửa-s soạn cho ngày qua bờ bên kia chưa?

Đến đây, chúng ta hãy xem cách Ngài nổi liền thực-tại với cõi đời đời, hiện-tại với vinh-cửu. Khi đã đưa ra ứng-dụng trực-tiếp về cách sử-dụng tiền và cho biết sự sử-dụng đúng đắn hơn hết, Ngài đưa ra nguyên-tắc về sự trung-thành; trung-thành trong việc lớn, để có thể trung-thành trong việc nhỏ. Nếu chúng ta muốn trung-tín trong những việc nhỏ, vấn đề tiền bạc, chúng ta phải trung-tín trong những việc lớn, việc lớn của vinh-cửu và của Đức Chúa Trời với những tương-quan đối với nó.

Rồi Ngài tóm tắt mọi vấn-đề trong một câu thật rõ-ràng: « Các người không có thể đã làm tôi Đức Chúa Trời lại làm tôi ma-môn nữa. » Đây là một so sánh rất thực. Trong thế-giới ngày nay có bao nhiêu bằng-cớ chứng tỏ các con đời này khôn-lanh, kinh-nghiệm, tài cán hơn các con sáng láng. Có nhiều trên đời này khả-kính và tài-giỏi, đã trở nên kẻ đại-dột khi bước vào công-việc của Hội-Thánh Cơ-đốc. Nếu mọi khả-năng tinh-nhuệ và tháo-vát của tín-đồ Hội-Thánh Cơ-đốc đều hiển-dâng cho sự sáng như đã được ký-thác cho đời này, lúc ấy sẽ không còn những nan-đề về truyền-giáo hải-ngoại nữa. Sự thật, các con sáng-láng đã không bước đi trong sự sáng, thiếu khôn-ngoan, và không còn một dấu hiệu rõ-ràng nào khác hơn là tiền bạc và cách con người sử-dụng nó.

Cách đây khá lâu, tôi còn nhớ trong nhà một tín-đồ giàu kia, vào buổi cầu-nguyện sáng của gia-đình, ông cầu-nguyện rất hùng-hồn cho sự cứu-rỗi các dân vô đạo và cho các nhà truyền-giáo. Ông ta rất đổi ngạc-nhiên, lúc cầu-nguyện xong, một đứa con trai lên mười nói: « Ba ơi, con thích nghe Ba cầu-nguyện cho các nhà truyền-giáo. » Ông ta trả lời: « Thế thì Ba vui lắm con ạ. » Rồi đứa con trai tiếp: « Nhưng Ba có biết con nghi-gì khi Ba cầu-nguyện không, nếu con có số

gợi tiền của Ba, con sẽ trả lời một nửa những gì Ba cầu xin. »

Hai động lực, Thứ nhất, tham tiền, tức là yêu chính mình và quên nhu-cầu của kẻ khác. Thứ hai, yêu người, kết quả tình yêu của Đức Chúa Trời. Những gì Đức Chúa Trời giao phó, chúng ta đã sử-dụng thế nào? Tình yêu đam mê thật có phải là yêu bản thân hay yêu tha nhân, vì có chúng ta yêu Đức Chúa Trời ?

x X x

40. NGƯỜI GIÀU-CÓ VÀ LA-XA-RÔ

Lu-ca 16 : 19-31

TRONG câu chuyện này có một điểm khiến cho cả tin-đồ lẫn kẻ được dạy dỗ sâu xa không thích chú ý. Có một cái gì khiến bộ óc chúng ta tự-nhiên thối lui. Nếu đó là phản ứng của chúng ta thì khá biết rằng chúng ta không có phản ứng thối lui hơn phản ứng Đức Chúa Trời có. Bức tranh về tình trạng linh-hồn nhân-loại bên kia cuộc sống không phải là bức tranh Đức Chúa Trời mong muốn. Đó chỉ là một phần cảnh-trạng được một tiên-tri xưa mô-tả và gọi là « việc khác thường » của Đức Chúa Trời. Đó là sự mặc-khải những sự việc trường-cửu và thiết-yếu; và mặc-khải Thánh-Kinh sẽ lừa dối. Kinh-nghiệm và sự hiểu biết của con người nếu nó còn che giấu vài điều vì cố tình không chịu đề-cập đến.

Vấn đề được đặt ra là : đây có phải là một thí-dụ hay là một sự-kiện có thật được ghi lại ? Một số người cho đây là chuyện thật, và vì thế, không nên xem như một thí-dụ, vì Lu-ca không bảo đó là một thí-dụ và chính Chúa cũng mở đầu bằng một câu có vẻ hoàn toàn khẳng-định : « Có một người giàu. » Ngài không nói lên những tiếp-tục câu chuyện và đã cho chúng ta biết tên người ăn mày. Đây là trường-hợp duy-nhất Ngài dùng tên trong thí-dụ. Có thể đây là một nhận-xét về một sự thật đã nhìn thấy và có lẽ những kẻ đang nghe Ngài cũng đã chứng-kiến. Tôi không quyết đoán nhưng đó cũng là trường-hợp của câu chuyện về người quản-gia bất-nghĩa đã bàn đến trước đây. Lúc đó, Chúa Jê-sus cũng mở đầu câu chuyện in hệt cùng một cách : « Có một người giàu kia. » Ngài không gọi tên người hoặc tên quản-gia của người. Đây là khác biệt duy-nhứt về cách giới-thiệu câu chuyện giữa hai thí-dụ.

Nhưng nếu đây là những trường-hợp có thật mà Chúa Jêsus được biết, chắc hẳn Ngài muốn kể lại làm thí - dụ. Vì thế, ta sẽ xem đây là một câu chuyện thí dụ, dù có thật hay tưởng tượng cũng không quan-hệ gì.

Đề-tài Ngài muốn nói là gì ? Chúng ta chỉ cần xem-xét hình-ảnh Ngài dùng ở đây và từ đó, rút ra sự dạy-dỗ đặc-biệt.

Đọc chuyện này, chúng ta cần tránh hai điều. Chúng ta không được quyền bỏ sót một chi-tiết nào và cũng không được phép thêm vào một điểm nào. Đây là hai nguyên-tắc quan-trọng. Có người rất độc-đoán về vấn-đề thời-gian trong câu chuyện. Không có điểm nào bảo-đảm được vấn-đề đó. Đi từ bước với Chúa trong sự dạy-dỗ này, trước hết chúng ta chỉ đọc kỹ câu chuyện và đặt câu hỏi: Chúa Jêsus muốn nói gì ở đây ? Ngài không bao giờ kể chuyện mà không có mục-đích và mục-đích luôn luôn có thể tìm thấy trong phần bối-cảnh của câu chuyện. Trở về câu mười bốn chúng ta thấy : «Người Pha-ri-si li kẻ ham tiền tài, nghe mọi điều đó.» Điều gì ? Bài học Ngài vừa dạy đặc-biệt cho các môn-đồ, kết tinh trong mạng lịnh : «Hãy dùng của bất nghĩa mà kết bạn,» đề khi của ấy (của-cải) hết đi, họ (bạn-hữu) tiếp các người vào nhà đời đời. Và Ngài đưa ra một phương-châm tuyệt-điểm : «Các người không thể làm tôi Đức Chúa Trời lại làm tôi ma-môn nữa », và khi người Pha-ri-si nghe điều đó, vì họ là kẻ tham tiền, nên họ «chê cười Ngài,» nhạo-báng Ngài. Nguyên-văn Hi-lạp của chữ này không những chỉ có nghĩa là cười khinh-bi nhưng còn nói những lời thô-tục, chế-nhạo ý tưởng về tương-quan giữa của-cải vật-chất và tâm-linh. Do đó, đưa đến câu chuyện này, dù không trực-tiếp, vì trong những câu trước câu mười chín, Ngài đã lột trần động lực, lý do vì sao họ nhạo cười khi Ngài giải-thích về giá-trị hỗ-tương giữa của-cải vật-chất và thiêng-liêng, giữa ma-môn và lòng kính-sợ Đức Chúa Trời; và lý-do như

Ngài đã nói, ấy là họ sống theo lối nhìn của người đời, không theo quan-diêm của Đức Chúa Trời.

Tiếp theo, Ngài cho thấy lòng bất-trung của họ trong việc lớn và do đó, họ không nhận được tin-cậy trong việc nhỏ. Một lần nữa, có sự tương-phản giữa tâm-linh và vật-chất, giữa vinh-cửu và nhất-thời, giữa sự sống phong-phú trong vũ-trụ bao-la trái mọi thời-đại và mảnh đời nhỏ bé nghèo nàn bị giới-hạn trong cát bụi, trong vật-chất. Ngài bảo với họ, ai không trung-tín trong việc lớn cũng không trung-tín trong việc nhỏ và tương-quan giữa việc nhiều với việc ít, giữa tâm-linh với vật-chất là tương-quan giữa thời-gian với vinh-cửu; và như thế tức là tương-quan giữa tiền-bạc cùng của-cải với cuộc đời bên kia thế-giới. Đó là hoàn-cảnh của câu chuyện. Tiếp theo những lời nghiêm-trọng trên, Ngài phán : « Có một người giàu kia. »

Trong câu chuyện này chúng ta thấy Chúa đưa tay ra, vén bức màn ngăn cách giữa hiện-tại với ngày sau, và cho phép con người nhìn thấy không những chỉ cuộc đời bên kia, nhưng còn thấy mối tương-quan thân-mật giữa hiện tại và tương-lai, giữa ngày nay và ngày sau.

Bây giờ, chỉ chú-ý đến câu chuyện. Chúa Jêsus so-sánh giữa hai con người sống trên đất, trên hai mức-độ khác nhau. Một người giàu có, sống xa-hoa đài-các. Trên tiêu-chuẩn của thời-đại lúc bấy giờ, người nhà giàu này không có gì đáng chê-bai. Câu chuyện không nói với chúng ta là người ấy bần-tiện, dù người bần-tiện kinh-khủng, nhưng thói thường của kẻ chỉ sống chú trọng về vật-chất. Không một tòa-án nào kết tội người. Những gì chúng ta thường gọi là tội-lỗi đê-hèn không thấy chép ở đây. Không câu nào bảo là người sống sa-đọa, nhưng chúng ta biết người giàu-có. Điều đó không có gì đáng trách. Người mặc áo tía và áo bằng vải gai mịn. Đối với người Đông-phương, hình-ảnh đó gọi lên cảnh giàu sang của người, nói lên của-cải

dur-dật. Ngay khi tả người hành-khất ngồi nơi cửa, chứ pulon ở đây cũng có nghĩa là một cái cửa lộng-lầy, mỹ-thuật. Người sống trong giàu sang, hoa gấm. Dĩ nhiên, câu chia khóa ở đây là : " Hằng ngày ăn ở rất là sung-sướng. " Một bản khác dịch là : " Hằng ngày sống trong khoái-lạc và rục-rỡ. " Như thế có nghĩa gì ? Sống hào-hoa, trong cửa-cải dur-dật, mặc áo màu tía và vải gai mịn. Chúng ta biết là một áo vải gai mịn trị giá bằng số vàng nặng gấp sáu lần chiếc áo. Lời mô-tả ở đây cốt cho chúng thấy trên đời này, người không thiếu gì cả, được hưởng đầy-đủ và đặc-biệt sung-sướng vì có đủ mọi sự và có thể phò-trương cảnh sống sung-túc của mình. Chúng ta thấy người hành-khất nằm ngoài cửa đẹp của người, ao ước được ăn những mảnh bánh vụn từ trên bàn rớt xuống. Có thể thật sự như thế nhưng chắc-chắn người nhà giàu chẳng hay biết gì hoặc giả người có biết và khó chịu, người cũng chẳng lấy gì làm vẻ-vang. Khi chúng ta cho ăn mày những thứ chúng ta không cần, chẳng có gì đáng hãnh-diện, dầu sao cũng chỉ là thừa !

Còn hai người kia thì sao ? Không một bức tranh đối-khở hèn-hạ nào chua-chát hơn hoàn-cảnh của người, sống đói rách, thiếu mọi điều cần-thiết cho cuộc sống, thức ăn cho thân-thể cho đến nổi đầy những ghê. Chúng ta không được biết làm sao người tới cửa nhà này. Hoàn-cảnh xã-hội cũng không được nhắc đến ở đây. Nhưng hoàn-cảnh xã-hội vẫn giữ một vai-trò quan-trọng, nếu không thì người ta đã không lâm vào tình-trạng đó. Chúng ta không thể trách-cứ hoàn-cảnh và môi-trường, và không một hoàn-cảnh nào luôn luôn theo đuổi người này. Thật ra, cuối-cùng khi người qua đời, người được chứng-nhận là người kính-sợ Đức Chúa Trời và tin cậy Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham.

Nghèo-nàn, yếu-đuối, hèn-hạ đến nỗi loài chó bần-thiêu kia cũng thương-hại người, đến liếm vết thương họ. Chừa

có một hình-ảnh tương-phản nào đặc-biệt hơn bức-tranh hai nhân-vật này.

Nhưng đến đây chúng ta chưa chấm dứt câu chuyện và cả hai người cũng chưa xong. Một biến-cố đã xảy ra. Đó là gì ? « Người nghèo chết. » « Người giàu cũng chết. » Cả hai đều chết ; và cả cái gia-tài của người giàu cũng không đủ sức tống-khử tử-thần khi nó đã bước tới cửa đẹp. Người chết. Và người ăn mày cũng không thoát được cái chết đầu người có muốn đi nữa, số-phận cũng đã định rồi. Người chết. Đó là kết cuộc của mọi người, các người là người Pha-ri-si, kẻ thù thuế, tội-nhân, lời của Đấng Christ có thể phán. Sự chết xuất-hiện. Bây giờ chúng ta hãy vén màn lên, nhìn vào trong. Có gì khác không ? Có.

Ngài nói gì người nhà giàu lúc qua đời ? « Người được đem chôn. » Chúng ta tự hỏi : Người ăn mày có được chôn không ? Tôi không tin như thế. Một người ăn mày hạng đó, bần-cùng, cô-đơn, đầy ghẻ lở, thở hơi cuối-cùng trong cảnh nghèo đói, thời đó không được ai chôn cả. Trái lại những người đồ rác sẽ chuyền xác chết vô-danh, ô-uế, từ sáng sớm tinh-sương cho đến khi họ về đến nơi đồ rác với đồng lửa đang cháy và ném thầy ma vào đó. Đó là sự thật đương-thời và chính vì câu chuyện không cho biết người ăn mày được chôn, khiến chúng ta tưởng tượng đó là kết cuộc đời người. Người giàu được chôn cất, theo thường-lệ và không biết tổn-kém đến mực nào ! Tôi tin chắc thế nào đám tang cũng xứng-đáng với lối sống xa-hoa của người.

Thế đã hết chưa ? Chưa, chưa hết. Còn người ăn mày thế nào ? Ở nơi Âm-phủ người được « an-ủi. » Chúa chúng ta dùng một từ ngữ Do-thái, Âm-phủ, nơi ở của những người chết. Người nhà giàu ở Âm-phủ. Người ăn mày cũng thế, Cả hai đều ở Âm-phủ. Đó không phải là địa-ngục, nơi

đau-khổ. Người nhà giàu ở Âm-phủ, bị đau-đớn, còn người ăn mày ở Âm-phủ được an-ủi ; đó là nơi ở của kẻ chết, theo thần học của Do-thái, và chúng ta cũng tin như thế, nơi đây chia làm hai : một bên—dùng danh-từ địa-lý—thuộc các thần-linh kẻ ác, những thần linh vô luật-lệ, phản-loại, những kẻ đã quên và phản-ngịch Đức Chúa Trời. Một bên, những linh-hồn được đặt dưới bàn thờ, theo danh-từ Hy-bá-lai dùng trong Khải-huyền ; những linh-hồn đặt trong lòng Áp-ra-ham, những linh-hồn công nghĩa, khi còn sống trên đất biết tin-cậy Đức Chúa Trời, vâng phục Đức Chúa Trời và đi trong các nẻo của Giê-hô-va. Cả hai đều xuống Âm-phủ, nhưng kinh-nghiệm của họ khác hẳn nhau.

Người ăn mày được an-ủi. Đây là chữ quan-trọng, *parakaleo*. Người được kêu lại gần. Người nhà giàu bị đau-đớn, nghĩa là khổ-số, theo nguyên ngữ có nghĩa là tuyệt-vọng cùng-cực. Một người được đem đặt vào lòng Áp-ra-ham, gần Đức Chúa Trời, Đấng người phục-vụ. Người kia được chôn và bị trục-xuất, chìm đắm trong đau-khổ vì xao-lãng Đức Chúa Trời, Đó là bức-tranh.

Câu chuyện này nói với chúng ta điều gì ? Hãy để ý đến sự thật hiển-nhiên ở đây. Qua bức-tranh và câu-chuyện, Chúa chúng ta nhấn mạnh trước hết là sự hiện-hữu bên kia sự chết. Chết là chấm dứt mọi hoạt-động trên đất. Tuy nhiên bên kia cái chết, nhân-cách và ý-thức vẫn tồn-tại, dù là trường-hợp người giàu hay người ăn mày. Bên kia lần mức sự chết, cả hai vẫn chưa bị tiêu-diệt, vẫn còn ý-thức. Đó là lẽ thật lớn đầu-tiên trong câu chuyện.

Điềm tiếp theo là hoàn-cảnh sống bên kia, kết-quả của lối sống trên đất. Một người bỏ lại những của-cải mà vẫn tự hào khoe-khoang, phô-trương. Cả một cuộc sống rực-rỡ đã trôi qua. Áo màu tía và vải gai mịn bị bỏ lại chợ sấu mỗi, tại-

sản cho thân-quyển giành-giữt, nếu chúng ta tin rằng con người muôn thuở như một, và đó là sự thật. Người đi vào vịnh-cửu như một tên ăn xin, và tiền ăn xin bị lột-trần. Giữ lại ít, người đã đánh mất số lớn của-cải mà người chưa bao giờ sờ-hữu. Lúc đó, muốn tạo của-cải đã quá muộn. Còn người kia lúc chết, được lại gần cái gì phong-phú, gần cái gì thiêng-liêng, gần cái trường-cửu, gần lòng Đức Chúa Trời của luật-lệ, Đức Chúa Trời của tình yêu, lại gần thực tại, gần Đức Chúa Trời. Thực tại bên kia là kết quả nếp sống hiện-tại.

Còn một điểm nữa, và có lẽ là điểm đặc biệt hơn cả. Chúa Jêsus đã mô tả cuộc đàm-thoại giữa người giàu và Áp-ra-ham. Chúng ta nghe tiếng kêu nài nỉ khi người giàu nhắc đến anh em mình : « Nếu có kẻ chết sống lại đến cùng họ, thì họ sẽ ăn-năn.» Và Chúa chúng ta đã nhắc lại câu trả lời khác thường của Áp-ra-ham : « Nếu không nghe Môi-se và các đấng tiên-tri, thì đâu có ai từ kẻ chết sống lại, chúng nó cũng chẳng tin.»

Nói cách khác, sự sống không bao giờ chịu ảnh-hưởng của phép lạ, nếu không chịu ảnh-hưởng của đạo-đức. Điều đó có khó tin không ? Cũng như thế nếu La-xa-ro được sai trở về gặp họ, há anh em người chẳng ăn-năn sao ? Nhưng sự thật đã đi ngược và đã chứng-minh lời nói của Chúa Jêsus là chân-lý. Ít lâu sau, một người khác mang cùng một tên La-xa-ro được cứu sống khỏi mồ-mả. Mấy người đó có thái độ nào ? Họ tìm cách giết người, Cuối-cùng chính Chúa Jêsus cũng từ kẻ chết sống lại. Họ được ảnh-hưởng thế nào ? Không một giữa vòng kẻ sống trên đất được cứu trừ khi họ ăn-năn và quay trở lại. Họ đã xử tử Ngài, và khi Ngài từ kẻ chết sống lại, họ lại bận tâm tìm cách giết tất cả

những kẻ theo Ngài. Đây là một lẽ thật trọng-đại. Cảnh-trạng và phép-lạ sẽ không gây ảnh-hưởng gì trên đời sống con người nếu đạo-đức không kêu-gọi được họ.

XXx

41. ĐẦY-TỚ VÔ-ÍCH

Lu-ca 17 : 5-10

ĐỀ-TÀI của thí-dụ này là đầy-tớ vô-ích. Tuy nhiên, liên-quan chặt-chẽ với thí-dụ, Chúa chúng ta còn dùng một hình-ảnh khác đó là hột cải. Chú ý câu bảy, trong bản Anh-ngữ có chữ « nhưng » ở đầu câu. « Nhưng có ai trong các người. » Chữ « nhưng » nói lên mối liên-hệ đó và vì thế, thí-dụ phải được đề-cập cùng với hình-ảnh hột cải.

Vậy trước hết chúng ta tìm hiểu vấn-đề Chúa muốn nói; tiếp theo, quan-sát các hình-ảnh trong câu chuyện cuối-cùng rút ra bài học.

Khi dùng hình-ảnh hột-cải và thí-dụ về đầy-tớ vô-ích, Chúa chúng ta có ngụ-ý gì? Câu chuyện Chúa nói ở đây là để trả lời cho lời thỉnh-cầu của các sứ-đồ. Đó là lời yêu-cầu đặc-biệt của mười hai môn-đồ đã được Ngài lựa-chọn để ở với Ngài và sai đi giảng đạo; những người đã được Ngài huấn-luyện qua suốt chức-vụ của Ngài để đảm-nhận những trách-nhiệm trong tương-lai. « Các sứ-đồ thưa cùng Chúa rằng: Xin thêm đức-tin cho chúng tôi ». Đoạn tiếp theo là câu giải đáp cho lời yêu-cầu của họ, sau khi họ nghe Ngài dạy-dỗ. Ngay từ đầu đoạn mười bảy Ngài cho họ biết là không thể nào tránh được sự gây nên vấp-phạm, và đã nghiêm-trọng báo trước cho họ: « Khốn thay cho ai là kẻ làm ra sự ấy! Nếu ai gây cho chỉ một kẻ nhỏ này phạm tội, thì thà rằng buộc cối đá vào cổ nó mà quăng xuống biển còn hơn. Các người hãy giữ lấy mình. Nếu anh em người đã phạm tội, hãy quở-trách họ; và nếu họ ăn-năn, thì hãy tha-thứ. Dầu trong một ngày, họ phạm tội cùng người bảy lần, và bảy lần trở lại cùng người mà nói rằng: Tôi ăn-năn, thì hãy tha tội cho họ.

Các sứ-đồ thưa cùng Chúa rằng : « Xin thêm đức-tin cho chúng tôi. » Đây là lời yêu-cầu khôn-ngaoan vì họ ý-thức được tính cách cấp-bách, lớn-lao của mạng-linh Ngài lúc ấy và cảm biết bản-chất con người rất khó có thể vâng-phục những mạng-linh của Ngài. Họ cảm thấy mình chưa đạt đến mức-độ Ngài đòi hỏi. « Xin thêm đức-tin cho chúng tôi. » Tôi tưởng họ khôn-ngaoan ở chỗ là xin thêm, không phải tình yêu nhưng là đức-tin. Điều đó chứng tỏ họ nhận biết rằng họ chỉ có thể sống đúng như mức-độ Chúa đòi hỏi nhờ đức-tin, nhờ khả-năng nắm giữ cái vô-hình của linh-hồn nhân-loại. « Xin thêm đức-tin cho chúng tôi. » Đó là lời yêu-cầu lớn-lao.

Trên quan-điểm đó, bây giờ chúng ta hãy nghe Ngài trả lời họ. Chúng ta không thể phân-tách câu trả lời mà không nhận thấy Chúa đã biết rõ lý-do sự yếu-đuối của môn-đồ. Ngài đã biết, Ngài luôn luôn biết và luôn luôn đáp-ứng lời yêu-cầu của chúng ta, không phải chỉ trên bình-diện hời-hợt, nhưng là tận gốc rễ sâu xa. Đó là việc Ngài làm ở đây. Họ không cần phải có thêm đức-tin; họ không cần lượng nhưng cần phẩm. Ước gì họ có đức-tin bằng hạt cải. Ngài thấy rằng, phía sau lời yêu-cầu thêm đức-tin để giúp họ làm trọn những mạng-linh nghiêm-khắc của Ngài, đó là một hy-vọng chứng-tỏ nếu họ được năng-lực ấy, tức được thêm đức-tin, sẽ có một phần-thưởng theo sau, sẽ có một giá-trị, một điều lợi khi họ đạt đến mức-độ ấy. Ngài biết rõ như thế nên đã dùng hình-ảnh cùng thí-dụ này dựa trên những lý-do yếu-đuối của họ, để trả lời và đó là vấn-đề Ngài muốn nói. Đức-tin sai-lầm là kết-quả của những động-lực sai-lầm. Đức-tin đích thực đến từ những động-lực đích thật.

Chúng ta hãy xem hai hình-ảnh Ngài dùng ở đây. Trước hết, một hạt cải. Trong những câu chuyện thí-dụ của Chúa Jê-sus ở Ma-thi-ơ 13, Ngài cũng dùng cùng một hình-ảnh với ứng-dụng khác và mục-đích khác. Lúc ấy Ngài bảo hạt cải « thật nhỏ hơn cả các giống khác. » Bây giờ Ngài dùng vật

bé nhỏ ấy và bảo với các sứ-đồ là đức-tin họ phải giống như vậy. Nguyên-tắc ở đây là gì ? Trong hạt cải có gì ? Trong thí-dụ trước, Ngài bảo hạt cải nhỏ hơn các giống, mọc lên. Ở đây chúng ta đang đối diện với nguyên-tắc, đó là nguyên-tắc của sự sống. Ngài nhấn mạnh nguyên-tắc sự sống trong sự tăng-trưởng của nó, nó sẽ đem lại kết-quả.

Trong một tờ báo gần đây có một bức tranh đặc-biệt về một bức-tượng đã bị nứt làm đôi vì có một hạt giống rơi vào đó, nứt mầm, lớn lên, rễ đâm thẳng xuống đất, mỗi ngày càng mạnh hơn và cuối cùng đã tách đôi bức-tượng. Đó chỉ là một bức tranh lạ mắt, không có ứng-dụng gì. Thế nhưng có một câu chuyện khác rất vui-vẻ một ngôi mộ bằng đá hoa cương ở bên Ý của một người trước đã chôn giấu lòng tin và nhất là Cơ-đốc-giáo. Người dọn phải tấn cửa mộ bằng một tấm đá hoa cương thật nặng nhiều tấn đè xác người khỏi sống dậy nếu sau này có sống lại thật ! Người ta chôn người trong mộ và tấn bằng tấm đá hoa cương. Nhưng rồi một con chim bay ngang, nhả một hạt giống, chỉ một hạt sỏi, ngay trước khi họ dựng tấm bia. Đến một lúc, cây sỏi đã tách đôi tấm đá hoa cương ! Đó là câu chuyện. Chúng ta có thể rút ra ứng-dụng. Nguyên-tắc sự sống mạnh hơn mọi lực-lượng. Nguyên-tắc đó nằm trong hạt cải. Chúa chúng ta lấy đó làm vi-dụ cho một vấn-đề; một nguyên-tắc sự sống, có thể tăng-trưởng và bởi đó tạo nên sức mạnh, đưa đến những kết-quả bất ngờ hơn hết.

Rồi Ngài phán : « Nhưng có ai trong các ngươi » và tiếp theo là bức-tranh những người lao-động, hay có lẽ chúng ta nên gọi họ là những nông-dân, hay những gã chần-chiên làm phận-sự của họ. Đây là một bức-tranh Đông-phương. Chữ đầy-tớ ở đây là *doulos* trong tiếng Hy-lạp, nghĩa là nô-lệ. Thời xưa nô-lệ làm việc ngoài đồng, đến chiều tối họ vẫn những phận-sự khác khi đi cây hoặc chần-chiên về. Chúa Jê-sus nói : Há người chủ ruộng, bầy chiên, tôi mọi mời người làm

công cùng ngồi chung bàn ăn tối sao? Trái lại, há chẳng bảo họ tiếp-tục làm công-việc buổi tối và dọn cơm; và khi người ăn xong, họ mới được vào ăn sao? Tuy là một bức tranh đơn-sơ nhưng tất cả đều hiểu rõ-ràng. Rồi Ngài hỏi họ: Các ngươi có nói: Cám ơn chẳng? Phải chăng chúng ta ngạc-nhiên khi đọc câu này. Há chúng ta nghĩ rằng: Dĩ nhiên, phải nói Cám ơn chứ? Vâng đúng thế, chúng ta thường làm như vậy, nhưng thật ra không cần. Công-lý không có gì buộc chúng ta phải cám ơn ai giúp việc cho chúng ta vì bản phận bắt buộc người đó. Thường chúng ta vẫn nói: Cám ơn; nhưng điều đó không nhất thiết cần yếu. Đến đây Chúa Jê-sus nói thêm, các đây-tớ không ngồi xuống ăn ngay nhưng phải chờ đến khi làm xong phận sự. Chủ không cám ơn họ đã làm xong việc. Điều đó không cần-thiết. Nếu chúng ta muốn được cám ơn vì đã làm xong bản phận, tức là tấm lòng chúng ta không đặt vào bản-phận.

Nếu đem hai thí-dụ kể cùng một lúc thì thật là kỳ-dị, tuy-nhiên nó ăn-khớp với nhau. Nhưng bài học quan-trọng dạy gì? Hãy suy-nghi thí-dụ đầu-tiên về hột cải. Ở đây, đối-diện trước đòi hỏi lớn lao của Chúa Jê-sus, con người rất cảm-xúc vì nhận thấy mình yếu-đuối, nên thành-thật với Ngài: Xin thêm đức-tin cho chúng tôi. Lời cầu xin đó vẫn chưa chấm dứt. Ngày nay con người vẫn cầu xin thêm đức-tin. Đó là một ý-tưởng sai-lầm về vấn-đề chân-thật một thái-độ cảm biết mình yếu-đuối và biết giá-trị của đức-tin và xin thêm. Chúa phán: Các ngươi không cần thêm đức-tin nhưng cần một loại đức-tin khác. Đây không phải vấn-đề lượng, nhưng là phẩm.

Vậy, đức-tin là gì? Đức-tin là một thực-thể trong đó có nguyên-lý sự sống. Chúng ta có thể nêu ra ba điểm để định-nghĩa một đức-tin sống. Đức-tin sống, trước là lòng-tin có Đức Chúa Trời. Thứ hai là kinh-nghiệm tương-giao với Đức Chúa Trời. Do đó, thứ ba, đức-tin sống là tuyệt-

đổi vâng-phục ý muốn Đức Chúa Trời. Đức-tin nơi Đức Chúa Trời không phải chỉ là lòng tin nơi sự hiện-hữu của Ngài. Hàng ngàn người tin Đức Chúa Trời hiện-hữu nhưng họ không có đức-tin sống, không có đức-tin như hột cải, với nguyên-lý và sự sống và sức mạnh ở bên trong. Phải có lòng tin nơi Đức Chúa Trời, cũng phải có tương-giao với Ngài, để cho linh-hồn hướng về Ngài, trong đức-tin. Thế có nghĩa là — và đây là điểm tối quan-trọng — thuận-phục Ngài. Chúa Jê-sus nói với họ: Nếu các người có đức-tin như hột cải, các người khiến cây dâu này rằng: Hãy nhổ đi mà trồng dưới biển, thì nó sẽ vâng lời. Chắc-chắn lúc Ngài nói câu này, Ngài chỉ cây dâu mọc gần đó. Có một lần khác Ngài không dùng hình-ảnh cây dâu nhưng một vật khác lớn và vĩ-đại hơn nhiều — một ngọn núi. Dù là thân cây mọc trên đất gần đó hay là ngọn núi vượt cao hơn xứ Ga-li-lê, cả hai đều như nhau. Ngài phán, nếu chúng ta có đức-tin như hột cải, chúng ta bảo cây này: Hãy nhổ đi và trồng dưới biển; hay chúng ta nói với núi: Hãy dời đi và chôn xuống biển.

Chúng ta tự hỏi: Có thật như vậy không? Vâng, thật vậy, nếu chúng ta có đức tin với nguyên-lý sự sống. Tôi nhấn mạnh lẽ thật căn bản ấy là trước hết, lòng xác tín nơi Đức Chúa Trời; thứ hai, tương-giao với Đức Chúa Trời; và sau đó vâng phục Đức Chúa Trời. Chúng ta không thể bày-tỏ đức tin khi làm một việc mà chúng ta không biết ý-muốn của Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ không bao giờ bảo với cây dâu: Hãy nhổ đi và trồng dưới biển được, chỉ trừ khi chúng ta biết chắc Đức Chúa Trời muốn cây dâu ấy phải nhổ lên và trồng chỗ khác. Chúng ta sẽ không bao giờ được nói với ngọn núi: Hãy dời đi và chôn xuống biển, trừ khi chúng ta biết Đức Chúa Trời muốn núi ấy phải dời đi và quăng xuống biển.

Đó là điểm chúng ta thất-bại trong đức-tin và đó là lý-do chúng ta cứ xin thêm đức-tin vì tưởng nếu có thêm chúng

ta có thể làm trọn những điều đức-tin đòi hỏi. Nhưng không phải thế, điểm thiết-yếu chính là nguyên-lý sự sống, và đó là lòng tin nơi Đức Chúa Trời, tương-giao với Ngài, phục tùng Ngài.

Chúng ta hãy dựa vào đó để thử sự cầu - nguyện của chúng ta. Chúng ta bảo : Chúng ta đã cầu-nguyện, chúng ta tin Đức Chúa Trời, chúng ta tương-giao với Ngài ; và chúng ta muốn núi này, hiện đang ngăn lối đi, phải dời chỗ khác. Chúng ta muốn nó dời đi nhưng hình như chúng ta không có đức-tin. Đức Chúa Trời muốn nó dời đi không ? Có phải Ngài muốn cho cây dâu tươi tốt phải được nhổ lên để rồi chết héo dưới biển không ? Đó là vấn-đề quan-hệ. Mấy người này muốn có thêm đức tin. Ngài phán : Nếu các người có đức tin như hạt cải, với nguyên-lý sự sống bên trong, và nguyên-lý đó là luôn luôn tìm cách và hết lòng hành-động trong khuôn khổ ý-chí của Đức Chúa Trời.

Rồi Chúa nói tiếp : « Nhưng có ai trong các người. » Đến đây chúng ta dừng lại tự hỏi Ngài muốn nói gì. Chỉ có một lời giải-đáp. Chúng ta muốn có thêm đức-tin, các sứ-đồ trả lời thế và chúng ta cũng đồng ý. Tại sao chúng ta muốn có thêm đức-tin ? Chúng ta muốn một đức-tin có thể giúp chúng ta thực-hiện những gì không thể được. Giả sử chúng ta có thêm đức-tin ; lúc ấy tâm tánh, bản-chất và đời sống chúng ta sẽ ra sao ? Có một lúc những người này đã được sai đi và trở về vui-vẻ vì họ đã chiến-thắng. Vui-mừng trở về, họ thưa với Chúa Jêsus : « Ngay đến qui cũng vâng phục chúng tôi. » Ngài bảo họ : Đừng vui về điều đó. Đừng kiêu-hãnh về điều đó. Đừng hớn-hở vì qui vâng phục các người. Nhưng hãy vui vì các người là công dân của Nước Thiên đàng, nơi mà Sa-tan đã sa-ngã.

Chúng ta có nhìn thấy được mối hiểm-họa rất tế nhị ở

đây không ? Chúng ta tưởng, có thêm đức tin sẽ giúp chúng ta làm việc lớn, và đưa đến một nguy hiểm cho linh-hồn chúng ta ấy là sự thỏa-mãn và mong đợi người khác biết để khen thưởng chúng ta. Chúng ta thường hát :

‘ Không đòi ban thưởng

Chỉ phục vụ Ngài thôi ’

Chúng ta có thật lòng nói như thế không ?

Nhưng ở đây còn một điều khác rất hay. Hãy đọc thí-dụ tiếp theo rồi lùi lại một hai trang trước, để nghe Chúa Jê-sus nói. Ngài bảo với các đầy-tớ trung-tín : ‘ Phước cho những đầy-tớ ấy, khi chủ về thấy họ thức canh ! Quả thật, Ta nói cùng các ngươi, chủ sẽ thắt lưng mình, cho đầy-tớ ngồi bàn mình, và đến hầu việc họ. ’ Đó là điều Ngài cho họ biết, họ không có quyền mong đợi, nhưng Ngài hứa, Ngài sẽ làm điều đó. Trên đời này, chủ thường ăn trước tớ và không bao giờ cảm ơn đầy-tớ vì đó là bổn-phận của người đầy-tớ. Chúa Jê-sus nói : Đó là địa vị của các ngươi. Nhưng Ngài cho họ biết, chính Ngài, đến cuối cùng, sẽ cho đầy-tớ ngồi vào bàn và đến hầu việc họ.

Chúng ta phải nhớ đây là một hành-động hoàn-toàn do ân-diễn. Chúng ta không có quyền hợp-pháp đòi hỏi Ngài điều gì. Chúng ta không có quyền đòi một ban-thưởng nào cho nhiệm-vụ của mình. Vâng, Ngài sẽ cho chúng ta ngồi vào bàn, Ngài sẽ thắt lưng mình và hầu việc chúng ta ; nhưng dù lúc đó, sống trong nhà phước-hạnh bên kia thế-giới, khi chúng ta bước vào nơi mà lòng chúng ta hằng mong đợi, chúng ta cũng không bao giờ được phép quên rằng mọi sự chúng ta nhận được đều do ân-diễn Ngài, là Chúa và Chủ chúng ta. Chúng ta là đầy-tớ của Ngài. Chúng ta còn bỏ

phận phải trung-tín; nhưng không được nói: Chúng tôi đã làm xong mọi việc; chúng tôi sẽ được thưởng xứng đáng và sẽ bằng lòng nhận lấy. Thật ra chúng ta không có quyền mong-ước điều đó. Chúng ta sẽ có, nhưng chỉ do ân-điền Ngài.

xXx

42. QUAN AN KHÔNG CÔNG-BÌNH

Lu-ca 18 : 1-8

MỘT điềm rất hay ở đây — có lẽ không quan-trọng lắm — ấy là thí-dụ này và thí-dụ tiếp theo về người Pha-ri-si và kẻ thu-thuế, là hai thí-dụ duy-nhất của Chúa chúng ta được ghi lại với phần chú-thích lý-do trước khi kể thí-dụ. «Ngài phán cùng họ một thí-dụ, để tỏ ra rằng phải cầu-nguyện luôn, chớ hề mỗi-một.» Rồi câu chín : «Ngài lại phán thí-dụ này về kẻ cậy mình là : người công-bình và khinh-đề kẻ khác.» Đó là hai lời ghi-nhận lý-do vì sao có những thí-dụ này.

Cả hai thí-dụ đều nói về vấn-đề cầu-nguyện. Thí-dụ thứ nhất bày-tỏ thái-độ của Đức Chúa Trời đối với lời cầu-nguyện của con người. Thí-dụ thứ hai, thái-độ của người Pha-ri-si và thu-thuế, nói lên thái-độ của con người trong khi cầu-nguyện. Như thường lệ, trước hết chúng ta hãy tìm hiểu đề-tài ; tiếp theo, xem hình-ảnh Chúa dùng và từ đó rút ra bài học chính yếu áp-dụng lúc đó và cho mọi thời-đại.

Vấn-đề gì được nhắc đến ở đây ? «Ngài phán cùng họ một thí-dụ để tỏ ra rằng phải cầu-nguyện luôn, chớ hề mỗi-một. Đây không phải là lời tuyên-bố cho cả nhân-loại đặc-biệt cho do chính dân Ngài ứng-dụng.

Ngay trước đó Ngài nói gì ? Câu trả lời ở cuối đoạn mười bảy. Câu hai mươi hai chép : «Ngài lại phán cùng môn-đồ rằng : Sẽ có kỳ các người ước-ao thấy chỉ một ngày của Con người, mà không thấy được. Người ta sẽ nói cùng các người rằng : Ngài ở đây, hay là : Ngài ở đó ; nhưng đừng đi, đừng theo họ ; vì như chớp nhoáng lờ từ dưới từ phương trời này đến phương trời kia, thì Con người trong ngày Ngài cũng như vậy. Ngài cho họ biết tình-trạng ngày sau ; như

trong thời Nô-ê, người ta sống bình-thường, họ ăn, uống, cưới gả, như trong thời xứ Sô-dôm, trong thời của Lót, họ cũng ăn uống, buôn bán, trồng tía, xây cất. Cuộc sống thông thường trong thời Nô-ê và Lót là cuộc sống không có Đức Chúa Trời. Nhưng bỗng nhiên, Thượng-đế bước vào can-thiệp; trong ngày của Con người cũng sẽ như vậy. Ngài dạy cho môn-đồ Ngài về vấn-đề quan-trọng ấy, và cho họ biết, trong ngày đó, hai người nằm cùng một giường, sẽ có một người được đem đi và một người bị bỏ lại. Người được đem đi sẽ chịu phán xét. Người bị bỏ lại không bị phán xét. Rồi Ngài kết luận : “ Xác chết ở đâu, chim ó nhóm tại đó. Và Ngài phán cùng họ một thí-dụ để tỏ ra rằng phải cầu-nguyện luôn, chớ hề mỗi một. » Đó là bối-cảnh câu chuyện. Hoàn-cảnh thời-gian không được cho biết ở đây. Chúng ta không rõ là Chúa chúng ta có nói thí-dụ này ngay sau lời dạy ở đoạn trước không, nhưng chính Lu-ca đã ghi những thí-dụ này ngay sau lời dạy của Ngài về sự phán-xét sau cùng; khi Con người ngự đến. Dĩ nhiên điềm quan-trọng là ý-thức, vì trong tình-trạng sẽ đến, ngay lúc giờ phán xét, cuộc sống vẫn trôi chảy bình thường, ăn uống, cưới gả, mua bán, cả một sinh-hoạt thiếu Đức Chúa Trời cứ tiếp-diễn; vì có đó, cuộc sống đối với dân-sự Ngài phải luôn luôn khắt khe và tranh-đấu không ngừng.

Nếu tin-đồ Đấng Christ còn sống một cuộc đời dễ-dãi, còn thụ-hưởng, chúng ta là những tín-đồ vô giá-trị. Đời sống người tín-đồ phải luôn luôn sống đối diện với những lực-lượng vĩ-đại chống-đối chính mình, chống-đối Đấng Christ và nghịch thù với Đức Chúa Trời. Cuộc đời vẫn tiếp-diễn và sẽ tiếp-tục như thế. Trở lại dùng danh-từ của nhà tiên-tri xưa, chúng ta nói Đức Chúa Trời đang cai-trị. Ngài sẽ “ úp đồ, úp đồ, úp đồ, cho đến khi Đấng đáng được sẽ đến; ” và trong khoảng thời - gian chờ đợi đó, cuộc sống đầy cam - go và khe - khắt. Vì

cớ đó, môn-đồ Ngài phải cầu nguyện luôn, chớ mỗi một. Đó là đề-tài của thí-dụ.

Làm sao chúng ta có thể tiếp-tục sống khe-khắt và chiến-dấu giữa một xã-hội phóng túng không tiền khoáng hậu này ? Làm sao chúng ta có thể trung thành giữ lối sống ấy ? Chúng ta phải cầu-nguyện luôn và đừng mỗi một. Qua hai từ-ngữ đó, Chúa chúng ta nêu rõ hai trường-hợp có thể trong hoàn-cảnh đó : một là cầu-nguyện hai là mỗi một.

Suy nghĩ hơn một tí và xem hai ý-tưởng này như bổ-túc cho nhau : nếu cầu-nguyện, chúng ta không mỗi một ; nếu chúng ta mỗi một, ấy vì cớ chúng ta không cầu-nguyện. Đây là hai trường-hợp buộc phải chọn một : sống giữa hoàn-cảnh như thế, hoặc chúng ta cầu-nguyện hoặc chúng ta mệt-mỏi chúng ta mới hiểu rõ ý-nghĩa của mạng lệnh Ngài. Mạng lệnh của Ngài ấy là chúng ta phải cầu-nguyện, chớ mệt mỗi. Nói cách khác đề nhấn mạnh : Chúng ta không được mệt mỗi. Làm sao chúng ta tránh mệt mỗi ? Chúng ta phải cầu nguyện. Đó là chữ quan-trọng : « *họ phải.* » « Ngài phán cùng họ thí-dụ này để tỏ ra rằng *phải.* » Khi chúng ta nói « *phải,* » chúng ta ngụ ý một cái gì mình còn thiếu nợ, phải trả ngay và chúng ta có thể trả được. Các môn-đồ của Ngài sống giữa hoàn-cảnh đó cho đến ngày Ngài trở lại, họ mắc nợ Đức Chúa Trời, mắc nợ thế-gian mắc nợ chính mình một điều ấy là không bao giờ được thất bại, được mệt mỗi, phải cầu-nguyện luôn.

Chúng ta có thể dừng lại đây và nói nhiều hơn về vấn-đề này ; nhưng chúng ta hãy xem cách Chúa dùng thí-dụ đề nhấn mạnh bài học ở đây. Chỉ đề ý đến thí-dụ, chúng ta thấy bức tranh gì được Ngài phác họa ? « Trong thành kia có một quan án. » Chắc hẳn đây là một chuyện thật và có lẽ còn nhiều chuyện như thế nữa đã xảy ra. Chúng ta cũng đừng quên hoàn-cảnh thời-đại lúc Chúa nói thí-dụ này. Khắp vùng lúc ấy thuộc quyền quản-hạt của Hê-rốt. Thế

có nghĩa là chịu nhiều bất công, sai-lầm, áp bức tàn-nhẫn ; và chắc hẳn đây là hình-ảnh một quan án dưới quyền Hê-rốt, một người chủ-tọa một phiên tòa xét xử những vụ tranh-giành. Người đàn-bà ở đây đến xin quan xét lẽ công-bình, công-việc chính yếu của một quan tòa.

Chúa chúng ta cho biết tâm tánh của quan án qua mấy chữ : « Không kính sợ Đức Chúa Trời, không nề vị ai hết. » Có thể hiểu là người không vâng phục một sắc-luật nào cao hơn. Người không sùng đạo, không nhân đức. Nói cách khác, người khinh thường mười điều-răn, trên phương-diện đối với Đức Chúa Trời lẫn người đồng loại. Người không quan-tâm đến ai cả. Nói theo cách Chúa Jêsus, khi người ta hỏi Ngài điều-răn nào lớn hơn hết : thì đây là một người không để ý đến Đức Chúa Trời lẫn người lân cận. Người không yêu-mến kính sợ hoặc quan-tâm đến Đức Chúa Trời. Còn với đồng loại thì sao ? Không, người cũng chẳng để ý gì đến họ. Đó là hình-ảnh của quan-án trong bức họa của Chúa Jêsus.

Tiếp theo là hình ảnh, rất tầm thường, của một bà góa đi tìm công-lý. Chúng ta không được biết nguyên-nhân trong câu chuyện này. Bà ta bị xử tệ trong vấn-đề công-lý và bình đẳng. Bà có một đối phương. Chữ dùng ở đây rất hợp-pháp. Bà chỉ đòi hỏi công-lý. Bà mong ước một sửa đổi hợp-pháp. Đó là bức tranh về người đàn-bà. Bà đến gặp quan án nhiều lần. Kinh-Thánh chép « bà đến thưa quan. » Bà cứ đến mãi chỉ vì muốn thỏa-mãn về công-lý. Hãy xét lẽ công-bình trong vấn đề của tôi đối với kẻ thù nghịch. Bà yêu cầu kẻ bảo-vệ công-lý phải xử theo công-lý, không cần chi hơn.

Bây giờ chúng ta hãy quan-sát quan tòa. « Quan ấy từ chối đã lâu, » có nghĩa là một thời-gian vô hạn định. Nhưng bà lại đến và cứ đến mãi, cho đến khi quan tòa phải thực-hiện điều bà ta muốn, đó là xét lẽ công-bình cho bà trước kẻ nghịch cũng bà ta. Tại sao quan tòa làm điều đó ? Câu chuyện thật rõ-ràng. Trước hết, « người tự nghĩ, » Đôi khi chỉ vài

chữ đơn-sơ như thế, lại phơi bày những sự-khiến thú-vị và then chốt của vấn-đề. Hãy chú ý câu này : « Người tự nghĩ rằng : Dầu ta không kính sợ Đức Chúa Trời, không vì nề ai hết. » Người xác-nhận thái-độ chính mình. Ngay từ đầu Christ đã cho biết tâm tánh người như thế rồi. Bây giờ người tự nhận. Người tự nghĩ, chẳng ai có thể buộc người làm điều gì, vì người không kính sợ Đức Chúa Trời, cũng chẳng lưu-tâm gì đến bà góa này. Người không suy-nghĩ đến Đức Chúa Trời hoặc người đàn bà.

Vậy tại sao người hành-động ? Hãy nhìn người : « Vì đàn bà góa này khuấy rầy ta, ta sẽ xét lẽ công-bình cho nàng, để nàng không tới luôn làm nhưc đầu ta. » (theo tự nghĩa là « đánh bầm ta »). Người không cần biết gì về Đức Chúa Trời lẫn người đồng-loại. Người chỉ lo cho chính mình. Người không muốn bị khuấy rầy. Nếu bà này cứ đến mãi, ta sẽ điên đầu mất. Con người đáng thương ! Đây là một sự phát-lộ đáng ghê-sợ. Không sợ Đức Chúa Trời, không sợ người, nhưng sợ chính mình. Người thi-hành công-lý vì sự khuấy rối của người đàn-bà và vì sợ nếu cứ kéo dài mãi tình-trạng đó, người sẽ khó chịu hơn nữa.

Qua bức tranh này, Chúa muốn dạy môn-đồ Ngài điều gì ? Câu trả lời thông thường ấy là Ngài muốn dạy về sự khuấy rầy trong lời cầu-nguyện. Thật ra Ngài muốn dạy hoàn-toàn ngược lại. Có lẽ đó là điều sẽ bị phản đối bởi những người luôn nhấn mạnh ý tưởng gõ cửa và gõ cửa, cầu xin và cầu xin không ngừng. Đó cũng là một ý-kiến hay, nhưng ở đây Chúa không muốn bàn đến vấn-đề đó, Ngài muốn dạy một bài học hoàn toàn trái ngược. Thí-dụ muốn đưa ra một hình-ảnh tương-phản giữa quan án và Đức Chúa Trời, và do đó, tương-phản giữa hành-động của quan tòa với hành-động của Đức Chúa Trời.

Ai cũng đồng-ý có một điều tương-phản giữa quan tòa và Đức Chúa Trời, nhưng nhiều người không chắc lắm về

sự tương-phản giữa những hành-động của quan tòa với những hành-động của Đức Chúa Trời. Bản chất của quan tòa không phải là bản chất của Đức Chúa Trời. Bản chất của Đức Chúa Trời chẳng phải là bản chất của quan tòa. Quan tòa không biết gì về luật-lệ cao-siêu. Khi chỉ nghĩ đến bản thân, cuộc sống trở nên thấp hèn. Cái tôi sống cô-độc luôn luôn đầy những thú-tính. Người chẳng cần biết đến Đức Chúa Trời, đến đồng loại. Người không có ý-thức gì về Đức Chúa Trời và không đáp lại những qui-định cao-thượng. Nhưng Đức Chúa Trời hoàn toàn ngược lại. Đức Chúa Trời tự giới-hạn trong những điều luật mà con người không biết đến, trong giới hạn của chính mình Ngài của con người, và nhu-cầu của con người. Ngài bị hạn-chế trong những luật-lệ của chính Bản thể Ngài. Có những việc Ngài không thể làm được vì nghịch với lẽ thật, với bản chất công-nghĩa, thánh-khiết, công-lý, tình thương của Ngài ; và Đức Chúa Trời không thể bất công, không thể khác hơn là thánh, khiết: Đức Chúa Trời không thể không công-nghĩa, thiếu tình thương. Ngài bị giới hạn trong những luật-lệ của Bản thể Ngài. Chúng ta thấy rõ hình-ảnh tương-phản giữa quan tòa và chính mình Ngài.

Ngài cũng tự giới hạn trong những luật-lệ của nhu cầu nhân-loại. Điều đó không cần phải nói nhiều. Một bản thánh ca chép :

« Ngài đã yêu tôi, Ngài đã yêu tôi

Tôi không thể giải-thích vì sao.»

Tôi biết tại sao rồi ! Vì Ngài không thể cư-xử khác hơn bản-chất Thượng-Đế của Ngài ; và trong lịch-sử nhân-loại, từ luật-lệ của Ngài cho đến tất cả mọi sự đều được qui-định trong thái-độ Ngài hạ mình cúi xuống để tìm cách phục-vụ nhân-loại. Ngài chú-ý đến con người, và Ngài tự buộc mình trong giới-hạn nhu-cầu và lợi ích của con người.

Nhưng đến đây, chúng ta hãy đề-ý điểm khác biệt. Đặc

điềm tương-phản lớn-lao vẫn là sự công bình giữa hành-động của quan-tòa và của Đức Chúa Trời cũng như giữa cá-tánh của quan-tòa và của Đức Chúa Trời. Hãy xem quan-tòa : lãnh-đạm, tri-hoãn một thời-gian, nhưng khi hành-động, mục-dích chỉ là để thoát khỏi sự bực-bội, khuấy-rầy chính mình. Bây giờ hãy xem Đức Chúa Trời và chú-ý lời Chúa tuyên-bố về Ngài. Đức Chúa Trời sẽ xét lẽ công-bình cho kẻ Ngài chọn-lựa, đêm ngày kêu xin Ngài. Thế không có nghĩa con người phải rên rỉ suốt đời, nhưng là lời cầu-nguyện của con người phải liên-tục qua các thời-đại. Ngài đã nhẫn-nại đối với con người và Ngài sẽ vội vàng đến cứu họ. Quan-tòa tri hoãn, lãnh-đạm và không chịu làm gì cho đến khi buộc lòng phải hành-động vì không muốn lo ngại. Chính sự-kiện này mặc-khải cho chúng ta được biết thêm về Đức Chúa Trời. Mặc-khải này được ghi trong Cựu-ước và Tân-ước và nhất là trong Jê-sus-Christ ; ấy là Đức Chúa Trời phải trả giá về hành-động của Ngài để bảo-đảm công-lý cho những kẻ đang cần. Hành-động của nhân-vật trong thí-dụ chỉ là để trốn tránh sự bực dọc. Còn hành-động của Đức Chúa Trời được thúc đẩy bởi ý-muốn bằng lòng gánh chịu tất cả thay cho nhân-loại, vì « Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ, giải hòa. »

Vì thế Christ phán : Chúng ta phải cầu-nguyện luôn, và khi cầu-nguyện, chúng ta không cần phải nói mãi như thế Đức Chúa Trời không muốn nghe chúng ta. Ngài luôn luôn lắng nghe. Chúng ta không cần phải nói mãi, dường như Ngài không sẵn lòng đáp-ứng. Ngài không bao giờ hành-động miễn-cưỡng. Chúng ta không cần phải thuyết-phục.

Cuối-cùng, chúng ta hãy đặc-biệt chú-ý chữ luôn,» «cầu-nguyện luôn.» Không cần nói nhiều, không cần thốt ra lời nào cả nhưng chỉ cần thái-độ sống : «cầu-nguyện luôn.» Đặc-điểm của sự sống ấy là hướng tới trước, tiến lên. Đó là ý-nghĩa của chữ «cầu-nguyện.» Lời nguyện-cầu hướng tới

trước, một đời sống bằng lòng với ý muốn của Đức Chúa Trời và bất-mãn với những gì chống-ngịch ý muốn ấy, đó là cầu-nguyện. Chúng ta phải luôn luôn cầu-nguyện. Nếu chúng ta sống và cầu-nguyện như thế, chúng ta sẽ không mỗi-một. Chúa không hề mỗi-một, cũng không sờn-ngã ; và những ai tin-cậy Ngài đều được nâng-đỡ giữa những hoàn-cảnh cam-go, rối-loạn và không bị mệt-mỏi. Chú-ý lời kết-luận của Ngài : «Song khi Con người đến, há sẽ thấy đức-tin trên mặt đất chẳng ? «Câu cuối-cùng đó lập lại những gì Ngài đã nói với môn-đồ trong cuối đoạn trước. Đó là vấn-đề ngày trở lại của Con người. Ngài cho họ biết khi Ngài đến, mọi sự sẽ không có gì thay đổi, khi Ngài đến để phán-xét, Ngài sẽ can-thiệp vào những đời sống loại bỏ Đức Chúa Trời. Bây giờ Ngài trở lại vấn-đề ấy. «Song khi Con người đến, há sẽ thấy đức tin trên mặt đất chẳng ?» Thế không có nghĩa là Ngài không tìm thấy đức-tin nhưng không thấy một đức-tin vững-chắc, đặc-thắng. Như thế hợp với lời dạy rằng thời-đại này sẽ không chấm-dứt với một đức-tin chiến-thắng hoàn-toàn trên cả trái đất nhưng sẽ chấm-dứt với sự xuất-hiện của Con người ; và từ đây đến lúc đó, con người phải cầu-nguyện luôn, chớ hề mỗi-một : và họ có thể làm điều đó vì Đức Chúa Trời là Đấng thành-tín.

43. NGƯỜI PHA-RI-SI VÀ NGƯỜI THẦU THUẾ

Lu-ca 18 : 9-14

ĐẤY là một trong những thí-dụ được tra-chuộng và nổi tiếng nhất của Chúa Jêsus. Điểm thú vị là tất cả những thí-dụ của Chúa ăn sâu trong tâm hồn con người nhiều hơn cả đều được chép trong Tin-Lành Lu-ca, nhà ký-sự của « Con Người thứ hai » của Đức Chúa Trời và là A-đam cuối-cùng. Lu-ca, một văn gia Hi-lạp phác-họa Chúa Jêsus trong nhân tánh toàn-hảo của Ngài. Có lẽ đó là điểm khiến cho một số thí-dụ đi sâu vào tâm hồn nhân-loại.

Xem kỹ câu chuyện này, chúng ta thấy đây thật là lời phán của Chúa, sâu sắc và bén nhọn, đâm thấu tâm-can. Đó cũng là một câu chuyện phơi bày sự thật và đầy an-ủi. Như thí-dụ trước, câu chuyện này bàn về vấn-đề cầu-nguyện. Trong thí-dụ trước, chúng ta được biết Đức Chúa Trời qua sự cầu-nguyện : bản chất và cách cư-xử của Ngài ngược hẳn với quan án bất công nọ. Trong thí-dụ này, chúng ta biết được bản-chất con người trong thái-độ, hay là sinh-hoạt cầu-nguyện của họ trước mặt Đức Chúa Trời.

Chúng ta sẽ suy nghĩ trước hết, đề tài, sau đến hình-ảnh và cuối-cùng, bài học ứng-dụng.

Đề tài ở đây được nói rõ trong câu mở đầu thí-dụ : « Ngài lại phán thí-dụ này về kẻ cậy mình là người công-bình và khinh-đề kẻ khác. » Chúng ta thấy ngay lý-do Ngài kể thí-dụ này. Ngài nói đến một thái-độ cá-nhân tương-đối và riêng biệt. Thái-độ cá-nhân ấy được mô-tả trong câu « Kẻ cậy mình là người công-bình. » Câu này nói lên tình-trạng của người Pha-ri-si và những kẻ nhập bọn với họ. Họ tin vào công-nghĩa nhưng quan-niệm về công-nghĩa của

họ rất thấp kém. Trong Bài-Giảng trên Núi, Chúa Jê-sus phán : « Nếu sự công-bình của các người chẳng trời hơn sự công-bình của các thầy thông-giáo và người dòng Pha-ri-si, thì các người chắc không vào Nước Thiên-đàng. » Tôi không rõ phần lớn bọn họ có thể nói như Phao-lô trong phần tự thuật ở thư Phi-líp hay không. Sau ba mươi năm kết bạn với Christ, nhìn lại quãng đời quá-khứ, ông nói, chính ông là « người Hy-bá-lai, con của người Hy-bá-lai ; về luật-pháp thì thuộc phe Pha-ri-si ; về lòng sốt-sắng thì là kẻ bắt bớ Hội-thánh ; còn như về sự công-bình của luật-pháp thì không chỗ trách được. » Có lẽ người trong thí-dụ đây cũng giống như thế. Chúng ta không biết rõ về người, nhưng biết là sự công-bình của người gồm tóm trong việc giữ một số luật-lệ, giải-thích luật-pháp ; nhất là ở thời-đại người ta quý trọng cò-tục hơn luật-pháp về phương-diện áp-dụng sống-động. Chúa chúng ta hiểu rõ thái-độ đó khi Ngài kể thí-dụ này. Họ cậy mình là người công-bình.

Và thái-độ tương-đối của họ là : « Khinh-dễ kẻ khác » Thái-độ lên án cho mọi người khác mà không cho rằng chính mình là không xứng-dáng. Những kẻ Chúa Jê-sus đang suy-nghi đến là những kẻ cậy mình là người công-bình và xem mọi người khác không đáng kể, chỉ là những số không. Đó là thái-độ được lập lại nhiều lần trong các sách Tin-Lành. Một lần nọ, có người trong bọn họ đã nói chuyện với đám đông như chủi-rửa thiên-hạ là những kẻ không biết luật-pháp. Đó là một thái-độ sống, tự cậy mình, tin mình là công-bình đồng thời coi kẻ khác không ra gì.

Trong câu chín, Lu-ca nói rõ thái-độ Chúa đang nghi đến. Những con người với thái-độ cá-nhân và tương-đối này bị đem ra ánh sáng của Đức Chúa Trời. Có hai người đang ở trong Đền-thờ và mọi người đang nhìn họ. Cả đám đông đều thấy hai người và suy-nghi về họ. Chúa Jê-sus đứng đó, im lặng, và nói : Hãy nhìn hai người kia. Hãy nhìn một

người, nhìn thái-độ của người nghĩ về chính mình và kẻ khác ; và xem thử Đức Chúa Trời nghĩ gì về họ, người Pha-ri-si lẫn kẻ bị khinh-bĩ.

Bây giờ chúng ta hãy chú-ý đến bức-tranh ở đây. Chúng ta đang đối-diện với những sự vật rất quen-thuộc. Chúa Jê-sus vẽ bức-tranh hai người ở trong đền-thờ. « Có hai người lên Đền-thờ cầu-nguyện. » Cả hai đều vào đền-thờ và cả hai đều cầu-nguyện. Ngay tại đây câu chuyện phơi bày một sự thật. Nói về Đền-thờ, Ê-sai gọi đó là « Núi thánh của tôi, » « Nhà cầu-nguyện của tôi » ; và trong khoảng đời chức-vụ, Chúa Jê-sus cũng ám chỉ đền-thờ bằng cách trích-dẫn lời nói của Ê-sai : « Có lời chép rằng : Nhà ta sẽ được gọi là nhà cầu-nguyện. » Hai người cùng đến đúng chỗ đã chỉ định, nhà cầu-nguyện, với ý-nghĩa thật của nó. Hãy xem hai người này và chú-ý đến sự họ giống nhau. Cả hai đến Đền-thờ, nhận biết đó là nhà của Đức Chúa Trời, nơi được biệt riêng và chỉ định làm chỗ thờ-phượng, và họ đến đó để cầu-nguyện.

Đến đây, chúng ta thấy điểm khác biệt. Điểm thứ nhất ở người Pha-ri-si là gì ? Người « cầu-nguyện thăm như vậy. » Vâng người bắt đầu nói chuyện với Đức Chúa Trời. Người gọi Danh hiệu ấy ngay khi mở đầu lời cầu-nguyện. « Người Pha-ri-si đứng cầu-nguyện thăm như vậy. » Đó là điểm quan-trọng. Người biết Đức Chúa Trời. Đó là nhà cầu-nguyện, và người biết đó là nơi người ta đến trò chuyện với Đức Chúa Trời, cho nên người ta nhìn nhận Đức Chúa Trời để mở đầu lời cầu-nguyện.

Hơn nữa, Lu-ca còn cho chúng ta biết rằng, người « đứng cầu-nguyện. » Sau đó chúng ta thấy : « Người thấu thuê đứng xa xa. » Cả hai đều đứng nhưng cách đứng khác nhau. Chữ Lu-ca dùng mô-tả cách đứng của người Pha-ri-si là thái-độ của người đứng thẳng có vẻ tự mãn. Còn người

kia đứng, chỉ là cách đứng như thói quen khi cầu-nguyện. Dầu sao mỗi người hoàn-toàn khác nhau trong cách đứng của họ ! Một người qua cách đứng phách lối, cảm hất lên trời, biểu-lộ rất nhiều tâm-tánh chính mình. Người có thể đứng cúi đầu xuống nhưng cũng dật thành một câu chuyện quan-trọng. Dầu cùng một hành-động đứng nhưng biểu-lộ hai thái-độ khác nhau.

Người này cầu-nguyện thầm. Thế có nghĩa là gì ? Người có đứng một mình không ? Chưa chắc, vì đó là giờ thờ-phượng và cầu-nguyện ; thế nhưng sự thật người đứng một mình. Người cầu-nguyện, biệt lập hẳn mọi người khác. Ngài biết rõ người này, — và thói quen của người khiến người rút lui, có lẽ tìm cách càng đến gần bàn thờ thánh càng hay, và cố-gắng tránh xa ngay cả trên phương-diện vật-chất, tránh cho áo mình khỏi đụng đến đám dân ti-tiện kia. Người «cầu-nguyện thầm.» Nhưng hình như có một điểm người không nhận thấy ấy là khi cầu-nguyện thầm, người bị cách biệt không những với kẻ khác nhưng cũng với Đức Chúa Trời nữa ; và vì thế, lời cầu-nguyện của người không thể vượt khỏi mái Đền đẹp-đẽ kia, có lẽ cũng chưa đụng đến mái nữa ! Người đi trong vòng lần-quần. Người là cả trung-tâm lẫn chu-vi của vòng tròn ấy. Người cầu-nguyện thầm.

Rồi người nhận biết có Thượng-Đế, đến gần Ngài bằng cách gọi tên : Lạy Đức Chúa Trời. Quan-niệm của người về Đức Chúa Trời bày-tỏ qua lời cầu-nguyện : « Lạy Đức Chúa Trời, tôi tạ ơn Ngài, vì tôi không phải như người khác. » Tôi không phải là kẻ cướp đoạt. Tôi không làm điều bất-công. Tôi không phạm-tội tà-dâm. Tôi cũng không phải ' như người thu-thuế này. » Qua lời cầu-nguyện, chú g ta có thể đọc được mọi lời khinh-bĩ chất chứa trong lòng đối với con người. Người nói với Đức Chúa Trời là người đã kiêng-cử mọi tội-lỗi tâm-thường.

Thế đã xong chưa ? Ồ, chưa. « Tôi kiêng ăn một tuần-lễ hai lần. » Đó là một việc làm phụ thêm. Luật-pháp không đòi hỏi nhưng người đã giữ truyền-thống giải-thích luật-pháp kỹ-lưỡng hơn hết. « Tôi nộp một phần mười về mọi món lợi của tôi. » Mọi món lợi của tôi, và đề ra một phần mười những gì tôi thu-nhận được trong công-việc làm ăn của tôi. Người này nói chuyện với Đức Chúa Trời. Người gọi Đức Chúa Trời đề mở đầu và cho Ngài biết rằng người đã kiêng-cữ một số tội-lỗi thô-tục, đã cần-thận giữ vài lễ-nghi và giáo điều.

Tại sao người nói với Đức Chúa Trời như thế ? Hiên nhiên đó là quan-niệm của người về Đức Chúa Trời. Người hẳn sẽ không viết ra những gì trong ý thức sâu-thẳm của người. Người này cho Đức Chúa Trời là Đấng thỏa-mãn với những gì tầm-thường, như là kiêng-cữ tội-lỗi thô-tục, giữ vài luật-lệ và lễ-nghi tôn-giáo. Xa hơn một chút, người nghĩ rằng Đức Chúa Trời lệ-thuộc vào người, vì có những điều này. Người đi cầu-nguyện, nhưng cầu-nguyện tầm. Người gọi danh hiệu Đức Chúa Trời đề kéo Ngài vào cái vòng ích-kỷ của người và hạ thấp Ngài qua những lời cầu-nguyện.

Bây giờ hãy nhìn người thu-thuế. Chúa Jêsus kể chuyện người thu thuế đề có một hình-ảnh đối-chiếu rõ-ràng và sắc bén với bức-tranh của người Pha-ri-si. Ngài kể thí-dụ này cho kẻ cậy mình là người công-bình, như người Pha-ri-si, rồi khinh-dễ kẻ khác. Ngài có thể không nhìn cảnh-tượng ấy nữa, nhưng không. Ngài chú-ý đến người kia, tức người thu-thuế, đứng xa xa, thái-độ khác hẳn người Pha-ri-si. Chắc hẳn người Pha-ri-si cố lại gần đền-thờ. Còn người này có lẽ chỉ đứng trong đền-thờ, nơi thánh. Người đã rón-rén vào đến nơi, nhưng đứng xa chỗ hiện-diện của Đấng Thánh. Người « không dám ngước mắt lên trời. » Mắt nhìn xuống, tay đấm ngực — một hành-động xưng tội — người nói : « Lạy Đức Chúa Trời » — cùng một danh-từ người kia đã dùng; nhưng lời cầu-nguyện của

người không xoay quanh cái tôi. Còn lời cầu-nguyện của người kia đầy-đầy những chữ : « Tôi... Tôi... Tôi... Tôi... Tôi ! » Nhưng người này không đề chữ « Tôi », làm vai chủ-từ như thế, mà là vai túc-từ : « Lạy Đức Chúa Trời, xin thương xót lấy tôi. » Với chín chữ, người tạo một vòng tròn bao quanh hai nhân vật. Những nhân-vật nào ? Đức Chúa Trời và chính người : « Đức Chúa Trời », « tôi. » Vòng tròn có vẻ nhỏ hẹp, nhưng bên trong là một kẻ có tội và cả không-gian mênh-mông của vinh-cửu, vì lời kêu xin người rất thành-thật. Chúng ta nhớ lại lời của nhà tiên-tri xưa, trong lời giải-thích về Đức Chúa Trời, Ngài đã nói với người : « Đấng cao cả ở nơi đời đời vô cùng, danh Ngài là Thánh, có phần như vậy : Ta ngự trong nơi cao và thánh, với người có lòng ăn-năn đau-đớn và khiêm-nhường. Đây là kẻ mà Ta đoái đến : tức là kẻ nghèo khó, có lòng ăn-năn đau-đớn, nghe nói Lời Ta mà run. » Đó là quan-niệm của tiên-tri về Đức Chúa Trời. « Lạy Đức Chúa Trời xin thương-xót lấy tôi, vì tôi là kẻ có tội ! »

Người quan-niệm Đức Chúa Trời như thế nào ? Ngài là thánh, Đấng mà tội nhân muốn gặp mặt cần phải được chuộc tội trước, vì chính người đã cầu-xin : Xin thương xót tôi. Quan-niệm về Đức Chúa Trời đầy thương-xót, là Đấng tội nhân có thể đến gặp được.

Hai quan-niệm về Đức Chúa Trời. Cùng danh-hiệu, Đức Chúa Trời; dù chúng ta cùng gọi Đức Chúa Trời; nhưng có thể ngụ-ý khác nhau : ngay cả chúng ta cùng nói Jê-sus, nhưng quan-niệm trái ngược nhau. Đức Chúa Trời của người Pha-ri-si là Đấng thỏa-mãn với những cái tầm thường và trên vài phương-diện, có bần-phận đối với một người khi người đó thoát được những tội-lỗi thô-tục và giữ vài luật-lệ, hình-thức, giáo điều. Quan-niệm khác về Đức Chúa Trời tin Ngài là Đấng thánh, kẻ tội-nhân đến gặp Ngài cần được thương xót ; nhưng Đấng tội-nhân có thể gặp được,

với đôi mắt cúi xuống, tay dấm ngực và miệng thốt ra lời cầu-xin sự thương-xót. Đó là bức-tranh của thí-dụ, thật đáng chú-ý.

Bài học ở đây đã quá rõ-ràng. Khi kể xong thí-dụ, Ngài chưa chấm dứt hẳn. Ngài còn muốn nói thêm. Ngài phải đoán-xét, cân-nhắc giá-trị, phán-quyết một lời. «Ta nói cùng các ngươi». Đó là công-thức nói lên thẩm quyền của Ngài. Đó tiếng nói của Đức Chúa Trời dò xét. Vâng, Đức Chúa Trời đã dò xét và lắng nghe người Pha-ri-si cũng như người thu-thuế, và bây giờ Chúa Jê-sus cho chúng ta biết kết-quả. Ngài phán: «Người này trở về nhà mình được xưng công-bình hơn người kia.» Đó là lời định-đoạt giá-trị, là lời phán xét, là lời tuyên án về người thu thuế. Điều thú-vị là có vài nhà luận-giải hơi đau lòng bảo rằng Chúa Jê-sus lúc ấy không muốn nói được xưng công-bình theo nghĩa như ngày nay chúng ta hiểu. Tôi công-nhận người thời đó không hiểu rõ hết ý-nghĩa của chữ đó; nhưng Ngài hiểu rõ. Ý-nghĩa chữ đó hoàn-toàn giống trong Tân-ước. «Vậy chúng ta đã được xưng công-bình bởi đức-tin, thì được hòa-thuận với Đức Chúa Trời, bởi Đức Chúa Jê-sus-Christ chúng ta, là Đấng đã làm cho chúng ta cậy đức tin vào trong ơn này là ơn chúng ta hiện đương đứng vững.» Chỉ một chữ, nhưng được Chúa Jê-sus dùng với đúng ý-nghĩa; người này trở về nhà được xưng công-bình. Tôi nghĩ ngày hôm sau người này cũng đến Đền thờ lại, nhưng không đến cùng một cách như hôm trước. Lần đầu, người đến lòng nặng-nề tội-lỗi, nhận biết mình cần được thương-xót trước sự hiện-diện với Đức Chúa Trời thánh-khiết. Khi người trở về, lời cầu-nguyện được nhậm; và tại một nơi nào đó, có lẽ ở nhà, lòng tin tưởng chiếm trọn lấy người và tôi có thể tưởng-tượng ngày hôm sau người trở lại với cùng một thái-độ, cùng một cách đứng. Không phút vênh-vang, phách-lối, nhưng hôm ấy, người ngước mắt lên trời. Không còn dấm ngực, nhưng có

lẽ thay vào đó, âm-thanh Ha-lê-lú-gia êm-dịu trời lên — được xưng công-bình!

Còn người Pha-ri-si kia thì sao? Chúng ta không còn gì để nói. Người bị bỏ rơi. Người thu-thuế về nhà được xưng công-bình hơn người kia. Đó là tất cả những gì chúng ta biết về người. Chắc hẳn hôm sau người Pha-ri-si cũng có mặt ở đó, nhưng bị bỏ lại « một mình. »

Chúa chúng ta dồn hết tầm quan-trọng vào câu cuối của thí-dụ: « Ta nói cùng các ngươi... ai tự nhắc mình lên sẽ phải hạ xuống; ai tự hạ mình xuống sẽ được nhắc lên. » Chúng ta đứng tại đâu mỗi khi đến nhà Đức Chúa Trời để cầu-nguyện? Tôi không thể trả lời cho bạn. Bạn biết điều đó!

44. NHỮNG NỀN BẠC

Lu-ca 19 : 11-28

CÁU mở đầu đoạn này xác-định trường-hợp kè thí-dụ này. « Họ nghe những lời ấy; thì Đức Chúa Jêsus thêm một thí-dụ nữa, vì Ngài gần đến thành Giê-ru-sa-lem, và người ta tưởng rằng Nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay.» Phần nhập đề ấy không những chỉ giới-thiệu hoàn-cảnh của thí-dụ, nhưng còn cho biết mục-dịch của Chúa khi Ngài nói thí-dụ này.

Lu-ca nói: « Họ nghe những lời ấy.» Lời nào? Lu-ca tiếp tục kể. Chúa Jêsus và môn-đồ Ngài ở thành Giê-ri-cô, và họ đã nghe câu chuyện về Xa-chê và thê nào Chúa Jêsus đã tự mời Ngài vào nhà Xa-chê. Họ đã thấy Ngài bước vào, và chờ đợi trong khi Ngài ở trong nhà ấy. Họ chờ bao lâu, chúng ta không biết được. Họ thấy Xa-chê từ phòng khách đi ra với Chúa Jêsus, nghe Xa-chê tuyên-bố kết-quả cuộc nói chuyện khi người bảo sẽ chia gia-tài cho người nghèo và đền gấp tư những gì người đã làm thiệt-hại kẻ khác. Rồi họ nghe Chúa Jêsus nói: « Hôm nay sự cứu đã vào nhà này... Bởi Con người đã đến tìm và cứu kẻ bị mất.» Họ nghe những lời ấy, Rồi Ngài nói tiếp, kè thêm một thí-dụ nữa. Đó là những lời Ngài đã nói, nhất là câu cuối cùng: « Con người đã đến để tìm và cứu kẻ bị mất.»

Lu-ca cho chúng ta biết lý-do có thí-dụ này. Ngài đến gần Giê-ru-sa-lem. Đây là giai-đoạn chót của chức-vụ Ngài. « Ngài quyết-định đi đến thành Giê-ru-sa-lem.» Lúc ấy Ngài đang đến gần thành của Vua lớn, như Ngài vẫn gọi, đến gần trung-tâm mạch sống quốc-gia, và đến gần những biến-cố sẽ phải xảy đến trong cuộc đời Ngài mà Ngài đã từng nhắc đi

nhắc lại mãi với môn-đồ từ khi rời Sê-sa-rê Phi-líp. Dĩ-nhiên các môn-đồ có cảm-tưởng chắc chắn sẽ có một biến-cố quan-trọng xảy ra vì Ngài đã đến gần Giê-ru-sa-lem và họ mong Nước Đức Chúa Trời được thực-hiện ngay, cho nên Ngài kể thí-dụ này.

Vậy đề-tài ở đây là gì? Cả câu mười một nếu lý-do của thí-dụ. « Ngài gần đến thành Giê-ru-sa-lem, » và lúc đó gần ngày Lễ Vượt-qua. Dân chúng kéo đến Giê-ru-sa-lem đông hơn lúc nào hết. Josephus cho chúng ta biết ngoài dân số thường ngày đến đó, có thêm hai triệu người nữa. Chúa Jê-sus đang lên thành đó và họ tưởng Nước Đức Chúa Trời sẽ xuất-hiện lập tức. Nghi vấn đặt ra ấy là chữ « họ » ở đây ám chỉ môn-đồ hay đoàn dân? Tôi nghi có lẽ ám chỉ cả hai. Đây là những ngày cuối cùng của Chúa chúng ta nên đâu đâu người ta cũng nóng lòng mong đợi. Có những đám người thân-mật nhưng cũng có những kẻ chống-đối. Tuy-nhiên cảm-tưởng chung là sẽ có một biến-động nay mai. Chúa Jê-sus đã từng lên xuống trong xứ họ, tại Giu-đê và Ga-li-lê; và trong một thời-gian khá lâu gần sáu tháng tại Parxa, Ngài đây đó giảng về Nước Đức Chúa Trời; và ai nấy đều cảm biết đã đến lúc phải có một cái gì xảy ra. Họ tưởng gì? Họ nghi gì? Lu-ca nói, họ « tưởng. » Chúng ta thử giải-thích chữ này bằng một câu khác. Đối với họ, được nhìn thấy những dấu-hiệu thời-dại, quan-sát chức-vụ Ngài, nghe Ngài giảng, thấy rằng Ngài sẽ xuất-hiện giữa đoàn dân; và bởi đám đông tụ họp quanh Ngài, họ có cảm-tưởng dường như Nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra ngay.

Chúng ta nên hiểu vấn-đề đó thế nào? Chữ « hiện ra » ở đây rất cương-quyết có nghĩa là lộ ra bên ngoài rõ-ràng, biểu-lộ công-khai, và chắc hẳn trong ý-nghĩ của đám đông, và của môn-đồ nữa, khi suy nghĩ hoặc tưởng rằng Nước Đức Chúa Trời sắp hiện ra, họ đoán là trong cuộc viếng thăm Giê-ru-sa-lem lần này Ngài sẽ làm một cái gì để tỏ oai-quyền, lên nắm chính-

quyền, làm thành điều mong-trước chung của dân Do-thái về Đấng Mê-si và Nước Đức Chúa Trời. Đối với họ, sự đến của Nước Đức Chúa Trời sẽ là sự bẻ gãy ách thống-trị của La-mã, sự giải-thoát tồ-quốc, và sự tạo thành hình những điều Chúa Jêsus đã giảng ngay từ lúc Ngài khởi đầu chức-vụ, đó là Nước Đức Chúa Trời. Họ tưởng Nước Đức Chúa Trời, theo như họ hiểu và mong muốn, đã gần kề rồi, đã đến lúc rồi. Chữ « họ » trong câu mười một chắc-chắn chỉ về môn-đồ và của đoàn dân. Tôi tin chắc chữ đó ám chỉ môn-đồ, vì ngay sau khi Ngài sống lại, họ vẫn còn quan-niệm như thế, lúc họ đến hỏi Ngài : « Có phải lúc này Ngài sẽ lập lại Nước Y-sơ-ra-ên chăng ? » Quan-điểm của họ thiên về vật-chất, và ước mong của họ ấy là Nước Đức Chúa Trời xuất-hiện ngay dưới hình-thức võ-lực. Họ không hiểu bản-chất của Nước Đức Chúa Trời. Ngài đã rao-giảng, tuyên-bố và xác-định thực-tại của nó. Ngài đã báo trước sự đến gần cùng nói rõ nguyên-tắc đạo-đức của Nước ấy ; thế nhưng họ vẫn chờ đợi một cái gì thuộc về vật-chất. Cho đến ngày nay cũng thế. Họ lầm-lẫn trong lý-tưởng của họ. Họ có cảm-tưởng Ngài lên đó với mục-đích thành lập Nước ấy. Vì cơ đó, Luca nói rõ, Ngài nói thí-dụ về những nén bạc.

Ở đây Ngài dùng hình-ảnh nào ? Qua suốt những bài nghiên-cứu chúng ta thấy Ngài sử-dụng vô số phương-pháp thí-dụ. Ngài dùng những sự vật gần gũi, những con người, những sự kiện lịch-sử. Đây là hình-ảnh một người đi xa để nhận làm vua một nước, giao lợi tức cho đám đầy-tớ ở nhà coi sóc; một người, khi ra đi nhận chức, bị một đoàn dân-biểu theo sau phản-đối không nhận người làm vua. Đó là ý-tưởng rất quen thuộc vào thời bấy giờ. A-chê-lau, Hê-rốt Đại-đế và Antipas đã thay phiên nhau đến La-mã nhận lấy xứ. Họ là những vua-chư-hầu. Ai cũng muốn nhãn-hiệu vua nên phải đến La-mã xin phép. Hê-rốt đã đi và được nhãn-hiệu ấy. Đó chỉ là một nhãn-hiệu trống-rỗng, nhưng người kiếm được.

Nhưng bối-cảnh lịch-sử vừa kể trên không phải trường-hợp Hê-rốt, mà là A-chê-lau ở cung-điện tại Giê-ri-cô. Người đi La-mã, bỏ cả cung-điện lẫn lợi-tức ở nhà, hay cũng gọi là vương-quốc theo như người mong muốn, giao cho bọn đầy-tớ. Ngài để tiền cho Philippus ở nhà buôn-bán làm lợi trong khi người đi vắng. Trong lúc ấy, một phái-đoàn đại-biểu gồm năm mươi người Do-thái chạy theo phản-đối không nhận người làm vua. Lúc đến La-mã, họ được một đoàn tám ngàn người Do-thái tiếp đón và cùng nhau tiếp-tục phản-đối; cuối cùng họ đã thành-công, A-chê-lau không được phong-chức và sau đó người bị truất khỏi quyền thế tử và không trở về xứ nữa.

Chúa chúng ta nắm lấy sự-kiện đương thời, bảo có một người đi phương xa để nhận chức vua và bị dân mình phản-đối. Dĩ-nhiên đó không có nghĩa là Chúa Jê-sus đi xa để được phong vương mà không nhận được chức ấy. Chắc hẳn lúc trở về, A-chê-lau đã gọi đầy-tớ lại tính-sổ, cho nên Chúa chúng ta muốn khai triển điếm đó. Nhưng đó chỉ là hình-ảnh phía sau thí-dụ. Với sự kiện này, Chúa muốn ám chỉ chính mình Ngài trên một phương-diện đặc-biệt để chứng tỏ rằng những gì họ chờ đợi sẽ không xảy ra trong lúc đó. Lúc ấy Ngài đi lên Giê-ru-sa-lem và họ tưởng Ngài sẽ thành-lập một Nước theo tiêu-chuẩn của họ. Ngài muốn họ thấy sự thật không phải như vậy. Ngài sắp đi xa để nhận một Nước và giao trách-nhiệm lại cho đầy-tớ trong lúc Ngài vắng mặt. Đó là vai trò của thí-dụ và hình-ảnh Ngài dùng; và đó là mục-đích Ngài kể thí-dụ. Ngài muốn dạy cho họ biết họ sai-lầm khi mong-ước Nước Đức Chúa Trời xuất-hiện ngay lúc đó.

Chúng ta học được gì qua thí-dụ này? Một số người đang mong Nước Đức Chúa Trời hiện ra ngay. Tôi không muốn bàn về lúc nào Ngài trở lại. Tôi chỉ nói, chúng ta không biết lúc nào, và cũng không có dấu-hiệu gì chứng tỏ Ngài gần

trở lại; ít ra không có một dấu-hiệu nào mà không được đưa ra trải qua mọi thời-đại.

Chúng ta muốn sẵn-sàng, nếu Ngài đến; và nói: « Dầu vậy, lạy Chúa Jêsus, xin hãy đến, » và kiên-nhẫn chờ-đợi Christ, chớ không nóng-nảy như phần đông trong chúng ta. Người nào thiếu kiên-nhẫn chờ-đợi, tức là đã quan-niệm sai về sự lập Nước Đức Chúa Trời.

Thí-dụ này dạy họ điều gì và muốn nói gì với chúng ta ? Ba điều: sự hoãn lại; một thời-gian chờ-đợi và thái-độ chờ-đợi; sau cùng, sự hứa chắc sẽ trở lại và việc Ngài sẽ làm khi Ngài trở lại.

Vương-vị của Ngài bị hoãn lại chăng ? Chắc-chắn không, nhưng là sự bày-tỏ quyền-oai và chiến-thắng sau cùng của vương-vị. Đó là điểm đã, đang và sẽ còn hoãn lại. Cuộc đời của Chúa chúng ta không bắt đầu khi Ngài giáng-sanh là một Hải-nhi. Nó trải suốt từ vinh-cửu trong quá khứ cho mãi đến tương-lai bất-tận. Vì thế, rất khó xác-định cuộc đời Chúa chúng ta trong giới-hạn niên-lịch. Ngài sẽ không được phong-vương. Ngài đã được phong vương rồi. Lễ phong-vương ấy được cử hành khi Ngài thăng-thiên, sau khi sống lại. Ngài tự làm cho mình trống không và vâng-phục cho đến chết. Ngay cả chết trên cây Thập-tự; « cũng vì đó nên Đức Chúa Trời đã đem Ngài lên rất cao, và ban cho Ngài danh trên hết mọi danh; hầu cho nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối... thấy đều quì xuống và mọi lưỡi thấy đều xưng Jêsus-Christ là Chúa, mà tôn-vinh Đức Chúa Trời là Cha ». Trong một đoạn rất đẹp ở thư Cô-rinh-tô, Phao-lô viết: « Ngài phải cầm-quyền cho đến chừng đặt những kẻ thù-nghịch dưới chơn mình. » Quyền cai-trị không bị dời cho đến phút thăng trận sau cùng. Ngài đang trị vì trong hiện-tại và lễ đăng-quang của Ngài chính là lúc Ngài thăng-thiên.

Nhưng Ngài muốn cho môn-đồ thấy rằng, điều họ đang

mong-đợi mà thật ra họ không hiểu rõ — ấy là sự chiến-thắng hữu-hình đã bị hoãn lại; rằng Ngài đã đi xa để được phong-vương. Ngài đã nhận được Nước của mình khi Đức Chúa Trời tiếp Ngài và đặt Ngài ngồi bên hữu ngài Ngài, trên đồi thánh Si-ôn, để làm vua.

Tiếp theo là một thời-gian chờ-đợi, giữa lúc Ngài nhận Vương-quốc tại ngôi trời với lúc Ngài đến để thành-lập Nước hữu-hình trên đất sau này. Đây là trung-tâm điểm của thí-dụ. Lúc đi xa, vua giao cho đầy-tớ, cả thầy là mười người. Đây là một hình-ảnh tượng-trung, bao gồm cả vấn-đề Người giao mười nén bạc cho mười đầy-tớ, mỗi người một nén. Không nên lầm-lẫn thí-dụ về mười nén bạc với thí-dụ về các ta-lâng trong Ma-thi-ơ. Ý-nghĩa của các ta-lâng là những tài-năng khác nhau được giao cho mỗi người. Ở đây, những nén bạc, chỉ về cơ-hội bằng nhau. Nén bạc là một của vốn, phải được dùng để làm lợi trong một khoảng thời-gian. Họ phải dùng nó làm lợi thêm. Công việc của người ở nhà là phải đem số tiền sử-dụng để đầu tư cho công việc của Vua. Họ có trách-nhiệm đem nén bạc của Ngài làm lợi ra; những đầy-tớ và công việc của Vua. Trong thư Ê-phê-sô, Phao-lô khuyên những người ở đó hãy « lợi-dụng thì-giờ vì những ngày là xấu. » « Lợi-dụng thì-giờ » ở đây nói lên hoạt-động của nhà buôn và thị-trường, có nghĩa là « mua tất cả mọi cơ-hội. » Đó không phải là nghĩa thông-thường của chữ lợi-dụng hay là thì-giờ. Ý-nghĩa ở đây là cơ-hội. Như thế, theo Phao-lô, công việc của chúng ta là mua hết mọi cơ-hội, tiếp-tục thương-nghiệp của Nước Đức Chúa Trời hết sức cần-mẫn vì đó là đức-tính cần có của thương-gia để thành-công trên mọi thị-trường, thế-giới. Đó là ý-nghĩa của thí-dụ.

Không một tín-đồ nam, nữ nào không có nén bạc ấy.

Chúng ta có thể nói chúng ta không có mười ta-làng, nhưng đó là một vấn-đề khác. Nén bạc khác với tài-năng. Nén bạc là một của vốn và là Tin-Lành của ân-diễn Đức Chúa Trời. Chúng ta là những chứng-nhân cho Tin-Lành ấy. Công-việc của chúng ta trên thế-gian này, dù con người vẫn còn nói : Chúng tôi không muốn Người này cai-trị chúng tôi, là phải dùng của vốn ấy; để làm lợi thêm. Đó là nén bạc.

Chúa chúng ta bảo, có nhiều cách sử-dụng của ấy. Một cách ấy là làm xong và trọn vẹn. Một người đến tính sổ nói : « Nén bạc của Chúa sanh lợi ra được mười nén. » Hãy chú-ý, người không nói : Tôi đã trung-tín và thành-công lớn, đã xoay sở làm lợi nén bạc chủ gấp mười lần. Chính nén bạc nói lên điều đó. Nhưng người chỉ làm xong trách-nhiệm mình, làm lợi gấp mười lần.

Một người khác không làm hoàn-toàn như thế, nhưng chỉ một phần — năm thôi. Rồi đến một người khác cũng có của vốn, nhưng không đem dùng mà đem cất, gói trong khăn, không làm lợi chút nào; và lý do người đưa ra ấy là người biết chủ nghiêm-nhặt, gặt chỗ mình không gieo.

Những công dân ngoài đám đầy-tớ ấy phản-đối. « Chúng tôi không muốn người này cai-trị chúng tôi. » Ngày nay cũng thế. Đó là sự kiện hiển-nhiên. Đó là điều thế-giới vẫn đang nói. Lời ấy vẫn còn vang lên qua các chính-phủ, nhất là qua những chính-phủ trong lịch-sử quá-khứ đã nhìn nhận Christ của chúng ta, nhưng nay lại truất-phế Ngài. « Chúng tôi không muốn người này cai-trị chúng tôi. »

Nhưng Ngài sẽ trở lại. Không còn nghi-ngờ gì nữa. Khi trở lại, Ngài sẽ đến như vị Vua; chứ không phải để được tôn làm vua. Lúc ấy, Nước Đức Chúa Trời sẽ hiện ra theo như thí-dụ này. Hành-động đầu-tiên lúc Ngài hiện đến sẽ là xem-xét các đầy-tớ đã làm gì với nén bạc của Ngài. Ai trung-thành trọn-vẹn sẽ được trách-nhiệm nhiều hơn ; phải

cai-trị mười thành. Ai thành-công một phần cũng được nhận thêm trách-nhiệm; năm thành. Nhưng còn người từ-chối sử-dụng nén bạc thì sao? Theo lời thú-nhận của người, Chúa chúng ta bảo, Ngài sẽ dựa lời người nói ra mà xét người, và Ngài nhắc lại lời người không phải để minh-xác sự thật nhưng để phơi-bày những gì người suy-nghi. Người hoàn-toàn hiểu sai chủ mình, và dựa trên quan-niệm sai-lầm ấy, người đã giấu nén bạc, đem gói trong khăn và giữ kỹ. Chúa chúng ta hỏi tại sao người không gói bạc cho ngân-hàng, để Ngài được lợi; thật là một câu hỏi mĩa-mai thăm-thía. Rồi người ra sao? Chẳng sao cả, chỉ mất nén bạc thôi. Người bị thâm-hối nén bạc và giao cho kẻ thành-công hơn hết. Người bị mất cơ-hội. Người không mua cơ-hội ấy và bây giờ hành-động của người trở nên vô-ích. Tôi không nghĩ là người bị khai-trừ. Người cũng được cứu, nhưng đường như qua lửa, và chúng ta phải để người ở lại tại đó.

Về phần những công dân phản-đối công-khai; khi Ngài thành-lập Nước, họ sẽ bị giết và quét sạch. Sẽ đến lúc Jesus trở lại và cai-trị thế-giới này và cho nó một dịp tiện. Ngài rất kiên-nhẫn và vì kiên-nhẫn nên đã nhìn-nhục; nhưng cũng đến lúc phải giới-hạn.

Tất cả chúng ta đều nhận được nén bạc. Chúng ta đang dùng nó làm gì? Chúng ta có sử-dụng không? Các bạn thân-mến, những nén bạc đang gói trong khăn, nếu được sử-dụng, có thể gia-tăng vinh-quang cho Nước của Chúa chúng ta.

Câu hai mươi tám đầy ý-nghĩa, qua thí-dụ này. Ngài lên thành Giê-ru-sa-lem, và vì cố Ngài đến gần, họ tưởng Nước của Ngài cũng đến. Ngài nói cho họ biết mọi điều, và câu hai mươi tám chép: «Ngài đi trước» một mình. Ngài vẫn còn đi — Nhưng Ngài «đi lên.» Trên phương-diện địa-

lý, đó là con đường dốc Giê-ri-cô lên Giê-ru-sa-lem; nhưng còn mang ý-nghĩa sâu-xa hơn. Không bao lâu nữa Ngài được tiếp lên và nhận lấy Nước của Ngài. Còn chúng ta ở lại. Chúng ta có nén bạc. Chúng ta sử-dụng thế nào?

XXX

45. CON NGƯỜI ĐÁ

Giăng 1: 40-42

B ẦY giờ chúng ta đến sách Tin Lành Giăng, trong phần học hỏi về những thí-dụ và hình-ảnh thí-dụ của Chúa chúng ta. Trừ thí-dụ đặc-biệt về cây nho; Giăng không ghi lại một cuộc đàm-thoại chính-thức nào của Chúa Jêsus. Dù Giăng để lại cho chúng ta nhiều lời nói của Chúa Jêsus hơn các nhà truyền-giáo khác, nhưng bản-chất các lời ấy thiên về thảo-luận hơn là những câu chuyện đặc-biệt. Ngay cả trong những mẫu đàm-thoại trong kỳ lễ Vượt-qua, Ngài cũng chỉ trả lời những câu hỏi của môn-đồ Ngài.

Dầu sao, qua những cuộc thảo-luận này, chúng ta cũng tìm thấy vài thí-dụ đặc-biệt. Điềm ngạc-nhiên ở đây là Giăng không bao giờ dùng chữ *phép lạ*. Nơi nào các nhà truyền-đạo kia dùng chữ ấy, Giăng dùng chữ «*dấu lạ*» để nói lên giá-trị của phép lạ. Điềm cũng thú vị tương-tự dù không quan-trọng lắm, ấy là Giăng không hề dùng chữ *thí-dụ* (parable). Trong một bản dịch chép (10: 6): «*Đức Chúa Jêsus phán lời ví-dụ đó.*» Nhưng một bản khác, đổi chữ ví-dụ ra «*tục-ngữ*» (proverb). Có hai trường-hợp (16: 25 và 29) dùng chữ «*tục ngữ*» rất đúng. Thật ra hai chữ này không khác nhau bao nhiêu. Chữ thí-dụ hay ví-dụ, *parabola*, thường dùng trong các sách Tin-Lành khác có nghĩa là đặt bên cạnh, hay theo nghĩa đen là đem lại gần nhau, tức là đặt lại một thí-dụ bên cạnh để làm nổi bật điềm tương-đồng. Còn chữ dịch là «*tục-ngữ*,» *paromim* có nghĩa là làm cho một vật giống một vật khác. Nghĩa hai chữ vẫn giống nhau, đều nhấn mạnh khía cạnh tương-tự, dù là một bức tranh, một câu chuyện hay một câu nói.

Nếu chúng ta xét lời dạy của Chúa Jêsus theo thứ-tự thời-gian, bài học này sẽ là bài đầu-tiên vì đây là lần thứ nhất, cách dùng theo nghĩa bóng của Chúa được Giảng ghi lại. Trong năm đoạn đầu của Tin-Lành này, tác-giả ghi lại vài biến-cố xảy ra trong năm đầu của chức-vụ Ngài. Câu chuyện này xảy ra ngay lúc mở đầu chức-vụ đó.

Như thường lệ, chúng ta lần lượt đi qua ba điểm. Chúa chúng ta muốn nói gì khi dùng chữ nghĩa bóng này: tiếp theo, chúng ta quan-sát hình-ảnh và ý-nghĩa của nó: sau đó thử rút ra bài học áp-dụng cho mọi thời-đại.

Vậy, Ngài muốn nói về vấn-đề gì? Câu nói của Ngài hết sức ngắn. Ngài nói: «Ngươi là Si-môn, con Giô-na; ngươi sẽ được gọi là Sê-pha» và Giảng nói thêm: «nghĩa là Phi-e-rơ.» Một bản khác dịch là «đá tảng» hay «đá nhỏ.» Một lần nữa chúng ta cần nhớ đây là lúc khởi đầu chức-vụ công-khai của Ngài. Tháng năm đợi chờ đã qua, bấy giờ Ngài mới bắt tay vào việc. Như trong đoạn một Giảng cho biết, Ngài bắt đầu bằng cách kêu-gọi một nhóm người. Năm người được kể tên sau đây: Anh-rê và một người nữa, chắc hẳn là Giảng, Si-môn, Phi-líp và Na-tha-na-ên. Đó là bối-cảnh và câu chuyện đã tiếp-diễn hoàn-toàn tự-nhiên. Bản-chất của chức-vụ Chúa chúng ta, dù lúc đó hay bất cứ thời nào, không bao giờ là một tờ-chức tuyên-truyền. Tôi bỗng nhớ lại bài giảng của một người bạn xưa bấy giờ đã quá cố, Tấn-sĩ Len Broughton. Trong bài giảng, ông đã thu thập tất cả những trường-hợp dùng chữ «Trong lúc Ngài đi» hay những câu tương-tự trong câu chuyện về Chúa Jêsus. Ngài làm việc «trong lúc Ngài đi.» Tôi nghĩ đó là khó-khăn của Giảng Báp-tít khi người cho rằng Chúa Jêsus chẳng làm một việc gì rõ-rệt. Và nhiều người vẫn còn gặp rắc-rối nếu nghĩ rằng làm việc không định trước tức là không làm gì cả! Ở đây, Ngài làm việc cách tự-nhiên. Giảng thấy Ngài liền chỉ cho Anh-rê và kẻ đi với người xem; rồi cả hai đồng theo Ngài, nói

chuyện riêng với Ngài hằng giờ lâu. Một trong hai người, Anh-rê, đi tìm anh là Si-môn và đưa Si-môn đến với Chúa Jêsus.

Di-nhiên, một trong năm người đầu-tiên, tức Si-môn, con Giô-na, đặc biệt là một đại-diện cho con người. Có lẽ cần giải-thích rõ lời nhận-xét này. Tất cả những yếu-tố tạo nên bản-chất người đều qui-tụ trong nhân-cách của người này ở một mức độ đặc-biệt. Anh-rê có lẽ làm tiêu-biểu cho con người. Giăng thì không. Giăng là một con người bí-ẩn, một kẻ mơ-mộng, một thi-sĩ; một người đi tìm những gì không thấy được và đã nhìn thấy; nghe ngóng những gì không nghe được và đã nghe thật; dò xét những gì không sờ mó được và đã đụng đến chúng. Phi-líp là một con người có tánh không khiến ai để ý đến mình và im lặng, luôn luôn thích tách rời đám đông, và đưa kẻ khác lên sân khấu; nhưng người này, Si-môn mới thật là một con người.

Khi người đến gặp Chúa Jêsus, Ngài phán cùng người : « Người sẽ được gọi là Đá. » Câu nói ấy có giá-trị gì ? Chúa chúng ta muốn đề-cập vấn-đề gì ? Không chút do-dự, tôi xin nói, Ngài muốn nói tiên-tri cho những kẻ đang nghe lúc ấy, cho Phi-líp và Na-tha-na-ên, cho Anh-rê và Giăng, cho anh của Anh-rê, về khả-năng của bản-chất con người trong địa-vị Mê-si của Ngài. Si-môn đã nhận lời mời của em đến gặp Đấng Mê-si. Sau cuộc gặp-gỡ với Jêsus, Anh-rê thấy anh mình là Phi-e-rơ, vội-vàng đến tìm người, nói cho người biết một điều, điều đó đang nặng-triu trong lòng Anh-rê. đang chiếm trọn tâm-trí và thúc-giục ý-chí người ; « Chúng ta đã gặp Đấng Mê-si. »

Hơi khó cho chúng ta nắm trọn ý-nghĩa câu này. Chúng ta quá que-nthuộc với chữ Christ, chỉ là cái ngữ-pháp của chữ Mê-si, có nghĩa là Đấng được xức dầu. Chúng ta thường đồng hóa chữ đó hoàn-toàn với Chúa chúng ta. Nhưng nếu chúng ta lùi lại đặt mình vào địa-vị của Anh-rê và Si-môn,

nhớ rằng suốt hằng trăm năm, hi-vọng lớn-lao duy-nhất, khi thì bùng cháy sáng ngời, khi thì lịm tắt hắt-hiu, là sự hiện đến của Đấng Mê-si. Mọi người chờ đợi Ngài. Anh-rê hối-hả đi tìm Si-môn để cho người hay một tin lạ lùng ấy là người đã gặp Đấng Mê-si. Tôi tưởng-tượng chân của Anh-rê chạy vội-vã vì sự khám-phá lớn-lao đã đến với người. Một nhà bình-luận xưa thuộc phái Thanh-giáo đã nói: chắc hẳn Anh-rê hối-hả đi tìm Si-môn vì Si-môn thường quấy-rầy gia-đình và người nghi có lẽ đem Si-môn đến gặp Jê-sus càng sớm càng hay! Tuy nhiên, tôi thích tin rằng, dù Si-môn có quấy rầy đến thế, Anh-rê vẫn nhìn thấy trong anh mình cái vẻ cương-quyết phi-thường. Dầu năng-lực trong người bị phân-tán, nhưng, Si-môn chứng-tỏ một con người đầy khả-năng. Có thể đó chỉ là tưởng-tượng; nhưng chắc-chắn Si-môn là một con người vụng-về.

Chúa Jê-sus biết Anh-rê tin chắc Ngài là Đấng Mê-si qua cuộc đàm-thoại riêng-tư trong nhà, và Ngài biết người anh này đã nghe lời em mình, vội-vã đến gặp Ngài. Vì thế Ngài đứng trước mặt người và Đấng Mê-si nói với người: « Người sẽ là đá, » « Người sẽ được gọi là Đá. »

Chữ Đá, một chữ đầy ý-nghĩa, đưa chúng ta đến đối-diện với hình-ảnh. Chúng ta đã đụng đến hình-ảnh này qua những bài học trong nhiều chỗ khác. Ở đây chúng ta đối-diện với trường-hợp Ngài dùng hình-ảnh này lần đầu tiên. Đá gọi hình-ảnh gì? Dù chúng ta có dùng chữ *Kephas*, hay *petros* hay là đá, ý-nghĩa vẫn như nhau. Bây giờ chúng ta chỉ đề ý đến phương-diện vật-chất của đá. Trong Ma-thi-ơ đoạn mười sáu, chúng ta cần phân-biệt hai chữ liên-quan rất mật thiết với nhau, hai chữ cùng một nguồn gốc, *petros* và *petra*. Tại đó, Chúa Jê-sus đã nói về người này: « Người là *petros*, » và « Ta sẽ lập Hội-Thánh Ta trên *petra* này; ý tưởng tổng-quát là một nhưng ý-nghĩa khác nhau. Khi nhìn Phi-e-rơ, Chúa Jê-sus không nói: Người là *petra*, nhưng:

Người là *petros*. Điểm khác biệt là thế này. *Petros* có cùng một bản-chất như *petra*, nhưng chỉ là một mảnh đá. *Petra* chính là đá, cả một tảng đá. Khi Chúa Jêsus nói Ngài sẽ lập Hội-Thánh Ngài, Ngài không nói trên *petros*, tức một mảnh đá nhỏ; nhưng là trên khối đá lớn, trên *petra*.

Petros là gì? Chắc hẳn những học-giả và các nhà địa-chất học có thể đọc đến đoạn này. Nhưng tôi không ngại nói cho quý vị biết đá là gì. Đá là một khối do sự kết-tinh của nhiều phần-tử khác nhau, gây nên sức mạnh và vững chắc. Di-nhiên có nhiều loại đá. Đập vỡ một mảnh đá, các bạn sẽ có *petros* trong tay. Các bạn có thể đứng hoặc ngồi trên một tảng đá to lớn và hùng-vĩ, và đó là khối kết-tinh của nhiều phần-tử khác nhau, tạo nên sức mạnh và vững chắc. Những phần-tử bị tách rời có lẽ không mạnh, và vững chắc, nhưng khi được nối kết với nhau, sẽ tạo nên đá.

Giữa nhiều thứ đá, chúng ta hãy chọn đá hoa-cương chẳng hạn. Có lẽ không có một loại đá nào làm thí-dụ cho sức mạnh của đá hoàn-toàn hơn đá hoa-cương. Đá hoa-cương là gì? Gồm những phần-tử nào? Thạch-anh, tràng-thạch, vân mầu. Đá thạch-anh không bao giờ cứng và chắc, và tràng-thạch hay vân-mầu cũng thế. Nhưng khi cả ba hỗn-hợp với nhau, đá hoa-cương trở nên cứng và chắc. Ở đây chúng ta không bàn đến vấn-đề kết-tinh thế nào. Có hai loại đá chính là hỏa thành nham (đá có lửa) và nham thành thủy (đá có chất nước); một loại tạo ra bởi lửa; một loại tạo ra bởi sức chuyển-động của nước.

Chúa Jêsus nói với người này: « Người sẽ được gọi là đá. » Trong người, sẽ có sự kết-tinh của nhiều phần-tử thành một khối mạnh và chắc. Một số trong chúng ta đã kinh-nghiệm được ý Chúa muốn nói.

Vâng, nhưng như thế chưa khai-thác được hết ý-nghĩa. Nếu Ngài dùng hình-ảnh, hình-ảnh tự nhiên của đá, thì có ý-nghĩa thuộc-linh. Người Do-thái này, Si-môn, đang đứng

đối-diện Đấng Mê-si, và nghe Ngài nói. Tôi không dám bảo là lúc đó, người có hiểu trọn ý-nghĩa sâu-xa của hình-ảnh đá hay không. Tôi tin chắc sau này người hiểu. Khảo-sát thư của người, chúng ta thấy được điều đó. Đấng Mê-si nhìn người này, nhìn thấu suốt hơn là chỉ nhìn bên ngoài người, và Ngài sử-dụng ngôn-ngữ văn-chương của Kinh-Thánh Hy-bá-lai, đó là tiên-đoán. Ngài đã đến để làm ứng-nghiệm những tiên-đoán của nền Văn-chương thánh ấy.

Vì thế chúng ta xem-xét chữ tu-từ-pháp này trong Cựu-ước và tìm những chữ chỉ về đá. Tiếng Hy-bá-lai có nhiều danh-từ khác nhau được dịch là đá. Có một chữ đồng-nghĩa với *petra* là *Isur*. Suốt Cựu-ước, qua sách lịch-sử, Tiên-tri, và Thi-thiên, chữ đá được dùng theo nghĩa bóng, xuất-hiện độ bốn mươi lần, bắt đầu từ sách Phục-truyền luật-lệ Ký. Cũng lại xuất-hiện trong Thi-thiên. Điểm đáng được chú-ý là mỗi khi được dùng nghĩa bóng, chữ đá được dành riêng chỉ vì có đó tôi dùng chữ Thượng-Đế thay vì Đức Chúa Trời. Chỉ có hai trường-hợp chữ đá được dùng ám-chỉ các tà-thần trong Phục-truyền luật-lệ Ký 32 : 31 và 37. Ở đó, các tà-thần được đặt đối-chiếu với Đức Chúa Trời chân-thật. Còn trong những trường-hợp khác, biểu-tượng đó chỉ về Đức Chúa Trời hằng sống, khi được dùng theo nghĩa bóng.

Chắc hẳn có người sẽ cãi: Thế thì trong Ê-sai, có chỗ bảo người là bóng của một tảng đá lớn trong xứ khô hạn thì sao ? Ai là người ấy ? Chúng ta không có quyền bảo Người ấy là chúng ta. Đó là lời tiên-tri báo trước Đức Chúa Trời sẽ hiện thân làm người, Người là bóng của một tảng đá lớn trong nơi đất khô và đó là một hình-ảnh thật đẹp ; nhưng đó luôn luôn là một hình-ảnh của Đức Chúa Trời. Chúa Jê-sus nhìn Phi-e-ơ, nói: « Người sẽ được gọi là đá. » Đá tượng-trưng cho sức mạnh của Ngài, sức mạnh của Đấng Toàn-năng, bản-chất bền-vững của Đức

Chúa Trời.

Đá trong thế-giới thiên-nhiên là gì ? Sự kết-tinh thành một khối, của nhiều phần-tử khác nhau, tạo nên sức mạnh và vững-chắc. Đem ứng-dụng cho Đức Chúa Trời, điều đó có nghĩa là sức mạnh của Ngài là kết-quả sự hòa-hợp toàn- vẹn của tất cả những yếu-tố tạo nên Bản-thể Ngài, trong địa-vị Chủ-tể của Ngài. Đó là lý-do vì sao Đức Chúa Trời mạnh-mẽ, bất biến, dù rằng những tảng đá dễ tan-rã ấy, có vẻ tiêu-biểu sự trường-tồn trên thế-giới này, chúng vẫn là những hình-ảnh bất-toàn không thể tượng-trưng sức mạnh của Đức Chúa Trời.

Chúa Jêsus nói với người này : « Người sẽ được gọi là đá ». Ngài bảo cho người biết rằng người phải được đặt vào một địa-vị và một kinh-nghiệm sống để có thể chia-xẻ bản-chất Thần-thánh. Có lẽ một câu nói như thế có vẻ táo-bạo và kỳ-lạ. Nhưng không. Khi Phi-e-rơ viết thư, người bảo, chúng ta đã trở nên « người dự-phần bền-tánh Đức Chúa Trời ». Ý nghĩa chữ đá ở đây gọi lên sự dự-phần bản chất Thiên-thượng, bản-chất đã nối kết nhiều yếu-tố thành một khối mạnh-mẽ và rắn-chắc ; « người sẽ được gọi là đá. » Như thế, chúng ta đã cố-gắng giải-thích hoặc tìm hiểu chữ tu-từ pháp này.

Cuối-cùng, chúng ta học được gì khi nghe Christ nói câu này ? Trước hết, thái-độ tự-tin tuyệt-đối của Christ. Nguyễn Đức Chúa Trời Toàn-năng giải thoát chúng ta khỏi thời-đại đang cố-gắng hạ thấp Ngài xuống ngang hàng với con người. Tất cả những gì Ngài phán đều có tánh-cách tối-hậu, tuyệt-diệu. Mọi lời nói của Ngài đều đáng sợ. Điềm thứ nhất tôi nhận-xét khi Ngài nhìn thẳng vào mắt Si-môn, phán : « Người sẽ được gọi là đá, » ấy là thái-độ tự-tin tuyệt-đối của Ngài, tin vào nhiệm-vụ, vào địa-vị Mê-si, vào bản-chất của Ngài. Vâng, Ngài biết rõ con người. Điều đó thể-

hiện qua mấy chữ : «Người là Si-môn con Giô-na.» Những gì nằm phía sau lời đó, chúng ta không biết nhưng có thể tưởng-tượng được, có thể chúng ta sai-lầm, nhưng dựa trên những gì chúng ta biết về người sau này, chắc hẳn Si-môn là một con người khó giao-thiệp ; một con người nhiều khả-năng, thông-minh lạ thường, cảm-xúc mạnh-mẽ và ý-chí sắt đá ; thế nhưng lại mềm-yếu như nước. Chúa Jê-sus nói với người : Ta biết người ; Ta biết Thân-phụ người và ta biết người. Ngài biết yếu-điểm của người. Ngài biết tánh bất thường của người ; Ngài biết những khả-năng của người ; biết trong con người ấy có sẵn những yếu-tố làm cho người cao-cả. Sức mạnh vẫn ở trong người nhưng tiềm-àn ; bản chất vững bền không có trong người ; nhưng Ngài hiểu rõ chính Ngài. Ngài biết Ngài có thể làm gì đối với loại diệp-thạch có tánh-cách không vững-chắc, thay đổi đời ấy. Ngài có thể biến nó thành đá. Không một lời nào nói lên lòng tự-tin Ngài hơn câu này : «Người sẽ được gọi là đá.»

Đó là ngụ-ý trong câu Chúa nói với người này về sự phát-triển. Ngài không nói : Người là đá, nhưng : « Người sẽ được gọi là đá. » Đến giờ phút tại Sê-sa-rê Phi-líp, khi người đã trải qua ba năm kết-bạn với Chúa Jê-sus và cuối-cùng đã tìm thấy Đấng Mê-si cách mới-mẻ hơn, người nói : « Ngài là Đấng Mê-si, con Đức Chúa Trời hằng sống, » và Chúa Jê-sus đáp : «Người là đá.» Người đã đạt đến mức. Có bao nhiêu việc phải thực-hiện trên mảnh đá ấy phải trải qua bao nhiêu lần chạm trở, đục đẽo nó mới thành một viên đá thích-hợp cho nhà đời đời, nhưng người là đá. Lúc đầu : « Người sẽ được gọi là đá. » Vâng, Ngài biết khả-năng của Ngài. Ngài biết quyền-năng của Ngài. Ngài biết mình có thể làm gì đối với con người như thế ; và trên căn-bản hiểu biết cùng tự-tin hoàn-toàn ấy, Ngài tiên-đoán : « Người sẽ được gọi là đá. » Vâng, đó là một quá-trình phải thực-hiện nhưng người đã đến đích.

Di-nhiên điềm sau cùng đập mạnh vào lòng chúng ta ấy là giá-trị của nhân-cách con người. Từ phiến nham, nó có thể được biến đổi thành đá, nhưng chỉ do một cách. Cách đó là gặp Jêsus, và đầu-phục; tin - cậy và vâng lời Ngài. Bất cứ người nào dù xảo-quyệt đến đâu, dù bạn-bè có cho người đó vô vọng thế nào, đến với Đấng Christ, đầu-phục Ngài ; Ngài sẽ không bao giờ để người ra đi trước khi biến đổi người trở nên giống như Đức Chúa Trời, để người có thể làm nền-tảng xây-dựng cho kẻ khác.

xXx

46. THIÊN-SỨ VÀ CHIẾC THANG

Giăng 1 : 47-51

CHÙNG ta vẫn đang bàn đến những ngày đầu của chức-vụ Chúa chúng ta. Na-tha-na-ên là người thứ năm trong số môn-đồ đầu-tiên của Ngài. Dĩ nhiên, người nổi bật hẳn vì có lời mô-tả đặc-biệt của Chúa chúng ta ; một mặc-khải kỳ-diệu về người, nhất là phát-xuất từ môi miệng một kẻ không bao giờ nói lời hư không và cầu-thả. Thấy Phi-líp đem người đến, chưa hề trò chuyện với người, Ngài liền nói, chắc hẳn với mấy người đang đứng quanh : « Đây, một người Y-sơ-ra-ên thật, trong người không có điều dối-trá chi hết. » Đó là một lời miêu-tả đặc-biệt về con người ấy, nối kết nhân-vật với lịch-sử của dân-tộc của Đức Chúa Trời, bởi dùng chữ Y-sơ-ra-ên đã từng đặt cho Gia-cốp trong đêm Đức Chúa Trời làm cho người tàn-tật và thưởng cho người tên ấy, với ý-nghĩa là được Đức Chúa Trời cai-trị, Y-sơ-ra-ên. Chúa Jêsus thấy Na-tha-na-ên, phán : Đây là kẻ làm thành lý-tưởng của danh-hiệu, « một người Y-sơ-ra-ên thật. » Hơn nữa, Ngài còn nói thêm một chữ mà khi đọc đến tôi chưa bao giờ không nghĩ rằng Chúa chúng ta đang nghĩ đến nhân-vật đầu-tiên đã nhận được tên này. Đặc-điểm của Gia-cốp là mưu-mẹo, quá tinh-khôn ; biết dùng đủ cách lừa-đảo để làm lợi cho mình. Chúng ta đều biết lối cư-xử xảo-quyệt của người lúc ở với La-ban, nhưng tôi rất mừng người chứng-minh là quí quyết hơn La-ban.

Tuy nhiên, đây là người Chúa Jêsus bảo, đã sống đúng với lý-tưởng của danh-hiệu ấy, làm nổi bật tương-quan giữa người với những giá-trị thiêng-liêng của danh-hiệu ; một người Y-sơ-ra-ên thật, trong người chẳng có mưu-mẹo, lừa-

đối, một linh-hồn trong sạch, phục-tùng quyền của Đức Chúa Trời. Đó là một định nghĩa quan-trọng.

Câu nói chúng ta sẽ suy-gẫm sau đây là bối-cảnh câu chuyện của Na-tha-na-ên. Tuy nhiên, câu này không phán riêng với Na-tha-na-ên mà cho cả nhóm người lúc ấy. Trong câu Chúa nói, có một sự thay đổi đột-ngột từ số ít sang số nhiều. Trước hết Ngài nói với Na-tha-na-ên : « Vì Ta đã phán cùng người rằng Ta thấy người dưới cây vả, thì người tin, người sẽ thấy việc lớn hơn điều đó ! Ngài lại phán, » nhưng lại đổi sang số nhiều : « Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các người, các người sẽ thấy trời mở ra, và thiên-sứ của Đức Chúa Trời lên xuống trên Con người. » Có nhiều trường-hợp khác Chúa cũng thay đổi tương-tợ như thế, đã được ghi lại. Chúng ta sẽ gặp sau, cùng trong Tin-Lành này, khi Ngài nói chuyện với Phi-e-ro, và dùng ngay số nhiều : « Lòng các người chớ bối-rối. » Tôi nhấn mạnh điểm này chỉ vì có câu nói chúng ta đang suy-gẫm được phán cho cả nhóm môn-đồ đứng quanh Ngài lúc ấy. Ngài có nói gì thêm hay không, di-nhiên chúng ta không thể biết được.

Vậy, Ngài muốn nói gì với nhóm người này qua câu trên ? Sau nữa, Ngài đã dùng hình-ảnh nào ? Như thế, để chúng ta có thể khám-phá giá-trị trường-cửu của bài học ở đây.

Chúng ta hãy suy nghĩ về đề-tài. Hãy chú-ý cách thức Ngài trình-bày vấn-đề. Trước hết, Ngài mở đầu với thể thức : « Quả thật, quả thật. » Điểm thú-vị nữa là Giảng là người duy-nhất báo cho biết Chúa Jêsus thường dùng thể thức đó. Trong sách Tin-Lành của người có độ hai mươi lăm lần chép như thế. Mỗi khi muốn nói một điều gì, Chúa chúng ta thường nhập đề : « Quả thật, quả thật. » Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca đều ghi lại : « Quả-thật, » và không ai dùng chữ đó hai lần liên tiếp. Có lẽ chúng ta thắc-mắc : Ngài dùng thể-thức

nào ? Theo ý tôi, vì Giăng là người nghe cần-thận hơn và đã đề ý những chữ kép như chữ A-men, A-men, vì đó là ý-nghĩa của hai chữ « quả-thật. » Đó là cách chứng-tỏ lời nói của Ngài vô cùng quan-trọng. Thề-thức trên luôn luôn báo trước một sự khẩn-cấp. Như thề Chúa chúng ta vừa nói xong một điều gì và muốn lấy lại sự chú-ý, muốn người ta để hết tâm-tri vào điều rất quan-trọng Ngài sắp nói : Đây là một điểm quan-trọng, vì mỗi khi Ngài dùng thề-thức đó, Ngài đưa đến một cái gì cấp bách và thường nói liên-lạc với những lời khác. Đó là phương-pháp của Ngài mà ta nên chú-ý đến trước nhất.

Xét cuộc đời của Chúa Jêsus trên quan-điểm thời-gian, đây là lần đầu-tiên Ngài dùng chữ « Con người », được ghi lại. Đây là lúc khởi đầu chức-vụ Ngài. « Con người », là chữ Ngài rất thích dùng để ám-chỉ chính Ngài. Và chúng ta cũng ngạc-nhiên là Ngài rất thường dùng chữ đó. Đây là lần đầu-tiên Ngài dùng và luôn luôn dùng để chỉ đến chính mình. Suốt Tin-Lành này, chúng ta không thấy ai dùng chữ đó để ám-chỉ Ngài cả. Chẳng một người nào gọi Ngài như thế. Không có qui-sứ nào gọi Ngài với tên đó. Kẻ thù cũng như bạn hữu Ngài cũng chẳng gọi Ngài bằng danh-hiệu ấy. Đó là tên riêng chỉ dành cho Ngài, trừ một trường-hợp ngoại lệ. Trong Giăng 12 : 34, khi mấy người Hi-lạp đến gặp Ngài, sau khi nghe Ngài nói những điều rất quan-trọng, một người thưa : Chúng tôi biết Đấng Christ, hay Đấng Mê-si. Còn thầy nói : Con người phải bị treo lên, ấy có nghĩa gì ? Con người là ai ? Chỉ cần một câu hỏi ấy của họ cũng đủ chứng-tỏ cả câu trên đặc-biệt chỉ về Ngài. Lúc ấy họ cảm biết Ngài xưng Ngài là Đấng Mê-si. Các môn-đồ xưng Ngài là Đấng Mê-si và mọi người đều biết Ngài cũng xưng như thế ; nhưng một người trong đám đông cất tiếng hỏi : Quan-điểm của Ngài thế nào ? Con người là ai ? Chú-ý, câu hỏi ở đây lập lại ý-trưởng về Christ, về Đấng Mê-si trong lời phán của Ngài. Chúng tôi

biết về Christ. Nhưng còn Con người là ai ?

Lại nữa ở đây chúng ta đang quan-sát cách-thức và bối-cảnh cho biết Ngài trả lời trực-tiếp câu xưng-nhận của Na-tha-na-ên. Người nói : « Thầy là Con Đức Chúa Trời, Thầy là Vua dân Y-sơ-ra-ên. » Rồi, tiếp-tục câu chuyện, Chúa Jê-sus nói : Có phải ngươi tin vì Ta đã biết ngươi trước khi Phi-líp gặp ngươi chăng ? Ngươi sẽ thấy nhiều việc lớn hơn thế nữa. Và chuyển sang số nhiều, Ngài tiếp : Các ngươi sẽ thấy trời mở ra và thiên-sứ của Đức Chúa Trời lên xuống trên Con người. « Thầy là Con Đức Chúa Trời. Ngài không phủ nhận điều đó, nhưng danh-hiệu Ngài đặt cho chính mình lúc ấy là « Con người. »

Và đây là bối-cảnh lời xưng nhận của Na-tha-na-ên đối với sự hiểu biết siêu-việt và lời tuyên-bố của Chúa chúng ta : « Ngươi sẽ thấy việc lớn hơn điều đó, » và tiếp theo là lời giải-thích của Ngài. Việc lớn hơn là gì ? Nói tắt, ấy là mục-dịch và kết-quả sự hiện-diện của Ngài trên thế-gian, Con người ; mục-dịch và kết-quả, các thiên-sứ lên xuống trên Con người, và trời mở ra. Qua Ngài, mối dây này sẽ liên-kết các cửa trời khép kín với đất mà người ta không biết đến. Như thế, mục-dịch của đê-tài nói về chính mình Ngài, trong sự hiện-thân làm người và ý-dịnh của sự hiện-thân ấy.

Bây giờ chúng ta hãy xem hình-ảnh ở đây. Di-nhiên Chúa chúng ta muốn nhắc đến một sự-kiện đã xảy ra trong quá-khứ và được ghi-chép vào lịch-sử. Đó là sự-kiện trong Sáng-thể Ký 28. Đó là câu chuyện Gia-cốp được đổi tên Y-sơ-ra-ên. Lúc ấy người đang lang-thang trong thái-độ bất tuân-phục, bỏ nhà đi xa vì đã bị mẹ xúi-giục lường-gạt. Người đến một chỗ gọi là Lu-xơ, nằm xuống đất và gối đầu trên một tảng đá. Người nằm mơ thấy một chiếc thang. Thật ra dịch là « chiếc thang » không đúng. Trong tiếng Hy-bá-lai chữ này có nghĩa là một đường lên xuống theo kiểu thang lầu. Người cũng thấy Đức Giê-hô-va trong giấc mơ,

và Ngài đứng không phải ở đầu thang, theo như bản dịch của chúng ta. Không, Ngài đứng ngay tại đó, trên mặt đất, bên cạnh Gia-cốp. Cái thang, thang lầu này cũng dựng thẳng. Khi Gia-cốp thức giấc, người nói: Đức Chúa Trời ở đây; thật, Đức Chúa Trời hiện có ở nơi đây. Người thấy cầu thang, và đó là bức tranh của giấc mơ. Gia-cốp và Đức Giê-hô-va ở gần nhau và chính từ chỗ cả hai gần nhau trong giấc mơ ấy, chiếc cầu thang chảy dài đến trời và mất hút. Các sứ-giả lên xuống cửa Thiên-đàng, trong vòng trật-tự — chữ thiên-sứ ở đây dịch đúng nghĩa với chữ sứ-giả được dùng trong Cựu và Tân-ước — đã đi lên, mang theo tin-tức. Họ cũng đi xuống, đem tin-tức. Đó là bức tranh.

Tôi tin Na-tha-na-ên đang đọc về Gia-cốp khi người đứng dưới cây vả. Tôi tin người đã đọc câu chuyện trở về của Gia-cốp khi Ngài làm cho Gia-cốp tàn-tật và đổi tên là Y-sơ-ra-ên. Đó là vấn-đề người đang suy-nghi và tôi tin Chúa chúng ta muốn dùng điềm đó mô-tả người, những điều người đang suy-nghi dưới cây vả, trong chỗ yên-lặng và trầm-tư của người. Có phải người tin vì người biết Ta đã biết người trước khi Phi-líp gặp người chăng? người sẽ thấy việc lớn hơn thế nữa. Người sẽ thấy trời mở ra như Gia-cốp thấy, khi người bỏ nhà ra đi. Người sẽ thấy trời mở ra, và người sẽ thấy điều Gia-cốp thấy, các thiên-sứ lên xuống trên thang và Con người sẽ là con đường lên xuống ấy. Hình-ảnh Ngài dùng ở đây rút từ một giấc mơ xưa.

Hình-ảnh này có nghĩa gì với Gia-cốp hồi đó? Đó là hình-ảnh nói lên sự săn-sóc của Đức Giê-hô-va đối với người, tình yêu của Đức Giê-hô-va đối với người. Tôi nhấn mạnh ở điềm là lúc ấy người bỏ nhà ra đi một cách buồn-bã. Không ai có thể bênh-vực hành-động cướp điềm mà ông cho là thuộc riêng của mình tức là quyền trưởng-nam của Ê-sau. Chúng ta không bào-chữa Gia-cốp ở điềm đó. Quyền trưởng nam

đó sẽ thuộc về người, theo kế-hoạch của Đức Chúa Trời, nhưng sự thật chúng ta không giúp Đức Chúa Trời mà làm tri-hoãn mục-đích của Ngài khi chúng ta dùng mưu-kế để giúp Ngài thực-hiện ý-định. Và đó là vấn-đề của người. Người ra đi trong một trường-hợp buồn-bã. Dĩ-nhiên lộ-trình ngày nay khác xa quá nhiều. Hãy mở tấm bản-đồ và xem cuộc hành-trình của Gia-cốp. Quan-sát xứ mà người đã đi qua và xứ người đang đi đến. Đó là cả một cuộc lưu-đày. Chúng ta có thể tưởng-tượng nỗi thao-thức của người đêm đó, và cảm-giác cô-đơn của người càng thấm-thía hơn vì biết rằng đó là kết-quả việc làm sai bậy của mình. Ngài nhìn thấy viễn tượng đó và gặp Đức Chúa Trời ngay tại đó.

Lúc tỉnh dậy, người nói gì? « Đây thật là đền Đức Chúa Trời, thật là cửa của Trời. » Nhưng còn nói thêm : « Thật Đức Giê-hô-va hiện có trong nơi đây mà tôi không biết. » Hãy chú-ý về động-từ trong câu này. Sự xác-tín hiện-tại tương-phản với sự không biết trong quá-khứ. » Thật Đức Giê-hô-va hiện có trong nơi đây. » Tối hôm qua, lúc nằm xuống, tôi không biết điều đó. Tôi không nhận ra. Tôi không nghĩ là Đức Chúa Trời ở đây. Không, chắc hẳn người tưởng mình đã làm buồn lòng Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời đã bỏ rơi người cho nên người phải cố-gắng hết sức. Nhưng trong chiêm-bao đêm ấy, Đức Giê-hô-va đứng đó, Ngài bày-tỏ chính mình trong giấc mơ của người, rất gần-gũi với người; và kia, các thiên-sứ lên xuống trên thang và trong đêm đó Gia-cốp học biết sự chăm-sóc của Đức Chúa Trời. Chúng ta không thể nói nhiều hơn vì đây là một chuyện khá đê-tiện. Bởi có ngay sau đó, Gia-cốp mặc cả với Đức Chúa Trời. Nếu Ngài làm cái này cái kia, tôi sẽ làm như vậy. Gia-cốp là một tâm hồn nhỏ nhen. Dầu sao sự mặc -khải lớn lao đã đến với người. Đó là giấc chiêm bao Chúa chúng ta muốn nhắc lại cho Na-tha-na-ên khi Ngài nói « việc lớn hơn, » và việc lớn ấy như sau : Người sẽ thấy Trời mở ra và thiên-sứ lên xuống trên Con người.

Trong toàn-thể bức-tranh và trong cách trình-bày qua một mẫu lịch-sử được ghi-chép trong sách thánh mà Na-thana-ên quen thuộc hơn hết, chắc hẳn Ngài muốn cho chúng ta thấy mối tương quan giữa trời và đất, hai không-gian không thể phân cách, không chia biệt, nhưng đất có thể tiếp-xúc với trời và trời có thể giao-tiếp với đất. Đó là bài học qua giấc chiêm-bao của Gia-cốp và cũng là sự-kiện hệ-trọng Chúa Jêsus đã đến để dạy cho nhân-loại.

Chú-ý ở đây, chúng ta thấy hai lãnh-vực hòa-trộn trong Thế-cách của Ngài, Con Đức Chúa Trời và Con người Ngài thuộc về nhà trên trời, miền trên trời và địa vị trên trời. Vâng, nhưng Ngài cũng thuộc về nhà, miền và địa-vị ở trần-gian nữa. Ngài là Con người. Trời và đất được nối kết trong Thân vị Ngài. Và đó là một sự-kiện rõ-ràng mà Ngài đã bày-tỏ cho con người qua chính mình Ngài. Xuyên qua Ngài, cánh cửa đóng phải mở ra. « Các người sẽ thấy cửa trời mở ra » ngụ ý cánh cửa đã đóng và con người đã mất liên-lạc, mất tương-giao với thế-giới trên trời nhưng Chúa Jêsus nói: Xuyên qua Ta, cánh cửa đó sẽ mở ra. « Các người sẽ thấy trời mở ra » và cứ mở trống nhờ có Ta.

Rồi đến các thiên-sứ, chúng ta phải làm gì? Tôi xin khuyên bạn đừng làm gì cả, nhưng chỉ tiếp nhận họ và tin lời Ngài phán. Di-nhiên chúng ta đã vượt-qua nghệ-thuật trung-cổ. Nghệ-thuật tân-tiến chẳng biết gì về thiên-sứ. Chúng ta đã đánh mất thiên-sứ trong suy-tư và triết-lý của chúng ta. Chúng ta không tin thiên-sứ. Không, phần lớn chúng ta là người Sa-đu-sê! Họ không tin sự sống lại, hoặc thiên-sứ hoặc thần-linh. Chắc-chắn khi bạn từ chối thiên-sứ, có thể lắm bạn cũng phủ-nhận luôn Thần-Linh của Đức Chúa Trời và sự sống lại. Đó là điều nguy-hiêm. Đó là con đường của triết học ấy.

« Thiên-sứ lên xuống. » Ngài bảo thế, và tôi nghĩ là Ngài nhớ lại câu chuyện Cựu-ước. Trong cuộc đời làm

người, Ngài đã biết Kinh-Thánh. Ngài biết chức-vụ và sự viếng thăm của thiên-sứ và có thể lắm đã nhớ đúng câu: « Thiên-sứ của Đức Giê-hô-va đóng trại chung quanh những kẻ kính sợ Ngài. » Dầu sao, Ngài muốn nói rằng nhiệm-vụ của những sinh-vật trên trời là duy-tri liên-lạc giữa trời và đất trên chính Ngài và qua Ngài.

Tác-giả thư Hy-bá-lai có lòng tin chắc nơi thiên-sứ khi viết: « Họ há chẳng phải điều là thần hầu việc Đức Chúa Trời, đã được sai xuống để giúp việc những người sẽ hưởng cơ-nghiệp cứu-rỗi hay sao? « Chữ » « hầu việc » nói lên hai nhiệm-vụ của thiên-sứ. Trước hết, họ lo về lễ-chế. Đó là nhiệm-vụ tối-cao của họ, lo việc thờ-phượng trước Ngồi đời đời và trước vinh-quang không tả xiết của Đức Chúa Trời. Trở về với Ê-sai, chúng ta thấy trong sự hiện thấy của người, người thấy các Sê-ra-phin đang thi-hành lễ-chế. Chúng la lên: Thánh thay, Thánh thay, Thánh thay là Đức Giê-hô-va vạn quân; khắp đất này vinh-hiền Ngài. » Đó là ca ngợi, đó là thờ-phượng, đó là nhiệm-vụ lễ-chế, và tác-giả Hy-bá-lai bảo đó là nhiệm-vụ của thiên-sứ.

Nhưng đôi khi họ nghĩ chức-vụ ấy. Họ được sai đi hầu việc, phục-vụ những thừa-kế sự cứu-rỗi, và đó là nhiệm-vụ của thiên-sứ. Chúng ta cũng lại thấy trong cùng một đoạn của sách Ê-sai, tác-giả đã nhìn thấy thiên-sứ, nghe họ hát thánh ca và chính tác-giả phải la lên: Tôi là người có môi do-dáy. Rồi một thiên-sứ được sai đến gặp một than lửa đỏ trên bàn-thờ, đựng vào mỗi tội-nhân, và tẩy sạch tội-lỗi. Họ được sai đi để hầu việc.

Sự kiện này không lỗi thời. Còn rất nhiều điều chúng ta biết chắc chúng ta không thể chứng-minh được. Ý tôi muốn nói ấy là lời chứng. Tôi tin chắc thiên-sứ hầu việc đang bao quanh chúng ta, « thiên-sứ lên xuống trên Con người. » Thiên-sứ hầu việc chấm-dứt phần lớn nhiệm-vụ khi Ngài ở gần, rồi sau đó trở lại, trong Đền-thờ, một thiên-sứ hiện ra với

Xa-cha-ri và thiên-sứ khác hiện ra cùng Ma-ri. Các thiên-sứ không xuất-hiện thường xuyên. Tôi không bảo là họ chẳng bao giờ hay sẽ không bao giờ xuất-hiện thường xuyên; nhưng tôi tin chúng ta đang được vây bọc bởi một đám mây gồm những kẻ hầu việc chúng ta qua Chúa Jêsus-Christ.

xXx

47. ĐỀN-THỜ CỦA THÂN-THỀ NGÀI

Giăng 2 : 13-22

HÌNH-ẢNH thí-dụ được diễn-tả tuy ngắn-ngủi nhưng nặng-tríu ý-nghĩa và đòi hỏi chúng ta phải quan-sát cẩn-thận, tỉ-mỉ. Đó là mấy chữ trong câu mười chín : « Hãy phá đền-thờ này đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại. »

Đây là lần đầu-tiên Chúa chúng ta lên thăm Giê-ru-sa-nem khi Ngài khởi đầu chức-vụ. Ngài vừa rời khỏi Ca-na, lời Ngài đã làm phép lạ lớn-lao. Ngài đã cùng với mẹ và anh em Ngài xuống thành Ca-bê-na-um và ở đó « ít ngày thôi. » Lễ Vượt qua sắp được cử-hành tại Giê-ru-sa-lem. Ngài lên đó và hình như đi thẳng vào Đền-thờ vì đó là điểm đầu-tiên chúng ta đọc.

Chúng ta được biết, khi đến đó, Ngài thấy nhà Cha Ngài bị xúc-phạm, và cảnh xúc phạm đó xảy ra ở sân dành cho dân ngoại. Nên nhớ rằng ấy là vì có những kẻ buôn bán và đổi tiền không được phép vào hành-lang biệt riêng cho người Do-thái. Đó là dấu hiệu chứng tỏ vào thời đó, hành-lang của người ngoại chỉ có giá-trị ở điểm giúp người Do-thái mỗi lúc đến thờ-phượng.

Chúa chúng ta gọi chung tất cả đền-thờ : « Nhà Cha Ta. » Chữ đó bao gồm cả hành-lang của dân ngoại, nên họ đang buôn bán. Chúng ta biết Ngài đã đối phó thế nào rồi. Ngài tẩy sạch hành-lang. Bức-tranh thật linh-động, và ngôn ngữ của Giăng tuy giản-dị nhưng cao quí. Đến lúc chấm dứt chức-vụ, Ngài cũng làm lại việc này. Ở đây, Ngài bện một roi dây. Chúng ta không cần phải bàn-cãi Ngài có đánh ai không. Vô-ích. Bạn tưởng Ngài có đánh không ? Tôi không biết, và cũng chẳng muốn biết. Riêng tôi, tôi cho rằng với cái roi tượng-

trưng ấy trong tay, Ngài tiến giữa đám đông và mọi người đều thấy vẻ oai-nghi và quyền-năng của Ngài. Nếu Ngài có đánh ai, tôi chắc người đó bị đau, nhưng tôi cũng không dè dặt về diêm đó. Quan-diêm thiếu can-dảm cho rằng Chúa Jêsu không đánh ai cả, không đúng. Tuy nhiên, đó là bối cảnh câu chuyện. Ngài dẹp sạch Đền-thờ và đuổi súc-vật, đồ bàn của người đổi bạc, đuổi cả đám đông ra ngoài Ngài bảo kẻ giữ cửa : « Hãy cất bỏ đồ đó khỏi đây, đừng làm cho nhà Cha Ta thành ra nhà buôn bán. » Bạn tưởng Ngài có dùng tiếng nói khác hơn giận-dữ khi nói thế không ? Nếu bạn nghi thế, quan-diêm của bạn về Chúa khác với quan-diêm của tôi. Ngài dẹp sạch Đền-thờ.

Đó là cơ-hội đưa chúng ta đến một diêm cần phải suy-nghi. Chúng ta được biết người Do-thái, những kẻ cai-trị, kẻ nắm quyền-hành, đại-diện cho người Hy-bá-lai đến cùng Ngài, xin một dấu lạ và xin bằng cách : « Thầy làm như vậy thì cho chúng tôi xem thấy phép lạ chi ? » Như vậy là thế nào ? Tức những việc Ngài đã làm, như là đuổi súc-vật, phóng thích chim, vãi tiền và đuổi thương-gia ra khỏi nhà Cha Ngài. Họ nói : Xin cho chúng tôi một dấu lạ.

Lời yêu cầu xin dấu lạ nhằm mục-đích xin Ngài cho họ biết nhân-danh quyền-gi mà Ngài làm việc những trên. Đó là thái-độ thách-đố thăm-quyền của Ngài. Thăm-quyền Ngài ở đâu ? Nó cần-thiết, sống thực ở diêm nào ? Ngài đã đến không cần xin phép, bên ngoài chỉ như một Nông-dân, mặc đồ may lấy ở nhà, đi thẳng vào hành-lang thánh, phá-hủy ít ra là trong cơ-hội hiện-tại, những món lợi do cả một hệ-thống giai-cấp tế-lễ dành cho những thương-gia; thật ra nhờ sự buôn-bán ấy An-ne và nhiều kẻ khác được hưởng khá nhiều lợi. Ngài đến và quét sạch tất cả. Họ muốn biết, do quyền-gi mà Ngài hành-động như thế. Họ thách-đố thăm-quyền của Ngài, dù lúc đó, theo lời ghi-chép; họ không dùng chữ thăm-quyền. Tuy-nhiên sau này, cũng trong Đền-thờ ấy,

họ dùng chữ đó. Ma-thi-ơ trong đoạn hai mươi mốt. Mác trong đoạn mười một và Lu-ca trong đoạn hai mươi đều bảo là các người cai-trị đến cùng Ngài, hỏi : «Bởi quyền-phép nào mà Thầy làm những điều này ? «Trong Tin-Lành Giảng đoạn năm (câu 27) khi Chúa chúng ta trò chuyện với những kẻ cai-trị, Ngài giải-thích mối tương-quan giữa Ngài với Đức Chúa Trời như sau : «Cha đã ban quyền thi-hành sự phán-xét cho con, vì là Con người.»

Đó là cả vấn-đề nêu ra đây. Ngài làm những việc này do một quyền-năng không thể chống-cự được. Ngài có quyền gì để làm những việc ấy ? Thăm-quyền của Ngài là gì ? Điều họ đòi hỏi là một dấu lạ về quyền-phép Ngài. Đó là bối-cảnh. Theo thường-lệ, trước hết chúng ta suy-gẫm đặc-biệt về đề-tài qua câu nói của Chúa ; rồi quan-sát hình-ảnh Ngài dùng khi Ngài phán : «Hãy phá đền-thờ này» ; và cuối-cùng, tìm bài học áp-dụng.

Chúa chúng ta muốn đưa đến đề-tài gì khi bảo rằng : «Hãy phá đền-thờ này đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại» ? Họ thách Ngài cho biết quyền sử-dụng thăm-quyền của Ngài, trên phương-diện một vị-vua, một thầy tế-lễ, chưa nói đến một nhà tiên-tri. Họ chất vấn Ngài lấy quyền gì mà lấn địa-vị của một ông vua, một thầy tế-lễ, và xen vào trật-tự sắp đặt trong Đền-thờ. Đó là đề-tài.

Hình-ảnh thí-dụ ở đây không tuyên-bố thăm-quyền của Ngài, không bày-tỏ bản-chất của nó, nhưng là một dấu-hiệu mặc-khải quyền đó. Đó là điều họ mong muốn và cũng là điều Ngài cho họ thấy. Qua những lời bí-ẩn, Ngài muốn bày-tỏ thăm-quyền Ngài mà đưa ra bằng-cớ siêu-việt xác-nhận quyền ấy. Thăm-quyền của Chúa chúng ta là một vấn-đề quan-trọng. Hãy suy-nghĩ kỹ và

theo dõi câu chuyện ở đây. Bọn người này đang thách-dố Ngài. Họ nghi ngờ không biết Ngài có đủ quyền không, và đề khám phá sự-thật, theo họ nghĩ, họ muốn có một bằng-cớ. Nếu tìm được một bằng-cớ đầy-đủ về thẩm-quyền, thì bản chất của thẩm-quyền cũng sẽ lộ ra. Chúa chúng ta đã làm điều đó.

Ngài dùng hình-ảnh gì? Ngài phán : « Hãy phá đền-thờ này đi. » Ngài dùng một danh-từ ám-chỉ một vật mọi người đều thấy, và đã thấy, tức nơi Ngài đang đứng. Ngài đã lên đền-thờ, Ngài ở trong Đền-thờ và tâm-trí họ tự nhiên cũng nghĩ về Đền-thờ. Đó là trung-tâm đời sống tôn-giáo và quốc-gia. Họ vẫn không quên những sự-kiện ăn sâu trong lịch-sử của họ. Đền-thờ là nơi ngự của Ngài Đức Chúa Trời. Chính tại nơi đó, Ngài phán : « Hãy phá hủy đền-thờ này đi. »

Đây là đền-thờ của Hê-rốt, và chữ đền-thờ bao gồm tất cả bờ tường, hành lang và những tòa nhà của đền-thờ nguy nga tráng-lệ mà lúc Chúa Jêsus đứng nói, chưa cất xong. Mấy người đứng đó bảo : « Người ta xây đền-thờ này mất bốn mươi sáu năm. » Không, họ nói : Người ta đương còn xây-cất đền-thờ này suốt bốn mươi sáu năm. » Mãi mười năm sau khi Ngài bị đóng đinh, đền-thờ mới được cất xong. Lúc ấy họ vẫn còn xây cất vài phần của đền. Thời-gian kể cũng khá lâu, như chúng ta xây cất ngày nay ; nhưng ngày xưa họ xây cất giỏi hơn. Chữ đền-thờ *Hieron* bao gồm tất cả khu vực. Nhưng Chúa Jêsus không dùng chữ với nghĩa tổng quát đó khi, Ngài bảo : « Hãy phá đền-thờ này đi. » Chữ Ngài dùng ở đây là *naos*, có nghĩa là nơi Chí Thánh. Lý-tưởng thật về Đức Chúa Trời ấy là trong đền-tạm với hành lang, nơi thánh, bức màn và nơi Chí Thánh. Đại khái kiểu đó đã được áp-dụng xây cất lần lượt các đền-thờ, thời đó vẫn còn áp-dụng Hành lang, nơi thánh và nơi Chí Thánh, đó là ý nghĩa của chữ *naos*, là thánh đường, trung tâm của cả đền-thờ. Ở đây

Chúa Jêsus không dùng chữ chỉ về toàn thể đền thờ, nhưng là phần thánh đường bên trong.

Tôi biết, khi trả lời Chúa Jêsus, họ nói : « Người ta đã xây đền thờ này mất bốn mươi sáu năm » và họ dùng cùng một danh từ Ngài dùng; nhưng dĩ nhiên họ muốn ám chỉ toàn thể công trình xây cất, vì chỉ xây nơi Chí-Thánh không cần tới bốn mươi sáu năm. Ngài không nói thế, Ngài nói về *naos*, tức nơi Chí-Thánh, trung tâm thiêng liêng hơn hết; hãy phá hủy nơi đó đi. Chúng ta biết, vì nhà truyền đạo đã nói, dù Ngài dùng danh-từ chỉ về nơi Ngài đang đứng, và họ hiểu là Ngài ám chỉ chỗ đó; Nhưng Ngài không có ý nói thế. « Ngài nói về đền thờ của thân-thể Ngài ».

Như thế, ở đây Chúa chúng ta dùng một chữ nghĩa bóng ám-chỉ thân-thể Ngài, nơi Chí Thánh. chỗ cư-ngụ của Đức Chúa Trời, nơi Đấng thiêng-liêng mặc khải, trung-tâm gặp gỡ giữa Đức Chúa Trời và loài người do sự hứa hẹn trước của Ngài. Đó là những điểm ứng-dụng cho đền-thờ vật-chất, nhưng Ngài đang nói về thân thể Ngài. Đó là đối-tượng Ngài nhắc đến : « Hãy phá hủy đền thờ này đi, trong ba ngày Ta sẽ dựng lại ». Vậy, đề tài nói về thẩm-quyền của Ngài; còn hình-ảnh chính là thân-thể Ngài.

Ngài nói gì về thân-thể Ngài? Chú ý điểm thứ nhất, Ngài không nói; Ta sẽ phá hủy, nhưng Ngài nói rằng họ sẽ phá-hủy. Đó là một mệnh-lệnh. Ngài thách đố họ : Ngài khuyến-kích họ. Ngài biết thái-độ chống đối của họ sẽ đi về đâu và chấm dứt tại điểm nào. Ngài nhìn thấy vấn-đề và biết lời thách-thức về thẩm quyền Ngài chỉ biểu lộ của thái-độ phản loạn vô tín và đầy nghi-ngờ của họ. Ngài thấy tất-cả, và bảo; Hãy phá hủy đền-thờ này, chính thân thể của Ta đây. Đó là một mệnh-lệnh. Ngài khuyến-kích; thách-đố họ. Ngài biết việc họ sẽ làm. « Hãy phá hủy đền thờ này. Đó là điểm thứ nhất.

Chúng ta dừng lại và nghĩ đến sau này, họ đã xuyên-tạc

câu nói của Ngài kinh-khủng đến chừng nào. Lúc xử án Ngài, Ma-thi-ơ cho chúng ta biết trong lời vu-khống, có người đã nói : « Người này nói : Ta có thể phá hủy đền thờ Đức Chúa Trời và dựng lại trong ba ngày. » Ngài không bao giờ nói thế. Mác kể cho chúng ta lời chứng dối : « Chúng tôi có nghe Người nói : Ta sẽ phá đền thờ này bởi tay người ta cất lên, khỏi ba ngày, Ta sẽ cất một đền thờ khác không bởi tay người ta cất. » Ngài cũng không hề nói như thế. Họ không cần-thận nhớ đúng lời Ngài phán lúc ban đầu. Chúng ta chỉ nhắc đến để có dịp chú-ý đến lời Ngài nói hơn : « Hãy phá hủy đền thờ này, *naos* này, tức thân-thể Đức Chúa Trời đang ngự, và là nơi hò hẹn gặp gỡ giữa con người và chính mình Ngài, hãy thủ tiêu nó : đó là danh từ Ngài dùng, « hãy phá hủy » nó, rồi sao nữa ? « Trong ba ngày Ta sẽ dựng lại ».

Ngài muốn nói gì ? Chỉ có một lời giải-đáp. Ngài muốn nói thế này. Các người xin ta một dấu lạ, để chứng-minh quyền phép của Ta. Chỉ có một dấu lạ sẽ chứng minh tuyệt-đối điều đó; sự chết của Ta do các người sẽ gây ra trên địa hạt thề xác. Sự sống lại sẽ do ta thực-hiện bằng chính quyền năng của Ta. Dấu lạ họ đòi hỏi là sự chết và sự sống lại của Ngài. Họ không hiểu Ngài. Các môn-đồ không hiểu Ngài. Giảng thành thật cho chúng ta biết rằng sau khi Ngài từ kẻ chết sống lại họ mới hiểu lời Ngài nói. Bí-quyết của thẩm-quyền Ngài được bày tỏ qua sự chết và sống lại của Ngài.

Sau này chúng ta cũng gặp một trường-hợp, dưới hình-thức danh-từ khác. Ma-thi-ơ chúng ta biết : « mấy thầy thông-giáo và người Pha-ri-si thưa cùng Ngài rằng : Bầm Thầy, chúng tôi muốn xem thầy làm dấu lạ ». Hãy nghe câu trả lời của Ngài : « Dòng-dõi hung-ác gian dâm này xin một dấu lạ ; nhưng sẽ chẳng cho dấu lạ khác ngoài dấu lạ của Đấng tiên-tri Giô-na ; vì Giô-na đã bị ở trong lòng đất ba ngày ba đêm, cũng một thể ấy, con người sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm ». Hai sự-kiện lớn-lao về sự chết và sự sống lại của

Ngài là dấu lạ và dấu lạ duy-nhất về thẩm-quyền của Con người. Trong dấu lạ bày tỏ thẩm quyền, Ngài mặc-khải luôn bản-chất của thẩm quyền Ngài ; quyền dẹp sạch đền thờ, quyền chữa lành, quyền làm bất cứ điều gì Ngài đã làm đều gói trọn trong huyền nhiệm về sự chết và sự sống lại kỳ-diệu của Ngài. Người ta bảo rằng ngày nay — và điềm này đúng kinh-khủng — vô số người đi tìm một dấu lạ, chất vấn về thẩm quyền của người, tất cả đều thuộc thể-hệ hung-ác và gian-dâm. Dấu lạ ấy còn đến đời đời.

Nếu có ai đòi hỏi chứng-cớ thẩm-quyền tối hậu của Christ là một vị Vua và Thầy Tế-lễ, chúng ta sẽ tìm ở đâu ? Không phải trong lời dạy của Ngài, dù có cao cả và hệ-trọng, sống thực đến đâu ; không phải trong dấu lạ mà chúng ta vẫn gọi là phép lạ của Ngài, dù có kỳ-diệu đến đâu ; cũng chẳng phải trong tấm gương về nếp sống toàn-hảo, dù thánh-khiết, rực-rỡ, tươi đẹp đến thế. Không, chứng cớ thẩm quyền Ngài ấy là sự chết và sự sống lại của Ngài. Không phải chỉ sự chết. Dĩ-nhiên, không bao giờ có sống lại nếu không có chết. Sự chết là kết quả tâm địa độc ác của con người. Sự sống lại là do quyền năng tối cao của Đức Chúa Trời. Hai điều này bổ-túc cho nhau.

Cả hai tạo nên dấu lạ đời đời để bày tỏ thẩm-quyền của Chúa chúng ta cho thế-giới ngày nay ; cho thời-đại này, cho thành phố này, cho quốc gia này. Jêsus-Christ có thẩm-quyền gì ? Hãy cho chúng tôi một dấu lạ và thẩm-quyền ấy. Hãy trở lại Gô-gô-tha và ngôi mộ trống trong vườn của Giô-sép người A-ri-ma-thê, chúng ta sẽ gặp. Đó là dấu lạ nói lên thẩm-quyền của Ngài. Hệ-thống đạo-đức của Ngài không phải là một mặc-khải của thẩm-quyền Ngài. Chúng ta có luật-pháp, một hệ-thống đạo-đức, và gọi đó là Cơ-đốc-giáo. Đó không phải là Cơ-đốc-giáo. Chúng ta có thể đụng đến những nan-đề của tâm trí con người theo đường lối tâm-lý, nhưng đó không phải là Cơ-đốc-giáo. Cơ-đốc-giáo được gói trọn trong thẩm-

quyền tối hậu tuyệt đối của Christ, và dấu lạ về sự chết và sống lại của Ngài.

Chúng ta quay về lời được Đức Chúa Trời hà hơi vào và nghe Phao-lô nói. Hãy đọc lại đoạn mười lăm của thư Cô-rinh-tô thứ nhất, trong đó, mỗi chữ mang một giá-trị bất tận. Chúng ta hãy lấy một đoạn câu (14-19) mở đầu có ba giai-đoạn này : « Nếu Đấng Christ đã chẳng sống lại, thì sự giảng-dạy của chúng tôi ra luống công và đức tin anh em cũng vô ích. » « Nếu Đấng Christ đã chẳng sống lại thì đức-tin anh em cũng vô-ích. » anh em còn ở trong tội-lỗi mình. Vậy, những kẻ ngủ trong Đấng Christ cũng phải hư mất đời đời. » « Nếu chúng ta chỉ có sự trông-cậy trong Đấng Christ về đời này mà thôi, thì trong cả mọi người, chúng ta là kẻ đáng thương hơn hết. » Sau khi đã đặt những giả-thuyết «Nếu», chúng ta xác nhận : «Nhưng bây giờ Đấng Christ đã từ kẻ chết sống lại;» và sự sống lại giải đáp về quyền-năng của Đức Chúa Trời cho những kẻ gian-ác đã đóng đinh Ngài trên thập-tự, và là dấu-hiệu thẩm-quyền hiện-tại và vinh-cửu của Ngài.

48. GIÓ VÀ THÁNH-LINH

Giăng 3 : 8

THEO lời ghi-chép, Chúa chúng ta vẫn còn ở Giê-ru-sa-lem trong lần viếng thăm đầu-tiên của chức-vụ Ngài. Chính cơ-hội này, Ni-cô-đem, một quan cai-trị, và là giáo-sư của dân Y-sơ-ra-ên tìm cách đến gặp Ngài. Những chữ : người là « giáo-sư của dân Y-sơ-ra-ên » nói lên rất nhiều. Theo lối dùng chữ của đương thời, người là một giáo-sư nổi danh, một người được dân-chúng ái-mộ, vì trình-độ trí-thức cao-siêu và sự quen-thuộc Kinh-Thánh của người. Tôi tưởng đó là ý Chúa muốn nói khi Ngài hỏi : « Người là *giáo sư tối thượng-cấp* của dân Y-sơ-ra-ên, mà không hiểu biết những điều đó sao ? » Dầu sao, chắc-chắn người là một giáo-sư và một quan cai-trị. Đây là kẻ tìm cách hội-kiến với Chúa Jêsus.

Hai mươi một câu đầu của đoạn này cho chúng ta biết câu chuyện gặp-gỡ. Một số cho rằng lời nói của Chúa chúng ta chấm dứt tại câu mười lăm còn đoạn bắt đầu từ « Vì Đức Chúa Trời yêu-thương thế-gian » là lời giải-thích của Giăng. Không cần bàn-cãi, tôi phản-đối quan-điểm ấy và tin rằng câu mười sáu chính là lời của Chúa nói. Tuy-nhiên, giữa câu chuyện đàm-luận với Ni-cô-đem, Chúa chúng ta dùng hai thí-dụ, một từ thiên-nhiên, một từ lịch-sử quốc-gia Do-thái. Thí-dụ lấy từ thiên-nhiên là : « Gió muốn thổi đâu thì thổi ; » thí-dụ lấy từ lịch-sử Y-sơ-ra-ên và có lẽ Ni-cô-đem rất quen-thuộc là : « Xưa Môi-se treo con rắn trên nơi đồng vắng thế nào. » Ở đây chúng ta chỉ suy-gẫm thí-dụ thứ nhất, còn thí-dụ thứ hai sẽ xem trong bài sau.

Gió và Thánh-Linh. Theo thói quen chúng ta đặt câu

hỏi: Đề-tài ở đây là gì? — một vấn-đề quan-trọng; sau đó quan-sát hình-ảnh về gió; cuối-cùng — điềm thiết-yếu — tìm bài học của Ni-cô-đem, của chúng ta và chung cho mọi thời-đại.

Chúa chúng ta muốn minh-giải điều gì khi Ngài nói; « Gió muốn thổi đâu thì thổi. » Đây là phần làm sáng tỏ câu trả lời cho thắc-mắc của Ni-cô-đem. Ni-cô-đem nói: « Người đã già thì sanh lại làm sao được? » Câu nói Chúa Jê-sus đã làm cho Ni-cô-đem thắc-mắc, là như sau. Đấng Christ cho Ni-cô-đem biết Nước Đức Chúa Trời đòi hỏi một con người mới. Ngài bảo, không ai có thể thấy Nước ấy nếu không được sanh *anóthen*, từ trên cao; tức một người mới. Phần thứ hai, sau khi đưa thí-dụ, Ngài nói, nếu một người không được sanh lại, từ trên cao, người ấy không thể vào Nước Đức Chúa Trời.

Đó là hai lời tuyên-bố. Christ phán, Nước Đức Chúa Trời, nếu con người muốn tìm hiểu và kinh-nghiệm, phải có một nhân-cách mới. Ni-cô-đem đã đến, tôi rất thành-thật nghi như thế, vì tôi biết và ủng-hộ ông. Tôi không thích những người cho là Ni-cô-đem hèn nhát vì đã đến gặp Chúa Jê-sus ban đêm. Không thể như vậy được. Ông ta không đại dốt. Ông muốn được ở một mình với Ngài và đó là giờ thích-hợp, cả đoàn dân không còn ở đó nữa. Ông là một con người học rộng; và đã đến với lòng xác tín, với một lời xác-nhận phi-thường: « Chúng tôi biết thầy là Giáo-sư từ Đức Chúa Trời đến; vì những dấu lạ Thầy đã làm đó, nếu Đức Chúa Trời chẳng ở cùng, không ai làm được. » Dù người có một quan-diềm và hiểu biết rõ-ràng lẽ thật về Đấng Christ như thế, nhưng Ngài đã nói một lời đánh đố tất cả và hạ thấp sự khôn-ngoan của người, dù là sự khôn-ngoan ở mức-độ cao: « Nếu một người chẳng sanh từ trên cao, thì không thể thấy được Nước Đức Chúa Trời.

Sau đó, bước sang phần sau của câu chuyện, Ngài phán:

« Nếu một người chẳng nhờ nước và Thánh-Linh mà sanh, thì không được vào Nước Đức Chúa Trời. » Hai điều cần-thiết : trước hết, hiểu biết và để hiểu-biết phải có một sự tái-sanh và một nhân-cách mới ; và thứ hai, kinh-nghiệm, tức bước vào, và để được kinh-nghiệm phải được sanh lại, phải có một nhân-cách mới.

Nếu ngày nay thế-giới cần được nghe lại một lẽ thật nào thì lẽ thật đó chính là, tất cả sự khôn-ngoaan của loài người không thể giúp người nhìn thấy hay hiểu biết được Nước Đức Chúa Trời ; và chắc-chắn ngoài sự tái-sanh để tạo nên một nhân-cách mới, con người không thể kinh-nghiệm được Vương vị của Đức Chúa Trời, và nắm biết ý-nghĩa sâu-xa của nó.

Vì có Chúa chúng ta nói như thế, nên Ni-cô-đem trả lời, một ý-kiến rất quan-trọng : « Người đã già thì sanh lại làm sao được ? » Rồi người chứng-minh những gì người đang nghĩ đến trong dạ-hạt thề-xác. Ni-cô-đem không xem thề-xác là toàn thề nhân-cách ; khi nói đến con người, ông không chỉ nghĩ đến thân xác. Ông là một người Pha-ri-si. Ông tin phương-diện tâm-linh trong bản-chất con người. Làm thế nào một người, toàn thề con người, có thể được sanh lại khi đã già rồi ? Để tỏ lòng nghi-ngờ, tìm cách vô-lý của sự-kiện đó, theo như Ni-cô-đem nghĩ, ông ta giải-tò vấn-đề trên phương-diện thề-xác ? « Có thể nào người ấy trở vào lòng mẹ và sanh lần thứ hai sao ? » Lần thứ nhất khi người nói : « Người đã già thì sanh lại làm sao được ? » người nghĩ đến con người trong toàn-thề. Chắc hẳn người đang nghĩ đến cả một quá-khứ suy-tư của chính mình, nghĩ rằng con người của mình, là kết-quả của bao năm qua. Tất cả lịch-trình quá-khứ đã dệt thành cái tội trong hiện-tại. Làm sao một người có thể sửa-chữa lỗi-lầm quá-khứ bắt đầu lại khi đã già rồi ? Người hết sức chứng-minh lập-trường của mình ; Có thể nào người đó « trở vào lòng mẹ và sanh lại

thứ hai sao ? » Có thể nào đem nghiền nát thân-xác và đây nó lúi lại thời phôi thai để được sanh lại chẳng ? Nếu trên phương-diện thể xác đều đó không thể được thì làm sao thực-hiện với toàn-thể nhân-cách con người được ? Đó là vấn-đề. Đừng đi quá xa và bảo Ni-cô-đem ngu-dốt. Đó là một câu hỏi quan-trọng. Đó là một câu hỏi vi-đại.

Chúa chúng ta trả lời thế nào ? Chúng ta gặp ngay thí-dụ : « Quả thật, quả thật Ta nói cùng ngươi : Nếu một người chẳng nhờ Nước và Thánh-Linh mà sanh, thì không được vào Nước Đức Chúa Trời. » Và Chúa Jêsus sửa ngay lầm-lỗi của Ni-cô-đem đã đứng trên quan-điểm thể-xác mà giải nghĩa toàn-thể nhân-cách con người. « Hễ chi sanh bởi xác-thịt là xác-thịt ; hễ chi sanh bởi Thánh-Linh là thần. » Tôi nghĩ, câu này thường được dùng cách không đúng. Có người đọc và tưởng Chúa Jêsus muốn nói xác-thịt là do thừa-hưởng và hoàn-toàn xấu-xa, còn tâm-linh thì khác ; thế nhưng hễ chi sanh bởi xác-thịt phải là xác-thịt, hễ chi sanh thật sự bởi Thánh-Linh luôn luôn tốt-đẹp. Không phải như vậy. Thật ra Ngài muốn nói : Ngươi đã nêu một câu hỏi. Ngươi đã lấy một thí-dụ trong địa-hạt thể-xác Ni-cô-đem Ạ, ngươi nên nhớ rằng luật-lệ của xác-thịt và luật-lệ của tâm-linh không giống nhau. Ta thấy sự khó-khăn của ngươi trong địa-hạt thể xác. Không ai có thể vào Nước Đức Chúa Trời chỉ trừ khi người ấy được sanh lại. Đó là luật-lệ của xác-thịt. Hễ chi sanh bởi xác-thịt là xác-thịt. Ni-cô-đem Ạ, khi bước vào lãnh-vực Tâm-linh, tức ngươi đang bước vào một lãnh-vực khác. Nhưng gì không thể xảy ra trong địa-hạt xác-thịt, có thể xảy ra trong địa-hạt tâm-linh. « Hễ chi sanh bởi xác-thịt là xác-thịt ; hễ chi sanh bởi Thánh-Linh là thần. » « Chớ lấy làm lạ về điều Ta đã nói với ngươi : Các ngươi phải sanh lại. » Hãy đối-diện với điều ngươi không hiểu, nhưng đừng kinh-ngạc. Ngươi không hiểu điều đó. Cách ngươi giải-thích

trên địa-hạt thề xác ấy đúng lắm — nhưng hãy nhớ, còn một địa-hạt của Thánh-Linh, và mọi sự việc xảy ra trong địa-hạt của Thánh-Linh vượt quá tầm hiểu biết của người. Đừng lấy làm lạ vì sao người không hiểu. Đó là trường-hợp Ngài đưa thí-dụ trên. Ngài nâng câu hỏi của Ni-cô-đem sang một địa-hạt khác, một địa-hạt cao hơn của cuộc đời và của con người, đó là địa-hạt tâm-linh. « Gió muốn thổi đâu thì thổi, người nghe tiếng động, nhưng chẳng biết gió đến từ đâu và cũng không biết đi đâu ; hễ người nào sanh bởi Thánh-Linh thì cũng như vậy. »

Chúa chúng ta muốn giải-thích, hoạt-động của Thánh-Linh không phải là một hoạt-động của xác-thịt. Ngài bảo người đừng kinh-ngạc về những đòi hỏi của lãnh-vực tâm-linh ; sau đó, Ngài lấy thí-dụ này.

Bây giờ chúng ta hãy xem hình-ảnh về gió ở đây. Có một bản tiếng Anh dịch là : « tâm-linh muốn thổi đâu thì thổi. » Một số người chấp-nhận quan-điểm đó và nghĩ rằng Đấng Christ đang nói về sự hành-động của Thánh-Linh. Dầu hiểu rõ nhưng nếu chấp-nhận quan-điểm như thế là hủy bỏ điềm tương-đồng ở đây. Trong thí-dụ này không có gì tương-phản. Nếu Ngài nói về Thánh-Linh, tức là Ngài đã đi vào địa-hạt xác-nhận chớ không còn là giải-thích nữa. Hơn nữa, nếu đổi lại là : « Tâm-linh muốn thổi đâu thì thổi, người nghe tiếng động, » không thể được, vì chúng ta không bao giờ nghe được âm-thanh hay giọng nói của Thánh-Linh. Có lẽ có người sẽ bảo trong ngày lễ Ngũ-tuần có tiếng từ trên trời vang-dội như một luồng gió mạnh thổi. Vâng, có gió và Thánh-Linh, nhưng chú ý, Thánh-Linh giống như gió. Có một tiếng động, nhưng vấn-đề là giá-trị của tiếng động đó. Chính giá-trị của nó đã thu-hút cả thành-phố bên ngoài, và phép lạ nói nhiều thứ tiếng mà không cần lập lại cho đến cuối-cùng.

Chữ « gió » ở đây là *pneuma*. Tôi công nhận đây là một trường-hợp bất thường. Chữ này xuất-hiện hơn một trăm năm mươi lần trong Tân-uớc; hai mươi lần trong sách Tin-Lành Giăng. Nó luôn luôn được dịch là tâm-linh, chỉ trừ ở đây, và một trường-hợp khác trong Khải-huyền, chỗ chép về một con thú có quyền truyền sức sống, hơi thở hay tâm-linh cho một bức-tượng. Trong hai trường-hợp này, chữ đó được dịch theo nghĩa khác. Đó là chữ được dùng khi nói về Đức Chúa Trời, loài người và ma-qui. Chính chữ, theo nghĩa đen, không kể đến giá-trị cao-siêu, là một luồng không-khí, một hơi thở, một ngọn gió nhẹ. Căn nguyên của chữ này được nghe trong Sứ-đồ, « một luồng gió thổi ào-ào. » Ở đây, dù Chúa chúng ta có dùng chữ gió mạnh, hơi thở hay gió thoảng đi nữa, mục-dịch của Ngài vẫn là giải-thích công việc của Thánh-Linh.

Điềm thú-vị — dù không quan-trọng — ấy là có lẽ Chúa Jê-sus và Ni-cô-đem đang ngồi trên lầu thượng trong đêm đó. Có lẽ trong lúc hai người nói chuyện, một cơn gió vừa thổi qua thành phố. Nếu cả hai ngồi trong nhà, chắc hẳn họ nghe được được tiếng gió thì thầm, ri-rào qua những nẻo phố Giê-ru-sa-lem. Dù ngồi trên lầu thượng, trong nhà hay trong vườn, điềm duy-nhất đáng nói ở đây là Chúa Jê-sus luôn luôn đề cập đến những gì gần gũi với Ngài; và người nghe Ngài nói thế nào cũng hiểu được. Ngài nói : « Hãy xem những hog huệ » trong lúc có cả một rừng hoa huệ tại đó. Rồi đến lúa mì, cỏ lùng và bất cứ một vật nào cũng vậy. Và ở đây Ngài nói về gió. Trên lầu thượng, gió là một thực tại mà Ni-cô-đem phải nhìn nhận. Gió đang thổi. Tiếng động chứng-minh sự-khện. Ni-cô-đem đã nghe tiếng gió, dù là thổi qua mái nhà, len qua nẻo phố hay lướt qua vườn, không thể nào chối cãi thực sự đó. Ni-cô-đem, người biết điều đó chứ, người có thể nghe tiếng gió không? Ni-cô-đem, bây giờ người hãy nói cho Ta biết gió đến từ đâu? khởi-hành từ đâu? Gió sẽ đi đâu? Ni-cô-đem không thể

nói cho Ngài biết được. « Ngươi chẳng biết gió đến từ đâu và cũng không biết đi đâu. » Một lần nọ có người nói với tôi: Dĩ nhiên, đó chỉ là một câu chuyện bô lừng. Có người cho mình biết gió đến từ đâu và thổi đi đâu được ! Vâng, có lẽ họ tưởng như thế nhưng sự thật vẫn khác. Có lẽ chúng ta đã đọc sách nói đến những hiện-tượng về thời-tiết nhưng chúng ta có thể nào cắt nghĩa rõ-ràng nguyên-nhân của hiện-tượng ấy không ? Có lẽ những khoa-học gia tự cho họ biết rõ điều đó. Nhưng họ có chắc không ? Tôi nghi-ngờ điều đó. Nếu theo dõi tin khí-tượng trên máy truyền-thanh, chúng ta sẽ thấy không phải lúc nào họ cũng biết chắc về thời-tiết. Nhưng bây giờ chúng ta hãy trở lại với vấn-đề. Ni-cô-đem nghe gió thổi trên mái ngói. Tiếng động chứng-minh có gió. Ni-cô-đem ạ, Ta sẽ cho ngươi biết điều ngươi không biết. Ngươi không biết gió đến từ đâu. Ngươi không biết gió về đâu. Ngươi đang đối diện một thực-tại đã chứng thực. Ngươi đang đứng trước một huyền-nhiệm không thể giải-thích được.

Tôi không biết có cần nói gì thêm nữa không. Thí dụ thật là tuyệt-diệu. Hãy nhớ kỹ bối-cảnh câu chuyện. Hãy nhớ kỹ câu hỏi lăm-lẫn của Ni-cô-đem và thí-dụ sai của người; nhớ kỹ cách Chúa sửa chữa quan-niệm ấy và điềm Ngài nhấn mạnh về sự-kiện tâm-linh, một con người mới nhờ được Thánh-Linh sanh lại. Cần chú-ý điềm này. « Gió muốn thổi đâu thì thổi, ngươi nghe tiếng động, nhưng chẳng biết gió đến đâu và cũng không biết đi đâu; người nào sanh bởi Thánh-Linh cũng như vậy. » Điềm quan-trọng hơn hết là chúng ta phải nắm được ý-nghĩa của tương-quan trong câu nói đó. Chúa Jêsus không nói gió muốn thổi đâu thì thổi và Thánh-Linh cũng thế, trong công-việc của Ngài. Đó không phải là so-sánh cuối-cùng gió và Thánh-Linh, vì luận đến cả hai. Đó là hai hình-ảnh riêng biệt, là một bức tranh so-sánh giữa con người Ni-cô-đem với Con Người khác. Ngươi nghe tiếng động và nhờ đó biết được thực-tại; nhưng ngươi không

thề biết nó đến từ đâu và thổi về đâu. Người đứng trước một huyền-nhiệm; người nào sanh bởi Thánh-Linh cũng vậy. Ni-cô-đem ă, tương-quan giữa người với hiện-tượng thiên-nhiên ấy, ngay lúc này, cũng y hệt như tương-quan giữa một người được sanh bởi Thánh-Linh với hiện-tượng ấy. Gió có điềm nào tương đồng? Gió là một sự-khien đã được chứng-thực. Cách vận-chuyển của gió là một bí-ẩn. Về phần Thánh-Linh, người được sanh bởi Thánh-Linh cũng là một sự-khien được kết-quả chứng-thực. Như người nghe tiếng gió dù không biết rõ-ràng về gió người được sanh bởi Thánh-Linh cũng biết điềm đó cách không chối-cãi được vì cảm thấy sự hành-động của Ngài. Như người không thề nào biết gió đến từ đâu và sẽ đi đâu; người nào sanh bởi Thánh-Linh cũng phải nhìn nhận sự hành-động huyền-bí ấy. Có lẽ người ấy không thề khám-phá được lẽ màu-nhiệm lớn-lao của sự tái-sanh thuộc địa-hạt Tâm-linh; nhưng người biết sự-khien đó có thật. Sự-khien vẫn còn đấy, nhưng là một huyền-nhiệm.

Nói tóm lại, thí-dụ này nhấn mạnh và khuyến-khích chúng ta thực-hiện cùng một công-việc trong lãnh-vực Tâm-linh cũng như thiên-nhiên. Trong địa-hạt thiên-nhiên, chúng ta nhìn nhận dữ-khien. Chúng ta ý-thức sự màu-nhiệm. Trong lãnh-vực Tâm-linh hãy làm như thế. Hãy hành-động phù-hợp với sự-khien và đồng-thời nhìn nhận sự màu-nhiệm của phương-pháp. Chúa chúng ta chỉ đưa ra một chứng-minh về gió. Ngài nói đến tiếng động của gió. Đó là điềm chính Ni-cô-đem và Ngài nhận thức được, trong lúc đó ban đêm tại nơi ấy. Còn nhiều minh-chứng khác về gió nữa. Như sức mạnh chẳng hạn. Chúng ta đều biết sức mạnh của gió; chúng ta vẫn không biết nó đến từ đâu và sẽ đi đâu. Đó là lẽ màu-nhiệm, nhưng là một sự-khien có thật. Và ai sanh bởi Thánh-Linh cũng như vậy. Thật ra Chúa chúng ta muốn nói: Ni-cô-đem ă, nếu trong địa-hạt Tâm-linh người cũng hành-động

cùng một cách như người đã thành thật hành-động trong địa-hạt thiên-nhiên, người sẽ thấy chính mình thế nào ? Người hãy lấy thí-dụ trong thiên-nhiên về gió chẳng hạn. Hãy áp-dụng định-luật quen thuộc này : Hãy vâng theo định-luật về lực, lực sẽ vâng phục người. Vâng phục định-luật của gió, gió sẽ thổi cánh buồm và đẩy thuyền vượt biển. Nếu người vâng phục lực (hay sức mạnh), lực sẽ làm đầy-tổ người, nhưng người vẫn không hiểu sự mầu-nhiệm về lực. Trong lãnh-vực thiên-nhiên, không ai bận tâm bàn cãi một huyền-nhiệm mà bỏ rơi lực. Đó là điều Đấng Christ muốn áp-dụng trong lãnh-vực của Thánh-Linh. Hãy vâng phục luật của Thánh-Linh, Thánh-Linh sẽ vâng phục người. Hãy vâng-phục luật-lệ của đời sống tâm-linh, rồi mọi năng-lực của sự sống ấy sẽ chứng-tỏ thực tại của sự sanh lại, tức sanh từ trên cao, sanh bởi Thánh-Linh.

Chúng ta có thể đảo ngược luận-diệu trên. Đừng vâng phục định-luật của lực, lực sẽ phá-hủy bạn. Bất tuân luật của gió, gió sẽ đánh đắm thuyền của bạn. Hãy vâng-phục luật của lực, lực sẽ vâng phục bạn. Đối với điện cũng thế. Sự thật không bao giờ thay đổi. Vâng theo luật lệ của điện, điện sẽ phục-vụ bạn, soi sáng nhà bạn, điều-khiển xe bạn và làm mọi việc cần-thiết như ngày nay. Nhưng nếu bất tuân luật của lực đó, nó sẽ đánh ngã bạn như sấm-sét của sự chết.

Vấn đề Chúa Jêsus đưa ra vô cùng hệ-trọng và đó là một thí-dụ rất quý. Ni-cô-đem, người nghe gió thổi. Người biết có gió vì hiện người đang nghe tiếng động của gió; nhưng người đang đứng trước một huyền-nhiệm. Ni-cô-đem, người phải được sanh bằng nước, nghĩa là ăn-nhăn, và bằng Thánh-Linh, nghĩa là cải-tạo. Dù người không hiểu huyền-nhiệm đó, nhưng hãy vâng-phục luật-lệ, thì sức mạnh sẽ phục-vụ người, và dù trên phương-diện thể-chất, người không thể trở vào lòng mẹ để được sanh lần thứ hai, nhưng trong lẽ mầu-nhiệm về nhân cách, trung-tâm của đời sống tâm-linh, người

có thể được sanh lại, trở nên mới, được sanh từ trời và sẽ tìm thấy con người, bản-chất mới ấy qua những hiểu biết và kinh-nghiệm về Nước Đức Chúa Trời của người trong tương-lai.

xx

49. CON RẮN BỊ TREO LÊN

Giăng 3 : 14.

TRONG bài học trước, Chúa chúng ta đã dùng thí-dụ về gió và Thánh-Linh để làm sáng-tỏ câu trả lời của Ngài cho thắc-mắc đầu-tiên của Ni-cô-đem : « Người đã già thì sanh lại làm sao được ? » Sau đó Ni-cô-đem hỏi thêm, và Chúa Jê-sus đã dùng thí-dụ về con rắn bị treo lên trả lời cho thắc-mắc thứ hai của người : « Điều đó làm thế nào được ? »

Chúng ta dừng tại đây để xem điểm khác biệt giữa hai câu hỏi của Ni-cô-đem. Câu thứ nhất là : « Người đã già thì sanh lại làm sao được ? » Đây không phải là một câu hỏi vô-lẽ nhưng rất trang-nghiêm, chứng-tỏ người có suy-nghi. Người không phủ-nhận giá-trị điều Christ đã đề-nghị cho một khởi điếm mới. Chúa Jê-sus nói : « Nếu một người chẳng sanh lại, thì không thể thấy được Nước Đức Chúa Trời. » Ni-cô-đem không phản-đối điều đó. Thắc-mắc của người là làm sao thực-hiện điều đó. Làm sao một người có thể được sanh lại như thế chưa được sanh ra bao giờ. Con người là sản-phẩm của hằng bao năm đã qua. Làm sao bắt đầu lại được ? Đó là một câu hỏi thành thật, một câu hỏi thông-minh, nhưng cũng nói lên khá nhiều nghi-ngờ về phương-diện khả-năng.

Sau khi dùng hình-ảnh thí-dụ về gió và Thánh-Linh, Ngài kết-luận rằng đối với những sự-kiện thiên-nhiên, không phải hễ gặp một huyền-nhiệm thì con người từ-chối hành-động, nhưng trái lại con người vẫn nắm lấy những lẽ thật hiển-nhiên không thể phủ-nhận được. Tiếng gió thổi, Ni-cô-đem nghe được và phản-ứng dù đó là một huyền-nhiệm. Người không thể cho biết gió đến từ đâu và sẽ thổi về đâu; một người sanh bởi Thánh-Linh cũng vậy. Mọi người sanh bởi Thánh-Linh đều vâng phục định-luật về lực, một định-luật không thể chối-cãi được, dù con người không thể hiểu lẽ mầu-nhiệm về lực ấy.

Vừa nghe xong, Ni-cô-đem hỏi thêm một câu, không phải thế nào điều đó xảy ra được, nhưng là: Làm sao giúp cho điều ấy xảy đến? Người vẫn còn đứng trong cùng một lãnh-vực khó-khăn. Chữ người ở đây dùng rất rõ-ràng, *genesthai*, không có nghĩa là: Làm sao điều đó xảy đến được? Nhưng: Điều đó xảy đến như thế nào? Tôi xin dựa trên câu hỏi của Ni-cô-đem và dịch rõ-ràng hơn một chút: Điều đó xảy đến nhờ quyền-năng nào? Đó không phải là một câu hỏi về thực-tại của sự-kiện, nhưng về cách thực-hiện. Điều thứ nhất không thể tin được. Vậy, nếu có một định-luật của Thánh-Linh, luật ấy diễn tiến ra sao? Làm sao thực-hiện điều nói trên?

Đề trả lời câu hỏi đó, Chúa chúng ta dùng hình-ảnh con rắn bị treo lên. Ở đây chúng ta cũng áp-dụng ba bước đề khảo-sát thí-dụ. Trước hết, tìm đề-tài. Thứ hai, xem hình-ảnh Chúa dùng. Cuối cùng dĩ-nhiên, chúng ta tìm bài học áp-dụng cho chính mình và cho mọi thế-hệ.

Chúa Jêsus muốn nói gì qua hình-ảnh lịch-sử ấy? Chúng ta hãy xem câu mười hai, Chúa Jêsus phán: « Vì bằng Ta nói với các ngươi những việc thuộc về đất, các ngươi còn chẳng tin thay; huống chi Ta nói những việc thuộc về trời, thì các ngươi tin sao được? » Chúng ta đọc câu đó và thường nghĩ như thế Chúa muốn nói: Ta không thể nói cho các ngươi những việc thuộc về trời. Ngài không có ý nói thế, vì ngay sau đó Ngài đã cho Ni-cô-đem biết những việc thuộc về trời. Và đây là việc Ngài đang làm. Trước đó, Ngài nói với người những việc thuộc về đất, sự cần-thiết cho một con người mới trên lãnh-vực trần-gian. Ngài đã chứng-minh điều đó qua một sự-kiện thiên-nhiên, tiếng gió thổi. Ngài nói cho người biết những việc thuộc về đất, và Ni-cô-đem vẫn còn nghi-ngờ. Người không thể hiểu được. Như thế làm sao người có thể tin nếu Ngài vén màn cho người thấy những việc thuộc về trời? Những việc thuộc

về đất đã nhắc đến cho biết những điều cần-thiết con người cần phải có để được sanh lại, sống một cuộc đời mới trên đất. Ni-cô-đem, người hỏi: Điều đó được thực-hiện như thế nào, phải không? Câu trả lời sẽ đem người vào đối-diện với những việc thuộc về trời; hành-động của thiên-đàng tạo nên kinh-nghiệm của trần-gian. Từ đó, Chúa chúng ta cho biết con người có thể thoát-ly quá-khứ, nhờ tiếp nhận sự sống mới từ trời. Đây là điều làm cho Ni-cô-đem bối-rối lúc đầu, làm sao người có thể thấy mà lại bước vào kinh-nghiệm về Nước Đức Chúa Trời. Bí quyết của sự sống có thể giải-phóng linh-hồn con người và cách giúp con người nhận được sự sống ấy tức khắc, được gói trọn trong câu: « Xưa Môi-se treo con rắn lên nơi đồng vắng thế nào, Con người cũng phải bị treo lên thế ấy; hầu cho hễ ai tin đến Ngài đều được sự sống đời đời. Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế-gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời. Vì, Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế-gian, chẳng phải để đoán xét thế-gian, nhưng để thế-gian nhờ Con ấy được cứu. »

Đó là những việc thuộc về trời. Những việc thuộc về đất, sự cần-thiết phải tái-tạo nhân-cách, sự giải-phóng linh-hồn khỏi tàng tích và ảnh-hưởng của quá-khứ, sự sống mới để giúp linh-hồn nếm-trải kinh-nghiệm về Nước Đức Chúa Trời; đó là những việc thuộc về đất. Người hỏi những bí-mật của trời. Làm sao người tin được nếu Ta nói cho người? Lời tuyên-bố trọng-đại cùng với câu mười sáu luôn luôn được nối-kết với câu mười bốn, mười lăm và mười bảy.

Hãy chú-ý hai câu (16,17) cùng bắt đầu với chữ: « Vì... Vì » (theo bản tiếng Anh). Đó là hai câu theo sau câu: « Xưa Môi-se treo con rắn lên nơi đồng vắng thế nào, Con người cũng phải bị treo lên thế ấy; hầu cho hễ ai tin đến Ngài đều được sự sống đời đời. Vì... » Bắt đầu từ đây mọi vấn-đề

Ngài thí-dụ trên, đều thuộc địa-hạt trời. «Vi Đức Chúa Trời yêu thương,» và «Vi Đức Chúa Trời đã sai Con Ngài xuống thế-gian, chẳng phải để xét đoán, nhưng để cứu.» Đó là những việc thuộc về trời. Dù không nói nhiều về hai câu này, chúng ta vẫn phải nhìn nhận chúng trên quan-điểm hành động của Thượng-đế về trách-nhiệm của con người.

Bây giờ chúng ta trở lại hình-ảnh. «Xưa Môi-se treo con rắn lên nơi đồng vắng thề nào.» Vừa dùng xong một thí-dụ về hiện-tượng thiên-nhiên ở trên, đến đây Ngài lấy thí-dụ trong địa-hạt lịch-sử. Ni-cô-dem biết Cựu-ước. Người là giáo-sư của dân Y-sơ-ra-ên, và biết Kinh-thánh. Chúng ta cũng quen thuộc với câu chuyện. Đó là câu chuyện trong Dân-số Ký 21, kể lại cách Môi-se treo con rắn trong đồng vắng.

Hình-ảnh con rắn bị treo lên có nghĩa gì? Tại sao Môi-se treo con rắn ấy lên nơi đồng vắng? Vì dân chúng đã phạm tội cương-quyết chống-ngịch Đức Chúa Trời. Chỉ một câu ngắn trong Dân-số Ký đoạn hai mươi mốt cũng tóm tắt được cả câu chuyện. «Họ nói nghịch cùng Đức Chúa Trời.» Đó là lịch-sử phía sau sự-kiện. Dân-sự cương-quyết và cố tình chống-ngịch chính-phủ thiêng-liêng. «Họ nói nghịch cùng Đức Chúa Trời,» và câu chuyện trong Dân-số ký cho chúng ta biết kết-quả sự phản-loạn là hình-phạt của Đức Chúa Trời. Rắn lửa đã bò ra cắn họ đến chết và gây đau-đớn khủng-khiếp.

Nhưng chúng ta chưa nói đến con rắn bị treo lên. Đó chỉ là bối-cảnh. Tại sao con rắn bị treo lên? Nó bị treo lên vì có dân-sự chống-ngịch Đức Chúa Trời và vì hậu-quả của thái-độ chống-ngịch, họ bị hình-phạt đau-đớn. Đó là lý-do.

Chúa Jêsus nói: như Môi-se treo con rắn lên trên đồng vắng; với bản-chất ngây thơ của trẻ con, chúng ta trở về với câu chuyện trong Dân-số Ký, đặt câu hỏi: Tại sao Môi-se treo rắn lên, và nó bị treo lên có nghĩa gì? Trước hết, người

treo rắn lên do thẩm-quyền của Đức Chúa Trời, do thẩm-quyền của chính Đấng mà dân-sự chống-nghịch. « Họ nói nghịch cùng Đức Chúa Trời » và Đức Chúa Trời mà họ đã nhục-mạ và phủ-nhận thẩm-quyền, chỉ định treo con rắn lên.

Tại sao treo rắn lên ? Đề cho những kẻ đang đau-dớn vì kết-quả thái-độ phản-loạn của họ, một dịp-tiện quay về với chánh-phủ của Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy chú-ý diềm này trước. Dân-sự phải làm gì ? Môi-se phải làm một con rắn bằng đồng và treo trên một cây sào. Dân-sự phải làm gì ? Nhìn lên con rắn bằng đồng. Hành-động có vẻ điên-rồ thật. Nhưng không. Con rắn bằng đồng có gì chữa bệnh được không ? Không, không phải chính nó chữa bệnh. Vậy tại sao nhìn ? Vì Đức Chúa Trời ra lệnh bảo như thế. Thẩm quyền của Ngài đã bị nhục mạ. Ngài dùng thẩm-quyền ra lệnh treo con rắn lên, và mọi người phải nhìn nó, và mỗi cái nhìn là kết-quả của thái-độ đầu-phục thẩm-quyền Thiên-thượng, đánh-dấu một khởi điềm mới. Đức Chúa Trời đã bị khinh rẻ nay được những ai nhìn con rắn đầu phục. Hằng trăm người đã nhìn lên. Đó là cái nhìn suy lý. Cũng có kẻ không nhìn lên. Chúng ta biết rằng nếu không nhìn, họ ắt bị chết vì vết cắn có nọc độc. Nhưng cái nhìn là một thái-độ phục-tùng mạng-lệnh Thiên-thượng, và chỉ có thế. Hành-động của đôi mắt tự nó không có giá-trị gì. Sự chữa bệnh cũng không ở trong con rắn bị treo lên, nhưng ở trong thái-độ vâng lời mạng-lệnh Thiêng-liêng. Vậy, Môi-se treo con rắn lên nơi đồng vắng, trước hết, theo thẩm-quyền của Đức Chúa Trời và thứ hai, để tạo cho những người nam và nữ đang đau-khổ vì kết-quả của tội-lỗi một dịp-tiện quay về với chính-phủ của Đức Chúa Trời đã bị họ từ chối, qua thái-độ vâng-phục mạng-lệnh Ngài khi họ nhìn con rắn.

Di-nhiên, diềm thứ ba cũng được kể đến ấy là sự ăn-năn cần-thiết, một sự đồi ý ; một hành-động phát-xuất từ một tâm-trí đã thay đổi. Nếu những người nam và nữ trong trại

ấy đều nghe lời tuyên-bố là Đức Chúa Trời đã chỉ định treo con rắn lên, và mỗi cá-nhân quay nhìn con rắn ấy đều có tấm lòng ăn-năn; chứng-tỏ họ đã đổi ý, không nói nghịch cùng Đức Chúa Trời nữa, nhưng vâng-phục Đức Chúa Trời.

Cuối cùng, di-nhiên khi họ đã làm trọn những điều-kiện trên, họ sẽ nhận được sự sống mới và những vết thương đau đớn do xúc-phạm của họ sẽ được chữa lành. Đó là câu chuyện trong Dân-số Ký. Do thăm-quyền của Đức Chúa Trời, Môi-se treo con rắn lên để tạo một thời điểm cho những kẻ đã nói nghịch, phản-loạn Ngài và bị đau-khổ, có thể trở lại, và nhờ nhìn lên con rắn, sẽ được chữa lành, phục-hồi, trong thái-độ phục-tùng đơn-sơ mạng-lệnh Ngài.

Nhưng đây là điểm lạ-lùng cao-cả. Mỗi gương mặt quay lại là một tấm lòng ăn-năn và vâng lệnh Thiên-thượng; và bất cứ khi nào một người vâng-phục quay về, biểu lộ qua cái nhìn, người đó sẽ được chữa lành và có sự sống ngay.

Ni-cô-đem, người biết lịch-sử dân-tộc người. Người đã hỏi những việc thuộc về trời. Hãy để Ta bắt đầu bằng cách đem người về nơi trang-sử của dân-tộc người, câu chuyện quen thuộc về con rắn ấy; tại đó người sẽ thấy hoạt-động của trời tạo nên dịp tiện cho hoạt-động của đất; và khi hoạt-động của đất và của trời gặp nhau, con đường sự sống sẽ lộ ra. « Như xưa... » Con người cũng... »

Chúng ta đi lùi lại từ đầu thí-dụ, sẽ thấy ngay điểm cao cả của nó. Câu chuyện trong đồng vắng này nói lên căn-nguyên nhu-cầu của nhân-loại. Đó là gì? Con người bị hư mất vì chống-nghịch Đức Chúa Trời. Đó là cả câu chuyện của thế-giới đau khổ và thất-bại ngày nay. Đó là câu chuyện về sự thất-bại của riêng đời bạn và tôi. Đó là mẫu chuyện thất-bại của tất cả những tương-quan xã-hội. Đó là câu chuyện thất-bại của đời sống quốc-gia và những tương-giao quốc-tế.

Nguyên nhân sau cùng vẫn là thái-độ chống-ngịch Đức Chúa Trời; và kết-quả là bị hư mất.

Chỉ có một hy-vọng cho riêng cá-nhân cũng như cho cả dân-tộc. Hy-vọng gì? Một khởi điếm mới, một sanh-nhật mới, mỗi tương-giao với một sự sống mới sẽ giải-thoát chúng ta khỏi ràng buộc của quá-khứ, và giúp chúng ta thực-hiện mọi việc trong tương-lai. Để dùng thí-dụ riêng, tôi xin lui lại hai mươi năm về trước, những năm đen tối và kinh-khủng. Lúc ấy, qua tác-phẩm của những con người có lẽ không xưng nhận cùng một đức-tin nơi Christ như chúng ta, chúng ta vẫn luôn luôn thấy họ lặp đi lặp lại rằng nhu cầu của thế-giới ngày nay là một tâm-linh mới. Điềm kỳ-lạ là những người này đã vô-tình nhắc lại lời phán của Chúa Jê-sus : « Ngươi phải sanh lại ». Đó là bối cảnh câu chuyện. Ni-cô-dem ngồi đó, và Chúa Jê-sus nói chuyện với người, dùng thí-dụ chứng tỏ cho người thấy nền tảng lịch-sử hư mất của loài người phản-ngịch, không có một hy-vọng nào; nhưng rồi một biến cố đã xảy ra để chữa lành cho họ và đem lại một yếu tố mới cho cuộc sống của họ. Như thế, chúng ta đã nhìn thấy tình-trạng của thế-giới và nhân-loại.

Tiếp theo, Chúa chúng ta cho người biết hành-động của Thượng-đế. « Như Môi-sê treo con rắn lên nơi đồng vắng thề nào, Con người cũng sẽ bị treo lên thề ấy. » « Bị treo lên? Ai cũng biết ý Ngài muốn nói :

« ... ấy là Ngài bị treo lên và chết. »

Đó là điều Ngài muốn nói. Một câu nói vi đại. Chúng ta cũng gặp lại câu ấy qua môi miệng Chúa Jê-sus sau này (8 : 28). Lúc ấy Ngài nói với kẻ thù Ngài. « Vậy Đức Chúa Jê-sus phán rằng: khi các ngươi treo Con người lên, bấy giờ sẽ biết ta là ai, và biết ta không tự mình làm điều gì, nhưng nói điều Cha Ta đã dạy Ta. » Và một lần nữa, chúng ta gặp câu nói này của Chúa Jê-sus trong đoạn mười hai : « Con Ta, khi Ta đã được

treo lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người đến cùng Ta. » Ngài nói lời ấy khi Ngài nhìn lên Thập-tự giá, và hơn cả Thập-tự giá, Ngài nhìn xuyên qua chiến thắng. Cho nên Ngài nói với Ni-cô-đem : « Con người cũng phải bị treo lên. »

Như thế, Chúng ta được đối diện với Thập-Tự nhờ thí-dụ đặc-biệt này. Con rắn được treo lên theo mạng lịnh của Đức Chúa Trời. Con người cũng như vậy. Chúa Jêsus bị treo lên Thập-Tự cuối-cùng chẳng phải là hành-động của con người. Đó là hành-động của tội ác loài người ; nhưng Ngài chẳng bao giờ bị treo lên, chỉ trừ khi — theo như lời Phi-e-rô trong bài giảng Ngũ-tuần đầu tiên — Ngài « bị nộp theo ý-định trước và sự biết trước của Đức Chúa Trời. » Phía sau Thập-tự ấy, tôi thấy ngai vàng đời đời. Trong Thập tự ấy, tôi thấy hành-động của thẩm-quyền trường-cửu. Con người kết án và phản-ngịch lại ý định đang được thực-hiện, giữa những đồ nát do sự phản loạn của họ, để phục hồi địa-vị cho con người; và bởi thẩm-quyền của Đức Chúa Trời, tạo cho họ một dịp tiện quay về phục tùng thẩm quyền Thiên thượng. Đó luôn luôn là ý-nghĩa của Thập-tự giá. Chúng ta sai lầm khi tưởng rằng chúng ta đã làm tín-đồ Cơ-đốc để khỏi bị rắn lửa cắn, hay để tránh lửa địa ngục. Vâng, đúng ; nhưng trở thành tín-đồ Cơ-đốc có nghĩa là chúng ta trở lại cùng Đức Chúa Trời, phục-tùng thẩm-quyền xưa nay chúng ta đã khinh rẻ và con người đã chống nghịch.

Điều đó đòi hỏi sự ăn-năn, nhưng sẽ đem lại sự sống và chữa lành cho những ai vâng theo mạng lịnh đó. Nhưng cũng còn phải nhìn. Có phải cúi xuống. Đời sống phải thuận-phục thẩm-quyền của Đức Chúa Trời. Phải quay về với Ngài của một chính quyền mà ta sẽ nhận thấy là ngai ân-diên. Chúng ta sẽ không bao giờ nếm biết ân-diên cho đến khi chúng ta chịu phục tùng chính quyền ấy. « Như xưa . . . thế nào. . . Con người cũng . . . thế ấy. »

Chú ý kỹ câu này : « Như xưa Môi-se treo con rắn ... Con người cũng phải bị treo lên thế ấy ; hầu cho hễ ai tin đến Ngài, được sự sống đời đời. » Chúng ta có còn thuộc về đất không ? Không, chúng ta hiện đang tiến về trời. « Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian, đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất mà được sự sống đời đời. Vì Đức Chúa Trời đã sai con Ngài xuống thế-gian chẳng phải để đoán xét thế-gian, nhưng để thế-gian nhờ Con ấy được cứu » Một minh chứng tuyệt-diệu, thật đơn-giản, chỉ là sự kiện lịch-sử, nhưng hào hứng và được tô-diểm bởi quyền-năng, thăm-quyền và ân-huệ Thiên-thượng. Nếu con người phản loạn, phải có hình-phạt, nhưng ngay cả khi con người đau-khổ, Đức Chúa Trời lại đi tìm phương thuốc ; và Đức Chúa Trời đã ban Con người, sai Con người xuống, ban xuống để nhờ hành-động ấy của Đức Chúa Trời và Con Ngài, loài người nhận được sự sống thật.

50. NƯỚC HẰNG SỐNG

Giăng 4 : 1-15

CHỮ A chúng ta dùng thí-dụ trong một trường-hợp hoàn-toàn khác hẳn những thí-dụ trước. Và chúng ta không thể nào bỏ qua, làm ngơ trước những khác biệt này. Trong câu chuyện hôm nay, Chúa Jêsus không còn ở trong thành nữa, nhưng đang ở đồng quê, cách Si-kha độ một dặm. Ngài không ở Giu-đê nhưng đã qua Sa-ma-ri và chúng ta nghe Ngài nói chuyện không phải với một quan cai-trị, giáo sư của dân Y-sơ-ra-ên, nhưng với một người đàn bà, lại là một người đàn bà tội-lỗi.

Câu chuyện vô cùng hấp-dẫn vì những điều lạ-ùng Ngài nói với thiếu phụ này. Câu chuyện đưa chúng ta từ ngạc-nhiên này đến ngạc-nhiên khác vì Ngài nói với bà này — một hạng người đàn bà như thế — những điều chúng ta tưởng đáng lẽ ra Ngài phải dành nói riêng với các môn-đồ có trình-độ hiểu biết cao hơn nhiều.

Trong những vấn-đề bàn luận với bà này, Ngài có dùng hình-ảnh thí-dụ về nước hằng sống. Như thường-lệ, trước hết chúng ta khám-phá đề tài của thí-dụ ; sau đó, xem hình-ảnh Ngài dùng và cuối-cùng rút ra một bài học ứng-dụng.

Hãy xem bức tranh ở đây, một bức tranh rất quen thuộc Chúa Jêsus đang ngồi bên giếng, mệt nhọc, mòn mỏi, mòn mỏi vì dặm đường xa ; đó là tất cả hình-ảnh Chúa Jêsus. Các môn-đồ đã đi mua đồ ăn. Họ bỏ Ngài lại để đi mua đồ ăn và lúc người đàn bà này tới, Ngài đang ngồi một mình. Chúng ta không biết gì hơn về thiếu phụ này. Bức tranh cho chúng ta thấy Chúa Jêsus đang ngồi trước mặt người đàn bà, và sự-kiện sâu xa hơn hết về bà này có lẽ chỉ một mình Chúa

Jésus biết. Chính bà cũng cảm biết điều đó nhưng bà không thể hiểu được. Ngài ngồi đối-diện với một thiếu-phụ đói khát một người đàn bà hèn-hạ. Từ thành Si-kha đến giếng Gia-cốp mức nước, nàng phải đi ít nhất là một dặm. Chính cái vò mức nước là dấu hiệu cuộc đời xuống dốc của nàng ; xuống đến địa vị một kẻ nô-lệ. Ngay cả địa-vị xã hội cũng không còn. Trước kia địa-vị nàng thế nào, chúng ta không biết, trừ một vài sự-kiện ghê gớm đã được Chúa Jêsus đem ra ánh-sáng. Qua câu: « Lạy Chúa, xin cho tôi nước ấy, để cho tôi không khát và không đến đây mức nước nữa, » chúng ta nhìn thấy được khía cạnh con người trong nàng. Một mỗi, đói khát, hèn hạ và, như chúng ta đã biết, chính vì lầm lỗi nàng đã tự hủy phá cuộc đời mình. Bây giờ không còn gì nữa. « Hãy đi, gọi chồng người .. » « Tôi không có chồng. » « Người nói rằng : Tôi không có chồng là phải lắm ; vì người đã có năm đời chồng. » Phần sau câu chuyện chúng ta đã biết. Chúng ta thoáng thấy một quá khứ đam-mê, một khoản đời vật lộn để thỏa-mãn những khát vọng sâu thẳm trong con người bởi tình và hiện tại, nàng trở lại với vò xách nước trên tay, làm một người đầy tớ, hoàn-toàn xuống dốc, bất mãn với thực tại phủ-phàng.

Thời oanh-liệt nay còn đâu. Những nét vàng son ngày xưa đã phai mờ. Những tháng năm vui nhộn của đời nàng đã chấm dứt, và chẳng để lại một tí gì ngoài ách tôi đòi vất vả hiện-tại. Lòng đói khát của nàng có thể bao gồm ý-nghĩa sa ngã, tình ngộ và bất mãn.

Chúa Jêsus hiểu tâm-trạng nàng. Ngài biết rõ niềm khao-khát của cuộc đời nàng. Có lẽ đó là một thứ khao-khát không mong tìm được phương cứu chữa. Hình như nàng đã vượt quá giới-hạn hy-vọng có thể tìm thấy thỏa-mãn và đâm ra hoài-nghi quá cách nàng trò chuyện với Chúa Jêsus. Nàng hoài nghi đến độ chai lì, tuy nhiên trong đáy lòng, nàng vẫn còn mang bản-chất tôn-giáo. Nàng biết vài điều, và trong lúc nói chuyện, Chúa Jêsus đã lần lượt đụng đến và tiết-lộ những điều thuộc

đời sống hạ cấp của nàng. Ngài trò chuyện với một người nữ ngoài vòng giao ước Y-sơ-ra-ên, một người đàn bà Sa-ma-ri, bị mọi người Do-thái khinh bỉ, dù chỉ là mang dòng máu Do-thái. Ngài phải đối-diện với một người nữ đói khát và bởi có thể đáp ứng được nhu cầu của nàng, Ngài đã tự hiến chính mình để vực nàng từ hố sa ngã, ban cho nàng đã tình-ngộ một cái nhìn hoàn-toàn mới mẻ về cuộc đời, đem lại cho nàng sự thỏa mãn trọn-vẹn. Đó là việc Ngài đang làm và cũng là đề-tài được minh-giải qua hình ảnh nước hằng sống, một chủ đề quan-trọng.

Ở đây Chúa Jê-sus dùng thí dụ về nước. Theo cách dạy-dỗ đặc biệt của Ngài, đề-cập đến sự-kiện hiện tại do mắt thấy và liên-quan với người đàn bà trong câu chuyện, Ngài mở đầu bằng cách xin nước uống ; và chờ lúc bà này kinh-ngạc hỏi : Ủa kia, ông là người Do-thái, mà lại xin uống nước cùng tôi, là một người đàn bà Sa-ma-ri sao, Ngài mới dùng hình-ảnh của nước để đề cập đến lẽ thật kỳ-diệu này. Chúng ta cần nhớ là suốt câu chuyện, chữ « nước » được nhắc đến tám lần.

Nước, — một yếu-tố quan-trọng của sự sống con người. Những yếu-tố tự nhiên nào cần-thiết cho sự sống, trên phương-diện vật-chất ? Tôi xin kể theo thứ tự quan-trọng, từ nhỏ đến lớn. Thứ nhất là thức ăn, tầm thường nhất, nhưng thiết-yếu. Chắc-chắn chúng ta có thể sống bốn mươi ngày không cần ăn. Chính Kinh-thánh cũng ghi lại những trường-hợp nhịn ăn suốt bốn mươi ngày. Nhưng quan-trọng hơn thức ăn, chính là nước uống. Thiếu nước, chúng ta có thể sống được bao lâu ? Các khoa-học gia bảo là chỉ bảy ngày thôi, không hơn. Dĩ-nhiên yếu-tố hệ-trọng hơn hết vẫn là hơi thở. Không thở chúng ta sống được bao lâu ? Tôi không dám trả lời ! Chúng ta cần thở, đó là điều thứ nhất. Chúng ta cần nước, và chúng ta cần thức ăn. Nhưng thí-dụ ở đây đề-cập đến yếu-tố quan-trọng thứ hai của sự sống — nước, và đó là

bức tranh trong câu chuyện.

Bức tranh này mang ý-nghĩa sâu-xa, và chúng ta cần nhớ điềm chính ở đây: khát là một báo hiệu ích-lợi. Bản-chất của khát là tìm cách thoát nguy. Một người không hiểu biết, khao-khát những điều thuộc về tâm-linh, người đó đang lâm-nguy. Khát rất có ích-lợi. Đó là một báo-động, một tiếng kêu cấp cứu để thoát nguy. Thí-dụ này không phải chỉ nói về nước nhưng là vị-trí của nước, vì thế, cái giếng giữ một vai trò qua suốt câu-chuyện. Ở đây có hai danh-từ hoàn-toàn khác nhau nhưng cùng được dịch là *giếng*, và rất có ý-nghĩa trong câu mười một và mười hai. Người đàn-bà nói: « Giếng thì sâu... tớ phụ chúng tôi là Gia-cốp để giếng này lại cho chúng tôi. » Đó là ý nghĩ và quan-niệm của bà ta, và hoàn-toàn đúng sự thật. Chữ được dùng trong câu đó là *phear* có nghĩa một cái lỗ, hay cái hầm chứa nước. Bà ta đang nghĩ đến một cái hồ, cái giếng có nước đọng. Bây giờ chúng ta hãy xem câu sáu và câu mười bốn. Trong câu sáu, Giăng nói: « Tại đó có cái giếng Gia-cốp. » Chữ giếng ở đây không đồng nghĩa với chữ trên, và Giăng cũng nói tiếp: « Đức Chúa Jê-sus ngồi gần bên giếng, » với ý-nghĩa hoàn-toàn khác danh-từ người đàn bà dùng. Đến câu mười bốn, Chúa Jê-sus nói về « mạch nước, » khác với chữ *phear* ở trên. Trong lúc kể chuyện, Giăng không dùng chữ hầm chứa nước như báo: Đức Chúa Jê-sus ngồi gần bên mạch nước, bên suối Gia-cốp; và Chúa Jê-sus cũng dùng chữ đó khi nào nói « một mạch nước. » Như thế hình-ảnh nước ở đây được ám-chỉ bằng hai danh-từ khác nhau.

Chúa chúng ta không dùng chữ ám chỉ một hồ nước, một giếng nước đọng nhưng là một mạch nước, một ngọn suối. Chúa Jê-sus vẫn gọi đó là « nước hằng sống. » Vậy nước hằng sống là gì? Tôi không muốn chỉ nói đến địa-hạt tâm-linh. Dầu sao, giếng đó phải có nước sống nếu không, người ta đã bỏ nó hằng bao thế-kỷ rồi. Gia-cốp đã để lại giếng cho con

cháu. Đó là cả một giếng nước; người ta đến mức rồi hồ đầy nước trở lại, vì sao? Vì tại đó có nước sống. Vậy, nước sống khác với nước trong hầm như thế nào? Đó là nước luôn luôn chảy, khác với nước đọng. Trong Cựu-ước có một câu rất đẹp chép ở Sáng-thể Ký nói về các đày-tớ của Y-sác đào nơi thung-lũng "gặp được một giếng nước mạch." Đó là ý-nghĩa của nước hằng sống, nước luôn luôn tuôn chảy; lưu-động. Phần sau, chúng ta sẽ trở lại hình-ảnh này theo cách áp-dụng rộng-rãi hơn. Bây giờ chúng ta chỉ nhắc đến sơ-lược thôi.

Nước hằng sống là nước luôn luôn chảy cuộn-cuộn, luôn luôn di-động. Nước trong ly rất tốt nhưng không phải là nước sống; đó là nước ứ đọng. Nước mất tính-chất sống động khi được mức lên và chứa trong một vật. Chúa Jêsus nhấn mạnh hình-ảnh nước sống; không phải giếng chứa nước nhưng là một suối nước giữ cho giếng luôn đầy dù người ta có mức đi bao nhiêu nước.

Thật là một hình-ảnh kỳ-diệu, hình-ảnh của nước sống. Chúa Jêsus đang đứng trước một linh-hồn khao-khát và đã dùng một thí-dụ vô cùng quen-thuộc. Người đàn-bà gọi đó là cái giếng. Nhưng Ngài nói đến một ngọn suối, một mạch nước tuôn tràn vào giếng. Nàng phải từ xa đến mức nước. Đặt thí-dụ vào địa-hạt cá-tính và tâm-linh, Ngài bảo cho nàng biết Ngài có thể cho nàng thứ nước sống, nước luôn luôn chảy không ngừng, nước hằng sống. Cả câu chuyện này hiền-nhiên, nên không cần giải-thích dài giòng. Đấng Christ đang đối-diện trước nhu-cầu thâm sâu nhất của con người, ấy là lòng đói khát. Tâm-trạng bất-mãn ấy biểu-lộ qua hàng ngàn cách. Chính nhịp sống sôi-động thấp thỏm của nhân-loại chứng-tỏ vật-chất ở đời này không thỏa đáp được niềm khát-vọng sâu-xa của linh-hồn con người. Đó là lòng đói khát; và thế-giới đầy-dẫy những linh-hồn đói khát. Có biết bao người đi tìm nhưng đã trở thành hèn-hạ, rồi tỉnh-ngộ với

niềm bất-mãn muôn đời, bức-rức, nung-nấu tâm-hồn mãi mãi. Họ không biết được mình muốn gì. Thật ra, cả một nhịp sống sôi-động biểu-lộ qua loại nhạc huyền-náo của thời-đại, qua vũ-điệu uốn éo mình-mẩy; với tâm-trạng bồn-chồn ray-rức trong mỗi con người cũng nói lên được niềm khao-khát của họ. Con người đang cần một điều mà họ không có và những cố-gắng ở đời này không thể đáp ứng khát-vọng ấy. Cả thế-giới hiện đang đói khát.

Chúng ta hãy lắng nghe lời Christ tuyên-bố với người đàn-bà trong câu-chuyện, đại-diện cho cả nhân-loại. « Vì bằng người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời, và biết Người nói với người là ai. » « Vì bằng người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời, » có nghĩa gì ? Sự ban cho của Đức Chúa Trời là gì ? Nước sống phải không ? Ồ, không. Ngài không ám chỉ điều đó. Đó là món quà của Ngài. Còn món quà của Đức Chúa Trời là gì ? Ý-tưởng này đã được Ngài nhắc đến khi nói chuyện với Ni-cô-đem : « Đức Chúa Trời yêu-thương thế-gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài. » Vâng, « Nếu người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời và sự ban cho ấy ám chỉ Ai; » Đức Chúa Trời đã ban Con Ngài. « Nếu người biết kẻ đang nói với người, chính Đấng mà Đức Chúa Trời đã ban Con độc sanh của Ngài, biết được bản-chất và bản-thể của Ngài. » « Nếu người biết, chắc người sẽ xin Người và Người sẽ cho người nước sống. »

Chúng ta đem sự-kiện này ứng-dụng vào nhu-cầu tâm-linh của con người. Ở đây Chúa chúng ta trích lại lời Kinh-thánh của người Hy-bá-lai. Giê-rê-mi đã từng nói : « Dân ta đã làm hai điều ác; chúng nó đã lìa bỏ Ta là nguồn nước sống mà tự đào lấy hồ, thật, hồ nứt ra, không chứa nước được. » Và sau đó, ông nói : « Hỡi Đức Giê-hô-va, là sự trông cậy của Y-sơ-ra-ên, những kẻ nào bỏ Ngài đều sẽ bị xấu hổ; những kẻ lìa khỏi Ta sẽ bị ghi trên đất, vì họ đã bỏ suối nước sống, tức là Đức Giê-hô-va. » Và còn một chỗ khác,

trong thời Xa-cha-ri. « Xảy trong ngày đó, nước sống sẽ ra từ Giê-ru-sa-lem, phân nửa chảy về biển đông, phân nửa chảy về biển tây, trong mùa hạ và mùa đông đều có. » Nước sống! Đó là một chữ nghĩa bóng cổ xưa của các tiên-tri Hy-bá-lai và nước sống ở đây là nước phát lưu từ Đức Chúa Trời, và khi con người quay lưng với nước sống để đào giếng riêng cho mình, giếng của họ sẽ bị nứt và không có nước.

Khi nói chuyện với người đàn-bà về nước sống, chắc hẳn Chúa Jê-sus đang nghĩ đến chữ nghĩa bóng của người Hy-bá-lai: Nếu người biết sự ban cho của Đức Chúa Trời, chắc người sẽ xin Ta và Ta sẽ cho người nước sống, để người được thỏa mãn hoàn-toàn và sẽ không còn khát nữa. Nhưng nước sống ấy sẽ ở trong người, bắt nguồn từ trong người, văng ra. Chữ « văng ra » ở đây rất đẹp, có nghĩa là nhảy vọt lên. Danh-từ này chỉ được dùng ở đây và hai lần ở Công-vụ các sứ-đồ (3 : 8 và 14 : 10) kể chuyện người què tại Cửa Đẹp nhảy-nhót sau khi được lành bệnh. Nhảy lên là một dấu-hiệu vui-vẻ, sung-sướng. Văng ra, văng, nghĩa là chảy cuồn cuộn, lúc nào cũng phong-phú và tươi-mát. Đó là món quà Ngài dành sẵn cho nhân-loại. Đó là điều Ngài có thể cung-cấp cho linh-hồn đói khát, khô-hạn, nóng sốt, cuồng-loạn, thất-vọng của nhân-loại; nước ở đây sẽ không phát-xuất từ bên ngoài, chứa trong một cái hồ; nhưng lưu xuất từ bên trong con người, cuồn-cuồn chảy văng ra cho đến sự sống đời đời.

Phần sau câu-chuyện, chúng ta đã biết. Câu-chuyện nói gì với chúng ta? Đây là lời thách-thức và cũng là lời hứa đời đời của Chúa Jê-sus. « Vì bằng người biết Ngài là ai. » Một câu đầy ý-nghĩa. Một nửa nan đề ngày nay là do một nửa nhân-loại không biết Chúa Jê-sus là Ai. Chính lúc chúng ta hạ Ngài xuống thấp hơn địa-vị đã được Tân-ước mặc-khải, tức địa-vị Con Đức Chúa Trời và là Đức Chúa Con, lúc đó, chúng ta sẽ không biết Ngài là Ai và sẽ không xin Ngài

nước sống để rồi tự mình đi tìm những cách thỏa-mãn, qua tôn-giáo. Chúa Jêsus đang thách thức chúng ta: 'Vi bằng người biết!' Chúng ta đã biết chưa? Vậy, hãy xin, Ngài sẽ cho nước sống để chúng ta có thể nói:

• Ngài kêu: Này con, nguồn nước sống đây,

Uống đi chẳng tốn bạc tiền;

Bằng con khao-khát chạy đến uống ngay,

Uống vô, được vinh sanh liền.

• Thật tôi đương khát chạy đến Chúa đây,

Suối linh uống ngon ngọt thay!

Hồn tôi vui tươi, lòng thấy thỏa ngay,

Phước thay được sống trong Ngài!

xXx

51. ĐUỐC TIÊN-TRI

Giăng 5 : 35

ĐẤY là một hình-ảnh thí-dụ rất đặc-biệt của Chúa chúng ta. Đề tựa « Đuốc tiên-tri » được lựa chọn đúng với giá-trị và chủ-đề của thí-dụ. Phi-e-rơ mô-tả « Lòì tiên-tri » là « đuốc soi nơi tối-tăm. »

Giăng còn trời hơn một nhà tiên-tri. Chính Chúa chúng ta đã xác-nhận điều đó. Ngài nói với dân-chúng : « Các ngươi lại đi xem cái chi nữa ? Có phải là xem đấng tiên-tri chăng ? Phải, Ta nói cùng các ngươi, cũng hơn đấng tiên-tri nữa. Ấy vì người đó mà có chép rằng :

Này, Ta sai sứ Ta đến trước mặt Con,

Đặng dọn đường sẵn cho Con đi. »

Với ý nghĩa đó Giăng trời hơn đấng tiên tri.

Nhưng người cũng thật là một tiên-tri, đã hoàn-tất nhiệm vụ của mình. Chúng ta còn nhớ, một lần nọ, Phi-e-rơ đã nói : « Hết thấy các đấng tiên tri đều làm chứng nầy về Ngài », tức là về Christ. Nếu đó thật là việc làm của các tiên-tri mà chúng ta có thể tìm thấy qua Cựu-ước, thì chính chức vụ của Giăng đã đưa việc làm của họ đến mức tuyệt đỉnh. Giăng là người cuối cùng trong hàng-ngũ tiên-tri Hy-bá-lai, xuất hiện sau bốn trăm năm im lặng kể từ Ma-la-chi. Tuy nhiên, qua sứ điệp, người đã thấu triệt tất cả mọi dự ngôn, hi vọng và ước nguyện của các tiên tri trước đã làm chứng về Christ. Người là kẻ dẫn đường, kẻ đi trước Đấng Christ và vì thế, làm đại-diện chót cho hàng-ngũ tiên-tri.

Trên phương diện đó, thí-dụ của Chúa đặc biệt ám-chỉ Giăng, « người là đuốc đã thắp và sáng. » Theo thông lệ, chúng

ta sẽ bàn về ba vấn đề. Trước hết, Chúa muốn nói về đề tài gì ở đây. Sau đó, chúng ta xem xét hình ảnh Chúa dùng và cuối cùng từ đó rút ra bài học vĩnh cửu.

Trước hết, chúng ta có thể xem như câu ba mươi lăm nằm trong vòng ngoặc. Nói như thế, không có nghĩa là câu đó không quan trọng. Trước đó, Chúa đang nói về Giăng và câu : « Giăng là đuốc đã tắt và sáng », có ý ám-chỉ người. Vậy câu này được dùng trong dịp nào ? Bối-cảnh câu chuyện thế nào ? Điều gì đã khiến Chúa nói về Giăng ? Đó là một dịp tiện đặc-biệt, khi các người cai-trị hiểu sai lời tuyên bố của Ngài ; khi họ thách đố Ngài chữa bệnh trong ngày Sa-bát và bảo người bại vác giường đi trong ngày Sa-bát, Ngài liền trả lời : « Cha Ta làm việc cho đến bây giờ, Ta đây cũng làm việc như vậy ». Ở đây, chúng ta không xét đến giá-trị của lời này, nhưng chỉ nhắc sơ qua thể thôi. Họ cho rằng Ngài khiến người kia vi phạm luật ngày Sa-bát vì đã đem lại cho người sức-lực để giữ ngày Sa-bát. Vì thế, khi họ bảo rằng Ngài đã xui cho người nọ vi-phạm ngày Sa-bát, Ngài liền đáp : Đức Chúa Trời không giữ ngày Sa-bát trong lúc con người đau khổ. Và họ nghĩ rằng Ngài tự nâng mình lên ngang hàng với Đức Chúa Trời, khi Ngài nói : « Cha Ta làm việc... Ta đây cũng làm việc. » Họ nghĩ rất đúng, nhưng ý nghĩ đó khiến họ giận dữ và muốn giết Ngài vì tưởng tượng ra những nguyên cớ trong lời phạm thượng của Ngài khi tự nâng mình lên ngang hàng với Đức Chúa Trời.

Do đó, chúng ta có câu chuyện này, một sứ điệp tuyệt-diệu về thẩm quyền và mối tương quan giữa Ngài với Đức Chúa Trời, qua chứng cớ là Ngài dùng quyền Thiên thượng để nói với họ, nhờ đó, biện hộ cho lời tuyên-bố Ngài là bình-đẳng với Đức Chúa Trời; và sau cùng, Ngài nghiêm khắc quở-trách lòng vô tín của họ. Giữa câu chuyện, Ngài nhắc đến Giăng và chúng ta có câu nói trên kia. Mọi người đều biết rõ

chức vụ của Giăng. Khắp miền đồng quê đều chịu ảnh hưởng và bọn người này đã theo đoàn dân đến nghe người giảng. Chúa Jêsus nhắc họ nhớ lại sự-kiện đó.

Họ đã đến cùng Giăng và Giăng đã giảng cho họ. Hơn nữa, đã có lần họ được sung sướng nhờ chức vụ của Giăng, nhờ ánh sáng của người. Nói xong, Ngài cho họ thấy lời chứng của Giăng người đi trước dọn đường cho Ngài — là thật. Ngài nhắc họ nhớ đã có lần họ nghe Giăng giảng và cảm thấy vui-thích, rồi bảo : ‘Giăng là đước đã thấp và sáng.’

Đã biết rõ về chức-vụ của Giăng, về nhiệm-vụ tiên-tri của người, về những gì Chúa nói về người cũng thật sự như tất cả những ai đã giữ chức vụ ấy trong quá-khứ và những kẻ sẽ nối nghiệp trong tương-lai, ở đây chúng ta mới hiểu thế nào là chức-vụ tiên-tri : ‘ một ngọn đước cháy và sáng ’.

Bây giờ chúng ta sẽ tìm hiểu giá trị sâu xa của hình ảnh này. Chúa Jêsus đang dùng hình ảnh nào ? Ngọn đước hay là đèn (theo bản tiếng Anh). Các học giả đều đồng ý là khi Chúa Jêsus dùng chữ ‘ đước ’, chứ không phải một ngọn đước, Ngài muốn ám chỉ một ngọn đước đặc biệt nào đó. Riêng học giả Westcott nhấn mạnh ở điểm là Chúa Jêsus muốn ám chỉ một sự vật quen thuộc mà họ có thể nhìn thấy trong bất cứ căn nhà nào. Và đó là hình ảnh một ngọn đèn (đước) đang cháy. Chúng ta còn nhớ có lần Chúa Jêsus phán : Không ai thấp đèn mà để dưới cái thùng. Ở đây, Chúa cũng dùng cùng một hình ảnh cây đèn tầm thường, quen-thuộc với đời sống hằng ngày, soi sáng trong mỗi căn nhà.

Trước hết, chúng ta biết, chính cây đèn tự nó không có ánh sáng nhưng là trung tâm phát ra ánh sáng khi được tầm chất cháy và được đốt cháy. Đó là sự kiện thật. Bất cứ thứ ánh sáng nào chung quanh chúng ta ngày nay cũng đòi hỏi những điều kiện như thế. Và điểm đặc biệt ấy là những nguyên tắc căn bản không bao giờ thay đổi. Dĩ nhiên khi nói đến cái

đèn, Chúa Jêsus nói đến ánh sáng, tim đèn và dầu. Tôi còn nhớ rõ căn nhà của tôi thời thơ ấu được thắp sáng chỉ nhờ một cây đèn có tim và dầu. Sau đó, đèn dầu được thay bằng đèn hơi gắn trên tường hoặc treo giữa nhà. Nhưng những loại đèn đó cũng chẳng soi sáng ngôi nhà nếu thiếu yếu-tố làm cho chúng phát ra ánh sáng. Ngày xưa, hiện-tượng chúng phát-xuất từ chiếc quạt máy. Bạn bật quạt máy cho đến khi một tia lửa phát ra, mồi vào tim đèn thế là ngọn lửa ấy trở thành một trung-tâm phát quang. Đối với đèn hơi cũng thế. Bạn mở một cái khóa, mồi lửa vào thế là căn phòng và cả nhà đều sáng rực. Ngày nay chúng ta còn đi xa hơn nữa. Chúng ta chẳng cần đụng vào lửa, chẳng cần phải dùng diêm đề mồi lửa, nhưng chỉ ấn một cái chốt, do đó tạo ra một ánh lửa và phát ra ánh sáng. Như thế, chính cây đèn dầu, đèn hơi hoặc là bóng điện, tự chúng không có ánh sáng. Cần phải thêm một yếu-tố khác.

Bây giờ chúng ta hãy nhìn cây đèn. Do đâu có ánh sáng ? Được đốt cháy nghĩa là luôn luôn cần có lửa. Ngoài lửa, mặt trời không bao giờ có ánh sáng và tim đèn muốn có ánh sáng phải được đốt lên. Trong trường hợp cây đèn với ngọn tim và dầu, đốt cháy luôn luôn mang ý nghĩa tiêu-thụ. Trong lúc cháy, nó tiêu thụ và nhờ tiêu thụ dầu qua tim đèn, nó phát ra ánh sáng, như thế, không có gì phí phạm. Nếu lửa không cháy, sẽ để lại nhiều than đen hay thiếu dầu, ánh sáng sẽ tắt. Chúng ta phải giữ cho đèn cháy luôn và cháy có nghĩa là tiêu-thụ. Nhưng cái đèn chỉ là tạm thời. Nó không tồn-tại mãi. Hiện-tại nó đang cháy và tự tiêu hủy dần dần để phát ra ánh sáng.

Nhờ được đốt cháy, nó mới chiếu sáng, đó là điều Chúa chúng ta muốn nhấn mạnh. Ngài phán về Giăng : « Người là đèn đã thắp và sáng. » Tôi xin phép thêm vào vài chữ trong câu này : « Người là đèn đã thắp cho nên chiếu sáng. » Chẳng có vật gì mà lại chiếu sáng; và bất cứ một sự cháy nào mà không phát ra ánh sáng sẽ chỉ là tro tàn và không cháy nữa.

Giăng là đèn đã tắt và sáng.

Bài học ở đây rất giản dị, chúng ta không cần bàn cãi dài giòng. Chúng ta hãy suy nghĩ về trường hợp của Giăng. Công việc lớn lao, lạ lùng của người không được thực hiện do chính người nhưng là qua người, và tất cả ảnh hưởng tuyệt diệu trong chức vụ người làm kẻ dọn đường cho Jêsus, cũng chẳng phải là kết quả do sức riêng của người. Đó chỉ là kết quả của chất dầu ở trong người được cung cấp cho người. Và dầu, theo hình bóng trong Cựu-ước là hình ảnh của Đức Thánh-Linh. Vâng, công việc người thật lớn-lao, phi thường; nhưng là một công-việc tạm thời và phải chấm dứt trong chốc lát. Và thật nó đã chấm dứt. Ở đây tôi muốn dùng chữ «thieu» với ý nghĩa thật đẹp của nó : người đã tự thiêu để biến mình thành ánh sáng cần thiết ; và cuối cùng người đã cao thượng tuyên bố: «Ngài phải dấy lên... ta phải hạ xuống». Vâng, người đã hạ xuống; nhưng Chúa Jêsus cho chúng ta biết người đã được thắp ra sao và do đó đã chiếu sáng. Đó là nhiệm-vụ chân-chính của tiên tri.

Đó cũng là nhiệm vụ của tiên-tri ở mọi thời-đại. Hãy nhìn lại trang sử của các tiên tri khả kính mà chúng ta thường lầm lẫn mệnh danh họ là tiên và đại tiên-tri, nhìn lại các lời tiên-tri, chúng ta sẽ thấy họ không bao giờ tự làm cho mình có ánh sáng riêng biệt. Ánh sáng của họ luôn luôn hướng về người khác. Khi khảo cứu về họ, chúng ta thường nghe họ lặp đi lặp lại: « Đức Giê-hô-va phán vậy » ; và họ cứ chiếu sáng như thể trong suốt cuộc đời chức-vụ. Họ là những ngọn đèn trong nơi tối-tăm; và thật vậy, đặc-diểm của chức-vụ tiên tri là luôn luôn bị tối tăm vây bọc. Không có tối tăm, sẽ không ai được gọi vào chức vụ tiên-tri. Nhà tiên-tri luôn luôn soi sáng bóng tối; nhưng người soi sáng được là nhờ được đốt cháy. Người đương bị tiêu hủy, và nhờ đó tỏa ánh sáng ra khắp nơi. «Hết thảy các đấng tiên-tri đều làm chứng về Ngài.» Thật là một vinh dự lớn lao và cũng là một

trách nhiệm trọng đại. Đó là trách-nhiệm của một ngọn đèn có đủ tim và dầu, được thắp sáng, và đó là xong trách-nhiệm. Họ hoàn-tất trách-nhiệm của một tiên-tri luôn luôn là sự chiếu sáng, gieo rắc ánh sáng trong nơi tối tăm.

Trong ngày lễ Ngũ tuần, Phi-e-rơ đã trích một đoạn của Giô-ên, một trong những tiên tri xưa của người Hy-bá-lai :

«Đức Chúa Trời phán : Trong những ngày sau rốt,

Ta sẽ đổ Thần Ta khắp trên mọi xác-thịt ;

Con trai và con gái các ngươi đều sẽ nói lời tiên tri,

Bọn trai trẻ sẽ thấy điềm lạ,

Và các người già cả sẽ có chiêm bao ;

Phải, trong những ngày đó. Ta sẽ đổ Thần Ta khắp trên các đấng-tớ trai và gái Ta,

Chúng nó đều nói lời tiên-tri.»

Tài-năng nói tiên-tri sẽ được ban cho tất cả mọi người. Đó là lời dự-ngôn của Giô-ên. Đó là điều Phi-e-rơ tuyên-bố sẽ được ứng-nghiệm. Có một lần nọ người ta chạy đến than phiền với Môi-se là có một số người nói tiên-tri, mà người ta lầm-tưởng họ làm theo phải phép. Các bạn còn nhớ Môi-se đã trả lời : «Chớ chi cả dân-sự của Đức Giê-hô-va đều là người tiên-tri.» Thời-gian trôi qua, đến thời Ma-la-chi, người ta lại được ơn nói tiên-tri ; rồi sau bốn trăm năm im-lặng, lời tiên-tri lại được tiếp nối qua Giăng, được ứng-nghiệm qua Jêsus cho đến cùng giới-hạn của cả chân-lý, và được lập lại qua những kẻ Ngài kêu-gọi và huấn luyện. Trong ngày lễ Ngũ-tuần, Thánh-Linh giáng xuống trên cả hội-chúng, không phải chỉ trên Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng và mười hai sứ-đồ nhưng trên mọi con trai và con gái, mọi tòi trai và tở gái ; và tất cả đều nói tiên-tri. Đó là một cảnh-tượng lý-tưởng.

Thời-kỳ đó nay đã mất. Nhưng sự-kiện vẫn còn. Không một tin-đồ nam nữ, không một con cái nào của Đức Chúa Trời đã được tái sinh nhờ một công-lao siêu-nhiên lại chẳng được gọi để nói tiên-tri. Lời tiên-tri có ý-nghĩa khác xa lời dự-đoán.

Dự-đoán là phần nhỏ nhất trong lời tiên-tri. Đó là lời báo trước, lời rao-truyền về phương cách và ý-muốn của Đức Chúa Trời đối với quá-khứ và hiện-tại, cũng như về tương-lai, và chúng ta được kêu gọi làm tiên-tri. Nếu phải hoàn-tất nhiệm-vụ tiên-tri dù ở mức-độ nào, chúng ta cũng phải là ngọn đèn đang cháy và sáng. Chúng ta chỉ là cây đèn, tự mình không có ánh-sáng. Cây đèn dầu có thể rất hoa-hào, chiếc đèn hơi có thể rất quyến-rũ và bóng đèn điện có thể rất xinh-xắn ; nhưng tất cả đều vô-dụng. Cho đến khi được tiếp-xúc với nguyên-lý ánh sáng, với lửa, chúng mới được đốt cháy và sáng, trở nên ngọn đèn soi nơi tối-tăm.

xXx

52. BÁNH SỰ SỐNG

Giăng 6 : 35-58

THẬT ra, giới-hạn đề-tài trong Giăng đoạn sáu từ câu ba mươi lăm đến câu năm mươi một chưa đủ. Ít ra, phải kể luôn, cả năm mươi chín câu đầu mới đúng. Đoạn này hoàn-toàn nói về bánh. Danh-từ Hi-lạp *artos* được dùng khoảng hai mươi một lần. Nói thế chỉ để xác-định rõ tinh-chất của đoạn Kinh-thánh này. Riêng về ý-nghĩa sâu-xa của lời dạy, chúng ta chưa muốn và chưa có thể đề-cập đến ở đây. Trong bài sau, chúng ta sẽ trở lại suy-nghĩ về hình-ảnh của thịt và huyết. Đề-tài về bánh ở đây cũng liên-quan với hình-ảnh đó vì đây là một câu chuyện rất dài.

Bây giờ chúng ta chỉ đề ý đến hình-ảnh thí-dụ về bánh, 'bánh sự sống', mà Chúa Jê-sus nhắc đến ở đây. Chúng ta sẽ tìm hiểu đề-tài là gì ; tiếp theo là hình-ảnh Ngai dùng và cuối-cùng, chúng ta học được gì trong đoạn này.

Luôn luôn chúng ta cần phải biết Chúa muốn nói gì. Chúng ta nhớ rằng chính bánh đã thu-hút đoàn dân. Ngày hôm trước, họ đã được ăn bánh no-nê cách siêu-nhiên. Cậu bé có năm cái bánh và hai con cá đã có mặt hôm đó ; và Chúa Jê-sus đã dùng bánh đó tạ ơn, bẻ ra và biến-hóa thành vô-số. Nhờ đó họ được ăn no-nê. Vì hôm trước được ăn bánh cách siêu-nhiên như thế nên họ tiếp-tục trở lại. Bánh là động-lực đưa họ đến gần nhau. Chúng ta không bắt-công khi xác-nhận điều đó, vì chính Chúa Jê-sus cũng nói với họ trong câu hai mươi sáu : 'Các ngươi tìm Ta chẳng phải vì đã thấy mấy phép lạ nhưng vì các ngươi đã ăn bánh và được no.' Hôm qua họ được ăn bánh nên hôm nay họ trở lại. Dù không nói ra nhưng chắc hẳn họ mong-đợi một cơ-hội khác được xem

quyền năng của Ngài. Họ không biết gì về dấu-hiệu Ngài muốn giải-thích.

Với ý-nghĩa đó, Chúa Jêsus phán cùng họ (câu 27) : « Hãy làm việc chớ vì đồ ăn hay hư nát, nhưng vì đồ ăn còn lại đến sự sống đời đời, là thứ Con người sẽ ban cho các người ; vì ấy là Con, mà Cha, tức là chính Đức Chúa Trời, đã ghi ấn-tính của mình. » Ngài quở-trách quan-niệm duy vật trong sự cố-gắng của họ. Đừng làm việc vì đồ ăn hay hư nát. Một số đã làm việc khá nhiều với hi-vọng kiếm được bữa ăn cho ngày hôm ấy. Họ đã đi quanh hồ. Họ đã cố-gắng lắm mới tới được nơi đó để tìm gặp Ngài. Họ không muốn hiểu. Họ không tìm lời giải-thích. Phép lạ không thu-hút họ. Yếu-tố lôi-cuốn họ trở lại chính vì hôm qua họ được ăn no. Ngài trách họ điều đó, và kêu-gọi họ bước vào một cố-gắng, nỗ-lực khác có thể đem lại đồ ăn không hư nát, đem họ đến nơi có đồ ăn còn lại đời đời. Đó là vấn-đề Chúa muốn nói rõ.

Chúng ta hãy xem hình-ảnh ở đây, đó là bánh, bánh sự sống. Chúng ta chưa đề-cập đến bình-diện thuộc-linh vội ; mặc-dù, dĩ-nhiên, khi nói đến hình-ảnh, chúng ta phải nghĩ đến ý-nghĩa thuộc-linh của nó. Tuy-nhiên, ở đây, chúng ta hãy tạm dừng một chút để nhìn kỹ hình-ảnh. Mấy chữ bánh sự sống rất là quen-thuộc. Trong câu hai mươi bảy Ngài dùng chữ « đồ ăn. » Ở đây, Ngài nói về bánh, « bánh của sự sống. » Đồ ăn, dĩ-nhiên cũng là một danh-từ quen-thuộc, dịch từ chữ *brosis* của Hi-lạp. Nó không có nghĩa là thịt, nhưng là mọi thứ thức ăn. Đừng phí sức đi kiếm thứ đồ ăn hay hư nát ; nhưng dùng sức-lực để kiếm đồ ăn có thể duy-trì sự sống mãi mãi.

Chữ bánh có nghĩa gì ? Trong xứ thời đó và phần lớn tại các vùng phụ-cận ngày nay, bánh được xem là thức ăn chính. Còn các loại thức ăn khác chỉ là phụ ; có thể chấp-nhận nhưng không cần-thiết. Bánh là món ăn chính và được xem

là thánh-vật. Ngày nay, dù là người Ả-rập, Do-thái hoặc bất cứ một dân-tộc nào thuộc xứ đó, người ta không bao giờ dẫm chân trên một mẩu bánh. Dù bánh có lem lức dơ-bẩn đến đâu, người ta cũng không bao giờ đạp dưới chân. Một người Ả-rập đang đi đường, nhìn thấy một mẩu bánh, sẽ nhặt lên đem về cất vào chỗ nứt trong tường để cho người nghèo. Lý-do chỉ vì họ tôn trọng ý-nghĩa thiêng-liêng của bánh, vật thực đến từ Đức Chúa Trời. Đó là quan-niệm của Đông phương, nơi Đức Chúa Jê-sus đang sống và trò chuyện với đoàn dân. Bánh chỉ về thức ăn thiết-yếu cho sự sống.

Bánh cũng thường nói lên lòng tiếp đãi và tình thân-hữu ; người Đông-phương bẻ bánh chia cho nhau, người bẻ, tỏ lòng tiếp đãi, người nhận, được liên-kết trong tình bạn. Dù ở đây chưa đề-cập đến sự thuộc-linh nhưng cũng ám-chỉ đến. Nhưng ở đây Chúa chúng ta còn ngụ-ý sâu-xa hơn, Ngài đã nhắc đến bánh ma-na và lấy đó làm đề-tài bàn về đồ ăn.

Vậy « bánh của sự sống » là gì ? Chữ sự sống ở đây có nghĩa gì ? Đó là do danh-từ Hi-lạp *ZOE*, không phải *pneuma*, nghĩa là tâm-linh ; cũng không phải *psuche*, chỉ về trí óc, nhưng là *ZOE* tức là nguyên-lý sự sống ; sự sống được thu gọn trong danh-từ đơn-giản nhất. Và chữ « sự sống đời đời » cũng đồng nghĩa với chữ *ZOE*. Một đặc-điểm tuyệt-diệu trong lời dạy-dỗ của Chúa chúng ta cũng như của các sứ-đồ Ngài ấy là tất cả đều dùng chữ *ZOE* với ý-nghĩa cao sâu hơn quan-niệm thông-thường của mọi người. Danh-từ ấy trong tiếng Hi-lạp có nghĩa là sự sống, sự sống của loài người cũng như sự sống của loài sư-tử và loài chuột. Và chữ đó cũng là ý-nghĩa dùng trong « bánh của sự sống ; » nguyên-lý sống của nhân-loại, tạo nên giống-giống loài người nói chung. Dù có nhiều chủng-tộc khác nhau, nguyên-lý sự sống vẫn là một. Bánh của sự sống là đồ ăn duy-trì định-luật sự sống.

Về thức ăn, thân-thể chúng ta đòi hỏi những gì ? Chất đạm, chất đường và mỡ. Trong những năm gần đây, chúng ta có thêm một chất nữa — sinh-tố. Lúc còn nhỏ, tôi chưa được nghe danh-từ này nhưng chất này có thật và rất cần-thiết trong việc cấu-tạo xương. Hình-ảnh Chúa chúng ta dùng là bánh của sự sống, tức đồ ăn duy-trì sức sống.

Chúa phán : « Ta là bánh của sự sống » và đó là lời tuyên-bố vô cùng ý-nghĩa vì mở đầu cho một loạt « Ta là » mà Giăng đã ghi lại cho chúng ta. Có tám lần Chúa chúng ta lấy danh-hiệu mà Đức Chúa Trời đã mặc-khải cho Môi-se trong bụi gai cháy. Lúc ấy, dường như cảm-tưởng chưa đủ sức mặc-khải cho nên một tiếng phán đồng-dạc, oai-nghiêm đã phát ra từ bụi gai « TA LÀ Đấng TỰ HỮU HỮNG HỮU. » Môi-se hỏi : « Xin cho tôi biết tên Ngài là chi ? » Và đó là câu Đức Chúa Trời đã trả lời cho Môi-se. Qua bao nhiêu năm, lời tuyên-bố ấy vẫn thản-nhiên im-lặng cho tới khi Jêsus đến, nắm lấy và nối liền lời ấy với những hình-ảnh đơn-giản tượng-trưng con người có thể hiểu được. Đây là lời tuyên-bố đầu tiên của Chúa Jêsus : « Ta là Bánh của sự sống. »

Đây cũng là hình-ảnh rất hay, liên-quan tới những nhu-cầu của sự sống. Khi bàn về vấn-đề nước sống, chúng ta cho rằng ba yếu-tố chính của đời sống là hơi thở, nước uống và thức ăn. Người ta có thể sống bốn mươi ngày không cần ăn ; bảy ngày không cần uống. Nhưng không thể sống bảy phút nếu thiếu không khí. Qua câu chuyện, Giăng đưa chúng ta đến chỗ có thể nhìn thấy rõ Ngài là Đấng đáp ứng đủ mọi nhu-cầu này. Trong đoạn ba, khi trò chuyện với Ni-cô-đem, Ngài đã nói về hơi thở. Gió muốn thổi đâu thì thổi. Thánh-Linh cũng vậy. Trong đoạn bốn, Ngài hứa cho người đàn-bà nước, nước sống văng ra. Đến đây, chúng ta được nghe về đồ ăn, yếu-tố cần-thiết cho sự sống. Chúng ta đã lần-lượt suy-nghi đến những thí-dụ theo thứ tự ấy : hơi thở, nước uống, thức ăn.

Vì thế, chúng ta cần nhìn thẳng vào bài học chính ở đây. Khi nói: «Ta là Bánh của sự sống,» Chúa Jêsus đối-diện với tình-trạng đói khát của con người không phải trên phương-diện thể-xác, tinh-thần nhưng là tâm-linh. Bản-chất đời sống con người là tâm-linh — Đừng gán cho chữ tâm-linh ý-nghĩa là tốt đẹp, thánh-thiện, hoàn-toàn. Không hẳn đó là ý-nghĩa của chữ tâm-linh, hay thiêng-liêng. Trên bình - diện cử - động, tâm-linh có thể và không có thể giữ vai trò chính-yếu nhưng yếu - tố căn - bản của cả sự sống con người vẫn là tâm - linh. Lấy một trường - hợp nữa. Khi Phao - lô đứng trên Đồi A-rê-xô-ba, người bảo rằng Đức Chúa Trời đã làm cho muôn dân sanh ra bởi chỉ một giòng máu để sống trên mặt đất. Chữ «Một giòng máu» ở đây (theo bản tiếng Anh) rất đúng vì theo phân-tích hóa-học, máu của người da đen với da trắng chẳng có gì khác nhau. Nhưng Phao-Lô không có ý nói thế. Điểm hiệp nhất chính yếu trong nhân-loại chẳng phải ở máu hay trình-độ tri-thức nhưng là ở bản chất tâm-linh. Xuyên qua thân-xác môi-trường rọc-rỡ để biểu-lộ nội giới và thấu-nhận ngoại giới; xuyên qua bộ óc, nơi hoạt-động của tư-tưởng; còn cái gì khác ở bên trong đang suy-tư, cử-động, đang nhìn qua đôi mắt và nghe qua hai tai? Chính là tâm-linh, phần thiêng-liêng mà Christ đang nói đến. Ngài đang khơi động niềm đói khát trong tâm-hồn nhân-loại.

Đề-tài rộng lớn này không thể nói hết được, Chúng ta chỉ có thể đề-nghị vài điểm chính. Ngày nay con người có cảm thấy đói khát chẳng? Chắc-chắn và đây là ba chúng có nói lên sự đói khát ấy.

Trước hết, lòng tìm kiếm Thượng-Đế; thứ hai ước ao đi tìm con người và thứ ba, nỗ lực chiến-đấu với tội-lỗi. Đây là ba điểm phổ-thông, không giới-hạn ở một dân-tộc nào.

Lòng tìm kiếm Thượng-Đế ở trong mọi người. Tất cả

những hình thức thờ thần-tượng tổ-cáo niềm tha-thiết của con người muốn tìm biết Đức Chúa Trời. Ước-ao đi tìm con người cũng là một hình-thức đói khát của nhân-loại. Con người mong ước tạo cho mình một nhân cách toàn-hào. Và những khao khát đời đời ấy là tiếng thồn-thức, than dài qua các văn phạm, tư-tưởng của con người, mà họ không bao giờ hiểu nó được. Tất cả những chiến-đấu cố-gắng những khát-vọng cao xa đều nhằm mục-đích làm cho con người thích-hợp hơn. Thích-hợp ở đây có nghĩa gì? Hãy suy-nghi kỹ về điểm này, con người đi tìm sự thích-ứng, con người đi tìm con người trong mối tương-quan xã-hội và quốc-tế. Trước hết, đi tìm Thượng-đế, sau, đi tìm con người; và do đó, phải chiến đấu với tội-lỗi. Hoặc chúng ta có thể thay tội-lỗi bằng một chữ khác. Chiến-đấu với thất-bại, với bất-toàn; ý-thức rằng chúng ta đã không đạt mục-đích; và đó ý-nghĩa chữ tội-lỗi trong Tân-ước. khắp nơi, con người đã không đạt mục-đích và đang chống nghịch với mục-đích của cuộc đời. Tôi không có ý nói về sự điên rồ, đại-dột, gian-ác, phản-loạn của con người. Tôi chỉ nhắc tình-trạng đói khát, và sự đói khát trá hình qua những cố-gắng tìm kiếm Thượng-Đế, tìm kiếm con người và chiến-đấu với tội-ác của nhân-loại.

Tuy nhiên, đói không phải là bánh dù đói đòi hỏi phải có bánh. Đói không bao giờ trở thành bánh. Và tìm kiếm Đức Chúa Trời không bao giờ có nghĩa đã tìm thấy Đức Chúa Trời. Cố-gắng theo đuổi con người cũng không phải là tìm được ý-nghĩa về con người. Chiến-đấu với tội-lỗi không hề đưa đến chiến-thắng. Đói không bao giờ trở thành bánh. Chỉ trừ khi nào tìm được bánh, nếu không, đói sẽ đưa đến chết chóc, định-luật bất-di bất-dịch, không thể tránh được. Đấng Christ đối-diện với thực-trạng này,

đã phán: «Ta là Bánh của sự sống», một lời tuyên-bố oai-hùng; «Ta là bánh hằng sống», Ta là bánh từ trời xuống vì có loài người.

Hãy dừng lại, suy-nghi, Ngài đã làm gì? Con người dẫn thân đi tìm Đức Chúa Trời và Christ đã bày-tỏ Đức Chúa Trời. Con người phiêu-lưu đi tìm con người và chính Ngài đã giải-thích và phô-bày con người trình-bày thực-trạng về con người. Con người chiến-đấu với tội-lỗi, thất-bại, Ngài đã đến cứu vớt họ khỏi tội, phá vỡ quyền-lực, tẩy-xóa mọi cơ-bản của tội-lỗi, Ngài là bánh của sự sống. Đức Chúa Trời nhìn thấy thực-trạng của nhân-loại, đã làm thỏa-mãn mọi đòi-khát của họ, đã đưa cố-gắng tìm kiếm đến thành-công, giải-đáp hoàn-toàn mọi thắc-mắc và phỏng-thích con người khỏi vòng xiềng-xích, ô-uế của tội-lỗi. Vì thế, Christ phán: «Ta là Bánh của sự sống».

Chúng ta là tín-đồ của Christ. Chúng ta tin điều đó không? Chúng ta đã nếm thử chưa? Chúng ta đã kinh-nghiệm Ngài là Bánh của sự sống linh-hồn chúng ta chưa? Chúng ta có thể tin-cậy thưa rằng: «Hỡi Christ, Ngài là tất cả đối với tôi» chẳng? Chúng ta đã thỏa-mãn đòi-khát, đã tìm thấy Đức Chúa Trời, đã hiểu rõ con người, đã làm chủ được tội-lỗi chưa? Nếu đã thỏa-mãn chúng ta hãy trở lại với câu chuyện trên và để ý đến khía-cạnh phép lạ, cách Chúa Jêsus đã cho đoàn dân ăn. Ngài đã hỏi xin và được một em bé dâng bánh, qua môn-đờ Ngài; và trước đó Ngài có bảo với môn-đờ, ngay trước mặt đoàn dân đang đói: «Chính các ngươi phải cho họ ăn.» Họ đã đem những gì mình có cho Ngài, dù số lượng hoàn toàn chẳng thấm vào đâu để đáp-ứng nhu-cầu của đoàn dân. Ngài đã nhận lấy. Ngài

chức phước. Ngài bẻ ra. Họ mang đi phân-phát. Thế là đoàn dân đói được ăn no-nê. Hiện nay Ngài vẫn còn đương phán : «Ta là Bánh của sự sống», «Chính các ngươi phải cho họ ăn.»

xx

53. THỊT VÀ HUYẾT

Giăng 6: 53-58

NH I Ề U người kinh-ngạc khi Chúa chúng ta dùng danh-từ « thịt và huyết » làm một hình ảnh thí-dụ. Phần lớn các môn-đồ lúc ấy cũng tỏ vẻ như thế. Giảng cho chúng ta biết : « Có nhiều môn-đồ nghe Ngài, thì nói rằng : Lời này thật khó, ai nghe được ? » Chữ « khó », ở đây có nghĩa rất đặc biệt. Trong tiếng Hi-lạp, chữ *Skleros* có nghĩa là thô-lỗ không thể tán thành, chấp nhận được. Nếu thay thế cách dịch một chút, chúng ta có thể diễn-tả gần đúng ý-nghĩa của các môn-đồ. « Câu nói thô-lỗ quá, ai nghe, cho được ? »

Hơn nữa, cách dùng thí-dụ đó đã đưa đến sự chia-rẽ. Nó gây ra một biến động, một khúc quanh rõ-rệt trong cuộc-đời chức-vụ của Chúa chúng ta. Như chúng ta đã nói, Giăng cũng ghi lại : « Từ lúc ấy, có nhiều môn-đồ trở lui, không đi với Ngài nữa. » Điều đó chứng tỏ những gì Ngài nói thật vô cùng táo-bạo, hoàn toàn bí ẩn, và ngay cả môn-đồ Ngài, mới nghe qua cũng bảo : Câu nói thái quá, câu nói thô-lỗ có vẻ buồn cười. Thật vậy, nhiều người đã bị tổn thương đến nỗi thối lui, không bao giờ trở lại với Ngài nữa. Một câu nói gây chia-rẽ.

Chúng ta cũng thấy đây là một hình ảnh thí-dụ táo bạo. Không tranh-luận về câu nói của Ngài, chúng ta cũng không thể chấp-nhận quan-niệm cho rằng đây là một câu nói ám chỉ về Tiệc-Thánh. Đó là quan-điểm của vài nhà thần học khả kính, nhưng chúng ta không thể đồng ý với họ. Chúa chúng ta không nói gì về Tiệc thánh ở đây, dù là gián-tiếp đi nữa, Nhưng vì nhận thấy nhiều dư luận sôi nổi qua lịch-sử thần học về vấn-đề này, ít ra chúng ta cũng phải suy nghĩ cân-

thận hơn và cầu xin Thánh-Linh giúp chúng ta hiểu rõ điều Chúa muốn nói ở đây.

Chúa chúng ta dùng những hình-ảnh này nhân dịp nào ? Đó là một phần trong câu chuyện về bánh trong đoạn sáu. Chúng ta đã suy-nghi về hình-ảnh « bánh của sự sống » và lời Christ tuyên-bố Ngài là Bánh của sự sống. Thí-dụ này tiếp ngay sau đó. Bánh của sự sống là thức ăn của sự sống ; và Christ phán Ngài là bánh ấy. Vì thế, những gì Ngài nói ở đây về thịt và huyết đều có liên-quan mật thiết với đề-tài về bánh, và buộc phải nói về cùng một đề-tài nghĩa là về thức ăn cần cho sự sống. Đó là trường-hợp Ngài dùng thí-dụ.

Ở đây Ngài muốn làm sáng tỏ điều gì ? chúng ta có thể trả lời vắn-tắt. Ngài nhằm mục-đích bày-tỏ cho con người biết thịt và huyết là phương-tiện giúp con người dự phần chia xẻ bánh hằng sống, « Ta là bánh của sự sống » « Ta là bánh hằng sống từ trên trời xuống ; nếu ai ăn bánh ấy, thì sẽ sống vô cùng ; và bánh mà Ta sẽ ban cho vì sự sống của thế gian tức là thịt Ta. » Làm sao con người nhận được bánh của sự sống ? Nhờ ăn thịt và uống huyết Ngài.

Như thế, chúng ta phải đối diện với hình ảnh Ngài dùng ở đây. Một lần nữa chúng ta chấp-nhận bản-chất táo-bạo của thí-dụ. Chúng ta hãy dừng lại, suy-nghi một ít về thịt và huyết chỉ theo lối hình bóng.

Danh từ chỉ về thịt ở đây rất quen thuộc với độc giả Tân-ước Hi-lạp, qua chữ *sarx*. Chữ này được dùng nhiều cách và dưới nhiều hình-thức khác nhau ; với ý nghĩa đặc biệt về thần học thường được các sứ-đồ cũng như Phao-lô dùng, nhất là trong các thơ-tín. Thịt là gì ? Đó là phần vật-chất trong con người, là thân-xác, khác với tâm-linh. Nhưng khi thân xác đó chết, nó không còn là thịt nữa. Thịt đòi hỏi phải có sức sống ; thịt hoàn-toàn là hiện thân của nhân-cách.

Huyết có nghĩa gì ? Dù các môn-đồ có kinh-ngạc khi nghe

Chúa nói, chúng ta cũng đã hiểu rõ ý-nghĩa thiêng-liêng của huyết theo giáo-dục Hy-bá-lai mà các môn-đồ đã từng được học biết. Chúng ta có thể tóm-tắt trong một chữ đơn giản, cao sâu và dứt khoát, theo như Cựu-trước ; « huyết là sự sống. » Chúng ta chỉ mới nói đến bình diện thể xác, và huyết, với công tác huyền-bí, mạnh-mẽ trong thân thể, là yếu tố tạo sức sống. Chúng ta cảm thấy khó chịu trong người chẳng ? Có thể đoán được rất dễ-dàng, ấy là vì máu của chúng ta không làm việc đều hòa, bị một vật gì ngăn lại. Huyết là sức sống. Đó chỉ là phương-diện thể xác.

Nhưng chúng ta phải đề-cập đến một điểm khác, phải nhớ kỹ trường-hợp Ngài dùng hình-ảnh này. Sự ngăn cách giữa hai yếu tố trên, bao hàm sự chết. Nếu huyết ra khỏi thịt, sẽ đưa đến sự chết, luôn luôn như thế. « Thịt Ta, huyết Ta. » Đề ý kỹ về ngạc nhiên của mấy người Do-thái khi họ nghe Chúa Jê-sus nói : bây giờ, chúng ta phải tìm hiểu ý-nghĩa thuộc linh Chúa muốn dạy chúng ta. Khi môn-đồ bảo lời đó thật khó, Ngài đáp : « Ấy là thần linh (tâm-linh) làm cho sống : xác thịt chẳng ích chi ; những lời Ta phán cùng các người đều là linh và sự sống. » Thức ăn thật sự của sự sống là thịt. Ngài nói thịt Ngài là « đồ ăn thật, » huyết Ngài là « đồ uống thật. » Nên nhớ, khi Ngài bảo những lời Ngài phán đều là thần linh Ngài đã đề cập đến yếu-tố căn-bản của con người, niềm đói khát chính của con người ; đến nhu-cầu căn bản của con người đó là sự sống tâm linh. Ngài dùng những hình ảnh thuộc về địa hạt vật-chất. Nhưng sau đó Ngài liền nói xác thịt chẳng ích chi, tức Ngài chuyển sang địa hạt tâm-linh ; nói về sức sống thật của tâm-linh.

Ngài dùng chữ « Thịt Ta. » Làm sao chúng ta giải-thích được chữ ấy cách tôn kính ? Chúng ta hãy trở lại phần đầu sách Tin-lành này và xem lại mấy lời mở đầu của Giảng : « Ngôi Lời trở nên xác-thịt. » « Người nào ăn thịt Ta ; dĩ-nhiên Ngài muốn ám chỉ sự nhục-thể-hóa của Ngài vì lợi ích cho con người, bán

sẽ đáp ứng nhu cầu và thỏa mãn đói khát nếu con người ăn thịt Ngài.

Rồi đến « huyết Ngài » phải đổ ra như thế sẽ đem lại sự sống, qua sự chết — Các môn-đồ kinh-ngạc vì hình-ảnh Ngài dùng. Họ cho như thế là thô-bạo, đáng phản đối. Nhưng Ngài nói : « Ăn thịt Con người và uống huyết Ngài. » Tôi xin phép nói cách khác. Kẻ nào chiếm hữu được bản-chất của Ta, bản-chất đã giáng thế vì có Đức Chúa Trời đã hiện thành nhục-thể và vì có Ngôi Lời đã trở nên xác-thịt, kẻ nào chiếm hữu được bản-chất ấy ; kẻ nào uống huyết ta, người ấy đã nắm được giá trị của sự đổ huyết, giá trị của sự chuộc tội và cứu-rỗi. « Người nào ăn thịt Ta và uống Huyết Ta. »

Hãy nghe lời Phao-lô khi người viết cho tín-đồ Ga-la-ti : « Tôi đã đã bị đóng đinh vào thập-tự giá với Đấng Christ mà tôi sống, không phải là tôi sống nữa, nhưng Đấng Christ sống trong tôi ; nay tôi còn sống trong xác-thịt, ấy là tôi sống trong đức tin của Con Đức Chúa Trời, là Đấng đã yêu tôi và đã phó chính mình Ngài vì tôi. » Chúng ta có thể hiểu câu ấy như sau. Tôi đã ăn thịt của Chúa Jê-sus-Christ. Tôi trở thành một kẻ dự phần trong bản-chất Ngài. Chính cuộc đời tôi đang sống, tôi sống trong đức tin. Đó là sự sống của Ngài trong tôi, đang ngự trị điều khiển tôi. Tôi đã tự dành riêng cho mình được sự kỳ-diệu và sự huyền nhiệm của sự nhục-thể-hóa, nhờ đức-tin nơi Ngài. Tất cả sự trong sạch ; thánh khiết, toàn-hảo, tuyệt-mỹ trong sức sống của Ngài đều thuộc về tôi.

Nói thế, sứ đồ Phao-lô không tự xưng đã hiểu biết trọn vẹn, vì có khi viết cho người Phi-líp, sứ-đồ nói : Tôi chưa đạt đến mục-dịch, tôi chưa hoàn toàn ; nhưng việc làm duy-nhất của tôi ấy là nhắm mục-dịch tiến tới để giựt giải về sự kêu gọi cao cả, dù có đạt đến hay không. Đó là một con người đã chiếm-hữu được bản tính của Christ. Người đã ăn thịt, đã dự phần trong việc nhục thể hóa và không còn đói nữa vì đã nắm giữ được yếu-tố của sự sống. Nhưng người cũng đạt được giá trị của sự chết Ngài, tức là trước hết, chấm dứt mọi cố-

gắng tự đi tìm tri-thức, tự giáo-hóa. Hội-thánh của Đức Chúa Trời ngày nay há chẳng mù lòa trước lẽ thật ấy sao ? Trên khắp thế-giới ngày nay, nhiều người trở thành tín-đồ Đấng Christ chỉ vì có muốn giáo-dục mình ; chúng ta không đón nhận mối tương-giao giữa chúng ta với Christ như một quà-tặng do ân-huệ tại chân Thập-tự giá, một sự ban cho mà chúng ta chỉ có thể nhận được qua sự đổ huyết của Con Đức Chúa Trời.

Đó là điều Phao-lô muốn nói ; và trong thư Phi-líp, người cũng viết : « Vì Đấng Christ là sự sống của tôi, và sự chết là điều ích lợi cho tôi. »

Những chữ nghĩa bóng ở trên, được dùng cách táo-bạo đến nỗi nhiều môn-đồ cho là khó hiểu, kỳ quái, thô lỗ ; những chữ nghĩa bóng nhằm ngay vào địa hạt vô hạn ; vào sự giáng sanh huyền-diệu nhờ đó Đức Chúa Trời có thể và đã ban cho loài người hư mất, thất bại và tội-lỗi, một quyền-năng, không phải chỉ là một khuôn mẫu nhưng là một quyền-năng sống-động ; và qua sự chết cùng sự đổ huyết của Ngài, những tâm-hồn đầy gánh nặng đã tìm được tha thứ, tẩy sạch và sức sống vươn lên.

Vậy kẻ nào ăn thịt và uống huyết chính là kẻ dự-phần bản chất của Christ trong sự giáng sanh của Ngài, một hòa-hợp giữa Thần tánh và nhân-tánh ; và đó là ý Phi-e-ơ muốn nói khi người bảo, chúng ta đã trở nên kẻ tế tự của bản tánh Đức Chúa Trời. Kẻ nào tin cậy Ngài, đã nhận được bản-tánh Đức Chúa Trời đã ăn thịt Ngài ; và kẻ nào tin cậy vào sự đổ huyết màu-nhiệm của Christ, cũng đã uống huyết Ngài ; và đó mới là đồ ăn và đồ uống thật.

Khi viết cho người Cô-rinh-tô. Phao-lô cũng nói : « Lại Ngài đã chết vì mọi người, hầu cho những kẻ còn sống không vì chính mình mà sống nữa, nhưng sống vì Đấng đã chết và sống lại cho mình. Bởi đó, từ rày về sau, chúng tôi không theo xác thịt mà nhận biết ai nữa. » Điềm lạ lùng hơn nữa là

« Dẫu chúng tôi đã từng theo xác thịt mà nhận biết Đấng Christ nhưng bây giờ chẳng còn nhận biết theo cách ấy nữa, « Hình ảnh thí-dụ của Ngài đã đưa chúng ta trở về với sự kiện. Bởi chương trình định-đoạt sự hiện diện của Ngài giữa một thế-hệ loài người, hay là qua ba năm chức vụ, bởi chương-trình đó chúng ta mới bước vào mối tương-giao với Ngài ở mức độ sâu-xa hơn hết của bản-tánh Ngài. « Vậy nếu ai ở trong Đấng Christ, người ấy được dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, này, mọi sự đều trở nên mới. »

Như thế, chúng ta có thể trở lại và chấm dứt bằng câu nói của Chúa chúng ta, trong tương quan với cả đoạn sáu này của Giăng : « Ấy là thần linh làm cho sống; xác thịt chẳng ích chi; những lời Ta phán cùng các ngươi đều là thần linh và sự sống. » Trên phương-diện bản chất thuộc linh của chúng ta, nếu chúng ta tin cậy Ngài, đầu phục Ngài, chúng ta trở nên kẻ dự phần bản tánh Ngài, chúng ta ăn thịt Ngài, nắm được tất cả ý-nghĩa huyền-bí của sự chuộc tội của Ngài tượng-trưng qua sự đổ huyết; và chúng ta uống huyết Ngài.

54. NHỮNG GIÒNG SÔNG

Giăng 7 : 37-39

H Ì N H ảnh thí-dụ chúng ta đang suy nghĩ ở đây là "sông nước." Những hình ảnh về "khát," và "nước sống" đã được nhắc qua trong câu chuyện về người đàn bà Sama-ri ở đoạn bốn. Tuy nhiên, chúng ta cần nhớ những điểm đó khi được nhắc lại trong đoạn này đó là những điểm liên-quan mật-thiết với đề tài về "sông nước," ở đây. Nói về nước sống để đáp ứng những tâm hồn đói khát, Chúa chúng ta đã dùng những hình ảnh giòng sông. Những giòng sông luôn luôn gọi ra hình ảnh dư-dật, phong-phú; không phải một ngọn suối hay một con sông, nhưng là những giòng sông. Đó là hình ảnh Chúa muốn đề cập ở đây.

Theo thói quen, trong những bài học trước, chúng ta thường bắt đầu tìm hiểu đề tài qua hình ảnh thí dụ. Nhưng ở đây, chúng ta không cần đặt vấn đề ấy, vì chính Giăng đã giải-thích ngay cho chúng ta trong câu ba mươi chín: "Ngài phán đều đó chỉ về Đức Thánh-Linh mà người nào tin Ngài sẽ nhận lấy bởi bấy giờ Đức Thánh-Linh chưa được ban xuống, vì Đức Chúa Jêsus chưa được vinh hiển."

Đây là một lẽ thật đặc biệt. Tại đây chúng ta nghe Chúa phán: Nếu người nào khát, hãy đến cùng ta mà uống. Kẻ nào tin Ta thì những sông nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình, y như Kinh-Thánh đã chép vậy." Qua câu đó, chúng ta có hình ảnh những sông nước sống. Hình ảnh đó có nghĩa gì? "Điều đó chỉ về Đức Thánh-Linh... bởi bấy giờ Thánh-Linh chưa được ban xuống." Trong bản chép bằng tay, không có mấy chữ "được ban xuống," những chữ này được thêm vào trong

bản tiếng Anh và tiếng Việt để giúp chúng ta hiểu rõ hơn. «Thánh-Linh chưa được ban xuống,» vì Đức Chúa Jê-sus chưa được vinh-hiền. Đó là đề-tài, theo sự giải-thích cảm-thức về mục-đích của hình-ảnh. Ngài muốn nói về Đức Thánh-Linh. Ngài nghĩ đến một cách ban cho mới-mẻ của Thánh-Linh, chưa bao giờ được thực-hiện, ngay cả trước ngày lễ Ngũ-tuần.

Sau này Ngài cũng nói với các môn-đồ về sự giáng xuống của Thánh-Linh, bảo đó là lời hứa của Đức Chúa Cha: Ngài sẽ sai đến cùng các ngươi. Ở đây Ngài nói về nhiệm-vụ riêng của chính Ngài, về điểm cuối-cùng của công việc, ấy là sự giáng xuống của Thánh-Linh, với đường lối và số-lượng hoàn-toàn mới mẻ. Chúng ta không thể đọc Cựu-ước mà không đối-diện với Thánh-Linh. Chúng ta thấy Đức Chúa Con ngay ở phần đầu Kinh-thánh, Ngôi Lời và Thánh-Linh của Đức Chúa Trời vận hành trên tất cả những hỗn-loạn. Nhưng sự hiện đến của Ngài lúc ấy trên con người luôn luôn gián-đoạn và ngẫu-nhiên. Riêng về lễ thật dạy rằng Thánh-Linh luôn luôn ở với chúng ta, đó là một lễ thật mới mẻ, như Chúa Jê-sus có nói đến sau này, Thánh-Linh sẽ ở với kẻ thuộc về Ngài và ở trong kẻ thuộc về Ngài.

Nếu có thể đọc được ý-nghĩ của Chúa, chúng ta có thể quả quyết là Ngài đang nói về sự ban cho Thánh-Linh; và Giảng cho chúng ta biết vì sao trước đó, việc này chưa xảy ra và vì sao Thánh-Linh chưa được ban xuống, trong ý-nghĩ mới mẻ đó. Tại sao? «Bấy giờ Đức Thánh-Linh chưa ban xuống, vì Đức Chúa Jê-sus chưa được vinh-hiền.»

Ngài được vinh-hiền có nghĩa gì? Hãy đọc lại Giảng đoạn mười hai rồi đọc đoạn mười bảy trong phần Chúa chúng ta nói với môn-đồ và phần nói với Cha Ngài. Tại đó, chúng ta có thể hiểu Chúa Jê-sus được vinh-hiền có nghĩa gì. Do đó chúng ta có thể tóm tắt: Chúa Jê-sus được vinh-hiền khi Ngài bị treo trên Thập-tự-giá, thoát khỏi đất. Khi Ngài được treo

lên khỏi đất, cao hơn đất, tức là Ngài chiến-thắng trái đất. « Hiện bấy giờ có sự phán xét thế-gian này, và hiện nay vua chúa của thế-gian này phải bị xua đuổi. Còn Ta, khi Ta đã được treo lên khỏi đất, Ta sẽ kéo mọi người đến cùng Ta. » Con đường vinh-quang của Ngài là con đường Thập-tự và di-nhiên, sau Thập-tự-giá là sự sống lại. Nếu không có sự sống lại của thân-thề, chúng ta ngày nay là kẻ khốn-khò, ngu-dại hơn hết trên đời này. Nếu sự sống lại vẫn còn là một nghi-vấn, tình-trạng của chúng ta thật nguy-khốn. Vinh-quang chính là Thập-tự-giá, sự treo lên và sự thắng-thiên. Sau đó Ngài ban Thánh-Linh xuống.

Trong câu chuyện này, Ngài đang dự ngày sau cùng trong kỳ lễ. Chữ « sau cùng ấy » giúp chúng ta đứng trên quan-điểm của Ngài, nhìn thấy trước những gì sẽ xảy ra trong đời sống trên đất của Ngài và kết cuộc là sự ban cho Thánh-Linh; và con đường đưa tới kết cuộc đó là Thập-tự-giá, sự sống lại, sự thắng-thiên và sự tôn vinh-hiền đang đợi Ngài.

Trên quan-điểm đó, Ngài phán: « Nếu người nào khát, hãy đến cùng Ta mà uống. Kẻ nào tin Ta thì những sông nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình ra, như Kinh-Thánh đã chép vậy. Ngài phán đều đó chỉ về Đức Thánh-Linh. » Chúng ta hãy dừng lại với hình-ảnh này, những dòng sông di động. Đây là một câu chuyện quen thuộc với những ai chuyên học Kinh-thánh. Điểm quan-trọng là chúng ta cần nhớ đây là ngày cuối cùng trong kỳ lễ lễ lều tạm. Tất cả những màu sắc địa-phương liên-quan đến câu chuyện này sẽ giúp chúng ta rất nhiều trong việc tìm hiểu.

Kỳ lễ lễ lều tạm kéo dài suốt tám ngày, gồm bảy ngày cộng thêm một ngày cuối cùng. Trong thời chức-vụ của Chúa chúng ta, dân chúng đã thêm vào nghi lễ đó một điều khoản rất có ý-nghĩa trên phương-diện tượng-trung. Mỗi ngày trong kỳ lễ, một đoàn thầy tế lễ vác những ché trống bằng vàng trên vai, từ Đền-thờ diễn-hành qua các đường phố, hát những đoạn

trong bản Trường ca Ha-lê-lu-gia, tức là Thi-thiên từ 113 đến 118. Rồi họ đổ nước đầy các chén đó, có thể lắm, tại khe Kedron. Cuộc diễn-hành sau đó được thay đổi với những chén đầy nước và họ đi trở về Đền thờ, miệng vẫn hát bản Trường ca, và khi vào sân Đền-thờ, trước mặt hội chúng đến thờ-phượng, họ đổ nước trong các chén bằng vàng ra.

Làm như thế có nghĩa gì? Đây là cách giải-thích của pháp-sư Do-thái ngày xưa. Việc mang nước về tượng-trưng cho hai sự-kiện. Thứ nhất, họ đã sống trong đồng vắng, và Đức Chúa Trời đã cung cấp nước cho họ cách lạ lùng trong khoảng bao nhiêu năm; thứ hai, khi đã vào được xứ, họ không cần sự cung ứng phi-thường ấy nữa, vì khắp xứ đầy đầy những khe suối và sông nước. Lễ lều tạm kỷ niệm sự chiếm xứ và tỏ lòng vui mừng vì nước họ cần trong đồng vắng trước kia bây giờ không thiết-yếu nữa. Tuy nhiên, các pháp-sư Do-thái cho rằng nghi-thức trên còn mang ý nghĩa sâu xa hơn nữa. Đó là cách báo cho mọi người biết, theo như lời hứa, một ngày kia, nguồn quyền-năng phong-phú sức lực mới sẽ tràn-ngập dư-dật trên khắp xứ và dân-tộc, và suốt bảy ngày họ cứ lập lại nghi-lễ này.

Đến ngày thứ tám, các thầy tế-lễ không diễn-hành nữa. Các pháp-sư Do-thái bảo, sự vắng mặt này trước hết có nghĩa là bây giờ họ không cần phép lạ cung-cấp nước như thời còn ở trong đồng vắng nữa, nhưng điều đó cũng ngụ-ý rằng lời hứa ban lại sự thịnh-vượng mà dân-sự hằng mong-ước lâu nay vẫn chưa được thực-hiện. Trong ngày sau cùng, ngày trọng-thê ấy khi các thầy tế-lễ không đi diễn-hành lấy nước về. Chúa Jê-sus đứng lên tuyên-bố: «Nếu người nào khát, hãy đến cùng Ta mà uống. Kẻ nào tin Ta thì sông nước hằng sống sẽ tuôn-chảy từ trong lòng mình ra.» Ngài phán điều đó chỉ về Thánh-Linh và Ngài dùng hình-ảnh nước hằng sống. Ngài nói: «Như Kinh-

Thánh đã chép. Kinh-thánh đã nói rất nhiều về điều đó, Hãy đọc suốt Cựu-ước, xem những hình ảnh về sông. Trường-hợp thứ nhất là Sáng-thể Ký đoạn hai, kể lại Đức Chúa Trời lập nên một khu vườn và có bốn giòng sông từ đó chảy ra. Đó phải chăng là một lối nói bóng ? Không, đó một sự-kiện lịch-sử, những dòng sông dùng tưới vườn.

Đi xa hơn, qua các văn-phẩm, chúng ta thấy những tác-giả Thi-thiên và tiên-tri luôn luôn dùng hình-ảnh những con sông để làm thí-dụ. Những con sông đó luôn luôn phát-xuất cái nọ cái kia từ Đức Chúa Trời. Chúng ta cũng thấy nữa, đoạn Kinh-thánh Cựu-ước cao siêu hơn hết nói về các giòng sông được chép ở Ê-xê-chi-ên đoạn bốn mươi bảy, một đoạn sách tuyệt-diệu mà tôi chỉ-trích ra một câu : « Khắp nơi nào sông ấy chảy đến thì mọi vật đều sẽ được sống. » « Nếu người nào khát hãy đến cùng Ta mà uống. Kẻ nào tin Ta thì sông nước hằng sống sẽ chảy từ lòng mình ra. » Khắp nơi nào sông ấy chảy đến thì mọi vật đều sẽ sống.

Vì thế những giòng sông luôn luôn nói lên sức sống, và sự sống trên hai phương-diện, sự thỏa mãn trong đời sống khi khao khát ; và sau nữa, sự kết quả trong mọi đời sống, có thể đưa đến một mùa gặt vui vẻ. Điều đó không thể lập lại nhiều lần. Ngài đứng đó. Giảng nói rõ Ngài đứng. Trong một trường hợp khác Ngài không đứng, nhưng ngồi. Đối với chúng ta, dân tộc Đông-Phương, điều đó rất có ý-nghĩa. Lúc dạy dỗ, Ngài luôn luôn ngồi, nhưng mọi giáo-sư thường khác. Nhưng khi rao báo một điều gì, Ngài đứng lên ; và trong trường hợp này, vì lẽ lẽu tạm sắp chấm dứt, nghi thức cũng đã xong, và tất cả tính-cách gọi-ý của nó cũng đã qua đi, Ngài đứng lên, phán : « Nếu người nào khát, hãy đến cùng Ta mà uống. »

Ai là kẻ tin Ngài ? Chính kẻ đang khao khát và chính linh hồn khát đến cùng Ngài và uống, đó là kẻ tin Ngài.

Bạn đã tin Jê-sus chưa ? Tôi không muốn nói tịn điều ở

dây. Bạn có tin Jêsus không? Đó là câu hỏi thứ 'nhứt. Làm sao bạn biết được? Làm thế nào tôi biết được? Hãy tự hỏi câu này: Tôi đã đến với Ngài và uống Ngài để được giải khát chưa? Tôi có thể nói:

* Thật tôi đang khát chạy đến Chúa đây;

Suối linh uống ngon ngọt thay!

Hồn tôi vui tươi, hồn thấy thỏa ngay,

Phước thay được sống trong Ngài!

Bạn có thể nói như thế chẳng? Đó là bước đầu-tiền. Kẻ nào làm điều đó, kẻ nào tin Ngài, sẽ được gì? Những sông nước sẽ phát-xuất, sẽ chảy từ trong lòng người ấy ra.

Lời dạy-dỗ quan-trọng ở đây là, Thần-linh ban sự sống phải được truyền từ con người sang con người. Thần-linh đến từ Đức Chúa Trời. Ngài đến vì có Jêsus đã được vinh-hiền; nhưng nếu Ngài phải được lưu-truyền vào sự sống con người, nếu Ngài phải đem sự sống vào bất-cứ nơi nào Ngài đến, thì con sông của Thần-linh Đức Chúa Trời này, với sức đổi mới, tái-tạo, phục-hưng, nâng cao mọi đời sống, Ngài phải đến bằng cách? Qua bạn, qua tôi, qua phương-tiện loài người. Kẻ nào tin, sông nước sẽ chảy từ trong lòng người ấy ra. Điều quan-trọng, chính-yếu ấy là chính Thần-linh ban sự sống mà thế-giới hấp-hối — nếu không nói là đã chết từ lâu — này đang cần, chính Thần-linh ban sự sống cần phải được đưa tới — nói như Ê-xê-chi-ên — nơi những chỗ, những bưng và biển chúng trở nên tươi sáng, đẹp-dẽ và sanh-lợi, thế-giới sẽ nhận được Thần-linh ấy qua những kẻ tin-nhận Jêsus. «Kẻ nào tin Ta thì sông nước sẽ chảy từ trong lòng mình ra.»

Ai là kẻ tin Ngài? Chính là những kẻ đã đến cùng Ngài, đã được giải-khát, những kẻ đã hiểu thế nào là tiếp nhận quà tặng nước sống trở thành một mạch nước trong lòng mình, văng ra, luôn luôn tuôn chảy, sôi-động, tô-điem và làm thỏa-

mãn cuộc đời. Đó là những kẻ tin Ngài.

Có hai điểm tối quan-trọng. Không bao giờ có những sông chảy từ đời sống của những kẻ đang còn khát. Tôi không biết có cần phải sửa ý-nghĩ đó hay không và cứ để nguyên như thế. Mức độ trôi chảy liên-tục của dòng sông tùy thuộc mức-độ thỏa-mãn lòng khao-khát trong chúng ta.

« Hỡi Christ, Ngài là tất cả đối với tôi. » Các bạn thân-mến, có thật như thế không? Các bạn đang khao-khát gì? Các bạn vẫn còn khát chẳng? Tất cả những cố-gắng của con người đều thất-bại. Chúng ta hãy tự hỏi những linh-hồn mình: Chúng ta đã được thỏa-mãn chưa? Vì nếu chưa, sẽ không có một sông nước nào tuôn chảy trong đời sống chúng ta. Chúng ta có thể là những con người tốt, làm việc thiện, nhưng thiếu sông nước đem sức sống cho kẻ khác. Ảnh-hưởng chúng ta đang gây ra không phải là ảnh-hưởng của Thánh-Linh vì sự tiếp nhận Ngài không được thực-hiện đúng đường lối. Sống không bao giờ bắt nguồn từ những linh-hồn còn khát.

Ngược lại, khi sông đã tuôn chảy, không bao giờ còn khát. Không bao giờ có sông nếu chúng ta còn khát. Bạn hết khát chẳng? Sông đang chảy trong bạn.

xx

55. SỰ SÁNG

Giăng 8 : 12

ĐÂY là lần thứ hai, lời tuyên-bố « Ta là » của Chúa chúng ta, được Giăng ghi lại. Trong sách Tin-Lành của Giăng có tám lần tuyên-bố như thế. Ba lần nói về bản thể của Ngài, năm lần chỉ có ý-nghĩa thí-dụ. Đây là lời tuyên-bố thứ hai. Chúng ta đã xem lời tuyên-bố thứ nhất : « Ta là ánh của sự sống. » Lời thứ hai, cũng như lời thứ nhất, xoay quanh chính Chúa Jêsus. Đôi khi Ngài cũng lấy thí-dụ từ thiên-nhiên; nhưng ở đây, lời tuyên-bố có tính cách trực-tiếp : « Ta là sự sáng của thế-gian. »

Chúng ta cần phải liên-kết lời này với chính Thân-vị, và với lẽ thật sâu xa nhất về Ngài. Mở đầu sách Tin-Lành, Giăng nối kết câu một với mười bốn : « Ban đầu có Ngôi Lời, Ngôi Lời ở cùng Đức Chúa Trời, và Ngôi Lời là Đức Chúa Trời; Ngôi Lời đã trở nên xác-thịt, ở giữa chúng ta... đầy ơn và lẽ thật. » Đó là Đấng hiện đang nói : « Ta là sự sáng của thế-gian. »

Chúng ta lùi lại xa hơn một chút, trở về với sách Xuất Ê-díp-tô ký đoạn ba kể lại, sau bốn mươi năm trong đồng vắng, Môi-se được Đức Chúa Trời gọi vào một nhiệm-vụ và địa-vị rất đặc-biệt. Trong lúc tự-nhiên lùi bước trước nhiệm vụ trọng-đại ấy, người đã hỏi Đức Chúa Trời một câu : « Xin cho tôi biết, danh Ngài là chi ? » Theo lời ghi chép, câu trả lời cũng thuộc trong đoạn sách kỳ-diệu đó. Lời tuyên-bố quan-trọng của Đức Chúa Trời đã vang dội và tái xác-nhận : « Ta là Đấng tự-hữu hằng-hữu. » Đó là danh Ngài, danh hiệu đáng ghi-nhớ của Ngài. Hàng bao thế-kỷ tiếp nối, nhờ danh hiệu đó, dân-sự đã nhận biết Ngài. Rồi một ngày kia, chính Đấng

« đã trở nên xác-thịt » đứng lên, nhắc lại danh hiệu đã một lần tuyên-bố qua bụi gai cháy, và qua năm lần, đã liên-kết danh hiệu ấy với những hình-ảnh tượng-trung cao-cả và đơn-giản. « Ta là bánh của sự sống » và bây giờ : « Ta là sự sáng của thế-gian. »

Như thường lệ, trước hết chúng ta khám phá đề-tài ở đây là gì; tiếp theo, quan-sát hình-ảnh Ngài dùng và cuối-cùng, rút ra bài học ứng-dụng.

Điều gì khiến Chúa Jêsus tuyên-bố : « Ta là sự sáng của thế-gian ? » Dù chúng ta có tách hẳn lời này ra khỏi bối-cảnh của nó, chúng ta vẫn thấy đó là một lời mặc-khải của Tân-ước về Chúa Jêsus. Đặc-biệt trong hoàn-cảnh nào chúng ta cũng có thể tưởng-tượng Ngài nói câu đó. Một câu nói luôn luôn đúng trong mọi hoàn-cảnh. Tuy-nhiên, để tìm-hiểu, chúng ta thử đặt câu hỏi : Tại sao lúc ấy Ngài nói như thế ? Chúng ta phải nhìn lại bối-cảnh để có thể hiểu rõ lời tuyên-bố này. Trong đoạn bầy chúng ta được biết Ngài đến dự lễ lều tạm và tự xưng có thể làm thỏa-mãn kẻ nào đang khát; và tuyên-bố nếu ai tin Ngài, người đó sẽ trở thành nguồn phước và sông nước hằng-sống sẽ từ người đó tuôn chảy. Ngay sau lời tuyên-bố đó, có sự cãi-cọ và chia-rẽ giữa dân chúng và người cai-trị. Ngày hôm sau, trước dư-luận đó, Ngài đã thốt ra câu trên, liên-quan mật-thiết với lời tuyên-bố trước đó và nguồn dư-luận về Ngài.

Đề ý kỹ cách mở đầu của đoạn tám. Câu-chuyện rất liên-tục, không có khoảng cách. Các nhà nhuận chánh đã mở đầu ngoặc ở đầu câu năm mươi ba của đoạn bảy và xếp lại gần với đoạn tám, đánh dấu một khoảng cách giữa câu năm mươi hai và năm mươi ba. Thật ra không có khoảng cách ở đó. Nếu có, phải để vào cuối câu một của đoạn tám. Sự thật, câu-chuyện vẫn tiếp-diễn. Sau cuộc cãi-vã : « Họ trả lời rằng (trả lời Ni-cô-đem) : Người cũng là người Ga-li-lê sao ? » Đề ý thái-độ khinh-bí của họ : « Người hãy tra-xét, sẽ thấy rằng

chẳng có tiên-tri nào từ xứ Ga-li-lê mà ra hết.» Họ chấm dứt tranh-luận tại đó. Họ ra về. Họ đi đâu? « Ai nấy đều trở về nhà mình; nhưng Đức Chúa Jê-sus lên trên núi Ô-li-ve. » Đó là lời kết-thúc đương-nhiên của đoạn bầy.

Rồi câu-chuyện bắt đầu lại : « Đến tảng sáng, Ngài trở lại đền-thờ. » Mọi người đi về nhà. Họ có nhà để trở về. Ngài không có. Ngài lên núi Ô-li-ve. Tôi không biết đêm đó Ngài làm gì trên núi Ô-li-ve. Theo thói quen của Ngài, tôi tưởng Ngài đã dùng thì-giờ đó để tương-giao; nhưng nên nhớ là tờ-mờ sáng Ngài đã trở lại sân đền-thờ và « cả dân sự đều đến cùng Ngài, và Ngài bèn ngồi dạy-dỗ họ. » Câu hai mươi chép : « Ngài phán mọi lời đó tại nơi kho, đương khi dạy-dỗ trong đền-thờ. » Chúng ta thử nhớ lại : Ngài lên núi Ô-li-ve suốt đêm đó. Dân chúng đã về nhà nghỉ, nhưng sáng hôm sau đã trở lại hành-lang đền-thờ, Ngài đến đền-thờ thật sớm, đi vào nơi kho, nơi đã có lần Ngài thấy người đàn-bà góa thả hai đồng-xu vào đó; rồi Ngài ngồi xuống dạy-dỗ họ.

Chúng ta không được biết lúc ấy Ngài dạy gì. Trong ngày lễ lễu tạm, Ngài đứng lên và kêu lớn tiếng. Đó là thái-dộ của người truyền-tin. Bây giờ Ngài giữ vai một giáo-sư. Ngài trở lại đó để tiếp-tục dạy-dỗ dân sự.

Tiếp theo phần này là câu-chuyện của người đàn-bà. Tôi tin chắc đây là câu-chuyện có thật đã xảy ra lúc đó. Có thể là Giảng không viết câu-chuyện đó. Đọc bản Tân-ước của Westcott và Hort trong tiếng Hi-lạp, chúng ta thấy câu-chuyện này được xếp vào cuối sách Tin-Lành. Câu chuyện quan-trọng đến nỗi không thể loại bỏ hoàn-toàn. Trong bản của Nestle, câu chuyện được đặt vào đoạn này nhưng giữa hai dấu ngoặc. Dầu sao, vấn-đề không quan-trọng để bàn-cãi. Ngài ngồi xuống dạy-dỗ và theo tôi tưởng, Ngài đã phải tạm dừng khi người ta đem người đàn-bà này đến. Ở đây chúng ta không đề-cập đến câu chuyện này.

Câu mười hai chép : « Đức Chúa Jê-sus lại cất tiếng phán

cùng chúng.» Đó là phần nối tiếp lời dạy đã bị cắt đứt ở trên. Chính các thầy thông giáo và người đàn-bà đã cắt đứt lời Ngài. Khi việc đó đã chấm dứt Ngài đã lấy Vương-quyền giải-tán đám người ấy, khi đứng giữa đám nguyên-cáo, kẻ bị cáo đã chiếu ra một luồng sáng dò-xét đáng sợ, xuyên thấu đáy lòng đám nguyên-cáo và soi sáng tâm-hồn tối-tăm của người đàn-bà, lúc ấy Ngài mới tiếp-tục. «Đức Chúa Jêsus lại cất tiếng phán cùng chúng rằng: Ta là sự sáng của thế-gian; người nào theo Ta, chẳng đi trong nơi tối-tăm, nhưng có ánh sáng của sự sống.»

Lời này nói lên vào lúc đó rất có ý-nghĩa. Trong bản tiếng Anh có thêm chữ «do đó» hay là «bởi thế» (therefore) ở đầu câu, và đó là chữ ý-nghĩa nhất trong câu. Vì sao có chữ «bởi thế» ở đây? Chúng ta phải lùi lại và đặt chữ đó vào khung-cảnh đen tối xung-quanh họ là sự-kiện được chứng-minh bởi đám người lãnh-đạo tôn-giáo và nhân-dân đối với Đức Chúa Trời; qua thái-độ và hành-động của kẻ kiện cáo người đàn bà, cũng như chứng-tích đen tối hiển-nhiên trong câu chuyện của chính bản thân người đàn bà này. Bởi bầu không-khí đó, bởi dư-luận và chia-rẽ đã nói lên tình-trạng đen tối đang vây bọc mọi người, cho nên Ngài phán: «Ta là sự sáng của thế-gian.»

Bởi thế, đề-tài ở đây là làm sao có thể xua đuổi tối-tăm để con người có thể nhìn thấy rõ-ràng chân-lý và con đường phải đi. «Ta là sự sáng của thế-gian.»

Bây giờ chúng ta hãy chú ý đến hình ảnh Ngài dùng. Đây là một đề-tài quyến-rũ hơn hết. Tại học-đường ngày xưa người ta dạy một môn gọi là Vật-lý. Môn-học này chia làm ba khía-cạnh: Động, Quang và Nhiệt. Danh-từ Ngài dùng chỉ về ánh-sáng ở đây rất thông-dụng trong Tân-ước cũng như chữ chúng ta thường dùng; và chữ *Phos* rất quen-thuộc với dân-chúng đã từng nghe Chúa Jêsus dạy. Chữ «ánh sáng» của chúng ta diễn-tả đúng ý-nghĩa Ngài dùng. Chữ *Phos* phát-

xuất từ một chữ khác có nghĩa là chiếu sáng để biểu lộ một điều gì.

Ánh-sáng là gì? Quan-sát qua phân-tích quang-phổ, chúng ta thấy ngay ánh-sáng rất đơn-giản và vô cùng cao-siêu. Vì thế hình-ảnh Ngài dùng ở đây, tôi tin chắc rất là đơn-giản, bất cứ em bé nào hoặc thanh-niên nào có dịp vào sân đền thờ, thấy ánh-sáng quanh họ trong buổi mai hôm ấy cũng có thể hiểu và nhìn thấy được. Nhưng chúng ta hãy quan-sát kỹ. Vài người bảo ánh-sáng gồm bảy màu chính : đỏ, cam, vàng, xanh lá cây, xanh da trời, màu chàm và tím. Tuy nhiên, nói cho đúng, chỉ có ba màu chính : đỏ, xanh trời và vàng. Tôi còn nhớ niềm sung-sướng khi còn bé lần đầu tiên có được hộp màu. Một ngày kia tôi khám-phá hoàn-toàn tình cờ, thấy rằng nếu tôi pha một ít màu xanh với màu vàng, tôi sẽ có ngay màu xanh lá cây vô cùng tươi sáng. Và vân vân.... Ánh sáng là một hợp-chất những màu sắc như thế và cả ba màu đỏ, xanh trời, vàng hòa lẫn vào nhau.

Nhưng làm sao cắt-nghĩa được điều đó ? Có một đề-tài rất thú-vị về cách người ta khám-phá về ánh sáng trong thế-kỷ trước. Trước đó, các tư-tưởng gia đều theo thuyết của Sir Isaas Newton. Ông này cho rằng ánh-sáng là những vật nhỏ li-ti được những vật phát quang chiếu sáng với một tốc-độ rất lớn ; có nghĩa là ánh-sáng được tạo ra do tốc độ và sức mạnh kinh-khủng của những vi thể hoặc nguyên-tử từ mặt trời và ngôi sao phóng ra. Người ta đã tin vào thuyết đó qua bao nhiêu năm. Nhưng đến đầu thế kỷ mười chín, người ta tìm thấy ánh-sáng chính là sự dợn sóng. Thế nghĩa là ánh-sáng được cấu-tạo do những làn sóng trong một môi-trường co-dẫn thấu suốt và màu sắc tùy thuộc vào độ dài của những tia. Màu đỏ là tia dài nhất. Tôi đã say-mê trong một môn-học này. Ánh-sáng thật kỳ-diệu.

Sau đó tôi tìm định-nghĩa về ánh-áng và thấy có hai định-nghĩa. Một trong những giáo-sư danh-tiếng đã định-nghĩa

ánh-sáng là « năng-lượng bức xạ. » Những đợn sóng đập trong không trung; nhưng có tính phóng-xạ và là năng-lượng. Tuy nhiên tôi tìm thấy một định-nghĩa khác đơn-giản hơn và chúng ta có thể thấy định-nghĩa này rất đúng nhờ những vật nằm ở đằng sau. Ánh-sáng là « tác-nhân giúp cho sự vật hiện ra rõ-ràng. » Ai cũng biết điều đó. Ánh-sáng là năng-lượng và người ta đã khám-phá ra sự kỳ-diệu của nó. Chuyển-động vòng quanh thế-giới. Tiếng động, âm-diệu, màu sắc được cấu-tạo khi chuyển-động tinh-tế đến nỗi mắt không nhìn thấy được.

Khi vào một hành-lang triển-lãm tranh ảnh, chúng ta thấy màu sắc của một bức tranh. Chúng ta nói: Chúng ta thích âm-thanh của dương-cầm nọ. Màu sắc của bức tranh và âm-thanh của nhạc. Cả hai như một — sự đợn sóng. Điều đó có vẻ huyền-bí và kỳ-lạ nhưng cũng thật đơn-giản. Tôi thích câu định-nghĩa thứ hai: « tác-nhân giúp cho sự vật xuất-hiện rõ-ràng. » Nơi nào chúng ta trông thấy được sự vật, nơi đó có vẻ đẹp. Màu sắc là vẻ đẹp trong ánh-sáng. Con Đức Chúa Trời chưa bao giờ tuyên-bố lời nào kỳ-diệu hơn khi Ngài đứng giữa một cảnh-trạng đen tối, và phán: « Ta là sự sáng của thế-gian. » Cả một nhạc điệu bất-tận ngân lên cho đến vĩnh-cửu để đem lại cho con người sự mặc khải, sức trông và nhìn thấy được vẻ đẹp, đã kết-tụ trong lời tuyên-bố của Ngài: « Ta là sự sáng của thế-gian. »

Tôi tự hỏi: Ánh-sáng xuất-hiện đầu-tiên nơi nào trong Kinh-thánh, và nó phát-xuất từ đâu? Chúng ta thấy ngay từ đầu: « Đức Chúa Trời phán rằng: Phải có sự sáng, thì có sự sáng » — sự sáng được biến thành, dịch sát tiếng Hy-bá-lai. Đó là nguồn gốc ánh-sáng.

Giờ sang cuối Kinh-thánh, chúng ta sẽ gặp một thành tâm mình trong hào-quang trong suốt và Kinh-thánh chép rằng: « Đêm không còn có nữa, và chúng sẽ không cần đến ánh-sáng đèn hay ánh-sáng mặt trời, vì Chúa là Đức Chúa Trời sẽ soi sáng cho; và chúng sẽ trị vì đời đời. » Đó là chỗ cuối-

cùng trong Kinh-thánh chép về ánh-sáng. Chúng ta thấy từ đầu đến cuối Kinh-thánh, luôn luôn có những hình-bóng về ánh-sáng và ánh-sáng chiếu trên đời sống con người.

« Cầu Chúa phát ánh-sáng và sự chơn-thật của Chúa ra; nó sẽ dẫn tôi. »

Vì thế Chúa Jê-sus phán : « Ta là sự sáng của thế-gian, » sự sáng của vũ-trụ. Đó là chữ dùng ở đây. Không phải của thời-dại nhưng của vũ-trụ. Vũ-trụ nghĩa là gì ? Chữ này có thể dùng với nhiều nghĩa khác nhau. Nó có thể ám-chỉ toàn-thể guồng-máy của vũ-trụ; đôi khi nó ám-chỉ con người, toàn-thể nhân-loại. Có lúc lại được dùng chỉ về trật-tự sống của con người. Ý-nghĩa căn-bản là trật-tự, vũ-trụ là một trật-tự. Đấng Christ phán : « Ta là sự sáng. » « Ta là sự sáng của, » có nghĩa là « Ta là sự sáng dành cho, Ta là sự sáng giữa vũ-trụ. Nếu muốn, ta có thể dùng chữ vũ-trụ ở đây; Ta là sự sáng giữa vũ-trụ, chiếu tận những phương xa vô-cùng rộng lớn. Ta là sự sáng bày tỏ trật-tự thật, con đường nhân-loại phải đi. Jê-sus phán : Ta là Đấng Mặc khải và Đấng Giải-thích vũ-trụ.

Sau đó, trong lúc trò chuyện với môn-đồ, Ngài nói : « Ta là đường đi, chân-lý và sự sống. » Như thế, Ngài là sự sáng bao-trùm Vũ-trụ. Ngài là ánh-sáng bao-trùm nhân-loại. Ngài là ánh-sáng bao-trùm trật-tự thật của đời sống. Chúng ta hãy nhớ lại định-nghĩa thứ-nhất về năng-lượng phóng-xạ, ánh-sáng trong-sạch, chiếu soi nơi tăm-tối, đem lại năng-lượng và phơi-bày ý-nghĩa, giá-trị thật của mọi vật : ánh-sáng của vũ-trụ.

Và giá-trị của lời tuyên-bố được bày tỏ ngay phần sau. « Ta là sự sáng của thế-gian. Người nào theo Ta chẳng đi trong nơi tối-tăm, nhưng có ánh-sáng của sự sống. »

Đề chấm-dứt, chúng ta cần nhắc lại lời thách-thức của Chúa chúng ta trong một dịp khác, khi Ngài bảo với môn-đồ : « Các ngươi là sự sáng của thế-gian. » Cũng với ý đó, Ngài phán : « Sự sáng các ngươi hãy soi trước mặt người ta như

vậy, đặng họ thấy những việc lành của các người, và ngợi khen Cha các người ở trên trời.» Một lời đầy khích lệ. Tôi yêu thích câu ấy và không muốn giải-thích nhưng đem áp-dụng. « Ta là sự sáng của thế-gian. » « Các người là sự sáng của thế-gian. »

Một điểm nữa cần nhắc tới ở phần đầu đoạn này. Hãy nhìn ánh-sáng ấy khi Ngài tự nhắc mình lên và nói với đám người kiện cáo: « Ai trong các người là người vô-tội, hãy trước nhất ném đá người đi. » Tia-sáng đã soi thấu nơi bí-ẩn đen tối trong đời sống họ, khiến họ không chịu nổi và đã quay mặt đi ra từ già đến trẻ. Hãy nhìn ánh-sáng chiếu trên người đàn-bà và trong tâm-khảm bà ta. Ngài biết người đàn-bà. Ngài biết rõ mọi hoàn-cảnh. « Những kẻ cáo người đâu? Không ai định tội người sao. » « Lạy Chúa, không ai hết. » « Ta cũng không định tội người. » Ngài cho bà ta thấy những cơ-hội sửa đổi: « Hãy đi, đừng phạm-tội nữa. » « Bởi đó Đức Chúa Jêsus lại phán rằng: Ta là sự sáng của thế-gian. »

xXx

56. CỬA CỦA CHIÊN

Giăng 10 : 1-9

CHÚNG ta cần nhớ Giăng đã ghi lại cả thầy tám lần khi Chúa chúng ta tự-xưng bằng danh-hiệu « Ta là. » Trong số đó có ba lời tuyên-bố có tính-cách trực-tiếp rõ-ràng : « Trước khi có Áp-ra-ham, đã có Ta. » « Ta là sự sống lại và sự sống, » « Ta là đường đi, chân lý và sự sống. » Ở đây vì chỉ đề-cập đến những hình-ảnh thí-dụ, nên chúng ta không nhắc đến ba lời tuyên-bố này.

Riêng về năm lần kia, đó là những lời tuyên-bố chính vì bắt đầu bằng chữ : « Ta là. » Đây là câu thứ ba : « Ta là cái cửa, » và liên-quan mật-thiết với bài tiếp theo về người Chấn hiển-lành.

Vì mỗi phần hoàn-toàn khác biệt nên chúng ta cần tách ra làm hai bài học khác nhau. Bây giờ chúng ta suy-nghi câu : « Ta là cái cửa » theo phương-pháp thông-thường của chúng ta, tìm hiểu đề-tài, xem-xét hình-ảnh và rút ra bài-học ứng-dụng.

Chúa chúng ta muốn nói gì ở đây ? Nếu không biết rõ vấn-đề Ngài đang nói, rất dễ cho chúng ta ứng-dụng sai-lầm và đánh mất giá-trị thật của những thí-dụ của Chúa chúng ta. Trong câu chuyện hôm nay, Chúa chúng ta nói : « Ta là cái cửa » trong lúc các bạn hữu cũng như kẻ chỉ-trích Ngài đang đứng quanh. Đọc kỹ câu bảy trong đoạn này : « Vì thế (theo bản tiếng Anh) Đức Chúa Jêsus lại phán cùng họ rằng : Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi, Ta là cửa của Chiên. » Mỗi khi gặp chữ « vì thế » chúng ta đặt câu hỏi : Vì sao ? chữ « vì thế » này căn cứ vào đâu ? Chúng ta hãy đặt câu trước đó : « Đức Chúa Jêsus phán lời ví-dụ đó, nhưng chúng không

hiều Ngài muốn nói chi. Vì thế, Đức Chúa Jê-sus lại phán cùng họ. Ngài lập lại thí-dụ một cách khác và nhấn-mạnh ở một điểm khác: « Ta là cửa của Chiên. » Chữ « ví-dụ » trong câu sáu thật ra được đặt không đúng chỗ vì Giăng không bao giờ dùng chữ « thí-dụ » dù đôi khi chúng ta phải tạm dịch như thế. Đề hiểu rõ, có lẽ tốt hơn nên dùng chữ ẩn-dụ. Đó là chữ Giăng muốn nói. Đức Chúa Jê-sus kể ẩn-dụ đó cho họ, nhưng họ chẳng hiểu Ngài nói gì. Như vậy, chúng ta hiểu vì sao Ngài lại phán: « Ta là cái cửa. »

Thí-dụ ở đây là gì? Đó là thí-dụ về cái cửa; thí-dụ về cái cửa dẫn vào chuồng chiên; lối duy-nhất vào chuồng chiên chính là cái cửa. Vậy, chữ « vì thế » đưa chúng ta trở về với câu sáu đề hiểu rõ chữ « vì thế. » Lý-do là vì dân chúng nghe Ngài mà chẳng hiểu ý Ngài muốn nói, không hiểu ẩn-dụ về chuồng chiên và cửa vào chuồng chiên.

Ẩn-dụ đó nói gì? Tại sao Ngài dùng thí-dụ đó? Trước đó, chúng ta được nghe câu chuyện Ngài mở mắt cho một người mù từ thuở sanh ra. Đó là đầu mối vấn-đề sau này. Đây là chỗ duy-nhất ghi lại trường-hợp Ngài chữa một căn-bệnh bẩm sinh, một người mù từ thuở mới sanh. Chúng ta còn nhớ rõ câu chuyện. Khi Ngài cho người ấy được sáng mắt trở lại, dân-chúng xăm-xì bàn-tán không ngớt và không biết xử thế nào. Họ làm gì? Kinh ngạc lẫn lo-lắng, họ đem người này ra trước nhà cầm-quyền tôn-giáo. Trong câu chuyện này ta thấy bối-cảnh Hy-bá-lai Chúa Jê-sus nói, người Pha-ri-si là những kẻ ngồi chỗ của Môi-se. Họ là người giải-thích luật-pháp; nhưng thật ra còn đi quá xa hơn thế nữa. Họ tự-xưng có toàn-quyền tối-hậu trong việc xếp đặt trật-tự cho đời sống. Và dân-chúng đã đem người mù được chữa lành đến giao cho đám người này.

Không đi sâu vào câu chuyện lý-thú tiếp theo, tôi chỉ muốn nhắc lại câu này (9: 34): « Chúng trả lời rằng: Cả mình người sanh ra trong tội-lỗi, lại muốn dạy dỗ chúng ta sao? »

Đoạn, họ đuổi người ra ngoài.» Hãy suy-nghi kỹ câu đó. Bạn đừng tưởng-tượng lúc ấy họ đang ở trong một căn phòng của sân đền-thờ rồi đẩy người này ra cửa. Còn hơn thế nữa. Họ tuyên-bố trục-xuất người này. Họ đuổi người ra khỏi hàng ngũ mà chính họ quản-lý. Họ phản-kháng bất-cứ một sự can-thiệp nào. Nghĩ lại, chúng ta thấy câu chuyện rất kỳ lạ. Người mù từ lúc mới sanh, được sáng mắt lại — và biết chắc điều đó — đang bị bọn cai-trị bàn-tán sôi-nổi, mỗi lúc lại càng hiểu rõ về chính Chúa Jêsus hơn. Trước, người nói : « Tôi chẳng biết người có phải là kẻ có tội chẳng.» Sau đó, người quả-quyết : Một kẻ có tội làm sao có thể làm được một việc như thế ? Họ đáp : « Người lại muốn dạy-dỗ chúng ta sao ? » rồi đuổi người ra ngoài. Họ không bao giờ chịu để ai can-thiệp vào thẩm-quyền dân-sự, pháp-luật hoặc tôn-giáo của họ như thế. Do đó, họ đuổi người ra. Người bị cắt đứt liên-lạc với cái giai-cấp xã-hội trong đó người đã được sanh ra.

Rồi sao nữa ? Nghe tin người bị trục-xuất, bị đuổi ra, Chúa Jêsus tìm gặp người, hỏi : « Người có tin đến Con Đấng Chúa Trời chẳng ? » Và người thưa rằng : « Thưa Chúa, Người là ai, hầu cho tôi tin ? » Câu nói lịch sự chứng-tỏ người nhận biết địa-vị cao-cả của kẻ đối-thoại. « Thưa Chúa, Người là ai, hầu cho tôi tin ? » Chúa Jêsus đáp : « Người đã thấy người và ấy là chính Người đang nói cùng người. » Người thưa rằng : « Lạy Chúa, tôi tin. Và người sắp mình xuống trước mặt Ngài. »

Có hai bức tranh ở đây. Một người bị nhà cầm-quyền tôn-giáo trục-xuất. Chúa Jêsus tìm gặp người, khuyến-khích người một điều, liên-quan về chính con người của Ngài và người này không hiểu ; tuy nhiên, có một vẻ gì khác thường trong giọng nói của Chúa Jêsus khiến người này nói : Tôi tin, rồi quì xuống thờ-lạy Ngài. Bị trục-xuất, ném ra ngoài, bị nhà cầm-quyền tôn-giáo đóng cửa ngăn-cản ; nhưng Chúa Jêsus đứng trước mặt người, mở cửa đưa người vào một xã-hội

mới, tiếp-nhận người và chấp-nhận lòng tôn-thờ của người.

Quay sang đám đông đứng quanh, gồm người Pha-ri-si và nhiều kẻ khác, Chúa Jê-sus phán : « Kẻ nào chẳng bởi cửa mà vào chuồng chiên, nhưng trèo vào từ nơi khác, thì người đó là trộm-cướp. »

Họ không hiểu Ngài; cho nên Ngài lại nói : « Ta là cửa của chiên » và tiếp luôn : « Ta là người chăn hiền-lành. » Hai câu nói liên-kết với nhau. Tuy-nhiên, chúng ta chỉ đề ý câu trước. Đây không phải là một cái gì tưởng-tượng, nhưng rất thật. Các môn-đồ đã thấy việc Ngài làm. Người này đã bị trục-xuất. Ngài đến gặp người, tiếp-nhận người. Và bây giờ Ngài phán : Việc Ta làm ấy là để tỏ cho linh-hồn ấy biết chính Ta là cái Cửa, là lối đưa người vào một chế-độ mới, một chính-sách hoàn-toàn mới.

Vậy, đề-tài ở đây là sự khởi đầu một chế-độ tự hoàn-toàn mới, một lẽ-lối mới, một lối vào qua Ngài thôi; chuồng chiên và đường đi vào. Người này đã được nhận vào chuồng qua đường ấy.

Bây giờ chúng ta suy-nghĩ đến hình-ảnh một chuồng chiên phương-đông. Trong câu đầu, Chúa Jê-sus nói « cửa vào chuồng chiên. » Chúng ta phải cần-thận phân-biệt chuồng và bầy chiên. Chuồng là một khu đất có tường hoặc rào bao-bọc, luôn luôn không có mái ở trên. Chính chữ chuồng ngụ ý gió thổi, không phải qua mái nhà nhưng qua một vòng tường đóng kín. Chiên không trèo tường. Chỉ có một ngõ đi vào, một cửa mà thôi. Cái cửa — có vẻ mâu-thuẫn — chỉ là một khoảng trong giữa bờ tường hay bờ vào. Không bao giờ có cánh cửa gán bản lề thật sự. Cửa chỉ là một khoảng trống. Đó là bức tranh trong ý-nghĩ của Chúa chúng ta, rất quen thuộc, với đám thánh-già lúc ấy, khi Ngài nói : « Ta là cửa của chiên. »

Một câu chuyện sau đây đã ghi sâu vào lòng tôi và tôi đã có dịp kể rồi nhưng bây giờ muốn nhắc lại. Có một lần tôi

được băng qua Đại-tây-dương với Sir George-Adam-Smith. Ông kể tôi câu chuyện này. Ngày nọ ông du-lịch ở Đông-phương và gặp một loại chuồng chiên như trên và giữa bức tường vào có một khoảng trống. Lúc ấy người chăn cũng ở đó nên ông George hỏi : « Có phải đó là chuồng chiên không ? » Người đáp : « Dạ vâng. » Rồi ông George nói : « Tôi thấy chỉ có một lối đi vào. » Người đáp, giơ tay chỉ khoảng tường trống : « Vâng, ở đằng kia là cái cửa. » Ông George bảo : « Nhưng ở đó đâu có cửa ; » và ông ta rất ngạc-nhiên — vì lúc ấy họ không hề nói gì đến Tân-trước hoặc Cơ-đốc-giáo — khi người chăn đáp : « Dạ, tôi là cái cửa. » Ông George bảo, lúc ấy tâm-trí ông quay về với câu chuyện trong Giảng. Rồi ông nói với người chăn : « Anh muốn nói gì khi anh bảo chính anh là cái cửa ? » Người đáp : « Chiên vào chuồng xong, tôi đến nằm ngang ngưỡng cửa và không con chiên nào có thể đi ra hoặc con chó sói nào có thể vào chuồng trừ khi nhảy qua người tôi. »

Câu chuyện như thế tưởng đã đủ. « Ta là cửa của chiên. » Trong bài sau chúng ta sẽ bàn đến đề-tài người chăn. Nhưng câu trên có nghĩa gì ? Hãy nhớ lại khung-cảnh lúc ấy, người mù bị trục-xuất rồi được tiếp-nhận, bị đuổi khỏi xã-hội cũ, nhưng được đưa vào tình thân-hữu mật-thiết với Chúa Jêsus. Hôm ấy Ngài làm gì ? Chính thí-dụ đã minh-chứng việc Ngài làm. Trước hết, chúng ta thấy qua hành-động ấy, lần đầu-tiên trong chức-vụ, Ngài đã bãi bỏ một chế-độ tôn-giáo hủ-bại. Chế-độ đó đã trục-xuất người mù. Và Chúa Jêsus đã làm gì ? Đấng Christ đã khai-trừ cả cái chế-độ đó. Ngài loại nó khỏi lãnh-vực thẩm-quyền. Và đó là ý-nghĩa của câu nói : « Hết thầy những kẻ đã đến trước Ta đều là quân trộm-cướp. » Câu này có vẻ làm một số người khó-chịu. Thật ra Ngài không có ý nói về các tiên-tri hoặc Môi-se. Ngài chỉ muốn nhắc đến những kẻ tự nhảy lên nắm quyền, như bọn người trong câu chuyện khi họ trục-xuất người mù. Với thái-độ tước-đoạt quyền như thế, họ chỉ là quân trộm-cướp. Ngài tự xưng là

cái cửa, người Thay-thế một chế-độ mục-nát.

Tôi bỗng nghĩ ngay đến một câu trong thư gửi đến cho người Hy-bá-lai, tác-giả đã viết: «Luật-pháp không làm trọn chi hết.» Câu này không phải chỉ ám-chỉ luật-pháp của Đức Chúa Trời, nhưng toàn-thể chánh-sách đặt nền tảng trên luật-pháp của Đức Chúa Trời, Nhưng nó không làm trọn việc gì cả. Tất cả những gì luật-pháp ấy đã làm trong trường-hợp người mù ấy là khai-trừ, trục-xuất người. Có lần Chúa Jê-sus đã nói với bọn cai-trị này: «Khốn cho các người là thầy dạy luật! Vì các người đã đoạt lấy chìa khóa của tri-thức, chính mình không vào mà người khác muốn vào, lại ngăn-cấm không cho.» Họ tưởng mình đáng loại trừ một người ra khỏi ranh-giới tôn-giáo. Họ cố-tình ngăn-cản người nhưng thật ra lại sửa-soạn cho người bước vào địa-hạt ấy vì bây giờ đã thuộc quyền cai-quản của chính Chúa chúng ta.

Kết-quả sau khi bước vào cánh cửa ấy thật là đẹp, như Ngài đã nói trong câu chín: «Ta là cái cửa, nếu ai bởi Ta mà vào, thì sẽ được cứu-rỗi, họ sẽ ra vào và gặp đồng cỏ.» Có ba điểm chúng ta cần suy-nghĩ. Nếu ai bởi Ta mà bước vào chế-độ mới này, vào chuồng này và trở nên một phần-tử trong bầy chiên, người đó tìm được sự cứu-rỗi. Đó là điểm thứ nhất. «Họ sẽ ra vào,» con đường phục-vụ. Nhưng họ cũng sẽ gặp đồng cỏ, họ sẽ được thức ăn.

Làm sao bắt đầu công-việc đó? Hãy nhìn lại người mù lúc đối-diện với Đấng Christ. «Người có tin đến Con Đức Chúa Trời chăng?» Một vài bản cũ dịch là «Con người» nhưng không có gì khác biệt giữa hai danh-từ vì «Con người» vẫn là danh-hiệu Chúa thích dùng để chỉ chính mình. Nếu ở đây Ngài tự gọi là Con người, giá-trị câu nói vẫn không suy-giảm. Người có tin Ta không? Dù là Con người hay Con Đức Chúa Trời thì cả hai danh-hiệu cũng được dùng. Và người kia đáp: Người là ai, hầu cho tôi tin? Chúng ta hãy thử đặt mình vào địa-vị người mù. Lần đầu-tiên người được

sáng mắt, được nhìn mặt hồ Ga-li-lê lấp-lánh, được nhìn gương mặt mẹ hiền, được thấy Đấng đang phán với mình : Người đã thấy Người, và Ta chính là Người đó. Tức khắc, người sung-sướng trao trọn linh-hồn mình cho Ngài : « Thưa Chúa, tôi tin, » và thờ-lạy Ngài. Đó là cách người bước vào chuồng chiên. Đó là cách mỗi người bước vào, đối-diện với Christ, Đấng đang mời gọi con người. Ngài không hỏi chúng ta có tin bản Tin-diệu các Sứ-đồ. Ngài không muốn biết chúng ta chấp-nhận quan-diểm này hoặc quan-diểm nọ, nhưng : Ta là ai ? Người có tin Ta chăng ? Vâng, tôi tin ; và vì tin, tôi thờ phượng. Đó là cách bước vào chuồng.

Lẽ thật kỳ-diệu ấy là Christ là lối đưa vào chuồng của Nước Đức Chúa Trời, với đặc-ân lẫn trách-nhiệm. Nếu những hệ-thống khác tự nhận có quyền khai trừ con người, Christ sẽ đối-diện với con người và phán : Đây là cái cửa, đây là con đường. Sự-kiện đó hòa-hợp với câu mà Ngài nói với môn-đồ sau này : « Ta là đường đi, chân-lý và sự sống ; chẳng bởi Ta, không ai được đến cùng Cha. » Chuồng chiên là nơi ngự-trị Vương-quyền của Đức Chúa Trời mà ta đã tìm thấy đầu-phục và công-nhận ; và lối đưa vào là Christ. Ngài đứng nơi khoảng trống, phán : « Ta là cái cửa. » Trở lại câu chuyện của Sir George-Adam-Smith, chúng ta nói : Ngài là cái cửa và chúng ta chỉ có thể bước ra ngang qua thân thể Ngài, và không một muông sói cấu-xé nào có thể tóm lấy chiên trừ khi nhảy qua thân thể Ngài. « Ta là cái cửa. »

* X *

57. NGƯỜI CHẶN HIỀN-LÀNH

Giảng 10 : 11-18

ĐẤY là hình-ảnh thí-dụ thứ tư được Chúa dùng liên-quan với lời tuyên-bố « Ta là » « Ta là người Chặn hiền-lành. » Chúng ta đã đề-cập đến ba câu « Ta là bánh của sự sống », « Ta là sự sáng của thế-gian, » « Ta là cái cửa. » Câu nói về người chặn hiền-lành liên-quan mật-thiết với câu nói về cái cửa, và để mở đầu, chúng ta phải dừng lại ở điểm này. Trong lời tuyên-bố « Ta là cửa của thiên, » Chúa chúng ta đã dùng một hình-ảnh gắn liền với cùng một lời dạy : « Ta là người Chặn hiền-lành. »

Chúng ta đặt vấn-đề : Ngài muốn nói gì ở đây ? Sau đó, chúng ta quan-sát hình-ảnh về người Chặn và tìm ra bài-học ứng-dụng.

Khi Chúa đã mở mắt người mù, người ta đem người đến cho giới thâm-quyền tôn-giáo, tức người Pha-ri-si. Trong lúc nói chuyện với họ, người mù được hiểu về chính mình hơn, khiến họ giận dữ, và như Giăng kể lại, họ đã đui người ra ngoài, không phải ra khỏi hành-lang đền-thờ, nhưng là khai-trừ khỏi đoàn-thề. Họ trục-xuất người khỏi giao-ước, đứng ngoài cái chế-độ đương-thời thuộc quyền chủ-trị của họ. Ở đây chúng ta không bàn-tán thái-độ sử-dụng quyền-hành của họ có tốt hay không. Chúng ta thừa biết là họ sai-lầm. Khi hay tin người mù bị đui, Chúa Jê-sus tìm gặp người và sau khi trao-đổi với người vài câu chuyện trò, Ngài hỏi : Người tin Ta chăng ? Chính lúc ấy Chúa Jê-sus đã tiếp-nhận người. Đó là lúc Ngài phán : « Ta là cái cửa » và qua chữ nghĩa bóng ấy Ngài xưng mình là con đường đưa vào một chế-độ hoàn-toàn đổi mới. Có thể nói ngược lại. Họ trục-xuất người mù và Chúa Jê-sus trục-xuất họ. Sau này, hành-động đó càng rõ-ràng và

quyết-liệt hơn, khi Ngài bảo phải cất Nước Đức Chúa Trời khỏi họ. Qua hành-động đó, Ngài tự nắm ưu-thế và tiếp-nhận người mù vào một chế-độ hoàn-toàn mới mà Ngài có nhiệm-vụ thiết-lập trên thế-gian này. Và Ngài phán : « Ta là cái cửa. » Nói thế, Ngài tự nhận Ngài là lối đưa vào xã-hội mới đó, và con người phải bước vào đó qua chính mình Ngài, như người mù đã làm, khi tin cậy Ngài và thờ phượng Ngài.

Bây giờ chúng ta sang điềm thứ hai. Qua lời tuyên-bố « Ta là người Chăn hiền-lành, » Ngài tỏ cho ta thấy bản-chất của chế-độ mới. Người mù đã được nhận vào một xã-hội mới mà Ngài là cửa dẫn vào, và cũng với ý-nghĩ đó, Ngài tiếp : « Ta là người Chăn chiên hiền-lành. » Đó là trường-hợp và lý-do Chúa chúng ta dùng hai lối nói chữ nghĩa bóng này.

Ở đây Ngài dùng hình-ảnh nào ? Đó là hình-ảnh một người chăn với chuồng chiên và bầy chiên. Chuồng chiên là một khu đất có rào. Bầy chiên là những con chiên nhốt trong chuồng. Chúng ta cần phải phân-biệt như thế. Ngài không nói phải có một chuồng chiên và một người chăn nhưng là một bầy chiên. Có thể rất nhiều chuồng như ở các xứ Đông-phương, người chăn có thể có hai, ba đàn cừu và nhốt trong nhiều chuồng khác nhau, nhưng tất cả chỉ là một bầy. Sự đồng nhất không tùy thuộc ở chuồng chiên nhưng ở bản-chất của chiên và mối liên-quan giữa chúng đối với người chăn.

Người chăn không phải là người chỉ biết chăm-sóc bầy chiên nhưng chiên còn nhận ra tiếng của người. Đó là hình-ảnh thật của người chăn Đông-phương. Nếu một người lạ tới, chiên sẽ lùi lại; chúng biết tiếng người chăn của chúng và đi theo khi nghe người gọi. Người chăm-nom chúng và có bổn-phận đưa chúng từ chuồng ra đồng cỏ để nuôi chúng. Dĩ-nhiên người còn có bổn-phận bảo-vệ chúng khỏi muông

sói hoặc bất-cứ kẻ thù nào. Đó là hình-ảnh người chẵn Đông-phương.

Nhưng khi Chúa chúng ta dùng hình-ảnh này, tôi tin chắc Ngài muốn nhấn mạnh một phương-diện, kẻ chẵn chiến bao giờ cũng tượng-trưng cho vua. Homer có lần nói: « Tất cả các vua đều là kẻ chẵn dân-tộc. » Đó là một câu nói vô-cùng lý-tưởng. Nhìn lại lịch-sử nhân-loại, có lẽ chúng ta phải sửa câu ấy lại: Tất cả các vua phải là người chẵn. Những vua của Đức Chúa Trời luôn luôn là những người chẵn và người chẵn là vua. Tôi muốn trích lại một câu văn thường dùng. Một ngày kia, trong lúc nói chuyện với môn-đồ, Chúa chúng ta phán: « Hỡi bầy chiên bé nhỏ, đừng sợ chi; vì Cha các người đã bằng lòng, cho các người Nước Thiên-đàng. » Tôi đoán thế nào nay mai cũng có người thích đùa cợt đem câu này ra chỉ-trích. Có thể người ấy sẽ nói: Tác-giả đã thất-bại trong lối dùng hình-ảnh ở đây. Trước hết tác-giả nghĩ đến bầy chiên: « Hỡi bầy chiên bé nhỏ, đừng sợ chi. » Sau đó, quên đi và nghĩ sang hình-ảnh gia-đình: « Vì Cha các người đã bằng lòng; » và cuối-cùng, quên luôn hình-ảnh đó và dùng hình-ảnh một quốc-gia: « Cho các người Nước Thiên-đàng. » Tuy-nhiên, chúng ta thừa rõ, những hình-ảnh này hòa-hợp nhưng không hề lẫn-lộn nhau. Đó là ba yếu-tố tạo-thành Vương-quyền lý-tưởng trong xã-hội Đông-phương và phải được phổ-biến khắp nơi. Vua phải là người chẵn bầy mình, người cha trong gia-đình, kẻ nắm quyền trên dân-tộc. Khi Chúa chúng ta dịu-dàng — nhưng không kém oai-nghi — bảo: « Ta là người Chẵn hiền-lành, » tất cả những hình-ảnh trên, những ngụ-ý trong hình-ảnh người chẵn và bầy chiên đã dệt thành lời tuyên-bổ của Ngài: « Ta là người Chẵn hiền-lành. »

Bây giờ chúng ta đến vấn-đề quan-trọng. Bài học ở đây dạy gì? Chúa Jê-sus muốn nói gì qua lời tuyên-bổ trên? Có hai điểm, thâm-quyền tuyệt-đối và sự chăm-sóc không ngừng trong chế-độ mới mà Ngài đến thế-gian để thiết-lập. Đức

Chúa Trời đã thiết-lập chế-độ của dân-tộc Hy-bá-lai nhưng họ đã phá vỡ. Có cần phải lý-luận hoặc chứng-minh điều đó chăng? Còn gì khủng-khiếp hơn sự thất-bại của dân Hy-bá-lai từ đầu tới cuối? Họ luôn luôn thất-bại và chưa bao giờ họ thất-bại ê-chề bằng lúc họ yêu cầu một vua « như các nước » khác. Qua hành-động đó, như Đức Chúa Trời đã nói với Sa-mu-ên, họ đã từ-khước không nhận Ngài làm vua. Trái bao thời-đại cho đến cuối-cùng, một hành-động đã tổ-cáo lòng ngông-cường và tội-ác khủng-khiếp, thảm-hại của dân Hy-bá-lai, ấy là sự đóng đinh Con Đức Chúa Trời. Vì thế Đức Chúa Trời phải thay thế một chế-độ đã được thiết-lập; như tác-giả thư Hy-bá-lai đã nói, luật-pháp « không làm trọn chi hết. » Luật-pháp đã đổ vỡ và thất-bại và sự thất-bại của nó được biểu-lộ qua sự-kiện trên. Khi những kẻ nắm quyền trực-xuất người mù, họ chứng-tỏ đã thất-bại. Nhưng Chúa Jê-sus đã tiếp-nhận người vào chế-độ mới mà Ngài là cái cửa dẫn vào.

Bây giờ Ngài đang nắm quyền. Ta là Vua. Ta là người Cha của gia-đình. Ta là người Chăn, người Chăn hiền-lành của cả bầy. Từ đó, bởi hành-động của Đức Chúa Trời, chúng ta thấy xuất-hiện một chế-độ mới trong lịch-sử nhân-loại. Cũng vẫn một Nước, một Ngài trường-cửu nhưng áp-dụng một chính-sách, đường-lối mới trong mọi ngành hoạt-động. Khi Chúa Jê-sus nói: « Ta là người Chăn hiền-lành, » câu nói đơn-sơ, đẹp-đẽ đến nỗi chúng ta chỉ có thể đem phở nhạc bằng những lời-lẽ dịu-dàng, triu-mến; thế nhưng không phải chỉ có thế. Nếu lời tuyên-bố đó phâng-phất những nét dịu-dàng, nó cũng nói lên một thẩm-quyền tuyệt-đối. « Ta là người Chăn hiền-lành. » Một hình-ảnh đầy oai-quyền nhưng cũng tràn-ngập mỗi tình tru-ái.

Tiếp theo, Chúa chúng ta cho biết phương-cách thể-hiện thẩm-quyền của Ngài qua hình-ảnh người Chăn hiền-lành, một danh-hiệu cao-cả hòa-hợp cả ba hình-ảnh của vị Vua,

người Cha người Chấn. Ngài bày-tỏ cách chăm-sóc và sử-dụng uy-quyền của Ngài. Trong câu mười một, Ngài nói : « Người Chấn hiền-lành vì chiên phó sự sống mình. » Trong câu mười lăm Ngài nói : « Ta vì chiên phó sự sống mình » và một lần nữa, trong câu mười bảy : « Này, tại sao Cha yêu Ta, ấy là vì Ta phó sự sống mình để được lấy lại. » Có một độ tăng trong lời dạy ở đây. Ngài sẽ bỏ mạng sống bằng cách nào ? Trong lúc tranh chiến với muông sói đến làm hại và cướp chiên. Để chiến-thắng muông sói đó, Ta sẽ bỏ mạng sống; Ta phó sự sống mình vì có chiên. Đó là ý-tưởng trong câu đầu. Và thêm một điều nữa. « Ta phó sự sống để được lấy lại. » Mạnh hơn sự chết ấy là sự sống lại. Như thế không có nghĩa là ôm lấy muông sói đi vào cái chết và bị muông sói ăn thịt, nhưng là Ngài sẽ chiến-thắng sau khi vật lộn với muông sói. « Ta phó sự sống mình để được lấy lại. »

Và Ngài hiền-ngang tiếp : « Chẳng có ai cất sự sống Ta đi, nhưng Ta tự phó cho; Ta có quyền phó sự sống, và có quyền lấy lại. » Đây là ý thứ hai; phó mạng sống Ngài vì chiên, trước hết trong cuộc vật lộn với muông sói; thứ hai, phó mạng sống Ngài để chia-xẻ sự sống cho chiên. Ngài lấy mạng sống lại để đem chiên vào mối hiệp nhất với Ngài; Chiến-thắng muông sói, và chính xung-đột đem lại chiến-thắng; sau đó, được tương-giao với Vua, tức chính Ngài trong đời sau. « Ta phó sự sống mình để được lấy lại. »

Như thế cả hai ý trên được giải-thích trong câu mười bảy : « Này, tại sao Cha yêu Ta : Ấy vì Ta phó sự sống mình, để được lấy lại. » « Ta là người Chấn hiền-lành, » có toàn-quyền săn-sóc chiên, và phương-pháp thể-hiện Vương-quyền của Ta trước hết là liều chết để giết muông sói; sống lại để chia-xẻ sức sống của Ta cho chiên, từng được giải-thoát khỏi muông sói.

Từ đó, Ngài nhìn xa hơn vào chế-độ mới này. Ngài nói :

« Ta còn có chiến khác chẳng thuộc về chuồng này; Ta cũng phải dẫn nó về nữa, chiều đó sẽ nghe tiếng Ta, rồi sẽ chỉ có một bầy, và một người Chăn mà thôi.» Không nhất thiết phải một chuồng, nhưng một bầy. Trong đoạn sau (đoạn 11) chúng ta có câu chuyện thú-vị về Cai-phe, nhà chính-trị tinh-khôn xảo-quyệt. khi bọn thù-nghịch của Đấng Christ, những con người sử-dụng quyền-hành sai-lầm, đang tìm kế xử Ngài, sau cuộc thảo-luận, Cai-phe đã đứng lên dùng một câu tuyệt-diệu để giới-thiệu ý-kiến của mình : « Các người chẳng biết gì hết. » Rồi tiếp : « Các người chẳng xét rằng thà một người vì dân chịu chết còn hơn cả nước bị hư mất. » Và chúng ta có một đoạn giải-thích ngắn sau đó : « Và, người nói điều đó chẳng phải tự mình, nhưng bởi làm thầy cả thượng-phẩm đương-niên, người nói tiên-tri về Đức Chúa Jê-sus sẽ vì dân mà chết ; và không những vì dân thôi, mà cũng để nhóm con-cái Đức Chúa Trời đã tản-lạc lại làm một đoàn. » « Ta còn có chiến khác chẳng thuộc về chuồng này, Ta cũng phải dẫn nó về nữa, chiến đó sẽ nghe tiếng Ta, rồi sẽ chỉ có một bầy, và một người chăn mà thôi.»

Bí-quyết sâu-xa tạo nên thẩm-quyền, bí-quyết của lòng lo-lắng chăm-sóc, bí-quyết khiến Ngài bỏ mạng sống vì chiến ấy là gì ? « Này tại sao Cha yêu Ta, ấy vì Ta phó sự sống mình để được lấy lại. » Bí-quyết sâu-xa ấy là tình yêu của Cha và tình yêu của Con cộng-tác với mục-đích của Cha. Như thế, chế-độ mới có những đòi hỏi riêng. Jê-sus, người chăn hiền-lành, bởi uy quyền, lòng chăm-nom săn-sóc chứng-tỏ qua sự hy-sinh mạng sống trong cuộc vật-lộn với muôn sói, qua sự hy-sinh mạng sống và lấy lại để chia xẻ cho chiến mình ; Ngài đã sáng-tạo và lập nên một chế-độ mới cho Nước Đức Chúa Trời, đặt dưới quyền điều-khiển của Ngài.

Trở về Cựu-ước, Thi-thiên 23, Ê-sai 40, Giê-rê-mi 23, Ê-xê-chi-ên 34, 37, Xa-cha-ri 11, tất cả đều nói về người chăn, đều chờ đợi một Đấng Chăn chiến lớn. Tại đây chúng-ta nghe Ngài phán : Ta là Đấng đó, Ta là người chăn thực

hiện lý-tượng của Thi-thiên, của các Đấng tiên-tri, tất cả ; « Ta là người Chấn hiển-lành, » Ta là người Chấn, người Chấn tốt. Đó là nguyên-văn trong bản Hi-lạp. Nếu sửa lại, có thể chúng ta bỏ mất một cái gì. « Ta là người Chấn, người Chấn tốt. » Sau đây chúng ta sẽ đề-cập đến câu : « Ta là gốc nho thật, » đúng nguyên-văn là : « Ta là gốc nho, gốc nho thật. » Câu nguyên-văn gợi lên một hình-ảnh so-sánh bên cạnh những đối-tượng khác, Ngài phán : « Hết thảy những kẻ đã đến trước Ta đều là quân trộm-cướp, » nghĩa là, tất cả những kẻ xưng có toàn-quyền tuyệt-đối như bọn cai-trị đương-thời đã trục-xuất người mù. Họ là quân trộm-cướp. Ngài phán : « Ta là người Chấn, người Chấn hiển-lành » ; và chữ hiển-lành ở đây rất đẹp. Danh-từ Hi-lạp là chữ *kalos*, dịch là đẹp-đẽ, cao-qui, chân-thật và tốt. Đó là chữ nói lên những thuộc-tánh toàn-hảo ; phát xuất từ Ngài và hòa lẫn trong Ngài là người Chấn thật, cao-qui, đẹp-đẽ, kỳ-diệu vô cùng tận. Tất cả những đặc-diểm này tận cùng trong chữ « Ta là, » Con yêu-dấu của Thiên-dàng, hiện-thân của Đức Chúa Trời mà con người có thể thấy và nghe được. « Ta là » Vua, Cha, người Chấn thật.

58. SỰ CHẾT NHƯ GIẤC NGỦ

Giăng 11 : 11-15, 23-26 a

ĐÈ - T AI ở đây là chết như giấc ngủ ; và câu-chuyện kể lại phép lạ cuối-cùng Chúa đã làm khi còn trên đất, được Giăng ghi lại ; đó là sự sống lại của La-xa-rô. Trong câu chuyện này, chúng ta thấy Ngài đứng trước cái chết của thân-thể, tức là sự phân-cách giữa tâm-linh và thể-xác. Chết trên phương-diện thuộc-linh là sự phân-cách của linh-hồn với Đức Chúa Trời. Với ý-nghĩa đó, từ ngày con người ăn trái cấm, con người đã chết, vì chính hôm ấy người bị cách-biệt với Đức Chúa Trời. Cái chết về thể-xác không đến với con người ngay tức khắc, dù cuối-cùng, ai cũng phải chết.

Trong cuộc đời chức-vụ của Chúa chúng ta, có hai lần Ngài đối-diện trước sự chết. Một lần là con gái của Giai-ru, và một lần là con trai của người đàn bà góa thành Na-in. Ở đây, chúng ta gặp cái chết của anh Ma-thê và Ma-ri, và trên phương-diện thể-xác, cái chết này đặc-biệt hơn cả. Trong trường-hợp thứ nhất, đứa bé chết trong nhà, chỉ mới vài giờ. Trong trường-hợp thứ hai, cậu con trai đang được mang đi chôn, nhưng chưa chôn. Ở đây, chúng ta đứng trước cái chết của một người đã qua bốn ngày và chôn trong bốn ngày rồi. Vì thế đây là một trường-hợp đặc-biệt hơn hết.

Chúa chúng ta đang đối-diện điều gì ? Khi người báo tin cho Ngài bên kia sông Giô-đanh, Ngài bảo : « Bệnh này không đến chết đâu, nhưng vì sự vinh-hiền của Đức Chúa Trời » (câu 4). Rồi câu mười ba chép : « Đức Chúa Jê-sus phán lời đó về sự chết của La-xa-rô. » Cả hai câu đều dùng chung một chữ chết, *thanatos*, có nghĩa thông-thường như chúng ta vẫn hiều. Sau đó, câu ba mươi chín chép : « Ma-thê, là em gái kẻ

chết. » Câu bốn mươi bốn : « Người chết đi ra. » Câu mười bốn : « Đức Chúa Jêsus bèn nói tỏ-tường cùng môn-đồ rằng La-xa-ro chết rồi. » Câu nói ám-chỉ một sự-kiện đã hoàn-tất trong quá-khứ.

Trong bản Hi-lạp, chữ *thanatos* được dùng ở câu bốn và mười ba, đó là một chữ thường, chỉ cái chết. Trong câu ba mươi chín và bốn mươi bốn chữ đó được dùng liên-kết với một chữ nhấn mạnh hơn, chữ *thnesko*, có nghĩa là đã chết. Khi Chúa chúng ta nói : « La-xa-ro chết rồi, » Ngài cũng dùng cùng một chữ ấy nhưng dưới hình-thức mạnh nhất, *apothoesko*. Qua những chữ đó, chúng ta biết đây là trường-hợp cái chết thật sự, đã xảy ra rồi.

Chúa chúng ta muốn nói gì khi Ngài dùng chữ trên ? Trước hết, Ngài hiểu rõ về cái chết. Ngài biết rõ sự-kiện đúng như mọi người nhìn thấy. Ngài biết rõ vì sự kiện đó đã xảy ra chung quanh Ngài trong suốt cuộc đời chức-vụ của Ngài. Ngài biết như mọi người nhìn thấy, như Ma-thê và Ma-ri nhìn thấy trong trường-hợp La-xa-ro ; nhưng trong hai lần đầu nhắc đến cái chết, Ngài không dùng hai chữ trên để chỉ đến sự chết. Khi môn-đồ hiểu lầm và tưởng Ngài nói về giấc ngủ bình-thường, Giảng bảo, Ngài bèn nói tỏ-tường — để ý chữ này — Ngài nói rõ, xác-định. Không, đó không phải là giấc nghỉ-ngoi người đã chết thật ; người đã chia xẻ kinh-nghiệm của danh-từ mà người ta vẫn thường dùng ; người đã chết, người phải được kè vào hàng kẻ chết. Ngài nhìn cái chết như họ đã nhìn, và vì thế khi họ không hiểu Ngài, Ngài liền nói rõ-ràng : Người đã chết, nhấn mạnh chữ Ngài dùng, hoàn-toàn chết, chết thật sự. Xác nằm trong mộ không còn sanh-khí nữa ; người đã chết.

Nhưng trước khi tìm hiểu chữ nghĩa bóng của Ngài ở đây, chúng ta phải nhắc lại cả câu-chuyện. Dầu Ngài thấy cái chết như mọi người thấy, nhưng Ngài hiểu biết sự chết hoàn-toàn khác với họ. Ở đây chúng ta thấy quan-điểm của Chúa Jêsus được biểu-lộ qua câu-chuyện của đời sống Ngài ; ấy là trong

khi nhìn thấy gần, thấy những gì ngay trước mắt người khác Ngài vẫn luôn luôn còn nhìn xa hơn. Ngài không bao giờ nhìn đời trong khung-cảnh thời-gian và không-gian giới-hạn ở một lúc nào. Ngài thấy xa hơn. Ngài nhìn qua ; và vì thế Ngài nói: La-xa-ro đang ngủ. Họ bảo : Nếu ngủ, chắc người sẽ được lành Ngài đáp: không, người chết rồi, chết theo nghĩa các người vẫn hiểu; tuy nhiên ta thấy xa hơn các người. Đó là trường-hợp Ngài dùng chữ nghĩa bóng.

Bây giờ chúng ta hãy suy-nghi về hình-ảnh giấc ngủ ở đây. Ngủ là gì ? Ngủ không có nghĩa là chấm dứt hiện-hữu, ngay cả trên phương-diện con người. Khi chúng ta đi ngủ, không có nghĩa là chúng ta chết trong giấc ngủ. Vậy ngủ là gì ? Là không hay biết về những gì chung quanh. Tôi không bàn về chiêm-bao, hay giấc mơ, những kinh-nghiệm kỳ-lạ mà tất cả chúng ta đều có. Tôi nói đến giấc ngủ bình-thường thật sự, khi chúng ta đã ăn thứ cơm tối mà, chúng ta buộc phải ăn ! Chúng ta không còn biết gì nữa. Đôi khi chúng ta bảo một người nào đó ngủ như trẻ con. Thế nghĩa là ngủ hoàn-toàn không biết gì về những việc chung quanh. Đó là ý Chúa muốn nói, và do đó, chúng ta đã liên-kết rất hợp-lý ý-nghĩa của giấc ngủ với sự nghi-ngoi. Những người đi theo Chúa Jêsus bảo nếu La-xa-ro ngủ, người sẽ được lành. Nếu một người đau và ngủ được, người ấy sẽ lành bệnh, sẽ được cứu sống ; đó là nghĩa đen câu nói của họ. Tại nạn đã qua, vì người đang ngủ.

Chúng ta đề ý một điểm khác. Hình-ảnh Chúa chúng ta dùng chỉ về cái chết ở đây không phải là mới-mẻ. Giấc ngủ vẫn được làm biểu-hiệu cho sự chết rất thường qua văn-chương ngay từ lúc khởi đầu. Những nhà văn ngoại cũng dùng như các nhà văn Hy-bá-lai Wescott bảo, hình-ảnh giấc ngủ chỉ về sự chết rất thông-dụng trong văn-chương Do-thái. Và đó là hình-ảnh Chúa dùng. Vàng, La-xa-ro đã chết. Ngài nói rõ như thế. Chúng ta biết ơn về Ngài đã nói rõ, bởi có mấy người ở đó không hiểu ý-nghĩa khi Ngài bảo rằng La-xa-ro đang ngủ.

Ngài nói : người chết rồi. Người chết thật sự ; người đã tắt thở, không còn sanh-khí. Điều đó rất đúng.

Nhưng Chúa Jêsus thấy xa hơn họ. Ma-thê và Ma-ri thấy một xác chết không hồn, và Ma-thê, người thân yêu, đã thẳng-thắn mô-tả tình trạng của xác chết theo như nàng tưởng lúc ấy. Các môn-đồ cùng đi tới đó, hùng dũng nói như Tô-ma : « Chúng ta cũng hãy đi tới đó, đặt chết với Ngài » ; nếu họ có thể nhìn vào mộ khi lần tảng đá ra chắc hẳn họ đã thấy xác chết liệm vải. Đó là tất cả điều họ có thể thấy. Nhưng Chúa Jêsus nói : Thế chưa dứt. Dĩ-nhiên đó chưa phải là sự-không cuối-cùng. Người đã chết, đã mất ý-thức về sự vật chung quanh, về chị em, bạn-hữu và nhiều điều khác. Người chết rồi ; nhưng với ý-nghĩa sâu-xa trọn- vẹn thì người không chết. Ngài nhìn thấy xác chết, nhưng Ngài cũng thấy con người ; và con người không nằm trong mộ như mắt Ngài thấy. Vì thế, Ngài nói : Trên một phương-diện, theo như các người, thì người chết rồi ; nhưng về phần người và đứng trên phương-diện nhận thức sự vật thì người không biết gì cả.

Có thể lắm, chúng ta sẽ đi mãi vào những suy-luận vô-ích Người ta thường hỏi tôi : Những người thân có biết chúng ta làm gì ở đây không ? Tôi không tin như thế. Giám-mục Bickersteh trong bài thơ nổi danh «Hôm qua, Ngày nay và Mãi mãi» cho rằng có thể dưới chính-phủ của Đức Chúa Trời, có những trường-hợp họ có thể thấy và biết, nhưng theo luật và theo điều chúng ta biết thì họ đang ngủ. Họ không biết gì về thế-giới chúng ta. Và chúng ta há chẳng vui-mừng vì họ không biết tình-trạng của chúng ta sao ? Tôi thường vui khi nghĩ đến điều đó.

Vậy chúng ta học được gì ở đây ? Trước hết, Đấng Christ nhìn con người trong quá-trình liên-tục nối liền bên kia sự chết. Ngay cả đối với đời này, họ đang ngủ, vô-thức và chúng ta không thể giao-thông với họ nhưng thật sự họ không chết, họ vẫn còn hiện hữu. Hãy để ý đến sự-không đơn-giản này.

Khi Ngài bảo họ lăn đá đi, và họ đã lăn xong, Ngài làm gì ? Ngài nói với người chết. Ngài kêu đích danh của người mà ai cũng biết « Hỡi La-xa-rô, hãy bước ra. » Ngài nói với cùng một con người đó. Người ấy hẳn không thể nghe Ma-thê nếu nàng có gọi : La-xa-rô ơi, hãy về. Không, không bao giờ. Người ấy cũng chẳng nghe Phi-e-rô hoặc Giăng, đang đứng đó, nếu họ có gọi người. Ngài cũng làm thế với đứa bé gái lần nọ. Ngài đặt tay lên đứa bé và bảo : « Ta-li-tha Cu-mi, » « hỡi con chiến bé nhỏ, hãy chỗi dậy. » Ngài nói với kẻ có thể nghe Ngài. Không phải cha mẹ, vì họ không thể đụng đến đứa bé. Theo họ biết thì đứa bé ngủ. Nhưng theo như Ngài biết thì đứa bé không ngủ. Và khi Ngài lại gần đám tang đi ra khỏi thành Na-in, Ngài cũng phán : « Hỡi chàng trai-trẻ, hãy chỗi dậy, » vì chàng có thể nghe Ngài và đã nghe Ngài. Tất cả người chết đều nghe Ngài ; và Ngài thức-tỉnh họ khỏi giấc ngủ, tức là không biết gì về sự-kiện trên trần-thế ngay lúc này và đem họ trở về với ý-thức về chính sự-kiện ấy, về địa-vị họ có thể nhận biết chính sự-kiện ấy — Ngủ !

Nhưng dĩ-nhiên cả vấn-đề đều do từ điềm đó. Tôi nhấn mạnh, không một giọng nói nào có thể đụng đến cô gái nọ, chàng trai kia và cả La-xa-rô ; trừ giọng nói của Ngài. Điều đó chứng tỏ những kẻ được Ngài kêu tên ở một nơi nào đó, đều có thể nghe Ngài. La-xa-rô đã nghe và vùng-vẫy để lấy lại vị-trí đứng thẳng trong bộ áo liệm, nếu lúc chôn, người ta đã theo lối Ai-cập cuốn tròn người lại. Người đã đứng dậy, và Chúa Jê-sus bảo : « Hãy mở cho người và để người đi. » Cô bé gái, chưa mặc đồ liệm, đang nằm đó, nghe tiếng Ngài, cũng ngồi dậy và mở to đôi mắt. Chàng thanh-niên đã vùng-vẫy trong áo quan, và Chúa Jê-sus đã trả lại cho bà mẹ.

Vậy, nếu chúng ta nói về chết như giấc ngủ, chúng ta, phải nhìn-nhận rằng Đấng duy-nhất có thể thức-tỉnh giấc ngủ là Chúa chúng ta, Đấng duy-nhất có thể hoàn lại ý-thức

cho những kẻ ngủ. Ngoài Ngài, không ai làm được.

Chúng ta hãy trở lại với sách Tin-Lành Giăng và nhắc lại vài điều Ngài đã nói lúc khởi đầu chức-vụ. «Vả, Cha khiến những kẻ chết sống lại và ban sự sống cho họ thế nào, thì con cũng ban sự sống cho kẻ Con muốn thế ấy.» Và : «Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi, giờ đến và đã đến rồi, khi những kẻ chết sẽ nghe tiếng của Con Đức Chúa Trời ; và những kẻ nghe sẽ được sống.» Lại nữa : «Chớ lấy điều đó làm lạ ; vì giờ đến, khi mọi người ở trong mồ mà nghe tiếng Ngài ra khỏi ; ai đã làm lành thì sống lại để được sống, ai đã làm dữ thì sống lại để bị xét-đoán.» Đó là những sự-kiện kinh-ngạc và quan-trọng Ngài đã công-bố lúc khởi đầu chức-vụ và được Giăng ghi lại trong đoạn năm. Nhưng chỉ tiếng Ngài mới có thể kêu gọi họ. Chỉ tiếng Ngài họ mới nghe được ; không một tiếng nào khác.

Thấy đó là sự thật, chúng ta mới nhận biết rằng những kẻ ngủ trong Jêsus sẽ được Đức Chúa Trời đem theo với Ngài. Vì thế chúng ta không buồn rầu như kẻ không có hy-vọng. Vì nếu Christ chết và đã sống lại, những kẻ ngủ trong Jêsus sẽ được Đức Chúa Trời mang đi với Ngài.

Người ta bảo rằng những tín-đồ đầu-tiên thường dùng mấy chữ «Ngủ ngon» để chào những bạn hấp-hối vì tin chắc bạn sẽ sống lại. Như thế, không có nghĩa là họ không còn hiện-hữu. Họ vẫn còn hiện-hữu trong một địa-hạt thuộc quyền cai-trị của Ngài, nơi họ có thể nghe tiếng Ngài và khi nghe, họ sẽ vâng theo.

Chớ quên lời nghiêm-trọng này : «Giờ đến và đã đến rồi, khi những kẻ chết sẽ nghe tiếng Con Đức Chúa Trời ;...và mọi người ở trong mồ-mả nghe tiếng Ngài và ra khỏi ; ai đã làm lành thì sống lại để được sống, ai đã làm dữ thì sống lại để bị xét-đoán.» Lúc nói với Ma-thê, Ngài bảo : «Ta là sự sống, mặc

dầu đã chết rồi.» La-xa-ro ở trong mồ, nhưng «dầu người chết, vẫn sẽ sống.»

Đây là một câu Kinh-thánh khác có lẽ chúng ta thường trích đúng nhưng nghĩ sai. Chúa Jêsus không nói : «Nhưng người sẽ sống lại.» Không, không có chữ «lại» ở đó, mà : «Nhưng người sẽ sống.» Chúa Jêsus nói rõ, La-xa-ro chết nhưng là không chết. Người ở nơi tiếng của Ta có thể vang tới. Người đang ngủ, không biết gì về mọi vật trước kia người đã ý-thức; nhưng Ta có thể tìm gặp người, Ta có thể đụng đến người; và sẽ có một ngày, khi tiếng Ta sẽ vang tới mọi kẻ đang ở trong mồ-mả.

XXX

59. HỘT LÚA MÌ

Giăng 12 : 20-26

ĐẾN đây, chúng ta đang đối-diện những giờ cuối-cùng của chức-vụ Chúa chúng ta. Theo lời ghi-chép, đây là sự-kiện cuối-cùng (12 : 20-26) trong cuộc đời chức-vụ của Ngài. Trước câu chuyện này là câu chuyện Ngài vào thành Giê-ru-sa-lem và sự xung-đột với giai-cấp cai-trị. Sau cuộc xung-đột, mặt Ngài sáng rõ lên khi nhìn thấy người đàn-bà góa đi ngang kho, thả vào đó cả sự sống của mình, chứng-tỏ tấm lòng dâng-hiến trọn- vẹn cho Đức Chúa Trời của tồ-phụ nàng. Sau đó, mấy người Hi-lạp tới. Chúng ta nên nhớ đây là người Hi-lạp không phải người Do-thái thuộc Hi-lạp. Độc giả của Tân-Uớc Hi-lạp phân-biệt rõ giữa người Hi-lạp và người theo văn-hóa Hi-lạp. Đây là những người Hi-lạp chính cống.

Ngay sau câu chuyện này, suốt đoạn mười ba đến mười bảy, Chúa Jêsus ở riêng một mình với môn-đồ Ngài, tách biệt hẳn thế-giới bên ngoài. Sau lúc ở với môn-đồ, Ngài băng qua suối Xết-rôn, và giờ cuối-cùng của Ngài đã điếm. Nói thế, để nhắc chúng ta nhớ lại hoàn-cảnh cần-thiết để tìm-hiều bài này.

Ở đây chúng ta dùng một hình-ảnh thí-dụ liên-quan với sự đến của mấy người Hi-lạp.

Tại sao Chúa dùng thí-dụ này ? Giăng cho biết Ngài bắt đầu với mấy tiếng "Quả thật, quả thật", để thu-hút sự chú-ý của họ. Khi Phi-líp và Anh-rê đến chuyển lời thỉnh-cầu của mấy người Hi-lạp lên Ngài, Ngài phán : "Giờ đã đến, khi Con người sẽ được vinh-hiến. Quả thật, quả thật Ta nói cùng người, nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình, nhưng nếu chết

đi, thì kết-quả được nhiều.» Hiên-nhiên đó là một hình-ảnh thí-dụ, nhưng thí-dụ về gì ? Chúng ta sẽ khởi đầu từ câu hỏi ấy.

Chúng ta sẽ không thể hiểu điều này nếu không biết lý-do vì sao mấy người Hi-lạp đến. Có lẽ hơi khó, nếu không suy-nghi và suy-luận theo phương-pháp qui-nạp. Vì thế, tôi xin phép dùng phương-pháp này. Đây là những người Hi-lạp Danh-từ «Hi-lạp» nói lên chủng-tộc và quốc-tịch của họ. Nếu họ là Hi-lạp chứ không phải Do-thái theo văn-hóa Hi-lạp, thì họ là những người Hi-lạp mới chấp-nhận đức-tin của người Do-thái, vì Giăng nói rõ là họ lên thờ-phượng trong kỳ lễ. Chúng ta thừa rõ lúc ấy có rất nhiều người thuộc các quốc-gia, dân-tộc, chủng-tộc và tôn-giáo khác đã trở lại theo tôn-giáo của người Hy-bá-lai và chỉ là những kẻ mới nhập hội tại cửa, đã quyết-định chấp-nhận nghi-thức, luật-lệ và quan-niệm của người Do-thái về Đức Chúa Trời. Chắc-chắn mấy người Hi-lạp này cũng thuộc trong số đó và họ đã lên thờ-phượng trong kỳ lễ.

Tại sao họ xin gặp Chúa Jê-sus ? Câu trả lời dĩ-nhiên đầu tiên là : Người ta đang bàn-tán về Ngài. Khắp nơi người ta đều nói về Ngài. Đoàn người lũ-l lượt kéo về dự lễ, chẳng sớm thì muộn, cũng sẽ nói về Ngài. Danh-tiếng Ngài vang dội đây đó và những lời Ngài nói, ai cũng biết. Nhiều người đã tiếp-nhận lời Ngài, vâng giữ và gia-nhập trong số môn-đồ Ngài, lúc ấy đã tăng hơn số mười hai. Sau khi Ngài sống lại, năm trăm người đã lên Ga-li-lê gặp Ngài ; và vô số người trước đây đã chịu ảnh-hưởng như thế cũng có mặt tại đó. Mỗi người đều biết một ít về Jê-sus ; và mấy người Hi-lạp này, lên dự lễ cũng nghe nói về Ngài.

Bây giờ đến một điểm chúng ta không thể hoàn-toàn độc-đoán được. Họ đến có lẽ vì hiếu-kỳ. Họ đã nghe nói về Giáo-sư tuyệt-diệu này, về những sự việc kỳ-lạ Ngài đã làm, về

phép chữa lành mọi tật-bệnh, tẩy sạch kẻ phung và nhiều công-tác phi-thường khác nữa. Có lẽ họ tưởng họ thích-nhìn Ngài và trò chuyện với Ngài. Những lý-lẽ trên có thể hoàn-toàn đúng; nhưng cách trả lời của Chúa Jêsus khiến tôi nghi phải có điều gì sâu-xa hơn thế nhiều. Tôi thấy những người vô-thần đã trở lại tin Đức Chúa Trời trong tôn-giáo của người Hy-bá-lai. Đó là điếm thứ nhất. Không có gì đáng nghi-ngờ. Chán-chường vì mức-độ nông-cạn, thấp-kém và hư-ảo trong các tôn-giáo mà họ được trường-dưỡng hằng vô-số những tôn-giáo trong xứ họ đang sống, mấy người Hi-lạp này, vì có tâm-thần và linh-hồn mệt-mỏi, đã trở về tôn-giáo của người Hy-bá-lai với một Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời hằng-sống. Tại đây, trong kỳ lễ, họ giữ luật-lệ và nghi-thức tôn-giáo, họ đã theo đoàn người đến thờ-phượng. Tôi tin rằng không những họ chỉ thất-vọng với tà-giáo của họ mà còn giác-ngộ trong vấn-đề Do-thái-giáo nữa. Những người này vì tìm kiếm Đức Chúa Trời, tìm-kiểm chân-lý, và mong gặp được, đã từ-bỏ thần-tượng để trở lại cùng Đức Chúa Trời hằng-sống. Rồi họ lại nghe nói về một Giáo-sur, và họ cảm thấy có một cái gì trong lời họ nghe, một cái gì khác lạ cao-cả, quý-trọng. Họ thấy Do-thái-giáo không thỏa-mãn khao-khát sâu-xa của linh-hồn họ. Vì thế họ tìm đường đến nơi Jêsus đang ở ngày hôm đó với đám môn-đồ đang vây quanh Ngài; rồi tóm lấy con người vui-vẻ tên Phi-líp, người mà trước đây Elvet Lewis bảo là con người luôn luôn đứng bên lề đám đông, không bao giờ ngăn-cản nhưng sẵn-sàng đưa người khác đến với Thầy mình. Có lẽ mấy người Hi-lạp này chú-ý đến người vì người mang tên Hi-lạp. Nhưng họ đưa lời yêu-cầu, nói: Thưa ông, chúng tôi muốn gặp Jêsus. Một lời yêu-cầu vô-cùng ý-nghĩa. Tôi tin chắc họ rất thành-thật nói như thế.

Khao-khát của con người là vấn-đề nền-tảng trong lời nói của Jêsus. Các môn-đồ cũng chia-xẻ niềm khát-vọng ấy

với họ. Các môn-đồ hơi lưỡng-lự một chút. Họ mở một cuộc họp rất đặc-biệt, vì có chỉ gồm có hai người : Phi-líp và Anh-rê. Họ ngồi lại với nhau. Đề ý phương-diện tâm-lý ở đây. Phi-líp biết sẽ có điều gì sắp xảy ra. Người đã ở với các môn-đồ kia suốt sáu tháng, nghe Chúa Jê-sus báo trước rõ-ràng là Ngài sẽ chết. Dầu sao, Phi-líp biết Thầy mình đang suy-tư, sầu-não ; và vì thế không biết có nên khuấy-rối Ngài chăng. Thế là người đến gặp Anh-rê. Chúng ta không biết họ có bàn-luận gì không. Đó là một cuộc họp rất tốt vì họ không phí thi-giờ. Cả hai đều đến gặp Chúa Jê-sus và trình-bày lời yêu-cầu. Tôi tưởng họ rất nóng-nảy khi mấy người Hi-lạp này muốn gặp Chúa, những con người thuộc tôn-giáo và quốc-gia khác lại muốn gặp Chúa và Thầy của họ. Họ muốn người Hi-lạp nghe Ngài nói vì họ thuộc một nước lớn hơn. Những người Hi-lạp muốn tìm-hiểu có khảo-khát riêng của họ và các môn-đồ cũng thế. Chúa Jê-sus đã trả lời, và Ngài dùng chữ nghĩa bóng với mục-dịch làm sáng-tỏ câu trả lời cho thắc-mắc và lời yêu-cầu của mấy người Hi-lạp.

Tại sao Ngài trả lời như thế ? Đề ý, diềm thứ nhất, Ngài nói : " Giờ đã đến, khi con người sẽ được vinh-hiền. " Tại đây chúng ta có dấu chấm câu. Tôi mong không có dấu chấm, vì chúng ta thường hay dừng lại ở đó. Vì vậy vài nhà luận-giải đặc-sắc đã cho rằng Chúa Jê-sus biết rõ người Hy-bá-lai đã từ-khước Ngài, và bây giờ Ngài thấy thế-giới ngoại-bang đang tiếp-đón Ngài nên Ngài nói : Giờ đã đến, khi Con người sẽ được vinh-hiền, vì thế-giới dân ngoại đang tìm-kiếm chạy đến với Ngài. Tôi cho đó là hoàn-toàn sai, không có gì cho phép tưởng như thế. Hãy trở lại sách Tin-lành và đề ý mấy chữ " giờ " được lặp đi lặp lại. Lần thứ nhất là khi Ngài nói chuyện với Ma-ri tại Ca-na. Nàng đã chạy đến với Ngài, mong Ngài làm một phép lạ để bày-tỏ vinh-hiền, và Ngài đáp : giờ Ta chưa đến. Ngài muốn nói gì lúc ấy ? Ngài sẽ không làm phép lạ chẳng ? Không, vì ngay sau đó Ngài đã

làm đều nàng yêu-cầu. Ngài bảo với bà rằng vinh-hiền của Ngài sẽ không được nhìn thấy qua phép lạ Ngài làm, vì giờ Ngài chưa đến. Giờ đó luôn được nhắc đi nhắc lại, nhưng luôn luôn phải dời lại. Khi mấy người Hi-lạp đến nói: Chúng tôi muốn gặp Jêsus; Ngài đáp: «Giờ đã đến, khi Con người sẽ được vinh-hiền, quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi: Nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình.» Đó là câu trả lời. Tâm-trí bạn đừng dừng lại với dấu chấm câu sau chữ «vinh-hiền.» Con người được vinh-hiền bằng cách nào? Giờ phải đến như thế nào? Giờ đó là gì? «Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi: Nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình.» Chúa chúng ta đang nói về chính mình Ngài. Ngài biết người ta không thấy Ngài và không thể thấy Ngài, khi Ngài đứng trước môn-đồ và mấy người Hi-lạp kia. Ngài muốn nói họ chỉ thấy Ngài trên một phương-diện. Ngài có thể nói với Phi-líp và Anh-rê: Các ngươi chưa thấy Ta. Nhưng thật họ đã thấy Ngài! Họ đã ở với Ngài suốt ba năm rưỡi. Không, Ngài đáp: Các ngươi chưa hề thấy Ta.

Mở sang đoạn mười bốn. Ngài đang nói chuyện với một nhóm người, Phi-líp đứng đó, nói: «Xin chỉ Cha cho chúng tôi,» và Ngài đáp: «Hỡi Phi-líp,» Ta ở cùng các ngươi đã lâu thay mà ngươi chưa biết Ta sao? Phi-líp chưa biết Ngài, chưa thấy Ngài, và tất cả môn-đồ đều như thế! Khi nghe mấy người Hi-lạp xin gặp. Ngài bảo giờ đã đến khi có thể thực-hiện được ý-định. Giờ đã đến khi Con người sẽ được vinh-hiền. Đó là giờ gì? «Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi: Nếu hạt giống lúa mì kia, chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình.» Đó là điều Ngài muốn giải-thích. Trong lúc nghe Ngài nói, chúng ta thấy Ngài hiểu rõ đường lối duy-nhất để Ngài được mặc-khải trọn- vẹn và có ý-nghĩa, và đường lối duy-nhất để con người có thể thật sự

nhìn thấy Ngài, và biết Ngài. Đó là điều Ngài muốn làm sáng-tỏ.

Sự-kiện này cũng mang cùng một ý-nghĩa như một câu độc-thoại của Ngài, mà chỉ một mình Lu-ca ghi lại. Giữa bao khó-khăn trong chức-vụ, một ngày kia Ngài buộc miệng nói : « Ta đã đến quãng lúa xuống đất ; nếu cháy lên rồi, Ta còn ước-ao chi nữa ? Có một bấp-têm mà Ta phải chịu ; Ta đau-dớn biết bao cho đến chừng nào phép ấy được hoàn-thành ! Cùng một ý-nghĩa. Bây giờ Ta sẽ cho các người biết giờ ấy là gì, tưởng-tượng Chúa Jê-sus nói, và Ta sẽ tỏ cho các người biết giờ ấy. Ta sẽ dùng một thí-dụ giản-dị : « Nếu hạt giống lúa mì kia chẳng chết sau khi gieo xuống đất, thì cứ ở một mình ; nhưng nếu chết đi, thì kết-quả được nhiều. »

Hãy suy-nghi về hình-ảnh này. Chúa dùng hình-ảnh gì ở đây ? « Một hạt lúa mì » theo bản cũ (Old Version). « Một hạt giống lúa mì » theo bản Nhuận-chánh (tiếng Anh). Cả hai cách đều có thể giải-thích hình-ảnh Ngài dùng. Cái nhân của lúa mì là gì ? Là một hạt, một hạt giống. Dùng hình-ảnh một hạt lúa mì, một hạt giống lúa mì, Chúa Jê-sus nói : Có những trường-hợp làm cho hạt giống lúa mì ở một mình. Nhưng nếu hạt giống ấy được trồng xuống, chết đi và nếu quan-sát, trước hết chúng ta sẽ thấy ngọn lúa, đến bông lúa rồi đầy-đầy những hạt trên bông lúa. một hạt giống đã tăng lên vô-số hạt trong bông lúa, bắt chước lời Ngài đã nói một lần nọ chúng ta bảo một hạt tăng hàng trăm, hạt sáu chục, hạt ba chục, vì có hạt giống lúa mì ấy đã rơi xuống đất và chết đi.

Ngài đang soi sáng một lẽ-thật quan-trọng liên-quan đến chính mình Ngài. Chỉ nghĩ đến hình-ảnh cách đơn-giản. Tưởng-tượng bạn cầm một hạt giống lúa mì trong tay, một vật nhỏ bé, vô đang vây bọc nó, nhưng bên trong vô

trấu là cái nhân, và các khoa-học-gia có thể cho bạn biết những gì trong nhân ấy. Nhưng trong lúc nhìn nhân ấy, bạn không thể thấy nó thật sự. Vâng, bạn bảo, nó là thế. Phi-líp và Anh-rê có thể nhìn thấy Chúa Jêsus. Ngài ở đó. Mấy người Hi-lạp đang thăm-dò, cũng có thể thấy Chúa Jêsus. Ngài đứng đó. Hột giống lúa mi, tôi có thể thấy được không? Có, nhưng tôi không thể nhìn thấy ý-nghĩa của nó. Tôi không thể thấy những khả-năng của nó. Tôi không thể nhìn thấy những gì tiềm-ẩn thật-sự trong hột giống bé-bông ấy.

Tôi thật lòng muốn thấy nó chẳng? Được, cứ vùi nó xuống đất. Rồi bạn phải đứng qua một bên. Bạn sẽ thấy nó chết. Chúng ta phải thấy điều đó. Chẳng mấy chốc, bạn sẽ thấy lá, hoa rồi bông lúa, ba chục, sáu chục, hàng trăm hột nơi tai lúa. Nhưng tất cả đều phát-xuất từ hột giống bé-nhỏ bạn đã nhìn và gieo xuống đất. Chưa hết. Đem nó đi giã và bóc vỏ. Lặt những hột khỏi đám vỏ, ba mươi, sáu mươi, một trăm; và cứ thế tiếp-tục. Dù có được phép hay không, tôi vẫn không thể quên mấy câu này trong Cựu-Uớc :

«Sẽ có dư-dật ngũ-cốc trên đất và trên đỉnh các núi.

Bông-trái nó sẽ ào-xào như-Li-ban.»

Mùa gặt do một hột giống. Chúng ta không thể thấy vụ gặt khi nhìn hột giống. «Chúng tôi muốn thấy (gặp) Jêsus;» do sự khôn-ngoan lớn-lao và hiểu-biết toàn-hảo, Ngài thấy họ có thể nhìn thấy Ngài, nhưng họ không thể thấy Ngài. Họ chỉ có thể thật sự thấy Ngài khi Ngài ngã xuống và chết; hầu cho qua sự chết của Ngài, nảy sanh ra sức sống, sức sống gia-tăng, sức sống tăng-trưởng mãi cho đến khi những vụ gặt được mang về chất đầy kho. Người ta sẽ thấy Ngài qua cách đó và chỉ cách đó mà thôi.

Vậy, chúng ta có thể tóm-tắt bài học tổng-quát ở đây. Chúa chúng ta thường áp-dụng nguyên-tắc như một triết-lý

sau khi đã cho thí-dụ, và nguyên-tắc đó được nêu trong câu hai mươi lăm : «Ai yêu sự sống mình thì sẽ mất đi.» Nếu người nào yêu mạng sống mình, sẽ giữ nó, nuôi-dưỡng và săn-sóc nó, người ấy sẽ đánh mất. «Ai ghét sự sống mình trong đời này,» từ bỏ nó qua hành-động phủ-nhận chính mình và hy-sinh đến chết, người đó sẽ giữ được nó, «sẽ giữ lại đến sự sống đời đời.» Đó là nguyên-tắc quan-trọng trong thí-dụ Ngài dùng.

Ngài tiếp-tục và ứng-dụng ngay cho các môn-đồ. «Nếu ai hầu việc Ta, thì phải theo Ta.» Ngài đi đâu ? Ngài lên thập-tự. Ngài đi đâu ? Ngài bước vào sự phục-sanh và chiến-thắng. Ngài đi đâu ? Hột giống lúa mì sẽ rơi xuống đất và chết. Ngài đi đâu ? Qua sự chết sẽ nảy sanh sức sống và đem lại mùa gặt. «Nếu ai hầu việc Ta, thì phải theo Ta» và chấp-nhận nguyên-tắc ấy. Dù chết hoặc sống, «Ta ở đâu, thì kẻ hầu việc ta cũng sẽ ở đó, nếu ai hầu việc Ta, thì Cha Ta ắt tôn-quí người.»

Rồi Ngài ứng-dụng cho chính Ngài. «Hiện nay tâm-thần Ta bối-rối.» Giờ đã đến, «Ta sẽ nói gì ? Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này ! «Ta sẽ xin Đức Chúa Trời giải-thoát Ta khỏi giờ chết của hột giống lúa mì chăng ? Ngài không xin điều đó. «Cha ơi, xin làm sáng danh cha.» Đó là khát-vọng cao-sâu của tâm-hồn Ngài. Qua suốt lời dạy-dỗ, Ngài chỉ cho chúng ta thấy rõ cách Ngài vượt qua gian-nan đến chiến-thắng, qua sự chết đến sự sống, qua đau-đớn đến vinh-quang. Chính là Christ được bao-phủ trong vinh-quang là Đấng đang phán trong sự sống qua sự chết, trong chiến-thắng qua sự gian-nan, là Christ mà mọi người đều nhìn thấy. Không, họ không thể thấy Ta bây giờ, nhưng họ sẽ thấy Ta, vì như hột giống lúa mì, Ta cũng sẽ chết và qua

sự chết, sẽ đem lại một nguồn sống mới.

Bởi lẽ màu-nhiệm vô-tận sâu-xa ấy, đã được gói kín trong thân-xác Thiêng-liêng của Con người mà loài người không nhìn thấy sự vinh-quang, Ngài đã đến tự bày-tỏ qua sự chết và sự sống vậy.

Chúng ta thấy Ngài muốn chúng-mình qua hình-dạng

Sự-khiến này xảy ra giữa lúc Chúa đang ở trong nơi ẩn-
 ẩn. Ngài vào đời chúng ta để cứu-vớt Ngài. Ngài
 Ngài không còn bày-bỏ nơi công-cộng nữa và cũng đã chấm
 dứt mọi việc làm giữa đám đông. Ngài tự-hợp nhất nước
 đầu-tên mà Ngài đã chọn lại, đó sau này có thể sai họ đi ra
 như danh Ngài. Suốt mấy đêm nay (12-13) không có người
 nào khác chen vào. Chỉ có Chúa Jesus với môn-đệ Ngài. Cả
 thấy gồm mười ba người: Chúa và mười hai người. Chẳng
 bao lâu, sẽ xảy ra việc giết-khủng. Thật ra, chính hình-dạng thì
 dự này đã đưa đến việc khai-tử Chúa.

Vì thế, chúng ta sẽ đi về đời-không động ở đây và tìm
 xem Ngài muốn nói về đời-tử. Đó là một việc chúng ta biết
 một ít về tác-tử của Chúa. Chúng ta về ý-chức của Ngài
 nước vẫn đã đang tâm-chiến. Ngài và các Ngài về hai hướng
 trên tất cả những lời nói khác nhau của Ngài. Tâm-tư
 đó được biểu-đạt qua câu nói của ông : Trước ngày là
 Vượt-quả Đức Chúa Jesus chết. Vì câu đó cũng nhắc lại :
 Đức Chúa Jesus chết. Chúng ta được biết hai điều, ấy là
 những việc Ngài làm và những lời Ngài nói trong dịp này.
 Do đó, chúng ta biết được tâm-hồn và ý-chức của Ngài.

Ngài biết gì ? Trước hết, Ngài phải là-khởi-rê-
 gian có về cùng Chúa, đã đến. Ngài phải là ý-chức phân-tiếp-
 theo, đó là tất-quan-trọng. Ở đây Chúa nhận thấy ý-chức của

60. SỰ RỪA CHÂN

Giăng 13 : 1-11

TRONG đoạn này chúng ta không có thí-dụ hoặc hình ảnh thí-dụ nào, nhưng có câu chuyện kể lại một hành-động thí-dụ của Thầy chúng ta. Lời ứng-dụng của Chúa sau cùng chứng-tỏ Ngài muốn chứng-minh qua hành-động.

Sự-kiện này xảy ra giữa lúc Chúa đang ở riêng với môn-đồ Ngài, vào cuối-cùng của cuộc đời chức-vụ Ngài. Lúc này, Ngài không còn dạy-dỗ nơi công-cộng nữa và cũng đã chấm dứt mọi việc làm giữa đám đông. Ngài tụ-hợp nhóm người đầu-tiên mà Ngài đã chọn lại, đề sau này có thể sai họ đi ra nhơn danh Ngài. Suốt mấy đoạn này (13-17) không có người nào khác chen vào. Chỉ có Chúa Jêsus với môn-đồ Ngài. Cả thầy gồm mười ba người : Chúa và mười hai người. Chẳng bao lâu, số này đã giảm xuống. Thật ra, chính hành-động thí-dụ này đã đưa đến việc khai-trừ Giu-đa.

Vì thế, chúng ta sẽ đề ý đến hành-động ở đây và tìm xem Ngài muốn nói về đề-tài gì. Đoạn này cho chúng ta biết một ít về tâm-trí của Chúa chúng ta về ý-thức của Ngài, những vấn-đề đang xâm-chiếm ý-nghi của Ngài và ảnh-hưởng trên tất cả những lời nói cùng việc làm của Ngài. Tâm-trí đó được biểu-lộ qua câu mở đầu của đoạn : « Trước ngày lễ Vượt-qua, Đức Chúa Jêsus biết. » Và câu ba cũng nhắc lại : « Đức Chúa Jêsus biết. » Chúng ta được biết hai điều, ấy là những việc Ngài làm và những lời Ngài nói trong dịp này. Do đó, chúng ta biết được tâm-thần và ý-thức của Ngài.

Ngài biết gì ? Trước hết, giờ Ngài phải lìa-khỏi thế-gian để về cùng Cha, đã đến. Tôi chưa hề đề-ý đến phần tiếp-theo, dù rất quan-trọng. Ở đây Giăng nhấn mạnh ý-thức của

Đấng Christ vào lúc ấy. Điềm đầu-tiên là Ngài biết giờ Ngài đã đến. Giờ gì ? Giờ « Minh phải lìa thế-gian dặng trở về cùng Đức Chúa Cha. » Chúng ta thấy ý-thức, sự sáng-suốt của Christ thật phi-thường, một ý-thức chiến-thắng vượt kinh-hãi, vì Ngài đã biết trước những gì sắp xảy đến, những gì khủng-khiếp, đang chờ đợi Ngài. Ngài biết giờ Ngài đã đến, ngay từ lúc mấy người Hy-lạp đến tìm Ngài. Lúc ấy Ngài nói : « Giờ đã đến, khi Con người sẽ được vinh-hiền. » Hiện nay, giờ ấy đã đến. Mấy người Hy-lạp chỉ có thể thấy Ngài khi Ngài chết và sống lại trong quyền-năng như hạt giống lúa mì rơi xuống đất và chết. Bây giờ Ngài biết giờ Ngài lìa thế-gian đã đến. Nghĩa là Ngài biết Ngài phải lìa thế-gian bằng cách nào. Suốt sáu tháng Ngài đã nhắc đi nhắc lại với môn-đồ cách Ngài sẽ ra đi. Và những người thân-yêu đó đã sợ-hãi. Bây giờ Ngài biết giờ phút ấy đã đến và biết cả phương-cách thực-hiện. Ngài biết kết-quả của giờ ấy nữa. Vâng, Ngài sẽ lìa thế-gian, nhưng Ngài đi đâu ? Về cùng Cha, đó là điều chắc-chắn và khả-hoàn đối với Ngài. Đó là một điều Ngài biết.

Giống bảo Ngài biết điều gì nữa ? Tôi chưa đề-ý đến ứng-dụng, chỉ nêu lên sự-kiện. Ngài biết « Cha đã giao-phó mọi sự trong tay mình, và mình đã từ Đức Chúa Trời đến, cũng sẽ về với Đức Chúa Trời. » Ngài biết giờ Ngài đã đến, và biết rõ thẩm-quyền Ngài đã nhận từ nơi Cha. « Đã giao-phó mọi sự trong tay mình. » Chúng ta nhìn Ngài và tự hỏi. Mọi sự sao ? Thập-tự-giá đang đợi Ngài, và Ngài bị phó vào tay bọn người tội-lỗi. Nhưng đó chỉ là cái nhìn hơi-hợt. Mọi sự đã được giao trong tay Ngài, và Ngài biết điều đó; Ngài biết Ngài đã từ Đức Chúa Trời đến, cũng sẽ về cùng Đức Chúa Trời. Như thế, ánh-sáng và vinh-quang của U-rim và Thu-mim trên bảng đeo ngực của thầy tế-lễ ngày xưa đã chiếu qua, giúp chúng ta thấy tâm-trí của Christ lúc ấy. Đó là bối-cảnh câu chuyện. Nhưng còn khác gì nữa ? Chúng ta biết một

ít về môn-đồ, những người đang ở với Ngài, và biết những gì đã xảy ra giữa họ trong sáu tháng trước đó mà chúng ta đã có dịp nhắc đến. Hãy suy-nghi kỹ lại sáu tháng vừa qua, từ thành Phi-líp thuộc Sê-sa-rê cho đến lời xưng-nhận của Phi-e-rơ và Thập-tự-giá. Đừng quên rằng trước đó Ngài không bao giờ nói thẳng cho họ biết Ngài sẽ lên Thập-tự; nhưng từ lúc đó, họ cảm thấy bất-hòa với nhau. Họ không thể hiểu được. Tôi không chỉ-trích họ. Chúng ta không nên hiểu, và họ không hiểu. Chúng ta thường thấy Chúa vẫn nói với họ về Thập-tự-giá của Ngài, đem họ ra một nơi riêng biệt rồi nói cặn-kẽ từng chi-tiết; và lúc nào chúng ta cũng gặp hai sự-khien kỳ lạ này: Ngài không bao giờ nói với họ về Thập-tự-giá mà không nói đến sự sống lại của Ngài, và mỗi khi nghe Ngài nhấn mạnh về Thập-tự-giá, họ liền bàn-tán, tranh-luận xem ai là kẻ lớn hơn hết. Họ như thế đó, chỉ nghĩ đến quyền-lợi và địa-vị cá-nhân; trên một phương-diện, điều đó có thể chấp-nhận được, nhưng hoàn-toàn vẫn là vị-kỳ. Ai là kẻ lớn nhất? Trong Nước Thiên-đàng, ai sẽ nắm-quyền, có hai người tưởng mình phải được địa-vị ấy và đã nhờ mẹ xin hộ cho mình. Đôi khi các bà mẹ cũng làm thế! Khi họ nói xong, mười người kia giận quá, lý-do vì chính họ cũng muốn có địa-vị ấy. Nói thế không có gì quá đáng. Nhưng đó là bối-cảnh của câu chuyện. Chúa Jê-sus biết họ nghĩ gì trong lòng, và qua hành-động tượng-trưng, hành-động tỉ-dụ ấy, Ngài muốn bày-tỏ trước hết, tấm lòng của Ngài để họ có thể nhìn thấy Ngài qua việc làm đơn-sơ nhưng cao-cả ấy khiến chúng ta đầu phục ngay nay. Vì thế, để họ hiểu rõ thế nào là trách-nhiệm và ý-nghĩa thật của chức-vụ môn-đồ, Ngài dùng một hành-động tượng-trưng nói lên tấm-lòng của Ngài và từ đó kết-luận về trách-nhiệm và bổn-phận làm môn-đồ của Chúa.

Bây giờ chúng ta suy-nghi về hình-ảnh ở đây. Chúa Jê-sus đã làm gì? Câu mười chép: « Đức Chúa Jê-sus đáp rằng: Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chơn, thì được sạch cả; và, các người

đã được tinh-sạch, nhưng chưa được tinh-sạch đều.» Tôi chưa đề ý đến phần sau vôi. «Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chơn.» Tắm có nghĩa là rửa sạch toàn-thể con người và gọi ra bức-tranh một người sau khi đã tắm xong, hoàn-toàn sạch-sẽ, trên đường về nhà, chân dính bụi đường, nên khi về nhà, người ấy chỉ cần rửa chơn là sạch cả. Đó là một hình-ảnh Đông-phương, rất quen-thuộc trong thời Chúa Jêsus. «Ai đã tắm rồi, chỉ cần rửa chơn.» Sau khi tắm rửa sạch-sẽ, không cần phải tắm lại, nhưng cần phải rửa sạch bất cứ vết bẩn nào bám vào người trong lúc đi đường. Đó là điều Chúa muốn nói. Và Ngài tiếp: Các người đã được tinh-sạch. Các người đã tắm xong, nhưng có lẽ bị dơ-bẩn trong lúc đi đường. Đó là một cách nói của người Đông-phương, chỉ về việc tắm và rửa chân.

Hãy đọc lại câu chuyện và xem việc Chúa Jêsus làm. Chắc hẳn môn-đồ rất kinh-ngạc trước hành-động đó vì nó có tính-cách hoàn-toàn bất thường. Rửa chơn những người ngồi quanh bàn ăn là một việc làm khác thường. Đề ý câu hai, mấy chữ «đứng bữa ăn tối» có thể hiểu theo hai nghĩa. Câu bốn cho chúng ta biết, Ngài «đứng dậy khỏi bàn, cởi áo ra.» Việc Ngài làm, Ngài đã làm ngay lúc đó: «Ngài đứng dậy khỏi bàn.» Có thể hiểu hai cách là, Ngài làm điều đó ngay trong bữa ăn, hay sau bữa ăn chứ không trước bữa ăn. Đây không phải sau một cuộc hành-trình mà người ta phải lấy nước rửa chân cho sạch bụi đường. Người ta vẫn thường giữ tục-lệ rửa chân trước bữa ăn. Trong câu chuyện này, các môn-đồ được rửa chân không phải sau khi đi đường về, hoặc đặc-biệt trước bữa ăn. Nhưng họ được rửa chân giữa hoặc sau bữa ăn. Đây là điểm quan-trọng. Đột nhiên, Ngài đứng dậy, cởi áo ra, lấy khăn quấn ngang lưng, đổ nước vào chậu và bắt đầu rửa chân cho môn-đồ. Hành-động bất-thường ấy khiến họ chú-ý ngay. Làm sao hiểu được một Nhân-vật, thật-sự là Chủ, bỗng nhiên giữa hoặc sau bữa ăn, đứng dậy làm một việc mà người ta thường làm trước bữa ăn hoặc sau một

việc mà người ta thường làm trước bữa ăn hoặc sau một cuộc hành-trình ?

Ngài làm gì ? Ngài hỏi : Các người có hiểu điều ta làm không ? Họ không hiểu. Rồi Ngài giải-thích và chúng ta có thể nhìn thấy trọng-tâm của vấn-đề. Ở đây, chúng ta có thể đọc được tấm lòng của Chúa đối với họ. Có hai nhân-vật trong câu chuyện Giu-đa và Jê-sus, và tấm lòng của Giu-đa đầy-dẫy ghen-ghét, kết-quả việc làm của Sa-tan, đưa đến quyết-định phản-bội. Trong tấm-lòng của Jê-sus là khát-vọng phục-vụ, và phục-vụ qua hành-động tự làm cho mình trống-không. Hãy nhìn xem Ngài. Ngài đứng dậy, thắt lưng lấy và rửa. Việc đó có nghĩa gì ? Thắt lưng, đối với người Đông-phương mang nhiều ý nghĩa. Khăn là dấu-hiệu của nô-lệ. Người tôi-mọi phải quấn ngang lưng một chiếc khăn bằng vải thô. Chúa Jê-sus, lấy một chiếc khăn, cởi áo ra, thắt lưng lấy, quấn ngang lưng và với tư-cách của một tên nô-lệ, làm công-việc của người tôi-mọi. Lấy một cái chậu, đổ nước vào, Ngài khiêng chậu vào và quì xuống như một tên tôi-dòi. Phi-e-ơ có phải là người đầu tiên được rửa chơn hay không, tôi không quan-tâm đến, nhưng giả-sử đúng như thế, thì trước hết Ngài đã quì dưới chơn Phi-e-ơ và như một người nô-lệ, bắt đầu rửa chơn cho các môn-đồ. Khi Phi-e-ơ phản-đối, Chúa Jê-sus nói : «Nếu ta không rửa chơn cho người, người chẳng có phần chi với Ta hết.» Tôi thích đọc câu trả lời của Phi-e-ơ, sau khi người phản-đối : «Lạy Chúa, chẳng những rửa chơn mà thôi, lại cũng rửa tay và đầu nữa.»

Hãy xem một thư của Phi-e-ơ viết. «Hết thầy đối-đãi với nhau phải trang-sức bằng khiêm-nhường, vì Đức Chúa Trời chống-cự kẻ kiêu-ngạo, mà ban ơn cho kẻ khiêm-nhường.» (I Phi-e-ơ 5 : 5) Vâng, Phi-e-ơ đã hiểu. Người biết rằng trong giờ phút ấy người đã nhìn thấu tận đáy lòng của Chúa Jê-sus. Ân-điền của Đức Chúa Trời đã được

phát-lộ qua hành-động phi-thường ấy. Ngài đã tự làm cho mình trống-không, Ngài tự hạ mình xuống, Ngài cúi xuống. Ngài là Chúa và là Thầy của họ. Họ gọi Ngài như thế. Ngài là Giáo-sư và Chúa của họ. Ngài nói: Các người hoàn-toàn đúng. Ta là Giáo-sư của các người, là Chúa của các người. Nhưng bây giờ Giáo-sư đang làm gì? Chúa cao-cả của mọi thể-lực đang làm gì? Chúng ta chứng-kiến Ngài như một tên nô-lệ đang làm công-việc của một tên tôi-đòi cho các môn-đồ Ngài và nhìn rõ được tấm lòng của Ngài. Như thế, hành-động tỉ-dụ này đã biểu-lộ được ân-diên của Ngài.

Hơn thế nữa, đó là sự chiếu sáng của vinh-quang Ngài. Có ân-diên nhưng cũng có vinh-quang nữa. Chiếc khăn quăn ngang lưng là dấu-hiệu của tôi-mọi, nhưng điều đặc-biệt ở đây là chiếc áo thắt lại cũng là huy-hiệu của hoàng-tử, cùng một cách thắt như nhau. Điều khác-biệt chỉ là loại hàng vải, tôi-mọi dùng vải thô, hoàng-tử dùng vải màu tím đậm hoặc vàng. Giăng nhìn thấy trong vòng thắt lưng ấy, không những chỉ dấu-hiệu của tôi-mọi mà còn là vòng đai của vương-quyền. Chúng ta chưa quên lúc người ở đảo Bát-mô, được nhìn thấy cùng một Đấng đó trong vinh-quang của Ngài và đã mô-tả lại, qua một hình-ảnh thật đẹp: "thắt đai vàng ngang trên ngực." Vâng, người đã thấy hình-ảnh đó trên đảo Bát-mô, và nhìn lại, người thấy mảnh vải thô của tên nô-lệ biến thành vinh-quang và màu tím của ngôi Chúa-tề vũ-trụ.

Chúa Jê-sus nói, không, bây giờ các người chưa hiểu nhưng một ngày kia các người sẽ hiểu. Điều Ngài muốn chứng-minh ấy là sự biến-hóa từ một công-tác thấp-hèn nhất sang một địa-vị cao hơn hết.

Rồi Ngài đem ứng-dụng, như chúng ta đã nhắc đến ở trên. « Vâng, nếu Ta là Chúa, là thầy, mà đã rửa chơn cho các người, thì các người cũng nên rửa chơn lẫn cho nhau. » Điều đó có nghĩa gì? Ngài biết những kẻ đã tắm sạch-sẽ, có thể bị dơ-bẩn

lúc đi đường, và họ cần được rửa chơn. Ngài nói : Các người đã thấy việc Ta làm, các người cũng phải sẵn-sàng làm như thế cho nhau. Phao-lô viết cho tín-đồ Ga-la-ti, cũng nói (6 : 1) : Hỡi anh em, vì bằng có người nào tình-cờ phạm-lỗi gì, anh em là kẻ có Đức Thánh-Linh, hãy lấy lòng mềm-mại mà sửa họ lại, kéo anh em cũng bị đổ-dành chẳng. ¹ Chúa chúng ta muốn nói với môn-đồ : Ta biết đường đi, và suốt cuộc hành-hương này mọi người sạch-sẽ sẽ bị dơ-bẩn. Khi anh em các người bị như thế, công-việc của các người không phải là nhắc lại hoặc khơi ra chỗ dơ-bẩn đó, cũng không phải là lãnh-đạm quay lưng cách kiêu-kỳ đối với anh em mình. Nhiệm-vụ của các người là rửa chơn cho người, như Phao-lô nói, lấy lòng mềm-mại mà sửa họ lại. Nếu chúng ta cư-xử như thế, vẻ đẹp của Chúa Jêsus-Christ sẽ chiếu-tỏa ra và vinh-quang của tinh-yêu chiến-thắng sẽ rạng-ngời trong và qua chúng ta.

61. NHÀ CHA VÀ NHIỀU CHỖ Ở

Giăng 14 : 2-6

CHỮ A chúng ta dùng hình-ảnh thí-dụ này trong lúc đang nói chuyện với môn-đồ Ngài, vào giờ phút cuối-cùng và thân-mật trước khi Ngài lên Thập-tự-giá. Ngay sau Chúa rửa chơn cho môn-đồ, Giu-đa liền bị khai-trừ. Sau đó Ngài nhắc lại một lần nữa, việc ra đi của Ngài và nói rõ với họ : « Các người không thể đến được nơi Ta đi. » Câu đó đưa đến một cuộc thảo-luận. Chỉ có bốn người nói và Chúa chúng ta trả lời, Phi-e-rơ, Thô-ma, Phi-líp và Giu-đe. Trong câu trả lời; Ngài đã dùng hình-ảnh tượng-trưng ở đây.

Đây là một đoạn rất quen thuộc. Tôi đã bảo, những lời này có tính cách thí-dụ, với mục-đích làm sáng-tỏ một vấn-đề, « Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở. »

Chúng ta cần nhắc lại bối-cảnh câu chuyện, đó là giống bối-cảnh khi Ngài rửa chơn cho môn-đồ. Chúng ta nên nhớ đó là giờ phút các môn-đồ bối rối hơn hết. Bằng cứ là chính những lời họ nói với Ngài khi Ngài cho biết Ngài sẽ ra đi. Họ không thể hiểu được. « Chỗ Ta đi, các người không thể đến được. » Phi-e-rơ nói : Thầy sẽ đi đâu ? Thô-ma nói : Chúng tôi chẳng biết Chúa đi đâu, làm sao biết đường được ? Phi-líp bảo : « Xin chỉ Cha cho chúng tôi thì đủ rồi. » Giu-đe thưa : Vì sao Chúa sẽ tỏ mình cho chúng tôi mà không tỏ mình cho thế-gian ? » Họ bối-rối thật sự.

Nhưng điểm đáng chú-ý là câu hỏi của bốn người đại-diện này đều liên-quan đến vấn đề tâm-linh. Phi-e-rơ biết Chúa sắp chết. Người được nghe nhắc đi nhắc lại điều đó suốt sáu tháng qua. Bây giờ họ thừa rõ kẻ thù đang chờ đợi Ngài và Ngài sắp chết. Khi đặt câu hỏi Ngài sẽ đi đâu ? « Chúa đi đâu »

Phi-e-ơ đang nhìn vào không-gian huyền-nhiệm. Chúa Jê-sus trả lời cho người và trong câu trả lời, Ngài đã dùng câu mà chúng ta sẽ suy nghĩ sau đây.

Về phần Tô-ma, nếu Phi-e-ơ đang thử tưởng-tượng một bến-bờ thì Tô-ma, vì không biết gì về bến-bờ đó, nên thắc-mắc về con đường. Nếu chúng tôi chẳng biết Chúa đi đâu, làm sao biết đường được ? Chúa Jê-sus đã trả lời cho người.

Đến phiên Phi-líp, một tâm hồn im-lặng, chẳng phô-trương ai, một người thường suy-nghi những việc to-tát, sâu-xa mà không nói ra, lúc ấy mới tiết-lộ niềm khắc-khoại của nhân-loại: " Xin chỉ Cha cho chúng tôi, thì đủ rồi. "

Giu-đê, đối-diện thực-tại, cũng nêu lên thắc mắc. Người nhìn quanh thế-giới và nhìn bộ mặt thực tế của nó. Chúng ta nên nhớ rằng mối lo-ngại trực-tiếp của họ lúc ấy rất tầm-thường. Họ sắp mất Ngài. Sau ba năm sống gần gũi với Ngài, đi đây đó, quan sát Ngài, nghe Ngài nói, bây giờ Ngài sắp ra đi, họ bị bỏ lại một mình. Đó là mối lo âu của họ.

Nhưng Ngài cũng nói rõ cho họ biết là ngài sẽ ra đi cách oai-nghi. Chẳng chút khúm-núm, rụt-rè. Ngài cho họ biết Ngài sẽ chịu đau đớn. Ngài báo tin Ngài sẽ chết. Ngài cho biết Ngài sẽ sống lại. Nhưng hình như họ chưa bao giờ hiểu được ý-nghĩa sự sống lại.

Vì thế chúng ta thấy họ bối-rối và lo sợ. Trái đất quá thực, ngay trước mặt họ, chân họ chôn chặt trong đất. Họ đang sống trên đất. Họ đang thở bầu không-khí của đất, đang nhìn thấy đồi núi, thung-lũng, ao-hồ cùng sông biển trùng-diệp khắp nơi. Trong lúc Ngài còn ở đó, thực tại là thế, còn sau này thế nào, không ai biết chắc được. Tôi tưởng không ai trong đám họ thuộc phe Sa-đu-sê nhưng là Pha-ri-si, trước khi Chúa Jê-sus kêu gọi, và họ tin và Thần-linh, vào thế-giới tâm-linh và cuộc sống bên kia mờ mả. Họ không thỏa-mãn với luân-lý và qui-luật đạo đức, nhưng cũng không biết rõ về bên

thế-giới kia, có cái gì bên ấy. « Chúa đi đâu ? » Họ muốn biết nơi Ngài đi đến, dù nơi đó có là một không-gian cách biệt hẳn vũ-trụ này. Làm sao con người tới đó được ? Chúng ta không biết bến-bờ. Chúng ta không biết lộ-trình. Thô-ma hỏi : Đường nào, và hình như trong trí của Phi-líp, và có lẽ của tất cả lúc ấy, dù bến-bờ có là nơi nào, dù là đi đường nào, cuối cùng vẫn là Đức Chúa Trời. Phi-líp nói : « Xin chỉ Cha cho chúng tôi, thì đủ rồi. » Còn Giu-đe, thực-tế hơn cả bọn, hỏi làm sao những gì họ đã thấy có thể bày-tỏ cho thế-gian.

Trong lúc trả lời cho Phi-e-ro, Ngài nói : « Nơi Ta đi, bây giờ người chẳng có thể theo Ta được, nhưng rồi sau người sẽ theo Ta. » Phi-e-ro thưa : « Lạy Chúa, sao hiện bây giờ tôi không thể theo Chúa được ? Tôi liệu sự sống tôi vì Chúa. » Phi-e-ro chưa bao giờ nói được một câu đẹp như thế, nhưng người rất thành thật khi nói câu đó. Chúa chúng ta đáp : « Người liệu sự sống người vì Ta sao ? Quả thật, quả thật, Ta nói cùng người, khi gà chưa gáy, người đã chối Ta ba lần. Lòng các người chớ hề bối-rối, hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin Ta nữa. Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở. » Đó là nơi Ngài sẽ đi. « Bằng chẳng vậy, Ta đã nói cho các người rồi Ta đi sắm sẵn cho các người một chỗ. Khi ta đã đi và đã sắm sẵn cho các người một chỗ rồi, Ta sẽ trở lại đem các người đi với ta. »

Như thế chúng ta đã gặp hình-ảnh ngay tại đây. Ngài đang soi sáng những thắc-mắc của họ. Họ đang vô cùng sầu-não nghĩ đến sự ra đi của Ngài. Họ sẽ ở lại thế-gian không biết làm gì. Họ sẽ không được nói chuyện với Ngài và xem công việc Ngài làm. Ngài sẽ đi, đi đâu ? Ngài giải đáp thắc mắc đó với hình-ảnh sau đây.

« Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở. » « Nhà », là danh-từ thông-thường ám chỉ nơi cư-ngụ, một nơi để ở. Đó là do chữ *oikos*, nghĩa là nhà. Tất cả đều ở trong nhà. Nơi cư-ngụ là ý-nghĩa đơn-giản của chữ nhà. Ngài nói, trong nhà Cha Ta có

nhiều chỗ ở. « Chỗ ở. » Vài người tưởng nhà là một biệt-thự. Một số người đã ca ngợi về chỗ ở bên kia thế-giới. Chữ « chỗ ở » có nghĩa gì ? Đó là do chữ *mone*, nghĩa là một nơi để ở. Động-từ *mone* là một chữ thường dùng trong Tân-Uớc, nhưng chữ *mone* thì không, chỉ xuất hiện ở đây và một chỗ khác trong câu hai mươi ba, cả hai lần đều do Chúa Jê-sus dùng. « Trong nhà Cha Ta có nhiều Chỗ ở, » « Chúng ta đều đến cùng người... và ở trong người. » Như vậy, chúng ta có một ý-tưởng song-đôi ở đây và danh-từ « nhà » cũng bao-hàm trong đó. Tôi thích dùng chữ « nơi cư-ngụ » thế cho chữ nhà và « phòng lưu-trú » thế cho « chỗ ở. » Và chúng ta có thể sửa : « Trong nơi cư ngụ của Cha Ta có nhiều phòng lưu-trú. » Nơi cư-ngụ lớn hơn phòng lưu-trú. Tất cả những phòng đều ở trong nơi cư-ngụ. Chữ quan-trọng ở đây là « nhà Cha Ta » và chữ phụ là « phòng lưu-trú. »

Ngài muốn nói gì ? Ngài muốn dạy gì qua chữ nghĩa bóng này ? Chúng ta hãy bắt đầu từ bình-diện tầm thường trước. Hai lần trong chức-vụ, Chúa chúng ta đã dùng chữ « nhà Cha Ta. » Lần thứ nhất trong Tin-lành này, đoạn hai. Lúc dẹp sạch Đền-thờ, Ngài nói : « nhà Cha Ta. » Ngài ám-chỉ về đền-thờ. Ở đây, Ngài nói : « Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở. Hình-ảnh thứ nhất chỉ về đền thờ. Ngài gọi đền-thờ là « nhà của Đức Chúa Trời » trong nhiều lần khác nữa. Trong Ma-thi-ơ (12:4) Ngài gọi là nhà của Đức Chúa Trời (theo bản tiếng Anh). Ngài xem nơi ở của Đức Chúa Trời như là nhà riêng của Ngài. Cuối-cùng khùng-khiếp đời Ngài, Ngài không gọi đền-thờ là nhà Cha Ta, hay nhà Ta, nhưng « nhà các người sẽ ra hoang vu. Tất cả đều ám-chỉ đền-thờ. »

Bây giờ chúng ta hãy nhìn lại đền-thờ một chút. Ngài rất quen thuộc nơi này và thường đến đó. Chúng ta được biết Ngài đã vào ba nơi trong đền thờ. Ngày lễ lều-tạm Ngài vào nơi kho. Lễ cung-hiến, Ngài vào cửa Sa-lô-môn. Lúc người đàn-bà góa dâng tiền Ngài ngồi đối diện với kho.

Đền-thờ ra sao ? Lúc ấy đang còn xây-cất. Công-việc chỉ hoàn-thành mười năm sau khi Chúa Jêsus bị đóng đinh. Đó là một tòa nhà nguy-nga. Có lẽ bức tranh mô-tả của George-Adam-Smith trong tác-phẩm *Giê-ru-sa-lem* sẽ giúp chúng ta tưởng-tượng một phần nào :

«Đền-thờ của Hê-rốt gồm một tòa nhà chia làm nơi Chí-thánh và Nơi-Thánh, một cái cửa đi vào, một cái sân trước tiếp nối với bàn thờ dâng của lễ thiêu, một Sân của người Y-sơ-ra-ên, trước sân này là Sân của Phụ-nữ, và vòng quanh sân này là Sân của Dân ngoại.»

Lại nữa :

« Những phòng cho các quan-lại, và một nơi hội-hợp của phe Sanhedrin. Có cả thảy ba mươi tám phòng nhỏ bên hông bờ tường. » Đền-thờ là một ngôi nhà, có nhiều chỗ ở. Tôi nghĩ, qua chữ nghĩa bóng Chúa dùng, chắc Ngài đang nghĩ đến đền-thờ ấy khi Ngài nói : « Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở. »

Nhưng cũng chắc-chắn Ngài muốn nói về đền thờ với ý-nghĩa thật của nó và hình-ảnh tượng-trung của nó. Hãy trở lại sách Xuất Ê-díp-tô Ký, nói về sự xây-cất đền-thờ : « Họ sẽ làm cho Ta một đền-thánh, và Ta sẽ ở giữa họ. » Ngài nhìn nó như nhà của Đức Chúa Trời. Sau này, tác-giả thơ Hy-bá-lai, nhắc đến đền-tạm, một kiểu-mẫu chính của đền-thờ, đã nói : « Làm mọi việc theo như kiểu-mẫu đã chỉ cho người tại trên núi. » Lại nữa, tất cả những điều đó đều là « phỏng theo các vật ở trên trời. » Và « bởi tay người làm ra, theo kiểu-mẫu nơi thánh-thật. »

Vậy, đền-thờ đó được rập theo khuôn-mẫu của các vật trên trời. « Ban đầu, Đức Chúa Trời dựng nên trời đất. » Khi đọc đến câu đó, đứng chỉ nghĩ đến một khung trời tuyệt-đẹp nào đó trong một đêm trăng rằm và nhiều ngôi sao, một cảnh-tượng khác hẳn ban ngày, nhưng phải nghĩ đến tất cả về

đẹp bắt nguồn từ trên trời. Đền-thờ ấy, đền-tạm ấy, và tất cả những chi-tiết trong đó đều chỉ là bản sao của những sự vật trên trời, và được gọi là nhà của Đức Chúa Trời. Nhà ấy, có nhiều phần, nhiều căn, nhiều nơi, mỗi nơi có giá-trị và vị-trí riêng-biệt. Tôi không chú-ý đến đền-thờ bằng đền-tạm ngày xưa. Nó chỉ là một mẫu phỏng theo. « Trong nhà Cha Ta có nhiều chỗ ở. » Như thế Ngài nói: Các người hãy lên đền-thờ, và đi vào nhiều phòng, nhiều ngăn xem. Nơi đó có nhiều chỗ ở.

Qua câu đó, Ngài muốn nói gì với họ? Ý-nghĩa thật-sự là gì? Đối với những kẻ đi săn tìm thế-giới bên kia mà tư-tưởng và cái nhìn của họ còn bị ràng-buộc với đất này, Ngài sắp đi xa họ. Họ nói: Khi Ngài đi, chúng ta sẽ mất Ngài, nhưng chỉ trong một chớp mắt Ngài đã trình-bày cả vũ-trụ trước mắt họ: « Nhà Cha Ta. » Trong cả vũ-trụ ấy có nhiều chỗ ở. Trái đất này là một, nhưng không phải là chỗ duy-nhất. Tất cả ý-nghĩa tượng-trưng của đền-tạm đã bị lu-mờ trước vũ-trụ bao-la này. Có nhiều chỗ ở, và Ngài cho họ thấy Ngài chỉ rời một chỗ ở để đến một chỗ khác trong cùng căn nhà ấy. Lúc ấy họ không thể đi theo được nhưng sau đó họ sẽ đi, và Ngài chỉ đi sang một chỗ ở khác trong cùng ngôi nhà. Để làm gì? Sửa-soạn một chỗ cho họ.

Câu nói thật kỳ-diệu: « Sắm-sửa một chỗ cho các người. » Một nơi nào đó trong nhà của Đức Chúa Trời, khoảng mênh-mông khiến chúng ta lạc-lối, một nơi mà chúng ta không thể hiểu được, chính Ngài sẽ đến đó sửa-soạn chỗ cho các người. Ngài sửa-soạn bằng cách nào? Bằng cách ở đó. Như thế Ngài nói với họ: Nay mai các người sẽ đến đó, và khi đến, các người sẽ cảm thấy quen-thuộc vì sẽ gặp Ta ở đó, một nơi trong nhà Cha. Ngài không cho họ biết vị-trí. Ngài không cho họ biết điều họ muốn biết, tức là mô-tả vị-trí cho họ. Ngài nói: Tất cả đều ở trong nhà Cha. Có nhiều chỗ ở. Ngài sẽ đi sắm-sẵn một chỗ cho họ và sẽ trở lại để tiếp đón họ.

Trở về thời Sa-lô-môn, lúc xây đền-thờ và dâng lên lời cầu-nguyện, vua nói : « Nhưng quả thật rằng Đức Chúa Trời ngự trên đất này chăng ? Kia, trời, dẫu đến đổi trời của các tầng trời chẳng có thể chứa Ngài được thay, phượng chỉ cái đền này tôi đã cất. » Nếu chúng ta biết ý-nghĩa của câu « nhà Cha Ta, » chúng ta có thể gọi đó là « trời » và « trời của các tầng trời. »

Từ đó, chúng ta quay sang tiên-tri Ê-sai. Người nói : « Đấng cao cả, ở nơi đời đời vô cùng, danh Ngài là Thánh, có phán như vậy : Ta ngự trong nơi cao và thánh, với người có lòng ăn-năn đau-đớn, nghe lời Ta nói mà run. » Nhà của Đức Chúa Trời, cõi đời đời, toàn-thể vũ-trụ. Viết thì dễ, nhưng chúng ta không thể hiểu được, vì vượt-quá giới-hạn của chúng ta.

Chúng ta hãy xem một câu khác. Ê-tiên, trong lời bênh vực đã nói : « Nhưng Đấng Rất-Cao chẳng ở trong nhà bởi tay người ta làm ra, như đấng tiên-tri đã nói :

Chúa phán : Trời là Ngai Ta.

Đất là bệ chơn Ta,

Nào có nhà nào các ngời cất cho Ta ?

Có nơi nào cho Ta yên-nghỉ chăng ?

Há chẳng phải tay Ta đã dựng nên mọi vật này chăng ?

Sau đó trong một đoạn của sách Sứ-đồ, Phao-lô nói : « Đức Chúa Trời đã dựng nên thế-giới và mọi vật trong đó, là Chúa của trời đất, chẳng ngự tại đền-thờ bởi tay người ta dựng nên đâu. »

Không, đó không phải là nơi ở thật của Đức Chúa Trời. Ngài ở đâu ? Nơi đời đời. Nhà Cha là toàn-thể vũ-trụ, và trong nhà ấy có nhiều chỗ ở. Đất là một chỗ. Chúa Jê-sus nói : Ta sẽ đi khỏi đất, nhưng Ta không đi ra khỏi nhà Cha Ta. Nhà

đó có nhiều chỗ ở, và thật vậy, các bạn và tôi, chúng ta đang ở trong một chỗ của nhà Cha. Cả vũ-trụ ở trong nhà ấy. Những kẻ thân yêu đã lia chúng ta, chỉ bước sang một chỗ ở khác. Bây giờ chúng ta chưa đến đó được, nhưng Ngài đang ở đó, sẵn sẵn chỗ cho chúng ta, và đó là khoảng mênh-mông của vũ-trụ.

Mấy người còn sống trên đất, bị ràng-buộc với đất, muốn tìm hiểu thế-giới bên kia và được biết rằng thế-giới bên kia chính là nơi ta đang sống vì đất cũng là một phần của thế-giới ấy. Chúng ta ở trong nhà Cha. Ngài ở đó với chúng ta. Ngài sẽ đi một chỗ khác để sửa-soạn cho chúng ta, và nếu Ngài đi, Ngài sẽ trở lại tiếp-rước chúng ta và chúng ta sẽ ở chung với nhau tại đó. Quan-niệm thật kỳ-diệu biết bao!

Thô-ma nói : Chúng tôi không biết chỗ đó ở đâu. Làm sao chúng tôi biết đường đi. Ngài đáp : « Ta là đường đi » và lời đó bao-hàm cả vũ-trụ, một phần của vũ-trụ mà Ngài đã từng sống, và hơn nữa, « Ta là chân-lý về đường đó. » Mọi bí-ẩn đều có lời giải-đáp trong Ta. Ta còn hơn thế nữa, Ta là Sự-Sống của nhà Cha. Tôi nghĩ Phi-líp đã đến gần chân-lý khi người nói : « Xin chỉ Cha cho chúng tôi thì đủ rồi. » Và câu trả lời khá lạ-lùng : « Ai đã thấy Ta, tức là đã thấy Cha. » Người đó không những chỉ thấy Cha, nhưng đã thấy cả nhà Cha và đã hiểu trong nhà ấy có nhiều chỗ ở. Mark Twain (một văn sĩ Mỹ) đã viết một quyển sách vừa hài-hước vừa triết-lý mô-tả một người đi tìm thế-giới này trong vũ-trụ. Người ấy gặp một nhân-vật siêu-nhiên thuộc không-gian vô-cực, và hỏi con đường đi tìm thế-giới ấy, và nhân-vật hỏi lại : Thế-giới nào ? Người trả lời : « Thế-giới đã được Christ chết thế. » Người kia nói : Ngài chết cho nhiều thế-giới lắm. Tôi không chắc là người ấy đúng, Tôi biết, qua Thập-tự-giá, Ngài đã giảng-hòa tất cả mọi vật trên trời và dưới đất với Ngài.

Thập-tự-giá ấy có thể với đến những khoảng không-gian vô-tận nào, tôi không được rõ, nhưng tôi biết không-gian ấy thuộc phạm-vi nhà Cha, và tôi biết dù thân-xác Ngài không có ở đây, nhưng Ngài đang ở trong nhà Cha và Ngài sẵn-sàng tiếp rước tôi.

xXx

62. — CÂY NHO

Giăng 15

²
AN-dụ về cây nho và ứng-dụng dệt thành câu chuyện chiếm cả đoạn mười lăm và mười sáu câu đầu của đoạn mười sáu. Câu chuyện này rất đầy-đủ và chỉ một mình Giăng ghi lại. Qua suốt Tin-Lành của Giăng, những cuộc thảo-luận đều xoay-quanh những lẽ thật Chúa Jêsus đã dạy cho kẻ thù hoặc các bạn của Ngài về chính mình Ngài. Nói thế, không có nghĩa những câu chuyện ấy kém giá-trị. Qua những màu chuyện về chỉ-trích và chống-đối, chúng ta được biết cách Chúa giải-quyết những vấn-đề ấy trong lúc Ngài còn sống trên đất này.

Chúng ta rất quen-thuộc với trường-hợp câu chuyện này. Ngài vẫn còn ở riêng với môn-đồ Ngài. Sau cuộc đàm-thoại giải-đáp những thắc-mắc của Phi-e-rơ, Thô-ma, Phi-líp và Giu-đe, không-khí có vẻ im-lặng hơn. Tuy nhiên sau đó một chút, họ lại thảo-luận một lần nữa, tức là ngay sau câu chuyện này. Đoạn 16 câu 17 cho chúng ta biết điều đó : “Còn ít lâu các ngươi sẽ chẳng thấy Ta, rồi ít lâu nữa các ngươi lại thấy Ta, và rằng : Vì Ta về cùng Cha, thế là làm sao ?” Một lần nữa, họ thắc-mắc, bối-rối. Mấy câu hỏi trên, họ không nói trực-tiếp với Chúa, nhưng bàn-tán với nhau và vì biết thế nên Ngài đã trả lời cho họ. Sau đó, tất cả đều trở lại hoàn-toàn im-lặng.

Trước thí-dụ về cây nho, di-nhiên có một khoảng trống sau cuối đoạn mười bốn và đầu đoạn mười lăm, khi Chúa nói : “Hãy đứng dậy, chúng ta phải đi khỏi đây.” Tôi chắc-chắn sau khi Ngài nói xong, tất cả đều đứng dậy, rời phòng cao và đi, nhưng không biết họ đi đâu. Sau bài cầu thay (17) kết-thúc khoảng thời-gian Chúa Jêsus dành riêng sống với

môn-dồ Ngài, chúng ta được biết: « Sau khi phán những điều ấy, Đức Chúa Jêsus đi với môn-dồ mình sang bên kia khe Xết-rôn, tại đó có một cái vườn » (18: 1) vào Ghết-sê-ma-nê.

Tỉ-dụ này được nói vào lúc nào? Có nhiều ý-kiến khác nhau, nhưng có hai quan-niệm chính. Một số người cho rằng Ngài dẫn họ từ phòng cao, qua các đường phố rồi vào đền-thờ. Lúc ấy gần ngày lễ Vượt-qua nên các cửa đẹp-đẽ của đền-thờ mở suốt ngày đêm cho các người hành-hương ra vào tự-do. Nếu Ngài đưa họ tới đó, thì trong lúc đi qua cổng, chắc hẳn họ đã thấy ánh trăng lễ Vượt-qua chiếu tỏa trên quốc-hiệu của họ. Quốc-hiệu đó là gì? Cây nho bằng vàng. Người ta cho rằng Ngài đã nói câu « Ta là gốc nho, gốc nho thật. » Khi đứng bên những cửa đền-thờ. Riêng tôi không biết rõ, nhưng tôi tưởng cảnh ấy vô-cùng đẹp-đẽ thơ-mộng. Một số khác cho rằng Ngài cùng họ đi ra khỏi thành, xuống khe Xết-rôn và trong lúc ngồi tại một nơi nào đó, dưới khung trời này, Ngài dùng tỉ-dụ ở đây. Nhờ đó, dù họ có nhìn đâu, họ cũng có thể thấy nho mọc khắp nơi trong vùng đó.

Khi nghi đến nho, chúng ta chớ nên tưởng-tượng một giàn nho, cành trái được tia-sửa đẹp-đẽ hoặc trong nhà bằng kiếng. Nếu Ngài đang ngồi đó, nhìn thấy nho mọc và đã nói: « Ta là gốc nho, gốc nho thật, » hẳn phải có gì tại đó để làm sáng tỏ ý Ngài muốn nói. Chắc-chắn lúc ấy họ nhìn thấy rải-rác dây đó trong bóng đêm, ngọn lửa đang cháy, thiêu-rụi những cành nho bị cắt quãng lúc ban ngày.

Ngài dùng hình-ảnh cây nho dưới hình-thức một tỉ-dụ hoặc ẩn-dụ.

Bối-cảnh ở đây cũng giống trong lần trước. Các môn-dồ đang vây quanh Ngài, bối-rối, lo-sợ nghi đến tương-lai thiếu vắng Ngài. Ngài đã nói rõ như thế, và họ biết đó là sự thật vì hoàn-cảnh cũng nói lên điều đó, cho họ biết Ngài

không còn ở với họ bao nhiêu nữa. Ngài sẽ ra đi và Phi-e-ro lo-lăng. Đó là bầu không-khí lúc ấy, nhưng Ngài vừa hứa với họ một điều. Ngài nói : « Ta không để cho các ngươi mồ-côi đâu, Ta sẽ đến cùng các ngươi. » Họ nghe Chúa nói thế. Ngài sẽ không để họ bị mồ-côi, hoặc cô-đơn, một mình, nhưng Ngài sẽ đến với họ.

Rồi Ngài cho biết sẽ đến với họ bằng cách nào. Ngài sẽ sai « Một Đấng Yên-ủi khác. » Ngài sẽ sai Đức Thánh-Linh, có thể chuyển-dịch là Người được gọi đến bên cạnh một người khác. Chúng ta đã dịch hai cách : Đấng An-ủi và Trạng-sur. Ngài là Đấng An-ủi tôi, Ngài bồi-xóa tình-trạng mồ-côi của tôi, nhưng Ngài cũng là Trạng-sur của tôi, khiến tôi nhớ những lời Ngài đã nói, và khiến sự hiện-diện của Ngài thực-hữu đối với tôi. Ngài nói cho môn-đồ biết điều đó.

Bây giờ chúng ta hãy suy-nghĩ về hình-ảnh ở đây để hiểu được mối tương-quan mới-mẻ giữa chúng ta với nhau qua Đấng An-ủi, Trạng-sur, Thánh-Linh. Cây nho chứng-minh cho kết-quả của sự sống mới mà họ phải bước vào, kinh-nghiệm mới mà họ sẽ nhận được qua mối tương-quan mới-mẻ với Ngài. Đó là đề-tài Ngài muốn nói.

Chúng ta sẽ không sai-lầm nếu xét hình-ảnh trên phương-diện một cây nho có trái. Nhưng tôi nghĩ, khi Chúa nói : « Ta là gốc nho, gốc nho thật, » câu nói ám-chỉ một cái gì sâu-xa hơn. Trong bản-dịch của chúng ta, chép : « Ta là gốc nho thật. » Như thế không sai, nhưng không truyền-cảm được ý-nghĩa tiềm-ẩn trong câu nói. Trong tiếng Hi-lạp, những chữ trong hai câu dùng hoàn-toàn như nhau, nhưng được sắp theo cách Ngài nói. Vài học-giả Hi-lạp cho đó là một thành-ngữ Hi-lạp, nhưng tôi thấy đây là một trường-hợp đặc-biệt. Ngài nói : « Ta là gốc nho, gốc nho thật. » Ngài thêm chữ « gốc nho thật » vào câu « Ta là gốc nho, » ngụ-ý đã có những thứ giả, không thật, và tôi tin chắc Chúa nghĩ như thế khi Ngài nói :

« Ta là gốc nho, gốc nho thật. »

Chúa chúng ta không sáng-chế hình-ảnh này. Ngài mượn nó trong Cựu-Uớc. Chúng ta thấy hình-ảnh cây nho được dùng trong Sách Thi-thiên. Đó là lần đầu-tiên hình-ảnh này xuất-hiện (Thi-thiên 80). Đó là Thi-thiên của A-Sáp, được làm khi dân của Đức Chúa Trời gặp khó-khăn vì không vâng lời Ngài. Tác-giả viết :

« Chúa giận lời cầu-nguyện của dân Chúa cho đến chừng nào ?

Chúa đã nuôi chúng nó bằng bánh giọt-lệ,
Và cho chúng nó uống nước mắt đầy đấu,
Chúa làm chúng tôi thành bia tranh cạnh cho kẻ
lân-cận chúng tôi ,

Và đây là phần đầu của Thi-thiên này :

« Hỡi Đức Chúa Trời vạn-quân, xin hãy đem chúng
tôi lại,

Và làm cho mặt Chúa sáng chói, thì chúng tôi sẽ
được cứu. »

Và kẻ ca-tụng tiếp :

« Từ Ê-díp-tô Chúa đã dời sang một cây nho,

Chúa đuổi các dân ra, rồi trồng cây ấy.

Cũng xở đất cho nó,

Nó bèn chắm rễ và bò đầy đất.

Các núi bị bóng nó che-phủ,

Và các nhánh nó giống như cây hương-nam của
Đức Chúa Trời.

Các nhánh nó gie ra đến biển,

Và chồi nó lan đến Sông.

Vì có sao Chúa phá hàng rào nó,

Đề cho các kẻ đi qua lay-lật nó ?

Heo rừng cắn phá nó,

Và các thú đồng ăn nó.

Đức Chúa Trời vạn-quân ôi ! xin hãy trở lại,

Từ trên trời hãy ngó xuống, đoái xem, và thăm-
viếng cây nho này.»

Và Thi-thiên này kết-thúc :

« Nguyễn tay Chúa phù-hộ người của tay hữu Chúa
Tức là con người mà Chúa đã chọn cho mình.

Rồi chúng tôi sẽ không lìa khỏi Chúa nữa,

Xin hãy làm cho chúng tôi được sống lại, thì chúng
tôi sẽ cầu-khẩn danh Chúa.»

Di-nhiên bài ca được ra đời do sự thất-bại của dân Hy-bá-lai lúc ấy, nó nói lên sự thiếu-sót và tiếng kêu của họ với Đức Chúa Trời. Cây nho được dùng tượng-trưng cho dân-tộc ấy. Đó là lý-do họ đặt cây nho bằng vàng trên cửa nguy-nga của đền-thờ và từ đó, hình-ảnh ấy là biểu-hiệu cho dân-tộc.

Đi sâu hơn vào lịch-sử dân-tộc này, chúng ta gặp Ê-sai. Đoạn năm cho chúng ta một bài ca về vườn nho. Tại đây, cây nho cũng tượng-trưng cho dân-tộc, được Đức Chúa Trời tạo-dựng để kết-quả nhưng họ đã thất-bại.

Trong đoạn hai, Giê-rê-mi cũng gọi nước ấy là « một cây nho suy-dồi.» Trong Ê-xê-chi-ên 15, 17, 18 chúng ta thấy có ba lần nhắc đến cây nho, tượng-trưng cho dân Y-sơ-ra-ên. Hình-ảnh đó đã nhập-thề trong ý-nghĩa của dân-tộc, đã được nâng cao trên cửa của đền-thờ quốc-gia, tượng-trưng cho sự sống dân-tộc. Tại đền-thờ đó, Chúa Jê-sus đã nói, Nước của Đức Chúa Trời sẽ bị tước khỏi họ và được giao cho những kẻ sẽ đem lại kết-quả hơn. Bây giờ, trong lúc ở với môn-đồ, Ngài nói: « Ta là gốc nho, gốc nho thật, » chiến-thắng thay

vì thất-bại, thực-hiện thay vì hủy-phá. « Ta là gốc nho, gốc nho thật. » Một lần nữa, trong câu năm : « Ta là gốc nho, các người là nhánh. » Có thể nào tìm ra một hình-ảnh nào toàn-hảo hơn đề mô-tả nối liên-quan giữa Ngài với môn-đồ sẽ được thiết-lập khi thân-thể của Ngài rời khỏi họ, nhưng Ngài vẫn ở đó, trong họ, và họ trong Ngài nhờ sự hiện-diện của Đấng An-ủi chẳng ?

Trước hết Ngài nói : « Ta là gốc nho. » Câu đó có nghĩa gì ? Chúng ta thường trích câu đó và câu năm : « Ta là gốc nho, các người là nhánh. » Chúng ta nghĩ gì khi đọc câu đó ? Chúng ta tưởng-tượng thân cây với cành nhánh mọc tua-tủa như là bức tranh chỉ về Christ và những kẻ tin Ngài, Ngài là thân cây, chúng ta là nhánh. Nhưng Ngài không nói thế. Ngài nói : « Ta là cây nho » (theo bản tiếng Anh) và cây nho không phải chỉ là thân cây. Thân cây chỉ là một phần của cây, trên vài phương-diện, nó có thể là phần chính của cây, nhưng nó không phải là cây nho. Trong cây nho, chúng ta thấy nhiều phần khác nhau : gốc, thân, cành, lá, tua (râu). trái. Christ nói : Ta là tất cả, Ta là cây nho, ý-thức được nhiều phần khác nhau tức là nhận biết sự toàn-hảo, đầy-đủ. Sự đầy-đủ, hoàn-toàn của cây nho phát-xuất từ sự-kiện Christ là tất cả.

Nếu vậy làm sao chúng ta bước vào sự toàn-hảo ấy ? Chúng ta có bị loại ra ngoài không ? Di-nhiên, không. Christ nói : Ta là tất cả : thân, cành, tất cả còn các người là cành, nghĩa là, các người là những phần của Ta. Các người cũng gắn giữ Ta trong bản-chất và sức sống như cành đối với cây nho, và cây nho sẽ thiếu-thốn nếu không có cành. Chúa chúng ta nói với môn-đồ : Ngoài Ta, theo nghĩa đen, bị cách-biệt Ta, phân-cách khỏi Ta, các người không làm chi được. Và chắc-chắn Ngài cũng muốn nói : Ngoài các người, Ta không thể làm được gì trên thế-gian này. Ta phải có cành.

Nhưng hãy chú-ý điểm đặc-biệt ở đây. Chúa chúng ta bảo

với họ : Các người sẽ mất Ta và lo-lắng, nhưng Ta ở đây, Ta ở với các người, Ta sẽ trở lại. Ta sẽ trở lại trong sự hiện-diện của Đấng An-ủi. Ta sẽ đến với các người, kết-hiệp Ta với các người hoàn toàn đến nỗi các người sẽ là một phần của Ta và Ta, một phần của các người, vì các người sẽ ở trong Ta và Ta trong các người.

Điều dạy dỗ thứ nhất là ý-thức mục-dịch sự hiện hữu của cây nho : trái và kết-quả. Trong Ê-xê-chi-ên có một thí-dụ về cây nho, trong đó nhà tiên-tri nói với mấy người, có lẽ đang hãnh-diện được dự-phần trong đời sống dân-tộc, cho họ biết rằng một cây nho chẳng có giá trị gì nếu không ra trái. Tiên-tri cũng nói, gỗ chẳng ích lợi gì. Họ không thể dùng chất gỗ của cây nho để làm kẹp quần áo. Trong bài ca về vườn nho ở đoạn năm, Ê-sai dạy rằng, trái mà Đức Chúa Trời mong-đợi dân-tộc ấy đem lại cho thế-gian, chứ không phải cho chính mình, có hai mặt : Công-nghĩa và đoán-phạt. Khi Chúa Jê-sus khởi đầu chức-vụ, những lời đầu tiên Ngài nói với Giăng đã được ghi lại như sau : « Chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công-bình như vậy. » Cuối cùng, khi nói chuyện giữa đám người Hi-lạp đứng chung quanh Ngài, Ngài nói : « Hiện bây giờ có sự phán-xét thế-gian này. » Công-bình và phán xét. « Ta là cây nho, cây nho thật. » Qua Ta, sẽ có trái cho thế-gian đang mong-đợi và Đức Chúa Trời đang mong đợi, công-bình và phán-xét.

Các người là nhánh, ý-thức được mục-dịch làm chi-thê của Christ, chia sẻ bản-chất với Ngài, sự sống với Ngài, ấy là đem lại kết-quả. Đây là hình-ảnh của sự hiệp-nhất trọn- vẹn. Ta là cây nho, là tất cả, các người là nhánh, liên-kết với Ta. Bị cách biệt chúng ta trở nên vô-dụng, chỉ dùng để đốt, nhưng liên-kết với nhau, có thể đem lại đúng quả mà Đức Chúa Trời mong-đợi và thế gian khao-khát.

Ở đây chúng ta thấy Ngài đưa ra mấy điều-kiện. Đề ý hai chữ « ở » và « xin ». Có lẽ chúng ta cho đó là một sự gán-

ghép kỳ-lạ. Mỗi cành đều phải ở trên cây nho, nhưng còn xin thì sao? Không, hình-ảnh ở đây rất đẹp. Hãy nhìn kỹ một cây nho. Đứng gần một tí và lắng nghe. Bạn không thể nghe được gì, nhưng nếu nghe được, bạn sẽ thấy trong chuyển động của mỗi cành, một mạch sống trườn tới, vươn lên đến những chùm nho. Mỗi cành không những chỉ vươn lên, tách ra khỏi thân cây, nhưng nó cũng đang cầu-xin, mỗi cành phải nhờ vào nhựa sống, yếu-tố duy-trì sự sống để lớn lên và kết-quả. Vì thế Chúa Jê-sus nói: Nếu các người ở trong Ta, các người có thể đòi hỏi, cầu-xin điều gì các người muốn—một lời hứa kỳ-lạ nhất về vấn đề cầu-nguyện. Nhưng điều kiện ấy là chúng ta phải ở. Nếu chúng ta ở đó, sự sống Ngài ở trong chúng ta, và chúng ta sống để tiếp tục đòi hỏi, cầu-xin càng hơn và chuyển sức sống thành những trái mà Đức Chúa Trời đòi hỏi và thế-gian mong-đợi.

Chúng ta không cần phải nói nhiều về chữ «ở». Ở nghĩa là gì? Ở, không đòi-hỏi cố-gắng. Cố-gắng là để đạt đến một điểm, không phải để đứng một chỗ. Lấy một thí-dụ giản-dị, một hội chúng đang ở trong nhà thờ Saigon chẳng hạn. Họ không cần cố gắng để ở trong nhà thờ, nhưng sau đó, khi nhóm xong, họ phải cử động, tức là thực hiện một cố-gắng để ra khỏi nhà thờ. Ở không đòi hỏi cử-động hay cố-gắng. Ở là nghỉ-ngơi.

Ở không có nghĩa chúng ta phải luôn luôn ý-thức, suy-nghĩ về vị-trí của mình, nói trên phương-diện ý-thức ở cao độ. Một hội chúng trong nhà thờ Saigon không phải làm-nhầm: Tôi đang ở trong nhà thờ Saigon suốt buổi. Tuy nhiên họ biết họ đang ở đó. Cách đây khá lâu, một thiếu nữ, bấy giờ đã dâng đời sống cho Christ, đến nói với tôi: «Tôi sẽ bỏ. Tôi không thể làm tín-đồ Đấng Christ được.» Tôi hỏi: «Vì sao thế?» Cô ta đáp: «Trong tuần này tôi quyết định sẽ không quên Đấng Christ, nhưng sáng sớm thức dậy, suy-nghĩ về Ngài trong lúc tôi thay đồ, rồi ăn sáng và đi làm việc, làm việc xong, đến

buổi ăn trưa mà tôi cũng chưa nghĩ về Ngài.» Thật tội-nghiệp ! Tôi liền đưa ra một thí-dụ. Tôi hỏi : « Cô có biết bà Morgan (vợ của tác giả) không ? » Cô ấy đã gặp bà ấy rồi. Tôi tiếp : « Bà ấy là vợ tôi. Tôi bận lắm nhưng không phải lúc nào đi đâu tôi cũng làm-bầm : Tôi là chồng của Annie Morgan. Có những giờ phút tôi không nghĩ đến nàng nhưng cô có nghĩ là tôi quên sự-kiện ấy không ? » Cô ta đáp : « Dạ không, tôi không tin như thế. » Chúng ta ở bằng cách vâng-phục ánh sáng chúng ta đã nhận được và bước theo điều-răn Ngài, đó là ở.

Và cầu-xin, nhờ-cậy, và lời cầu-nguyện không chỉ giới-hạn trong lời nói. Đó là tiếng kêu và khát-vọng một đời sống kết-quả. Kết-hiệp với Jê-sus-Christ thật là một mối tương-giao kỳ-diệu.

Nếu chúng ta là cành của cây nho, có nghĩa là mọi quyền-năng cứu-rỗi mà thế-gian đang cần đều ở trong Ngài, và là kết quả sự giáng-thể của Ngài. Thế-giới ngày nay có trọn quyền sử-dụng kho-tàng ấy qua những kẻ được làm nhánh của cây nho.

xXx

63. NGƯỜI ĐÀN-BÀ LÚC SANH ĐẸ

Giăng 16 : 21, 22

ĐẤY là bài học cuối-cùng của chúng ta. Chúng ta đã đề-cập đến ba mươi bốn thí-dụ của Chúa Jê-sus và bảy mươi ba hình-ảnh thí-dụ — tất cả là một trăm lẻ bảy. Tương đối Chúa Jê-sus nói rất ít, thế nhưng trong lúc dạy-dỗ, Ngài đã dùng tất cả một trăm lẻ bảy thí-dụ.

Trong câu chuyện cuối-cùng với môn-đồ, Ngài đã dùng bốn hình-ảnh thí-dụ : trước hết, hành-động tượng-trưng kèm theo lời giải-thích về sự rửa chơn cho môn-đồ, tiếp-theo, thí-dụ kỳ-lạ về nhà Cha và nhiều chỗ ở, rồi đến tỉ-dụ về cây nho ; và bây giờ, một người đàn-bà lúc sanh đẻ. Lúc này Ngài nói với môn-đồ trong hoàn cảnh họ đang đối diện và biết trước những gì sẽ xảy ra do các biến-cố hiện-tại. Để trả lời thắc-mắc của môn-đồ, Ngài dùng thí-dụ đặc-biệt cuối cùng này.

Trước hết chúng ta tìm-hiểu Ngài muốn nói gì. Chúng ta cần nhớ bối cảnh trường-hợp ở đây. Ngài sẽ ra đi, vì có đó môn-đồ vô-cùng sầu-não, và cũng vì có họ biết Ngài sẽ ra đi, theo như Ngài đã báo trước, bằng con đường đau-đớn và sự chết. Nhưng mối lo-âu chính của họ không phải là cách Ngài ra đi, dù họ đã biết là đen tối, nhưng là chính sự-khien Ngài sẽ ra đi, sẽ bỏ họ lại. Ngài đã ở với họ suốt ba năm rưỡi, thân-mật đến thế, mà bây giờ phải từ giã họ. Ngay trước khi dùng hình-ảnh trong câu chuyện này, Ngài đã nhắc đến cây nho và câu mười sáu của đoạn này kết-thúc phần tỉ-dụ ở trên : « Còn ít lâu các ngươi sẽ chẳng thấy Ta, rồi ít lâu nữa các ngươi lại thấy Ta. » Câu đó không nói gì về sự trở lại của Ngài. Ngài không ám-chỉ lần đến thứ hai của Ngài. Ngài chỉ muốn nói về sự xuất-hiện của

Thánh-Linh, nhờ Đấng đó, họ sẽ thấy Ngài như chưa từng bao giờ được thấy, và sẽ nhớ lại mọi lời Ngài đã phán dặn họ. Trong câu chuyện ấy, Ngài tuyên-bố sẽ không đề cho họ mô-côi, cô-đơn, nhưng sẽ đến với họ khi Đấng An-ủi đến, Đấng có nhiệm-vụ giải-bày những lẽ thật về Christ cho họ, và giải-thích tất cả những gì Ngài đã nói với họ, khiến cho Christ nhập vào ý-thức của họ, một kinh-nghiệm mà trước đó họ chưa có.

Nếu ai muốn tìm một kinh-nghiệm về Thánh-Linh, tức là họ đang tìm một điều mà Kinh-Thánh chưa bao giờ hứa. Thánh-Linh không đến để khiến chúng ta biết Ngài có ở đó. Ngài chỉ đến để giúp chúng ta biết Christ đang ở với chúng ta. Nhiệm-vụ của Thánh-Linh là bày-tỏ Christ. Chúa Jêsus đã dạy điều đó với môn-đồ rồi, và Ngài có nói : « Rồi ít lâu nữa, các ngươi lại thấy Ta ! Thật thú-vị nếu chúng ta được về bối-rối trên gương mặt các môn-đồ. Chúng ta hãy đọc thử đặt mình vào hoàn-cảnh của họ. Họ bảo : « Còn ít lâu nữa, nghĩa là thế nào ? » Giảng đã ghi lại đầy-đủ chi-tiết. « Còn ít lâu nữa các ngươi sẽ chẳng thấy Ta, rồi ít lâu nữa các ngươi lại thấy Ta, vì Ta đi về cùng Cha. Ít lâu có nghĩa gì ? Chúng ta không hiểu được.

Chúa Jêsus hiểu nỗi bối-rối của họ, hỏi : « Ta vừa nói : Còn ít lâu các ngươi sẽ chẳng thấy Ta, rồi ít lâu nữa các ngươi lại thấy Ta, có phải các ngươi đang hỏi nhau về nghĩa câu đó chẳng ? » Sau đó, hình như không giải-thích, nhưng thật Ngài đã cắt nghĩa cho họ. « Còn ít lâu ? » « Quả thật, quả thật, Ta nói cùng các ngươi, các ngươi sẽ khóc-lóc, than-vãn, còn người đời sẽ mừng-rỡ, các ngươi sẽ ở trong sự lo-buồn, nhưng sự lo-buồn các ngươi sẽ đổi làm vui-vẻ. Người đàn-bà, lúc sanh đẻ, thì đau-đớn, vì giờ mình đến rồi, song khi đưa con đã lọt lòng, người không còn nhớ sự khốn-khở nữa, mừng rằng mình đã sanh ra một người trong thế-gian. Khác nào như các ngươi hiện ở trong cơn đau-đớn, nhưng

Ta sẽ lại thấy các người, thì lòng các người vui mừng, và chẳng ai cướp lấy sự vui-mừng các người được.»

Lời đó cho chúng ta thấy ngay việc Ngài làm khi dùng hình-ảnh đặc-biệt kỳ-lạ này trong khi dạy-dỗ họ. Ngài nhận biết nỗi lo buồn của họ. Hơn nữa, Ngài nói, nỗi buồn đó không thể tránh được, vì Ngài là Con Người của đau-buồn, và chính Ngài không tránh được sa-lụy vì Ngài. Nhưng qua thí dụ trên, Ngài muốn giải-thích ý-nghĩa sự buồn-bã đó và kết-quả của nó. Lúc đó, họ đang buồn-bã và sau này nỗi lo-buồn của họ sẽ tăng lên, sâu-xa hơn mãi. Chẳng bao lâu, khi Ngài biến mất và nhất là sau khi Ngài đã trở lại với họ, khiến họ thấy Ngài thực-hữu hơn bao giờ hết, họ sẽ phải đi ra và đi bằng con đường sâu-khổ. Và Ngài dùng hình-ảnh trên để nói với họ, nói với Hội-thánh Ngài, nói với chúng ta về bản-chất nỗi sâu-khổ đó.

Đây là bức-tranh về thân-phận của người mẹ, nhiệm-vụ căn-bản của họ. Ngài dùng hình-ảnh sanh-đẻ của một người đàn-bà lúc chìm-đắm trong biển đau-đớn và đối-diện với sự chết. Không tìm đâu được một hình-ảnh khốn-khổ nào sâu-xa hơn nữa. Đừng nên quên rằng cuối-cùng, trái tim của người đàn-bà vẫn là bãi chiến-trường của mọi cuộc đánh nhau và những đau thương của thế-giới đều biệt riêng ra thánh trên thân-phận người đàn-bà.

Đối với tôi, chúng ta phải kính-cầu khi suy-nghi về hình-ảnh đặc-biệt được Ngài dùng vào giờ phút cuối-cùng này. Tôi chưa bao-giờ có thể đọc mà không có cảm-tưởng là Ngài đang nghĩ đến Mẹ Đồng-trinh của Ngài. Ngài biết, chính sự có mặt của Ngài trên đất này, theo chương-trình kỳ-diệu của ý-muốn Đức Chúa Trời, là nhờ nỗi đau-đớn của một người đàn-bà phải chịu đựng khi sanh đẻ. Tôi tưởng Ngài cũng biết rõ rằng nếu Ma-ri, Mẹ Ngài, đã thoát khỏi cơn đau-đớn và cái chết, thì nàng cũng đã vui-mừng sung-sướng khi Con

Trẻ được sanh ra trên thế-gian này. Như thế, đây là hình-ảnh nói lên nỗi khốn-khổ đau-đớn đưa đến sự giải-thoát, sự vui-mừng và sự sống. Chúng ta chớ quên hoàn-cảnh của các môn-đồ lúc ấy, những gì đang chờ đợi họ và trình-độ hiểu biết của họ.

Hình-ảnh gọi lên những chi-tiết thật sống-động. Người ta không thể đọc mà không nghĩ đến về huyền-bí đáng-sợ của tội-ác ngay từ thuở Sáng-thể trong kinh-nghiệm con người. Chúng ta còn nhớ lời Đức Giê-hô-va phán với người nữ lúc ấy. Ngài phán : « Ta sẽ thêm điều cực-khổ bội-phần trong cơn thai-nghén, người sẽ chịu đau-đớn mỗi khi sanh con. » Đó là tia-sáng đầu-tiên của Phúc-âm đã soi ra khi tội-lỗi xâm-nhập, khi Đức Chúa Trời thăm bảo cho người đàn-bà biết con đường chuộc tội và cứu-rỗi qua đau-đớn, qua sầu-não, nhưng đau-đớn và sầu-não ấy sẽ đem lại con-cháu, một sự sống mới.

Điểm đặc-biệt là hình-ảnh này được dùng nhiều lần trong Cựu-ước. Lời tiên-trí Ê-sai đã nhắc đến bảy lần (37 : 3, 49 : 15, 20 - 21, 54 : 1 và 66 : 7 - 13). Mỗi trường-hợp là một bức tranh về sự giải-thoát và sự sống phát-xuất từ sự đau-đớn. Trong Ô-sê (13 : 13) chúng ta thấy hình-ảnh này được dùng mô-tả một kinh-nghiệm Êp-ra-im phải trải qua, để được chuộc lỗi và cứu-rỗi. Mi-chê cũng dùng hình-ảnh đó (4 : 9-10) mô-tả một kinh-nghiệm Si-ôn phải nhận để được giải-thoát sau khi chịu đau-khổ.

Sang Tân-Uớc, chúng ta thấy Chúa cũng đã dùng hình-ảnh này một lần qua một danh-từ. Trong Mác 13 : 8, khi báo trước về những biến-động của đất, Ngài nói : « Đó chỉ là đầu sự khốn-khổ mà thôi, » ý-nghĩa đúng là sự đau-đẽ. Phao-lô, khi viết cho người La-mã (8 : 22) cũng nói : « Chúng ta biết rằng muôn vật đều than-thở và chịu khó-nhọc cho đến ngày nay, » « đang khi trông-đợi được làm con của Đức Chúa Trời. » « Khốn-khổ đưa đến sự sống mới, và vì thế, hình-ảnh đó, dù

không được dùng thường-xuyên, vẫn tìm thấy trong Cựu-Uớc và Tân-Uớc.

Trong Khải-huyền đoạn mười hai, có một hình-ảnh tượng-trưng về một người đàn-bà phải chịu đau-đớn, khổ-nhọc khi sanh một đứa con trai.

Tất cả những điều đó có nghĩa gì ? Chúa chúng ta muốn cho các môn-đồ và Hội-thánh Ngài biết sự đau-đớn là một điều không thể tránh được trong công-việc của Ngài. Tôi không muốn nói đến những đau-đớn riêng-tư của mỗi người, nhưng là đau-đớn của Christ, mà Hội-thánh phải chịu. Hãy nghe Phao-lô nói : « Ngài như Đấng Christ, ban ơn cho anh em, không những tin Đấng Christ mà thôi, lại phải chịu khổ vì Ngài nữa. » Cũng cùng trong thư Phi-líp, một lần khác, để diễn-tả khát-vọng sâu-xa của lòng mình, Phao-lô nói : « Cho đến nỗi tôi được biết Ngài, và quyền-phép sự sống lại của Ngài, và sự thông-công thương khó của Ngài. » Sự buồn-rầu không thể tránh được vì có Đấng Christ, và chỉ bởi con đường sầu-khổ Ngài mới bước tới con đường vui-vẻ. « Đấng vì sự vui-mừng đã đặt trước mặt mình, chịu lấy Thập-tự-giá, khinh đều sỉ-nhục, và hiện nay ngồi bên hữu ngài Đức Chúa Trời. » Nếu không bởi con đường đau-khổ chắc hẳn Ngài không bao giờ hưởng được sự vui-mừng ấy.

Đối với Hội-thánh cũng thế. Chỉ bởi khốn-khổ tức là những khốn-khổ do sự tương-giao với Ngài, Hội-thánh mới có thể thực-hiện công-việc của Ngài. Hội-thánh phải gắn liền với khổ-nhọc, với đau-đớn của kẻ sanh-dé, mà nhờ đó con người được sanh ra và đem mầm sống mới cho trần-gian.

Đối với tôi, một trong những trang sách quyển-rũ hơn hết của Công-vụ Các Sứ-đồ là đoạn mười ba và mười bốn. Phao-lô khởi-đầu một cuộc hành-trình truyền-giáo và chúng ta được biết cách người đi đến An-ti-ốt tại xứ Pi-si-dia. Một công-tác phi-thường được thực-

hiện tại đó và bắt-đầu có cơn bắt-bớ. Người phải chạy trốn tới thành Y-cô-ni. Công-việc cũng tiến-triển kỳ-lạ cho đến khi kẻ thù đột-nhập và người phải rời đó đi Lít-tơ. Tại đây, người cũng bị kẻ thù theo đuổi. Thời-gian ở Lít-tơ thật ly-kỳ. Có lẽ người đã gặp Ti-mô-thê tại đó. Kẻ thù cũng có mặt ở đó và gần tóm được người. Họ đuổi người ra ngoài, ném đá cho chết rồi bỏ đi. Tôi có thể tưởng-tượng người nằm đó, thân-thể đầy thương-tích, đẫm máu và sắp chết. Nhưng rồi một việc đã xảy ra. Việc gì ? Hãy đọc tiếp. Người chưa chết ! Ngay sau đó, người đứng dậy, với tấm thân tiều-tụy ấy. Người làm gì ? Người có bỏ đi nơi khác và trốn đi thật xa không ? Không, người quay lại và trở về Lít-tơ nơi người đã bị ném đá, rồi lần-lượt đến Y-cô-ni, và An-ti-ốt tại Pi-si-dia, nơi người phải chạy trốn trước đây. Người trở về để làm gì ? Trở về làm vững mạnh các Hội-thánh, để chứng tỏ rằng những đau đớn người chịu đựng là vì lợi ích, chứ không làm hại, cho nước Đức Chúa Trời. Người trở về tỏ cho mọi người thấy, như Lu-ca đã nói : « Phải trải qua nhiều nỗi khó-khăn mới vào được Nước Đức Chúa Trời, » và những gian-nan là phương tiện đem lại sự sống. Phao-lô đã chia xẻ niềm khốn-khở lúc sanh-đẻ để đem lại sự sống mới. Đó chỉ là một thí-dụ, nhưng cả hai đoạn trên để lại cho chúng ta một câu chuyện hấp-dẫn, xúc động tâm-hồn chúng ta vì là một bức tranh sống động của những điều Chúa Jê-sus đang dạy môn-đồ Ngài ở đây.

Vâng, chúng ta sẽ lo-buồn nhưng « sự lo-buồn các ngươi sẽ đổi làm vui-vẻ. Ngài không hứa sẽ bồi thường đau đớn cho họ, nhưng là họ sẽ phải chịu đựng đau đớn. Những đau đớn ấy sẽ đem lại vui-thoả cho các ngươi ngay và các ngươi sẽ quên sầu-khở. Không, Ngài không nói thế, Ngài nói những lo-buồn sẽ được biến-đổi, trở thành vui-mừng. Người đàn-bà lúc sanh

để phải chịu cay-đắng, nhọc-nhần, đau-đớn, nhưng sau đó nàng quên nhọc-nhần đau-đớn ngay vì có hài-nhi nàng ấm trên tay, một sanh-mạng chiếm-hữu qua sự chết. Và Chúa Jê-sus nói, đối với các người và Hội-thánh của Ta cũng như vậy.

Chúng ta thật hiểu ý-nghĩa của đau-khổ theo cách ấy được đến mức độ nào ? Trở lại một vấn-đề thường được nêu ra. Chúng ta thường nói đến việc vác thập-tự một cách vô-nghĩa không chịu được. Có người bị đau và bảo đó là một sự ngã lòng cay-đắng lớn-lao. Tôi không có ý coi-rẻ đau-khổ hoặc hạ giá sự thất-vọng. Hoặc có người bị mất tất cả và bảo : Chúng ta là tín-đồ, chúng ta phải vác thập-tự. Chúng ta chưa đựng đến thập-tự-giá khi sự đau-khổ của ta hoàn-toàn có tính-cách cá-nhân. Chúng ta chỉ đựng đến thập-tự khi, trong mối tương-quan với Christ, chúng ta đau-khổ vì có người khác, và đau-khổ để kẻ khác nhờ sự đau-đớn chúng ta chịu đựng, được đem vào sự sống.

Kỳ diệu thay những câu chuyện giản-dị nhưng vô-cùng cao-cả về đời sống và lời dạy của Chúa Jê-sus, mà bài học cao siêu hơn hết dạy chúng ta biết tất cả nỗi khổ-đau trong mối tương-giao với Ngài, đều mang bản-chất đau-đớn của sự sanh-để và phải đem lại nguồn sống mới tươi vui.

HẾT